Bộ Kinh Trung [Trung Kinh Bộ] - Quyển 3. Năm Mươi Kinh Cuối [Uparipaṇṇāsapāḷi] (Bhikkhu Bodhi; Lê Kim Kha dịch

Nikaya — bài lẻ & đối chiếu

QUYỂN 3. Năm Mươi Kinh Cuối (Uparipaṇṇāsapāḷi)

ii • Bộ Kinh Trung QUYỂN 3

Về Bản Dịch MN - Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pāli-Anh của nhà sư Tỳ Kheo Bồ- Đề (Bhikkhu Bodhi, đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên bác, nhà từ thiện). Có những chỗ tham chiếu các bản dịch của nhà sư Ajahn Sujato và của PTS. - Để quý vị hình dung nhanh: Bộ Kinh MN này có 03 QUYỂN (PHẦN) được gọi là QUYỂN 1 [Năm Mươi Kinh Đầu], QUYỂN 2 [Năm Mươi Kinh Giữa], và QUYỂN 3 [Năm Mươi Kinh Cuối]. Mỗi Quyển có 05 Chương, mỗi chương có 10 bài kinh (riêng Chương 5 của QUYỂN 3 có 12 bài kinh). Do vậy toàn Bộ Kinh MN có 152 bài kinh, với QUYỂN 3 có 52 bài kinh.

- Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa theo tiếng Việt của câu hay chữ chỗ đó.

- Các giải thích, diễn dịch trong ngoặc vuông [...] có trong kinh và trong cả phần chú-thích cuối sách là của thầy Tỳ Kheo Bồ-Đề (có chỗ ghi luôn [TKBĐ]). - Các chú-giải của các luận giảng kinh điển (như MA, MṬ ...) thì đã được ghi rõ ngay đầu câu. - Một số chữ Hán-Việt đã được quen dùng bởi các Phật tử Việt Nam thì được người dịch mở ngoặc ghi thêm, ví dụ: sự tạo-tác cố ý (hành), những hiện-tượng (các pháp), nhận-thức (tưởng), sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ) ...

+ Lời nhắn gửi của người dịch: người tu học nên lần lượt đọc hết những lời dạy của Phật!, vì làm vậy cũng không mấy khó khăn. Ví dụ trong bộ kinh MN này, mỗi ngày dành ít thời gian đọc một hay vài bài kinh, thì trong số ít ngày quý vị sẽ đọc hết hết một QUYỂN, rồi sẽ hết Bộ Kinh. Bản dịch bằng tiếng Việt phổ thông nên ai cũng có thể đọc hiểu được (và lời nói của Phật là rõ ràng từng câu chữ). Đọc qua các kinh quý vị sẽ có được cách- nhìn rộng mở hơn mà sâu sắc và đúng đắn hơn về đạo Phật, hiểu đúng giáo lý đích thực và lý tưởng của Phật để tu hành. Và chắc chắn tâm sẽ dần đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng buông bỏ giải thoát của đạo Phật. + Bộ Kinh MN có cấu trúc đơn giản, bắt đầu từ kinh 1 cho tới kinh 152

iv • Bộ Kinh Trung QUYỂN 3

chứ không gồm quá nhiều Phần, Chương, Nhóm, Tiểu Nhóm như trong các bộ kinh SN hay AN. Nhìn vào Mục Lục sẽ thấy. Nếu không phải ưu tiên quan tâm hay cần tra cứu theo những chủ-đề nào đó, quý vị thong thả hãy đọc từ kinh kinh đầu cho đến kinh cuối (như đã từng đọc một tiểu thuyết hay sách giáo khoa vậy). + Nên đọc một bài kinh từ đầu đến cuối để nắm được nghĩa chính của kinh, ngay cả khi có chữ nào khó hiểu. (Hầu hết lời các kinh là đơn giản, tự rõ nghĩa nên không cần đọc những chú-thích). ĐỪNG LO ĐỌC NHỮNG CHÚ-THÍCH. Vì nếu cứ dừng lại để tra chú-thích những chữ đó

thì người đọc có thể bị lạc khỏi chủ-đề của bài kinh, do tâm trí chúng ta hay chuyền nhảy qua các chủ đề và liên tưởng khác khi đọc các chú-giải này nọ. Nếu có câu nào, chữ nào, hay thuật ngữ nào khó hiểu thì sau khi đọc mới nên tra các chú-thích để hiểu. Còn nếu đã hiểu dễ dàng thì đơn giản đừng đọc những chú-giải, vì đa phần những chú-giải chỉ là những diễn dịch và giải thích của các giảng luận sau kinh. Cuối cùng, là phước lành lớn lao nhất trong muôn vàn kiếp, người dịch đã gặp gỡ và hưởng dụng đại công trình dịch thuật tận tâm, tỉ mỉ và kỹ càng nhất từ xưa đến nay của Ngài Tỳ Kheo Bồ-Đề từ Tạng Kinh Pāli, dựa vào đó dịch các bộ kinh ra tiếng Việt phổ thông. Mãi mãi biết ơn công đức như thái dương của thầy.

Nhà Bè, mùa đại thảm dịch Covid-19 (PL 2565) (dịch xong và in giữa năm 2021)

MỤC LỤC

Chương 1. Chương “Ở Devadaha” ..... 1 101. KINH Ở DEVADAHA 3

102. KINH NĂM VÀ BA ..... 19 103. KINH NGHĨ GÌ VỀ TA 31

104. KINH LÀNG SĀMA ..... 39 105. KINH SUNAKKHATTA 49

106. KINH ĐƯỜNG DẪN TỚI SỰ BẤT ĐỘNG ..... 59 107. KINH GAṆAKA MOGGALLĀNA 65

108. KINH GOPAKA MOGGALLĀNA ..... 73 109. ĐẠI KINH ĐÊM TRĂNG RẰM 81

110. TIỂU KINH ĐÊM TRĂNG RẰM 87

Chương 2. Chương “Từng Cái Một” ..... 93 111. KINH XẢY RA TỪNG CÁI MỘT ..... 95 112. KINH SỰ THANH LỌC SÁU PHẦN 101

113. KINH NGƯỜI TỐT ..... 109 114. KINH TU DƯỠNG VÀ KHÔNG TU DƯỠNG 115

115. KINH NHIỀU LOẠI YẾU TỐ ..... 129 116. KINH Ở ISIGILI 137

117. ĐẠI KINH BỐN MƯƠI ..... 141 118. KINH CHÁNH NIỆM HƠI THỞ ..... 151 119. KINH CHÁNH NIỆM VỀ THÂN 163

120. KINH TÁI SINH THEO Ý NGUYỆN 175

vi • Bộ Kinh Trung QUYỂN 3

Chương 3. Chương “Tánh Không” ..... 181 121. TIỂU KINH VỀ TÁNH KHÔNG (X) 183

122. ĐẠI KINH VỀ TÁNH KHÔNG ..... 191 123. KINH KỲ DIỆU VÀ TUYỆT VỜI 201

124. KINH BAKKULA ..... 207 125. KINH NHỮNG CẤP ĐỘ THUẦN PHỤC 211

126. KINH BHŪMIJA ..... 223 127. KINH A-NẬU-LÂU-ĐÀ 229

128. KINH NHỮNG SỰ KHÔNG HOÀN HẢO (x) ..... 237 129. KINH NGƯỜI NGU VÀ NGƯỜI TRÍ 249

130. KINH NHỮNG VỊ THIÊN SỨ..... 265

Chương 4. Chương “Sự Phân Giải” ..... 277 131. KINH MỘT ĐÊM XUẤT SẮC ..... 279 132. KINH ĀNANDA VÀ MỘT ĐÊM XUẤT SẮC 283

133. KINH CA-CHIÊN-DIÊN VÀ MỘT ĐÊM XUẤT SẮC ..... 285 134. KINH LOMASAKANGIYA VÀ MỘT ĐÊM XUẤT SẮC 293

135. TIỂU KINH PHÂN GIẢI VỀ NGHIỆP ..... 297 136. ĐẠI KINH PHÂN GIẢI VỀ NGHIỆP 305

137. KINH PHÂN GIẢI VỀ SÁU CƠ SỞ ..... 315 138. KINH PHÂN GIẢI VỀ MỘT SỰ TÓM LƯỢC ..... 325 139. KINH PHÂN GIẢI VỀ SỰ KHÔNG XUNG KHẮC 333

140. KINH PHÂN GIẢI VỀ NHỮNG YẾU TỐ ..... 343 141. KINH PHÂN GIẢI VỀ NHỮNG SỰ THẬT ..... 355 142. KINH PHÂN GIẢI VỀ SỰ CÚNG DƯỜNG 363

Bộ Kinh Trung QUYỂN 3 • vii

Chương 5. Chương “Sáu Cơ-Sở” ..... 369 143. KINH LỜI KHUYÊN DẠY CẤP CÔ ĐỘC 371

144. KINH LỜI KHUYÊN DẠY CHANNA ..... 377 145. KINH LỜI KHUYÊN DẠY PHÚ-LÂU-NA..... 381

146. KINH LỜI KHUYÊN DẠY TỪ NANDAKA ..... 385 147. TIỂU KINH LỜI KHUYÊN DẠY RĀHULA 393

148. KINH SÁU BỘ SÁU ..... 397 149. ĐẠI KINH SÁU CƠ-SỞ..... 407

150. KINH NÓI CHO DÂN LÀNG NAGARAVINDA ..... 411 151. KINH THANH LỌC THỨC ĂN KHẤT THỰC 415

152. KINH TU TẬP CÁC CĂN 421

BẢNG VIẾT TẮT ..... 428 PHẦN CHÚ THÍCH ..... 430 TÓM TẮT CÁC KINH 523

Chương 1. Chương “Ở Devadaha” (Devadaha-vagga)

101. KINH Ở DEVADAHA (Devadaha Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-ca (Sakyan) ở nơi có một thị trấn của những người Thích-ca tên là thị trấn Devadaha. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. (I) “Này các Tỳ kheo, có những bà-la-môn nắm giữ một giáo thuyết và quan-điểm (cách-nhìn, kiến) như vầy: ‘Dù người này cảm nhận gì, sướng hay khổ hay trung tính [không khổ không sướng], tất cả đều gây ra bởi điều đã làm trong quá khứ.922 Như vậy bằng cách tiêu diệt những nghiệp quá khứ923 bằng sự khổ hạnh và bằng cách không làm những nghiệp mới, thì sẽ không còn hệ quả (nghiệp quả) trong tương lai. Khi không còn hệ quả trong tương lai là có sự diệt nghiệp. Khi có sự diệt nghiệp là có sự diệt khổ. Khi có sự diệt khổ là có sự diệt thọ [cảm-giác]. Khi có sự diệt thọ là tất cả mọi sự khổ đều đã triệt tiêu.’ Những Ni-kiền-tử (Nigaṇṭha) đã nói như vậy, này các Tỳ kheo.

3. “Ta đến chỗ những Ni-kiền-tử đã nói điều này và nói với họ: ‘Này các bạn Ni-kiền-tử, có đúng là các bạn nắm giữ một giáo thuyết và quan- điểm như vầy: “Dù người này cảm nhận gì … Khi có sự diệt thọ là tất cả mọi sự khổ đều đã triệt tiêu”, hay không? Nếu khi được hỏi như vậy những Ni-kiền-tử thừa nhận có như vậy, thì ta sẽ nói với họ:

4. “‘Nhưng, này các bạn, các bạn có biết được mình đã hiện hữu trong quá khứ hay không hiện hữu trong quá khứ, hay không?’—‘Không biết, này bạn (Cồ-đàm)’—‘Nhưng, này các bạn, các bạn có biết được mình có làm những nghiệp ác trong quá khứ và đã không kiêng cữ chúng, hay không?’—‘Không, này bạn’—‘Nhưng, này các bạn, các bạn có biết được mình đã làm những nghiệp ác như vậy và như vậy trong quá khứ, hay không?’—‘Không biết, này bạn’—‘Nhưng, này các bạn, các bạn có biết

được rằng ‘rất nhiều sự khổ đã được triệt tiêu’, hay ‘rất nhiều sự khổ vẫn còn phải triệt tiêu’, hoặc ‘khi nào rất nhiều sự khổ đã được triệt tiêu thì tất cả mọi sự khổ sẽ được triệt tiêu’, hay không?’—‘Không biết, này bạn’— ‘Nhưng, này các bạn, các bạn có biết ‘cái gì là sự dẹp-bỏ những trạng thái bất thiện’ và ‘cái gì là sự tu-dưỡng những trạng thái thiện lành ngay trong kiếp này’, hay không?’—‘Không biết, này bạn (Cồ-đàm)’.

5. “‘Như vậy, này các bạn, dường như các bạn không biết được ‘mình đã hiện hữu trong quá khứ’ hay ‘mình không hiện hữu trong quá khứ’; cũng không biết rằng ‘mình có làm những nghiệp ác trong quá khứ và đã không kiêng cữ chúng’; cũng không biết

được rằng ‘rất nhiều sự khổ đã được triệt tiêu’, hay ‘rất nhiều sự khổ vẫn còn phải triệt tiêu’, hay ‘khi nào rất nhiều sự khổ đã được triệt tiêu thì tất cả mọi sự khổ sẽ được triệt tiêu’; cũng không biết ‘cái gì là sự dẹp-bỏ những trạng thái bất thiện’ và ‘cái gì là sự tu-dưỡng những trạng thái thiện lành ngay trong kiếp này’. Nếu đã là vậy, sẽ không phù hợp để các vị Ni-kiền-tử tuyên bố (quan điểm) rằng: “Dù người này cảm nhận gì … Khi có sự diệt thọ là tất cả mọi sự khổ đều đã triệt tiêu.”

6. “‘Này các bạn Ni-kiền-tử, nếu các bạn biết được ‘mình đã hiện hữu trong quá khứ’, chứ không có phải không hiện hữu trong quá khứ; hoặc biết được ‘mình đã làm những nghiệp ác trong quá khứ và đã không kiêng cữ chúng’; hoặc biết được ‘rất nhiều sự khổ đã được triệt tiêu’, hay ‘rất nhiều sự khổ vẫn còn phải triệt tiêu’, hay ‘khi nào rất nhiều sự khổ đã được triệt tiêu thì tất cả mọi sự khổ sẽ được triệt tiêu’; hoặc biết ‘cái gì là sự dẹp-bỏ những trạng thái bất thiện’ và ‘cái gì là sự tu-dưỡng những trạng thái thiện lành ngay trong kiếp này’. Nếu đã là vậy, sẽ phù hợp để các vị Ni-kiền-tử tuyên bố (quan điểm) rằng: “Dù người này cảm nhận gì, sướng hay khổ hay trung tính, tất cả đều gây ra bởi điều đã làm trong quá khứ. Như vậy bằng cách tiêu diệt những nghiệp quá khứ bằng sự khổ hạnh và bằng cách không làm những nghiệp mới, thì sẽ không còn hệ quả (nghiệp quả) trong tương lai … Khi có sự diệt thọ là tất cả mọi sự khổ đều đã triệt tiêu.”

7. “‘Này các bạn Ni-kiền-tử, ví dụ có một người bị thương bởi một mũi tên tẩm đầy thuốc độc, và bởi do điều đó người đó cảm nhận những cảm- giác đau khổ, đau đớn, thấu tận. Rồi những bạn bè và đồng sự, những người thân và họ hàng của người đó đưa đến một bác sĩ. Bác sĩ dùng dao cắt xung quanh miệng vết thương, dùng que dò để thăm dò, nhổ mũi tên ra, và dùng bột thuốc để băng bó miệng vết thương, và mỗi từng động tác của bác sĩ người đó đều cảm nhận những cảm-giác đau khổ, đau đớn, thấu tận. Rồi một sau đó, sau khi vết thương đã được lành và da đã liền lại, người đó thấy khỏe mạnh và hạnh phúc, không còn phụ thuộc, làm chủ bản thân, có khả năng đi đâu tùy thích. Người đó nghĩ: “Trước đây tôi bị đâm thấu bằng một mũi tên tẩm đầy thuốc độc, và bởi do điều đó tôi cảm nhận những cảm-giác đau khổ, đau đớn, thấu tận. Rồi những bạn bè và đồng sự, những người thân và họ hàng của tôi đã đưa đến một bác sĩ. Bác sĩ đã dùng dao cắt xung quanh miệng vết thương, dùng que dò để thăm dò, nhổ mũi tên ra, và dùng bột thuốc để băng bó miệng vết thương, và mỗi từng động tác của bác sĩ tôi đều cảm nhận những cảm-giác đau khổ, đau đớn, thấu tận. Rồi một thời sau đó, sau khi vết thương đã được lành và da đã liền lại, tôi thấy khỏe mạnh và hạnh phúc, không còn phụ thuộc, làm chủ bản thân, có khả năng đi đâu tùy thích.” (tự mình đã nếm trải và đã biết điều đã xảy ra)

8. “‘Cũng giống như vậy, này những Ni-kiền-tử, nếu các bạn biết được ‘mình đã hiện hữu trong quá khứ’, chứ không phải không hiện hữu … hoặc biết được ‘cái gì là sự dẹp-bỏ những trạng thái bất thiện’ và ‘cái gì là sự tu-dưỡng những trạng thái thiện lành ngay trong kiếp này’, thì như vậy mới phù hợp khi các vị Ni-kiền-tử tuyên bố (quan điểm) rằng: “Dù người này cảm nhận gì, sướng hay khổ hay trung tính … Khi có sự diệt thọ là tất cả mọi sự khổ đều đã triệt tiêu.”

9. "'Nhưng, này các bạn Ni-kiền-tử, bởi vì các bạn không biết được 'mình đã hiện hữu trong quá khứ' hay không … cũng không biết 'cái gì là sự dẹp-bỏ những trạng thái bất thiện' và 'cái gì là sự tu-dưỡng những trạng thái thiện lành ngay trong kiếp này', thì như vậy sẽ không phù hợp

khi các vị Ni-kiền-tử tuyên bố (quan điểm) rằng: "Dù người này cảm nhận gì, sướng hay khổ hay trung tính … Khi có sự diệt thọ là tất cả mọi sự khổ đều đã triệt tiêu." (không tự mình đã nếm trải và không biết điều đã xảy ra)

10. "Sau khi điều này được nói ra, những Ni-kiền-tử đã nói với ta: 'Này bạn (Cồ-đàm), ngài Ni-kiền-tử Nātaputta là toàn trí và nhìn thấy tất-cả và đã tuyên bố có được sự-biết và sự-thấy (trí-biết và tầm-nhìn) như vầy: 'Cho dù khi ta đang đi hay đang đứng hay đang ngủ hay đang thức, sự- biết và sự-thấy vẫn liên tục và không gián đoạn có mặt đối với ta.' Ngài ấy đã nói như vầy: 'Này những Ni-kiền-tử, các người đã làm những nghiệp ác trong quá khứ; hãy triệt chúng bằng cách thực hiện những sự hành xác đau đớn. Và nếu các người ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ] giới hạnh về thân, lời-nói, và tâm thì đó là sự không làm những nghiệp ác cho (nghiệp quả) sau này. Như vậy bằng cách tiêu diệt những nghiệp quá khứ bằng sự khổ hạnh và bằng cách không làm những nghiệp mới, thì sẽ không còn hệ quả (nghiệp quả) trong tương lai … Khi có sự diệt thọ là tất cả mọi sự khổ đều đã triệt tiêu.' (nội dung mục này giống mục 17 kinh MN 13)

11. "Sau khi điều này được nói ra, ta đã nói với những Ni-kiền-tử:924 'Này các bạn Ni-kiền-tử, có năm điều có thể thành hai cách khác nhau tại đây và bây giờ. Năm đó là gì? Niềm-tin, sự chấp-thuận, truyền-thống truyền miệng, sự nhận biết có lý-giải, và sự chấp nhận một quan-điểm là kết quả sau khi đã suy-xét kỹ nó. Năm điều này có thể thành hai cách khác nhau tại đây và bây giờ. Trong số này, (i) loại niềm-tin nào các vị Ni-kiền- tử tin vào một người thầy nói về quá khứ? (ii) Loại sự chấp-thuận nào, (iii) loại truyền-thống truyền miệng nào, (iv) loại sự nhận biết có lý-giải nào, và (v) loại sự chấp-nhận nào về một quan-điểm là kết quả sau khi đã suy-xét kỹ nó?' Sau khi ta nói như vậy, này các Tỳ kheo, ta không thấy những Ni-kiền-tử có sự bào chữa chính đáng nào cho lập trường của họ.

12. "Lại nữa, này các Tỳ kheo, ta nói với những Ni-kiền-tử: 'Này các

bạn Ni-kiền-tử, các bạn nghĩ sao? Khi có sự cố-gắng quá căng, sự chuyên- cần tu (tinh cần) quá căng, các bạn có cảm nhận những cảm-giác đau khổ, đau đớn, thấu tận phải không? Nhưng khi không có sự cố-gắng quá căng, sự chuyên-cần tu quá căng, các bạn không cảm nhận những cảm-giác đau khổ, đau đớn, thấu tận phải không?'—'Này bạn Cồ-đàm, khi có sự cố- gắng quá căng, sự chuyên-cần tu quá căng, chúng tôi có cảm nhận những cảm-giác đau khổ, đau đớn, thấu tận. Nhưng khi không có sự cố-gắng quá căng, sự chuyên-cần tu quá căng, chúng tôi không cảm nhận những cảm- giác đau khổ, đau đớn, thấu tận nào.

13. “‘Như vậy, này các bạn Ni-kiền-tử, dường như rằng, khi có sự cố- gắng quá căng … thì các bạn có cảm nhận những cảm-giác đau khổ, đau đớn, thấu tận do sự cố-gắng quá căng; nhưng khi không có sự cố-gắng quá căng … thì các bạn không cảm nhận những cảm-giác đau khổ, đau đớn, thấu tận do không có sự cố-gắng quá căng. Nếu là như vậy, thì sẽ không phù hợp khi các vị Ni-kiền-tử tuyên bố rằng:925 “Dù người này cảm nhận gì, sướng hay khổ hay trung tính, tất cả đều gây ra bởi điều đã làm trong quá khứ. Như vậy bằng cách tiêu diệt những nghiệp quá khứ bằng sự khổ hạnh và bằng cách không làm những nghiệp mới, thì sẽ không còn hệ quả (nghiệp quả) trong tương lai … Khi có sự diệt thọ là tất cả mọi sự khổ đều đã triệt tiêu.”

14. “‘Này các bạn Ni-kiền-tử, khi có sự cố-gắng quá căng, sự chuyên- cần tu quá căng, thì những cảm-giác đau khổ, đau đớn, thấu tận (gây ra) bởi sự cố-gắng quá căng có mặt, và khi không có sự cố-gắng quá căng, sự chuyên-cần tu quá căng, thì những cảm-giác đau khổ, đau đớn, thấu tận (gây ra) bởi sự cố-gắng quá căng vẫn có mặt. Nếu là như vậy, thì sẽ không phù hợp khi các vị Ni-kiền-tử tuyên bố rằng: “Dù người này cảm nhận gì … Khi có sự diệt thọ là tất cả mọi sự khổ đều đã triệt tiêu.”

15. “‘Nhưng, này các bạn Ni-kiền-tử, bởi vì có sự cố-gắng quá căng, sự chuyên-cần tu quá căng, nên các bạn có cảm nhận những cảm-giác đau khổ, đau đớn, thấu tận (gây ra) bởi sự cố-gắng quá căng; nhưng khi không

có sự cố-gắng quá căng, sự chuyên-cần tu quá căng, thì các bạn không cảm nhận những cảm-giác đau khổ, đau đớn, thấu tận (gây ra) bởi sự cố- gắng quá căng. Do vậy các bạn chỉ cảm nhận những cảm-giác đau khổ, đau đớn, thấu tận (gây ra) bởi sự cố-gắng mình áp đặt lên bản thân, và thông qua sự vô-minh, sự không-biết, và sự si-mê nên các bạn nắm giữ một cách sai lầm (quan điểm): “Dù người này cảm nhận gì … Khi có sự diệt thọ là tất cả mọi sự khổ đều đã triệt tiêu.” Sau khi ta nói như vậy, này các Tỳ kheo, ta không thấy những Ni-kiền-tử có sự bào chữa chính đáng nào cho lập trường của họ.

16. “Lại nữa, này các Tỳ kheo, ta nói với những Ni-kiền-tử: ‘Này các bạn Ni-kiền-tử, các bạn nghĩ sao? (i) Một nghiệp [có quả của nó] được nếm trải ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ],926 nhờ sự cố-gắng và chuyên-cần tu có thể trở thành một nghiệp [có quả của nó] sẽ được nếm trải trong kiếp sau, có thể như vậy không?’—‘Không thể, này bạn’— ‘Nhưng, một nghiệp [có quả của nó] sẽ được nếm trải trong kiếp sau, nhờ sự cố-gắng và chuyên-cần tu có thể trở thành một nghiệp [có quả của nó] được nếm trải trong kiếp này, có thể như vậy không?’—‘Không thể, này bạn’.

17. “‘Này các bạn Ni-kiền-tử, các bạn nghĩ sao? (ii) Một nghiệp [có quả của nó] sẽ được nếm trải là sướng, nhờ sự cố-gắng và chuyên-cần tu có thể trở thành một nghiệp [có quả của nó] được nếm trải là khổ, có thể như vậy không?’—‘Không thể, này bạn’—‘Nhưng một nghiệp [có quả của nó] sẽ được nếm trải là khổ, nhờ sự cố-gắng và chuyên-cần tu có thể trở thành một nghiệp [có quả của nó] được nếm trải là sướng, có thể như vậy không?’—‘Không thể, này bạn’.

18. “‘Này các bạn Ni-kiền-tử, các bạn nghĩ sao? (iii) Một nghiệp [có quả của nó] sẽ được nếm trải trong một [cá tính] đã chín muồi,927 nhờ sự cố-gắng và chuyên-cần tu có thể trở thành một nghiệp [có quả của nó] được nếm trải trong một [cá tính] không chín muồi, có thể như vậy không?’—‘Không thể, này bạn’—‘Nhưng một nghiệp [có quả của nó] sẽ

được nếm trải trong một [cá tính] không chín muồi, nhờ sự cố-gắng và chuyên-cần tu có thể trở thành một nghiệp [có quả của nó] được nếm trải trong một [cá tính] đã chín muồi, có thể như vậy không?’—‘Không thể, này bạn’.

19. “‘Này các bạn Ni-kiền-tử, các bạn nghĩ sao? (iv) Một nghiệp [có quả của nó] sẽ được nếm trải nhiều, nhờ sự cố-gắng và chuyên-cần tu có thể trở thành một nghiệp [có quả của nó] được nếm trải ít, có thể như vậy không?’—‘Không thể, này bạn’—‘Nhưng một nghiệp [có quả của nó] sẽ được nếm trải ít, nhờ sự cố-gắng và chuyên-cần tu có thể trở thành một nghiệp [có quả của nó] được nếm trải nhiều, có thể như vậy không?’—‘Không thể, này bạn’.

20. “‘Này các bạn Ni-kiền-tử, các bạn nghĩ sao? (v) Một nghiệp [có quả của nó] sẽ được nếm trải, nhờ sự cố-gắng và chuyên-cần tu có thể trở thành một nghiệp [có quả của nó] sẽ không được nếm trải,928 có thể như vậy không?’—‘Không thể, này bạn’—‘Nhưng một nghiệp [có quả của nó] sẽ không được nếm trải, nhờ sự cố-gắng và chuyên-cần tu có thể trở thành một nghiệp [có quả của nó] sẽ được nếm trải, có thể như vậy không?’— ‘Không thể, này bạn’.

21. “‘Này các bạn Ni-kiền-tử, vậy là dường như: (i) không thể nào có một nghiệp [có quả của nó] sẽ được nếm trải ngay trong kiếp này, nhờ sự cố-gắng và chuyên-cần tu có thể trở thành một nghiệp [có quả của nó] sẽ được nếm trải trong kiếp sau, và không thể nào có một nghiệp [có quả của nó] sẽ được nếm trải trong kiếp sau, nhờ sự cố-gắng và chuyên-cần tu có thể trở thành một nghiệp [có quả của nó] sẽ được nếm trải trong kiếp này; (ii) không thể nào có một nghiệp [có quả của nó] sẽ được nếm trải là sướng, nhờ sự cố-gắng và chuyên-cần tu có thể trở thành một nghiệp [có quả của nó] được nếm trải là khổ, và không thể nào có một nghiệp [có quả của nó] sẽ được nếm trải là khổ, nhờ sự cố-gắng và chuyên-cần tu có thể trở thành một nghiệp [có quả của nó] được nếm trải là sướng; (iii) không thể nào có một nghiệp [có quả của nó] sẽ được nếm trải trong một [cá

tính] đã chín muồi, nhờ sự cố-gắng và chuyên-cần tu có thể trở thành một nghiệp [có quả của nó] được nếm trải trong một [cá tính] không chín muồi, và không thể nào có một nghiệp [có quả của nó] sẽ được nếm trải trong một [cá tính] không chín muồi, nhờ sự cố-gắng và chuyên-cần tu có thể trở thành một nghiệp [có quả của nó] được nếm trải trong một [cá tính] đã chín muồi; (iv) không thể nào có một nghiệp [có quả của nó] sẽ được nếm trải nhiều, nhờ sự cố-gắng và chuyên-cần tu có thể trở thành một nghiệp [có quả của nó] được nếm trải ít, và không thể nào có một nghiệp [có quả của nó] sẽ

được nếm trải ít, nhờ sự cố-gắng và chuyên-cần tu có thể trở thành một nghiệp [có quả của nó] được nếm trải nhiều; (v) không thể nào có một nghiệp [có quả của nó] sẽ được nếm trải, nhờ sự cố-gắng và chuyên-cần tu có thể trở thành một nghiệp [có quả của nó] sẽ không được nếm trải, và không thể nào có một nghiệp [có quả của nó] sẽ không được nếm trải, nhờ sự cố-gắng và chuyên-cần tu có thể trở thành một nghiệp [có quả của nó] sẽ được nếm trải. Nếu đã là vậy, thì sự cố-gắng (tu hành xác khổ hạnh) của các vị Ni-kiền-tử là vô kết quả, sự chuyên-cần tu (tinh cần) của các vị là vô kết quả.'

22. "Này các Tỳ kheo, những Ni-kiền-tử đã khẳng định (quan-điểm của họ) như vậy. Và bởi vì những Ni-kiền-tử đã khẳng định như vậy cho nên có mười cơ sở chính đáng để phê bình điều họ đã khẳng định: (1) "Nếu sự sướng và khổ chúng sinh cảm nhận là được gây ra bởi điều đã làm trong quá khứ, vậy thì những Ni-kiền-tử chắn hẳn đã làm những nghiệp xấu ác trong quá khứ—nên bây giờ họ phải cảm nhận những cảm- giác đau khổ, đau đớn, thấu tận như vậy. (2) "Nếu sự sướng và khổ chúng sinh cảm nhận là được gây ra bởi sự tạo tác của một đấng Thượng Đế [Đấng Trời Thần Tối Cao],929 vậy thì những Ni-kiền-tử chắc hẳn đã được tạo ra bởi một đấng Thượng Đế xấu ác—nên bây giờ họ phải cảm nhận những cảm-giác đau khổ, đau đớn, thấu tận như vậy. (3) "Nếu sự sướng và khổ chúng sinh cảm nhận là được gây ra bởi hoàn

cảnh và bản chất,930 vậy thì những Ni-kiền-tử chắc hẳn đã đang gặp vận xui—nên bây giờ họ phải cảm nhận những cảm-giác đau khổ, đau đớn, thấu tận như vậy. (4) "Nếu sự sướng và khổ chúng sinh cảm nhận là được gây ra bởi giai cấp [trong số sáu loại giai cấp sinh cảnh],931 vậy thì những Ni-kiền-tử chắc hẳn là thuộc loại giai cấp tồi tệ—nên bây giờ họ phải cảm nhận những cảm-giác đau khổ, đau đớn, thấu tận như vậy. (5) "Nếu sự sướng và khổ chúng sinh cảm nhận là được gây ra bởi sự cố-gắng (tu khổ hạnh) trong kiếp này [tại đây và bây giờ], vậy thì những Ni-kiền-tử chắc hẳn đang chuyên-cần tu một cách tồi tệ trong hiện tại—nên bây giờ họ phải cảm nhận những cảm-giác đau khổ, đau đớn, thấu tận như vậy. (6) "Nếu sự sướng và khổ chúng sinh cảm nhận là được gây ra bởi điều đã làm trong quá khứ, vậy thì những Ni-kiền-tử là đáng bị chỉ trích (vì những điều họ đã làm trong quá khứ); nếu không phải vậy, thì những Ni- kiền-tử cũng vẫn đáng bị chỉ trích (vì sự tu khổ hạnh hành xác họ đang làm trong hiện tại cũng đâu sửa đổi được gì). (7) "Nếu sự sướng và khổ chúng sinh cảm nhận là được gây ra bởi sự tạo tác của đấng Thượng Đế, vậy thì những Ni-kiền-tử là đáng bị chỉ trích; nếu không phải vậy, thì những Ni-kiền-tử cũng vẫn đáng bị chỉ trích (vì sự tu khổ hạnh hành xác họ đang làm cũng đâu sửa đổi được gì). (8) "Nếu sự sướng và khổ chúng sinh cảm nhận là được gây ra tùy theo cơ hội (bởi hoàn cảnh hay bản chất), vậy thì những Ni-kiền-tử là đáng bị chỉ trích; nếu không phải vậy, thì những Ni-kiền-tử cũng vẫn đáng bị chỉ trích (vì sự tu khổ hạnh hành xác họ đang làm cũng đâu sửa đổi được gì). (9) "Nếu sự sướng và khổ chúng sinh cảm nhận là được gây ra bởi giai cấp, vậy thì những Ni-kiền-tử đáng bị chỉ trích; nếu không phải vậy, thì những Ni-kiền-tử cũng vẫn đáng bị chỉ trích (vì sự tu khổ hạnh hành xác họ đang làm cũng đâu sửa đổi được gì, trừ khi thay đổi giai cấp).

(10) “Nếu sự sướng và khổ chúng sinh cảm nhận là được gây ra bởi sự cố-gắng (tu khổ hạnh hành xác), vậy thì những Ni-kiền-tử là đáng bị chỉ trích; nếu không phải vậy, thì những Ni-kiền-tử cũng vẫn đáng bị chỉ trích (vì sự hành xác gây ra những cảm-giác đau đớn). những Ni-kiền-tử đã khẳng định (quan-điểm của họ) như vậy. Và bởi vì những Ni-kiền-tử đã khẳng định như vậy cho nên có mười cơ sở chính đáng để phê bình điều họ đã khẳng định. Như vậy sự cố-gắng của họ là vô kết quả, sự chuyên-cần tu của họ là vô kết quả.

23. (II) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự cố-gắng là có kết quả, theo cách nào sự chuyên-cần tu (tinh cần) là có kết quả? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo không bị chôn vùi trong sự khổ đau thì không chôn vùi bản thân mình trong sự khổ đau; và người đó không từ bỏ sự vui sướng phù hợp với Giáo Pháp, nhưng cũng không bị say mê với sự vui sướng đó.932 Người đó biết như vầy: ‘Khi ta chuyên-cần tu (tinh cần) với sự quyết tâm, nguồn khổ đau này phai biến trong ta nhờ có sự chuyên-cần tu quyết tâm đó; và khi ta quan sát (nhìn nó) bằng sự buông-xả, nguồn khổ đau này phai biến trong ta khi ta đang tu tập sự buông-xả.’933 (i) Người đó chuyên-cần tu với sự quyết tâm hướng tới ‘nguồn khổ đau đó phai biến trong mình’ nhờ sự chuyên-cần tu quyết tâm đó; và (ii) người đó tu tập sự buông-xả hướng tới ‘nguồn khổ đau đó phai biến trong mình’ khi người đó đang tu tập sự buông xả. (iii) Khi người đó chuyên-cần tu với sự quyết tâm, nguồn khổ đau như vầy và như vậy phai biến trong người đó nhờ sự chuyên-cần tu quyết tâm đó; như vậy sự khổ đau đó đã được tiêu cạn trong người đó. (iv) Khi người đó quan sát bằng sự buông-xả, nguồn khổ đau như vầy và như vậy phai biến trong người đó trong khi người đó tu tập sự buông-xả; như vậy sự khổ đau đó đã được tiêu cạn trong người đó.

24. “Này các Tỳ kheo, ví dụ một người đàn ông yêu một phụ nữ với một cái tâm bị trói buộc vào cô ấy bởi sự tham muốn và đam mê mạnh mẽ. Rồi người đó nhìn thấy cô ấy đang đứng với một người đàn ông khác, trò chuyện, vui đùa, cười cợt. Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Liệu

sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não) có khởi sinh trong anh ta khi anh ta nhìn thấy cô ấy đang đứng với một người đàn ông khác, trò chuyện, vui đùa, cười cợt, hay không?” “Dạ có, thưa Thế Tôn. Vì sao? Bởi vì anh ta yêu cô ấy với một cái tâm bị trói buộc vào cô ấy bởi sự tham muốn và đam mê mạnh mẽ; đó là lý do tại sao sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng sẽ khởi sinh trong anh ta khi anh ta nhìn thấy cô ấy đang đứng với một người đàn ông khác, trò chuyện, vui đùa, cười cợt.”

25. “Rồi, này các Tỳ kheo, người đàn ông đó nghĩ: ‘Tôi yêu cô ấy với một cái tâm bị trói buộc vào cô ấy bởi sự tham muốn và đam mê mạnh mẽ; cho nên sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng đã khởi sinh trong tôi khi khi tôi nhìn thấy cô ấy đang đứng với một người đàn ông khác, trò chuyện, vui đùa, cười cợt. Giờ sẽ ra sao

nếu tôi dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với người phụ nữ đó?' Rồi anh ta dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với người phụ nữ đó. Lần sau anh ta lại thấy cô ấy đang đứng với một người đàn ông khác, trò chuyện, vui đùa, cười cợt. Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Liệu sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng có khởi sinh trong anh ta khi anh ta nhìn thấy cô ấy đang đứng với một người đàn ông khác … hay không?" "Dạ không, thưa Thế Tôn. Vì sao? Bởi vì anh ta không còn yêu cô ấy với một cái tâm bị trói buộc vào cô ấy bởi sự tham muốn và đam mê mạnh mẽ; đó là lý do tại sao sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng sẽ không còn khởi sinh trong anh ta khi anh ta nhìn thấy cô ấy đang đứng với một người đàn ông khác …"

26. "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo không bị chôn vùi trong sự khổ đau thì không chôn vùi bản thân mình trong sự khổ đau … [như mục 23 ở trên] … như vậy sự khổ đau đó đã được tiêu cạn trong người đó. Là như vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng của vị ấy là có kết quả, sự chuyên-cần tu của vị ấy là có kết quả.

27. "Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo suy xét như vầy: 'Khi ta

đang sống theo sự sung sướng của ta, những trạng thái bất thiện gia tăng trong ta và những trạng thái thiện lành gia giảm; nhưng khi ta cố-gắng bản thân vào (sự thực hành là) khổ đau (như khổ hạnh) thì những trạng thái bất thiện gia giảm trong ta và những trạng thái thiện lành gia tăng. Vậy sẽ ra sao nếu ta cố-gắng bản thân trong (sự thực hành là) khổ đau?' Và người đó đã cố-gắng bản thân vào (sự thực hành là) khổ đau. Khi người đó làm vậy, những trạng thái bất thiện gia giảm trong người đó và những trạng thái thiện lành gia tăng.934 Rồi về sau, người đó không cố-gắng bản thân vào (sự thực hành là) khổ đau nữa. Vì sao vậy? Vì cái mục-đích mà Tỳ kheo đó đã cố-gắng bản thân vào (sự thực hành là) khổ đau đã được thành tựu; đó là lý do tại sao người đó không còn cố-gắng bản thân vào (sự thực hành là) khổ đau nữa. (tức sau khi sự khổ hạnh vừa phải đã giúp loại bỏ những ô-nhiễm khó loại bỏ thì người tu không tiếp tục theo khổ hạnh nữa)

28. "Này các Tỳ kheo, ví dụ một người làm tên đang hơ lửa và làm nóng thân cây tên giữa hai ngọn lửa, rồi uốn cho nó thẳng và có thể dùng được. Sau khi thân tên đã được hơ và làm nóng giữa hai ngọn lửa và đã được uốn cho thẳng và có thể dùng được, thì sau đó người đó không còn lặp lại hơ lửa và làm nóng thân tên và uốn cho nó thẳng và làm cho nó dùng được nữa. Vì sao vậy? Vì mục đích mà người thợ làm tên đã hơ lửa và làm nóng thân tên và uốn cho nó thẳng và làm cho nó dùng được đã được thành tựu; đó là lý do tại sao sau đó người đó không còn hơ lửa và làm nóng thân tên và uốn cho nó thẳng và làm cho nó dùng được nữa.

29. "Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo suy xét như vầy … [tiếp tục như mục 27 ở trên] … đó là lý do tại sao người đó không còn cố-gắng bản thân vào (sự thực hành là) khổ đau nữa. Cũng là như vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng của vị ấy là có kết quả, sự chuyên-cần tu của vị ấy là có kết quả.

30.–37. “Lại nữa, này các Tỳ kheo, ở đây một Như Lai xuất hiện trong thế gian, là bậc A-la-hán [đã tu thành], bậc Toàn Giác [đã giác-ngộ toàn thiện] … [tiếp tục như kinh MN 51, mục 12–19] … người đó thanh lọc tâm

KINH Ở DEVADAHA • 15

mình khỏi sự nghi-ngờ.

38. “Sau khi đã dẹp bỏ năm chướng-ngại, là những sự ố-nhiễm [sự không hoàn thiện] của tâm làm suy yếu trí-tuệ: (1) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ Cũng là như vậy, sự cố-gắng của vị ấy là có kết quả, sự chuyên-cần tu của vị ấy là có kết quả.

39. (2) “Lại nữa, này các Tỳ kheo: ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét.’ Cũng là như vậy, sự cố-gắng của vị ấy là có kết quả, sự chuyên-cần tu của vị ấy là có kết quả.

40. (3) “Lại nữa, này các Tỳ kheo: ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan- hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: “Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc)”.’ Cũng là như vậy, sự cố-gắng của vị ấy là có kết quả, sự chuyên-cần tu của vị ấy là có kết quả.

41. (4) “Lại nữa, này các Tỳ kheo: ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh- niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’ Cũng là như vậy, sự cố-gắng của vị ấy là có kết quả, sự chuyên-cần tu của vị ấy là có kết quả.

42. (5) “Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không bị ố nhiễm, đã loại hết ô-nhiễm, dễ uốn nắn,

16 • Chương 1

dễ quản trị (dễ điều phục), và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới trí-biết về sự nhớ-lại những cõi kiếp quá khứ (túc mạng minh). Người đó (có thể) nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình; đó là một lần sinh, hai lần sinh … [tiếp tục như kinh MN 51, mục 24] … Như vậy đó, người đó nhớ lại những cõi kiếp quá khứ của mình với những phương diện và đặc điểm của chúng. Cũng là như vậy, sự cố-gắng của vị ấy là có kết quả, sự chuyên-cần tu của vị ấy là có kết quả.

43. (6) “Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không còn bị vết nhơ, không còn ô nhiễm, dễ uốn nắn, dễ quản trị, và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới trí-biết về sự nhìn thấy sự chết đi và tái sinh của chúng sinh (thiên nhãn minh) … [tiếp tục như kinh MN 51, mục 25] … Như vậy đó, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó hiểu được cách những chúng sinh chết đi và chuyển kiếp tùy theo những nghiệp của họ như vậy. Cũng là như vậy, sự cố-gắng của vị ấy là có kết quả, sự chuyên-cần tu của vị ấy là có kết quả.

44. (7) “Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không còn bị vết nhơ, không còn ô nhiễm, dễ uốn nắn, dễ quản trị, và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới trí-biết về sự (đã) tiêu-diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận minh). Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’. Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ’. Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là những ô-nhiễm’. Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn-gốc những ô-nhiễm’. Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là sự chấm-dứt những ô-nhiễm’. Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt những ô-nhiễm’.

45. (8) “Khi người đó đã biết và đã thấy như vậy, tâm người đó được giải-thoát khỏi sự ô-nhiễm của/do tham-dục (dục lậu), khỏi sự ô-nhiễm

của/do sự hiện-hữu (hữu lậu), và khỏi sự ô-nhiễm của/do vô-minh (vô minh lậu). Khi tâm đã được giải-thoát, thì có sự-biết: ‘Tâm được giải- thoát.’ Người đó hiểu: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’ Cũng là như vậy, sự cố-gắng của vị ấy là có kết quả, sự chuyên-cần tu của vị ấy là có kết quả.

46. “Này các Tỳ kheo, Như Lai đã tuyên bố như vậy. Và bởi vì Như Lai đã tuyên bố như vậy cho nên có mười cơ sở chính đáng để khen ngợi bậc ấy: (1) “Nếu sự sướng và khổ chúng sinh cảm nhận là được gây ra bởi điều đã làm trong quá khứ, vậy thì Như Lai chắc hẳn đã làm những nghiệp tốt trong quá khứ—cho nên giờ bậc ấy cảm nhận những cảm-giác vui sướng (an lạc) không còn ô-nhiễm (vô nhiễm). (2) “Nếu sự sướng và khổ chúng sinh cảm nhận là được gây ra bởi sự tạo tác của một đấng Thượng Đế, vậy thì Như Lai chắc hẳn đã được tạo ra bởi một đấng Thượng Đế tốt—cho nên giờ bậc ấy cảm nhận những cảm- giác an lạc vô nhiễm. (3) “Nếu sự sướng và khổ chúng sinh cảm nhận là được gây ra bởi hoàn cảnh và bản chất, vậy thì Như Lai chắc hẳn đã gặp vận may—cho nên giờ bậc ấy cảm nhận những cảm-giác an lạc vô nhiễm. (4) “Nếu sự sướng và khổ chúng sinh cảm nhận là được gây ra bởi giai cấp [trong số sáu loại giai cấp sinh cảnh], vậy thì Như Lai chắc hẳn là thuộc giai cấp tốt—cho nên giờ bậc ấy cảm nhận những cảm-giác an lạc vô nhiễm. (5) “Nếu sự sướng và khổ chúng sinh cảm nhận là được gây ra bởi sự cố-gắng (tu khổ hạnh) trong kiếp này [tại đây và bây giờ], vậy thì

Như Lai chắc hẳn đã chuyên-cần tu một cách hay khéo trong hiện tại—cho nên giờ bậc ấy cảm nhận những cảm-giác an lạc vô nhiễm. (6) “Nếu sự sướng và khổ chúng sinh cảm nhận là được gây ra bởi điều

đã làm trong quá khứ, vậy thì Như Lai đáng được khen ngợi (vì chắc hẳn đã làm những nghiệp tốt trong quá khứ); nếu không phải vậy, thì Như Lai cũng vẫn đáng được khen ngợi (vì do những lý do tốt lành khác). (7) “Nếu sự sướng và khổ chúng sinh cảm nhận là được gây ra bởi sự tạo tác của một đấng Thượng Đế, vậy thì Như Lai đáng được khen ngợi; nếu không phải vậy, thì Như Lai cũng vẫn đáng được khen ngợi. (8) “Nếu sự sướng và khổ chúng sinh cảm nhận là được gây ra tùy theo cơ hội (bởi hoàn cảnh hay bản chất), vậy thì Như Lai đáng được khen ngợi; nếu không phải vậy, thì Như Lai cũng vẫn đáng được khen ngợi. (9) “Nếu sự sướng và khổ chúng sinh cảm nhận là được gây ra bởi giai cấp, vậy thì Như Lai đáng được khen ngợi; nếu không phải vậy, thì Như Lai cũng vẫn đáng được khen ngợi. (10) “Nếu sự sướng và khổ chúng sinh cảm nhận là được gây ra bởi sự cố-gắng trong kiếp này [tại đây và bây giờ], vậy thì Như Lai đáng được khen ngợi; nếu không phải vậy, thì Như Lai cũng vẫn đáng được khen ngợi. “Này các Tỳ kheo, Như Lai đã tuyên bố như vậy. Và bởi vì Như Lai đã tuyên bố như vậy cho nên có mười cơ sở chính đáng để khen ngợi bậc ấy.” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

102. KINH NĂM VÀ BA (Pañcattaya Sutta)

1. Tôi nghe như vầy.935 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvat- thī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(Những suy đoán về tương lai)

2. “Này các Tỳ kheo, có những sa-môn (tu sĩ, ẩn sĩ, khổ sĩ) và bà-la- môn suy đoán về tương lai và nắm giữ quan điểm về tương lai, họ tuyên bố những giả định triết lý khác nhau về tương lai. (I) Một số khẳng định: ‘Bản ngã (cái ‘ta’, tự ngã) là có nhận-thức (tưởng) và không bị hư tổn sau khi chết.’ (II) Một số khẳng định: ‘Bản ngã là không có nhận-thức và không bị hư tổn sau khi chết.’ (III) Một số khẳng định: ‘Bản ngã là không có nhận-thức và không bị hư tổn sau khi chết.’ (IV) Hoặc một số mô tả [khi chết là] sự diệt-vong, sự hủy-diệt, và sự chấm-dứt của một chúng sinh hiện hữu. (V) Hoặc một số khẳng định Niết-bàn ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ].936 “Như vậy, (a) họ mô tả một bản ngã hiện hữu là không bị hư tổn sau khi chết; hoặc (b) họ mô tả [khi chết là] sự diệt-vong, sự hủy-diệt, và sự chấm-dứt của một chúng sinh hiện hữu; hoặc (c) khẳng định Niết-bàn ngay trong kiếp này. Như vậy những [quan điểm này] là năm [(I)-(V)] trở thành ba [(a), (b), (c)] và là ba trở thành năm. Đây là tóm tắt về sự ‘năm thành ba’.

3. (I) “Trong đó, này các Tỳ kheo, những sa-môn và bà-la-môn [a] mô tả bản ngã là có nhận-thức (tưởng) và không bị hư tổn sau khi chết là một bản ngã có nhận-thức và không bị hư tổn sau khi chết, thì có thể nó là một dạng: thuộc vật chất (sắc); hoặc phi vật chất (vô sắc); hoặc vừa thuộc vật chất vừa phi vật chất (sắc và vô sắc); hoặc không phải vật chất cũng không phải phi vật chất (phi sắc phi phi sắc); hoặc có nhận-thức về sự hợp-nhất; hoặc có nhận-thức về sự phân-tán; hoặc có nhận-thức về thứ (trạng thái) hạn-định; hoặc có nhận-thức về thứ (trạng thái) vô-lượng.937 Hoặc khác nữa, một số ít trong họ đi xa hơn mức này, một số nói những điều khẳng định về kasiṇa-thức, là vô lượng và bất lay động.938

4. “Này các Tỳ kheo, Như Lai hiểu điều này như vầy: ‘Những vị sa- môn và bà-la-môn [a] đó mô tả bản ngã là ‘có nhận-thức (tưởng) và không hư tổn sau khi chết’ là một bản ngã, có nhận-thức và không bị hư tổn sau khi chết, có thể là một dạng: thuộc vật chất (sắc) … hoặc có nhận-thức về thứ (trạng thái) vô-lượng. Hoặc khác nữa, một số nói những điều khẳng định về cảnh xứ không-có-gì (vô sở hữu xứ), là vô lượng và bất lay động; [theo họ thì] cảnh xứ “không-có-gì” được tuyên bố là được thanh lọc nhất, cao nhất, tốt nhất, và vô thượng (không thể cao hơn) trong số những nhận- thức—kể cả những nhận-thức về vật chất (sắc tưởng) hay về phi vật chất (vô sắc tưởng), những nhận-thức về sự hợp-nhất hay về sự phân-tán.939 (Trạng thái) đó là có điều-kiện (hữu vi) và thô tế, nhưng có sự chấm-dứt mọi sự tạo-tác (hành diệt).’ Sau khi đã biết ‘Có trạng thái này’, sau khi nhìn thấy có sự thoát-khỏi đó, Như Lai đã vượt thoát khỏi đó.940

5. (II) “Trong đó, này các Tỳ kheo, những sa-môn và bà-la-môn [b] mô tả bản ngã là ‘không có nhận-thức (phi tưởng) và không bị hư tổn sau khi

chết’ tức là một bản ngã, không có nhận-thức và không bị hư tổn sau khi chết, có thể nó là một dạng: thuộc vật chất (sắc); hoặc phi vật chất (vô sắc); hoặc vừa thuộc vật chất vừa phi vật chất (sắc và vô sắc); hoặc không phải vật chất cũng không phải phi vật chất (phi sắc phi phi sắc).941 6. “Trong đó, này các Tỳ kheo, những người [b] này chỉ trích những sa- môn và bà-la-môn [a] đã mô tả bản ngã là ‘có nhận-thức (tưởng) và không bị hư tổn sau khi chết’. Vì sao vậy? Bởi vì những người [b] cho rằng: ‘Nhận-thức là một căn bệnh, nhận-thức là một ung nhọt, nhận-thức là một mũi tên (độc); (trạng thái) này mới là bình an, này mới là siêu phàm: đó là sự không có nhận-thức (phi tưởng).’

7. “Này các Tỳ kheo, Như Lai hiểu điều này như vầy: ‘Những vị sa- môn và bà-la-môn [b] đó mô tả bản ngã là ‘không có nhận-thức (phi tưởng) và không bị hư tổn sau khi chết’ là một bản ngã, không có nhận- thức và không bị hư tổn sau khi chết, có thể nó là một dạng: thuộc vật chất (sắc) … hoặc không thuộc vật chất cũng không phải phi vật chất (phi sắc phi phi sắc). Sa-môn hay bà-la-môn nào nếu nói: “Ngoài thân-sắc (sắc), ngoài cảm-giác (thọ), ngoài nhận-thức (tưởng), ngoài những sự tạo-tác cố ý (hành), tôi mô tả được sự đến và sự đi của thức, sự biến-qua (diệt) và sự tái-hiện (sinh) của nó, sự lớn-lên, sự gia-tăng, và sự trưởng-thành của nó”—thì điều đó là không thể có.942

(Trạng thái) đó là có điều-kiện (hữu vi) và thô tế, nhưng có sự chấm-dứt mọi sự tạo-tác (hành diệt).' Sau khi đã biết 'Có trạng thái này', sau khi đã nhìn thấy có sự thoát-khỏi đó, Như Lai đã vượt thoát khỏi đó.

8. (III) "Trong đó, những sa-môn và bà-la-môn [c] mô tả bản ngã là 'không có nhận-thức cũng không phải không có nhận-thức' (phi tưởng phi phi tưởng) và không bị hư tổn sau khi chết là mô tả một bản ngã, không có có nhận-thức cũng không phải không có nhận-thức và không bị hư tổn sau

khi chết, có thể nó là một dạng:
thuộc vật chất (sắc);
hoặc phi vật chất (vô sắc);
hoặc vừa thuộc vật chất vừa phi vật chất (sắc và vô sắc);
hoặc không phải vật chất cũng không phải phi vật chất (phi sắc phi phi sắc).943
9. "Trong đó, này các Tỳ kheo, những người [c] này chỉ trích những sa- môn và bà-la-môn [a] đã mô tả bản ngã là 'có nhận-thức (tưởng) và không bị hư tổn sau khi chết' và chỉ trích những sa-môn và bà-la-môn [b] đã mô tả bản ngã là 'không có nhận-thức (phi tưởng) và không bị hư tổn sau khi chết'. Vì sao vậy? Bởi vì họ cho rằng: 'Nhận-thức là một căn bệnh, nhận- thức là một ung nhọt, nhận-thức là một mũi tên; và sự không có nhận-thức (phi tưởng) là sự đê mê;944 (trạng thái) này mới là bình an, này mới là siêu phàm: đó là sự không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng).'

10. "Này các Tỳ kheo, Như Lai hiểu điều này như vầy: 'Những vị sa- môn và bà-la-môn [c] đó mô tả bản ngã là 'không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng) và không bị hư tổn sau khi chết', có thể nó là một dạng: thuộc vật chất (sắc) … không phải vật chất cũng không phải phi vật chất (phi sắc phi phi sắc). Sa-môn hay bà-la-môn nào nếu mô tả sự chứng nhập vào cảnh xứ này diễn ra thông qua một sự đo lường về những sự tạo-tác đối với điều đã được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm thấy, và được nhận biết, thì điều đó được tuyên bố là một tai nạn cho sự chứng nhập vào cảnh xứ này.945 Bởi vì cảnh xứ này, như nó được tuyên bố, là không được chứng đắc như một sự chứng đắc cùng với những sự tạo-tác (các hành); cảnh xứ này, như nó được tuyên bố, được chứng đắc như một sự chứng đắc với một chút tàn dư của những sự tạo-tác (chỉ còn dấu vết các tâm hành).946 (Trạng thái) đó là có điều-kiện (hữu vi) và thô tế, nhưng có sự chấm-dứt mọi sự tạo-tác (hành diệt).' Sau khi đã biết 'Có trạng thái này', sau khi đã nhìn thấy có sự

thoát-khỏi đó, Như Lai đã vượt thoát khỏi đó.

11. (IV) "Trong đó, này các Tỳ kheo, những sa-môn và bà-la-môn [d] mô tả '[khi chết là] sự diệt-vọng, sự hủy-diệt, và sự chấm-dứt của một chúng sinh hiện hữu'947 lại chỉ trích những sa-môn và bà-la-môn [a] đã mô tả bản ngã là 'có nhận-thức (tưởng) và không bị

hư tổn sau khi chết’, và chỉ trích những sa-môn và bà-la-môn [b] đã mô tả bản ngã là ‘không có nhận-thức (phi tưởng) và không bị hư tổn sau khi chết’, và chỉ trích những sa-môn và bà-la-môn [c] đã mô tả bản ngã là ‘không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng) và không bị hư tổn sau khi chết’. Vì sao vậy? Vì tất cả những vị sa-môn và bà-la-môn này, ào ào xấn tới, khẳng định sự dính-mắc của họ như vầy: ‘Chúng ta sẽ như vậy sau khi chết, chúng ta sẽ như vậy sau khi chết.’ Giống như những thương nhân đang đi chợ (mua đồ) nghĩ rằng: ‘Thông qua (tiền) này, món đó sẽ thuộc của tôi; với (tiền) này, tôi sẽ có được món đó’; cũng giống như vậy, những vị sa-môn và bà-la-môn này dường như giống những thương nhân đang đi chợ (cứ tính trước trong đầu) khi họ tuyên bố: ‘Chúng ta sẽ như vậy sau khi chết, chúng ta sẽ như vậy sau khi chết.’

12. “Này các Tỳ kheo, Như Lai hiểu điều này như vầy: ‘Những sa-môn và bà-la-môn [d] này mô tả ‘[khi chết là] sự diệt-vọng, sự hủy-diệt, và sự chấm-dứt của một chúng sinh hiện hữu’, thông qua sự sợ hãi về danh-tính (tự thân) và sự ghê tởm về danh-tính, họ cứ chạy lòng vòng quanh cái danh-tính đó.948 Giống như một con chó bị cột bởi một sợi dây vào một cây cột hay cột nhà thì nó cứ chạy lòng vòng quanh cái cột đó; cũng giống như vậy, những sa-môn và bà-la-môn này, do sự sợ hãi và sự ghê tởm về danh-tính, cứ chạy lòng vòng quanh cái danh-tính đó. (Trạng thái) đó là có điều-kiện (hữu vi) và thô tế, nhưng có sự chấm-dứt mọi sự tạo-tác (hành diệt).’ Sau khi đã biết ‘Có trạng thái này’, sau khi đã nhìn thấy có sự thoát-khỏi đó, Như Lai đã vượt thoát khỏi đó.

13. “Này các Tỳ kheo, những sa-môn hay bà-la-môn nào suy đoán về tương lai và nắm giữ những quan điểm về tương lai, là những người tuyên

bố những giả định triết lý khác nhau về tương lai, thì tất cả họ khẳng định năm cơ sở này hoặc một số cơ sở trong số chúng.949

(Những suy đoán về quá khứ)

14. “Này các Tỳ kheo, có những sa-môn và bà-la-môn suy đoán về quá khứ và nắm giữ những quan điểm về quá khứ, họ tuyên bố những giả định triết lý khác nhau về quá khứ. (1) Một số khẳng định: ‘Bản ngã và thế giới là bất diệt: chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai.’950 (2) Một số khẳng định: ‘Bản ngã và thế giới là không bất diệt: chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai.’951 (3) Một số khẳng định: ‘Bản ngã và thế giới là vừa bất diệt vừa không bất diệt: chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai.’952Một số khẳng định: ‘bản ngã và thế giới không phải là bất diệt cũng không phải không bất diệt: chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai.’953 (4) Một số khẳng định: ‘Bản ngã và thế giới là hữu hạn: chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai.’954 (5) Một số khẳng định: ‘Bản ngã và thế giới là vô hạn: chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai.’ (6) Một số khẳng định: ‘Bản ngã và thế giới là vừa hữu hạn vừa vô hạn: chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai.’ (7) Một số khẳng định: ‘Bản ngã và thế giới không phải là hữu hạn cũng không phải vô hạn: chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai.’ (8) Một

số khẳng định: ‘Bản ngã và thế giới không phải là có nhận- thức về sự hợp-nhất: chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai.’955 (9) Một số khẳng định: ‘Bản ngã và thế giới không phải là có nhận- thức về sự phân-tán: chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai.’ (10) Một số khẳng định: ‘Bản ngã và thế giới không phải là có nhận-

thức về thứ (trạng thái) hạn-định: chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai.’ (11) Một số khẳng định: ‘Bản ngã và thế giới không phải là có nhận- thức về thứ (trạng thái) vô-lượng: chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai.’ (12) Một số khẳng định: ‘Bản ngã và thế giới [trải nghiệm] toàn sướng: chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai.’ (13) Một số khẳng định: ‘Bản ngã và thế giới [trải nghiệm] toàn khổ: chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai.’ (14) Một số khẳng định: ‘Bản ngã và thế giới [trải nghiệm] cả sướng và khổ: chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai.’ (15) Một số khẳng định: ‘Bản ngã và thế giới [trải nghiệm] không sướng cũng không khổ: chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai.’

15. (1) “Trong đó, này các Tỳ kheo, đối với những sa-môn và bà-la- môn là người nắm giữ một giáo thuyết và quan-điểm (1): ‘Bản ngã và thế giới là bất diệt: chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai’, mà (i) không phải do (dựa vào) niềm-tin, (ii) không phải do sự chấp-thuận, (iii) không phải do truyền thống truyền miệng, (iv) không phải do sự nhận-biết từ lý- giải, (v) không phải do sự chấp-nhận một quan-điểm sau khi đã suy xét kỹ nó, họ sẽ có được một ‘sự tự-biết được thanh lọc và rõ ràng’ về điều này—điều đó là không thể.956 Bởi vì họ không có được một ‘sự tự-biết được thanh lọc và rõ ràng’ về điều này, ngay cả sự-biết vụn vặt mà những sa-môn và bà-la-môn (dùng để) làm rõ [về quan-điểm của mình] cũng được tuyên bố chỉ là sự dính-chấp (chấp thủ) về phần họ mà thôi.957 (Trạng thái) đó là có điều-kiện (hữu vi) và thô tế, nhưng có sự chấm-dứt mọi sự tạo-tác (hành diệt).’ Sau khi đã biết ‘Có trạng thái này’, sau khi đã nhìn thấy có sự thoát-khỏi đó, Như Lai đã vượt thoát khỏi đó.

16. (2–16) “Trong đó, này các Tỳ kheo, đối với những sa-môn và bà-la- môn là người nắm giữ một giáo thuyết và quan-điểm (2): ‘Bản ngã và thế

giới là không bất diệt … (3) ‘Bản ngã và thế giới là vừa bất diệt vừa không bất diệt … (4) ‘Bản ngã và thế giới không phải là bất diệt cũng không phải không bất diệt … (5): ‘Bản ngã và thế giới là hữu hạn … (6): ‘Bản ngã và thế giới là vô hạn … (7) ‘Bản ngã và thế giới là vừa hữu hạn vừa vô hạn … (8) ‘Bản ngã và thế giới không phải là hữu hạn cũng không phải vô hạn … (9) ‘Bản ngã và thế giới không phải là có nhận-thức về sự hợp-nhất … (10) ‘Bản ngã và thế giới không phải là có nhận-thức về sự phân-tán … (11) ‘Bản ngã và thế giới không phải là có nhận-thức về thứ (trạng thái) hạn-định … (12) ‘Bản ngã và thế giới không phải là có nhận- thức về thứ (trạng thái) vô-lượng … (11) ‘Bản ngã và thế giới [trải nghiệm] toàn sướng … (13) ‘Bản ngã và thế giới [trải nghiệm] toàn khổ … (14) ‘Bản ngã và thế giới [trải nghiệm] cả sướng và khổ … (15) ‘Bản ngã và thế giới [trải nghiệm] không sướng cũng không khổ … (16): chỉ điều này là đúng, mọi

điều khác đều sai', (i) không phải do niềm-tin, (ii) không phải do sự chấp-thuận, (iii) không phải do truyền thống truyền miệng, (iv) không phải do sự nhận-biết từ lý-giải, (v) không phải do sự chấp-nhận một quan-điểm sau khi đã suy xét kỹ nó, họ sẽ có được một 'sự tự-biết được thanh lọc và rõ ràng' về điều này—điều đó là không thể. Bởi vì họ không có được một 'sự tự-biết được thanh lọc và rõ ràng' về điều này, ngay cả sự-biết vụn vặt mà những sa-môn và bà-la-môn (dùng để) làm rõ [về quan điểm của mình] cũng được tuyên bố chỉ là sự dính-chấp (chấp thủ) về phần họ mà thôi. (Trạng thái) đó là có điều-kiện (hữu vi) và thô tế, nhưng có sự chấm-dứt mọi sự tạo-tác (hành diệt).' Sau khi đã biết 'Có trạng thái này', sau khi đã nhìn thấy có sự thoát-khỏi đó, Như Lai đã vượt thoát khỏi đó.958

(Niết-bàn ngay trong kiếp này) 959

17. (V) (1) "Ở đây, này các Tỳ kheo,960 có sa-môn hay bà-la-môn, với sự từ bỏ những quan-điểm về quá khứ và tương lai, và nhờ sự hoàn toàn không để tâm tới những khoái-lạc giác quan là gông-cùm (dục lạc kiết sử), chứng nhập và an trú trong sự hoan-hỷ (hỷ) của sự tách-ly (viễn ly, ẩn

dật).961 Người đó nghĩ: '(Trạng thái) này là bình an, này là siêu phàm, đó là: ta chứng nhập và an trú trong sự hoan-hỷ của sự tách-ly.' Rồi sự hoan- hỷ của sự tách-ly đó chấm dứt trong người đó. Với sự chấm-dứt sự hoan- hỷ của sự tách-ly, sự ưu-tư khởi sinh, và với sự chấm-dứt sự ưu-tư, sự ho- an-hỷ của sự tách-ly khởi sinh.962 Giống như ánh sáng mặt trời bao phủ chỗ bóng tối rời đi, và bóng tối bao phủ chỗ ánh sáng mặt trời rời đi; cũng giống như vậy, với sự chấm-dứt sự hoan-hỷ, sự ưu-tư khởi lên, và với sự chấm-dứt sự ưu-tư, sự hoan-hỷ khởi sinh.

18. "Này các Tỳ kheo, Như Lai hiểu điều này như vầy: Vị sa-môn hay bà-la-môn này, với sự từ bỏ những quan-điểm về quá khứ và tương lai … và với sự chấm-dứt sự ưu-tư, sự hoan-hỷ khởi sinh. (Trạng thái) đó là có điều-kiện (hữu vi) và thô tế, nhưng có sự chấm-dứt mọi sự tạo-tác (hành diệt).' Sau khi đã biết 'Có trạng thái này', sau khi đã nhìn thấy có sự thoát-khỏi đó, Như Lai đã vượt thoát khỏi đó.

19. (2) "Ở đây, này các Tỳ kheo, có sa-môn hay bà-la-môn, với sự từ bỏ những quan-điểm về quá khứ và tương lai, và nhờ sự hoàn toàn không để tâm tới những khoái-lạc giác quan là gông-cùm (dục lạc kiết sử), và bằng sự vượt trên sự hoan-hỷ của sự tách-ly, chứng nhập và an trú trong sự khoái-lạc phi thế tục (phi phàm lạc).963 Người đó nghĩ: '(Trạng thái) này là bình an, này là siêu phàm, đó là: ta chứng nhập và an trú trong sự khoái- lạc phi thế tục.' Rồi sự khoái-lạc phi thế tục đó chấm dứt trong người đó. Với sự chấm-dứt sự khoái-lạc phi thế tục, sự hoan-hỷ của sự tách-ly khởi sinh, và với sự chấm-dứt sự hoan-hỷ của sự tách-ly, sự khoái-lạc phi thế tục khởi sinh. Giống như ánh sáng mặt trời bao phủ chỗ bóng tối rời đi, và bóng tối bao phủ chỗ ánh sáng mặt trời rời đi; cũng giống như vậy, với sự chấm-dứt sự khoái-lạc phi thế tục, sự hoan-hỷ của sự tách-ly khởi lên, và với sự chấm-dứt sự hoan-hỷ của sự tách-ly, sự khoái-lạc phi thế tục khởi sinh.

20. “Này các Tỳ kheo, Như Lai hiểu điều này như vầy: Vị sa-môn hay bà-la-môn này, với sự từ bỏ những quan-điểm về quá khứ và tương lai …

và với sự chấm-dứt sự hoan-hỷ của sự tách-ly, sự khoái-lạc phi thế tục khởi sinh. (Trạng thái) đó là có điều-kiện (hữu vi) và thô tế, nhưng có sự chấm-dứt mọi sự tạo-tác (hành diệt).’ Sau khi đã biết ‘Có trạng thái này’, sau khi đã nhìn thấy có sự thoát-khỏi đó, Như Lai đã vượt thoát khỏi đó.

21. (3) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có sa-môn hay bà-la-môn, với sự từ bỏ những quan-điểm về quá khứ và tương lai, và nhờ sự hoàn toàn không để tâm tới những khoái-lạc giác quan là gông-cùm (dục lạc kiết sử), và bằng sự vượt trên sự hoan-hỷ của sự tách-ly và vượt trên sự khoái-lạc phi thế tục, chứng nhập và an trú trong cảm-giác không khổ không sướng (trung tính).964 Người đó nghĩ: ‘(Trạng thái) này là bình an, này là siêu phàm, đó là: ta chứng nhập và an trú trong cảm-giác không còn sướng khổ.’ Rồi cảm-giác không khổ không sướng đó chấm-dứt trong người đó. Với sự chấm-dứt cảm-giác không khổ không sướng, sự khoái-lạc phi thế tục khởi sinh, và với sự chấm-dứt sự khoái-lạc phi thế tục, cảm-giác không khổ không sướng khởi sinh. Giống như ánh sáng mặt trời bao phủ chỗ bóng tối rời đi, và bóng tối bao phủ chỗ ánh sáng mặt trời rời đi; cũng giống như vậy, với sự chấm-dứt cảm-giác không khổ không sướng, sự khoái-lạc phi thế tục khởi lên, và với sự chấm-dứt sự khoái-lạc phi thế tục, cảm-giác không khổ không sướng khởi sinh.

22. “Này các Tỳ kheo, Như Lai hiểu điều này như vầy: Vị sa-môn hay bà-la-môn này, với sự từ bỏ những quan-điểm về quá khứ và tương lai … và với sự chấm-dứt sự khoái-lạc phi thế tục, cảm-giác không khổ không sướng khởi sinh. (Trạng thái) đó là có điều-kiện (hữu vi) và thô tế, nhưng có sự chấm-dứt mọi sự tạo-tác (hành diệt).’ Sau khi đã biết ‘Có trạng thái này’, sau khi đã nhìn thấy có sự thoát-khỏi đó, Như Lai đã vượt thoát khỏi đó.

23. (4) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có sa-môn hay bà-la-môn, với sự từ bỏ những quan-điểm về quá khứ và tương lai, và nhờ sự hoàn toàn không để tâm tới những khoái-lạc giác quan là gông-cùm (dục lạc kiết sử), và bằng sự vượt trên sự hoan-hỷ của sự tách-ly, vượt trên sự khoái-lạc phi thế tục,

và vượt trên cảm-giác không khổ không sướng, coi bản thân mình như vầy: ‘Ta là bình an, ta đã chứng ngộ Niết-bàn, ta không còn sự dính- chấp.’965

24. “Này các Tỳ kheo, Như Lai hiểu điều này như vầy: Vị sa-môn hay bà-la-môn này, với sự từ bỏ những quan-điểm về quá khứ và tương lai … coi bản thân mình như vầy: “Ta là bình an, ta đã chứng ngộ Niết-bàn, ta không còn sự dính-chấp.” Chắc chắn vị này khẳng định con-đường hướng tới Niết-bàn. Nhưng vị sa-môn hay bà-la-môn này vẫn còn dính-chấp (chấp thủ), đó là sự dính-chấp theo một ‘quan-điểm về quá khứ’, hay một ‘quan-điểm về tương lai’, hay theo khoái-lạc giác quan là một gông-cùm’ (dục lạc

kiết sử), hay theo 'sự hoan-hỷ của sự tách-ly', hay theo 'sự khoái- lạc phi thế tục', hay theo 'cảm-giác không còn sướng khổ'. Và khi vị này coi bản thân mình là như vầy: "Ta là bình an, ta đã chứng ngộ Niết-bàn, ta không còn sự dính-chấp", thì điều đó cũng được tuyên bố là sự dính-chấp về phần của vị sa-môn hay bà-la-môn này.966 (Trạng thái) đó là có điều- kiện (hữu vi) và thô tế, nhưng có sự chấm-dứt mọi sự tạo-tác (hành diệt).' Sau khi đã biết 'Có trạng thái này', sau khi đã nhìn thấy có sự thoát-khỏi đó, Như Lai đã vượt thoát khỏi đó.

25. "Này các Tỳ kheo, trạng thái tối thượng này của sự bình-an siêu phàm đã được khám phá bởi Như Lai, đó là: sự giải-thoát nhờ sự không- còn dính-chấp (vô thủ, thủ diệt),967 bằng cách hiểu-được (liễu ngộ, chánh giác) sự khởi-sinh (sinh), sự biến-mất (diệt), sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sáu cơ-sở tiếp-xúc (sáu xứ), đúng như chúng thực là. Này các Tỳ kheo, đó là trạng thái tối thượng của sự bình-an siêu phàm đã được phám phá bởi Như Lai, đó là: sự giải-thoát nhờ sự không-còn dính-chấp, bằng sự hiểu-được sự khởi-sinh (sinh), sự biến-mất (diệt), sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sáu cơ-sở tiếp-xúc (sáu xứ), đúng như chúng thực là."968 Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

30 • Chương 1

103. KINH NGHĨ GÌ VỀ TA (Kinti Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kusinārā, trong Khu Rừng Cúng Dường. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo"—"Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. "Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ gì về ta? Rằng sa-môn Cồ-đàm chỉ dạy Giáo Pháp để có được y-áo? Hoặc sa-môn Cồ-đàm chỉ dạy Giáo Pháp để có được thức-ăn? Hoặc sa-môn Cồ-đàm chỉ dạy Giáo Pháp để có được chỗ-ở? Hoặc sa-môn Cồ-đàm chỉ dạy Giáo Pháp để có được trạng thái hiện-hữu (tái sinh) tốt hơn?"969 "Thưa Thế Tôn, chúng con không nghĩ về đức Thế Tôn: 'Sa-môn Cồ- đàm chỉ dạy Giáo Pháp để có được y-áo, hay để có được thức-ăn, hay để có được chỗ-ở, hay để có được trạng thái hiện-hữu tốt hơn nào đó.'" "Này các Tỳ kheo, các thầy không nghĩ (như vậy) … Vậy thì các thầy nghĩ gì về ta?" "Thưa Thế Tôn, chúng con nghĩ về đức Thế Tôn: 'Đức Thế Tôn là bi- mẫn và tìm kiếm sự phúc-lợi cho chúng con; bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp vì lòng bi-mẫn.'" "Này các Tỳ kheo, vậy là các thầy nghĩ về ta như vầy: 'Đức Thế Tôn là bi-mẫn và tìm kiếm sự phúc-lợi cho chúng con; bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp vì lòng bi-mẫn.'

3. "Vậy thì, này các Tỳ kheo, những điều này ta đã chỉ dạy cho các thầy sau khi đã tự mình trực-tiếp biết chúng—đó là: bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ), bốn loại sự chuyên-cần tu đúng đắn (tứ chánh cần), bốn cơ- sở (tạo nên) năng-lực tâm linh (thần thông) (tứ thần túc), năm căn (ngũ căn), năm năng-lực (ngũ lực), bảy chi giác-ngộ (thất giác chi), Con đường Tám phần Thánh thiện (bát thánh đạo)—trong những (pháp tu) này, các

32 • Chương 1

thầy nên tu tập một cách hòa thuận, với sự tôn trọng lẫn nhau, không tranh cãi nhau.

4. (I) “Trong khi các thầy đang tu tập (những phần tu nói trên) một cách hòa thuận, với sự tôn trọng lẫn nhau, không tranh cãi nhau, nhưng có thể có hai Tỳ kheo nói ra những điều khẳng định khác nhau về Giáo Pháp bậc cao (diệu pháp).970

5. (1) “Giờ, nếu các thầy nghĩ như vầy: ‘Các vị Tỳ kheo này (nói) khác nhau về cả ý nghĩa và câu chữ’971—nếu các thầy nghĩ Tỳ kheo nào là biết- điều hơn (có lý hơn, biết lý lẽ hơn) thì nên đến gặp vị Tỳ kheo đó và nói như vầy: ‘Các vị khác nhau về cả ý nghĩa và câu chữ. Các vị nên biết rằng lý do là có sự khác nhau về ý nghĩa và khác nhau về câu chữ. Đừng để rơi vào một cuộc tranh cãi vì những điều đó.’ “Rồi nếu các thầy nghĩ Tỳ kheo nào là biết-điều nhất bên phía những người nghịch ý thì đến gặp vị Tỳ kheo đó và nói như vầy: ‘Các vị khác nhau về cả ý nghĩa và câu chữ. Các vị nên biết rằng lý do là có sự khác nhau cả về ý nghĩa và về câu chữ; các vị đừng để rơi vào một cuộc tranh cãi vì những điều đó.’ “Nhờ vậy, những điều nào bị nắm bắt sai nên ghi nhớ trong tâm là điều đã bị nắm bắt sai. Ghi nhớ trong tâm điều đã bị nắm bắt sai là điều bị nắm bắt sai, điều gì (đúng) là Giáo Pháp và điều gì (đúng) là giới luật thì nên được giảng giải ra.

6. (2) “Giờ, nếu các thầy nghĩ như vầy: ‘Các vị Tỳ kheo này khác nhau về ý nghĩa, nhưng giống nhau về câu chữ’—nếu các thầy nghĩ Tỳ kheo nào biết-điều hơn thì đến gặp vị Tỳ kheo đó và nói như vầy: ‘Các vị khác nhau về ý nghĩa, nhưng giống nhau về câu chữ. Các vị nên biết rằng lý do là có sự khác nhau về ý nghĩa, nhưng giống nhau về câu chữ. Đừng để rơi vào một cuộc tranh cãi vì điều đó.’ “Rồi nếu các thầy nghĩ Tỳ kheo nào là biết-điều nhất bên phía những người nghịch ý thì đến gặp vị Tỳ kheo đó và nói như vầy: ‘Các vị khác

nhau về ý nghĩa, nhưng giống nhau về câu chữ. Các vị nên biết rằng lý do là có sự khác nhau về ý nghĩa, nhưng giống nhau về câu chữ; các vị đừng để rơi vào một cuộc tranh cãi vì điều đó.’ “Nhờ vậy, những điều nào bị nắm bắt sai nên ghi nhớ trong tâm là điều đã bị nắm bắt sai. Ghi nhớ trong tâm điều đã bị nắm bắt sai là điều bị nắm bắt sai, điều gì (đúng) là Giáo Pháp và điều gì (đúng) là Giới Luật thì nên được giảng giải ra.

7. (3) “Giờ, nếu các thầy nghĩ như vầy: ‘Các vị Tỳ kheo này giống nhau về ý nghĩa, nhưng khác nhau về câu chữ’—nếu các thầy nghĩ Tỳ kheo nào biết-điều hơn thì đến gặp vị Tỳ kheo đó và nói như vầy: ‘Các vị giống nhau về ý nghĩa, nhưng khác nhau về câu chữ. Các vị nên biết rằng lý do là có sự giống nhau về ý nghĩa, nhưng khác nhau về câu chữ. Nhưng câu chữ chỉ là chuyện nhỏ nhặt. Đừng để rơi vào một cuộc tranh cãi vì chuyện nhỏ nhặt đó.’972 “Rồi nếu các thầy nghĩ Tỳ kheo nào là biết-điều nhất bên phía những người nghịch ý thì đến gặp vị Tỳ kheo đó và nói như vầy: ‘Các vị giống nhau về ý nghĩa, nhưng khác nhau câu chữ. Các vị nên biết rằng lý do là có sự giống nhau về ý nghĩa, nhưng khác nhau về câu chữ; các vị đừng để rơi vào một cuộc tranh cãi vì chuyện nhỏ nhặt đó.’ “Nhờ vậy, những điều nào bị nắm bắt sai nên ghi nhớ trong tâm là điều đã bị nắm bắt sai. Ghi nhớ trong tâm điều đã bị nắm bắt sai là điều bị nắm bắt sai, điều gì (đúng) là Giáo Pháp và điều gì (đúng) là giới luật thì nên được giảng giải ra.

8. (4) “Giờ, nếu các thầy nghĩ như vầy: ‘Các vị Tỳ kheo này giống nhau về cả ý nghĩa và câu chữ’—nếu các thầy nghĩ Tỳ kheo nào là biết-điều hơn thì đến gặp vị Tỳ kheo đó và nói như vầy: ‘Các vị giống nhau về cả ý nghĩa và câu chữ. Các vị nên biết rằng lý do là có sự giống nhau về cả ý nghĩa và câu chữ. Đừng để rơi vào một cuộc tranh cãi.’ “Rồi nếu các thầy nghĩ Tỳ kheo nào là biết-điều nhất bên phía những

người nghịch ý thì nên gặp vị Tỳ kheo đó và nói như vầy: ‘Các vị giống nhau về cả ý nghĩa và câu chữ. Các vị nên biết rằng lý do là có sự giống nhau về cả ý nghĩa và câu chữ; các vị đừng để các vị rơi vào một cuộc tranh cãi.’ “Nhờ vậy, những điều nào bị nắm bắt sai nên ghi nhớ trong tâm là điều đã bị nắm bắt sai. Ghi nhớ trong tâm điều đã bị nắm bắt sai là điều bị nắm bắt sai, điều gì (đúng) là Giáo Pháp và điều gì (đúng) là Giới Luật thì nên được giảng giải ra.

9. (II) “Trong khi các thầy đang sống tu tập một cách hòa thuận, với sự tôn trọng lẫn nhau, không tranh cãi nhau, nhưng có thể có Tỳ kheo phạm giới hay phạm luật.973

10. Bấy giờ, này các Tỳ kheo, các thầy không nên vội khiển trách người đó; thay vì vậy, người đó nên được (chúng ta) xem xét như vầy: (1) ‘Ta sẽ không bị rắc rối và người đó sẽ không bị tổn thương; vì người đó không bị làm nổi giận hay oán ghét, người đó không dính nặng theo kiến- chấp của mình và dễ dàng từ bỏ nó, và ta sẽ làm cho người đó thoát khỏi điều bất thiện và thiết lập người đó trong điều thiện lành.’ Nếu các thầy có ý nghĩ như vậy, này các Tỳ kheo, thì điều đó là thích đáng (phù hợp, đúng đắn) để nói ra.

11. “Rồi, này các Tỳ kheo, nếu các thầy có ý nghĩ khác như vầy: (2) ‘Ta sẽ không bị rắc rối, nhưng người đó sẽ bị tổn thương, vì người đó sẽ bị làm nổi giận và oán ghét. Tuy nhiên, người đó không dính nặng theo kiến-chấp của mình và người đó dễ dàng từ bỏ nó, và ta vẫn có thể làm cho người đó thoát khỏi điều bất thiện và thiết lập người đó trong điều thiện lành. Người đó sẽ bị tổn thương cũng chỉ là chuyện nhỏ, nhưng chuyện lớn hơn là ta có thể làm cho người đó thoát khỏi điều bất thiện và thiết lập người đó trong điều thiện lành.’ Nếu các thầy có ý nghĩ như vậy, này các Tỳ kheo, thì điều đó là thích đáng để nói ra.

12. “Rồi, này các Tỳ kheo, nếu các thầy có ý nghĩ khác như vầy: (3) ‘Ta sẽ bị rắc rối, nhưng người đó sẽ không bị tổn thương, vì người đó sẽ

không bị làm nổi giận và oán ghét, mặc dù người đó bị dính nặng theo các kiến chấp này nọ của mình và người đó khó từ bỏ nó; nhưng ta vẫn có thể làm cho người đó thoát khỏi điều bất thiện và thiết lập người đó trong điều thiện lành. Ta có bị rắc rối cũng chỉ là chuyện nhỏ, nhưng chuyện lớn hơn là ta có thể làm cho người đó thoát khỏi điều bất thiện và thiết lập người đó trong điều thiện.’ Nếu các thầy có ý nghĩ này, này các Tỳ kheo, thì điều đó cũng thích đáng để nói ra.

13. “Rồi, này các Tỳ kheo, nếu các thầy có ý nghĩ khác như vầy: (4) ‘Ta sẽ bị rắc rối, và người đó sẽ bị tổn thương; vì người đó sẽ bị làm nổi giận và oán ghét; và người đó cũng bị dính nặng theo kiến-chấp của mình và người đó khó từ bỏ nó; nhưng ta vẫn có thể làm cho người đó thoát khỏi điều bất thiện và thiết lập người đó trong điều thiện lành. Ta có bị rắc rối và người đó có bị tổn thương cũng chỉ là chuyện nhỏ; nhưng chuyện lớn hơn là ta có thể làm cho người đó thoát khỏi điều bất thiện và thiết lập người đó trong điều thiện.’ Nếu các thầy có ý nghĩ này, này các Tỳ kheo, thì điều đó cũng thích đáng để nói ra.

14. “Rồi, này các Tỳ kheo, nếu các thầy có ý nghĩ khác như vầy: (5) ‘Ta sẽ bị rắc rối, và người đó sẽ bị tổn thương; vì người đó sẽ bị làm nổi giận và oán ghét; và người đó cũng bị dính nặng theo kiến-chấp của mình và người đó khó từ bỏ nó; và ta không thể làm người đó thoát khỏi điều bất thiện và thiết lập người đó trong điều thiện.’ (Trong trường hợp này) các thầy cũng không nên giảm bớt sự buông-xả đối với người đó (nghĩa là, hãy hết mực buông-xả đối với người như vậy).

15. (III) “Trong khi các thầy đang sống tu tập một cách hòa thuận, với sự tôn trọng lẫn nhau, không tranh cãi nhau, nhưng có thể phát sinh sự đụng chạm về lời nói, sự phiền phức trong tâm ý, sự ngược ngạo về quan- điểm này nọ, sự cay đắng, và sự chán nản. (1) Lúc đó, nếu các thầy nghĩ Tỳ kheo nào là biết-điều nhất bên phía những người nghịch ý thì đến gặp vị Tỳ kheo đó và nói như vầy: ‘Khi các thầy đang sống tu tập một cách hòa thuận, với sự tôn trọng lẫn nhau,

không tranh cãi nhau, nhưng có thể sẽ phát sinh sự đụng chạm về lời nói, sự phiền phức trong tâm ý, sự ngược ngạo về quan-điểm này nọ, sự cay đắng, và sự chán nản. Nếu Sư Thầy (như Đức Phật, sư phụ) biết, liệu Sư Thầy có cấm điều đó không?’974 Nếu trả lời cho đúng, vị Tỳ kheo đó sẽ trả lời rằng: ‘Nếu Sư Thầy biết được, Sư Thầy sẽ cấm điều đó.’ “‘Nhưng, này đạo hữu, nếu không dẹp bỏ được điều đó, một người tu có thể chứng ngộ tới Niết-bàn hay không?’ Nếu trả lời cho đúng, vị Tỳ kheo đó sẽ trả lời rằng: ‘Này đạo hữu, nếu không dẹp bỏ được điều đó, người tu không thể chứng ngộ tới Niết-bàn.’975 “(2) Lúc đó, nếu các thầy nghĩ Tỳ kheo nào là biết-điều nhất trong nhóm những người nghịch ý thì đến gặp vị Tỳ kheo đó và nói như vầy: ‘Khi các thầy đã sống tu tập một cách hòa thuận, với sự tôn trọng lẫn nhau, không tranh cãi nhau, nhưng đã phát sinh sự đụng chạm về lời nói, sự phiền phức trong tâm ý, sự ngược ngạo về quan-điểm này nọ, sự cay đắng, và sự chán nản. Nếu Sư Thầy (như Đức Phật, sư phụ) biết, liệu Sư Thầy có cấm điều đó không?’ Nếu trả lời cho đúng, vị Tỳ kheo đó sẽ trả lời rằng: ‘Nếu Sư Thầy biết được, Sư Thầy sẽ cấm điều đó.’ “‘Nhưng, này đạo hữu, nếu không dẹp bỏ được điều đó, một người tu có thể chứng ngộ tới Niết-bàn hay không?’ Nếu trả lời cho đúng, vị Tỳ kheo đó sẽ trả lời rằng: ‘Này đạo hữu, nếu không dẹp bỏ được điều đó, người tu không thể chứng ngộ tới Niết-bàn.’

16. (3) “Nếu những người khác hỏi vị Tỳ kheo đó như vầy: ‘Có phải do chính thầy (là người) đã làm cho những Tỳ kheo đó thoát khỏi điều bất thiện và thiết lập họ trong

điều thiện lành, hay không?' Nếu trả lời cho đúng, vị Tỳ kheo đó sẽ trả lời rằng: 'Này đạo hữu, tôi đã đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã dạy tôi Giáo Pháp. Sau khi nghe được Giáo Pháp, tôi đã nói lại cho các Tỳ kheo. Các Tỳ kheo đã nghe được Giáo Pháp, và tự họ đã thoát ra khỏi điều bất thiện và thiết lập họ trong sự thiện lành.' Khi trả lời như vậy, vị Tỳ kheo đó không đề cao mình hay chê bai người khác; thầy đó trả lời đúng theo Giáo Pháp theo một cách không tạo cơ sở

gì để (người khác) có thể dẫn ra (chỉ ra) để chỉ trích câu trả lời của thầy ấy." Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với những lời dạy của đức Thế Tôn.

104. KINH LÀNG SĀMA (Sāmagāma Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-Ca, ở làng Sāma (Sāmagāma).

2. Bấy giờ, vào lúc có (giáo chủ) Ni-kiền-tử Nātaputta vừa mới chết ở Pāvā.976 Sau khi ông chết, những Ni-kiền-tử đã chia rẽ, chia thành hai phe; và họ nhảy vào cuộc tranh cãi và cự cãi và lún sâu vào những sự tranh chấp, đâm chọt nhau bằng những mũi tên lời-nói như vầy: "Ông không hiểu Giáo Pháp và Giới Luật này. Tôi thì hiểu Giáo Pháp và Giới Luật này. Làm sao ông hiểu được Giáo Pháp và Giới Luật này? Cách của ông là sai. Cách của tôi là đúng. Tôi nhất quán. Ông không nhất quán. Điều nên nói trước ông lại nói sau. Điều nên nói sau ông lại nói trước. Điều ông đã suy nghĩ kỹ càng hóa thành lộn ngược trong ngoài. Điều khẳng định của ông đã bị lộ tẩy. Ông đã bị bác bỏ. Đi về học hỏi cho tốt hơn, hoặc tự mà gỡ rối bản thân nếu có thể!" Dường như chẳng khác gì là sự sát phạt giữa những học trò của Ni-kiền-tử Nātaputta. Và những đệ tử tại gia mặc áo trắng của ông ta thấy ghê sợ, thất kinh, và thất vọng với những học trò của Ni-kiền-tử Nātaputta, khi họ đã theo Giáo Pháp và Giới Luật được tuyên bố một cách tồi tệ và được thuyết giảng một cách tồi tệ của ông ta, nó không mang tính giải thoát, không đưa đến sự bình an, được thuyết giảng bởi người không giác-ngộ toàn thiện, và giờ đây với ngôi đền của nó đã bị phá vỡ, không còn nơi nào để nương tựa.977

3. Rồi sa-di Cunda,978 người mới trải qua kỳ an cư Mùa Mưa ở Pāvā, lúc đó đến gặp Ngài Ānanda, và sau khi kính chào, thấy ấy ngồi xuống một bên và thưa với thầy Ānanda chuyện đã xảy ra. Thầy Ānanda mới nói với sa-di Cunda: "Này đạo hữu Cunda, tin tức này nên được thưa lại với đức Thế Tôn. Nào, chúng ta hãy đến chỗ đức Thế Tôn và thưa lại với đức Thế Tôn." "Dạ, thưa thầy", sa-di Cunda đáp lại.

4. Rồi thầy Ānanda và sa-di Cunda đã đến chỗ đức Thế Tôn. Sau khi kính lễ, họ ngồi xuống một bên, và thầy Ānanda đã thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, sa-di Cunda này nói như vầy: 'Thưa thầy, Ni-kiền-tử Nātaputta vừa mới chết. Sau khi ông chết, những Ni-kiền-tử đã chia rẽ, chia thành hai phe … và giờ đây với ngôi đền của nó đã bị

phá vỡ, không còn nơi nào để nương tựa.' Thưa Thế Tôn, con thiết nghĩ: 'Mong sao không có tranh chấp khởi sinh trong Tăng Đoàn sau khi đức Thế Tôn đi xa. Bởi vì sự tranh chấp như vậy sẽ là sự nguy hại và bất hạnh cho nhiều người, là sự mất mát, sự nguy hại, và khổ đau cho những thiên thần và loài người.'"

5. "Này Ānanda, thầy nghĩ sao? Những điều này ta đã chỉ dạy cho các thầy sau khi đã tự mình trực-tiếp biết chúng—đó là: bốn nền tảng chánh- niệm (tứ niệm xứ), bốn loại sự chuyên-cần tu đúng đắn (tứ chánh cần), bốn cơ-sở (tạo nên) năng-lực tâm linh (thần thông) (tứ thần túc), năm căn (ngũ căn), năm năng-lực (ngũ lực), bảy chi giác-ngộ (thất giác chi), Con đường Tám phần Thánh thiện (bát thánh đạo)—trong những (pháp tu) này, các thầy nên tu tập một cách hòa hợp, với sự tôn trọng lẫn nhau, không tranh cãi nhau—này Ānanda, thầy có thấy ngay cả có hai Tỳ kheo cũng có thể nói những điều khẳng định khác nhau về những (giáo pháp) đó, hay không?" "Dạ không, thưa Thế Tôn, con không thấy ngay cả có hai Tỳ kheo cũng nói ra những điều khẳng định khác nhau về những (giáo pháp) đó. Nhưng, thưa Thế Tôn, có những người sống cung kính đối với đức Thế Tôn, sau khi đức Thế Tôn mất đi, họ gây ra sự tranh chấp trong Tăng Đoàn về cách sống và về giới bổn Pātimokkha (Giới Luật Tỳ Kheo).979 Sự tranh chấp như vậy sẽ là sự nguy hại và bất hạnh cho nhiều người, là sự mất mát, sự nguy hại, và khổ đau cho những thiên thần và loài người.' "Này Ānanda, sự tranh chấp về cách sống hay về giới bổn Pātimokkha còn là chuyện nhỏ nhặt. Nhưng sẽ có sự tranh chấp khởi sinh trong Tăng Đoàn về đạo hay cách-tu,980 sự tranh chấp đó mới là sự nguy hại và bất

hạnh cho nhiều người, là sự mất mát, sự nguy hại, và sự khổ đau cho những thiên thần và loài người.

6. (A) "Này Ānanda, có sáu gốc rễ tạo những tranh chấp. Sáu đó là gì? Này Ānanda, một Tỳ kheo là (i) hay sân-giận và hung-hăng. Tỳ kheo đó sống không có sự tôn trọng và kính trọng đối với Vị Thầy, Giáo Pháp và Tăng Đoàn, và người đó không hoàn thành sự tu-tập. Một Tỳ kheo như vậy sống không có sự tôn trọng và kính trọng đối với Vị Thầy, Giáo Pháp và Tăng Đoàn, và người đó là người không hoàn thành sự tu-tập, thì tạo ra tranh chấp trong Tăng đoàn, dẫn tới sự nguy hại và bất hạnh cho số đông, dẫn tới sự mất mát, sự nguy-hại và sự khổ đau cho những thiên thần và loài người. Giờ nếu các thầy nhìn thấy bất kỳ gốc rễ nào, bên trong mình hoặc ở bên ngoài, gây ra tranh chấp, thì các thầy phải chuyên-cần tu để trừ bỏ cái gốc rễ xấu gây ra tranh chấp đó. Và nếu các thầy không nhìn thấy gốc rễ nào, bên trong mình hay ở bên ngoài, gây ra tranh chấp, thì các thầy cũng phải tu tập theo cách để cho gốc rễ tranh chấp không phát sinh lại trong tương lai. (a) Như vậy là có sự trừ bỏ gốc rễ xấu gây ra tranh chấp; (b) như vậy là có sự không phát sinh lại gốc rễ xấu gây tranh chấp trong tương lai.

7. –11. "Lại nữa, một Tỳ kheo là (ii) kinh-thường và xấc-xược … (iii) ghen-tỵ và keo-kiệt … (iv) lừa-dối và gian-lận … (v) có những ý-định xấu và cách-nhìn sai lạc (tà kiến) … (vi) cố-chấp theo những cách-nhìn sai lạc của mình, bám chặt vào chúng một cách ngoan cố, khó mà từ bỏ chúng. Tỳ kheo đó sống không có sự tôn trọng và kính trọng đối với Vị

Thầy, Giáo Pháp và Tăng Đoàn, và người đó không hoàn thành sự tu-tập. Một Tỳ kheo như vậy sống không có sự tôn trọng và kính trọng đối với Vị Thầy, Giáo Pháp và Tăng Đoàn, và người đó là người không hoàn thành sự tu-tập, thì tạo ra tranh chấp trong Tăng Đoàn, dẫn tới sự nguy hại và bất hạnh cho số đông, dẫn tới sự mất mát, sự nguy-hại và sự khổ đau cho những thiên thần và loài người. Giờ nếu các thầy nhìn thấy bất kỳ gốc rễ nào, bên trong mình hoặc ở bên ngoài, gây ra tranh chấp, thì các thầy phải chuyên-cần tu để trừ bỏ cái gốc rễ xấu gây ra tranh chấp đó. Và nếu các

thầy không nhìn thấy gốc rễ nào, bên trong mình hay ở bên ngoài, gây ra tranh chấp, thì các thầy cũng phải tu tập theo cách để cho gốc rễ tranh chấp không phát sinh lại trong tương lai. (a) Như vậy là có sự trừ bỏ gốc rễ xấu gây ra tranh chấp; (b) như vậy là có sự không phát sinh lại gốc rễ xấu gây tranh chấp trong tương lai. Đây là sáu gốc rễ gây ra tranh chấp.981

12. (B) “Này Ānanda, có bốn loại vấn-đề (sự xét xử) về giới luật. Bốn đó là gì? (i) Vấn-đề về giới luật đối với một vụ tranh-chấp; (ii) vấn-đề về giới luật đối với một vụ buộc-tội; (iii) vấn-đề về giới luật đối với một vụ phạm-tội, và (iv) vấn-đề về giới luật liên quan đến những thủ-tục. Đây là bốn loại vấn-đề (sự xét xử) về giới luật.982

13. (C) “Này Ānanda, có bảy loại sự giải-quyết cho những vấn-đề về giới luật.983 Để giải quyết và làm dịu những vấn-đề (vụ xét xử) về giới luật mỗi khi chúng phát sinh: (i) có thể loại bỏ những vấn-đề (vụ xét xử) về giới luật bằng sự hiện-diện (đối đầu, đối chất) của các bên, (ii) có thể loại bỏ những vấn-đề về giới luật bằng ý-kiến của đa số, (iii) có thể loại bỏ những vấn-đề về giới luật bằng cách dựa vào trí-nhớ, (iv) có thể loại bỏ những vấn-đề về giới luật bằng cách vào (căn cứ là) sự mất-trí trước đó, (v) bằng cách tuyên bố sự thú tội, (vi) bằng sự tuyên bố về tính cách xấu ác (của mình) đối với một người khác, và (vii) bằng ‘sự bao phủ bằng cỏ’.

14. (i) “Và theo cách nào là sự loại bỏ một vấn-đề về giới luật (vụ xét xử) bằng sự hiện-diện của các bên?984 Ở đây, khi các Tỳ kheo đang tranh cãi: ‘Điều đó là Giáo Pháp’ hoặc ‘Điều đó không phải Giáo Pháp’ hoặc ‘Điều đó là Giới Luật’ hoặc ‘Điều đó không phải Giới Luật’. Những Tỳ kheo nên họp mặt cùng nhau trong sự hòa hợp. Rồi, sau khi đã họp mặt, những nguyên lý hướng dẫn của Giáo Pháp cần phải được rút ra.985 Một khi những nguyên lý hướng dẫn của Giáo Pháp đã được rút ra, thì vấn-đề về giới luật đó nên được giải quyết theo cách đúng theo những nguyên lý đó. Như vậy là sự loại bỏ một vấn-đề về giới luật bằng sự hiện-diện của các bên. Và như vậy ở đây sẽ có sự giải-quyết những vấn-đề về giới luật bằng sự hiện-diện của các bên.

15. (ii) “Và theo cách nào là sự loại bỏ một vấn đề về giới luật (vụ xét xử) bằng ý-kiến của đa số? Nếu những Tỳ kheo đó không thể giải quyết vấn-đề về giới luật đó ở nơi tăng trú (chùa, tu viện, tịnh xá) của họ, thì họ nên đi đến một nơi tăng trú khác có số lượng Tỳ kheo nhiều hơn. Ở đó họ nên họp mặt cùng nhau trong sự hòa hợp. Rồi, sau khi đã họp mặt, những nguyên lý hướng dẫn của Giáo Pháp cần phải được rút ra. Một khi

những nguyên lý hướng dẫn của Giáo Pháp đã được rút ra, thì vấn-đề về giới luật đó nên được giải quyết theo cách đúng theo những nguyên lý đó. Như vậy là có ý kiến của đa số. Và như vậy ở đây sẽ có sự giải-quyết những vấn-đề về giới luật bằng ý-kiến của đa số.

16. (iii) "Và theo cách nào là sự loại bỏ một vấn đề về giới luật (vụ xét xử) bằng cách dựa vào trí-nhớ?986 Ở đây một Tỳ kheo khiển trách một Tỳ kheo khác vì vi phạm một tội nặng như vầy như vậy, tội liên quan đến sự suy bại hoặc gần đến sự suy bại, như vầy:987 'Vậy quý thầy có nhớ mình đã vi phạm một tội nặng như vầy như vậy, tội liên quan đến sự suy bại hoặc gần đến sự suy bại, hay không?' Người đó trả lời: 'Thưa các đạo hữu, tôi nhớ mình đã không vi phạm một tội nặng như vầy như vậy, một tội nặng liên quan đến sự suy bại hoặc gần đến sự suy bại.' Trong trường hợp này có thể cho phép sự loại bỏ vấn-đề (vụ xét xử) về giới luật dựa vào trí nhớ. Như vậy là có sự loại bỏ một vấn-đề về giới luật bằng cách dựa vào trí-nhớ. Và như vậy ở đây sẽ có sự giải-quyết những vấn-đề về giới luật bằng cách dựa vào trí-nhớ.

17. (iv) "Và theo cách nào là sự loại bỏ một vấn đề về giới luật (vụ xét xử) bằng cách dựa vào (căn cứ là) sự mất-trí trước đó?988 Ở đây một Tỳ kheo khiển trách một Tỳ kheo khác vì vi phạm một tội nặng như vầy như vậy, tội liên quan đến sự suy bại hoặc gần đến sự suy bại, như vầy: 'Vậy quý thầy có nhớ mình đã vi phạm một tội nặng như vầy như vậy, tội liên quan đến sự suy bại hoặc gần đến sự suy bại, hay không?' Người đó trả lời: 'Thưa các đạo hữu, tôi không nhớ mình đã vi phạm một tội nặng như vầy như vậy, một tội nặng liên quan đến sự suy bại hoặc gần đến sự suy bại.' Mặc cho sự chối tội, người khiển trách vẫn chất vấn người vi phạm

thêm nữa: 'Chắc chắc quý thầy biết rõ nếu quý thầy nhớ lại mình đã vi pham một tội nặng như vầy như vậy, tội liên quan đến sự suy bại hoặc gần đến sự suy bại, phải không?' Người đó trả lời: 'Này đạo hữu, tôi đã điên khùng, tôi đã mất tâm trí, và khi tôi điên khùng tôi đã nói và đã làm những điều không phù hợp với tư cách một tu sĩ (sa-môn).' Trong trường hợp này có thể cho phép sự loại bỏ vấn-đề về giới luật (vụ xét xử) bằng cách dựa vào (căn cứ là) sự mất-trí trước đó. Như vậy là có sự loại bỏ một vấn-đề về giới luật bằng cách dựa vào (căn cứ là) sự mất-trí trước đó. Và như vậy ở đây sẽ có sự giải-quyết những vấn-đề về giới luật bằng cách dựa vào (căn cứ là) sự mất-trí trước đó.

18. (v) "Và theo cách nào có sự tuyên bố lời thú tội? Ở đây, một Tỳ kheo, dù bị khiển trách hay không bị khiển trách, nhớ một tội (mình đã phạm), khai báo nó, và công khai nó. Người đó nên đến gặp một Tỳ kheo trưởng lão, và sau khi sửa lại phần y áo trên một vai, người đó kính lễ dưới chân vị trưởng lão. Rồi, khi đang ngồi trên gót chân mình, người đó chấp hai tay và kính thưa: 'Thưa thầy, con đã vi phạm một tội như vầy như vậy; con xin thú tội.' Vị trưởng lão nói: 'Thầy có nhìn thấy tội không?'—'Dạ, con thấy'—'Vậy sau này thầy sẽ có thực hành sự kiềm- chế, hay không?'—'Dạ con sau này sẽ thực hành sự kiềm-chế'. Như vậy là có sự tuyên bố lời thú tội.989 Và như vậy ở đây

sẽ có sự giải-quyết những vấn-đề về giới luật bằng sự tuyên bố lời thú tội.

19. (vi) “Và theo cách nào có sự tuyên bố về tính cách xấu ác (của mình) đối với một người khác?990 Ở đây một Tỳ kheo khiển trách một Tỳ kheo khác vì vi phạm một tội nặng như vầy như vậy, tội liên quan đến sự suy bại hoặc gần đến sự suy bại, như vầy: ‘Vậy quý thầy có nhớ mình đã vi phạm một tội nặng như vầy như vậy, tội liên quan đến sự suy bại hoặc gần đến sự suy bại, hay không?’ Người đó trả lời: ‘Thưa các đạo hữu, tôi không nhớ mình đã vi phạm một tội nặng như vầy như vậy, một tội nặng liên quan đến sự suy bại hoặc gần đến sự suy bại.’ “Mặc cho sự chối tội, người khiển trách vẫn chất vấn người vi phạm

thêm nữa: ‘Chắc chắc quý thầy biết rõ nếu quý thầy nhớ lại mình đã vi pham một tội nặng như vầy như vậy, tội liên quan đến sự suy bại hoặc gần đến sự suy bại, phải không?’ Người đó trả lời: ‘Thưa các đạo hữu, tôi không nhớ mình đã vi phạm một tội nặng như vầy như vậy, một tội nặng liên quan đến sự suy bại hoặc gần đến sự suy bại. Nhưng, thưa các đạo hữu, tôi nhớ mình đã vi phạm một tội nhẹ như vầy như vậy.’ “Mặc cho sự chối tội, người khiển trách vẫn chất vấn người vi phạm thêm nữa: ‘Chắc chắc quý thầy biết rõ nếu quý thầy nhớ lại mình đã vi pham một tội nặng như vầy như vậy, tội liên quan đến sự suy bại hoặc gần đến sự suy bại, phải không?’ Người đó trả lời: ‘Thưa các đạo hữu, khi không được hỏi mà tôi còn thú nhận mình đã vi phạm một tội nhẹ như vậy; vậy khi được hỏi tại sao tôi lại không thú nhận mình đã vi phạm một tột nặng như vậy, một tội liên quan sự suy bại hoặc gần đến sự suy bại?’ “Người khiển trách nói: ‘Này đạo hữu, nếu đạo hữu đã không được hỏi, thì đạo hữu đã không thú nhận mình đã vi phạm một tội nhẹ như vậy; đó là lý do, nếu được hỏi, đạo hữu sẽ thú nhận mình đã vi phạm một tội nặng như vầy như vậy, một tội nặng liên quan đến sự suy bại hoặc gần đến sự suy bại, phải không? Chắc chắc quý thầy biết rõ nếu quý thầy nhớ lại mình đã vi pham một tội nặng như vầy như vậy, tội liên quan đến sự suy bại hoặc gần đến sự suy bại, phải không?’ “Người đó trả lời: ‘Thưa các đạo hữu, tôi nhớ mình đã vi phạm một tội nặng, một tội nặng liên quan đến sự suy bại hoặc gần đến sự suy bại. Lúc đó đã nói giỡn, lúc đó tôi đã nói sảng nói cuội khi tôi nói rằng tôi đã không vi phạm một tội nặng như vầy như vậy, một tội nặng liên quan đến sự suy bại hoặc gần đến sự suy bại.’ Như vậy là có sự tuyên bố về tính cách xấu ác của mình đối với một người khác. Và như vậy ở đây sẽ có sự giải-quyết những vấn-đề về giới luật bằng sự tuyên bố về tính cách xấu ác của mình đối với một người khác.

20. (vii) “Và theo cách nào là có “sự bao phủ bằng cỏ”?991 Ở đây, khi những Tỳ kheo đã nhảy vào tranh cãi và cự cãi và lún sâu vào những sự

tranh chấp, họ có thể đã nói và làm những điều không phù hợp đối với tư cách của một tu sĩ (sa-môn). Những Tỳ kheo đó nên họp mặt cùng nhau trong sự hòa hợp. (a) Sau khi họ đã họp mặt cùng nhau, một Tỳ kheo có trí trong số (đại diện) những Tỳ kheo thuộc một bên (tranh chấp) nên đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi chỉnh xếp phần y áo trên

một vai, vị đó chấp hai bàn tay đưa lên, và thỉnh cầu một sự biểu quyết chấp thuận của Tăng Đoàn, như vầy: 'Xin quý Tăng Đoàn hãy nghe tôi. Sau khi chúng tôi đã nhảy vào tranh cãi và cự cãi và lún sâu vào những sự tranh chấp, chúng tôi đã nói và làm những điều không phù hợp đối với tư cách của một tu sĩ (sa- môn). Nếu được chấp thuận bởi Tăng Đoàn, thì vì sự tốt lành của các vị này và vì sự tốt lành cho bản thân thôi, ngay giữa Tăng Đoàn, bằng phương pháp "bao phủ bằng cỏ", tôi xin thú nhận mọi tội lỗi của các vị này và của bản thân tôi, ngoại trừ những tội cần phải bị sự chỉ trích nghiêm trọng và những tội dính líu với những người tại gia.'992 "Rồi sau đó, (b) một Tỳ kheo có trí trong số (đại diện) những Tỳ kheo thuộc bên kia cũng nên đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi chỉnh xếp phần y áo trên một vai, vị đó chấp hai bàn tay đưa lên, và thỉnh cầu một sự biểu quyết chấp thuận của Tăng Đoàn, như vầy: 'Xin quý Tăng Đoàn hãy nghe tôi. Sau khi chúng tôi đã nhảy vào tranh cãi và cự cãi và lún sâu vào những sự tranh chấp, chúng tôi đã nói và làm những điều không phù hợp đối với tư cách của một tu sĩ (sa-môn). Nếu được chấp thuận bởi Tăng Đoàn, thì vì sự tốt lành của các vị này và vì sự tốt lành cho bản thân thôi, ngay giữa Tăng Đoàn, bằng phương pháp "bao phủ bằng cỏ", tôi xin thú nhận mọi tội lỗi của các vị này và của bản thân tôi, ngoại trừ những tội cần phải bị chỉ trích nghiêm trọng và những tội dính líu với những người tại gia.' Như vậy là có 'sự bao phủ bằng cỏ'. Và như vậy ở đây sẽ có sự giải-quyết những vấn-đề về giới luật bằng 'sự bao phủ bằng cỏ'.

21. (D) "Này Ānanda, có sáu nguyên tắc để hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết. Sáu đó là gì?993 Sáu đó là gì?

(i) "Ở đây, một Tỳ kheo khi ở chỗ chung và cả khi ở chỗ riêng một mình đều giữ những hành-vi thân từ-ái đối với những người đồng đạo của mình trong đời sống tâm linh. Đây là một nguyên tắc để hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết. (ii) "Lại nữa, một Tỳ kheo khi ở chỗ chung và cả khi ở chỗ riêng một mình đều giữ những hành-vi lời-nói từ-ái đối với những người đồng đạo của mình trong đời sống tâm linh. Đây cũng là một nguyên tắc để hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến … sự đoàn kết. (iii) "Lại nữa, một Tỳ kheo khi ở chỗ chung và cả khi ở chỗ riêng một mình đều giữ những hành-vi tâm từ-ái đối với những người đồng đạo của mình trong đời sống tâm linh. Đây cũng là một nguyên tắc để hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến … sự đoàn kết. (iv) "Lại nữa, một Tỳ kheo chia sẻ chứ không giữ lại những lợi lộc chân chính đã có được một cách chân chính (đúng theo Giáo Pháp), ngay cả thức ăn có được trong bình bát, và dùng những thứ đó chung với những đồng đạo của mình. Đây cũng là một nguyên tắc để hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến … sự đoàn kết. (v) "Lại nữa, một Tỳ kheo khi ở chỗ chung và cả khi ở chỗ riêng một mình cùng có chung với những đồng đạo của mình loại giới-hạnh (có tính chất) lành mạnh, không sứt mẻ, không ô nhiễm, không vết nhơ, hướng tới giải thoát, được khen ngợi bởi bậc hiền trí, không dính chấp, dẫn đến sự định tâm. Đây cũng là một nguyên tắc để hòa-hợp tạo ra

sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến … sự đoàn kết. (vi) “Lại nữa, một Tỳ kheo khi ở chỗ chung và cả khi ở chỗ riêng một mình cùng có chung với những đồng đạo của mình cách-nhìn thánh thiện và mang tính giải-thoát (chánh kiến), và dẫn dắt một người tu tập đúng theo nó tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Đây cũng là một nguyên tắc để hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

“Đây là sáu nguyên tắc để hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

22. “Này Ānanda, nếu thầy đảm nhận và duy trì sáu nguyên tắc để hòa hợp này, thầy có còn thấy những lời-nói tầm thường hay thô tục nào mà thầy không thể nhịn được hay không?”—“Dạ không, thưa Thế Tôn”—994 “Bởi vậy, này Ānanda, hãy đảm nhận và duy trì sáu nguyên tắc để hòa hợp này. Điều đó sẽ dẫn dắt các thầy tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu.” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Ānanda hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

105. KINH SUNAKKHATTA (Sunakkhatta Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-ly), trong khu Rừng Lớn (Đại Lâm), trong Hội Trường Mái Nhọn.

2. Bấy giờ, vào lúc đó có một số Tỳ kheo đã tuyên bố trí-biết cuối cùng (tức thánh quả bậc A-la-hán) trước mặt đức Thế Tôn như vầy: “Chúng con hiểu rằng: ‘Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.”

3. Sunakkhatta, người con của dân tộc Licchavi,995 đã nghe được: “Dường như, một số Tỳ kheo đã tuyên bố trí-biết cuối cùng trước mặt đức Thế Tôn như vầy: ‘Chúng con hiểu rằng: Sinh đã tận … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’” Rồi Sunakkhatta, người con của dân tộc Licchavi, đã đến gặp đức Thế Tôn, sau khi kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

4. “Thưa Thế Tôn, con đã nghe rằng một số Tỳ kheo đã tuyên bố trí-biết cuối cùng trước mặt đức Thế Tôn. Như vậy họ đã nói một cách đúng đắn hay có Tỳ kheo nào ở đây đã tự đánh giá quá cao về mình?”

5. “Này Sunakkhatta, khi những Tỳ kheo đó tuyên bố trí-biết cuối cùng trước mặt ta, có một số Tỳ kheo đã tuyên bố trí-biết cuối cùng một cách đúng đắn, và có mấy Tỳ kheo tuyên bố trí-biết cuối cùng do họ tự đánh giá quá cao về mình.996 Trong đó, khi những Tỳ kheo tuyên bố trí-biết cuối cùng một cách đúng đắn, thì sự tuyên bố của họ là đúng thực. Nhưng khi những Tỳ kheo tuyên bố trí-biết cuối cùng do họ tự đánh giá quá cao về mình, thì Như Lai nghĩ rằng: ‘Ta nên chỉ dạy cho họ Giáo Pháp.’997 Như vậy đó, này Sunakkhatta, trong trường hợp này Như Lai nghĩ: ‘Ta nên chỉ dạy cho họ Giáo Pháp.’ Nhưng có mấy người lầm lạc ở đây hình thành một nghi vấn, đến gặp Như Lai, và đặt câu hỏi. Trong trường hợp đó, này Sunakkhatta, mặc dù Như Lai đã nghĩ rằng: ‘Ta nên

chỉ dạy cho họ Giáo Pháp', nhưng Như Lai đã đổi ý."998

6. "Thưa đức Thế Tôn, giờ là lúc, thưa bậc Phúc Lành, giờ là lúc để đức Thế Tôn chỉ dạy Giáo Pháp. Sau khi nghe được từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó." "Được rồi, này Sunakkhatta, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói." "Dạ, thưa Thế Tôn", Sunakkhatta, người con của dân tộc Licchavi, đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

7. "Này Sunakkhatta, có năm dây khoái-lạc giác quan (ngũ dục lạc). Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Những âm-thanh … Những mùi-hương … Những mùi-vị … Những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục.

8. (1) "Này Sunakkhatta, có thể có người ở đây còn chủ tâm vào những thứ vật chất thế tục (dục lạc).999 Khi một người chủ tâm vào những thứ vật chất thế tục, chỉ có sự nói chuyện về những thứ đó mới làm người đó hứng thú, và sự suy nghĩ và sự ngẫm nghĩ đều dính theo những thứ đó, và người đó giao lưu với loại người như vậy, và người đó tìm thấy sự thỏa-thích trong đường lối như vậy. Nhưng khi cuộc nói chuyện về "sự bất-động" (cao hơn) đang diễn ra, người đó không lắng nghe, không để tai lắng nghe, không cố dụng tâm để hiểu nó. Người đó không giao lưu với loại người như vầy, và người đó không tìm thấy sự thỏa-thích trong đường lối như vầy.

9. "Này Sunakkhatta, ví dụ có một người đã đi khỏi ngôi làng [hay thị trấn] của mình đã lâu, và anh ta gặp một người vừa mới bỏ đi khỏi ngôi làng [hay thị trấn] đó. Anh ta hỏi thăm người đó rằng những người trong làng có an toàn, làm ăn phát đạt, và khỏe mạnh hay không, và người đó trả lời anh ta rằng những người trong làng có an toàn, làm phát đạt, và khỏe mạnh hay không. Thầy nghĩ sao, này Sunakkhatta? Liệu anh ta có lắng nghe người đó, để tai lắng nghe, và cố dụng tâm để hiểu hay không?"—

"Có, thưa Thế Tôn"—"Cũng giống như vậy, này Sunakkhatta, có thể có một số người ở đây còn chủ tâm vào những thứ vật chất thế tục. Khi một người chủ tâm vào những thứ vật chất thế tục … và người đó tìm thấy sự thỏa-thích trong đường lối đó. Người đó nên được coi là một người chủ tâm vào những thứ vật chất thế tục. (Người toàn tục)

10. (2) "Này Sunakkhatta, có thể có người ở đây chủ tâm vào "sự bất- động".1000 Khi một người chủ tâm vào sự bất-động, chỉ có sự nói chuyện về những trạng thái này mới làm người đó hứng thú, và sự suy nghĩ và sự ngẫm nghĩ đều dính theo những trạng thái này, và người đó giao lưu với loại người như vậy, và người đó tìm thấy sự thỏa-thích trong đường lối như vậy. Nhưng khi cuộc nói chuyện về những thứ vật chất thế tục (thấp hơn), người đó không lắng nghe, không để tai lắng nghe, không cố dụng tâm để hiểu nó. Người đó không giao lưu với loại người như vầy, và người đó không tìm thấy sự thỏa-thích trong đường lối như vầy.

11. “Giống như một chiếc lá vàng đã rụng khỏi cuống thì không thể nào xanh được lại. Cũng giống như vậy, này Sunakkhatta, khi một người chủ tâm vào sự bất-động là người đó đã rũ bỏ những thứ vật chất thế tục là gông-cùm. Người đó nên được coi là một người đã tách-ly khỏi những thứ vật chất thế tục là gông-cùm, là người chủ tâm vào “sự bất-động”. (Người tu tiên)

12. (3) “Này Sunakkhatta, có thể có người ở đây chủ tâm vào vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì]. Khi một người chủ tâm vào vô sở hữu xứ, chỉ có sự nói chuyện về cảnh xứ đó mới làm người đó hứng thú, và sự suy nghĩ và sự ngẫm nghĩ đều dính theo cảnh xứ đó, và người đó giao lưu với loại người như vậy, và người đó tìm thấy sự thỏa-thích trong đường lối như vậy. Nhưng khi cuộc nói chuyện về “sự bất-động” (thấp hơn) đang diễn ra, người đó không lắng nghe, không để tai lắng nghe, không cố dụng tâm để hiểu nó. Người đó không giao lưu với loại người như vầy, và người đó không tìm thấy sự thỏa-thích trong đường lối như vầy.

13. “Giống như một cục đá lớn đã bể ra làm đôi thì không thể nào kết

nối lại được. Cũng giống như vậy, này Sunakkhatta, khi một người chủ tâm vào vô sở hữu xứ là người đó đã phá bỏ sự kết nối của mình với sự bất-động. Người đó nên được coi là một người đã tách-ly khỏi sự kết nối của mình đối với sự bất-động, là người chủ tâm vào vô sở hữu xứ. (Người tu tiên)

14. (4) “Này Sunakkhatta, có thể có người ở đây chủ tâm vào phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức]. Khi một người chủ tâm vào phi tưởng phi phi tưởng xứ, chỉ có sự nói chuyện về cảnh xứ đó mới làm người đó hứng thú, và sự suy nghĩ và sự ngẫm nghĩ đều dính theo cảnh xứ đó, và người đó giao lưu với loại người như vậy, và người đó tìm thấy sự thỏa-thích trong đường lối như vậy. Nhưng khi cuộc nói chuyện về vô sở hữu xứ (thấp hơn) đang diễn ra, người đó không lắng nghe, không để tai lắng nghe, không cố dụng tâm để hiểu nó. Người đó không giao lưu với loại người như vầy, và người đó không tìm thấy sự thỏa-thích trong đường lối như vầy.

15. “Ví dụ một người đã ăn thức ăn ngon và ói nó ra. Thầy nghĩ sao, này Sunakkhatta? Liệu người đó có còn muốn ăn lại chỗ thức ăn đó không?— “Không, thưa Thế Tôn. Vì sao vậy? Vì chỗ thức ăn đó được coi là ghê tởm.”—“Cũng giống như vậy, này Sunakkhatta, khi một người chủ tâm vào phi tưởng phi phi tưởng xứ là người đó đã phá bỏ sự kết nối của mình với sự bất-động. Người đó nên được coi là một người đã tách-ly khỏi sự kết nối của mình với sự bất-động, là người chủ tâm vào phi tưởng phi phi tưởng xứ. (Người tu tiên)

16. (5) “Này Sunakkhatta, có thể có người ở đây chủ tâm hoàn toàn vào Niết-bàn. Khi một người chủ tâm hoàn toàn vào Niết-bàn, chỉ có sự nói chuyện về trạng thái đó mới làm người đó hứng thú, và sự suy nghĩ và sự ngẫm nghĩ đều dính theo trạng thái đó, và người đó giao lưu với loại người như vậy, và người đó tìm thấy sự thỏa-thích trong đường lối như vậy. Nhưng khi cuộc nói chuyện về phi tưởng phi phi tưởng xứ (thấp

hơn), người đó không lắng nghe, không để tai lắng nghe, không cố dụng

KINH SUNAKKHATTA • 53

tâm để hiểu nó. Người đó giao lưu với loại người như vầy, và người đó tìm thấy sự thỏa-thích trong đường lối như vầy

17. “Giống như một cây cọ có phần thân trên bị chặt đứt thì không thể nào mọc lên nữa. Cũng giống như vậy, này Sunakkhatta, khi một người chủ tâm hoàn toàn vào Niết-bàn là người đó đã chặt đứt sự nối kết của mình với phi tưởng phi phi tưởng xứ—đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Người đó nên được coi là một người đã tách-ly khỏi sự kết nối của mình với phi tưởng phi phi tưởng xứ, là người chủ tâm hoàn toàn vào Niết-bàn. (Người tu giải thoát)

18. (6) “Này Sunakkhatta, có thể có người ở đây nghĩ như vầy: ‘Dục- vọng đã được bậc Sa-Môn [tức Phật] gọi là mũi tên (độc);1001 tính chất độc hại của vô-minh được lây nhiễm bởi tham-muốn, nhục-dục, và sự ác-ý. Mũi tên dục-vọng đó đã được gỡ bỏ khỏi tôi; tính chất độc hại đó đã bị xua tan. Tôi là người chủ tâm hoàn toàn vào Niết-bàn.’ Vì người đó nhìn nhận bản thân mình như vậy, nên mặc dù trái với sự thật,1002 người đó có thể theo đuổi những thứ không phù hợp đối với ‘một người chủ tâm hoàn toàn vào Niết-bàn’. Người đó có thể bằng mắt theo đuổi những hình-sắc không phù hợp, bằng tai theo đuổi những âm-thanh không phù hợp, bằng mũi theo đuổi những mùi-hương không phù hợp, bằng lưỡi theo đuổi những mùi-vị không phù hợp, bằng thân theo đuổi những thứ hữu-hình chạm xúc không phù hợp, hoặc bằng tâm theo đuổi những đối-tượng của tâm không phù hợp. Khi người đó bằng mắt theo đuổi những hình-sắc không phù hợp … bằng tâm theo đuổi những đối-tượng của tâm không phù hợp, thì nhục-dục xâm chiếm tâm người đó. Với cái tâm bị xâm chiếm bởi nhục-dục, người đó sẽ gặp phải chết chóc hoặc khổ đau như chết.

19. “Này Sunakkhatta, ví dụ một người bị đâm bằng một mũi tên tẩm đầy thuốc độc, rồi bạn bè và đồng sự, người thân và họ hàng đưa đến một bác sĩ. Bác sĩ dùng dao cắt xung quanh miệng vết thương, dùng que dò để

54 • Chương 1

thăm dò, nhổ mũi tên ra, và loại bỏ tính chất độc hại, nhưng còn sót lại chút ít. Do nghĩ không còn sót lại dấu vết nào1003 nên vị bác sĩ nói: ‘Này người tốt, mũi tên đã được nhổ ra khỏi anh; tính chất độc hại đã được loại bỏ không còn sót lại dấu vết nào, và nó không còn khả năng làm hại anh nữa. Chỉ ăn thức ăn phù hợp; đừng ăn thức ăn hay thứ gì không phù hợp làm vết thương mưng mủ. Đôi khi rửa sạch vết thương và đôi khi bôi thuốc lên miệng vết thương, nhờ đó mủ và máu không mưng phủ miệng vết thương. Đừng đi ngoài gió và nắng, bụi và dơ có thể làm nhiễm trùng miệng vết thương. Này người tốt, hãy chăm sóc vết thương của mình, và theo dõi nó để nó lành.’

20. “Người đó nghĩ: ‘Mũi tên đã được nhổ ra khỏi ta; tính chất độc hại đã được loại bỏ không còn sót lại dấu vết nào, và nó không còn khả năng làm hại ta nữa.’ Người đó ăn

thức ăn không phù hợp, và vết thương mưng mủ. Người đó không đôi khi rửa sạch vết thương, không đôi khi bôi thuốc lên miệng vết thương, và mủ và máu mưng phủ miệng vết thương. Người đó đi ngoài gió và nắng, và bụi và dơ làm nhiễm trùng miệng vết thương. Người đó không chăm sóc vết thương của mình, cũng không theo dõi nó để nó lành. Rồi, bởi do (cả hai nguyên nhân là) người đó làm những điều không phù hợp và trước đó khi loại bỏ chất độc vẫn còn sót lại chút ít, nên vết thương đã sưng phồng lên, và với sự sưng phồng của vết thương, người đó gặp phải chết chóc hoặc khổ đau như chết.

21. “Cũng giống như vậy, này Sunakkhatta, có thể có Tỳ kheo ở đây nghĩ như vầy: ‘Dục-vọng đã được bậc Sa-Môn gọi là mũi tên (độc); tính chất độc hại của vô-minh được lây nhiễm bởi tham-muốn, nhục-dục, và sự ác-ý. Mũi tên dục-vọng đó đã được gỡ bỏ khỏi tôi; tính chất độc hại đó đã bị xua tan. Tôi là người chủ tâm hoàn toàn vào Niết-bàn.’ Vì người đó nhìn nhận bản thân mình như vậy, nên mặc dù trái với sự thật, người đó có thể theo đuổi những thứ không phù hợp đối với ‘một người chủ tâm hoàn toàn vào Niết-bàn’ … [giống mục 18 ở trên] … Với cái tâm bị xâm chiếm bởi nhục-dục, người đó sẽ gặp phải chết chóc hoặc khổ đau như chết.

22. “Này Sunakkhatta, bởi vì theo Giới Luật của Thánh Nhân đó là một sự chết chóc khi một người bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục; và đó là sự khổ đau như chết khi một người vi phạm loại tội ô-nhiễm.1004

23. (7) “Này Sunakkhatta, có thể có Tỳ kheo ở đây nghĩ như vầy: ‘Dục- vọng đã được bậc Sa-Môn gọi là mũi tên (độc); tính chất độc hại của vô- minh được lây nhiễm bởi tham-muốn, nhục-dục, và sự ác-ý. Mũi tên dục- vọng đó đã được gỡ bỏ khỏi tôi; tính chất độc hại đó đã bị xua tan. Tôi là người chủ tâm hoàn toàn vào Niết-bàn.’ Là một người đích thực chủ tâm hoàn toàn vào Niết-bàn, thì người đó sẽ không theo đuổi những thứ không phù hợp đối với ‘một người chủ tâm hoàn toàn vào Niết-bàn’. Người đó sẽ không bằng mắt theo đuổi những hình-sắc không phù hợp, không bằng tai theo đuổi những âm-thanh không phù hợp, không bằng mũi theo đuổi những mùi-hương không phù hợp, không bằng lưỡi theo đuổi những mùi- vị không phù hợp, không bằng thân theo đuổi những thứ hữu-hình chạm xúc không phù hợp, và không bằng tâm theo đuổi những đối-tượng của tâm không phù hợp. Khi người đó không bằng mắt theo đuổi những hình- sắc không phù hợp … không bằng tâm theo đuổi những đối-tượng của tâm không phù hợp, thì nhục-dục sẽ không xâm chiếm tâm người đó. Vì tâm người đó không bị xâm chiếm bởi nhục-dục, nên người đó không gặp phải chết chóc hoặc khổ đau như chết.

24. “Này Sunakkhatta, ví dụ một người bị đâm bằng một mũi tên tẩm đầy thuốc độc, rồi bạn bè và đồng sự, người thân và họ hàng đưa đến một bác sĩ. Bác sĩ dùng dao cắt xung quanh miệng vết thương, dùng que dò để thăm dò, nhổ mũi tên ra, và loại bỏ tính chất độc hại, và không còn sót lại dấu vết nào. Do nghĩ không còn sót lại dấu vết nào nên vị bác sĩ nói … [tiếp tục như lời kinh còn lại như mục 19 ở trên] … Này người tốt, hãy

chăm sóc vết thương của mình, và theo dõi nó để nó lành.'

25. "Người đó nghĩ: 'Mũi tên đã được nhổ ra khỏi ta; tính chất độc hại đã được loại bỏ không còn sót lại dấu vết nào, và nó không còn khả năng làm hại ta nữa.' Người đó chỉ ăn thức ăn phù hợp, và vết thương sẽ không

bị mưng mủ. Người đó đôi khi rửa sạch vết thương, đôi khi bôi thuốc lên miệng vết thương, và mủ và máu sẽ không mưng phủ miệng vết thương. Người đó không đi ngoài gió và nắng, và sẽ không có bụi và dơ làm nhiễm trùng vết miệng vết thương. Người đó chăm sóc vết thương của mình, và theo dõi nó để nó lành. Rồi, bởi nhờ (cả hai nguyên nhân là) người đó làm những điều phù hợp và trước đó loại bỏ chất độc đã không còn sót lại dấu vết nào, nên vết thương sẽ lành, và vì nó đã lành và đã liền da, nên người đó không gặp phải chết chóc hoặc khổ đau như chết.

26. "Cũng giống như vậy, này Sunakkhatta, có thể có Tỳ kheo ở đây nghĩ như vầy: 'Dục-vọng đã được bậc Sa-Môn gọi là mũi tên (độc); tính chất độc hại của vô-minh được lây nhiễm bởi tham-muốn, nhục-dục, và sự ác-ý. Mũi tên dục-vọng đó đã được gỡ bỏ khỏi tôi; tính chất độc hại đó đã bị xua tan. Tôi là người chủ tâm hoàn toàn vào Niết-bàn.' Là một người đích thực chủ tâm hoàn toàn vào Niết-bàn, thì người đó sẽ không theo đuổi những thứ không phù hợp đối với 'một người chủ tâm hoàn toàn vào Niết-bàn' … [tiếp tục như mục 23 ở trên] … Vì tâm người đó không bị xâm chiếm bởi nhục-dục, nên người đó không gặp phải chết chóc hoặc khổ đau như chết.

27. "Này Sunakkhatta, ta đã đưa ra ví dụ này để truyền tải một ý nghĩa. Đây là ý nghĩa: 'Vết thương' là chữ chỉ sáu cơ-sở bên trong (sáu nội xứ). 'Tính chất độc hại' là chữ chỉ sự vô-minh. 'Mũi tên độc' là chữ chỉ dục- vọng (ái). 'Que dò' là chữ chỉ sự chánh-niệm. 'Con dao' là chữ chỉ trí-tuệ thánh thiện. 'Vị bác sĩ' là chữ chỉ Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.

28. "Này Sunakkhatta, vị Tỳ kheo đó là người tu tập sự kiềm-chế trong sáu cơ-sở tiếp-xúc (sáu căn). Sau khi đã hiểu được sự thu-nạp (sanh y) là gốc rễ của sự khổ, sau khi đã không còn sự thu-nạp (vô sanh y), người đó được giải-thoát trong sự tiêu diệt mọi sự thu-nạp (diệt sanh y),1005 thì không thể nào người đó còn hướng thân mình hay khởi tâm mình tới bất kỳ sự thu-nạp nào nữa.

29. "Này Sunakkhatta, ví dụ có một cái ly bằng đồng đựng thức uống có

màu, mùi, và vị ngon, nhưng có trộn chất độc, và một người đến muốn sống, không muốn chết, là người muốn sướng và tránh khổ.1006 Anh nghĩ sao, này Sunakkhatta, liệu người đó có uống ly nước đó, sau khi biết rằng: 'Nếu tôi uống tôi sẽ gặp phải sự chết chóc hoặc khổ đau như chết', hay không?"—"Dạ không, thưa Thế Tôn"—"Cũng giống như vậy, vị Tỳ kheo đó là người tu tập sự kiềm-chế trong sáu cơ-sở tiếp-xúc (sáu căn). Sau khi đã hiểu được sự thu-nạp (sanh y) là gốc rễ của sự khổ, sau khi đã không còn sự thu-nạp (vô sanh y), người đó được giải-thoát trong sự tiêu diệt mọi sự thu-nạp

(diệt sanh y), thì không thể nào người đó còn hướng thân mình hay khởi tâm mình tới bất kỳ sự thu-nạp nào nữa.

30. “Này Sunakkhatta, ví dụ có một con rắn độc chết người, và một người đến muốn sống, không muốn chết, là người muốn sướng và tránh khổ. Anh nghĩ sao, này Sunakkhatta, liệu người đó có đưa tay hay ngón tay cho con rắn độc chết người đó, sau khi biết rằng: ‘Nếu tôi bị nó cắn, tôi sẽ gặp phải sự chết chóc hoặc khổ đau như chết’, hay không?”—“Dạ không, thưa Thế Tôn”—“Cũng giống như vậy, vị Tỳ kheo đó là người tu tập sự kiềm-chế trong sáu cơ-sở tiếp-xúc (sáu căn). Sau khi đã hiểu được sự thu-nạp (sanh y) là gốc rễ của sự khổ, sau khi đã không còn sự thu-nạp (vô sanh y), người đó được giải-thoát trong sự tiêu diệt mọi sự thu-nạp (diệt sanh y), thì không thể nào người đó còn hướng thân mình hay khởi tâm mình tới bất kỳ sự thu-nạp nào nữa.” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Sunakkhatta, người con của dân tộc Licchavi, đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

58 • Chương 1

106. KINH ĐƯỜNG DẪN TỚI SỰ BẤT ĐỘNG (Āneñjasappāya Sutta)

1. Tôi nghe như vầy.1007 Trong một lần đức Thế Tôn đang ở xứ dân Ku- ru, ở gần một thị trấn của người Kuru tên là thị trấn Kammāsadhamma. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. “Này các Tỳ kheo, những khoái-lạc giác quan (dục lạc)1008 là vô thường, trống rỗng, giả tạo, đánh lừa; chúng là ảo (hão huyền, không chắc, do ảo tưởng), được tắm tắc tỉ tê bởi những người ngu si. Những khoái-lạc giác quan (dục lạc) ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ] và những khoái-lạc giác quan trong những kiếp sau, những nhận-thức giác quan (dục tưởng) ngay trong kiếp này và những nhận-thức giác quan trong những kiếp sau—tất cả đều là lãnh cõi của Ma Vương (Māra), lãnh địa của Ma Vương, mồi nhử của Ma Vương, đất săn của Ma Vương. Chính do chúng (dục lạc và dục tưởng), nên những trạng thái tâm xấu ác bất thiện như sự thèm-khát (tham), sự ác-ý (sân), và sự manh-động (hung, bạo, quá lố) khởi sinh, và chúng tạo nên sự cản-trở cho một đệ tử thánh thiện trong sự tu-học ở đây.

(Sự bất động)

3. (1) “Trong đó, này các Tỳ kheo, một đệ tử thánh thiện suy xét như vầy: ‘Những khoái-lạc giác quan ngay trong kiếp này và những khoái-lạc giác quan trong những kiếp sau … tạo nên sự cản-trở cho một đệ tử thánh thiện trong sự tu-học ở đây. Ví dụ ta an trú với một cái tâm dồi dào và bao la (được khuếch đại, cao rộng), sau khi đã vượt trên thế gian và đã làm nên một quyết-định vững chắc trong tâm.1009 Sau khi ta làm vậy, sẽ không còn những trạng thái tâm xấu ác bất thiện như sự thèm-khát (tham), sự ác- ý (sân), và sự manh-động (hung dữ) trong ta, và với sự dẹp bỏ chúng tâm sẽ là vô giới hạn, vô lượng, và được khéo tu tập.’ Khi người đó tu tập theo cách này và thường xuyên an trú như vậy, tâm người đó sẽ đạt được niềm

tự-tin vào cơ sở này.1010 Một khi có sự tự-tin đầy đủ, (i) người đó sẽ đạt tới sự bất-động ngay bây giờ, hoặc (ii) nếu không người đó sẽ nhất quyết luôn [theo nó] bằng trí-tuệ. Khi thân tan rã, sau khi chết, có thể rằng thức tiến hóa chuyển qua [sự tái sinh] trong (trạng thái) sự bất-động đó.1011 Này các Tỳ kheo, đây được tuyên bố là đường thứ nhất hướng tới sự bất-động.

4. (2) "Lại nữa, này các Tỳ kheo, một đệ tử thánh thiện suy xét như vầy:1012 '[Có] những khoái-lạc giác quan (dục lạc) ngay trong kiếp này và những khoái-lạc giác quan trong những kiếp sau, những nhận-thức giác quan (dục tưởng) ngay trong kiếp này và những nhận-thức giác quan trong những kiếp sau; cho dù [có] thể sắc là gì, mọi thể sắc đều gồm bốn yếu-tố lớn (tứ đại) và những thể sắc phái sinh từ bốn yếu-tố lớn đó.' Sau khi người đó tu tập theo cách này và thường xuyên an trú như vậy, tâm người đó đạt được niềm tự-tin vào cơ sở này. Một khi có sự tự-tin đầy đủ, (i) người đó sẽ đạt tới sự bất-động ngay bây giờ, hoặc (ii) nếu không người đó sẽ nhất quyết luôn [theo nó] bằng trí-tuệ. Khi thân tan rã, sau khi chết, có thể rằng thức tiến hóa có thể chuyển qua [sự tái sinh] trong (trạng thái) sự bất-động đó. Này các Tỳ kheo, đây được tuyên bố là đường thứ hai hướng tới sự bất-động.

5. (3) "Lại nữa, này các Tỳ kheo, một đệ tử thánh thiện suy xét như vầy:1013 'Những khoái-lạc giác quan (dục lạc) ngay trong kiếp này và những khoái-lạc giác quan trong những kiếp sau, những thể-sắc (sắc pháp) ngay trong kiếp này và những thể-sắc trong những kiếp sau, những nhận- thức giác quan (dục tưởng) ngay trong kiếp này và những nhận-thức giác quan trong những kiếp sau—tất cả đều là vô thường. Những gì là vô thường thì không đáng để thích thú, không đáng để chào đón, không đáng để nắm giữ.' Sau khi người đó tu tập theo cách này và thường xuyên an trú như vậy, tâm người đó đạt được niềm tự-tin vào cơ sở này. Một khi có sự tự-tin đầy đủ, (i) người đó sẽ đạt tới sự bất-động ngay bây giờ, hoặc (ii) nếu không người đó sẽ nhất quyết luôn [theo nó] bằng trí-tuệ. Khi thân tan rã, sau khi chết, có thể rằng thức tiến hóa có thể chuyển qua [sự tái sinh] trong (trạng thái) sự bất-động đó. Này các Tỳ kheo, đây được tuyên bố là

đường thứ ba hướng tới sự bất-động.

(Vô sở hữu xứ)

6. (1) "Lại nữa, một đệ tử thánh thiện suy xét như vầy:1014 'Những khoái-lạc giác quan (dục lạc) ngay trong kiếp này và những khoái-lạc giác quan trong những kiếp sau, những nhận-thức giác quan (dục tưởng) ngay trong kiếp này và những nhận-thức giác quan trong những kiếp sau, những thể-sắc (sắc pháp) ngay trong kiếp này và những thể-sắc trong những kiếp sau, những nhận-thức về những thể-sắc (sắc tưởng) ngay trong kiếp này và những nhận-thức về những thể-sắc trong những kiếp sau, và những nhận-thức về "sự bất-động"—tất cả đều chỉ là những nhận-thức. Ở đâu những nhận-thức này chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư], đó là (trạng thái) sự bình-an, đó là sự siêu-phàm, được gọi là: 'vô sở hữu xứ' [cảnh xứ không-có-gì].' Sau khi người đó tu

tập theo cách này và thường xuyên an trú như vậy, tâm người đó đạt được niềm tự-tin vào cơ sở này. Một khi có sự tự-tin đầy đủ, (i) người đó sẽ chứng đắc 'vô sở hữu xứ' ngay bây giờ, hoặc (ii) nếu không người đó sẽ nhất quyết luôn [theo nó] bằng trí-tuệ. Khi thân tan rã, sau khi chết, có thể rằng thức tiến hóa có thể chuyển qua [sự tái sinh] trong (trạng thái) sự bất-động đó. Này các Tỳ kheo, đây được tuyên bố là đường thứ nhất hướng tới 'vô sở hữu xứ'.

7. (2) "Lại nữa, này các Tỳ kheo, một đệ tử thánh thiện, sau khi đã đi vô rừng hoặc đến một gốc cây hay một chòi trống, suy xét như vầy: 'Đây là sự không có bản ngã hay thứ gì thuộc về một bản ngã.'1015 Sau khi người đó tu tập theo cách này và thường xuyên an trú như vậy, tâm người đó đạt được niềm tự-tin vào cơ sở này. Một khi có sự tự-tin đầy đủ, (i) người đó sẽ chứng đắc 'vô sở hữu xứ' ngay bây giờ, hoặc (ii) nếu không người đó sẽ nhất quyết luôn [theo nó] bằng trí-tuệ. Khi thân tan rã, sau khi chết, có thể rằng thức tiến hóa có thể chuyển qua [sự tái sinh] trong (trạng thái) sự bất-động đó. Này các Tỳ kheo, đây được tuyên bố là đường thứ hai hướng tới 'vô sở hữu xứ'.

8. (3) "Lại nữa, này các Tỳ kheo, một đệ tử thánh thiện suy xét như vầy:

'Tôi không là gì thuộc về 'ai' nào ở đâu, cũng không là gì thuộc cái 'ta' trong 'ai' nào ở đâu.'1016 Sau khi người đó tu tập theo cách này và thường xuyên an trú như vậy, tâm người đó đạt được niềm tự-tin vào cơ sở này. Một khi có sự tự-tin đầy đủ, (i) người đó sẽ chứng đắc 'vô sở hữu xứ' ngay bây giờ, hoặc (ii) nếu không người đó sẽ nhất quyết luôn [theo nó] bằng trí-tuệ. Khi thân tan rã, sau khi chết, có thể rằng thức tiến hóa có thể chuyển qua [sự tái sinh] trong (trạng thái) sự bất-động đó. Này các Tỳ kheo, đây được tuyên bố là đường thứ ba hướng tới 'vô sở hữu xứ'.

(Phi tưởng phi phi tưởng xứ)

9. (1) "Lại nữa, này các Tỳ kheo, một đệ tử thánh thiện suy xét như vầy: 'Những khoái-lạc giác quan (dục lạc) ngay trong kiếp này và những khoái-lạc giác quan trong những kiếp sau, những nhận-thức giác quan (dục tưởng) ngay trong kiếp này và những nhận-thức giác quan trong những kiếp sau, những thể-sắc (sắc pháp) ngay trong kiếp này và những thể-sắc trong những kiếp sau, những nhận-thức về những thể-sắc (sắc tưởng) ngay trong kiếp này và những nhận-thức về những thể-sắc trong những kiếp sau, và những nhận-thức về "sự bất-động", và những bất thiện về "vô sở hữu xứ"—tất cả đều chỉ là những nhận-thức. Ở đâu những nhận- thức này chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư], đó là (trạng thái) sự bình- an, đó là sự siêu-phàm, được gọi là: 'phi tưởng phi phi tưởng xứ' [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức].' Sau khi người đó tu tập theo cách này và thường xuyên an trú như vậy, tâm người đó đạt được niềm tự-tin vào cơ sở này. Một khi có sự tự-tin đầy đủ, (i) người đó sẽ chứng đắc 'phi tưởng phi phi tưởng xứ' ngay bây giờ, hoặc (ii) nếu không người đó sẽ nhất quyết luôn [theo nó] bằng trí-tuệ. Khi thân tan rã, sau khi chết, có thể rằng thức tiến hóa có thể chuyển qua [sự tái sinh] trong (trạng thái) sự bất-động đó. Này các Tỳ kheo, đây được tuyên bố là đường hướng tới 'phi tưởng phi phi tưởng xứ'."

(Niết-bàn) 10. (1) Sau khi điều này được nói ra, Ngài Ānanda đã thưa với đức Thế

Tôn: “Thưa Thế Tôn, ở đây một Tỳ kheo đang tu tập như vầy: [‘Lẽ ra nó không là vậy, và lẽ ra nó không là cái ‘của-ta’; nếu nó sẽ không là vậy, và nó sẽ không là cái của-ta’. Cái đang hiện-hữu, là cái đã ắt sẽ xảy ra, là cái ta đang dẹp bỏ.’] Như vậy người đó đạt được sự buông-xả.1017 Thưa Thế Tôn, một Tỳ kheo như vậy có đạt tới Niết-bàn hay không?” “Này Ānanda, một Tỳ kheo ở đây có thể đạt tới Niết-bàn, một Tỳ kheo khác ở đây có thể không đạt tới Niết-bàn.” “Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao một Tỳ kheo ở đây có thể đạt tới Niết-bàn, còn một Tỳ kheo khác không đạt tới Niết-bàn? “Ở đây, này Ānanda, một Tỳ kheo đang tu tập như vầy: [‘Lẽ ra nó không là vậy, và lẽ ra nó không là cái ‘của-ta’; nếu nó sẽ không là vậy, và nó sẽ không là cái của-ta’. Cái đang hiện-hữu, là cái đã ắt sẽ xảy ra, là cái ta đang dẹp bỏ.’] Như vậy người đó đạt được sự buông-xả. Người đó thích thú sự buông-xả đó, chào đón nó, và khư khư nắm giữ nó. Khi người đó làm vậy, thức của người đó trở thành phụ thuộc vào nó và dính chấp theo nó. Này Ānanda, một Tỳ kheo với sự dính-chấp thì không đạt tới Niết-bàn.”1018 11. “Nhưng, thưa Thế Tôn, khi Tỳ kheo đó dính chấp, người đó dính chấp theo/vào cái gì?” “Theo/vào cảnh ‘phi tưởng phi phi tưởng xứ’, này Ānanda.” “Thưa Thế Tôn, khi Tỳ kheo đó dính chấp, dường như người đó dính chấp theo/vào sự [đối-tượng] dính-chấp tốt nhất.” “Này Ānanda, khi Tỳ kheo đó dính chấp, người đó dính chấp theo/vào sự [đối-tượng] dính-chấp tốt nhất, đó là: ‘phi tưởng phi phi tưởng xứ’.1019

12. (2) “Ở đây, này Ānanda, một Tỳ kheo đang tu tập như vầy: [‘Lẽ ra nó không là vậy, và lẽ ra nó không là cái ‘của-ta’; nếu nó sẽ không là vậy, và nó sẽ không là cái của-ta’. Cái đang hiện-hữu, là cái đã ắt sẽ xảy ra, là cái ta đang dẹp bỏ.’] Như vậy người đó đạt được sự buông-xả. Người đó không thích thú sự buông-xả đó, hay chào đón nó, hay khư khư nắm giữ

nó. Khi người đó không làm vậy, thức của người đó không trở thành phụ thuộc vào nó và không dính chấp theo nó. Này Ānanda, một Tỳ kheo không còn sự dính-chấp thì đạt tới Niết-bàn.”

13. “Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn, thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn! Đúng thực đức Thế Tôn đã giảng giải cho chúng con ‘sự vượt qua dòng lũ nhờ vào một sự trợ-giúp này hay sự trợ-giúp khác’.1020 Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì là sự giải-thoát thánh thiện?”1021 “Ở đây, này Ānanda, một đệ tử thánh thiện suy xét như vầy: ‘Những khoái-lạc giác quan (dục lạc) ngay trong kiếp này và những khoái-lạc giác quan trong những kiếp sau, những nhận-thức giác quan (dục tưởng) ngay trong kiếp này và những nhận-thức giác quan trong những kiếp sau, những thể-sắc (sắc pháp) ngay trong kiếp này và những thể-sắc trong những kiếp sau, những nhận-thức về những thể-sắc (sắc tưởng) ngay trong kiếp này và những nhận-thức về những thể-sắc trong những kiếp sau, và những nhận-thức về “sự bất-động”, và những nhận-thức về “phi tưởng phi phi tưởng xứ”—đây chỉ là danh-tính cho dù danh-tính có tới đâu.’1022 Đây là sự (trạng thái) Bất

Tử, được gọi là: sự giải-thoát của tâm nhờ sự không còn dính-chấp (diệt thủ giải thoát).'1023

14. "Này Ānanda, như vậy ta đã chỉ dạy đường hướng tới 'sự bất-động'; ta đã chỉ dạy đường hướng tới 'vô sở hữu xứ'; ta đã chỉ dạy đường hướng tới 'phi tưởng phi phi tưởng xứ'; ta đã chỉ dạy 'sự vượt qua dòng lũ nhờ vào một sự trợ-giúp này hay sự trợ-giúp khác'; ta đã chỉ dạy 'sự giải-thoát thánh thiện'. 15. "Này Ānanda, những gì cần làm bởi một người thầy bi-mẫn vì lòng bi-mẫn đối với những đệ tử vì mong muốn họ được phúc lợi, thì ta đã làm xong cho các thầy. Đây có những gốc cây, kia có những chòi trống. Các thầy hãy thiền tập, không trì hoãn, này Ānanda, đừng để sau này phải hối tiếc. Đây là chỉ thị của ta cho các thầy." Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Ānanda đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

107. KINH GAṆAKA MOGGALLĀNA (Gaṇakamoggallāna Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvatthī (Xá- vệ), trong Khu Vườn Phía Đông trong Lâu Đài của Mẹ của Migāra. Lúc đó có bà-la-môn tên Gaṇaka Moggallāna [Kế toán Mục-kiền-liên] đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

2. "Thầy Cồ-Đàm, trong Lâu Đài của Mẹ của Migāra này có thể nhìn thấy sự luyện tập tiến dần, sự tu tập tiến dần, và sự tiến bộ tiến dần, đó là, cho tới tận bậc cuối cùng của cầu thang.1024 Trong giới những bà-la-môn cũng vậy, có thể nhìn thấy sự luyện tập tiến dần, sự tu tập tiến dần, và sự tiến bộ tiến dần, đó là về sự học-hỏi (nghiên cứu). Trong giới những cung thủ cũng vậy, có thể nhìn thấy sự luyện tập tiến dần … đó là về sự bắn- cung. Và trong số những kế toán1025 giống chúng tôi đây, là người kiếm sống bằng nghề kế toán, có thể nhìn thấy sự luyện tập … đó là về nghề kế- toán. Bởi vì khi chúng tôi có người học việc trước tiên chúng tôi bắt anh ta đếm: một lần một, hai lần hai, ba lần ba, bốn lần bốn, năm lần năm, sáu lần sáu, bảy lần bảy, tám lần tám, chín lần chín, mười lần mười; và chúng tôi cũng bắt anh ta đếm một trăm. Giờ, thưa Thầy Cồ-Đàm, có thể mô tả sự luyện tập tiến dần, sự tu tập tiến dần, và sự tiến bộ tiến dần trong Giáo Pháp và Giới Luật này, hay không?"

3. "Này bà-la-môn, có thể mô tả sự luyện tập tiến dần, sự tu tập tiến dần, và sự tiến bộ tiến dần trong Giáo Pháp và Giới Luật này. Này bà-la- môn, giống như một người huấn luyện ngựa khôn ngoan có được một con ngựa non thuần chủng tốt đẹp, trước tiên người đó bắt con ngựa làm quen với việc mang hàm thiết (để xỏ dây cương), và sau đó huấn luyện nó thêm nữa.1026 [1] "Cũng giống như vậy khi Như Lai có một người cần được thuần hóa, trước tiên Như Lai kỷ cương (huấn luyện) người đó như vầy: 'Này

Tỳ kheo, hãy có giới-hạnh, hãy được kiềm chế bằng sự kiềm chế của Pātimokkha (giới bổn Tỳ kheo), hoàn thiện về đức-hạnh và nơi nương-tựa, và nhìn thấy sự nguy-hại trong từng tội lỗi nhỏ nhất, tu tập bằng cách đảm nhận những giới-luật tu hành.'

4. [2] “Này bà-la-môn, sau khi Tỳ kheo đó có giới-hạnh … và nhìn thấy sự nguy-hại trong từng tội lỗi nhỏ nhất, tu tập bằng cách đảm nhận những giới-luật tu hành, thì Như Lai sẽ kỷ cương người đó thêm nữa như vầy: ‘Này Tỳ kheo, hãy phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận (giác quan). Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, đừng nắm giữ những dấu- hiệu và đặc-điểm (tướng chung và tướng riêng) của chúng. Bởi vì nếu thầy để cho căn-mắt không được phòng hộ, những trạng thái bất thiện xấu ác như tham [thèm muốn] và ưu [buồn bực] sẽ xâm chiếm (tâm) thầy, hãy tu tập cách kiềm chế nó, phòng hộ căn-mắt, đảm nhận việc kiềm chế căn- mắt. Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … Khi ngửi thấy một mùi- hương bằng mũi … Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … Khi cảm thấy một thứ hữu-hình chạm xúc bằng thân … Khi nhận biết một đối-tượng của tâm bằng tâm, đừng nắm giữ những dấu-hiệu và đặc-điểm của chúng. Bởi vì nếu thầy để cho căn-tâm không được phòng hộ, những trạng thái bất thiện xấu ác như tham và ưu sẽ xâm chiếm (tâm) thầy, hãy tu tập cách kiềm chế nó, phòng hộ căn-tâm, đảm nhận việc kiềm chế căn-tâm.’

5. [3] “Này bà-la-môn, sau khi Tỳ kheo đó phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận (giác quan), thì Như Lai sẽ kỷ cương người đó thêm nữa như vầy: ‘Này Tỳ kheo, hãy tiết độ trong ăn uống. Sau khi suy xét một cách khôn khéo, thầy nên sử dụng thức-ăn: (i) không phải để khoái thích giải trí; (ii) không phải để say sưa, (iii) không phải để có sắc đẹp hay để làm thân thể hấp dẫn— mà (iv) (cho mục đích) chỉ để giúp duy trì và liên tục thân này, (v) để kết thúc sự khó chịu (khi đói), và (vi) để trợ giúp đời sống tâm linh (nuôi thân để tu); tâm niệm rằng: ‘Bằng cách như vậy tôi kết thúc cái cảm-giác (đói, khát, yếu, đuối) đã có trước đó, và không tạo ra cảm-giác mới. Và tôi sẽ được khỏe mạnh, và không bị chê trách [không tội lỗi] (vì ăn uống thiếu chánh niệm), và sống được an ổn.”’

6. [4] “Này bà-la-môn, sau khi Tỳ kheo đó giữ tiết độ trong ăn uống, thì Như Lai sẽ kỷ cương người đó thêm nữa như vầy: ‘Này Tỳ kheo, hãy hết mình vì sự tỉnh-thức. Trong ban ngày, khi đang đi tới hay đang đi lại hay đang ngồi, thầy thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại. Trong canh đầu (canh một) của đêm, khi đang đi tới hay đang đi lại hay đang ngồi, thầy thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại. Trong canh giữa (canh hai) thầy nằm xuống nghiêng bên phải trong tư thế sư tử nằm với chân trái đặt trùng lên chân phải, có chánh-niệm và rõ-biết, sau khi để ý trong tâm về thời điểm thức dậy. Sau khi thức dậy, trong canh ba của đêm, khi đang đi tới hay đang đi lại hay đang ngồi, thầy thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại.’

7. [5] “Này bà-la-môn, sau khi Tỳ kheo đó hết mình vì sự tỉnh-thức, Như Lai sẽ kỷ cương người đó thêm nữa: ‘Này Tỳ kheo, hãy có được sự chánh-niệm và sự rõ-biết hoàn toàn (tỉnh giác, luôn ý thức, thường biết). Hãy hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang đi tới hay đang đi lại; hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang nhìn thẳng hay đang nhìn ngang; hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang co hay đang duỗi chân tay; hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang mặc đồ và khi đang mang theo cà sa

và bình bát; hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang ăn, đang uống, đang nhai thức ăn, và đang nếm; hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang tiểu tiện và đang đại tiện; hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang bước đi, đang đứng, đang ngồi, đang nằm ngủ, đang thức dậy, đang nói, và đang giữ im lặng.'

8. [6] "Này bà-la-môn, sau khi Tỳ kheo đó có được sự chánh-niệm và sự rõ-biết hoàn toàn, thì Như Lai sẽ kỷ cương người đó thêm nữa như vầy: 'Này Tỳ kheo, hãy lui về một nơi trú ở tách-ly (ẩn dật) như: ở trong rừng, dưới gốc cây, trên núi, khe núi, hang động bên sườn núi, khóm rừng rậm, chỗ hoang trống, chỗ đống rơm.'

9. [7] "Tỳ kheo đó lui về một nơi trú ở tách-ly … chỗ đống rơm. Sau khi đi khất thực về, sau khi ăn trưa, người đó ngồi xuống, xếp hai chân

chéo nhau, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Dẹp bỏ (i) sự thèm-muốn (tham) đối với thế giới, người đó an trú với một cái tâm không còn thèm-muốn (vô tham); người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự thèm-muốn. "Sau khi đã dẹp bỏ (ii) sự ác-ý và sân-giận (sân) người đó an trú với một cái tâm không còn ác-ý (vô sân), tha thương bi-mẫn vì phúc lợi của tất cả chúng sinh; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự ác-ý và sân-giận. "Sau khi đã dẹp bỏ (iii) sự đờ-đẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụy miên) người đó an trú không còn sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, nhận thức về ánh-sáng, có chánh-niệm và rõ-biết; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ. "Sau khi đã dẹp bỏ (iv) sự bất-an và hối-tiếc (trạo cử hối quá) người đó an trú không còn sự động vọng, với một cái tâm bình an hướng vào bên trong; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự bất-an và hối-tiếc. "Sau khi đã dẹp bỏ (v) sự nghi-ngờ (nghi) người đó an trú sau khi đã vượt qua sự nghi-ngờ, không còn rối bối rối về những trạng thái bất thiện; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự nghi-ngờ.

10. [8] "Sau khi đã dẹp bỏ năm chướng-ngại như vậy, đó là những ô- nhiễm làm suy yếu trí-tuệ: (i) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục-lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.'. (2) "Lại nữa: (ii) 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét.'. (3) "Lại nữa: (iii) 'Với sự phai biến (lọc bỏ) luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ),

người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: "Người đó buông-xả, có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc)".' (4) "Lại nữa: (iv) 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền

định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.'

11. "Này bà-la-môn, đây là chỉ thị của ta dành cho những Tỳ kheo là những người còn đang trong thời tu-học bậc cao (những học-nhân) khi tâm của họ chưa đạt tới mục-tiêu, họ sống khát nguyện đạt tới 'sự an-toàn thoát khỏi sự trói-buộc'. Nhưng những điều (bước tu) này cũng đưa đến sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ] và đưa đến cả sự chánh-niệm và sự rõ-biết hoàn toàn (tỉnh giác) cho những Tỳ kheo là những A-la-hán đã tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận), đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì phải làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục-tiêu, đã hủy diệt những gông-cùm của (trói buộc) sự hiện-hữu, và đã hoàn toàn được giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng."1027

12. Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Kế toán Mục-kiền-liên đã hỏi đức Thế Tôn: "Sau khi những đệ tử của Thầy Cồ-Đàm được khuyên dạy và chỉ dẫn như vậy bởi Thầy Cồ-Đàm, có phải tất cả họ đều đạt tới Niết-bàn, mục-tiêu rốt ráo, hay chỉ một số họ đạt tới đó?" "Này bà-la-môn, sau khi những đệ tử của ta được khuyên dạy và chỉ dẫn như vậy bởi ta, một số họ đạt tới Niết-bàn, mục-tiêu rốt ráo, và một số khác không đạt tới đó."

13. "Thầy Cồ-Đàm, vì Niết-bàn là có và con-đường (đạo) dẫn tới Niết- bàn là có và Thầy Cồ-Đàm cũng có mặt là người chỉ-dẫn, vậy cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, sau khi những đệ tử của Thầy Cồ-Đàm được

khuyên dạy và chỉ dẫn như vậy bởi Thầy Cồ-Đàm, chỉ một số họ đạt tới Niết-bàn, mục-tiêu rốt ráo, và một số khác không đạt tới đó?"

14. "Này bà-la-môn, khi nói về điều đó, để ta hỏi lại chú một câu hỏi. Cứ trả lời theo ý chú. Này bà-la-môn, chú nghĩ sao? Chú có quen thuộc đường đi dẫn tới thành Rājagaha (Vương Xá) hay không?" "Có, Thầy Cồ-Đàm, tôi quen thuộc đường đi dẫn tới Rājagaha." "Này bà-la-môn, chú nghĩ sao? (i) Ví dụ có một người đến muốn đi tới Rājagaha, và anh ta đến gặp chú để hỏi: 'Thưa ngài, tôi muốn đi đến Rājagaha. Xin chỉ giùm tôi đường đi đến Rājagaha.' Rồi chú nói với anh ta: 'Giờ, này người tốt, đường này dẫn tới Rājagaha. Hãy đi một lúc anh sẽ thấy một khu làng, đi chút nữa anh sẽ thấy một thị trấn, đi chút nữa anh sẽ thấy thành Rājagaha với những công viên, vườn cây, bãi cỏ, và ao hồ.' Rồi, sau khi được khuyên bảo và chỉ dẫn như vậy bởi chú, anh ta lại đi sai đường và đi về hướng tây. (ii) Rồi có người thứ hai đến cũng muốn đi tới Rājagaha … (cũng gặp nhờ chỉ đường, và cũng được chỉ dẫn y như vậy) … Rồi, sau khi được khuyên bảo và chỉ dẫn như vậy bởi chú, người đó đi đúng đường đến được Rājagaha một cách an toàn. Giờ, này bà-la-môn, vì Rājagaha là có và con-đường dẫn tới Rājagaha là có và chú cũng có mặt là một người chỉ-dẫn, vậy cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, sau khi những người đó đã được khuyên bảo và chỉ dẫn bởi chú như vậy, một người đi sai đường và đi về hướng tây, còn một người đi đúng đường đến được Rājagaha một cách an toàn?" "Tôi biết làm sao bây giờ, này Thầy Cồ-Đàm? Tôi chỉ là người chỉ đường." "Cũng giống

như vậy, này bà-la-môn, Niết-bàn là có và con-đường (đạo) dẫn tới Niết-bàn là có và ta cũng có mặt là người chỉ-dẫn. Nhưng sau khi những đệ tử của ta đã được khuyên dạy và chỉ dẫn như vậy bởi ta, một số họ đạt tới Niết-bàn, mục-tiêu rốt ráo, và một số họ không đạt tới đó. Ta biết làm gì bây giờ, này bà-la-môn? Như Lai chỉ là người chỉ đường."1028

KINH GAṆAKA MOGGALLĀNA • 71

15. Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Kế Toán Mục-kiền-liên đã nói với đức Thế Tôn:1029 "Có những người không có niềm-tin và đã xuất gia tu hành không phải vì niềm-tin mà để mưu sinh kiếm sống, họ là những người giả dối, lừa gạt, tội lỗi, kiêu căng, rỗng tuếch, bản thân vô vọng, miệng lưỡi thô lỗ, nói năng tứ tung; không phòng-hộ các căn cảm- nhận, không tiết độ trong ăn uống, không hết mình vì sự tỉnh-thức, không quan tâm tới đời sống tu sĩ (đời sa-môn, sự tu hành), không thực sự tôn trọng sự tu-tập, sống xa xỉ, bất cẩn, là những người dẫn đầu về sự sa-sút, lơ là sự sống tách-ly lánh trần, lười biếng, thiếu hụt sự nỗ-lực (tinh tấn), không có chánh-niệm, không tỉnh-giác đầy đủ, không định-tâm, với những cái tâm lăng xăng, không có trí-tuệ, là những người vớ vẩn. Thầy Cồ-Đàm không sống với những người này. "Nhưng có những người họ tộc đã xuất gia tu hành vì niềm-tin, là những người không giả dối, lừa gạt, tội lỗi, kiêu căng, rỗng tuếch, bản thân vô vọng, miệng lưỡi thô lỗ, nói năng tứ tung; biết phòng-hộ các căn cảm-nhận, tiết độ trong ăn uống, luôn hết mình vì sự tỉnh-thức, luôn để tâm đến đời sống tu sĩ (đời sa-môn, sự tu hành), thực sự tôn trọng sự tu- tập, không sống xa xỉ hay bất cẩn, là những người phòng tránh sự sa-sút, những người dẫn đầu trong sự sống tách-ly lánh trần, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), kiên định, được thiết lập trong sự chánh-niệm, tỉnh-giác hoàn toàn, đạt-định, với những cái tâm hợp-nhất, có được trí-tuệ, không phải là những người vớ vẩn. Thầy Cồ-Đàm sống với những người này.

16. "Giống như rễ cây cỏ cảnh tiên (diên vỹ) đen được cho là bậc nhất trơng những rễ cây hương thơm và gỗ đàn hương đỏ được cho là bậc nhất trong những gỗ hương thơm và hoa lài được cho là bậc nhất trong những hoa hương thơm; cũng giống như vậy, lời khuyên dạy của Thầy Cồ-Đàm là cao nhất trong số những giáo lý của thời nay.1030

17. "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ- Đàm! Thầy Cồ-Đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như bậc ấy đã dựng đứng lại những thứ bị quăng ngã, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ

72 • Chương 1

đường cho kẻ đã lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những ai có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-Đàm và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Từ hôm nay kính mong Thầy Cồ-Đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

108. KINH GOPAKA MOGGALLĀNA (Gopakamoggallāna Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần Ngài Ānanda đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc, không lâu sau khi đức Thế Tôn đã bát-niết-bàn [đã mất, niết-bàn cuối cùng].1031

2. Bấy giờ, vào lúc đó Vua A-xà-thế (Ajātasattu) Vedehiputta của xứ Ma-kiệt-đà (Magadha), do nghi ngờ về Vua Pajjota, nên đang cho củng cố thành Rājagaha.1032

3. Rồi, vào buổi sáng, thầy Ānanda mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī (Xá-vệ) để khất thực. Rồi thầy Ānanda đã nghĩ: "Giờ còn quá sớm để đi khất thực trong thành Rājagaha. Hay ta đến gặp bà-la-môn Gopaka Moggallāna ở chỗ làm của ông ta."

4. Vậy là thầy Ānanda đã đến gặp bà-la-môn Gopaka Moggallāna ở chỗ làm của ông ta. Bà-la-môn Gopaka Moggallāna nhìn thấy thầy Ānanda đang đi đến từ xa và đã nói với thầy: "Nào, Thầy Ānanda! Xin chào đón, Thầy Ānanda! Đã lâu kể từ lúc Thầy Ānanda đã có cơ hội đến đây. Xin mời ngồi, Thầy Ānanda; chỗ ngồi đã sẵn sàng." Thầy Ānanda ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Bà-la-môn Gopaka Moggallāna chọn chỗ ngồi thấp hơn, ngồi xuống một bên, và hỏi thầy Ānanda:

5. "Thầy Ānanda, có một Tỳ kheo nào theo từng cách và mọi cách có- được tất cả những phẩm-chất có-được bởi Thầy Cồ-Đàm, bậc A-la-hán [đã tu thành] và bậc Toàn Giác [đã giác ngộ toàn thiện]?" "Này bà-la-môn, không có Tỳ kheo nào là người theo từng cách và mọi cách có-được tất cả những phẩm-chất có-được bởi đức Thế Tôn, bậc A-la- hán và bậc Toàn Giác. Bởi vì đức Thế Tôn là người phát khởi của con đường đạo chưa khởi sinh, người tạo ra con đường đạo chưa được tạo ra, người tuyên bố con đường đạo chưa được tuyên bố; bậc ấy là người biết

con đường đạo, người tìm ra con đường đạo, người thiện khéo về con đường đạo. Nhưng những đệ tử của bậc ấy giờ sống [đang an trú] theo con đường đạo đó và trở thành có-được con đường đạo đó sau đó."

6. Nhưng cuộc thảo luận này của thầy Ānanda và bà-la-môn Gopaka Moggallāna đã bị gián đoạn; bởi lúc đó có bà-la-môn Vassakāra, vị tể tướng của xứ Ma-kiệt-đà,1033 trong khi đang thị sát công trình ở thành Rājagaha, đã đến gặp thầy Ānanda ở chỗ làm của bà-la-môn Gopaka Moggallāna. Ông ta và chào hỏi qua lại với thầy Ānanda. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói: "Thầy Ānanda, các vị đang ngồi ở đây vì cuộc thảo luận gì? Và sự thảo luận của các vị đã bị làm gián đoạn là gì?" "Này bà-la-môn, bà-la-môn Gopaka Moggallāna đã hỏi tôi: 'Thầy Ānanda, có một Tỳ kheo nào theo từng cách và mọi cách có được tất cả những phẩm-chất có được bởi Thầy Cồ-Đàm, bậc A-la-hán và bậc Toàn Giác?' Tôi đã trả lời cho bà-la-môn Gopaka Moggallāna rằng: 'Này bà-la- môn, không có Tỳ kheo nào là người theo từng cách và mọi cách có-được tất cả những phẩm-chất có-được bởi đức Thế Tôn, bậc A-la-hán và bậc Toàn Giác. Bởi vì đức Thế Tôn là người phát khởi của con đường đạo chưa khởi sinh … Nhưng những đệ tử của bậc ấy giờ sống [đang an trú] theo con đường đạo đó và trở thành có-được con đường đạo đó sau đó.' Đây là sự thảo luận đã bị gián đoạn khi

ngài đến.”

7. (1) “Thầy Ānanda, có Tỳ kheo nào đã được bổ nhiệm bởi Thầy Cồ- Đàm như vầy: ‘Người đó sẽ là nơi nương-tựa của các thầy sau khi ta mất đi’ và giờ các thầy có sự trông cậy vào người đó?” “Này bà-la-môn, không có một Tỳ kheo nào được bổ nhiệm bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, như vầy: ‘Người đó sẽ là nơi nương-tựa của các thầy sau khi ta mất đi’ và giờ chúng tôi có sự trông cậy vào người đó.”

8. (2) “Nhưng, Thầy Ānanda, có Tỳ kheo nào đã được chọn bởi Tăng Đoàn và được bổ nhiệm bởi một số Tỳ kheo trưởng lão như vầy: ‘Người

đó sẽ là nơi nương-tựa của các thầy sau khi đức Thế Tôn mất đi’ và giờ các thầy có sự trông cậy vào người đó? “Này bà-la-môn, không có một Tỳ kheo nào được chọn bởi Tăng Đoàn và được bổ nhiệm bởi một số Tỳ kheo trưởng lão như vầy: ‘Người đó sẽ là nơi nương-tựa của các thầy sau khi đức Thế Tôn mất đi’ và giờ chúng tôi có sự trông cậy vào người đó.”

9. (3) “Thầy Ānanda, nhưng nếu các thầy không có nơi nương-tựa, cái gì là nguyên nhân tạo ra sự hòa-hợp của các thầy?” “Này bà-la-môn, chúng tôi không phải không có nơi nương-tựa. Chúng tôi có nơi-nương tựa; chúng tôi có Giáo Pháp là nơi nương-tựa của chúng tôi.”

10. “Nhưng, Thầy Ānanda, khi thầy được hỏi … (như (1) … (2) … (3) kế trên) … thầy trả lời: ‘Này bà-la-môn, chúng tôi không phải không có nơi nương-tựa. Chúng tôi có nơi-nương tựa; chúng tôi có Giáo Pháp là nơi nương-tựa của chúng tôi.’ Giờ ý nghĩa của những câu trả lời này nên được hiểu ra sao, này Thầy Ānanda?” “Này bà-la-môn, đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đã chỉ định giáo trình tu-tập cho các Tỳ kheo và bậc ấy đã đặt ra Pātimokkha [Giới Bổn Tỳ Kheo]. Vào ngày Bố-tát [Uposatha] hầu hết (mỗi nhóm người) chúng tôi đang sống nương nhờ trong mỗi khu làng sẽ họp gặp cùng nhau, và sau khi họp mặt, chúng tôi yêu cầu những ai biết về Pātimokkha thì tụng đọc (cho tất cả cùng nghe). Nếu một Tỳ kheo nào nhớ ra một tội lỗi hay một sự phạm tội trong khi Pātimokkha đang được tụng đọc, thì chúng tôi sẽ xử lý người đó người đó đúng theo Giáo Pháp theo cách chúng tôi đã được chỉ dạy (bởi Phật). Không phải những vị đáng kính nào xử lý chúng tôi; chính Giáo Pháp xử lý chúng tôi.”1034

11. (4) “Thầy Ānanda, vậy hiện tại có một Tỳ kheo nào các thầy tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính, và sống nương dựa vào người đó sau khi tôn vinh và tôn trọng người đó, hay không?”

“Này bà-la-môn, hiện tại có một Tỳ kheo chúng tôi vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính, và sống nương dựa vào người đó sau khi tôn vinh và tôn trọng người đó.”

12. “Nhưng, Thầy Ānanda, khi thầy được hỏi … (như (1) … (2) … (3) … (4) kế trên) … thầy trả lời: ‘Này bà-la-môn, hiện tại có một Tỳ kheo chúng tôi vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính, và sống nương dựa vào người đó sau khi tôn vinh và tôn trọng người đó.’ Giờ ý nghĩa của những câu trả lời này nên được hiểu ra sao, này Thầy Ānanda?”

13. “Này bà-la-môn, có ‘mười phẩm-chất truyền cảm hứng cho sự tin- tưởng’ đã được tuyên bố bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la- hán, bậc Toàn Giác. Khi những phẩm-chất này được thấy có trong người nào trong số chúng tôi, thì chúng tôi tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính người đó, và sống nương dựa vào người đó sau khi tôn vinh và tôn trọng người đó. Mười đó là gì?

14. (1) “Ở đây, này bà-la-môn, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha [Giới-luật Tỳ kheo], có được đức- hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ lãnh những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo chúng.

15. (2) “Người đó đã học-hiểu nhiều, và tích lũy nhiều điều mình đã học. Những giáo pháp đó tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, chúng cho thấy đời sống tâm linh được toàn thiện và tinh kiết—những giáo lý như vậy người đó đã học hiểu nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã tra xét bằng tâm, và đã thiện khéo thâm nhập bằng chánh kiến.

16. (3) “Người đó biết hài-lòng với mọi thứ y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang và chu cấp cho người bệnh.

17. (4) “Người đó nếu muốn không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (jhāna; những tầng thiền định đó) tạo nên phần tâm bậc cao và mang lại sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này [tại đây

và bây giờ]’.

18. (5) “Người đó đạt được và vận dụng được nhiều loại thần thông khác nhau (biến hóa thông) như: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân; hiện hình và biến hình; đi xuyên qua tường, đi xuyên qua thành lũy, đi xuyên qua núi như đi qua khoảng không; chui xuống đất và chui lên mặt đất như rẽ lặn trong nước; đi trên mặt nước không bị chìm như đi trên mặt đất; đi xuyên không gian như chim bay khi đang ngồi thiền tréo chân; tay sờ chạm mặt trăng và mặt trời, những thứ thật hùng vĩ và oai lực như vậy; vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahma.

19. (6) “Với yếu-tố tai thiên thánh (thiên nhĩ thông), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó có thể nghe được cả những âm thanh cõi trời và cõi người, dù ở xa hay ở gần.

20. (7) “Người đó hiểu được tâm của những chúng sinh và người khác (tha tâm thông), sau khi đã lấy tâm mình bao trùm tâm của họ. Người đó hiểu được một cái tâm có

tham (dục) là tâm có tham, một tâm không có tham là tâm không có tham; một cái tâm có sân là tâm có sân, một tâm không có sân là tâm không có sân; một cái tâm có si là tâm có si, một tâm không có si là tâm không có si; một cái tâm thụ động [co lại] là tâm thụ động, và một cái tâm bị xao lãng là tâm bị xao lãng; một tâm bao la [được khuếch đại, mở rộng, cao vời] là tâm bao la, và một cái tâm không bao la là tâm không bao la; một cái tâm chưa vô thượng [còn có thể vượt trên] là tâm chưa vô thượng, và một cái tâm vô thượng [không thể vượt trên] là tâm vô thượng; một cái tâm đạt định là tâm đạt định, và một cái tâm không đạt định là tâm không đạt định; một cái tâm được giải thoát là tâm được giải thoát, và một cái tâm chưa được giải thoát là tâm chưa được giải thoát.

21. (8) “Người đó có thể nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình, đó là, một lần sinh, hai lần sinh … [tiếp tục như mục 24, kinh MN 51] … Như vậy đó, người đó nhớ lại những cõi kiếp quá khứ của mình với những phương diện và đặc điểm của chúng.

22. (9) “Với yếu tố mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người (thiên nhãn minh), một Tỳ kheo có thể nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phúc lành có và vô phúc có, và người đó hiểu được cách những chúng sinh chết di và tái sinh tùy theo những nghiệp của mình.

23. (10) “Bằng sự tự mình chứng ngộ với trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này người đó chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận). —“Này bà-la-môn, đây là ‘mười phẩm-chất truyền cảm hứng cho sự tin-tưởng’ đã được tuyên bố bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A- la-hán, bậc Toàn Giác. Khi những phẩm-chất này được thấy có trong người nào trong số chúng tôi, thì chúng tôi tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính người đó, và sống nương dựa vào người đó sau khi tôn vinh và tôn trọng người đó.”

24. Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Vassakāra, vị tể tướng của xứ Ma-kiệt-đà, đã nói với Tướng Quân Upananda: “Ngài nghĩ sao, này tướng quân? Khi những vị đáng kính này tôn vinh một người nên được tôn vinh, tôn trọng một người nên được tôn trọng, kính trọng một người đáng được kính trọng, và tôn kính một người đáng được tôn kính, thì chắc chắn đúng họ tôn vinh người đáng được tôn vinh … tôn kính người đáng được tôn kính. Bởi vì nếu những vị đáng kính này mà không ‘tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính một người như vậy, và không sống nương dựa vào người đó sau khi tôn vinh và tôn trọng người đó’, thì còn ai để họ tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính, và ai để họ sống nương dựa vào sau khi đã tôn vinh và tôn trọng người đó?”

25. Rồi bà-la-môn Vassakāra, vị tể tướng của xứ Ma-kiệt-đà, đã nói với thầy Ānanda: “Giờ Thầy Ānanda đang sống ở đâu?” “Này bà-la-môn, giờ tôi đang ở trong khu Rừng Tre.”

“Thầy Ānanda, tôi hy vọng khu Rừng Tre là dễ chịu, yên tĩnh và không bị quấy nhiễu bởi tiếng nói, với không khí của sự tách-ly (ẩn dật), xa lánh khỏi người ta, đáng làm chỗ thiền tịnh.” “Đúng vậy, này bà-la-môn, khu Rừng Tre là dễ chịu … đáng làm chỗ thiền tịnh bởi vì nhờ có những vị bảo hộ bảo an như tể tướng đây.” “Đúng vậy, này Thầy Ānanda, khu Rừng Tre là dễ chịu … đáng làm chỗ thiền tịnh bởi vì có những bậc đáng kính là những thiền giả và đang tu thiền. Những bậc đáng kính là những thiền giả và đang tu thiền. Này Thầy Ānanda, trong một lần Thầy Cồ-Đàm đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-ly) trong Sảnh Đường Mái Nhọn, trong khu Rừng Lớn. Rồi tôi đã đến đó và gặp Thầy Cồ-Đàm, và theo nhiều cách Thầy Cồ-Đàm đã ban cho tôi một bài giảng dạy về thiền tập. Thầy Cồ-Đàm là một thiền giả và đã tu thiền, và bậc ấy đề cao tất cả mọi loại thiền.”

26. “Này bà-la-môn, thực ra đức Thế Tôn không đề cao tất cả mọi loại thiền, cũng không bài bác tất cả mọi loại thiền. Loại thiền nào đức Thế Tôn không đề cao? Ở đây, này bà-la-môn, có người sống với một cái tâm bị ám muội bởi (i) tham-dục (tham), là con mồi của tham-dục, và người đó không hiểu được sự thoát-khỏi khỏi tham-dục đã khởi sinh, đúng như nó thực là. Trong khi người đó chấp chứa tham-dục ở bên trong, người đó thiền, thiền trước, thiền ngoài, và thiền sai.1035 Người đó sống với một cái tâm bị ám muội bởi (ii) sự ác-ý (sân), là con mồi của sự ác-ý … với một cái tâm bị ám muội bởi (iii) sự đờ-đẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụy miên), là con mồi của sự đờ-đẫn và buồn-ngủ … với một cái tâm bị ám muội bởi (iv) sự bất-an và hối-tiếc (trạo cử hối quá), là con mồi bởi sự bất-an và hối-tiếc … với một cái tâm bị ám muội bởi (v) sự nghi-ngờ (nghi), là con mồi của sự nghi-ngờ, và người đó không hiểu được sự thoát-khỏi khỏi sự nghi-ngờ đã khởi sinh, đúng như nó thực là. Trong khi người đó chấp chứa sự nghi-ngờ ở bên trong, người đó thiền, thiền trước, thiền ngoài, và thiền sai. Đức Thế Tôn không đề cao loại thiền đó.

27. “Và loại thiền nào đức Thế Tôn đã đề cao? Ở đây, này bà-la-môn: (i)

‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) … (ii) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi- xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) … (iii) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ) … người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) … (iv) ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ … người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền) … Đức Thế Tôn đã đề cao loại thiền này.”

28. “Thầy Ānanda, có lẽ đúng Thầy Cồ-Đàm đã bài bác loại thiền nên được bài bác và đề cao loại thiền nên được đề cao. Và giờ, Thầy Ānanda, chúng tôi đi đây. Chúng tôi bận bịu và có nhiều việc phải làm.” “Này bà-la-môn, ngài cứ tùy tiện mà đi.” Rồi bà-la-môn Vassakāra, vị tể tướng của xứ Ma-kiệt-đà, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời nói của Thầy Ānanda, đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi khỏi.

29. Rồi, không lâu sau khi vị tể tướng đã đi, bà-la-môn Gopaka Mog- gallāna đã nói với thầy Ānanda: “Thầy Ānanda chưa trả lời câu hỏi chúng tôi đã hỏi.” “Này bà-la-môn, bộ tôi đã chưa nói với chú hay sao, rằng: ‘Này bà-la- môn, không có Tỳ kheo nào là người theo từng cách và mọi cách có-được tất cả những phẩm-chất có-được bởi đức Thế Tôn, bậc A-la-hán và bậc Toàn Giác. Bởi vì đức Thế Tôn là người phát khởi của con đường đạo chưa khởi sinh, người tạo ra con đường đạo chưa được tạo ra, người tuyên bố con đường đạo chưa được tuyên bố; bậc ấy là người biết con đường đạo, người tìm ra con đường đạo, người thiện khéo về con đường đạo. Nhưng những đệ tử của bậc ấy giờ sống [đang an trú] theo con đường đạo đó và trở thành có-được con đường đạo đó sau đó.’?”

109. ĐẠI KINH ĐÊM TRĂNG RẰM (Mahāpuṇṇama Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvatthī (Xá- vệ), trong Khu Vườn Phía Đông trong Lâu Đài của Mẹ của Migāra.

2. Vào lúc đó—nhằm ngày rằm Bố-tát [Uposatha],1036 vào đêm trăng tròn—đức Thế Tôn ngồi ở ngoài trời xung quanh là Tăng Đoàn những Tỳ kheo.

3. [1] Rồi một Tỳ kheo đứng dậy khỏi chỗ ngồi,1037 xếp lại phần y áo trên một vai, và chấp tay kính lễ đức Thế Tôn, thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con muốn hỏi đức Thế Tôn về một số điều, mong Thế Tôn ban cho sự trả lời cho câu hỏi của con.”—“Này Tỳ kheo, hãy ngồi xuống chỗ ngồi của mình, và hỏi điều thầy muốn hỏi.” Vị Tỳ kheo ngồi xuống chỗ ngồi của mình và thưa với đức Thế Tôn:

4. (1) “Thưa Thế Tôn, những thứ này có phải là năm uẩn bị [tác động bởi sự] dính-chấp (năm uẩn chấp thủ, năm thủ uẩn) hay không; đó là: uẩn sắc-thân (sắc uẩn) bị dính-chấp, uẩn cảm-giác (thọ uẩn) bị dính-chấp, uẩn nhận-thức (tưởng uẩn) bị dính-chấp, uẩn những sự tạo-tác cố ý (hành uẩn) bị dính-chấp, và uẩn thức (thức uẩn) bị dính-chấp?” “Này các Tỳ kheo, đây chính là năm uẩn bị dính-chấp này; đó gồm: uẩn sắc-thân bị dính-chấp … uẩn thức bị dính-chấp.” “Thật tốt lành, thưa Thế Tôn”, sau khi nói vậy, vị Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn. Rồi vị đó hỏi đức Thế Tôn thêm một câu hỏi:

5. (2) “Nhưng, thưa Thế Tôn, năm uẩn bị dính-chấp này có gốc rễ từ đâu?” “Này Tỳ kheo, năm uẩn bị dính-chấp này có gốc rễ từ sự thammuốn.”1038

6. (3) “Thưa Thế Tôn, có phải sự dính-chấp (thủ) là một với năm uẩn bị dính-chấp (năm thủ uẩn) này, hay sự dính-chấp là một thứ khác với năm uẩn bị dính-chấp?”1039 “Này Tỳ kheo, sự dính-chấp đó không phải là một với năm uẩn bị dính-chấp, cũng không phải là thứ khác với năm uẩn bị dính-chấp. Chính sự tham-muốn và nhục-dục đối với năm uẩn bị dính-chấp mới là sự dính- chấp ở đó.”

7. (4) “Nhưng, thưa Thế Tôn, có thể có sự đa dạng trong sự tham-muốn và nhục-dục đối với năm uẩn bị dính-chấp này hay không?” “Có thể có, này Tỳ kheo”, đức Thế Tôn nói. “Ở đây, này Tỳ kheo, có người nghĩ như vầy: ‘Ta mong có được sắc-thân như vậy trong

tương lai! Ta mong có được cảm-giác như vậy trong tương lai! Ta mong có được nhận-thức như vậy trong tương lai! Ta mong có được những sự tạo-tác cố- ý như vậy trong tương lai! Ta mong có được thức như vậy trong tương lai!' Như vậy đó, này Tỳ kheo, có khả năng có sự đa-dạng trong sự tham- muốn và nhục-dục đối với năm uẩn bị dính-chấp."

8. (5) "Nhưng, thưa Thế Tôn, sự chỉ danh (sự gọi tên) 'uẩn' được áp dụng cho các uẩn?" "Này Tỳ kheo, mọi sắc-thân dù là loại gì, quá khứ, tương lai hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, nhược hay ưu, xa hay gần— đây là uẩn sắc-thân. Mọi cảm-giác dù là loại gì ... xa hay gần—đây là uẩn cảm-giác. Mọi nhận-thức dù là loại gì ... xa hay gần—đây là uẩn nhận- thức. Mọi sự tạo-tác dù là loại gì ... xa hay gần—đây là uẩn những sự tạo- tác. Mọi thức dù là loại gì ... xa hay gần—đây là uẩn thức. Chính theo cách này sự chỉ danh 'uẩn' được áp dụng cho các uẩn."

9. (6) "Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân (nhân) và điều kiện (duy- ên) cho sự thể hiện (sự mô tả) của uẩn sắc-thân? Cái gì là nguyên nhân và điều kiện cho sự thể hiện của uẩn cảm-giác ... uẩn nhận-thức ... uẩn những sự tạo-tác ... uẩn thức?"

"Này Tỳ kheo, bốn yếu-tố lớn (tứ đại) là nguyên nhân và điều kiện cho sự thể hiện của uẩn sắc-thân (tứ đại sinh sắc-uẩn). Sự tiếp-xúc là nguyên nhân và điều kiện cho sự thể hiện của uẩn cảm-giác (xúc sinh thọ uẩn). Sự tiếp-xúc là nguyên nhân và điều kiện cho sự thể hiện của uẩn nhận-thức (xúc sinh tưởng-uẩn). Sự tiếp-xúc là nguyên nhân và điều kiện cho sự thể hiện của uẩn những sự tạo-tác (xúc sinh hành-uẩn). Phần 'tâm thần-vật chất' (danh sắc) là nguyên nhân và điều kiện cho sự thể hiện của uẩn thức (danh-sắc sinh thức-uẩn)."1040

10. (7) "Thưa Thế Tôn, theo cách nào 'quan-điểm có danh-tính' (thân kiến) được hình thành?"1041 "Ở đây, này Tỳ kheo, một người phàm phu không được chỉ dạy, không phải là người coi trọng (nhìn thấy, gặp gỡ) những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương (rèn luyện, huấn luyện) trong Giáo Pháp của những thánh nhân; không phải là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương trong Giáo Pháp của những thượng nhân; cứ coi sắc-thân là cái 'ta', hoặc nghĩ 'ta' sở hữu sắc-thân, hoặc nghĩ sắc-thân ở trong cái 'ta', hoặc cái 'ta' ở trong sắc-thân. "Người đó cứ coi cảm-giác là cái 'ta' ... nhận-thức là cái 'ta' ... những sự tạo-tác cố-ý là cái 'ta' ... thức là cái 'ta', hoặc nghĩ 'ta' sở hữu thức, hoặc nghĩ thức ở trong cái 'ta', hoặc cái 'ta' ở trong thức. Đó là cách quan-điểm có danh-tính (thân kiến) được hình thành."

11. (8) "Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào 'quan-điểm có danh-tính' (thân kiến) không đi đến hình thành?" "Ở đây, này Tỳ kheo, một đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, là người coi trọng những bậc thánh nhân, và thiện khéo và được kỷ cương trong Giáo Pháp của những thánh nhân; là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và thiện khéo và được kỷ cương trong Giáo Pháp của những thượng nhân; không coi sắc-thân là cái 'ta', hoặc nghĩ 'ta' sở hữu sắc-thân, hoặc nghĩ sắc-thân ở trong cái 'ta', hoặc cái 'ta' ở

trong sắc-thân.

“Người đó không coi cảm-giác là cái ‘ta’ … nhận-thức là cái ‘ta’ … những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ … thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Đó là cách ‘quan-điểm có danh-tính’ (thân kiến) không đi đến hình thành.”

12. (9) “Thưa Thế Tôn, cái gì là sự thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, và cái gì là sự thoát-khỏi [trong trường hợp] đối với sắc-thân? Cái gì là sự thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, và cái gì là sự thoát-khỏi [trong trường hợp] đối với cảm-giác … đối với cảm-giác … dục-vọng nhận-thức … đối với những sự tạo-tác … đối với thức?” “Này Tỳ kheo, sự khoái sướng và vui thích (lạc và hỷ) khởi sinh tùy thuộc vào sắc-thân—đây được gọi là sự thỏa-thích đối với sắc-thân. Mà sắc-thân là vô-thường, khổ, và bị biến đổi—đây là sự nguy-hại đối với sắc-thân. Sự loại bỏ tham-muốn và nhục-dục, sự dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với sắc-thân—đây là sự thoát-khỏi đối với sắc-thân. “Sự khoái sướng và vui thích (lạc và hỷ) khởi sinh tùy thuộc vào cảm- giác … tùy thuộc vào nhận-thức … tùy thuộc vào những sự tạo-tác … tùy thuộc vào thức—đây là sự thỏa-thích đối với thức. Mà thức là vô-thường, khổ, và bị biến đổi—đây là sự nguy-hại đối với thức. Sự loại bỏ tham- muốn và nhục-dục, sự dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với thức—đây là sự thoát-khỏi đối với thức.

13. (10) “Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người nên biết, theo cách nào một người nên thấy, để mà, đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả những dấu-hiệu ở bên ngoài, thì sự tạo-nên cái ‘ta’ (ngã kiến), sự tạo- nên cái ‘của-ta’ (ngã sở kiến), và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự tự-ta (tùy miên ngã mạn) không còn xảy ra ở bên trong?” “Này Tỳ kheo, mọi sắc-thân dù là loại gì, quá khứ, tương lai hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, nhược hay ưu, xa hay gần— một người nhìn thấy bằng trí-tuệ chánh đúng đúng như nó thực là như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.’ Mọi cảm-giác dù là loại gì … Mọi nhận-thức dù là loại

gì … Mọi sự tạo-tác dù là loại gì … Mọi thức dù là loại gì … một người nhìn thấy bằng trí-tuệ chánh đúng đúng như nó thực là như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.’ Chính khi một người biết và thấy như vậy thì đối với ‘thân có- thức’ này và đối với tất cả những dấu-hiệu bên ngoài, thì sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự tự-ta không còn xảy ra ở bên trong.”

14. [II] Lúc đó, trong tâm của một Tỳ kheo ý nghĩ (sự suy xét) này đã khởi sinh: “Như vậy, coi như là, sắc-thân không phải là ngã (cái ‘ta’), cảm-giác không phải là ngã, nhận-thức không phải là ngã, những sự tạo- tác không phải là ngã, thức không phải là ngã. Vậy thì cái ngã nào nhận lãnh hành-động được làm bởi sự tác động vô ngã?”1042 Rồi, đức Thế Tôn, bằng tâm mình biết được ý nghĩ trong tâm Tỳ kheo đó, nên đức Thế

Tôn nói luôn với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, có thể rằng một số người lầm lạc ở đây, u mê và vô minh, với cái tâm bị chi phối bởi dục-vọng, nghĩ rằng mình có thể qua mặt Giáo Lý của Vị Thầy như vầy: ‘Như vậy, coi như là, sắc-thân không phải là ngã (cái ‘ta’), cảm-giác không phải là ngã, nhận-thức không phải là ngã, những sự tạo-tác không phải là ngã, thức không phải là ngã. Vậy thì cái ngã nào nhận lãnh hành-động được làm bởi sự tác động vô ngã?’ Bây giờ, này các Tỳ kheo, lâu nay các thầy đã được huấn luyện bởi ta thông qua ‘sự vấn-đáp’ với nhiều lần khác nhau, ở những nơi khác nhau, về những vấn đề giáo lý khác nhau.1043 (một ví dụ về phương pháp chỉ dạy thông qua sự vấn-đáp như sau đây:)

15. “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Sắc-thân là thường hằng hay vô thường?”—“Là vô thường, thưa Thế Tôn”—“Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?”—“Là khổ, thưa Thế Tôn”—“Thứ gì vô thường, khổ, và bị biến đổi thì có đúng để coi nó như vầy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’, hay không’?”—“Không, thưa Thế Tôn”. “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao: Cảm-giác … Nhận-thức …

Những sự tạo-tác … Thức là thường hằng hay vô thường?”— “Là vô thường, thưa Thế Tôn”—“Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?”—“Là khổ, thưa Thế Tôn”—“Thứ gì vô thường, khổ, và bị biến đổi thì có đúng để coi nó như vầy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’, hay không’?”—“Không, thưa Thế Tôn”.

16. “Do vậy, này các Tỳ kheo, mọi loại sắc-thân dù là loại gì, quá khứ tương lai hay hiện tại … Tất cả mọi sắc-thân nên được nhìn thấy bằng trí- tuệ chánh đúng đúng như nó thực là như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.’ “Mọi cảm-giác dù là loại gì … Mọi nhận-thức dù là loại gì … Mọi sự tạo-tác dù là loại gì … Mọi thức dù là loại gì … Tất cả mọi thức nên được nhìn thấy bằng trí-tuệ chánh đúng đúng như nó thực là như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.’

17. “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trở nên tỉnh-ngộ [không còn mê thích] với sắc-thân, tỉnh-ngộ với cảm- giác, tỉnh-ngộ với nhận-thức, tỉnh-ngộ với những sự tạo-tác, tỉnh-ngộ với thức.

18. “Sau khi đã tỉnh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ [tâm người đó] được giải-thoát. Khi nó (tâm) được giải-thoát, có sự biết: ‘Nó được giải-thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’ Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn. Bấy giờ, trong khi bài thuyết giảng này đang được nói ra, tâm của sáu mươi vị Tỳ kheo đó đã được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm (lậu hoặc), nhờ sự không còn dính-chấp.1044

110. TIỂU KINH ĐÊM TRĂNG RẰM (Cūḷapuṇṇama Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvatthī (Xá- vệ), trong Khu Vườn Phía Đông trong Lâu Đài của Mẹ của Migāra. 2. Vào lúc đó—nhằm ngày rằm

Bố-tát [Uposatha], vào đêm trăng tròn—đức Thế Tôn ngồi ở ngoài trời xung quanh là Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Rồi, sau khi quan sát Tăng Đoàn những Tỳ kheo đang im lặng, đức Thế Tôn đã nói với họ như vầy: 3. (A) "Này các Tỳ kheo, liệu một người xấu [bất chân, bất chính]1045 biết về một người xấu: 'Người này là một người xấu', hay không?"— "Không, thưa Thế Tôn"—"Tốt, này các Tỳ kheo. Không thể nào, không thể có sự một người xấu biết về một người xấu: 'Người này là một người xấu'. Nhưng liệu một người xấu biết về một người tốt: 'Người này là một người tốt', hay không?"—"Không, thưa Thế Tôn"—"Tốt, này các Tỳ kheo. Không thể nào, không thể có sự một người xấu biết về một người tốt: 'Người này là một người tốt'. 4. (I) "Này các Tỳ kheo, người xấu thì có những phẩm chất xấu; người đó giao lưu với người xấu, người đó quyết định như một người xấu, người đó khuyên bảo như một người xấu, người đó nói như một người xấu, người đó làm như một người xấu, người đó chấp giữ những quan-điểm (tà kiến) như một người xấu, và người đó cho tặng như một người xấu. 5. (i) "Và theo cách nào là một người xấu thì có những phẩm chất xấu? Ở đây, một người xấu thì không có niềm-tin, không biết xấu-hổ (về mặt đạo đức), không biết sợ-hãi việc làm sai trái; người đó không có học-hiểu, lười biếng, xao lãng, và không có trí. Đó là cách một người xấu thì có những phẩm chất xấu. 6. (ii) "Và theo cách nào là một người xấu giao lưu như một người xấu? Ở đây, một người xấu có những bạn bè và đồng sự là những tu sĩ và bà bà-

la-môn không có niềm-tin, không biết xấu-hổ (về mặt đạo đức), không biết sợ-hãi việc làm sai trái, những người đó không có học-hiểu, lười biếng, xao lãng, và không có trí. Đó là cách một người xấu thì giao lưu như một người xấu. 7. (iii) "Và theo cách nào là một người xấu quyết định như một người xấu? Ở đây, một người xấu quyết định (những điều gây ra) khổ đau cho mình, cho người khác, và cho cả mình và người. Đó là cách một người xấu thì quyết định như một người xấu. 8. (iv) "Và theo cách nào là một người xấu khuyên bảo như một người xấu? Ở đây, một người xấu khuyên bảo (những điều gây ra) khổ đau cho mình, cho người khác, và cho cả mình và người. Đó là cách một người xấu thì khuyên bảo như một người xấu. 9. (v) "Và theo cách nào là một người xấu nói như một người xấu? Ở đây, một người xấu nói dối nói sai sự thật, nói lời gây chia rẽ, nói lời gắt gỏng nạt nộ, và nói chuyện tầm phào vô ích. Đó là cách một người xấu nói như một người xấu. 10. (vi) "Và theo cách nào là một người xấu làm như một người xấu? Ở đây, một người xấu sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục. Đó là cách một người xấu làm như một người xấu. 11. (vii) "Và theo cách nào là một người xấu chấp giữ quan-điểm như một người xấu? Ở đây, một người xấu chấp giữ quan-điểm (tà kiến) như vầy: (đối với người đó) ['Không thứ gì (cần nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí), không thứ gì được cúng dường, không thứ gì được hiến tặng hay hy sinh; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có chúng sinh nào được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại

(cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’] Đó là cách một

người xấu chấp giữ những quan điểm (tà kiến) như một người xấu. 12. (viii) “Và theo cách nào là người xấu bố thí như một người xấu? Ở đây, một người xấu bố thí (cho, tặng, biếu, cúng dường…) một cách bất cẩn, không tự tay mình cho tặng, không thể hiện sự tôn trọng khi cho, cho những thứ phế thải bỏ đi, cho với quan-điểm (tà kiến) rằng cho thì cho chứ làm gì có được (phước, phúc, lợi, lạc) gì từ việc cho đó. Đó là cách một người xấu bố thí như một người xấu. 13. “Đó là người xấu—thì có những phẩm chất xấu như vậy, là người giao lưu như một người xấu, quyết định như một người xấu, khuyên bảo như một người xấu, nói như một người xấu, chấp giữ quan-điểm (tà kiến) như một người xấu, và cho tặng như một người xấu—thì khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong nơi-đến của những người xấu. Và cái gì là nơi-đến của những người xấu? Đó là địa ngục, hay cảnh giới súc sinh. 14. (B) “Này các Tỳ kheo, liệu một người tốt [chân thật, chân chính] biết về một người tốt: ‘Người này là một người tốt’, hay không?”—“Có, thưa Thế Tôn”—“Tốt, này các Tỳ kheo. Có thể rằng một người tốt biết về một người tốt: ‘Người này là một người tốt’. Nhưng liệu một người tốt biết về một người xấu: ‘Người này là một người xấu’, hay không?”—“Có, thưa Thế Tôn”—“Tốt, này các Tỳ kheo. Có thể rằng một người tốt biết về một người xấu: ‘Người này là một người xấu’. 15. (II) “Này các Tỳ kheo, người tốt thì có những phẩm chất tốt; người đó giao lưu với người tốt, người đó quyết định như một người tốt, người đó khuyên bảo như một người tốt, người đó nói như một người tốt, người đó làm như một người tốt, người đó chấp giữ những quan-điểm (chánh kiến) như một người tốt, và người đó cho tặng như một người tốt. 16. (i) “Và theo cách nào là một người tốt thì có những phẩm chất tốt? Ở đây, một người tốt thì có niềm-tin, biết xấu-hổ (về mặt đạo đức), biết sợ-hãi việc làm sai trái; người đó có học-hiểu, nỗ-lực (tinh tấn), có chánh- niệm, và có trí. Đó là cách một người tốt thì có những phẩm chất tốt.

17. (ii) “Và theo cách nào là một người tốt giao lưu như một người tốt? Ở đây, một người tốt có những bạn bè và đồng sự là những tu sĩ và bà bà- la-môn có niềm-tin, biết xấu-hổ (về mặt đạo đức), biết sợ-hãi việc làm sai trái; những người đó có học-hiểu, năng nỗ, chú tâm, và có trí. Đó là cách một người tốt thì giao lưu như một người tốt. 18. (iii) “Và theo cách nào là một người tốt quyết định như một người tốt? Ở đây, một người tốt không quyết định (những điều gây ra) khổ đau cho mình, cho người khác, và cho cả mình và người. Đó là cách một người tốt thì quyết định như một người tốt. 19. (iv) “Và theo cách nào là một người tốt khuyên bảo như một người tốt? Ở đây, một người tốt không khuyên bảo (những điều gây ra) khổ đau cho mình, cho người khác, và cho cả mình và người. Đó là cách một người tốt thì khuyên bảo như một người tốt. 20. (v) “Và theo cách nào là một người tốt nói như một người tốt? Ở đây, một người tốt không nói dối nói sai sự thật, không nói lời gây chia rẽ, không nói lời gắt gỏng nạt nộ, và không nói chuyện tầm phào vô ích. Đó là cách một người tốt nói như một người tốt. 21. (vi) “Và theo cách nào là một người tốt làm như một người tốt? Ở đây, một người tốt

không sát-sinh, không gian-cắp, không tà-dục tà dâm. Đó là cách một người tốt làm như một người tốt. 22. (v) “Và theo cách nào là một người tốt nắm giữ quan-điểm như một người tốt? Ở đây, một người tốt nắm giữ giữ quan-điểm (chánh kiến) như vầy: (đối với người đó) [‘Có thứ (cần) được cho đi (và có phước quả từ việc cho đi, bố thí), có thứ được cúng dường, có thứ được dâng hiến hy sinh; có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu cho những hành động tốt và xấu; có thế giới (đời) này, có thế giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’] Đó là cách một người tốt chấp giữ

những quan điểm (chánh kiến) như một người tốt. 23. (vi) “Và theo cách nào là người tốt bố thí như một người tốt? Ở đây, một người tốt bố thí (cho, tặng, biếu, cúng dường…) một cách cẩn trọng, tự tay mình cho tặng, thể hiện sự tôn trọng khi cho, cho những thứ có giá trị, cho với quan-điểm (chánh kiến) rằng cho thì sẽ có được ít nhiều (phước, phúc, lợi, lạc) từ việc bố thí đó. Đó là cách một người tốt bố thí như một người tốt. 24. “Đó là người tốt—thì có những phẩm chất tốt như vậy, là người giao lưu như một người tốt, quyết định như một người tốt, khuyên bảo như một người tốt, nói như một người tốt, nắm giữ quan điểm (chánh kiến) như một người tốt, và cho tặng như một người tốt—thì khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh vào nơi-đến của những người tốt. Và cái gì là nơi-đến của những người tốt? Đó là chỗ tốt đẹp trong số những thiên thần, hay chỗ tốt đẹp trong số loài người.” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

Chương 2. Chương “Từng Cái Một” (Anupada-vagga)

111. KINH XẢY RA TỪNG CÁI MỘT (Abupada Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. “Này các Tỳ kheo, Xá-lợi-phất là có trí; Xá-lợi-phất có trí-tuệ lớn (đại trí); Xá-lợi-phất có trí-tuệ rộng (quảng trí); Xá-lợi-phất có trí-tuệ hoan-hỷ (hỷ trí); Xá-lợi-phất có trí-tuệ nhanh; Xá-lợi-phất có trí-tuệ sắc bén; Xá- lợi-phất có trí-tuệ thâm nhập. Này các Tỳ kheo, trong nửa tháng Xá-lợi- phất đã đạt được sự minh-sát nhìn thấu những trạng thái từng cái một khi chúng đã xảy ra.1046 Bây giờ, sự minh-sát của thầy Xá-lợi-phất nhìn thấu những trạng thái theo từng cái một như chúng đã xảy ra là như vầy:

3. (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo: ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác- quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, thầy Xá-lợi-phất chứng nhập và an trú trong tầng

thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm; [ý-nghĩ được áp dụng]) và sự soi-xét (tứ; ý-nghĩ được duy trì]), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.'

4. "Và những trạng thái (yếu tố) trong tầng thiền định thứ nhất là—ý- nghĩ (tầm), sự soi-xét (tứ), sự hoan-hỷ (hỷ), sự sướng (lạc), và sự hợp-nhất của tâm (nhất điểm); sự tiếp-xúc (xúc), cảm-giác (thọ), nhận-thức (tưởng), sự cố-ý (hành), và tâm; sự nhiệt-thành, sự quyết-định, sự nỗ-lực (tinh tấn), sự chánh-niệm (niệm), sự buông-xả (xả), và sự chú-tâm (tác ý)—thầy ấy định nghĩa (phân biệt, nhận định, định rõ) những trạng thái này theo từng cái một khi chúng đã xảy ra;1047 thầy ấy biết rõ những trạng thái đó đã khởi sinh (sinh), biết rõ chúng có mặt (trụ), biết rõ chúng biến mất (diệt). Thầy ấy hiểu được như vầy: 'Đúng thực vậy, những trạng thái đó, chưa có mặt, trở thành có mặt; sau khi đã có mặt, chúng biến mất.' Đối với những

trạng thái đó, thầy ấy an trú không bị hấp dẫn (không tham), không bị khó chịu (không sân), không phụ thuộc, tách ly, tự do, xa lìa, với một cái tâm không còn những rào cản.1048 Thầy ấy hiểu: 'Có một sự thoát-khỏi cao hơn nữa' và với sự tu dưỡng sự [chứng đắc] đó, thầy ấy đã xác nhận là có (sự thoát-khỏi cao hơn nữa).1049

5. (2) "Lại nữa, này các Tỳ kheo: 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), thầy Xá-lợi-phất chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định- tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét.'

6. "Và những trạng thái trong tầng thiền định thứ hai là—sự tự-tin, sự hoan-hỷ (hỷ), sự sướng (lạc), và sự hợp-nhất của tâm (nhất điểm); sự tiếp- xúc (xúc), cảm-giác (thọ), nhận-thức (tưởng), sự cố-ý (hành), và tâm; sự nhiệt-thành, sự quyết-định, sự nỗ-lực (tinh tấn), sự chánh-niệm (niệm), sự buông-xả (xả), và sự chú-tâm (tác ý)—thầy ấy định nghĩa những trạng thái này theo từng cái một khi chúng đã xảy ra; thầy ấy biết rõ những trạng thái đó đã khởi sinh (sinh), biết rõ chúng có mặt (trụ), biết rõ chúng biến mất (diệt). Thầy ấy hiểu được như vầy … và với sự tu dưỡng sự [chứng đắc] đó, thầy ấy đã xác nhận là có (sự thoát-khỏi cao hơn nữa).

7. (3) "Lại nữa, này các Tỳ kheo: 'Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), thầy ấy an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), thầy ấy trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); thầy Xá-lợi-phất chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: 'Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).'

8. "Và những trạng thái trong tầng thiền định thứ ba là—sự buông-xả (xả), sự chánh-niệm (niệm), sự rõ-biết hoàn toàn (tỉnh giác), và sự hợp- nhất của tâm (nhất điểm); sự tiếp-xúc (xúc), cảm-giác (thọ), nhận-thức (tưởng), sự cố-ý (hành), và tâm; sự nhiệt-thành, sự quyết-định, sự nỗ-lực (tinh tấn), sự chánh-niệm (niệm), sự buông-xả (xả), và sự chú-tâm (tác

ý)— thầy ấy định nghĩa những trạng thái này theo từng cái một khi chúng đã xảy ra; thầy ấy biết rõ những trạng thái đó đã khởi sinh (sinh), biết rõ chúng có mặt (trụ), biết rõ chúng biến mất (diệt). Thầy ấy hiểu được như vầy … và với sự tu dưỡng sự [chứng đắc] đó, thầy ấy đã xác nhận là có (sự thoát-khỏi cao hơn nữa).

9. (4) “Lại nữa, này các Tỳ kheo: ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), thầy Xá-lợi-phất chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’

10. “Và những trạng thái trong tầng thiền định thứ tư là—sự buông-xả, cảm-giác trung tính [không khổ không sướng], sự vô-tư (lãnh đạm) của tâm do tĩnh-lặng (khinh an),1050 sự tinh-khiết của sự chánh-niệm, và sự hợp-nhất của tâm (nhất điểm); sự tiếp-xúc (xúc), cảm-giác (thọ), nhận- thức (tưởng), sự cố-ý (hành), và tâm; sự nhiệt-thành, sự quyết-định, sự nỗ- lực (tinh tấn), sự chánh-niệm (niệm), sự buông-xả (xả), và sự chú-tâm (tác ý)—thầy ấy định nghĩa những trạng thái này theo từng cái một khi chúng đã xảy ra; thầy ấy biết rõ những trạng thái đó đã khởi sinh (sinh), biết rõ chúng có mặt (trụ), biết rõ chúng biến mất (diệt). Thầy ấy hiểu được như vầy … và với sự tu dưỡng sự [chứng đắc] đó, thầy ấy đã xác nhận là có (sự thoát-khỏi cao hơn nữa).

11. (5) “Lại nữa, này các Tỳ kheo: ‘Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc (thuộc sắc giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận- thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] ‘không gian là vô biên’, thầy Xá-lợi-phất chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ [cảnh xứ không gian vô biên].’

12. “Và những trạng thái trong không vô biên xứ—sự nhận-thức về không vô biên xứ và sự hợp-nhất của tâm (nhất điểm); sự tiếp-xúc (xúc), cảm-giác (thọ), nhận-thức (tưởng), sự cố-ý (hành), và tâm; sự nhiệt-thành,

sự quyết-định, sự nỗ-lực (tinh tấn), sự chánh-niệm (niệm), sự buông-xả (xả), và sự chú-tâm (tác ý)—thầy ấy định nghĩa những trạng thái này theo từng cái một khi chúng đã xảy ra; thầy ấy biết rõ những trạng thái đó đã khởi sinh (sinh), biết rõ chúng có mặt (trụ), biết rõ chúng biến mất (diệt). Thầy ấy hiểu được như vầy … và với sự tu dưỡng sự [chứng đắc] đó, thầy ấy đã xác nhận là có (sự thoát-khỏi cao hơn nữa).

13. (6) “Lại nữa, này các Tỳ kheo: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘thức là vô biên’, thầy Xá-lợi-phất chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ thức vô biên].’

14. “Và những trạng thái trong thức vô biên xứ—sự nhận-thức về thức vô biên xứ và sự hợp-nhất của tâm (nhất điểm); sự tiếp-xúc (xúc), cảm- giác (thọ), nhận-thức (tưởng), sự cố-ý (hành), và tâm; sự nhiệt-thành, sự quyết-định, sự nỗ-lực (tinh tấn), sự chánh-niệm

(niệm), sự buông-xả (xả), và sự chú-tâm (tác ý)—thầy ấy định nghĩa những trạng thái này theo từng cái một khi chúng đã xảy ra; thầy ấy biết rõ những trạng thái đó đã khởi sinh (sinh), biết rõ chúng có mặt (trụ), biết rõ chúng biến mất (diệt). Thầy ấy hiểu được như vầy … và với sự tu dưỡng sự [chứng đắc] đó, thầy ấy đã xác nhận là có (sự thoát-khỏi cao hơn nữa).

15. (7) “Lại nữa, này các Tỳ kheo: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘không-có-gì’, thầy Xá-lợi-phất chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì].’

16. “Và những trạng thái trong vô sở hữu xứ —sự nhận-thức về vô sở hữu xứ và sự hợp-nhất của tâm (nhất điểm); sự tiếp-xúc (xúc), cảm-giác (thọ), nhận-thức (tưởng), sự cố-ý (hành), và tâm; sự nhiệt-thành, sự quyết- định, sự nỗ-lực (tinh tấn), sự chánh-niệm (niệm), sự buông-xả (xả), và sự chú-tâm (tác ý)—thầy ấy định nghĩa những trạng thái này theo từng cái một khi chúng đã xảy ra; thầy ấy biết rõ những trạng thái đó đã khởi sinh (sinh), biết rõ chúng có mặt (trụ), biết rõ chúng biến mất (diệt). Thầy ấy hiểu được như vầy … và với sự tu dưỡng sự [chứng đắc] đó, thầy ấy đã xác nhận là có (sự thoát-khỏi cao hơn nữa).

17. (8) “Lại nữa, này các Tỳ kheo: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, thầy Xá-lợi-phất chứng nhập và an trú trong phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận- thức].’

18. “Thầy ấy thoát-ra có chánh-niệm khỏi tầng chứng đắc đó. Sau khi đã làm vậy, thầy ấy quán sát những trạng thái trước đó đã biến qua, đã chấm dứt, và đã thay đổi, như vầy: ‘Đúng thực, những trạng thái đó, chưa có mặt, trở thành có mặt; sau khi có mặt, chúng biến mất.’1051 Đối với những trạng thái đó, thầy ấy an trú không bị hấp dẫn (không tham), không bị khó chịu (không sân), không phụ thuộc, tách ly, tự do, xa lìa, với một cái tâm không còn những rào cản. Thầy ấy hiểu: ‘Có một sự thoát-khỏi cao hơn nữa’ và với sự tu dưỡng sự [chứng đắc] đó, thầy ấy đã xác nhận là có (sự thoát-khỏi cao hơn nữa).

19. (9) “Lại nữa, này các Tỳ kheo: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên phi tưởng phi phi tưởng xứ, thầy Xá-lợi-phất chứng nhập và an trú trong trạng thái diệt thọ tưởng [sự chấm-dứt của nhận-thức và cảm-giác].’ Và những ô-nhiễm (lậu hoặc) của thầy ấy đã được tiêu diệt bởi sự nhìn-thấy bằng trí- tuệ.1052

20. “Thầy ấy thoát-ra có chánh-niệm khỏi tầng chứng đắc đó. Sau khi đã làm vậy, thầy ấy quán sát những trạng thái trước đó đã biến qua, đã chấm dứt, và đã thay đổi, như vầy: ‘Đúng thực, những trạng thái đó, chưa có mặt, trở thành có mặt; sau khi có mặt, chúng biến mất.’1053 Đối với những trạng thái đó, thầy ấy an trú không bị hấp dẫn (không tham), không bị khó chịu (không sân), không phụ thuộc, tách ly, tự do, xa lìa, với một cái tâm không còn những rào cản. Thầy ấy hiểu: ‘Không còn sự thoát-khỏi cao hơn nữa’ và với sự tu dưỡng sự [chứng đắc] đó, thầy ấy đã xác nhận là không có (sự thoát-khỏi cao hơn nữa).1054

21. “Này các Tỳ kheo, nếu nói một cách đúng đắn mà nói điều này về ai: ‘Người đó đã đạt tới sự làm-chủ và sự hoàn-thiện1055 về giới-hạnh thánh thiện, đã đạt tới sự làm-chủ và sự hoàn-thiện về thiền-định thánh thiện, đã

đạt tới sự làm-chủ và sự hoàn-thiện về trí-tuệ thánh thiện; đã đạt tới sự làm-chủ và sự hoàn-thiện về sự giải-thoát thánh thiện’, thì điều này thực sự nên được nói về thầy Xá-lợi-phất, nếu nói một cách đúng đắn.

22. “Này các Tỳ kheo, nếu nói một cách đúng đắn mà nói điều này về ai: ‘Người đó là con của đức Thế Tôn, được sinh ra từ ngực của bậc ấy, được sinh ra từ miệng của bậc ấy, được sinh ra từ Giáo Pháp, được tạo ra bởi Giáo Pháp, một người thừa tự về Giáo Pháp, không phải người thừa tự về những thứ vật chất’, thì điều này thực sự nên được nói về thầy Xá-lợi- phất, nếu nói một cách đúng đắn.

23. “Này các Tỳ kheo, Bánh Xe Giáo Pháp vô song được thiết lập quay chuyển bởi Như Lai giờ được tiếp tục quay chuyển một cách đúng đắn bởi thầy Xá-lợi-phất.” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

112. KINH SỰ THANH LỌC SÁU PHẦN (Chabbisodhana Sutta)

1. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nói lời tuyên bố về trí-biết cuối cùng (thánh quả A-la-hán) như vầy: ‘Tôi hiểu rằng: ‘Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’

3. “Lời của Tỳ kheo đó không nên được tán đồng hay bất tán đồng. Không tán đồng hay bất tán đồng, một câu hỏi nên được đặt ra như vầy: (1) “‘Này đạo hữu, có ‘bốn loại sự diễn đạt’ đã được tuyên thuyết một cách đúng đắn bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Bốn đó là gì? (i) Một nói về những thứ nhìn thấy như nó được nhìn thấy; (ii) một nói về những thứ nghe thấy như nó được nghe thấy; (iii) một nói về những thứ cảm nhận như nó được cảm nhận; (iv) một nói về những thứ nhận biết như nó được nhận biết.1056 Này đạo hữu, đây là ‘bốn loại sự diễn đạt’ được tuyên bố đúng đắn bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Theo cách nào quý thầy biết, theo cách nào quý thầy thấy, về ‘bốn loại sự diễn đạt’ này, để mà thông qua sự không còn dính-chấp (diệt thủ) tâm quý được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm (lậu hoặc)?’

4. “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo là người đã tiêu diệt những ô- nhiễm (lậu tận), đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì phải làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục-tiêu đích thực, đã hủy diệt những gông-cùm của (trói buộc) sự hiện-hữu, và đã được giải-thoát hoàn toàn thông qua trí-biết cuối cùng, đây là cách tự nhiên mà vị đó trả lời:

"'Này các đạo hữu, đối với những thứ được nhìn thấy, tôi an trú không bị hấp dẫn (không tham), không bị khó chịu (không sân), không phụ thuộc, tách ly, tự do, xa lìa, với một cái tâm không còn những rào cản.1057 Đối với những thứ được nghe thấy … Đối với những thứ được cảm nhận … Đối với những thứ được nhận biết, tôi an trú không bị hấp dẫn (không tham), không bị khó chịu (không sân), không phụ thuộc, tách ly, tự do, xa lìa, với một cái tâm không còn những rào cản. "Chính bằng cách biết như vậy, thấy như vậy, về 'bốn loại sự diễn đạt' này, cho nên thông qua sự không còn dính-chấp tâm của tôi được giải- thoát khỏi những ô-nhiễm.'

5. "Sau khi nói 'Thật tốt lành', người nghe hài lòng và vui mừng với lời nói của Tỳ kheo đó. Sau khi đã làm vậy, có thể đặt thêm câu hỏi như vầy: (2) "'Này đạo hữu, có 'năm uẩn [bị tác động bởi sự] dính-chấp' (năm thủ uẩn) đã được tuyên thuyết một cách đúng đắn bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Năm đó là gì? Đó là: uẩn sắc- thân bị dính-chấp (sắc uẩn), uẩn cảm-giác bị dính-chấp (thọ uẩn), uẩn nhận-thức bị dính-chấp (tưởng uẩn), uẩn những sự tạo-tác bị dính-chấp (hành uẩn), và uẩn thức bị dính-chấp (thức uẩn). Này đạo hữu, đây là 'năm uẩn bị dính-chấp', đã được tuyên thuyết một cách đúng đắn bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Theo cách nào quý thầy biết, theo cách nào quý thầy thấy, về 'năm uẩn bị dính-chấp' này, để mà thông qua sự không còn dính-chấp tâm quý được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm?'

6. "Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm … và đã được giải-thoát hoàn toàn thông qua trí-biết cuối cùng, đây là cách tự nhiên mà vị đó trả lời: "'Này các đạo hữu, sau khi đã biết sắc-thân là mong manh, đang phai biến, và không an ổn, cộng với sự tiêu diệt, sự phai biến, sự chấm dứt, sự buông bỏ, và sự từ bỏ sự hấp-dẫn và sự dính-chấp đối với sắc-thân, đối với những quan-điểm của tâm, những sự cố-chấp, và những khuynh-hướng

tiềm ẩn (tùy miên) đối với sắc-thân,1058 tôi đã hiểu rằng tâm của tôi đã được giải-thoát. "'Này các đạo hữu, sau khi đã biết cảm-giác … Sau khi đã biết nhận- thức … Sau khi đã biết những sự tạo-tác … Sau khi đã biết thức là mong manh, đang phai biến, và không an ổn, cộng với sự tiêu diệt, sự phai biến, sự chấm dứt, sự buông bỏ, và sự từ bỏ sự hấp-dẫn và sự dính-chấp đối với thức, đối với những quan-điểm của tâm, những sự cố-chấp, và những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) đối với thức, tôi đã hiểu rằng tâm của tôi đã được giải-thoát. "Chính bằng cách biết như vậy, thấy như vậy, về 'năm uẩn bị dính- chấp' này, cho nên thông qua sự không còn dính-chấp tâm của tôi được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm.'

7. "Sau khi nói 'Thật tốt lành', người nghe hài lòng … có thể đặt thêm câu hỏi như vầy: (3) "'Thưa đạo hữu, có 'sáu yếu-tố' (giới; thành tố) đã được tuyên thu- yết một cách đúng đắn bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Sáu đó là gì? Đó là: yếu-tố đất, yếu-tố nước, yếu-tố lửa (nhiệt), yếu-tố gió (khí), yếu-tố không gian,

và yếu-tố thức. Này đạo hữu, sáu yếu-tố này đã được tuyên thuyết một cách đúng đắn bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Theo cách nào quý thầy biết, theo cách nào quý thầy thấy, về 'sáu yếu-tố' này, để mà thông qua sự không còn dính-chấp tâm quý được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm?'

8. "Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm ... và đã được giải-thoát hoàn toàn thông qua trí-biết cuối cùng, đây là cách tự nhiên mà vị đó trả lời: "'Này các đạo hữu, tôi đã coi yếu-tố đất không phải là cái 'ta' (ngã), cộng với không có cái 'ta' dựa trên yếu-tố đất.1059 Và cộng với sự tiêu diệt, sự phai biến, sự chấm dứt, sự buông bỏ, và sự từ bỏ sự hấp-dẫn và sự dính-chấp dựa trên yếu-tố đất, dựa trên những quan-điểm của tâm, những

sự cố-chấp, và những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) đối với yếu-tố đất, tôi đã hiểu rằng tâm của tôi đã được giải-thoát. "'Này các đạo hữu, tôi đã coi yếu-tố nước ... yếu-tố lửa ... yếu-tố gió ... yếu-tố không gian ... yếu-tố thức không phải là cái 'ta' (ngã), cộng với không có cái 'ta' dựa trên yếu-tố thức. Và cộng với sự tiêu diệt, sự phai biến, sự chấm dứt, sự buông bỏ, và sự từ bỏ sự hấp-dẫn và sự dính-chấp dựa trên yếu-tố khí, dựa trên những quan-điểm của tâm, những sự cố- chấp, và những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) đối với yếu-tố thức, tôi đã hiểu rằng tâm của tôi đã được giải-thoát. "Chính bằng cách biết như vậy, thấy như vậy, về 'sáu yếu-tố' này, cho nên thông qua sự không còn dính-chấp tâm của tôi được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm.'

9. "Sau khi nói 'Thật tốt lành', người nghe hài lòng ... có thể đặt thêm câu hỏi như vầy: (4) "'Nhưng, này đạo hữu, có sáu cơ-sở bên trong và bên ngoài (sáu nội xứ và ngoại xứ) đã được tuyên thuyết một cách đúng đắn bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Sáu đó là gì? Đó là: mắt và những hình-sắc, tai và những âm-thanh, mũi và những mùi-hương, lưỡi và những mùi-vị, thân và những thứ hữu-hình chạm xúc, tâm và những đối-tượng của tâm. Này đạo hữu, đây là sáu cơ-sở bên trong và bên ngoài đã được tuyên thuyết một cách đúng đắn bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Theo cách nào quý thầy biết, theo cách nào quý thầy thấy, về 'sáu cơ-sở bên trong và bên ngoài' này này, để mà thông qua sự không còn dính-chấp tâm quý thầy được giải- thoát khỏi những ô-nhiễm?'

10. "Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm ... và đã được giải-thoát hoàn toàn thông qua trí-biết cuối cùng, đây là cách tự nhiên mà vị đó trả lời: "'Này các đạo hữu, với sự tiêu diệt, sự phai biến, sự chấm dứt, sự

buông bỏ, và sự từ bỏ (tất cả) tham-muốn, nhục-dục, sự thích-thú, dục- vọng, sự hấp dẫn và sự dính-chấp, và những quan-điểm của tâm, những sự cố-chấp, và những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) đối với mắt, những hình-sắc, thức mắt, và những thứ nhận biết được [bởi tâm] thông qua thức mắt, tôi đã hiểu rằng tâm của tôi đã được giải-thoát.1060 "'Với sự tiêu diệt, sự phai biến, sự chấm dứt, sự buông bỏ, và sự từ bỏ tham-muốn, nhục-dục, sự thích-thú, dục-vọng, sự hấp dẫn và sự dính- chấp, và những

quan-điểm của tâm, những sự cố-chấp, và những khuynh- hướng tiềm ẩn (tùy miên) đối với tai, những âm-thanh, thức tai, và những thứ nhận biết được [bởi tâm] thông qua thức tai … đối với mũi, những mùi-hương, thức mũi, và những thứ nhận biết [bởi tâm] thông qua thức mũi … đối với lưỡi, những mùi-vị, thức lưỡi, và những thứ nhận biết được [bởi tâm] thông qua thức lưỡi … đối với thân, những thứ hữu-hình chạm xúc, thức thân, và những thứ nhận biết được [bởi tâm] thông quan thức thân … đối với tâm, những đối-tượng của tâm, thức tâm, và những thứ nhận biết được [bởi tâm] thông qua thức tâm, tôi đã hiểu rằng tâm của tôi đã được giải-thoát. "Chính bằng cách biết như vậy, thấy như vậy, về 'sáu cơ-sở bên trong và bên ngoài' này, cho nên thông qua sự không còn dính-chấp tâm của tôi được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm.'

11. "Sau khi nói 'Thật tốt lành', người nghe hài lòng … có thể đặt thêm câu hỏi như vầy: (5) "'Nhưng, này đạo hữu, theo cách nào quý thầy biết, theo cách nào quý thầy thấy, để mà đối với 'thân có-thức này và tất cả những dấu-hiệu (hình tướng) ở bên ngoài', cái sự tạo nên cái 'ta', sự tạo nên cái 'của-ta', và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sự tự-ta (tùy miên ngã mạn) đã được bứng sạch bên trong quý thầy?'1061

12. "Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm … và đã được giải-thoát hoàn toàn thông qua trí-biết cuối cùng, đây là cách tự nhiên mà vị đó trả lời:

"'Này các đạo hữu, trước kia khi còn sống tại gia tôi là vô-minh. Sau đó Như Lai [hoặc đệ tử của Như Lai] đã chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp. Sau khi nghe được Giáo Pháp, tôi đạt được niềm-tin vào Như Lai. Sau khi có được niềm-tin đó, tôi xem xét như vầy: 'Đời sống tại gia là chật chội và bụi bẩn; đời sống xuất gia thì rộng mở. Không dễ gì sống ở nhà mà có thể dẫn dắt một đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết như một vỏ sò được chà trắng. Hay ta cạo bỏ râu tóc, khoát cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.' Rồi sau đó, sau khi đã dẹp bỏ một gia sản nhỏ hay gia sản lớn, tôi đã cạo bỏ râu tóc, khoát cà sa màu vàng úa, từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.

13. –17. "'Sau khi đã xuất gia như vậy, và có được sự tu-tập và lối-sống của những Tỳ kheo … [giống kinh MN 51, mục 14–19] … tôi thanh lọc tâm mình khỏi sự nghi-ngờ.

18. "'Sau khi đã dẹp bỏ năm chướng-ngại như vậy, đó là những ô- nhiễm làm suy yếu trí-tuệ: (i) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý- nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.' (ii) 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) … (iii) 'Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ) … tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) … (iv) 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ … tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.

19. “‘Khi tâm của tôi đã được như vậy, đã đạt-định, được thanh lọc tinh khiết và sáng tỏ, không bị dính nhiễm, đã hết khuyết lỗi, dễ uốn nắn, dễ điều phục, vững vàng, và đạt tới mức không thể bị khích động (bất lay

chuyển), lúc đó tôi đã hướng tâm tới trí-biết về sự (đã) tiêu-diệt những ô-nhiễm (lậu tận minh).1062 Tôi đã trực-tiếp biết, đúng như nó thực là: “Đây là khổ” … “Đây là nguồn-gốc khổ” … “Đây là sự chấm-dứt khổ” … “Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ”. Tôi đã trực-tiếp biết, đúng như nó thực là: “Đây là những ô-nhiễm” … “Đây là nguồn-gốc những ô- nhiễm” … “Đây là sự chấm-dứt những ô-nhiễm” … “Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt những ô-nhiễm”.

20. “‘Sau khi tôi đã biết và thấy như vậy, tâm của tôi được giải thoát khỏi ô-nhiễm do/của tham-dục (dục lậu), khỏi ô-nhiễm do/của sự hiện- hữu (hữu lậu), và khỏi ô-nhiễm do/của vô-minh (vô-minh lậu). Khi tâm đã được giải-thoát, thì có sự-biết: ‘Nó được giải-thoát.’ Tôi đã trực-tiếp biết rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’ “Chính bằng cách biết như vậy, thấy như vậy, cho nên đối với ‘thân có-thức này và tất cả những dấu-hiệu (hình tướng) ở bên ngoài’, sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sự tự- ta (tùy miên ngã mạn) đã được bứng sạch bên trong tôi.’

21. “Sau khi nói ‘Thật tốt lành’, người nghe hài lòng và vui mừng với lời nói của Tỳ kheo đó. Sau khi đã làm vậy, người đó nên nói với vị Tỳ kheo đó: ‘Đó là ích lợi cho chúng tôi, này đạo hữu, đó là ích lợi lớn lao cho chúng tôi, này đạo hữu, rằng chúng tôi đã gặp được một người đồng đạo trong đời sống tâm linh như quý thầy.’”1063 Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

113. KINH NGƯỜI TỐT (Sappurisa Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy tính cách của một người tốt và tính cách của một người xấu.1064 Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”— “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

3. (1) “Này các Tỳ kheo, cái gì là tính cách của một người xấu (người không chân thực)? Ở đây, một người xấu là người đã xuất gia từ gia đình quý tộc xem xét như vầy: ‘Tôi đã xuất gia từ gia đình quý tộc; còn những Tỳ kheo khác không xuất gia từ những gia đình quý tộc.’ Do vậy người đó đề cao bản thân vì gia đình quý tộc của mình và chê bai những người khác. Đây là tính cách của một người xấu “Nhưng một người tốt (người chân thực) thì xem xét như vầy: ‘Không phải nhờ gia đình quý tộc mà một người có thể

tiêu diệt những trạng thái tham, sân, si. Cho dù một người không xuất gia từ gia đình quý tộc, nhưng nếu người đó bước vào con đường đúng theo Giáo Pháp, bước vào con đường đúng đắn, và dẫn dắt bản thân đúng theo Giáo Pháp thì người đó nên được tôn vinh vì điều đó, người đó nên được khen ngợi về điều đó.' Vì vậy, sau khi đặt 'sự thực-hành con đường' (sự thực tu) lên trước tiên, người đó không đề cao bản thân hay chê bai những người khác vì lý do từ gia đình quý tộc hay không. Đây là tính cách của một người tốt.

4. –6. (2) "Thêm nữa, một người xấu là người xuất gia từ gia đình lớn … (3) từ gia đình giàu có … (4) từ gia đình uy thế xem xét như vầy: 'Tôi đã xuất gia từ gia đình uy thế; còn những Tỳ kheo khác không xuất gia từ những gia đình uy thế.' Do vậy người đó đề cao bản thân vì gia đình uy

thế của mình và chê bai những người khác. Đây cũng là tính cách của một người xấu. "Nhưng một người tốt thì xem xét như vầy: 'Không phải nhờ gia đình uy thế mà một người có thể tiêu diệt những trạng thái tham, sân, si. Cho dù một người không xuất gia từ gia đình uy thế, nhưng nếu người đó bước vào con đường đúng theo Giáo Pháp, bước vào con đường đúng đắn, và dẫn dắt bản thân đúng theo Giáo Pháp thì người đó nên được tôn vinh vì điều đó, người đó nên được khen ngợi về điều đó.' Vì vậy, sau khi đặt 'sự thực-hành con đường' (sự thực tu) lên trước tiên, người đó không đề cao bản thân hay chê bai những người khác vì lý do từ gia đình uy thế hay không. Đây cũng là tính cách của một người tốt.

5. (5) "Thêm nữa, một người xấu là người có tiếng và có danh xem xét như vầy: 'Tôi là người có tiếng và có danh; còn những Tỳ kheo khác thì không có tiếng hay danh gì.' Do vậy người đó đề cao bản thân vì sự có tiếng có danh của mình và chê bai những người khác. Đây cũng là tính cách của một người xấu. "Nhưng một người tốt thì xem xét như vầy: 'Không phải nhờ sự có tiếng có danh mà một người có thể tiêu diệt những trạng thái tham, sân, si. Cho dù một người không có tiếng không có danh, nhưng nếu người đó bước vào con đường đúng theo Giáo Pháp, bước vào con đường đúng đắn, và dẫn dắt bản thân đúng theo Giáo Pháp thì người đó nên được tôn vinh vì điều đó, người đó nên được khen ngợi về điều đó.' Vì vậy, sau khi đặt 'sự thực-hành con đường' (sự thực tu) lên trước tiên, người đó không đề cao bản thân hay chê bai những người khác vì lý do có tiếng có danh hay không. Đây cũng là tính cách của một người tốt.

7. (6) "Thêm nữa, một người xấu là người có được y phục, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang và chu cấp cho người bệnh xem xét như vầy: 'Tôi có được y phục, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang và chu cấp cho người bệnh; còn những Tỳ kheo khác không có được những thứ đó.' Do vậy người đó đề cao bản thân vì sự có được những lợi lộc đó và chê bai những người

khác. "Nhưng một người tốt xem xét như vầy: 'Không phải nhờ sự có được những lợi lộc đó mà một người có thể tiêu diệt những trạng thái tham, sân, si. Cho dù một người

không có được những lợi lộc đó, nhưng nếu người đó bước vào con đường đúng theo Giáo Pháp, bước vào con đường đúng đắn, và dẫn dắt bản thân đúng theo Giáo Pháp thì người đó nên được tôn vinh vì điều đó, người đó nên được khen ngợi về điều đó.' Vì vậy, sau khi đặt 'sự thực-hành con đường' (sự thực tu) lên trước tiên, người đó không đề cao bản thân hay chê bai những người khác vì lý do có được những lợi lộc đó hay không. Đây cũng là tính cách của một người tốt.

8. –20. (7) "Thêm nữa, một người xấu là người có học-hiểu ... (8) là người giỏi về Giới Luật ... (9) là người thuyết giảng Giáo Pháp ... (10) là người sống tu trong rừng ... (11) là người mặc y phục làm từ giẻ rách ... (12) là người ăn thức ăn khất thực ... (13) là người sống dưới gốc cây ... (14) là người sống trong nghĩa địa ... (15) là người sống ngoài trời ... (16) là người chỉ ngồi không nằm ... (17) là người nằm bất cứ chỗ nào (chỗ nào cũng làm chỗ nằm được, không cần phải có giường chiếu êm ấm) ... (18) là người chỉ ăn một bữa trong ngày xem xét như vầy: 'Tôi là người chỉ ăn một bữa trong ngày; còn những Tỳ kheo khác không phải người một bữa trong ngày.'1065 Do vậy người đó đề cao bản thân vì mình là người chỉ ăn một bữa trong ngày và chê bai những người khác. "Nhưng một người tốt xem xét như vầy: 'Không phải nhờ sự là người chỉ ăn một bữa trong ngày mà một người có thể tiêu diệt những trạng thái tham, sân, si. Cho dù một người không phải là người chỉ ăn một bữa trong ngày, nhưng nếu người đó bước vào con đường đúng theo Giáo Pháp, bước vào con đường đúng đắn, và dẫn dắt bản thân đúng theo Giáo Pháp thì người đó nên được tôn vinh vì điều đó, người đó nên được khen ngợi về điều đó.' Vì vậy, sau khi đặt 'sự thực-hành con đường' (sự thực tu) lên trước tiên, người đó không đề cao bản thân hay chê bai những người khác vì lý do là người chỉ ăn một bữa trong ngày hay không. Đây cũng là tính

cách của một người tốt.

21. "Thêm nữa, (i) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một người xấu chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý- nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.' Người đó xem xét như vầy: 'Ta đã đạt tới sự chứng đắc Nhất thiền; còn những Tỳ kheo khác chưa đạt tới sự chứng đắc Nhất thiền. Do vậy người đó đề cao bản thân vì đã chứng đắc Nhất thiền và chê bai những người khác. Đây cũng là tính cách của một người xấu. "Nhưng một người tốt xem xét như vầy: 'Cho dù có sự chứng đắc Nhất thiền, nhưng Đức Thế Tôn đã nói về 'sự không nhận dạng'; bởi vì cho dù họ nhìn nhận theo bất cứ cách nào, sự thật luôn khác điều đó.'1066 Vì vậy, sau khi đặt 'sự không nhận dạng' lên trước tiên, người đó không đề cao bản thân hay chê bai những người khác vì lý do đã chứng đắc Nhất thiền hay chưa. Đây cũng là tính cách của một người tốt.

22. –24. "Thêm nữa, (ii) 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), một người xấu chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) ... (iii) 'Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ) ... một người xấu chứng nhập và an trú trong tầng thiền định

thứ ba (Tam thiền) … (iv) ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ … một người xấu chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền) …

25. “Thêm nữa, (v) ‘Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể- sắc (sắc giới) … [chỉ nhận thức rằng:] ‘không gian là vô biên’, một người xấu chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ [cảnh xứ (cơ sở) không gian vô biên].’ …

26. “Thêm nữa, (vi) ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘thức là vô biên’, một người xấu chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ thức vô biên].’ …

KINH NGƯỜI TỐT • 113

27. “Thêm nữa, (vii) ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘không-có-gì’, một người xấu chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì].’ …

28. “Thêm nữa, (viii) ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, một người xấu chứng nhập và an trú trong phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức].’ Người đó xem xét như vầy: ‘Ta đã đạt tới sự chứng đắc phi tưởng phi phi tưởng xứ; còn những Tỳ kheo khác chưa đạt tới sự chứng đắc phi tưởng phi phi tưởng xứ. Do vậy người đó đề cao bản thân vì đã chứng đắc phi tưởng phi phi tưởng xứ và chê bai những người khác. Đây cũng là tính cách của một người xấu. “Nhưng một người tốt xem xét như vầy: ‘Cho dù có sự chứng đắc phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhưng Đức Thế Tôn đã nói về ‘sự không nhận dạng’ (không đồng hóa); bởi vì cho dù họ nhìn nhận theo bất cứ cách nào, sự thật luôn khác điều đó.’ Vì vậy, sau khi đặt ‘sự không nhận dạng’ lên trước tiên, người đó không đề cao bản thân hay chê bai những người khác vì lý do đã chứng đắc phi tưởng phi phi tưởng xứ hay chưa. Đây cũng là tính cách của một người tốt.

29. “Thêm nữa, (ix) ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên phi tưởng phi phi tưởng xứ, người đó chứng nhập và an trú trong trạng thái diệt thọ tưởng [sự chấm-dứt của nhận-thức và cảm-giác].’1067 Và những ô-nhiễm (lậu hoặc) của người đó đã bị tiêu diệt bởi ‘sự nhìn-thấy bằng trí-tuệ’ của người đó. Tỳ kheo này không nhìn nhận bất cứ thứ gì, người đó không nhìn nhận đối với bất cứ thứ gì, người đó không nhìn nhận theo bất cứ cách nào.”1068 Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

114 • Chương 2

114. KINH TU DƯỠNG VÀ KHÔNG TU DƯỠNG (Sevitabbāsevitabba Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy một bài thuyết giảng về những điều nên được tu dưỡng và những điều không nên tu dưỡng. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(Lời giảng thứ nhất)

3. “Này các Tỳ kheo,1069 hành vi thân (thân hành) có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và hành vi thân là loại này hoặc loại kia (tức mỗi loại này là một loại hành vi riêng biệt, loại này không thể là loại kia)./1070 Hành vi lời-nói (khẩu hành) có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và hành vi lời-nói là loại này hoặc loại kia./ Hành vi tâm (ý hành) có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và hành vi tâm là loại này hoặc loại kia./ Khuynh-hướng của tâm có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và khuynh-hướng của tâm là loại này hoặc loại kia./ Sự thu nạp nhận-thức (tưởng sanh y) có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và sự thu nạp nhận-thức là loại này hoặc loại kia./ Sự thu nạp quan-điểm (kiến sanh y) có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và sự thu nạp quan-điểm là loại này hoặc loại kia./ Sự thu nạp cá-tính (ngã tánh sanh y) có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và sự thu nạp cá-tính là loại này hoặc loại kia.”

(Phân giải chi tiết)

116 • Chương 2

4. Sau khi điều này được nói ra, Ngài Xá-lợi-phất đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con hiểu được ý nghĩa chi tiết lời của Thế Tôn mới nói ra một cách vắn tắt mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết, là như vầy:

5. [1] [“‘Này các Tỳ kheo, hành vi thân có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và hành vi thân là loại này hoặc loại kia.’] Điều này đã được đức Thế Tôn nói như vậy. Và do tham chiếu điều gì đức Thế Tôn đã nói như vậy? “Thưa Thế Tôn, hành vi thân nào gây ra bất thiện tăng [những trạng thái bất thiện gia tăng] và thiện giảm [những trạng thái thiện gia giảm] trong người tu dưỡng nó thì không nên tu dưỡng. Nhưng hành vi thân nào làm cho bất thiện giảm [những trạng thái bất thiện gia giảm] và thiện tăng [những trạng thái thiện gia tăng] trong người tu dưỡng nó thì nên được tu dưỡng. (a) “Và loại hành vi thân nào gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó? (i) Ở đây có người sát-sinh; người đó giết hại, tay vấy máu, đánh đấm và bạo lực, tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống. (ii) Người đó gian-cắp; lấy trộm lấy cắp tài sản và đồ đạc của người khác trong làng hay trong rừng. (iii) Người đó tà-dâm tà dục; người có quan hệ tính dục với những phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, anh, chị, người thân của họ, người phụ nữ đã có chồng, người phụ nữ được bảo vệ bởi pháp luật, và thậm chí những người phụ nữ đã đính hôn. (giống mục 8, kinh MN 41). Hành vi thân như vậy gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó. (b) “Và hành vi thân nào làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó? (i) Ở đây, có người, sau khi dẹp bỏ sự sát-sinh; người đó kiêng cữ sự sát-sinh, tay không vấy máu, không đánh đấm và bạo lực, không tàn nhẫn với chúng sinh đang sống; dẹp

bỏ mọi gậy gộc và vũ khí, có lương tâm, nhân từ, người đó sống bi-mẫn với mọi chúng sinh đang sống. (ii) Sau khi dẹp bỏ sự gian-cắp, người đó kiêng cữ sự lấy trộm lấy cắp tài sản và đồ đạc của người khác trong làng hay trong rừng. (iii) Sau

khi dẹp bỏ sự tà-dâm tà dục; người đó kiêng cữ sự quan hệ tính dục với những phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, anh, chị, người thân của họ; phụ nữ đã có chồng, người phụ nữ được bảo vệ bởi pháp luật, và cả những người phụ nữ đã đính hôn. (giống mục 12, kinh MN 41). Hành vi thân như vậy làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó. "Chính do tham chiếu những điều này nên đức Thế Tôn đã nói: 'Này các Tỳ kheo, hành vi thân có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và hành vi thân là loại này hoặc loại kia.'

6. [2] ["'Này các Tỳ kheo, hành vi lời-nói có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và hành vi lời-nói là loại này hoặc loại kia.'] Điều này đã được đức Thế Tôn nói như vậy. Và do tham chiếu điều gì đức Thế Tôn đã nói như vậy? "Thưa Thế Tôn, hành vi lời-nói nào gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó thì không nên tu dưỡng. Nhưng hành vi lời-nói nào làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó thì nên được tu dưỡng. (a) "Và hành vi lời-nói nào gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó? (i) Ở đây có người nói-dối nói láo; khi được gọi tới pháp đình (tòa án), hay tới nơi họp mặt, hoặc tới nơi có mặt những người họ tộc của mình, hoặc tới chỗ phường hội (đoàn thể, bang hội) của mình, hoặc tới trước mặt gia đình hoàng tộc, và được hỏi như một nhân chứng: 'Này anh, hãy nói những gì anh biết'; không biết, nhưng người đó lại nói 'Tôi biết', hoặc có biết, nhưng người đó lại nói 'Tôi không biết'; không nhìn thấy, nhưng người đó lại nói 'Tôi nhìn thấy', hoặc có nhìn thấy, nhưng người đó lại nói 'Tôi không nhìn thấy'; người nói sai sự thật với sự ý thức hoàn toàn (cố ý) vì lợi ích của mình, hay vì lợi ích người khác, hoặc chỉ vì lợi ích nhỏ nhặt nào đó. (ii) Người đó nói lời ma-mãnh; người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người nọ; hoặc người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người nọ với người kia; vậy người đó là kẻ chia rẽ những người đang đoàn kết, là kẻ tạo ra những

sự chia rẽ, kẻ thích nhìn người khác bất hòa, vui mừng khi nhìn thấy người khác bất hòa, là kẻ nói những lời gây ra sự bất hòa. (iii) Người đó nói lời gắt-gỏng nạt nộ; người đó nói những lời thô tục, khó nghe, làm tổn thương người khác, làm sỉ nhục người khác, bộc lộ sự sân-giận, không dẫn tới sự tập-trung (định tâm). (iv) Người đó nói chuyện tầm-phào tán dóc; người đó nói không đúng lúc, nói phù phiếm chẳng sự thật gì, nói điều vô ích, nói ngược với Giáo Pháp và Giới Luật; vào những lúc không thích hợp người đó nói những lời không đáng nói, không hữu lý, không chừng mực, và không ích lợi. (giống mục 9, kinh MN 41). Hành vi lời-nói như vậy gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó. (b) "Và loại hành vi lời-nói nào làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó? (i) Ở đây, có người sau khi dẹp bỏ sự

nói-dối nói láo, người đó kiêng cữ sự nói-dối nói láo; khi được gọi tới pháp đình (tòa án), hay tới nơi họp mặt, hoặc tới nơi có mặt những người họ tộc của mình, hoặc tới chỗ phường hội của mình, hoặc tới trước mặt gia đình hoàng tộc, và được hỏi như một nhân chứng: 'Này anh, hãy nói những gì anh biết'; không biết, người đó nói 'Tôi không biết', hoặc có biết, người đó nói 'Tôi biết'; không nhìn thấy, người đó nói 'Tôi không nhìn thấy', hoặc có nhìn thấy, người đó nói 'Tôi có nhìn thấy'; người không nói sai sự thật với sự ý thức hoàn toàn (cố ý) vì lợi ích của mình, hay vì lợi ích người khác, hoặc chỉ vì lợi ích nhỏ nhặt nào đó. (ii) Sau khi dẹp bỏ lời nói ma- mãnh, người đó kiêng cữ lời nói ma-mãnh; người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người nọ, người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người nọ với người kia; như vậy người đó là người đoàn kết những người bị chia rẽ, là người xây dựng tình bạn hữu, người đó thích nhìn thấy người khác hòa thuận, vui mừng khi nhìn thấy người khác hòa thuận, là người nói những lời tạo ra sự hòa thuận. (iii) Sau khi dẹp bỏ lời nói gắt-gỏng nạt nộ, người đó kiêng cữ sự nói lời nói gắt-gỏng nạt nộ; người đó nói lời nhẹ nhàng, dễ nghe và thân mến, như đi vào lòng người, nói lời lễ độ, được nhiều người muốn nghe, và được nhiều người hài lòng. (iv) Sau khi dẹp bỏ lời nói tầm-phào tán dóc,

người đó kiêng cữ sự nói lời lời nói tầm-phào tán dóc; người đó nói đúng lúc thích hợp, nói điều là sự thật, nói những điều tốt lành, nói về Giáo Pháp và Giới Luật; vào lúc thích hợp người đó nói những lời đáng nói đáng nghe, hữu lý, đúng mực, và có ích lợi. (giống mục 13, kinh MN 41). Hành vi lời-nói như vậy làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó. "Chính do tham chiếu những điều này nên đức Thế Tôn đã nói: 'Này các Tỳ kheo, hành vi lời-nói có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và hành vi lời-nói là loại này hoặc loại kia.'

7. [3] ["'Này các Tỳ kheo, hành vi tâm có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và hành vi tâm là loại này hoặc loại kia.'] Điều này đã được đức Thế Tôn nói như vậy. Và do tham chiếu điều gì đức Thế Tôn đã nói như vậy? "Thưa Thế Tôn, hành vi tâm nào gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó thì không nên tu dưỡng. Nhưng hành vi lời-nói nào làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó thì nên được tu dưỡng. (a) "Và hành vi tâm nào gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó? (i) Ở đây người thèm-muốn (tham). Người đó thèm muốn sự giàu có và của cải của người khác như vầy: 'Làm sao những gì của họ là của ta!'. (ii) Hoặc người đó có một cái tâm ác-ý (sân, ác) và những ý-định thù ghét như vầy: 'Cầu cho những chúng sinh này bị giết, bị tàn sát, bị chém đầu, bị hủy diệt, hay bị diệt vong!' (giống đoạn (1)-(2) mục 10, kinh MN 41). Hành vi tâm như vậy gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó. (b) "Và hành vi tâm nào làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó? (i) Ở đây, có người không thèm-muốn (không tham); người đó không thèm muốn tài sản và đồ đạc của người khác với ý như vầy: 'Làm sao những gì của họ là của ta!'. (ii) Tâm của người đó không có sự ác-ý (không sân, không ác), và người đó có những ý-định phi thù phi

ghét như vầy: ‘Cầu cho mọi chúng sinh không còn thù hận, khổ đau và lo âu! Cầu cho họ sống hạnh phúc!’ (giống đoạn (1)-(2) mục 14, kinh MN 41). Hành vi tâm như vậy làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó. “Chính do tham chiếu những điều này nên đức Thế Tôn đã nói: ‘Này các Tỳ kheo, hành vi tâm có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và hành vi tâm là loại này hoặc loại kia.’1071

8. [4] [“‘Khuynh-hướng của tâm có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và khuynh-hướng của tâm là loại này hoặc loại kia.’] Điều này đã được đức Thế Tôn nói như vậy. Và do tham chiếu điều gì đức Thế Tôn đã nói như vậy? “Thưa Thế Tôn, khuynh-hướng nào của tâm gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó thì không nên tu dưỡng. Nhưng khuynh-hướng nào của tâm làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó thì nên được tu dưỡng. (a) “Và loại khuynh-hướng nào của tâm gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó? (i) Ở đây có người thèm-khát (tham) và sống với tâm của mình thấm đầy sự thèm-khát; (ii) người đó có sự ác-ý (sân) và sống với tâm của mình thấm đầy sự ác-ý; (iii) người đó hung-dữ (bạo, ác) và sống với tâm của mình thấm đầy sự hung-dữ.1072 Khuynh- hướng của tâm như vậy gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó. (b) “Và loại khuynh-hướng nào của tâm làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó? (i) Ở đây có người không thèm-khát (không tham) và sống với tâm của mình lìa xa sự thèm-muốn; (ii) người đó không có sự ác-ý (không sân) và sống với tâm của mình lìa xa sự ác-ý; (iii) người đó không hung-dữ và sống với tâm của mình lìa xa sự hung-dữ. Khuynh-hướng của tâm như vậy làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó.

“Chính do tham chiếu những điều này nên đức Thế Tôn đã nói: ‘Này các Tỳ kheo, khuynh-hướng của tâm có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và khuynh-hướng của tâm là loại này hoặc loại kia.’

9. [5] [“‘Sự thu nạp nhận-thức (tưởng sanh y) có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và sự thu nạp nhận-thức là loại này hoặc loại kia.’] Điều này đã được đức Thế Tôn nói như vậy. Và do tham chiếu điều gì đức Thế Tôn đã nói như vậy? “Thưa Thế Tôn, sự thu nạp nhận-thức nào gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó thì không nên tu dưỡng. Nhưng sự thu nạp nhận-thức nào làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó thì nên được tu dưỡng. (a) “Và loại sự thu nạp nhận-thức nào gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó? (i) Ở đây có người thèm-muốn (tham) và sống với nhận-thức của mình thấm đầy sự thèm-muốn; (ii) người đó có sự ác-ý và sống với nhận-thức của mình thấm đầy sự ác-ý; (iii) người đó hung-dữ và sống với tâm mình thấm đầy sự hung-dữ. Sự thu nạp nhận- thức như vậy gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó. (b) “Và loại sự thu nạp nhận-thức nào làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu

dưỡng nó? (i) Ở đây có người không thèm-muốn (không tham) và sống với nhận-thức của mình lìa xa sự thèm-muốn; (ii) người đó không có sự ác-ý (không sân) và sống với nhận-thức của mình lìa xa sự ác-ý; (iii) người đó không hung-dữ (không bạo không ác) và sống với tâm mình lìa xa sự hung-dữ. Sự thu nạp nhận-thức như vậy làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó. "Chính do tham chiếu những điều này nên đức Thế Tôn đã nói: 'Này các Tỳ kheo, sự thu nạp nhận-thức có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và sự thu nạp nhận-thức là loại này hoặc loại kia.'

10. [6] ["'Sự thu nạp quan-điểm (kiến sanh y) có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và sự thu nạp quan-điểm là loại này hoặc loại kia.' Điều này đã được đức Thế Tôn nói như vậy. Và do tham chiếu điều gì đức Thế Tôn đã nói như vậy? "Thưa Thế Tôn, sự thu nạp quan-điểm nào gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó thì không nên tu dưỡng. Nhưng sự thu nạp quan-điểm nào làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó thì nên được tu dưỡng. (a) "Và loại sự thu nạp quan-điểm nào gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó? (i) Ở đây có người nắm giữ một quan- điểm (tà kiến) như vầy: (đối với người đó) ['Không thứ gì (cần nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí), không thứ gì được cúng dường, không thứ gì được hiến tặng hay hy sinh; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có chúng sinh nào được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.'] Sự thu nạp quan-điểm như vậy gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó. (b) "Và loại sự thu nạp quan-điểm nào làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó? (i) Ở đây có người nắm giữ một quan-điểm (chánh kiến) như vầy: (i) (đối với người đó) ['Có thứ (cần) được cho đi (và có phước quả từ việc cho đi, bố thí), có thứ được cúng dường, có thứ được dâng hiến hy sinh; có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu cho những hành động tốt và xấu; có thế giới (đời) này, có thế giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại (cho

những người khác) về thế giới này và thế giới khác.'] Sự thu nạp quan- điểm như vậy làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó. "Chính do tham chiếu những điều này nên đức Thế Tôn đã nói: 'Này các Tỳ kheo, sự thu nạp quan-điểm có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và sự thu nạp quan-điểm là loại này hoặc loại kia.'

11. [7] [“‘Sự thu nạp cá-tính (ngã tánh sanh y) có hai loại, ta nói:1073 nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và sự thu nạp cá-tính là loại này hoặc loại kia.’] Điều này đã được đức Thế Tôn nói như vậy. Và do tham chiếu điều gì đức Thế Tôn đã nói như vậy? “Thưa Thế Tôn, sự thu nạp cá-tính nào gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó thì không nên tu dưỡng. Nhưng sự thu nạp cá-tính nào làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó thì nên được tu dưỡng. (a) “Và loại sự thu nạp cá-tính nào gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó? (i) Khi một người khởi tạo một ‘sự thu nạp cá- tính còn dính (sẽ bị, nối kết, câu hữu) khổ đau’ thì gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người đó, ngăn cản người đó đạt tới sự kết-cuộc.1074 (b) “Và loại sự thu nạp cá-tính nào làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó? (i) Khi một người khởi tạo một ‘sự thu nạp cá-tính không còn dính (hết bị, không nối kết, không câu hữu) khổ đau’ thì làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người đó, làm cho người đó có khả năng đạt tới sự kết-cuộc. “Chính do tham chiếu những điều này nên đức Thế Tôn đã nói: ‘Này các Tỳ kheo, sự thu nạp cá-tính có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và sự thu nạp cá-tính là loại này hoặc loại kia.’

12. “Thưa Thế Tôn, con hiểu được ý nghĩa chi tiết lời của Thế Tôn mới nói ra một cách vắn tắt mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết, là như vậy.”

(Phật chấp thuận và lặp lại)

13. “Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Thật tốt lành thầy hiểu được ý nghĩa chi tiết lời của ta mới nói ra một cách vắn tắt mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết, là như vậy.

14. –20. [Trong phần này Đức Phật lặp lại nguyên văn từ mục 5–11, chỉ thay những chữ xưng hô cần thiết như thay chữ “thưa Thế Tôn” bằng chữ “Này Xá-lợi-phất” và chữ “bởi đức Thế Tôn” bằng chữ “bởi ta”.]

21. “Này Xá-lợi-phất, ý nghĩa chi tiết của lời ta đã nói ra một cách vắn tắt nên được coi là như vậy.

(Lời giảng thứ hai)

22. “Này Xá-lợi-phất, những hình-sắc được nhận biết bởi mắt nhận biết được bởi mắt có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng./1075 Những âm-thanh được nhận biết bởi tai có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng./ Những mùi-hương được nhận biết bởi mũi có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng./ Những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng./ Những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng./ Những đối-tượng của tâm được nhận biết bởi tâm có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng.”

(Phân giải chi tiết)

23. Sau khi điều này được nói ra, Ngài Xá-lợi-phất đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con hiểu được ý nghĩa chi tiết lời của Thế Tôn mới nói ra một cách vắn tắt mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết, là như vầy:

24. [1] [“‘Này Xá-lợi-phất, những hình-sắc được nhận biết bởi mắt nhận biết được bởi mắt có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng.’] Điều này đã được đức Thế Tôn nói như vậy. Và do tham chiếu điều gì đức Thế Tôn đã nói như vậy?

KINH TU DƯỠNG VÀ KHÔNG TU DƯỠNG • 125

“Thưa Thế Tôn, những hình-sắc nào được nhận biết bởi mắt gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó thì không nên tu dưỡng. Những hình-sắc nào được nhận biết bởi mắt làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó thì nên được tu dưỡng. “Chính do tham chiếu những điều này nên đức Thế Tôn đã nói: ‘Này các Tỳ kheo, những hình-sắc được nhận biết bởi mắt có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng.’

25. [2] [“‘Những âm-thanh được nhận biết bởi tai có hai loại, ta nói … 26. [3] [“‘Những mùi-hương được nhận biết bởi mũi có hai loại, ta nói …

27. [4] [“‘Những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi có hai loại, ta nói … 28. [5] [“‘Những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân có hai loại, ta nói …

29. [6] [“‘Những đối-tượng của tâm được nhận biết bởi tâm có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng.’] Điều này đã được đức Thế Tôn nói như vậy. Và do tham chiếu điều gì đức Thế Tôn đã nói như vậy? “Thưa Thế Tôn, những đối-tượng nào của tâm được nhận biết bởi tâm gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó thì không nên tu dưỡng. Nhưng những đối-tượng nào của tâm được nhận biết bởi tâm làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó thì nên được tu dưỡng. “Chính do tham chiếu những điều này nên đức Thế Tôn đã nói: ‘Này các Tỳ kheo, những đối-tượng của tâm được nhận biết bởi tâm có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng.’

30. “Thưa Thế Tôn, con hiểu được ý nghĩa chi tiết lời của Thế Tôn mới nói ra một cách vắn tắt mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết, là như vậy.”

(Phật chấp thuận và lặp lại)

126 • Chương 2

31. “Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Thật tốt lành thầy hiểu được ý nghĩa chi tiết lời của ta mới nói ra một cách vắn tắt mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết, là như vậy.

32.–37. [Trong phần này Đức Phật lặp lại nguyên văn từ mục 24–29, chỉ thay một số chỗ xưng hô cần thiết.]

38. “Này Xá-lợi-phất, ý nghĩa chi tiết của lời ta đã nói ra một cách vắn tắt nên được coi là như vậy.

(Lời giảng thứ ba)

39. “Này Xá-lợi-phất, y-phục có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng [sử dụng] và không nên tu dưỡng./ Thức-ăn (khất thực, cúng dường) có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng [sử dụng] và không nên tu dưỡng./ Chỗ-ở có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng [ở] và không nên tu dưỡng./ Những khu làng có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng./ Những thị trấn có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng./ Những thành phố có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng./ Những quận huyện có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng./ Những cá-nhân có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng [gặp gỡ, giao lưu] và không nên tu dưỡng.”

40. Sau khi điều này được nói ra, thầy Xá-lợi-phất đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con hiểu được ý nghĩa chi tiết lời của Thế Tôn mới nói ra một cách vắn tắt mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết, là như vầy.”

41. [1] [“‘Này Xá-lợi-phất, y-phục có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng.’] Điều này đã được đức Thế Tôn nói như vậy. Và do tham chiếu điều gì đức Thế Tôn đã nói như vậy? “Thưa Thế Tôn, những y-phục nào gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó thì không nên tu dưỡng. Nhưng những y-phục nào làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó thì nên được tu dưỡng.

“Chính do tham chiếu những điều này nên đức Thế Tôn đã nói: ‘Này các Tỳ kheo, y-phục có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng.’

42. [2] [“‘Thức-ăn (khất thực, cúng dường) có hai loại, ta nói … 43. [3] [“‘Chỗ-ở có hai loại, ta nói … 44. [4] [“‘Những khu làng có hai loại, ta nói … 45. [5] [“‘Những thị trấn có hai loại, ta nói … 46. [6] [“‘Những thành phố có hai loại, ta nói … 47. [7] [“‘Những quận huyện có hai loại, ta nói … 48. [“‘Những cá-nhân có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng.’] Điều này đã được đức Thế Tôn nói như vậy. Và do tham chiếu điều gì đức Thế Tôn đã nói như vậy? “Thưa Thế Tôn, [giao lưu gặp gỡ với] những cá-nhân nào gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó thì không nên tu dưỡng. Nhưng [giao lưu gặp gỡ với] những cá-nhân nào làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó thì nên được tu dưỡng. “Chính do tham chiếu những điều này nên đức Thế Tôn đã nói: ‘Này các Tỳ kheo, những cá-nhân có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng.’

49. “Thưa Thế Tôn, con hiểu được ý nghĩa chi tiết lời của Thế Tôn mới nói ra một cách vắn tắt mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết, là như vậy.”

(Phật chấp thuận và lặp lại)

50. “Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Thật tốt lành thầy hiểu được ý nghĩa chi tiết lời của ta mới nói ra một cách vắn tắt mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết, là như vậy.

51.–58. [Trong phần này Đức Phật lặp lại nguyên văn từ mục 41–48, chỉ thay một số chỗ xưng hô cần thiết.]

59. “Này Xá-lợi-phất, ý nghĩa chi tiết của lời ta đã nói ra một cách vắn tắt nên được coi là như vậy.

(Kết luận)

60. “Này Xá-lợi-phất, nếu tất cả những người quý-tộc (giai cấp chiến- sĩ) hiểu được như vậy ý nghĩa chi tiết của lời ta đã nói ra một cách vắn tắt như vậy, thì điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ.1076 Nếu tất cả những bà-la-môn … tất cả những thương-nông … tất cả những công-nhân bần lao hiểu được như vậy ý nghĩa chi tiết của lời ta đã nói ra một cách vắn tắt như vậy, thì điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ. Nếu thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và những vị trời Brahmā, thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người hiểu được như vậy ý nghĩa chi tiết của lời ta đã nói ra một cách vắn tắt như vậy, thì điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ.” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Xá-lợi-phất đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

115. KINH NHIỀU LOẠI YẾU TỐ (Bahudhātuka Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. “Này các Tỳ kheo, những sự sợ-hãi nào khởi sinh, tất cả đều khởi sinh vì người ngu, không vì người trí; những sự rắc-rối nào khởi sinh, tất cả đều khởi sinh vì người ngu, không vì người trí; những sự tai-họa nào khởi sinh, tất cả đều vì người ngu, không vì người trí. Giống như lửa bắt đầu từ nhà kho được làm từ cói hay cỏ khô sẽ thiêu rụi hết những căn nhà mái nhọn với tường được trát vữa bên ngoài và bên trong, được đóng kín, được bảo vệ bằng những thanh xà, với các cửa sổ được đóng kín; cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những sự sợ-hãi nào khởi sinh … tất cả đều khởi sinh vì người ngu, không vì người trí. Như vậy người ngu mang đến sự sợ-hãi, người trí không mang đến sự sợ-hãi; người ngu mang đến sự rắc-rối … tai-họa, người trí không mang đến sự rắc-rối … tai-họa. Không có sự sợ-hãi đến từ người có trí; không có sự rắc-rối … tai-họa đến từ người có trí. Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập như vầy: ‘Chúng ta sẽ là những người có trí, chúng ta sẽ là những người điều tra tìm hiểu.’”

3. Sau khi điều này được nói ra, Ngài Ānanda đã hỏi đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, theo cách nào một Tỳ kheo có thể được gọi là người trí và người điều tra tìm hiểu?” “Này Ānanda, khi một Tỳ kheo là thiện khéo về những yếu-tố (giới), thiện khéo về những cơ-sở (xứ), thiện khéo về ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’ (lý duyên khởi), thiện khéo về điều có thể và điều không thể, theo cách như vậy người đó có thể được gọi là người trí và người điều tra tìm hiểu.”

(Những yếu-tố)

4. (i) “Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào một Tỳ kheo được gọi là thiện khéo về những yếu-tố?” “Này Ānanda, có mười tám yếu-tố này: Yếu-tố mắt, yếu-tố hình-sắc, yếu-tố thức mắt; yếu-tố tai, yếu-tố âm thanh, yếu-tố thức tai; yếu-tố mũi, yếu-tố mùi hương, yếu-tố thức mũi; yếu-tố lưỡi, yếu-tố mùi vị, yếu-tố thức lưỡi; yếu-tố thân, yếu-tố đối-tượng chạm xúc, yếu-tố thức thân; yếu- tố tâm, yếu-tố các hiện-tượng thuộc tâm, yếu-tố thức tâm. Khi một Tỳ kheo biết và thấy ‘mười tám yếu-tố’ này, người đó được gọi là thiện khéo về những yếu-tố.”1077

5. (ii) “Nhưng, thưa Thế Tôn, có cách nào khác nhờ đó một Tỳ kheo được gọi là thiện khéo về những yếu tố, hay không?” “Có thể có, này Ānanda. Này Ānanda, có sáu yếu-tố này: Yếu-tố đất, yếu-tố nước, yếu-tố lửa (nhiệt), yếu-tố gió (khí), yếu-tố không gian, và yếu-tố thức. Khi một Tỳ kheo biết và thấy ‘sáu yếu-tố’ này, người đó được gọi là thiện khéo về những yếu-tố.”

6. (iii) “Nhưng, thưa Thế Tôn, có cách nào khác nhờ đó một Tỳ kheo được gọi là thiện khéo về những yếu tố, hay không?” “Có thể có, này Ānanda. Này Ānanda, có sáu yếu-tố này: Yếu-tố sướng, yếu-tố khổ, yếu-tố vui, yếu-tố buồn, yếu-tố buông xả, và yếu-tố vô minh (lạc, khổ, hỷ, ưu, xả, vô-minh). Khi một Tỳ kheo biết và thấy ‘sáu yếu-tố’ này, người đó được gọi là thiện khéo về những yếu-tố.” 1078

7. (iv) “Nhưng, thưa Thế Tôn, có cách nào khác nhờ đó một Tỳ kheo được gọi là thiện khéo về những yếu tố, hay không?” “Có thể có, này Ānanda. Này Ānanda, có sáu yếu-tố này: Yếu-tố tham- dục, yếu-tố sự từ-bỏ, yếu-tố sự ác-ý, yếu-tố sự không ác-ý, yếu-tố sự hung-dữ, và yếu-tố sự không hung-dữ. Khi một Tỳ kheo biết và thấy ‘sáu yếu-tố’ này, người đó được gọi là thiện khéo về những yếu-tố.”1079

8. (v) “Nhưng, thưa Thế Tôn, có cách nào khác nhờ đó một Tỳ kheo được gọi là thiện khéo về những yếu tố, hay không?” “Có thể có, này Ānanda. Này Ānanda, có ba yếu-tố này: Yếu-tố dục giới, yếu-tố sắc giới, và yếu-tố vô sắc giới. Khi một Tỳ kheo biết và thấy ‘ba yếu-tố’ này, người đó được gọi là thiện khéo về những yếu-tố.”1080

9. (vi) “Nhưng, thưa Thế Tôn, có cách nào khác nhờ đó một Tỳ kheo được gọi là thiện khéo về những yếu tố, hay không?” “Có thể có, này Ānanda. Này Ānanda, có hai yếu-tố này: Yếu-tố có điều-kiện (hữu vi giới = năm uẩn) và yếu-tố không điều-kiện (vô vi giới = Niết-bàn). Khi một Tỳ kheo biết và thấy ‘hai yếu-tố’ này, người đó được gọi là thiện khéo về những yếu-tố.”1081

(Những cơ-sở)

10. “Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào một Tỳ kheo được gọi là thiện khéo về những cơ-sở (xứ)?” “Này Ānanda, có sáu cơ-sở ở bên trong (nội xứ) và sáu cơ-sở ở bên ngoài (ngoại xứ): mắt và những hình-sắc, tai và những âm-thanh, mũi và những mùi-hương, lưỡi và những mùi-vị, thân và những thứ hữu-hình chạm xúc, tâm và những đối-tượng của tâm.1082 Khi một Tỳ kheo biết và thấy ‘sáu cơ-sở bên trong và bên ngoài’ này, người đó được gọi là thiện khéo về những cơ-sở.”

(Sự khởi-sinh tùy thuộc)

11. “Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào một Tỳ kheo được gọi là thiện khéo về ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’ (lý duyên khởi)?”1083 “Ở đây, này Ānanda, một Tỳ kheo biết như vầy: ‘Khi thứ này có mặt, thì thứ kia xảy ra; với sự khởi sinh thứ này, thứ kia khởi sinh. Khi thứ này không có mặt, thứ kia không xảy ra; với sự chấm dứt thứ này, thứ kia chấm dứt. Đó là: Do có vô-minh [vô minh] là điều-kiện (duyên) nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố ý [hành]; do có những sự tạo-tác là điều-kiện

nên có thức [thức]; do có thức là điều-kiện nên có phần tâm-thân [danh- sắc]; do có phần tâm-thân là điều-kiện nên có sáu cơ-sở [sáu xứ]; do có sáu cơ-sở là điều-kiện nên có sự tiếp-xúc [xúc]; do có sự tiếp-xúc là điều- kiện nên có cảm-giác [thọ]; do có với cảm-giác là điều-kiện nên có dục- vọng [ái]; do có dục-vọng là điều-kiện nên có sự dính-chấp [thủ]; do có sự dính-chấp là điều-kiện nên có sự hiện-hữu [hữu]; do có sự hiện-hữu là điều-kiện nên có sự sinh-ra [sinh]; do có sự sinh-ra là điều-kiện nên có sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng xảy ra. Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này.’ “‘Nhưng với sự phai-biến sạch sẽ và sự chấm-dứt vô-minh [vô minh] thì chấm dứt những sự tạo-tác [hành]; khi chấm dứt những sự tạo-tác là chấm dứt thức [thức]; khi chấm dứt thức là chấm dứt phần tâm-thân [danh-sắc]; khi chấm dứt phần tâm-thân là chấm dứt sáu cơ-sở [sáu xứ]; khi chấm dứt sáu cơ-sở là chấm dứt sự tiếp-xúc [xúc]; khi chấm dứt thức sự tiếp-xúc là chấm dứt cảm-giác [thọ]; khi chấm dứt cảm-giác là chấm dứt dục-vọng [ái]; khi chấm dứt dục-vọng là chấm dứt sự dính-chấp [thủ]; khi chấm dứt sự dính-chấp là chấm dứt sự hiện-hữu [hữu]; khi chấm dứt sự hiện-hữu là chấm dứt sự sinh-ra [sinh]; khi chấm dứt sự sinh-ra là chấm dứt sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này.’ Này Ānanda, theo cách như vậy một Tỳ kheo được gọi là thiện khéo về ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’.”

(Điều có thể và điều không thể)

12. “Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào một Tỳ kheo được gọi là thiện khéo về điều có thể và điều không thể?” “Ở đây, này Ānanda, một Tỳ kheo hiểu: (1) ‘Điều này là không thể, không thể xảy ra chuyện một người có được chánh-kiến mà coi sự tạo-tác (hành) nào là thường hằng (thường)—không thể có khả năng như vậy.’1084 Và người đó hiểu: ‘Điều này là có thể, rằng một người phàm thường có thể coi sự tạo-tác nào đó là thường hằng—có khả năng như vậy.’ (2) Người đó hiểu: ‘Điều này là không thể, không thể xảy ra chuyện một

người có được chánh-kiến mà coi sự tạo-tác nào là sướng (lạc)—không thể có khả năng như vậy.’ Và người đó hiểu: ‘Điều này là có thể, rằng một người phàm thường có thể coi sự tạo-tác nào đó là sướng—có khả năng như vậy.’1085 (3) Người đó hiểu: ‘Điều này là không thể, không thể xảy ra chuyện một người có được chánh-kiến mà coi thứ (pháp) gì là cái ‘ta’ (ngã)—không thể có khả năng như vậy.’ Và người đó hiểu: ‘Điều này là có

thể, rằng một người phàm thường có thể coi thứ gì đó là cái ‘ta’—có khả năng như vậy.’1086

13. (4) “Người đó hiểu: ‘Điều này là không thể, không thể xảy ra chuyện một người có được chánh-kiến mà có thể lấy mạng mẹ mình—không thể có khả năng như vậy.’1087 Và người đó hiểu: ‘Điều này là có thể, rằng một người phàm thường có thể lấy mạng mẹ mình—có khả năng như vậy.’ (5) Người đó hiểu: ‘Điều này là không thể, không thể xảy ra chuyện một người có được chánh-kiến mà có thể lấy mạng cha mình … (6) lấy mạng một A-la-hán—không thể có khả năng như vậy.’ Và người đó hiểu: ‘Điều này là có thể, rằng một người phàm thường có thể lấy mạng cha mình … lấy mạng một A-la-hán—có khả năng như vậy.’ (7) Người đó hiểu: ‘Điều này là không thể, không thể xảy ra chuyện một người có được chánh-kiến mà có thể, với tâm thù ghét, làm chảy máu Như Lai—không thể có khả năng như vậy.’ Và người đó hiểu: ‘Điều này là có thể, rằng một người phàm thường có thể, với tâm thù ghét, làm chảy máu Như Lai—có khả năng như vậy.’ (8) Người đó hiểu: ‘Điều này là không thể, không thể xảy ra chuyện một người có được chánh-kiến mà có thể gây ra chia-rẽ trong Tăng Đoàn … (9) có thể thừa nhận một đạo sư khác1088—không thể có khả năng như vậy.’ Và người đó hiểu: ‘Điều này là có thể, rằng một người phàm thường có thể gây ra sự chia-rẽ trong Tăng Đoàn … có thể thừa nhận một đạo sư khác—có khả năng như vậy.’

14. (10) Người đó hiểu: ‘Điều này là không thể, không thể xảy ra chuyện có hai Đức Phật [bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác] khởi sinh đồng đương thời trong một hệ thế giới—không thể có khả năng như vậy.’1089 Và người đó hiểu: ‘Điều này là có thể, rằng có thể có một Đức Phật khởi sinh trong một

hệ thế giới—có khả năng như vậy.’ (11) Người đó hiểu: ‘Điều này là không thể, không thể xảy ra chuyện có hai vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe (Chuyển Luân Vương) khởi sinh đồng đương thời trong một hệ thế giới— không thể có khả năng như vậy.’ Và người đó hiểu: ‘Điều này là có thể, rằng có thể có một ‘vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe’ khởi sinh trong một hệ thế giới—có khả năng như vậy.’

15. (12) “Người đó hiểu: ‘Điều này là không thể, không thể xảy ra chuyện một người nữ có thể là một Đức Phật [bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác]—không thể có khả năng như vậy.’1090 Và người đó hiểu: ‘Điều này là có thể, rằng một người nam có thể là một Đức Phật—có khả năng như vậy.’ (13) Người đó hiểu: ‘Điều này là không thể, không thể xảy ra chuyện một người nữ có thể là một vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe … (14) một người nữ có thể ở vị trí của vua trời Sakka (Đế-thích) … (15) một người nữ có thể ở vị trí của trời Brahmā (Phạm-thiên)—không thể có khả năng như vậy.’ Và người đó hiểu: ‘Điều này là có thể, rằng một người nam có thể là một vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe … có thể ở vị trí của vua trời Sakka (Đế-thích) … có thể ở vị trí của trời Brahmā (Phạm-thiên)—có khả năng như vậy.’

16. (16) “Người đó hiểu: ‘Điều này là không thể, không thể xảy ra chuyện hành vi thân sai trái … hành vi lời-nói sai trái … hành vi tâm sai trái sẽ tạo ra kết quả đáng ước, đáng

mong, dễ chịu (lạc, phúc)—không thể có khả năng như vậy.' Và người đó hiểu: 'Điều này là có thể, rằng hành thân sai trái … vi lời-nói sai trái … hành vi tâm sai trái sẽ tạo ra kết quả không đáng ước, không đáng mong, khó chịu (khổ, nạn)—có khả năng như vậy.'

17. (17) "Người đó hiểu: 'Điều này là không thể, không thể xảy ra chuyện hành vi thân tốt thiện … hành vi lời-nói tốt thiện … hành vi tâm tốt thiện sẽ tạo ra kết quả không đáng ước, không đáng mong, khó chịu (khổ, nạn)—không thể có khả năng như vậy.' Và người đó hiểu: 'Điều này là có thể, rằng hành vi thân tốt thiện … hành vi lời-nói tốt thiện …

hành vi tâm tốt thiện sẽ tạo ra kết quả đáng ước, đáng mong, dễ chịu (lạc, phúc)—có khả năng như vậy.'

18. (18) "Người đó hiểu: 'Điều này là không thể, không thể xảy ra chuyện một người dính vào hành vi thân sai trái … dính vào hành vi lời- nói sai trái … dính vào hành vi tâm sai trái mà có thể vì điều đó, vì lý do đó, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời—Không thể có khả năng như vậy.'1091 Và người đó hiểu: 'Điều này là có thể, rằng có thể một người dính vào hành vi thân sai trái … dính vào hành vi lời-nói sai trái … dính vào hành vi tâm sai trái mà có thể vì điều đó, vì lý do đó, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục—có khả năng như vậy.'

19. (19) "Người đó hiểu: 'Điều này là không thể, không thể xảy ra chuyện một người có hành vi thân tốt thiện … có hành vi lời-nói tốt thiện … có hành vi tâm tốt thiện mà có thể vì điều đó, vì lý do đó, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục—Không thể có khả năng như vậy.' Và người đó hiểu: 'Điều này là có thể, rằng có thể một người có hành vi thân tốt thiện … có hành vi lời-nói tốt thiện … có hành vi tâm tốt thiện mà có thể vì điều đó, vì lý do đó, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời—có khả năng như vậy.' "Này Ānanda, chính theo cách này một Tỳ kheo có thể được gọi là thiện khéo về điều có thể và điều không thể."

(Kết luận)

20. Sau khi điều này được nói ra, thầy Ānanda đã nói với đức Thế Tôn: "Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn, thật tuyệt vời! Tên của bài thuyết giảng Giáo Pháp này là gì?" "Này Ānanda, thầy có thể ghi nhớ bài thuyết giảng Giáo Pháp này tên

là "Nhiều Loại Yếu-tố" và là "Bốn Chu Kỳ"1092 và là "Tấm Gương Giáo Pháp" và là "Tiếng Trống của sự Bất Tử" và là "Sự Tối Thắng trong Chiến Trận". Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Ānanda đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

116. KINH Ở ISIGILI (Isigili Sutta)

1. Tôi nghe như vầy.1093 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), ở Isigili—(có nghĩa là) Cổ Họng Nuốt Những Bậc Nhìn Thấy. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. “Này các Tỳ kheo, các thầy có thấy [hay không thấy] núi Vebhāra hay không?”1094—“Dạ có, thưa Thế Tôn”. “Trước kia đã từng có một tên khác, cách gọi khác cho núi Vebhāra đó. Này các Tỳ kheo, các thầy có thấy núi Paṇḍava?”—“Dạ có, thưa Thế Tôn”. “Trước kia đã từng có một tên khác, cách gọi khác cho núi Paṇḍava đó. Này các Tỳ kheo, các thầy có thấy núi Vepulla?”—“Dạ có, thưa Thế Tôn”. “Trước kia đã từng có một tên khác, cách gọi khác cho núi Vepulla đó. Các thầy có thấy núi Gijjhakuṭa—Đỉnh Núi Kền Kền (linh thứu)?”—“Dạ có, thưa Thế Tôn”. “Trước kia đã từng có một tên khác, cách gọi khác cho núi Gi- jjhakuṭa—Đỉnh Nũi Kền Kền. Này các Tỳ kheo, các thầy có thấy núi Isi- gili—(có nghĩa là) “Cổ Họng Nuốt Những Bậc Nhìn Thấy”?”—“Dạ có, thưa Thế Tôn”.

3. “Trước kia cũng từng có tên này, cách gọi này, cho núi Isigili—(có nghĩa là) “Cổ Họng Nuốt Những Bậc Nhìn Thấy”. Vào thời kiếp trước có năm trăm vị Phật Duyên Giác (Phật Độc Giác)1095 đã sống lâu trên núi này, (được gọi là) “Cổ Họng Nuốt Những Bậc Nhìn Thấy”. Họ đã được nhìn thấy đã đi vào núi này; một khi đã đi vào, họ không còn được thấy nữa. Những người đã thấy điều này đã nói: ‘Ngọn núi này đã nuốt chửng

những bậc nhìn thấy đó.’1096 Và do vậy núi này mới có tên gọi là ‘Cổ Họng Nuốt Những Bậc Nhìn Thấy’. Này các Tỳ kheo, ta sẽ nói cho các thầy tên của những vị Phật Duyên Giác đó, ta sẽ kể lại cho các thầy tên của những vị Phật Duyên Giác đó, ta sẽ dạy cho các thầy tên của những vị Phật Duyên Giác đó. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”— “Dạ, thưa thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

4. “Này các Tỳ kheo, Phật Duyên Giác Ariṭṭha đã sống lâu trên núi Isi- gili này. Phật Duyên Giác Upariṭṭha đã sống lâu trên núi Isigili này. Phật Duyên Giác Tagarasikhin1097 … Yasassin … Sudassana … Piyadassin … Gandhāra … Piṇḍola … Upāsabha … Nītha … Tatha … Sutavā … Bhāvitatta đã sống lâu trên núi Isigili này.

5. “Những chúng sinh thiên thánh này, vô dục, đã hết khổ,
Mỗi người đã tự thân đạt tới sự giác-ngộ—
Hãy nghe ta kể tên những vị này, là những bậc nhất vĩ nhân
Trong loài người, là những người đã nhổ mũi tên [khổ đau].
Ariṭṭha, Upariṭṭha, Tagarasikhin, Yasassin,
Sudassana, và Piyadassin là những bậc đã giác-ngộ,
Gandhāra, Piṇḍola, Upāsabha,
Nītha, Tatha, Sutavā, Bhāvitatta cũng vậy.

6. “Sumbha, Subha, Methula, và Aṭṭhama,1098
Rồi Assumegha, Anīgha, Sudāṭha—
Và Hingū, and Hinga, đại uy lực,
Những vị Phật Duyên Giác đã tiêu diệt đường dẫn tới sự hiện-hữu.
Hai bậc trí-giả tên là Jāli và Aṭṭhaka,
Rồi tới Kosala là bậc giác-ngộ, rồi tới Subāhu,
Upanemi, và Nemi, và Santacitta
Chân chính và chân thực, khiết sạch và trí tuệ.
Kāḷa, Upakāḷa, Vijita, và và Jita;

Anga, và Panga, và Gutijjita cũng vậy; Passin đã chinh phục sự thu-nạp (đắc): là nguồn-gốc của sự khổ đau; Aparājita đã chinh phục sức mạnh của Ma Vương.

Satthar, Pavattar, Sarabhanga, Lomahaṁsa,
Uccangamāya, Asita, Anāsava,
Manomaya, và Bandhumant không còn sự tự-cao,
Tadādhimutta vô nhiễm và sáng chói;
Ketumbarāga, Mātanga, và Ariya,
Rồi Accuta, Accutagāma, Byāmaka,
Sumangala, Dabbila, Supatiṭṭhita,
Asayha, Khemābhirata, và Sorata,
Durannaya, Sangha, và rồi Ujjaya;
Một bậc trí-giả khác là Sayha, có sự nỗ lực thánh thiện.
Và mười hai vị ở giữa—những Ānanda, Nanda, và Upananda—
Và Bhāradvāja thời đó đang mang thân cuối cùng;
Rồi Bodhi, Mahānāma những vị tối thượng,
Bhāradvāja có lông chóp mào đẹp;
Tissa và Upatissa không còn bị trói buộc với sự hiện-hữu;
Upasīdarin, và Sīdarin, không còn dục-vọng.
Mangala đã giác-ngộ, không còn tham-dục;
Usabha đã cắt đứt lưới vây, là nguồn gốc khổ đau.
Upanīta đã đạt tới trạng thái bình an,
Đã được thanh lọc, siêu xuất, và đúng như tên gọi.
Jeta, Jayanta, Paduma, và Uppala,
Padumuttara, Rakkhita, và Pabbata,
Mānatthaddha là vinh quang, Vītarāga
Và Kaṇha đã giác-ngộ với tâm được giải-thoát.
7. “Những vị này và nhưng vị Phật Duyên Giác đại uy và đại lực Không còn bị dẫn tới sự hiện-hữu—

Tôn vinh những bậc trí-giả này Vì đã vượt thoát khởi mọi sự trói buộc, Đã đạt tới Niết-bàn cuối cùng, vượt khỏi mọi mức đo.”

117. ĐẠI KINH BỐN MƯƠI (Mahācattārīsaka Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự chánh-định thánh thiện [sự định-tâm đúng đắn thánh thiện] với những phần trợ-giúp của/cho nó và những điều-kiện tiên quyết của/cho nó.1099 Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”—“Dạ, thưa Thế Tôn”. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

3. “Này các Tỳ kheo, cái gì là sự chánh-định thánh thiện với những phần trợ-giúp của nó và những điều-kiện tiên quyết của nó, gồm có chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, và chánh-niệm? Đó là sự hợp-nhất của tâm (sự nhất tâm) được trang bị với bảy chi phần đó được gọi là sự chánh-định thánh thiện với những phần trợ-giúp của nó và những điều-kiện tiên quyết của nó.

(Chánh kiến)

4. “Trong đó, này các Tỳ kheo, chánh-kiến [cách-nhìn đúng đắn] là dẫn trước.1100 Và theo cách nào chánh-kiến là dẫn trước? Một người hiểu được tà-kiến [cách-nhìn sai lạc] là tà-kiến và chánh-kiến là chánh-kiến: đây là chánh-kiến của người đó.1101

5. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tà-kiến [cách-nhìn sai lạc]? (đối với người đó) [‘Không thứ gì (cần nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí), không thứ gì được cúng dường, không thứ gì được hiến tặng hay hy sinh; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có chúng sinh nào được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có

những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’] Đây là tà-kiến.

6. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chánh-kiến [cách-nhìn đúng đắn]? Chánh-kiến, có hai loại, ta nói: (i) có chánh-kiến còn bị ảnh hưởng bởi những ô-nhiễm [hữu lậu], dự phần công-đức, chín muồi thành những sự thu-nạp (sanh y);1102 và (ii) có chánh-kiến là thánh thiện, không còn ô- nhiễm [vô lậu], siêu thế, là một chi phần của (bát thánh) đạo.

7. “Và, này các Tỳ kheo, (i) cái gì là chánh-kiến còn bị ảnh hưởng bởi những ô-nhiễm, dự phần công-đức, chín muồi thành những sự thu-nạp? (đối với một người) [‘Có thứ

(cần) được cho đi (và có phước quả từ việc cho đi, bố thí), có thứ được cúng dường, có thứ được dâng hiến hy sinh; có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu cho những hành động tốt và xấu; có thế giới (đời) này, có thế giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.'] Đây là chánh-kiến bị tác động bởi những ô-nhiễm, sự phần công-đức, chín muồi thành những sự thu-nạp.'

8. "Và, này các Tỳ kheo, (ii) cái gì là chánh-kiến là thánh thiện, không còn ô-nhiễm, siêu thế, là một chi phần của (bát thánh) đạo? Trí-tuệ, căn trí-tuệ, năng lực trí-tuệ (tuệ, tuệ căn, tuệ lực), chi giác-ngộ là sự điều-tra những trạng-thái (trạch-pháp giác chi), chi phần thánh đạo là chánh-kiến trong một người có tâm là thánh thiện, có tâm là vô nhiễm, là người có- được thánh đạo và đang tu dưỡng (phát triển) thánh đạo:1103 đây là chánh- kiến là thánh thiện, không còn ô-nhiễm, siêu thế, là một chi phần của (bát thánh) đạo.

9. "Một người tạo sự nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ tà-kiến và chứng nhập trong chánh-kiến: đây là sự chánh tinh-tấn [sự nỗ-lực đúng đắn] của người đó. Một cách có chánh-niệm, người đó dẹp bỏ tà-kiến; một cách có

chánh-niệm, người đó chứng nhập và an trú trong chánh-kiến: đây là sự chánh-niệm của người đó. Như vậy, ba trạng thái này chạy vòng quanh chánh-kiến, đó là, chánh-kiến, chánh tinh-tấn, và chánh-niệm.1104

(Chánh tư duy)

10. "Trong đó, này các Tỳ kheo, chánh-kiến là dẫn trước. Và theo cách nào chánh-kiến là dẫn trước? Một người hiểu được tà tư-duy [ý-định sai trái] là tà tư-duy và chánh tư-duy [ý-định đúng đắn] là chánh tư-duy: đây là chánh-kiến của người đó.1105

11. "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tà tư-duy? Ý định về tham-dục, ý định về sự ác-ý, ý định về sự hung-dữ: đây là tà tư-duy.

12. "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chánh tư-duy? Chánh tư-duy có hai loại, ta nói: (i) có chánh tư-duy còn bị ảnh hưởng bởi những ô-nhiễm [hữu lậu], dự phần công-đức, chín muồi thành những sự thu-nạp; và (ii) có chánh tư-duy là thánh thiện, không còn ô-nhiễm [vô lậu], siêu thế, là một chi phần của (bát thánh) đạo.

13. "Và, này các Tỳ kheo, (i) cái gì là chánh tư-duy còn bị ảnh hưởng bởi những ô-nhiễm, dự phần công-đức, chín muồi thành những sự thu- nạp? Ý định từ-bỏ, ý định không ác-ý, ý định không hung-dữ:1106 đây là chánh tư-duy còn bị ảnh hưởng bởi những ô-nhiễm … chín muồi thành những sự thu-nạp.

14. "Và, này các Tỳ kheo, (ii) cái gì là chánh tư-duy là thánh thiện, không còn ô-nhiễm, siêu thế, là một chi phần của (bát thánh) đạo? Sự suy nghĩ, ý nghĩ, ý định, sự thấm nhập

của tâm, sự cố định của tâm, sự chỉ hướng cái tâm, sự tạo-tác của lời-nói (khẩu hành) trong một người có tâm là thánh thiện, có tâm là vô nhiễm, là người có được thánh đạo và đang tu dưỡng thánh đạo:1107 đây là sự chánh tư-duy là thánh thiện … là một chi phần của (bát thánh) đạo.

15. “Một người tạo sự nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ tà tư-duy và chứng nhập trong chánh tư-duy: đây là sự chánh tinh-tấn [sự nỗ-lực đúng đắn]

của người đó. Một cách có chánh-niệm, người đó dẹp bỏ tà tư-duy; một cách có chánh-niệm, người đó chứng nhập và an trú trong chánh tư-duy: đây là sự chánh-niệm của người đó. Như vậy, ba trạng thái này chạy vòng quanh chánh tư-duy, đó là, chánh-kiến, chánh tinh-tấn, và chánh-niệm.1108

(Chánh ngữ)

16. “Trong đó, này các Tỳ kheo, chánh-kiến là dẫn trước. Và theo cách nào chánh-kiến là dẫn trước? Một người hiểu được tà-ngữ [lời-nói sai trái] là tà-ngữ và chánh-ngữ [lời-nói đúng đắn] là chánh-ngữ: đây là chánh- kiến của người đó.

17. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tà-ngữ? Lời nói dối nói láo, lời nói ma mãnh độc ác, lời nói gắt gỏng nạt nộ, và lời nói tầm phào tán dóc: đây là tà-ngữ.

18. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chánh-ngữ? Chánh-ngữ có hai loại, ta nói: (i) có chánh-ngữ còn bị ảnh hưởng bởi những ô-nhiễm [hữu lậu], dự phần công-đức, chín muồi thành những sự thu-nạp; và (ii) có chánh-ngữ là thánh thiện, không còn ô-nhiễm [vô lậu], siêu thế, là một chi phần của (bát thánh) đạo.

19. “Và, này các Tỳ kheo, (i) cái gì chánh-ngữ còn bị ảnh hưởng bởi những ô-nhiễm, dự phần công-đức, chín muồi thành những sự thu-nạp? Sự kiêng cữ lời nói dối nói láo, sự kiêng cữ lời nói ma mãnh độc ác, sự kiêng cữ lời nói gắt gỏng nạt nộ, và sự kiêng cữ lời nói tầm phào tán dóc: đây là chánh-ngữ còn bị ảnh hưởng bởi những ô-nhiễm … chín muồi thành những sự thu-nạp.

20. “Và, này các Tỳ kheo, (ii) cái gì là chánh-ngữ là thánh thiện, không còn ô-nhiễm, siêu thế, là một chi phần của (bát thánh) đạo? Sự hết khỏi bốn loại hành vi lời-nói sai trái (tà khẩu hành), sự kiêng cữ, sự kiềm chế, sự kiêng cữ khỏi chúng trong một người có tâm là thánh thiện, có tâm là vô nhiễm, là người có được thánh đạo và đang tu dưỡng thánh đạo:1109 đây là chánh-ngữ là thánh thiện … là một chi phần của (bát thánh) đạo.

21. “Một người tạo sự nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ tà-ngữ và chứng nhập trong chánh-ngữ: đây là sự chánh tinh-tấn [sự nỗ-lực đúng đắn] của người đó. Một cách có chánh-niệm, người đó dẹp bỏ tà-ngữ; một cách có chánh-niệm, người đó chứng nhập và an trú trong chánh-ngữ: đây là sự chánh-niệm của người đó. Như vậy, ba trạng thái này chạy vòng quanh chánh-ngữ, đó là, chánh-kiến, chánh tinh-tấn, và chánh-niệm.

(Chánh nghiệp)

22. “Trong đó, này các Tỳ kheo, chánh-kiến là dẫn trước. Và theo cách nào chánh-kiến là dẫn trước? Một người hiểu được tà-nghiệp [hành-động sai trái] là tà-nghiệp và chánh-nghiệp [hành-động đúng đắn] là chánh- nghiệp: đây là chánh-kiến của người đó.

23. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tà-nghiệp? Sát-sinh, gian-cắp, và tà- dâm tà dục: đây là tà-nghiệp.

24. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chánh-nghiệp? Chánh-nghiệp có hai loại, ta nói: (i) có chánh-nghiệp còn bị ảnh hưởng bởi những ô-nhiễm [hữu lậu], dự phần công-đức, chín muồi thành những sự thu-nạp; và (ii) có chánh-nghiệp là thánh thiện, không còn ô-nhiễm [vô lậu], siêu thế, là một chi phần của (bát thánh) đạo.

25. “Và, này các Tỳ kheo, (i) cái gì là chánh-nghiệp còn bị ảnh hưởng bởi những ô-nhiễm, dự phần công-đức, chín muồi thành những sự thu- nạp? Sự kiêng cữ sát-sinh, sự kiêng cữ gian-cắp, sự kiêng cữ tà-dâm tà dục: đây là chánh-nghiệp còn bị ảnh hưởng bởi những ô-nhiễm … chín muồi thành những sự thu-nạp.

26. “Và, này các Tỳ kheo, (ii) cái gì là chánh-nghiệp là thánh thiện, không còn ô-nhiễm, siêu thế, là một chi phần của (bát thánh) đạo? Sự hết khỏi ba loại hành vi thân sai trái (tà thân hành), sự kiêng cữ, sự kiềm chế, sự kiêng cữ khỏi chúng trong một người có tâm là thánh thiện, có tâm là vô nhiễm, là người có được thánh đạo và đang tu dưỡng thánh đạo: đây là chánh-nghiệp là thánh thiện … là một chi phần của (bát thánh) đạo.

27. “Một người tạo sự nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ tà-nghiệp và chứng nhập trong chánh-nghiệp: đây là sự chánh tinh-tấn [sự nỗ-lực đúng đắn] của người đó. Một cách có chánh-niệm, người đó dẹp bỏ tà-nghiệp; một cách có chánh-niệm, người đó chứng nhập và an trú trong chánh-nghiệp: đây là sự chánh-niệm của người đó. Như vậy, ba trạng thái này chạy vòng quanh chánh-nghiệp, đó là, chánh-kiến, chánh tinh-tấn, và chánh-niệm.

(Chánh mạng)

28. “Trong đó, này các Tỳ kheo, chánh-kiến là dẫn trước. Và theo cách nào chánh-kiến là dẫn trước? Một người hiểu được tà-mạng [sự mưu-sinh sai trái] là tà-mạng và chánh-mạng [sự mưu-sinh đúng đắn] là chánh- mạng: đây là chánh-kiến của người đó.

29. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tà-mạng? Sự tính kế, nói chuyện, gợi ý, nói nhỏ trong tai, lấy lợi cầu lợi: đây là tà-mạng.1110

30. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chánh-mạng? Chánh-mạng có hai loại, ta nói: (i) có chánh-mạng còn bị ảnh hưởng bởi những ô-nhiễm, dự phần công-đức, chín muồi thành những sự thu-nạp; và (ii) có chánh-mạng là thánh thiện, không còn ô-nhiễm, siêu thế, là một chi phần của (bát thánh) đạo.

31. “Và, này các Tỳ kheo, (i) cái gì là chánh-mạng còn bị ảnh hưởng bởi những ô-nhiễm, dự phần công-đức, chín muồi thành những sự thu-nạp? Ở đây, này các Tỳ kheo, một

thánh đệ tử dẹp bỏ tà-mạng và kiếm sống bằng sự mưu-sinh đúng đắn: đây là chánh-mạng còn bị ảnh hưởng bởi những ô- nhiễm … chín muồi thành những sự thu-nạp.

32. “Và, này các Tỳ kheo, (ii) cái gì là chánh-mạng là thánh thiện, không còn ô-nhiễm, siêu thế, là một chi phần của (bát thánh) đạo? Sự hết khỏi tà- mạng, sự kiêng cữ, sự kiềm chế, sự kiêng cữ khỏi nó trong một người có tâm là thánh thiện, có tâm là vô nhiễm, là người có được thánh đạo và đang tu dưỡng thánh đạo: đây là chánh-nghiệp là thánh thiện … là một chi phần của (bát thánh) đạo.

33. “Một người tạo sự nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ tà-mạng và chứng nhập trong chánh-mạng: đây là sự chánh tinh-tấn [sự nỗ-lực đúng đắn] của người đó. Một cách có chánh-niệm, người đó dẹp bỏ tà-mạng; một cách có chánh-niệm, người đó chứng nhập và an trú trong chánh-mạng: đây là sự chánh-niệm của người đó. Như vậy, ba trạng thái này chạy vòng quanh chánh-mạng, đó là, chánh-kiến, chánh tinh-tấn, và chánh-niệm.

(Đại bốn-mươi)

34. “Trong đó, này các Tỳ kheo, chánh-kiến là dẫn đầu. Và theo cách nào chánh-kiến là dẫn đầu? Trong một người có chánh-kiến, thì chánh tư- duy sẽ có mặt;1111 trong một người có chánh tư-duy, thì chánh-ngữ sẽ có mặt; trong một người có chánh-ngữ, thì chánh-nghiệp sẽ có mặt; trong một người có chánh-nghiệp, thì chánh-mạng sẽ có mặt; trong một người có chánh-mạng, thì chánh tinh-tấn sẽ có mặt; trong một người có chánh- tinh-tấn, thì chánh-niệm sẽ có mặt; trong một người có chánh-niệm, thì chánh-định sẽ có mặt; trong một người có chánh-định, thì chánh-trí [sự- biết đúng đắn] sẽ có mặt; trong một người có chánh-trí, thì chánh giải- thoát [sự giải-thoát đúng đắn] sẽ xảy ra. Như vậy đó, này các Tỳ kheo, đạo của người đệ tử trong (giai đoạn) tu-học bậc cao [bậc học nhân] có được tám chi-phần, bậc A-la-hán thì có mười chi-phần.1112

35. “Trong đó, này các Tỳ kheo, chánh-kiến là dẫn đầu. Và theo cách nào chánh-kiến là dẫn đầu? Trong một người có chánh-kiến, thì tà-kiến bị xóa bỏ, và nhiều trạng thái bất thiện xấu ác khởi sinh với tà-kiến là điều- kiện (duyên) cũng bị xóa bỏ, và nhiều trạng thái thiện lành khởi sinh với chánh-kiến là điều-kiện (duyên) sẽ đi đến sự hoàn-thiện nhờ sự tu-tập. “Trong một người có chánh tư-duy, thì tà tư-duy bị xóa bỏ, và nhiều trạng thái bất thiện xấu ác khởi sinh với tà tư-duy là điều-kiện (duyên) cũng bị xóa bỏ, và nhiều trạng thái thiện lành khởi sinh với chánh tư-duy là điều-kiện (duyên) sẽ đi đến sự hoàn-thiện nhờ sự tu-tập. “Trong một người có chánh-ngữ, thì tà-ngữ bị xóa bỏ … Trong một

người có chánh-nghiệp, thì tà-nghiệp bị xóa bỏ … Trong một người có chánh-mạng, thì tà-mạng bị xóa bỏ… Trong một người có chánh tinh-tấn, thì tà tinh-tấn bị xóa bỏ … Trong một người có chánh-niệm, thì tà-niệm bị xóa bỏ … Trong một người có

chánh-định, thì tà-định bị xóa bỏ … Trong một người có chánh-trí, thì tà-trí bị xóa bỏ … Trong một người có chánh giải-thoát, thì tà giải-thoát bị xóa bỏ, và nhiều trạng thái bất thiện xấu ác khởi sinh với tà giải-thoát là điều-kiện (duyên) cũng bị xóa bỏ, và nhiều trạng thái thiện lành khởi sinh với chánh giải-thoát là điều-kiện (duyên) sẽ đi đến sự hoàn-thiện nhờ sự tu-tập.

36. “Như vậy đó, này các Tỳ kheo, có hai mươi chi-phần bên phía thiện lành, và hai mươi chi-phần bên phía bất thiện.1113 Bài thuyết giảng Giáo Pháp về Đại Bốn Mươi này đã được quay chuyển và không thể bị chặn đứng bởi bất kỳ tu sĩ (sa-môn) hay bà-la-môn nào hay bởi trời thần nào hay bởi Ma Vương hay bởi trời Brahmā (Phạm thiên) hay bởi bất cứ ai trong thế gian.

37. “Này các Tỳ kheo, nếu có tu sĩ hay bà-la-môn nào nghĩ rằng bài thu- yết giảng Giáo Pháp về Đại Bốn Mươi này nên bị chỉ trích và bác bỏ, thì có mười suy luận chính đáng, được suy ra từ những lời khẳng định của người đó, có thể được dùng làm cơ sở để chỉ trích người đó tại đây và bây giờ. Nếu quý vị đó bác bỏ chánh-kiến, thì vị đó tôn vinh và khen ngợi những tu sĩ và bà-la-môn có tà-kiến. Nếu quý vị đó bác bỏ chánh tư-duy .. chánh-ngữ … chánh-nghiệp … chánh-mạng … chánh tinh-tấn … chánh- niệm … chánh-định … chánh-trí … chánh giải-thoát, thì quý vị đó tôn vinh và khen ngợi những tu sĩ và bà-la-môn có tà giải-thoát. Nếu có tu sĩ hay bà-la-môn nào nghĩ rằng bài thuyết giảng Giáo Pháp về Đại Bốn Mươi này nên được chỉ trích và bác bỏ, thì đây là mười suy luận, được suy ra từ những lời khẳng định của người đó, có thể được dùng làm cơ sở để chỉ trích người đó tại đây và bây giờ.

38. “Này các Tỳ kheo, ngay cả những đạo sư từ Okkala, là Vassa và Bhañña,1114 là những người nắm giữ thuyết phi nhân-duyên, thuyết phi

hành-động (phi tác nghiệp), và thuyết tự-diệt (diệt vong), cũng không nghĩ rằng bài thuyết giảng Giáo Pháp về Đại Bốn Mươi này nên được chỉ trích và bài bác. Vì sao vậy? Vì họ sợ bị chê trách, bị công kích, và bị lên án.” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

118. KINH CHÁNH NIỆM HƠI THỞ (Ānāpānasati Sutta)

(Dẫn nhập)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvatthī (Xá- vệ), trong Khu Vườn Phía Đông trong Lâu Đài của Mẹ của Migāra, cùng với nhiều vị đệ tử trưởng lão nổi tiếng—như ngài Xá-lợi-phất (Sāriputta), ngài Đại Mục-kiền-liên (Mahā Moggallāna), ngài Đại Ca-diếp (Mahā Kassapa), ngài Đại Ca-chiên-diên (Mahā Kaccāna), ngài Đại Câu-hi-la (Mahā Koṭṭhita), ngài Đại Kappina (Mahā Kappina), ngài Đại Cunda (Mahā Cunda), ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha), ngài Revata, ngài Ānan- da, và những vị đệ tử trưởng lão nổi tiếng khác.

2. Bấy giờ, vào lúc đó những Tỳ kheo trưởng lão đang chỉ dạy và hướng dẫn những Tỳ kheo mới; một số Tỳ kheo trưởng lão đang chỉ dạy cho nhóm mười Tỳ kheo, một số Tỳ kheo trưởng lão đang chỉ dạy cho nhóm hai mươi … ba mươi … bốn mươi Tỳ kheo. Và những Tỳ kheo mới, sau khi đã được chỉ dạy và hướng dẫn bởi những Tỳ kheo trưởng lão, đã thành tựu những giai đoạn kế tiếp nhau của sự khác-biệt bậc cao.

3. Vào lúc đó—nhằm ngày mười lăm Bố-tát [Uposatha], vào ngày trăng rằm của lễ Pavāraṇā (lễ Tự Tứ)1115—đức Thế Tôn ngồi ở ngoài trời với xung quanh là Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Rồi, sau khi quan sát Tăng Đoàn Tỳ kheo đang im lặng, đức Thế Tôn đã nói với họ như vầy:

4. “Này các Tỳ kheo, ta hài lòng với sự tiến bộ này. Tâm ta hài lòng với sự tiến bộ này. Tuy vậy các thầy vẫn cần phát khởi thêm sự nỗ-lực (tinh tấn) để đạt đến những điều chưa đạt đến, để thành tựu những điều chưa thành tựu, để chứng ngộ những điều chưa chứng ngộ. Ta sẽ đợi ở đây tại Sāvatthī cho đến ngày trăng rằm Komudī của tháng thứ tư.”1116

5. Những Tỳ kheo ở thôn quê nghe tin: “Đức Thế Tôn sẽ đợi ở đó ở Sāvatthī cho đến ngày trăng rằm Komudī của tháng thứ tư.” Và những Tỳ

kheo ở thôn quê đã rời khỏi thôn quê cho kịp lúc để đến Sāvatthī để gặp đức Thế Tôn.

6. Và những Tỳ kheo trưởng lão vẫn nhiệt thành chỉ dạy và hướng dẫn cho những Tỳ kheo mới; một số Tỳ kheo trưởng lão đang chỉ dạy cho nhóm mười Tỳ kheo, một số Tỳ kheo trưởng lão đang chỉ dạy cho nhóm hai mươi … ba mươi … bốn mươi Tỳ kheo. Và những Tỳ kheo mới, sau khi đã được chỉ dạy và hướng dẫn bởi những Tỳ kheo trưởng lão, đã thành tựu những giai đoạn kế tiếp nhau của sự khác-biệt bậc cao.

7. Vào lúc đó—nhằm ngày mười lăm Bố-tát, ngày trăng rằm Komudī của tháng thứ tư—đức Thế Tôn ngồi ở ngoià trời với xung quanh là Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Rồi, sau khi quan sát Tăng Đoàn Tỳ kheo đang im lặng, đức Thế Tôn đã nói với họ như vầy:

8. “Này các Tỳ kheo, hội chúng này không rầm rì chuyện phiếm, hội chúng này không rầm rì tán gẫu. Nó chỉ gồm (nói) điều cốt lõi. Tăng Đoàn này của các Tỳ kheo là vậy, hội chúng này là vậy. Hội chúng như vậy là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất (phước điền vô thượng) trong thế gian—Tăng Đoàn này của các Tỳ kheo là vậy, hội chúng này là vậy. Một hội chúng như vậy thì một món quà nhỏ xíu được cúng dường cũng trở thành lớn lao và một món quà lớn được cúng dường sẽ trở thành lớn lao hơn—Tăng Đoàn này của các Tỳ kheo là vậy, hội chúng này là vậy. Một hội chúng như vậy là hiếm có để thế gian nhìn thấy—Tăng Đoàn này của các Tỳ kheo là vậy, hội chúng này là vậy. Một hội chúng như vậy là đáng để mang gánh hành lý đi nhiều dặm dài để đến gặp—Tăng Đoàn này của các Tỳ kheo là vậy, hội chúng này là vậy.

9. (i) “Trong Tăng Đoàn những Tỳ kheo này có những Tỳ kheo là A-la- hán đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, là những người đã sống đời sống tâm linh (thánh thiêng), đã làm xong

những gì cần làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục-tiêu của họ, đã phá hủy những gông-cùm của (trói buộc vào) sự hiện-hữu, và đã hoàn toàn được giải-thoát thông qua trí-biết cuối

cùng—có những Tỳ kheo như vậy trong Tăng Đoàn những Tỳ kheo này.

10. (ii) “Trong Tăng Đoàn những Tỳ kheo này có những Tỳ kheo, với sự đã phá hủy năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), sẽ tái sinh một cách tự phát [trong (một trong năm) Cõi Trời Trong-Sạch (Tịnh cư thiên, của những bậc thánh Bất-lai)] và từ ở đó sẽ chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát Niết-bàn), chứ không còn quay lại thế gian nữa—có những Tỳ kheo như vậy trong Tăng Đoàn những Tỳ kheo này.

11. (iii) “Trong Tăng Đoàn những Tỳ kheo này có những Tỳ kheo, với sự đã phá hủy năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử) cộng với sự giảm thiểu tham, sân, si, là những bậc thánh Nhất-lai, còn quay lại thế gian một lần nữa để làm nên sự diệt-khổ—có những Tỳ kheo như vậy trong Tăng Đoàn những Tỳ kheo này.

12. (iv) “Trong Tăng Đoàn những Tỳ kheo này có những Tỳ kheo, với sự đã phá hủy ba gông-cùm đầu tiên, là những bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị rớt trong cảnh giới đày đọa, hướng tới [sự giải-thoát], với sự giác- ngộ là đích đến của họ—có những Tỳ kheo như vậy trong Tăng Đoàn những Tỳ kheo này.

13. (v) “Trong Tăng Đoàn những Tỳ kheo này có những Tỳ kheo là những người sống tận tụy hết mình vì sự tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ (tứ niệm xứ)—có những Tỳ kheo như vậy trong Tăng Đoàn những Tỳ kheo này. Trong Tăng Đoàn những Tỳ kheo này có những Tỳ kheo sống tận tụy hết mình vì sự tu tập ‘bốn loại sự chuyên-cần tu’ (tứ chánh cần) … ‘bốn cơ-sở (để tạo nên) thần-thông’ (tứ thần túc) … ‘năm căn’ (ngũ căn) … ‘năm năng-lực’ (ngũ lực) … ‘bảy chi giác-ngộ’ (thất giác chi) … ‘con- đường tám phần thánh thiện’ (Bát Thánh Đạo)—có những Tỳ kheo như vậy trong Tăng Đoàn những Tỳ kheo này.

14. (vi) “Trong Tăng Đoàn những Tỳ kheo này có những Tỳ kheo là những người sống tận tụy hết mình vì ‘sự tu tập tâm-từ … tâm-bi … tâm- (tùy) hỷ … tâm-xả’ … ‘sự thiền quán về sự ô-uế không sạch’ (của thân) … ‘sự thiền quán về sự vô-thường’—có những Tỳ kheo như vậy trong

Tăng Đoàn những Tỳ kheo này. Trong Tăng Đoàn những Tỳ kheo này có những Tỳ kheo là những người sống tận tụy hết mình vì sự tu tập ‘sự chánh-niệm hơi-thở’.

(Sự chánh-niệm hơi-thở)

15. “Này các Tỳ kheo, khi ‘sự chánh-niệm hơi-thở’ được tu tập và tu dưỡng, nó mang lại kết quả lớn lao và ích lợi lớn lao. Khi ‘sự chánh-niệm hơi-thở’ được tu tập và tu dưỡng, nó hoàn thiện ‘bốn nền tảng chánh- niệm’. Khi ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ được tu tập và tu dưỡng, chúng hoàn thiện ‘bảy chi giác-ngộ’. Khi ‘bảy chi giác-ngộ’ được tu tập và

tu dưỡng, chúng hoàn thiện ‘trí-biết đích thực (minh) và sự giải-thoát’.

16. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào ‘sự chánh-niệm hơi-thở’ được tu tập và tu dưỡng, để nó mang lại kết quả lớn lao và ích lợi lớn lao?

17. “Ở đây một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, hay đến một gốc cây hay một chòi trống, ngồi xuống; sau khi đã ngồi tréo chân, giữ thân thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm ở trước mặt, rồi chỉ (làm một việc là) có chánh-niệm, người đó thở-vô, có chánh-niệm người đó thở-ra.

18. (1) “(i) Khi thở-vô dài, người đó biết:1117 ‘Ta thở-vô dài’; hoặc khi thở-ra dài, người đó biết: ‘Ta thở-ra dài’. (ii) Khi thở-vô ngắn, người đó biết: ‘Ta thở-vô ngắn’; hoặc khi thở-ra ngắn, người đó biết: ‘Ta thở-ra ngắn’. (iii) Người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-vô trong sự trải nghiệm toàn thân [hơi-thở]’; người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-ra trải nghiệm toàn thân [hơi thở].’ (iv) Người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-vô trong sự làm lắng lặn sự tạo-tác của thân (thân hành)’; người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-ra làm lắng lặn sự tạo-tác của thân.’

19. (2) “(i) Người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-vô trong sự trải nghiệm sự hoan-hỷ (hỷ)’; người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-ra trải nghiệm sự hoan-hỷ.’1118 (ii) Người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-vô trong sự trải nghiệm sự sướng (lạc)’; người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-ra trải nghiệm sự sướng’. (iii) Người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-

vô trong sự trải nghiệm sự tạo-tác của tâm (tâm hành)’; người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-ra trải nghiệm sự tạo-tác của tâm’. (iv) Người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-vô trong sự làm lắng lặn sự tạo-tác của tâm’; người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-ra làm lắng lặn sự tạo-tác của tâm’.1119

20. (3) “(i) Người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-vô trong sự trải nghiệm cái tâm’; người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-ra trải nghiệm cái tâm’. (ii) Người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-vô trong sự làm hoan hỷ cái tâm’; người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-ra làm hoan hỷ cái tâm’. (iii) Người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-vô trong sự tập trung (định) cái tâm’; người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-ra tập trung cái tâm’. (iv) Người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-vô trong sự giải thoát cái tâm’; người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-ra giải thoát cái tâm’.1120

21. (4) “(i) Người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-vô trong sự quán sát sự vô-thường’; người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-ra quán sát sự vô- thường’. (ii) Người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-vô trong sự quán sát sự phai-biến’; người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-ra quán sát sự phai- biến’. (iii) Người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-vô trong sự quán sát sự chấm-dứt’, người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-ra quán sát sự chấm- dứt’. (iv) Người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-vô trong sự quán sát sự từ-bỏ’; người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-ra quán sát sự từ-bỏ’.1121

22. “Này các Tỳ kheo, đó là cách ‘sự chánh-niệm hơi-thở’ được tu tập và tu dưỡng, để nó mang lại kết quả lớn lao và ích lợi lớn lao.

(Hoàn thành ‘Bốn nền tảng chánh-niệm’)

23. “Và này các Tỳ kheo, theo cách nào ‘sự chánh-niệm hơi-thở’ được tu tập và tu dưỡng, để nó hoàn thành ‘bốn nền tảng chánh-niệm’?

24. (1) “Này các Tỳ kheo, bất cứ khi nào một Tỳ kheo—(i) khi thở-vô dài, biết: ‘Ta thở-vô dài’ hoặc khi thở-ra dài, biết ‘Ta thở-ra dài’; (ii) khi thở-vô ngắn, biết ‘Ta thở-vô ngắn’ hoặc khi thở-ra ngắn, biết ‘Ta thở-ra

ngắn’; (iii) khi người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-vô trong sự trải nghiệm toàn thân [hơi-thở]’; khi người đó luyện tập như vầy: ‘Ta sẽ thở-ra trải nghiệm toàn thân [hơi-thở]’; (iv) khi người đó luyện tập như vầy: ‘Ta sẽ thở-vô trong sự làm tĩnh lặng sự tạo-tác của thân (thân hành)’; khi người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-ra làm lắng lặn sự tạo-tác của thân’—thì trong thời đó người đó an trú quán sát thân [hơi-thở] thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Ta nói rằng đây là một loại thân trong những thân, được gọi là ‘sự thở-vô và thở- ra’ (thân hơi-thở).1122 Đó là lý do nói rằng, trong thời đó Tỳ kheo đó an trú quán sát thân [hơi-thở] thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh- niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

25. (2) “Này các Tỳ kheo, bất cứ khi nào một Tỳ kheo—(i) tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-vô trong sự trải nghiệm sự hoan-hỷ (hỷ)’; khi người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-ra trải nghiệm sự hoan-hỷ’; (ii) người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-vô trong sự trải nghiệm sự sướng (lạc)’; người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-ra trải nghiệm sự sướng’; (iii) người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-vô trong sự trải nghiệm sự tạo-tác của tâm (tâm hành)’; người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-ra trải nghiệm sự tạo-tác của tâm’; (iv) người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở- vô trong sự làm lắng lặn sự tạo-tác của tâm’; người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-ra làm lắng lặn sự tạo-tác của tâm’—thì trong thời đó người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.1123 Đó là lý do nói rằng, trong thời đó Tỳ kheo đó an trú quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

26. (3) “Này các Tỳ kheo, bất cứ khi nào một Tỳ kheo—(i) luyện tập như vầy: ‘Ta sẽ thở-vô trong sự trải nghiệm cái tâm’; người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-ra trải nghiệm cái tâm’; (ii) người đó tập luyện như

vầy: ‘Ta sẽ thở-vô trong sự làm hoan hỷ cái tâm’; người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-ra làm hoan hỷ cái tâm’; (iii) người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-vô trong sự tập

trung (định) cái tâm'; người đó tập luyện như vầy: 'Ta sẽ thở-ra tập trung cái tâm'; (iv) người đó tập luyện như vầy: 'Ta sẽ thở-vô trong sự giải thoát cái tâm'; người đó tập luyện như vầy: 'Ta sẽ thở-ra giải thoát cái tâm'—thì trong thời đó người đó an trú quán sát tâm trong tâm, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Ta không nói rằng sự tu tập 'sự chánh-niệm hơi-thở' là dành cho người hay quên, người không hoàn toàn rõ-biết (thiếu tỉnh giác). Đó là lý do nói rằng, trong thời đó Tỳ kheo đó an trú quán sát tâm trong tâm, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.1124

27. (4) "Này các Tỳ kheo, bất cứ khi nào một Tỳ kheo—(i) luyện tập như vầy: 'Ta sẽ thở-vô trong sự quán sát sự vô-thường'; người đó tập luyện như vầy: 'Ta sẽ thở-ra quán sát sự vô-thường'; (ii) người đó tập luyện như vầy: 'Ta sẽ thở-vô trong sự quán sát sự phai-biến'; người đó tập luyện như vầy: 'Ta sẽ thở-ra quan sát sự phai-biến'; (iii) người đó tập luyện như vầy: 'Ta sẽ thở-vô trong sự quán sát sự chấm-dứt'; người đó tập luyện như vầy: 'Ta sẽ thở-ra quán sát sự chấm-dứt'; (iv) người đó tập luyện như vầy: 'Ta sẽ thở-vô trong sự quán sát sự từ-bỏ'; người đó tập luyện như vầy: 'Ta sẽ thở-ra quán sát sự từ-bỏ'—thì trong thời đó người đó an trú quán sát những giáo pháp trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Sau khi đã nhìn thấy bằng trí-tuệ cái gì là 'sự dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền' như vậy, người đó chỉ nhìn (quan sát) kỹ (vào tâm) với sự buông-xả.1125 Đó là lý do nói rằng, trong thời đó Tỳ kheo đó an trú quán sát những giáo pháp trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

28. "Này các Tỳ kheo, đó là cách 'sự chánh-niệm hơi-thở' được tu tập và tu dưỡng, để nó hoàn thiện 'bốn nền tảng chánh-niệm'.

(Hoàn thành 'Bảy chi giác-ngộ')

29. "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào 'bốn nền tảng chánh-niệm' được tu tập và tu dưỡng, để chúng hoàn thành 'bảy chi giác-ngộ'?

30. (1) (i) "Này các Tỳ kheo, bất cứ khi nào một Tỳ kheo quan trú quán sát [1] THÂN trong thân, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới—thì trong thời đó sự chánh-niệm không gián đoạn (liền tục, không bị nhiễu, không bị mờ rối, không bị phân tán) được thiết lập trong người đó. Khi nào sự chánh- niệm không gián đoạn được thiết lập bên trong một Tỳ kheo—thì trong thời đó chi giác-ngộ là sự chánh-niệm được phát khởi trong người đó; trong thời đó người đó tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm; trong thời đó chi giác-ngộ là sự chánh-niệm {niệm giác chi} sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập.

31. (ii) "Sau khi an trú chánh-niệm như vậy, người đó phân biệt Giáo Pháp đó bằng trí-tuệ, xem xét nó, điều tra về nó. Khi nào một Tỳ kheo an trú có chánh-niệm như vậy phân biệt Giáo Pháp đó bằng trí-tuệ, xem xét nó, điều tra về nó, thì trong thời đó chi

giác-ngộ là sự phân-biệt những trạng-thái được phát khởi bên trong người đó; trong thời đó người đó tu tập chi giác-ngộ là sự phân-biệt những trạng-thái; trong thời đó chi giác- ngộ là sự phân-biệt những trạng-thái {trạch-pháp giác chi} sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập.

32. (iii) “Trong khi người đó phân biệt Giáo Pháp đó, xem xét nó, điều tra về nó, thì sự nỗ-lực của người đó được phát khởi mà không hề gia giảm. Khi nào sự nỗ-lực của một Tỳ kheo được phát khởi mà không hề gia giảm khi người đó phân-biệt Giáo Pháp bằng trí-tuệ, xem xét nó, điều tra về nó, thì trong thời đó chi giác-ngộ là sự nỗ-lực được phát khởi bởi người đó; trong thời đó người đó tu tập chi giác-ngộ là sự nỗ-lực; trong thời đó chi giác-ngộ là sự nỗ-lực {tinh-tấn giác chi} sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập.

33. (iv) “Sau khi sự nỗ-lực của người đó được phát khởi, sẽ khởi sinh

KINH CHÁNH NIỆM HƠI THỞ • 159

trong người đó niềm hoan-hỷ về mặt tâm linh (phi thế tục). Khi nào sự hoan-hỷ về mặt tâm linh khởi sinh bên trong một Tỳ kheo có sự nỗ-lực được phát khởi, thì trong thời đó chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ {hỷ giác chi} được phát khởi bởi người đó; trong thời đó người đó tu tập chi giác- ngộ là sự hoan-hỷ; trong thời đó chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ {hỷ giác chi} sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập.

34. (v) “Trong một người tu có tâm được nâng bổng bởi niềm hoan-hỷ thì thân trở nên tĩnh lặng và tâm trở nên tĩnh lặng. Khi nào thân được tĩnh lặng và tâm được tĩnh lặng bên trong một Tỳ kheo có tâm được nâng bổng bởi niềm hoan-hỷ như vậy, thì trong thời đó chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng được phát khởi bởi người đó; trong thời đó người đó tu tập chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng; trong thời đó chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng {khinh-an giác chi} sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập.

35. (vi) “Trong một người tu có thân được tĩnh lặng và người đó hạnh phúc thì tâm trở nên đạt-định. Khi nào tâm được đạt-định trong một Tỳ kheo có thân được tĩnh lặng và người đó hạnh phúc, thì trong thời đó chi giác-ngộ là sự định-tâm được phát khởi bởi người đó; trong thời đó người đó tu tập chi giác-ngộ là sự định-tâm {định giác chi}; trong thời đó chi giác-ngộ là sự định-tâm sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập.

36. (vii) “Người đó trở thành người ngồi nhìn sát vào cái tâm đã đạt- định như vậy với sự buông-xả. Khi nào một Tỳ kheo ngồi nhìn sát vào cái tâm đã đạt-định như vậy, thì trong thời đó chi giác-ngộ là sự buông-xả được phát khởi bởi người đó; trong thời đó người đó tu tập chi giác-ngộ là sự buông-xả; trong thời đó chi giác-ngộ là sự buông-xả {xả giác chi} sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập.

37. (2) “Này các Tỳ kheo, bất cứ khi nào một Tỳ kheo quan trú quán sát [2] NHỮNG CẢM-GIÁC trong những cảm-giác, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới—thì trong thời đó … [tiếp tục tương tự như các mục 30-36 kế

trên] … trong thời đó chi giác-ngộ là sự buông-xả {xả giác chi} sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập.

38. (3) “Này các Tỳ kheo, bất cứ khi nào một Tỳ kheo quan trú quán sát [3] TÂM trong tâm, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới—thì trong thời đó … [tiếp tục tương tự như các mục 30-36 kế trên] … trong thời đó chi giác-ngộ là sự buông-xả {xả giác chi} sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập.

39. (4) “Này các Tỳ kheo, bất cứ khi nào một Tỳ kheo quan trú quán sát [4] NHỮNG GIÁO PHÁP [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm- muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới—thì trong thời đó … [tiếp tục tương tự như các mục 30-36 kế trên] … trong thời đó chi giác-ngộ là sự buông-xả {xả giác chi} sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu- tập.

40. “Này các Tỳ kheo, đó là cách ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ được tu tập và tu dưỡng, để nó hoàn thiện ‘bảy chi giác-ngộ’.1126

(Hoàn thành ‘Trí-biết đích thực và sự giải-thoát’)

41. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào ‘bảy chi giác-ngộ’ được tu tập và tu dưỡng, để chúng hoàn thành ‘trí-biết đích thực (chân trí) và sự giải- thoát’? “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là sự chánh- niệm (niệm) [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dẫn chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.1127 Người đó tu tập chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng-thái (trạch-pháp) … chi giác-ngộ là sự nỗ-lực (tinh-tấn) … chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ (hỷ) … chi giác-ngộ là sự tĩnh- lặng (khinh-an) … chi giác-ngộ là sự chánh-định (định) … chi giác-ngộ là sự buông-xả (xả) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dẫn chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.

“Này các Tỳ kheo, đó là cách ‘bảy chi giác-ngộ’ được tu tập và tu dưỡng, để chúng hoàn thành ‘trí-biết đích-thực và sự giải-thoát’.”1128 Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

119. KINH CHÁNH NIỆM VỀ THÂN (Kāyagatāsati Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc

2. Bấy giờ có một số Tỳ kheo đang ngồi trong hội trường, họ đã ngồi đó cùng với nhau sau khi trở về sau khi đã đi một vòng khất thực, sau khi ăn trưa; lúc đó giữa họ sự thảo luận này đã khởi sinh: “Thật kỳ diệu, này các đạo hữu, thật tuyệt vời, là cách đức Thế Tôn người biết và thấy, bậc A-la-hán [đã tu-thành], bậc Toàn Giác [đã giác-ngộ toàn thiện] đã nói rằng: ‘sự chánh-niệm về thân’, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại

kết quả lớn lao và ích lợi lớn lao. Tuy nhiên, sự thảo luận của họ đến đó đã bị gián đoạn; vì đức Thế Tôn đã ra khỏi chỗ thiền vào buổi cuối chiều, đi đến hội trường, và ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn. Rồi đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, vì sự thảo luận gì mà các thầy đang ngồi cùng nhau ở đây? Và sự thảo luận của các thầy là gì khi nó bị gián đoạn?” “Thưa Thế Tôn, ở đây chúng con đang ngồi cùng nhau trong hội trường, chúng con đã ngồi đây sau khi trở về sau khi đã đi một vòng khất thực, sau khi ăn trưa; lúc đó giữa chúng con sự thảo luận này đã khởi sinh: “Thật kỳ diệu, này các đạo hữu, thật tuyệt vời, là cách đức Thế Tôn người biết và thấy, bậc A-la-hán [đã tu-thành], bậc Toàn Giác [đã giác-ngộ toàn thiện] đã nói rằng: ‘sự chánh-niệm về thân’, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại kết quả lớn lao và ích lợi lớn lao.’ Thưa Thế Tôn, đây là sự thảo luận của chúng con đã bị gián đoạn khi đức Thế Tôn đến.”

3. “Và giờ, này các Tỳ kheo, theo cách nào ‘sự chánh-niệm về thân’ được tu tập, để nó mang lại kết quả lớn lao và ích lợi lớn lao?

(Sự chánh-niệm hơi-thở)

4. “Ở đây,1129 một Tỳ kheo sau khi đi vô rừng, hay tới một gốc cây hay

một chòi trống, ngồi xuống; sau khi đã ngồi tréo chân, giữ lưng thẳng đứng, và đã thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, rồi chỉ có chánh-niệm người đó thở-vô, có chánh-niệm người đó thở-ra. (i) Thở-vô dài, người đó biết: ‘Ta thở-vô dài’; hoặc thở-ra dài, người đó biết: ‘Ta thở-ra dài’. (ii) Thở-vô ngắn, người đó biết: ‘Ta thở-vô ngắn’; hoặc thở-ra ngắn, người đó biết: ‘Ta thở-ra ngắn’. (iii) Người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-vô trong sự trải nghiệm toàn thân’; người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-ra trải nghiệm toàn thân’. (iv) Người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-vô trong sự làm lắng lặn sự tạo-tác của thân (thân hành)’; người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-ra làm lắng lặn sự tạo-tác của thân’. - “Khi người đó an trú chuyên chú, nhiệt thành và kiên định như vậy, thì ‘những ký-ức và những ý-định dựa trên đời sống tại gia’ của người đó được dẹp bỏ; với sự dẹp bỏ chúng, tâm người đó trở nên được ổn-định ở bên trong, được yên-lặng, được đưa đến sự nhất-điểm, và đạt-định. Đó là cách một Tỳ kheo tu tập ‘sự chánh-niệm về thân’.

(Bốn tư thế)

5. “Lại nữa, này các Tỳ kheo, khi đang đi một Tỳ kheo biết: ‘Ta đang đi’; khi đang đứng, người đó biết: ‘Ta đang đứng’; khi đang ngồi, người đó biết: ‘Ta đang ngồi’; khi đang nằm, người đó biết: ‘Ta đang nằm’; hoặc người đó biết rõ mỗi tư thế nào thân mình đang ở trong đó. - “Khi người đó an trú chuyên chú, nhiệt thành và kiên định như vậy, thì ‘những ký-ức và những ý-định dựa trên đời sống tại gia’ của người đó được dẹp bỏ … Đó cũng là cách một Tỳ kheo tu tập ‘sự chánh-niệm về thân’.

(Sự rõ-biết hoàn toàn)

6. “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là người hành động với sự rõ-biết hoàn toàn (luôn tỉnh giác, thường biết) khi đang đi tới và đang đi lại; người đó hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang nhìn thẳng hoặc đang nhìn hướng khác; người đó hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi

đang co tay chân hoặc đang duỗi tay chân; người đó hành động với sự rõ- biết hoàn toàn khi đang mặc quần áo hoặc khi đang mang cà-sa và bình bát; người đó hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang ăn, khi đang uống, đang nhai, hoặc đang nếm; người đó hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang tiểu tiện hoặc khi đang đại tiện; người đó hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang bước đi, khi đang đứng, đang ngồi, đang nằm, đang thức dậy, đang nói, hoặc đang im lặng. - “Khi người đó an trú chuyên chú, nhiệt thành và kiên định như vậy, thì ‘những ký-ức và những ý-định dựa trên đời sống tại gia’ của người đó được dẹp bỏ … Đó cũng là cách một Tỳ kheo tu tập ‘sự chánh-niệm về thân’.

(Sự ô-uế không sạch—những bộ phận của thân)

7. “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo xem xét hết chính thân này từ gót chân trở lên và từ đỉnh đầu trở xuống, nó bao bọc bằng da, chứa đầy những thứ không-sạch: ‘Trong thân này có: tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, màng, lá lách, phổi, màng treo ruột, bao tử, phân, mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, nước mũi, nước bọt, nhớt các khớp xương, và nước tiểu.’ - “Giống như một cái bao có hai miệng ở hai đầu chứa đầy nhiều loại hạt, như lúa nương, lúa đồng, đậu xanh, hạt mè, gạo trắng, và một người có mắt sáng, sau khi mở nó ra sẽ xem xét nó như vầy: ‘đây là lúa nương, đây là lúa đồng, đây đậu xanh, đây là hạt mè, đây là gạo trắng’. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo xem xét hết chính thân này từ gót chân trở lên và từ đỉnh đầu trở xuống, được bọc trong lớp da, chứa đầy những thứ ô uế, suy nghĩ như vầy: ‘Trong thân này có: tóc … nước tiểu.’ - “Khi người đó an trú chuyên chú, nhiệt thành và kiên định như vậy, thì ‘những ký-ức và những ý-định dựa trên đời sống tại gia’ của người đó được dẹp bỏ … Đó cũng là cách một Tỳ kheo tu tập ‘sự chánh-niệm về

thân’.

(Những yếu-tố tứ đại)

8. “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo xem xét hết chính thân này, dù nó đang được đặt ở đâu, hay trong tư thế nào, nó bao gồm các yếu tố như vầy: ‘Trong thân này có yếu tố đất, yếu tố nước, yếu tố lửa, và yếu tố gió.’ - “Giống như một người bán thịt rành nghề [hay người phụ việc của ông ta] mới giết thịt một con bò và đang ngồi ở ngã tư đường xẻ thịt ra từng miếng (như vầy và như vầy). Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo xem xét chính thân này … nó gồm có các yếu tố như vầy: ‘Trong thân này có yếu tố đất, yếu tố nước, yếu tố lửa, và yếu tố gió.’ - “Khi người đó an trú chuyên chú, nhiệt thành

và kiên định như vậy, thì 'những ký-ức và những ý-định dựa trên đời sống tại gia' của người đó được dẹp bỏ ... Đó cũng là cách một Tỳ kheo tu tập 'sự chánh-niệm về thân'.

(Quán sát chín loại tử thi ngoài nghĩa địa)

9. "Lại nữa, này các Tỳ kheo, như thể một Tỳ kheo nhìn thấy trước mặt một thi thể bị bỏ ngoài nghĩa địa, [1] đã chết một ngày, hay hai ngày, hay ba ngày, bị sình lên, thâm xanh, và chảy nước dơ ối; rồi người đó so sánh với chính thân này của mình như vầy: 'Thân y hệt này cũng cùng tính chất như vậy, rồi nó cũng sẽ như vậy, không thoát khỏi kết phận đó.' - "Khi người đó an trú chuyên chú ... Đó cũng là cách một Tỳ kheo tu tập 'sự chánh-niệm về thân'.

10. "Lại nữa, như thể người đó nhìn thấy trước mặt một thi thể bị bỏ ngoài một nghĩa địa, [2] đang bị cắn xé bởi lũ quạ, diều hâu, kền kền, chó, chó rừng, và nhiều loại giòi bọ; rồi người đó so sánh với chính thân này của mình như vầy: 'Thân y hệt này cũng cùng tính chất như vậy, rồi nó cũng sẽ như vậy, không thoát khỏi kết phận đó.'

KINH CHÁNH NIỆM VỀ THÂN • 167

- "Khi người đó an trú chuyên chú ... Đó cũng là cách một Tỳ kheo tu tập 'sự chánh-niệm về thân'.

11.–14. "Lại nữa, như thể người đó nhìn thấy trước mặt một thi thể bị bỏ ngoài nghĩa địa, [3] giờ là một bộ xương còn dính thịt và máu, xương được dính với nhau bằng những sợi gân ... [4] giờ là một bộ xương không còn thịt còn dính máu, xương được dính với nhau bằng những sợi gân ... [5] giờ là một bộ xương không còn thịt và máu, xương được dính với nhau bằng những sợi gân ... [6] giờ là những khúc xương rời ra nằm rải rác đủ phía—đây là xương bàn tay, đây là xương bàn chân, đây là xương ống quyển, kia là xương đùi, đây là xương hông, kia là xương sống, đây là xương sọ—rồi người đó so sánh với chính thân này như vầy: 'Thân y hệt này cũng cùng tính chất như vậy, rồi nó sẽ như vậy, không thoát khỏi kết phận đó.' - "Khi người đó an trú chuyên chú ... Đó cũng là cách một Tỳ kheo tu tập 'sự chánh-niệm về thân'.

15.–17. "Lại nữa, này các Tỳ kheo, như thể người đó nhìn thấy trước mặt một tử thi bị bỏ ngoài nghĩa địa, [7] giờ là mớ xương khô trắng, có màu vôi ... [8] giờ là một mớ xương khô nằm đó hơn một năm, [9] giờ là mớ xương bị mục nát và rã tan thành bụi đất—rồi người đó so sánh với chính thân này như vầy: 'Thân y hệt này cũng cùng tính chất như vậy, rồi nó sẽ như vậy, không thoát khỏi kết phận đó.' - "Khi người đó an trú chuyên chú ... Đó cũng là cách một Tỳ kheo tu tập 'sự chánh-niệm về thân'.

(Những tầng thiền định)

18. "Lại nữa, này các Tỳ kheo: (1) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác- quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh- phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.' Người đó tạo được niềm hoan-hỷ

và hạnh-phúc được sinh ra từ sự tách ly, ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm thân này, tới mức không có bộ phận nào của thân không được thấm đẫm bởi niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự tách ly đó. - "Giống như một người thợ tắm rành nghề [hay người phụ việc của ông ta]1130 đổ dồn bột tắm vào một thau kim loại, và rưới đều nước, nhào nặn đều cho đến khi hơi nước ướt thấm hết cục bột tắm đó, nhào thấm ướt nó, và làm thấm đẫm nó từ bên trong và bên ngoài, nhưng cục bột nhào không rỉ nước ra. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự tách ly, ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm thân này, tới mức không có bộ phận nào của thân không được thấm đẫm bởi niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự tách ly đó. - "Khi người đó an trú chuyên chú ... Đó cũng là cách một Tỳ kheo tu tập 'sự chánh-niệm về thân'.

19. "Lại nữa, này các Tỳ kheo: (2) 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét.' Người đó tạo được niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự đạt định, ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm thân này, tới mức không có bộ phận nào của thân không được thấm đẫm bởi niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự đạt định đó. - "Giống như có một hồ nước, mạch nước chảy vào từ bên dưới, và không có dòng chảy vào nào từ phía đông, tây, nam, hoặc bắc, và cũng không được bổ sung nước mưa trong mọi lúc, rồi mạch nước mát chảy vào từ bên dưới làm cho nước mát ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm cái hồ, tới mức không có một chỗ nào của cả hồ không được thấm đẫm bởi nước mát. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tạo được niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự đạt định, ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm thân này, tới mức không có một bộ phận nào của

toàn thân này không được thấm đẫm bởi niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự đạt định đó. - "Khi người đó an trú chuyên chú ... Đó cũng là cách một Tỳ kheo tu tập 'sự chánh-niệm về thân'.

20. "Lại nữa, này các Tỳ kheo: (3) 'Với sự phai biến luôn yếu tố hoan- hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: "Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc)".' Người đó tạo được niềm hạnh-phúc đã được lọc bỏ yếu tố hoan-hỷ, ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm thân này, tới mức không có bộ phận nào của toàn thân người đó không được thấm đẫm bởi niềm hạnh-phúc đã được lọc bỏ yếu tố hoan- hỷ. - Cũng giống như, trong một hồ sen có bông sen xanh, sen đỏ, hay sen trắng, nhiều cây sen được sinh ra và lớn lên trong nước nằm chìm dưới mặt nước, và nước mát ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và

thấm đẫm chúng từ ngọn tới gốc, tới mức không có một bộ phận nào của những cây sen đó không được thấm đẫm bởi nước mát. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tạo được niềm hạnh-phúc đã được lọc bỏ yếu tố hoan-hỷ, ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm thân này, tới mức không có bộ phận nào của toàn thân người đó không được thấm đẫm bởi niềm hạnh-phúc đã được lọc bỏ yếu tố hoan-hỷ. - "Khi người đó an trú chuyên chú ... Đó cũng là cách một Tỳ kheo tu tập 'sự chánh-niệm về thân'.

21. "Lại nữa, này các Tỳ kheo: (4) 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.' Người đó ngồi

thấm đẫm thân này bằng một cái tâm tinh khiết sáng tỏ, tới mức không có bộ phận nào của toàn thân người đó không được thấm đẫm bởi cái tâm tinh khiết sáng tỏ đó. - Cũng giống như một người đang ngồi được quấn kín bằng vải trắng từ đầu đến chân, tới mức không có bộ phận nào của toàn thân người đó không được thấm đẫm (phủ kín) bởi vải trắng. Cũng giống như vậy, người đó ngồi thấm đẫm thân này bằng một cái tâm tinh khiết sáng tỏ, tới mức không có bộ phận nào của toàn thân người đó không được thấm đẫm bởi cái tâm tinh khiết sáng tỏ đó. - "Khi người đó an trú chuyên chú, nhiệt thành và kiên định như vậy, thì 'những ký-ức và những ý-định dựa trên đời sống tại gia' của người đó được dẹp bỏ; với sự dẹp bỏ chúng, tâm người đó trở nên được ổn-định ở bên trong, được yên-lặng, được đưa đến sự nhất-điểm, và đạt-định. Đó cũng là cách một Tỳ kheo tu tập 'sự chánh-niệm về thân'.

(Sự tu tiến thông qua 'sự chánh-niệm về thân')

22. "Này các Tỳ kheo, bất cứ ai đã tu tập và tu dưỡng 'sự chánh-niệm về thân' là (coi như) đã bao gồm bên trong mình bất kỳ những trạng thái thiện lành nào có để góp phần tạo nên trí-biết đích thực (chân trí).1131 - "Giống như bất cứ ai trải tâm mình khắp đại dương là (coi như) đã bao gồm trong tâm mình bất kỳ dòng suối nào có để góp đổ vào đại dương; cũng giống như vậy, bất cứ ai đã tu tập và tu dưỡng 'sự chánh- niệm về thân' là đã bao gồm bên trong mình bất kỳ những trạng thái thiện lành nào có để góp phần tạo nên trí-biết đích thực.

23. "Này các Tỳ kheo, khi bất cứ ai chưa tu tập và tu dưỡng 'sự chánh- niệm về thân', thì Ma Vương sẽ tìm thấy một cơ hội và một chỗ dựa (của hắn) trong người đó. - Ví dụ một người quăng một hòn đá nặng lên một gò đất sét mềm ướt. Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Liệu hòn đá nặng đó có tìm được đường chui vào gò đất sét mềm ướt đó hay không?"—"Dạ có, thưa Thế Tôn"—"Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi bất kỳ ai

chưa tu tập và tu dưỡng ‘sự chánh-niệm về thân’, thì Ma Vương sẽ tìm thấy một cơ hội và một chỗ dựa (của hắn) trong người đó.

24. “Ví dụ có một miếng gỗ đã khô hết mủ, và một người đến cầm que mồi lửa (như diêm quẹt) nghĩ rằng: ‘Ta sẽ nhóm lên lửa, ta sẽ tạo được nhiệt lửa.’ Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Liệu người đó có thể nhóm lên lửa và tạo ra nhiệt lửa bằng cách quẹt cây mồi lửa lên miếng gỗ đã khô hết mủ hay không?”—“Dạ có, thưa Thế Tôn”—“Cũng giống như vậy, bất kỳ ai chưa tu tập và tu dưỡng ‘sự chánh-niệm về thân’, thì Ma Vương sẽ tìm thấy một cơ hội và một chỗ dựa (của hắn) trong người đó.

25. “Ví dụ có một cái bình rỗng đang được dựng đứng, và một người đến mang theo nước. Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Liệu người đó có thể đổ nước vô bình hay không?”—“Dạ có, thưa Thế Tôn”— “Cũng giống như vậy, bất kỳ ai chưa tu tập và tu dưỡng ‘sự chánh-niệm về thân’, thì Ma Vương sẽ tìm thấy một cơ hội và một chỗ dựa (của hắn) trong người đó.

26. “Này các Tỳ kheo, khi bất cứ ai đã tu tập và tu dưỡng ‘sự chánh- niệm về thân’, thì Ma Vương không thể tìm thấy một cơ hội hay một chỗ dựa nào trong người đó. - Ví dụ một người quăng một trái cầu nhẹ bằng dây chỉ (cuộn thành) vào một tấm cửa được làm bằng toàn gỗ lõi. Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Liệu trái cầu nhẹ bằng dây chỉ đó có tìm được đường chui vào tấm cửa được làm bằng toàn gỗ lõi hay không?”—“Không, thưa Thế Tôn”—“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi bất kỳ ai đã tu tập và tu dưỡng ‘sự chánh-niệm về thân’, thì Ma Vương không thể tìm thấy một cơ hội hay một chỗ dựa nào trong người đó.

27. “Ví dụ có một miếng gỗ tươi còn ướt mủ, và một người đến cầm que mồi lửa (diêm quẹt) nghĩ rằng: ‘Ta sẽ nhóm lên lửa, ta sẽ tạo được nhiệt lửa.’ Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Liệu người đó có thể nhóm lên lửa và tạo ra nhiệt lửa bằng cách quẹt cây mồi lửa lên miếng gỗ tươi còn ướt mủ hay không?”—“Dạ không, thưa Thế Tôn”—“Cũng giống như vậy, bất kỳ ai đã tu tập và tu dưỡng ‘sự chánh-niệm về thân’, thì Ma

Vương không thể tìm thấy một cơ hội hay một chỗ dựa nào trong người đó.

28. “Ví dụ có một cái bình đang được dựng đứng chứa nước đầy đến miệng bình đến nỗi những con quạ có thể uống nước từ đó, và một người đến mang theo nước. Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Liệu người đó có thể đổ nước vô cái bình đó được hay không?”—“Dạ không, thưa Thế Tôn”—“Cũng giống như vậy, bất kỳ ai đã tu tập và tu dưỡng ‘sự chánh- niệm về thân’, thì Ma Vương không thể tìm thấy một cơ hội hay một chỗ dựa nào trong người đó.

29. “Này các Tỳ kheo, khi bất cứ ai đã tu tập và tu dưỡng ‘sự chánh- niệm về thân’, thì khi người đó ngã hướng tâm mình tới sự chứng ngộ trạng thái nào có thể được chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, người đó sẽ đạt tới khả năng chứng kiến bất kỳ phương diện nào trong đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp. - Ví dụ có một cái bình đang được dựng đứng chứa nước đầy đến miệng bình đến nỗi những con quạ có thể uống nước từ đó.

Khi có một lực sĩ đến xô lắc cái bình, liệu nước có đổ ra hay không”— “Dạ có, thưa Thế Tôn”—“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi bất kỳ ai đã tu tập và tu dưỡng ‘sự chánh-niệm về thân’, thì khi người đó ngã hướng tâm mình tới sự chứng ngộ trạng thái nào có thể được chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, người đó sẽ đạt tới khả năng chứng kiến bất kỳ phương diện nào trong đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.

30. “Ví dụ có một ao nước vuông nằm trên mặt đất, được đắp ngăn bởi bờ kè xung quanh, chứa nước đầy tới miệng bờ đến nỗi những con quạ có thể ướng nước từ đó. Khi nào một lực sĩ tháo lỏng bờ kè, liệu nước có đổ ra hay không?”—“Dạ có, thưa Thế Tôn”—“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi bất kỳ ai đã tu tập và tu dưỡng ‘sự chánh-niệm về thân’ … người đó sẽ đạt tới khả năng chứng kiến bất kỳ phương diện nào trong đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.

31. “Ví dụ có một chiếc xe ngựa đang đậu trên đất bằng ở ngã tư đường, được nài bởi những con ngựa thuần chủng, xe đang đứng chờ với

roi thúc ngựa để sẵn, vì vậy một người huấn luyện ngựa thành thạo, là người lái xe ngựa với những con ngựa đã được thuần phục, có thể leo lên xe, tay trái cầm dây cương và tay phải cầm roi thúc ngựa, thì có thể lái đi và lái về theo bất cứ đường nào người đó muốn. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi bất kỳ ai đã tu tập và tu dưỡng ‘sự chánh-niệm về thân’ … người đó sẽ đạt tới khả năng chứng kiến bất kỳ phương diện nào trong đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.

(Những ích-lợi của ‘sự chánh-niệm về thân’)

32. “Này các Tỳ kheo, khi ‘sự chánh-niệm về thân’ đã được thường xuyên (tái tục, liên tục) thực hành, tu tập, tu dưỡng, và được làm thành một cỗ xe (tu thừa), được thực hiện, được củng cố, và được đảm nhận đúng cách, thì có thể trông đợi mười ích-lợi này. Mười đó là gì?

33. (i) “Người tu trở thành một người chinh phục sự bất hài-lòng (ghét, phiền bực; ưu) và sự khoái-thích (ưa, thèm muốn; tham), và sự bất hài- lòng không chinh phục người đó; người đó an trú vượt qua sự bất hài-lòng mỗi khi nó khởi sinh.

34. (ii) “Người tu trở thành một người chinh phục sự sợ-hãi và khiếp- đảm, và sự sợ-hãi và khiếp-đảm không chinh phục người đó; người đó an trú vượt qua sự sợ-hãi và khiếp-đảm mỗi khi nó khởi sinh.

35. (iii) “Người tu có khả năng chịu đựng được sự nóng lạnh, sự đói khát, và sự tiếp xúc với ruồi muỗi, gió nắng, và những loài bò sát; người đó chịu đựng được những lời độc ác, những lời xua đuổi và những cảm- giác ở thân đã khởi sinh là đau đớn, đau buốt, kịch liệt, nhức nhối, thảm khốc, thống khổ, phá hoại sức sống của mình.

36. (iv) “Người tu, nếu muốn không khó khăn hay rắc rối gì, (có thể) chứng đắc bốn tầng thiền định (là những trạng thái) tạo nên phần tâm bậc cao và mang lại sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ].

37. (v) “Người đó (có thể) có được và vận dụng nhiều loại thần-thông khác nhau (biến hóa thông) … [tiếp tục giống kinh MN 108, mục 18] … vận

dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahma.

38. (vi) “Với yếu-tố tai thiên thánh (thiên nhĩ thông), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó có thể nghe được cả những âm thanh cõi trời và cõi người, dù ở xa hay ở gần.

39. (vii) “Người đó hiểu được tâm của những chúng sinh và người khác (tha tâm thông), sau khi đã lấy tâm mình bao trùm tâm của họ. Người đó hiểu được một cái tâm có tham (dục) là tâm có tham … [tiếp tục giống kinh MN 108, mục 20] … và một cái tâm chưa được giải thoát là tâm chưa được giải thoát.

40. (viii) Người đó (có thể) nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình; đó là một lần sinh, hai lần sinh … [tiếp tục giống kinh MN 51, mục 24] … Như vậy đó, người đó nhớ lại những cõi kiếp quá khứ của mình với những phương diện và đặc điểm của chúng. (túc mạng minh)

41. (ix) “Với yếu tố mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người (thiên nhãn minh), người tu có thể nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phúc lành có và vô phúc có, và người đó hiểu được cách những chúng sinh chết đi và tái sinh tùy theo những nghiệp của mình.

42. (x) “Bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này người đó chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận minh).

43. “Này các Tỳ kheo, khi ‘sự chánh-niệm về thân’ đã được thường xuyên thực hành, tu tập, tu dưỡng, và được làm thành một cỗ xe (tu thừa), được thực hiện, được củng cố, và được đảm nhận đúng cách, thì có thể trông đợi mười ích-lợi này.” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

120. KINH TÁI SINH THEO Ý NGUYỆN (Sankhārupapatti Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự tái-sinh [tái hiện] theo ý nguyện của một người.1132 Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

3. “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có được niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự bố-thí, và trí-tuệ. Người đó nghĩ: ‘Mong rằng, khi thân tan rã, sau khi chết, ta có thể tái sinh trong số những quý-tộc [giai cấp chiến- sĩ] giàu có (khá giả)!’—Người đó cố định tâm mình về điều đó, quyết định theo điều đó, tu dưỡng nó. Những ý nguyện này và sự

an trú này của người đó, khi được tu tập và tu dưỡng như vậy, sẽ dẫn đến sự tái sinh của người đó ở đó. Này các Tỳ kheo, đây là con đường, là đường đi dẫn tới sự tái sinh ở đó.1133

4. –5. “Lại nữa, một Tỳ kheo có được niềm-tin … và trí-tuệ. Người đó nghĩ: ‘Mong rằng, khi thân tan rã, sau khi chết, ta có thể tái sinh trong số những bà-la-môn giàu có … trong số những gia chủ giàu có!’—Người đó cố định tâm mình về điều đó … sẽ dẫn đến sự tái sinh của người đó ở đó. Này các Tỳ kheo, đây là con đường, là đường đi dẫn tới sự tái sinh ở đó.

6. “Lại nữa, một Tỳ kheo có được niềm-tin … và trí-tuệ. Người đó nghe rằng (i) những thiên thần ở cõi trời Tứ Đại Thiên Vương là sống thọ, đẹp đẽ, và hưởng được hạnh phúc lớn lao. Người đó nghĩ: ‘Mong rằng, khi thân tan rã, sau khi chết, ta có thể tái sinh trong số những thiên thần ở cõi trời Tứ Đại Thiên Vương!’ Người đó cố định tâm mình về điều đó … sẽ dẫn đến sự tái sinh của người đó ở đó. Này các Tỳ kheo, đây là con

đường, là đường đi dẫn tới sự tái sinh ở đó.

7. 7–11. “Lại nữa, một Tỳ kheo có được niềm-tin … và trí-tuệ. Người đó nghe rằng (a) (ii) những thiên thần của cõi trời Tứ Đại Thiên Vương! … (iii) những thiên thần của cõi trời Ba Mươi Ba (Tāvatimsa, Đao-lợi) … (iv) những thiên thần của cõi trời Yāma (Dạ-ma) … (v) những thiên thần của cõi trời Tusita (Đâu-suất) … (vi) những thiên thần thích sáng tạo (Hóa lạc thiên) … (vii) của những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của thiên thần khác (Tha hóa tự tại thiên) là sống thọ, đẹp đẽ, và hưởng được hạnh phúc lớn lao. Người đó nghĩ: ‘Mong rằng, khi thân tan rã, sau khi chết, ta có thể tái sinh trong số những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của thiên thần khác!’—Người đó cố định tâm mình về điều đó … sẽ dẫn đến sự tái sinh của người đó ở đó. Này các Tỳ kheo, đây là con đường, là đường đi dẫn tới sự tái sinh ở đó.

12. “Lại nữa, một Tỳ kheo có được niềm-tin … và trí-tuệ. Người đó nghe rằng (e) (i) vị trời Brahmā (Phạm thiên) Một Ngàn là sống thọ, đẹp đẽ, và hưởng được hạnh phúc lớn lao. Giờ trời Brahmā Một Ngàn an trú quyết tâm bao trùm thấm đẫm hệ thế giới của một ngàn thế giới, và vị ấy an trú quyết tâm bao trùm thấm đẫm những chúng sinh đã tái sinh ở đó.1134 “Giống như một người có mắt sáng để một trái hạt mật (cỡ bằng trái hạt dẻ) trên bàn tay và xem xét hết nó (bao trùm nó bằng mắt); cũng giống như vậy, vị trời Brahmā Một Ngàn an trú quyết tâm bao trùm thấm đẫm hệ thế giới của một ngàn thế giới, và vị ấy an trú quyết tâm bao trùm thấm đẫm những chúng sinh đã tái sinh ở đó. Tỳ kheo đó nghĩ: ‘Mong rằng, khi thân tan rã, sau khi chết, ta có thể tái sinh trong chỗ của (cộng trú với) trời Brahmā Một Ngàn!’—Người đó cố định tâm mình về điều đó … sẽ dẫn đến sự tái sinh của người đó ở đó. Này các Tỳ kheo, đây là con đường, là đường đi dẫn tới sự tái sinh ở đó.

13. –16. “Lại nữa, một Tỳ kheo có được niềm-tin … và trí-tuệ. Người đó nghe rằng (ii) vị trời Brahmā Hai Ngàn … (iii) vị trời Brahmā Ba Ngàn … (iv) vị trời Brahmā Bốn Ngàn … (v) vị trời Brahmā Năm Ngàn là sống

thọ, đẹp đẽ, và hưởng được hạnh phúc lớn lao. Giờ trời Brahmā Năm Ngàn an trú quyết tâm bao trùm thấm đẫm hệ thế giới của năm ngàn thế giới, và vị ấy an trú quyết tâm bao trùm thấm đẫm những chúng sinh đã tái sinh ở đó. “Giống như một người có mắt sáng để năm trái hạt mật trên bàn tay và xem xét hết chúng; cũng giống như vậy, vị trời Brahmā Năm Ngàn an trú quyết tâm bao trùm thấm đẫm hệ thế giới của năm ngàn thế giới, và vị ấy an trú quyết tâm bao trùm thấm đẫm những chúng sinh đã tái sinh ở đó. Tỳ kheo đó nghĩ: ‘Mong rằng, khi thân tan rã, sau khi chết, ta có thể tái sinh trong chỗ của trời Brahmā Năm Ngàn!’—Người đó cố định tâm mình về điều đó … sẽ dẫn đến sự tái sinh của người đó ở đó. Này các Tỳ kheo, đây là con đường, là đường đi dẫn tới sự tái sinh ở đó.

17. “Lại nữa, một Tỳ kheo có được niềm-tin … và trí-tuệ. Người đó nghe rằng (vi) vị trời Brahmā Mười Ngàn là sống thọ, đẹp đẽ, và hưởng được hạnh phúc lớn lao. Giờ trời Brahmā Mười Ngàn an trú quyết tâm bao trùm thấm đẫm hệ thế giới của mười ngàn thế giới, và vị ấy an trú quyết tâm bao trùm thấm đẫm những chúng sinh đã tái sinh ở đó. “Giống như một viên ngọc lưu ly tinh đẹp, tám mặt, được khéo cắt dũa, trong suốt và tinh sạch, nằm trên vải gấm đỏ thì luôn tỏa sáng, phát sáng, và chiếu sáng; cũng giống như vậy, vị trời Brahmā Mười Ngàn an trú quyết tâm bao trùm thấm đẫm hệ thế giới của mười ngàn thế giới, và vị ấy an trú quyết tâm bao trùm thấm đẫm những chúng sinh đã tái sinh ở đó. Tỳ kheo đó nghĩ: ‘Mong rằng, khi thân tan rã, sau khi chết, ta có thể tái sinh trong chỗ của trời Brahmā Mười Ngàn!’—Người đó cố định tâm mình về điều đó … sẽ dẫn đến sự tái sinh của người đó ở đó. Này các Tỳ kheo, đây là con đường, là đường đi dẫn tới sự tái sinh ở đó.

18. “Lại nữa, một Tỳ kheo có được niềm-tin … và trí-tuệ. Người đó nghe rằng (vii) vị trời Brahmā Một Trăm Ngàn là sống thọ, đẹp đẽ, và hưởng được hạnh phúc lớn lao. Giờ trời Brahmā Một Trăm Ngàn an trú quyết tâm bao trùm thấm đẫm hệ thế giới của một trăm ngàn thế giới, và

vị ấy an trú quyết tâm bao trùm thấm đẫm những chúng sinh đã tái sinh ở đó. “Giống như một món trang sức làm từ vàng tinh nhất, được luyện khéo léo trong lò nung bởi một người thợ vàng khôn khéo, nằm trên vải gấm đỏ thì luôn tỏa sáng, phát sáng, và chiếu sáng; cũng giống như vậy, vị trời Brahmā Một Trăm Ngàn an trú quyết tâm bao trùm thấm đẫm hệ thế giới của một trăm ngàn thế giới, và vị ấy an trú quyết tâm bao trùm thấm đẫm những chúng sinh đã tái sinh ở đó. Tỳ kheo đó nghĩ: ‘Mong rằng, khi thân tan rã, sau khi chết, ta có thể tái sinh trong chỗ của trời Brahmā Một Trăm Ngàn!’—Người đó cố định tâm mình về điều đó … sẽ dẫn đến sự tái sinh của người đó ở đó. Này các Tỳ kheo, đây là con đường, là đường đi dẫn tới sự tái sinh ở đó.

19. –32. “Lại nữa, một Tỳ kheo có được niềm-tin … và trí-tuệ. Người đó nghe rằng (b) (0) những thiên thần phát quang1135 … (i) những thiên thần phát quang hạn lượng (thiểu quang thiên) … (ii) những thiên thần phát quang vô lượng (vô lượng quang thiên) …

(iii) những thiên thần phát quang thành dòng (quang âm thiên) … (0) những thiên thần có hào quang (như hào quang xung quanh đầu) … (iv) những thiên thần có hào quang hạn lượng (thiểu tịnh thiên) … (v) những thiên thần có hào quang vô lượng (vô lượng tịnh thiên) … (vi) những thiên thần có hào quang chói lọi (biến tịnh thiên) … (vii) những thiên thần có phúc quả lớn (quảng quả thiên) … (c) (i) những thiên thần ở cõi trời bền chắc (vô đọa thiên) [aviha] … (ii) những thiên thần ở cõi trời tịch tịnh (vô phiền thiên) [atappa] … (iii) những thiên thần ở cõi trời trong-sạch (tịnh cư thiên) [suddassa, dành cho những bậc thánh Bất-lai] … (iv) những thiên thần ở cõi trời quang đãng (thiện kiến thiên) [sudassi] … (v) những thiên thần ở cõi trời tối cao (vô song thiên, sắc cứu kính thiên) [akanittha] là sống thọ, đẹp đẽ, và hưởng được hạnh phúc lớn lao. Tỳ kheo đó nghĩ: 'Mong rằng, khi thân tan rã, sau khi chết, ta có thể tái sinh trong số những thiên thần ở cõi trời tối cao!'—Người đó cố định tâm mình về điều đó … sẽ dẫn đến sự tái sinh của người đó ở đó. Này các Tỳ kheo, đây là con đường, là đường đi dẫn

tới sự tái sinh ở đó.

33. –36. "Lại nữa, một Tỳ kheo có được niềm-tin … và trí-tuệ. Người đó nghe rằng (d) (i) những thiên thần thuộc cảnh xứ không-gian vô biên (không vô biên xứ) … (ii) những thiên thần thuộc cảnh xứ thức vô biên (thức vô biên xứ) … (iii) những thiên thần thuộc cảnh xứ không-có-gì (vô sở hữu xứ) … (iv) những thiên thần thuộc cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng xứ) là sống thọ, đẹp đẽ, và hưởng được hạnh phúc lớn lao. Tỳ kheo đó nghĩ: 'Mong rằng, khi thân tan rã, sau khi chết, ta có thể tái sinh trong số những thiên thần thuộc cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức!'—Người đó cố định tâm mình về điều đó, quyết định theo điều đó, tu dưỡng nó. Những ý nguyện này và sự an trú này của người đó, khi được tu tập và tu dưỡng như vậy, sẽ dẫn đến sự tái sinh của người đó ở đó. Này các Tỳ kheo, đây là con đường, là đường đi dẫn tới sự tái sinh ở đó.

37. "Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có được niềm-tin, giới- hạnh, sự học-hiểu, sự bố-thí, và trí-tuệ. Người đó nghĩ: 'Mong rằng, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này tôi có thể chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận)!—Và bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này người đó chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt ô-nhiễm. Này các Tỳ kheo, Tỳ kheo này không còn tái-sinh ở bất cứ nơi nào nữa."1136 Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

Chương 3. Chương "Tánh Không" (Suññata-vagga)

121. TIỂU KINH VỀ TÁNH KHÔNG (X) (Cūḷasuññata Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvatthī (Xá- vệ), trong Khu Vườn Phía Đông trong Lâu Đài của Mẹ của Migāra.

2. Lúc đó, vào buổi cuối chiều, Ngài Ānanda ra khỏi chỗ thiền, đến gặp đức Thế Tôn, sau khi kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

3. “Thưa Thế Tôn, trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích- Ca (Sakya), ở một thị trấn của những người Thích-Ca tên là thị trấn Na- garaka. Ở đó, thưa Thế Tôn, con đã nghe và học được từ chính miệng đức Thế Tôn như vầy: ‘Này Ānanda, giờ ta thường an trú trong sự trống- không (trạng thái tánh không).’1137 Thưa Thế Tôn, có phải con đã nghe đúng, đã học đúng, đã chú tâm đúng, đã nhớ đúng, hay không?” “Chắc chắc là vậy, này Ānanda, thầy đã nghe đúng, đã học đúng, đã chú tâm đúng, đã nhớ đúng. Cũng giống trước kia, này Ānanda, giờ ta cũng thường an trú trong sự trống-không.

4. “Này Ānanda, giống như Lâu Đài của Mẹ của Migāra này là không có voi, trâu bò, ngựa, và ngựa cái, không có vàng và bạc, không có hội chúng đàn ông và phụ nữ, và chỉ có duy nhất một sự không trống-không, được gọi là, sự duy-nhất tùy thuộc vào Tăng Đoàn những Tỳ kheo. (1) “Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo—không chú tâm (vô tác ý) tới ‘nhận-thức (tưởng) về làng’, không chú tâm tới ‘nhận-thức về người ta’— chỉ chú tâm tới sự duy-nhất tùy thuộc vào ‘nhận-thức về rừng’.1138 Tâm người đó nhập vào ‘nhận-thức về rừng’ (lâm tưởng) đó và nó đạt được (tích được) niềm-tin, sự ổn-định, và sự kiên-định. Người đó hiểu như vầy: ‘Mọi sự quấy nhiễu tùy thuộc vào ‘nhận-thức về làng’ mà có: chúng không có mặt ở đây; mọi sự quấy nhiễu tùy thuộc vào ‘nhận-thức về người ta’ mà có: chúng không có mặt ở đây. Chỉ có một lượng sự quấy

nhiễu này, được gọi là, sự duy-nhất tùy thuộc vào ‘nhận-thức về rừng’.’1139 Người đó hiểu: ‘Vùng [trường] nhận-thức này là không-có (trống vắng) ‘nhận-thức về làng’; vùng nhận-thức này là không-có ‘nhận- thức về người ta’. Chỉ có mặt sự không trống-không này, được gọi là, sự duy-nhất tùy thuộc vào ‘nhận-thức về rừng’.’ Như vậy người đó coi đó là sự trống vắng ‘thứ không có ở đó’, nhưng đối với ‘thứ có ở đó’ người đó hiểu nó có mặt như vầy: ‘Thứ này có mặt.’ Như vậy, này Ānanda, đây là sự đột phá nguyên chất, không lệch lạc (không điên đảo), tinh khiết của người đó vào tánh-không.

5. (2) “Lại nữa, này Ānanda, một Tỳ kheo—không chú tâm (vô tác ý) tới ‘nhận-thức về người ta’, không chú tâm tới ‘nhận-thức về rừng’—chú tâm tới sự duy-nhất tùy thuộc vào đất.1140 Tâm của người đó nhập vào ‘nhận-thức về đất’ (địa tưởng) đó và nó đạt được niềm-tin, sự ổn-định, và sự kiên-định. Giống như bộ da của một con bò không còn nếp gấp sau khi được kéo căng bởi một trăm cái chốt ghim; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo—không chú tâm tới bất kỳ rãnh sâu hay lổ trũng nào trên mặt đất, tới những sông hay suối, tới những dải đất toàn gai gốc, tới những núi non và đồng bằng—chỉ chú tâm tới ‘nhận-thức về đất’. Tâm của người đó nhập vào ‘nhận-thức về đất’ đó và nó đạt được niềm-tin, sự ổn-định, và sự kiên-định. Người đó hiểu như vầy: ‘Mọi sự quấy nhiễu tùy thuộc vào ‘nhận-thức về người ta’ mà có: chúng không có mặt ở đây; mọi sự quấy

nhiễu tùy thuộc vào ‘nhận-thức về rừng’ mà có: chúng không có mặt ở đây. Chỉ có một lượng sự quấy nhiễu này, được gọi là, sự duy-nhất tùy thuộc vào ‘nhận-thức về đất’.’ Người đó hiểu: ‘Vùng nhận-thức này là không-có ‘nhận-thức về làng’; vùng nhận-thức này là không-có ‘nhận- thức về người ta’. Chỉ có mặt sự không trống-không này, được gọi là, sự duy-nhất tùy thuộc vào ‘nhận-thức về đất’.’ Như vậy người đó coi đó là sự trống vắng ‘thứ không có ở đó’, nhưng đối với ‘thứ có ở đó’ người đó hiểu nó có mặt như vầy: ‘Thứ này có mặt.’ Như vậy, này Ānanda, đây là sự đột phá nguyên chất, không lệch lạc, tinh khiết của người đó vào tánh-không.

6. (3) “Lại nữa, này Ānanda, một Tỳ kheo—không chú tâm tới ‘nhận-

thức về rừng’, không chú tâm tới ‘nhận-thức về đất’—chỉ chú tâm tới sự duy-nhất tùy thuộc vào nhận-thức về không vô biên xứ [cảnh xứ của không gian vô biên].1141 Tâm của người đó nhập vào ‘nhận-thức về không vô biên xứ’ đó và nó đạt được niềm-tin, sự ổn-định, và sự kiên-định. Người đó hiểu như vầy: ‘Mọi sự quấy nhiễu tùy thuộc vào ‘nhận-thức về rừng’ mà có: chúng không có mặt ở đây; mọi sự quấy nhiễu tùy thuộc vào nhận-thức về đất mà có: chúng không có mặt ở đây. Chỉ có một lượng sự quấy nhiễu này, được gọi là, sự duy-nhất tùy thuộc vào ‘nhận-thức về không vô biên xứ’.’ Người đó hiểu: ‘Vùng nhận-thức này là không-có ‘nhận-thức về rừng’; vùng nhận-thức này là không-có nhận-thức về đất. Chỉ có mặt sự không trống-không này, được gọi là, sự duy-nhất tùy thuộc vào ‘nhận-thức về không vô biên xứ’.’ Như vậy người đó coi đó là sự trống vắng ‘thứ không có ở đó’, nhưng đối với ‘thứ có ở đó’ người đó hiểu nó có mặt như vầy: ‘Thứ này có mặt.’ Như vậy, này Ānanda, đây là sự đột phá nguyên chất, không lệch lạc, tinh khiết của người đó vào tánh-không.

7. (4) “Lại nữa, này Ānanda, một Tỳ kheo—không chú tâm tới ‘nhận- thức về đất’, không chú tâm tới ‘nhận-thức về không vô biên xứ’—chỉ chú tâm tới sự duy-nhất tùy thuộc vào ‘nhận-thức về thức vô biên xứ’ [cảnh xứ của thức vô biên]. Tâm người đó nhập vào ‘nhận-thức về thức vô biên xứ’ đó và nó đạt được niềm-tin, sự ổn-định, và sự kiên-định. Người đó hiểu như vầy: ‘Mọi sự quấy nhiễu tùy thuộc vào ‘nhận-thức về đất’ mà có: chúng không có mặt ở đây; mọi sự quấy nhiễu tùy thuộc vào ‘nhận-thức về không vô biên xứ’ mà có: chúng không có mặt ở đây. Chỉ có một lượng sự quấy nhiễu này, được gọi là, sự duy-nhất tùy thuộc vào ‘nhận-thức về thức vô biên xứ’.’ Người đó hiểu: ‘Vùng nhận-thức này là không-có ‘nhận-thức về đất’; vùng nhận-thức này là không-có ‘nhận-thức về không vô biên xứ’. Chỉ có mặt sự không trống-không, được gọi là, sự duy-nhất tùy thuộc vào ‘nhận-thức về thức vô biên xứ’.’ Như vậy người đó coi đó là sự trống vắng ‘thứ không có ở đó’, nhưng đối với ‘thứ có ở đó’ người đó hiểu nó có mặt như vầy: ‘Thứ này có mặt.’ Như vậy, này Ānanda, đây là sự đột phá nguyên chất, không lệch lạc, tinh khiết của người đó vào

tánh-không.

8. (5) “Lại nữa, này Ānanda, một Tỳ kheo—không chú tâm tới ‘nhận- thức về không vô biên xứ’, không chú tâm tới ‘nhận-thức về thức vô biên xứ’—chỉ chú tâm tới sự duy-nhất tùy thuộc vào ‘nhận-thức về vô sở hữu xứ’ [cảnh xứ không-có-gì]. Tâm người đó nhập vào ‘nhận-thức về vô sở hữu xứ’ đó và nó đạt được niềm-tin, sự ổn-định, và sự kiên-định. Người đó hiểu như vầy: ‘Mọi sự quấy nhiễu tùy thuộc vào ‘nhận-thức về không vô biên xứ’ mà có: chúng không có mặt ở đây; mọi sự quấy nhiễu tùy thuộc vào ‘nhận-thức về thức vô biên xứ’ mà có: chúng không có mặt ở đây. Chỉ có một lượng sự quấy nhiễu này, được gọi là, sự duy-nhất tùy thuộc vào ‘nhận-thức về vô sở hữu xứ’.’ Người đó hiểu: ‘Vùng nhận-thức này là không-có ‘nhận-thức về không vô biên xứ’; vùng nhận-thức này là không-có ‘nhận-thức về thức vô biên xứ’. Chỉ có mặt sự không trống- không, được gọi là, sự duy-nhất tùy thuộc vào ‘nhận-thức về vô sở hữu xứ’.’ Như vậy người đó coi đó là sự trống vắng ‘thứ không có ở đó’, nhưng đối với ‘thứ có ở đó’ người đó hiểu nó có mặt như vầy: ‘Thứ này có mặt.’ Như vậy, này Ānanda, đây là sự đột phá nguyên chất, không lệch lạc, tinh khiết của người đó vào tánh-không.

9. (6) “Lại nữa, này Ānanda, một Tỳ kheo—không chú tâm tới ‘nhận- thức về thức vô biên xứ’, không chú tâm tới ‘nhận-thức về vô sở hữu xứ’—chỉ chú tâm tới sự duy-nhất tùy thuộc vào ‘nhận-thức về phi tưởng phi phi tưởng xứ’ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức]. Tâm người đó nhập vào ‘nhận-thức về phi tưởng phi phi tưởng xứ vô sở hữu xứ’ đó và nó đạt được niềm-tin, sự ổn-định, và sự kiên-định. Người đó hiểu như vầy: ‘Mọi sự quấy nhiễu tùy thuộc vào ‘nhận-thức về thức vô biên xứ’ mà có: chúng không có mặt ở đây; mọi sự quấy nhiễu tùy thuộc vào ‘nhận-thức về vô sở hữu xứ’ mà có: chúng không có mặt ở đây. Chỉ có một lượng sự quấy nhiễu này, được gọi là, sự duy-nhất tùy thuộc vào ‘nhận-thức về phi tưởng phi phi tưởng xứ’.’ Người đó hiểu: ‘Vùng nhận-thức này là không-có ‘nhận-thức về thức vô biên xứ’; vùng nhận-thức này là không-có ‘nhận-thức về vô sở hữu xứ’. Chỉ có

mặt sự không trống-không, được gọi là, sự duy-nhất tùy thuộc vào ‘nhận- thức về phi tưởng phi phi tưởng xứ’.’ Như vậy người đó coi đó là sự trống vắng ‘thứ không có ở đó’, nhưng đối với ‘thứ có ở đó’ người đó hiểu nó có mặt như vầy: ‘Thứ này có mặt.’ Như vậy, này Ānanda, đây là sự đột phá nguyên chất, không lệch lạc, tinh khiết của người đó vào tánh-không.

10. (7) “Lại nữa, này Ānanda, một Tỳ kheo—không chú tâm tới nhận- thức về vô sở hữu xứ, không chú tâm tới nhận-thức về phi tưởng phi phi tưởng xứ—chỉ chú tâm tới sự duy-nhất tùy thuộc vào ‘nhận-thức về sự định-tâm vô dấu hiệu của tâm’ [vô tướng định]. Tâm người đó nhập vào ‘nhận-thức về sự định-tâm vô dấu hiệu của tâm’ đó và nó đạt được niềm- tin, sự ổn-định, và sự kiên-định. Người đó hiểu như vầy: ‘Mọi sự quấy nhiễu tùy thuộc vào ‘nhận-thức về vô sở hữu xứ’ mà có: chúng không có mặt ở đây; mọi sự quấy nhiễu tùy thuộc vào ‘nhận-thức về phi tưởng phi phi tưởng xứ’ mà có: chúng không có mặt ở đây. Chỉ có một lượng sự quấy nhiễu này, được gọi là, sự duy-nhất tùy thuộc vào ‘nhận-thức về sự định-tâm vô dấu hiệu của tâm’.’ Người đó hiểu: ‘Vùng nhận-thức này là không-có ‘nhận-thức về vô sở hữu xứ’; vùng nhận-thức

này là không-có 'nhận-thức về phi tưởng phi phi tưởng xứ'. Chỉ có mặt sự không trống-không, được gọi là, sự duy-nhất tùy thuộc vào 'nhận-thức về sự định-tâm vô dấu hiệu của tâm'.' Như vậy người đó coi đó là sự trống vắng 'thứ không có ở đó', nhưng đối với 'thứ có ở đó' người đó hiểu nó có mặt như vầy: 'Thứ này có mặt.' Như vậy, này Ānanda, đây là sự đột phá nguyên chất, không lệch lạc, tinh khiết của người đó vào tánh-không.

11. (8) "Lại nữa, này Ānanda, một Tỳ kheo—không chú tâm tới 'nhận- thức về vô sở hữu xứ', không chú tâm tới 'nhận-thức về phi tưởng phi phi tưởng xứ'—chỉ chú tâm tới sự duy-nhất tùy thuộc vào 'nhận-thức về sự định-tâm vô dấu hiệu của tâm' [vô tướng định].1142 Tâm người đó nhập vào 'nhận-thức về sự định-tâm vô dấu hiệu của tâm' đó và nó đạt được niềm-tin, sự ổn-định, và sự kiên-định. Người đó hiểu như vầy: 'Mọi sự quấy nhiễu tùy thuộc vào nhận-thức về vô sở hữu xứ mà có: chúng không có mặt ở đây; mọi sự quấy nhiễu tùy thuộc vào nhận-thức về phi tưởng phi

phi tưởng xứ mà có: chúng không có mặt ở đây. Chỉ có một lượng sự quấy nhiễu này, được gọi là, sự quấy nhiễu nối kết với sáu xứ [sáu cơ-sở cảm nhận] vốn tùy thuộc vào thân này và bị điều-kiện bởi sự sống.' Người đó hiểu: 'Vùng nhận-thức này là không-có nhận-thức về vô sở hữu xứ; vùng nhận-thức này là không-có nhận-thức về phi tưởng phi phi tưởng xứ. Chỉ có mặt sự không trống-không, được gọi là, sự quấy nhiễu nối kết với sáu xứ vốn tùy thuộc vào thân này và bị điều-kiện bởi sự sống.' Như vậy người đó coi đó là sự trống vắng 'thứ không có ở đó', nhưng đối với 'thứ có ở đó' người đó hiểu nó có mặt như vầy: 'Thứ này có mặt.' Như vậy, này Ānanda, đây là sự đột phá nguyên chất, không lệch lạc, tinh khiết của người đó vào tánh-không.

12. (9) "Lại nữa, này Ānanda, một Tỳ kheo—không chú tâm tới nhận- thức về vô sở hữu xứ, không chú tâm tới nhận-thức về phi tưởng phi phi tưởng xứ—chỉ chú tâm tới sự duy-nhất tùy thuộc vào sự 'nhận-thức về sự định-tâm vô dấu hiệu của tâm' [vô tướng định]. Tâm người đó nhập vào 'nhận-thức về sự định-tâm vô dấu hiệu của tâm' đó và nó đạt được niềm- tin, sự ổn-định, và sự kiên-định. Người đó hiểu như vầy: 'Sự định-tâm vô dấu hiệu của tâm' này là có điều-kiện (hữu vi) và được tạo ra một cách cố-ý (do tâm tư). Nhưng mọi thứ có điều-kiện và được tạo ra một cách cố-ý đều là vô-thường, là sẽ bị chấm dứt (có rồi mất).'1143 Sau khi người đó biết và thấy như vậy, tâm người đó được giải-thoát khỏi ô-nhiễm của/do tham- dục (dục lậu), khỏi ô-nhiễm do/của sự hiện-hữu (hữu lậu) và khỏi ô-nhiễm do/của sự vô-minh (vô minh lậu). Sau khi tâm được giải-thoát, thì có sự- biết: 'Nó được giải-thoát'. Người đó hiểu: 'Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.' "Người đó hiểu như vầy: 'Mọi sự quấy nhiễu tùy thuộc vào ô-nhiễm do/của tham-dục (dục lậu) mà có: chúng không có mặt ở đây; mọi sự quấy nhiễu tùy thuộc vào nhận-thức về ô-nhiễm do/của sự hiện-hữu (hữu lậu) mà có; mọi sự quấy nhiễu tùy thuộc vào nhận-thức về ô-nhiễm do/của sự vô-minh (vô minh lậu) mà có: chúng không có mặt ở đây. Chỉ có một

lượng sự quấy nhiễu này, được gọi là, sự quấy nhiễu nối kết với sáu xứ [sáu cơ-sở cảm nhận] là tùy thuộc vào thân này và bị điều-kiện bởi sự sống.' 'Vùng nhận-thức này là không-có ô-nhiễm do/của tham-dục (dục lậu); vùng nhận-thức này không-có ô-nhiễm do/của sự hiện-hữu (hữu lậu); vùng nhận-thức này không-có ô-nhiễm do/của sự vô-minh (vô minh lậu). Chỉ có mặt sự không trống-không, được gọi là, sự quấy nhiễu nối kết với sáu xứ vốn tùy thuộc vào thân này và bị điều-kiện bởi sự sống.' Như vậy người đó coi đó là sự trống vắng 'thứ không có ở đó', nhưng đối với 'thứ có ở đó' người đó hiểu nó có mặt như vầy: 'Thứ này có mặt.' Như vậy, này Ānanda, đây là sự đột phá nguyên chất, không lệch lạc, tinh khiết của người đó vào tánh-không, tối cao và vô thượng.1144

13. "Này Ānanda, những tu sĩ (sa-môn) và bà-la-môn nào trong quá khứ đã chứng nhập và an trú trong sự trống-không tinh khiết, tối cao (cao nhất, tối thượng), vô thượng (không còn bị vượt trên), tất cả họ đều đã chứng nhập và an trú trong chính sự trống-không tinh kiết, tối cao, vô thượng này. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong tương lai sẽ chứng nhập và an trú trong sự trống-không tinh khiết, tối cao, vô thượng, tất cả họ đều sẽ chứng nhập và an trú trong chính sự trống-không tinh kiết, tối cao, vô thượng này. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong hiện tại chứng nhập và an trú trong sự trống-không tinh khiết, tối cao, vô thượng, tất cả họ đều chứng nhập và an trú trong chính sự trống-không tinh kiết, tối cao, vô thượng này. Bởi vậy, này Ānanda, các thầy nên tu tập như vầy: 'Chúng ta sẽ chứng nhập và an trú trong sự trống-không tinh khiết, tối cao, vô thượng." Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Ānanda đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

122. ĐẠI KINH VỀ TÁNH KHÔNG (Cūḷasuññata Sutta)

1. Tôi nghe như vầy.1145 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-Ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigrodha.

2. Lúc đó, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Kapilavatthu để khất thực. Sau khi đã đi khất thực trong thành Kapilavatthu, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn đã đi an trú qua ngày trong khu trú ở của ông Kāḷak- hemaka người họ tộc Thích-Ca. Bấy giờ, vào lúc đó có nhiều chỗ nghỉ đã được dọn sẵn trong khu trú ở của ông Kāḷakhemaka người họ tộc Thích- Ca.1146 Sau khi đức Thế Tôn nhìn thấy điều này, đức Thế Tôn đã nghĩ: "Có nhiều chỗ nghỉ được dọn sẵn trong khu trú ở của ông Kāḷakhemaka họ Thích-Ca. Vậy có nhiều Tỳ kheo sống ở đây không?" Bấy giờ, vào lúc đó ngài Ānanda, cùng với nhiều Tỳ kheo, đang bận may cà sa ở khu trú ở của ông Ghāṭā người họ tộc Thích-Ca. Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ an trú và đi đến khu trú ở của ông Ghāṭā họ Thích-Ca. Ở đó đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn và hỏi thầy Ānanda: "Này Ānanda, có nhiều chỗ nghỉ trong khu trú ở của ông Kāḷakhemaka họ Thích-Ca. Vậy có nhiều Tỳ kheo sống ở đó không?"1147 "Thưa Thế Tôn, nhiều chỗ nghỉ đã được dọn sẵn trong khu trú ở của ông Kāḷakhemaka họ Thích-Ca. Có nhiều Tỳ kheo đang

sống ở đó. Thưa Thế Tôn, hiện giờ là thời gian chúng con đang may cà sa.”1148

3. “Này Ānanda, một Tỳ kheo không tỏa sáng bởi sự thích thú sự nhóm hội, bởi sự vui thích sự nhóm hội, bởi sự tận tụy chỉ lo sự nhóm hội, bởi sự vui mừng với sự nhóm hội. Thật vậy, này Ānanda, không thể nào một Tỳ kheo thích thú sự nhóm hội, vui thích sự nhóm hội, tận tụy chỉ lo sự

nhóm hội, vui mừng với sự nhóm hội, mà sẽ có thể, tùy theo ý mình, không khó khăn hay rắc rối gì, đạt được niềm hạnh phúc của sự từ-bỏ, niềm hạnh phúc của sự tách-ly (ẩn dật), niềm hạnh phúc của sự giác- ngộ.1149 Nhưng có thể trông đợi rằng, khi một Tỳ kheo sống một-mình, lánh lui khỏi nhóm hội, thì người đó sẽ có thể, tùy theo ý mình, không khó khăn hay rắc rối gì, đạt được niềm hạnh phúc của sự từ-bỏ, niềm hạnh phúc của sự tách-ly, niềm hạnh phúc của sự giác-ngộ.

4. “Thật vậy, này Ānanda, không thể nào một Tỳ kheo thích thú sự nhóm hội, vui thích sự nhóm hội, tận tụy chỉ lo sự nhóm hội, vui mừng với sự nhóm hội, mà sẽ có thể chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm tạm thời và khoan khoái hay [sự giải-thoát của tâm] mãi mãi và bất lây chuyển.1150 Nhưng có thể trông đợi rằng, khi một Tỳ kheo sống một-mình, lánh lui khỏi nhóm hội, thì người đó sẽ có thể chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm tạm thời và khoan khoái và [sự giải- thoát của tâm] mãi mãi và bất lây chuyển.

5. “Này Ānanda, ta không thấy một loại sắc-thân nào từ sự thay đổi và biến đổi của nó không làm khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng trong một người tham muốn (nhục dục) vì nó và thích thú nó.

6. “Tuy nhiên, này Ānanda, có sự an trú này được phát minh bởi Như Lai, đó là: chứng nhập và an trú trong sự trống-không ở bên trong bằng cách không chú-tâm (vô tác ý) tới tất cả những dấu-hiệu (hình tướng).1151 Nếu, trong khi Như Lai đang an trú như vầy, có những người đến thăm là những Tỳ kheo hoặc những Tỳ kheo ni, những đệ tử tại gia nam hay đệ tử tại gia nữ, những vua chúa hay quan triều, những người giáo phái khác hay những đệ tử của họ, thì với một cái tâm ngã về hướng tách-ly (ẩn dật), thu mình (thu tâm), vui thích sự từ bỏ (xuất ly), và tất cả đã dẹp bỏ những thứ là cơ sở cho những ô-nhiễm, thì Như Lai sẽ luôn nói chuyện với họ theo kiểu như đuổi họ đi vậy.

7. “Bởi vậy, này Ānanda, nếu một Tỳ kheo mong muốn: ‘Mong rằng tôi

chứng nhập và an trú trong sự trống-không ở bên trong’, thì người đó nên ổn-định cái tâm ở bên trong, làm yên-lặng nó, đưa nó đến sự duy-nhất (nhất-điểm) và tập-trung (định) nó. Và theo cách nào người đó ổn-định cái tâm ở bên trong, làm yên-lặng nó, đưa nó đến sự duy-nhất và tập-trung (định) nó?

8. (1) “Ở đây, này Ānanda: “Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) … tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) … tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) … tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả. Đó là cách một Tỳ kheo ổn-định cái tâm ở bên trong, làm yên-lặng nó, đưa nó đến sự duy- nhất và tập-trung (định) nó.

9. (2) “Rồi người đó dành sự chú-tâm tới tánh-không ở bên trong.1152 Trong khi người đó dành sự chú-tâm tới tánh-không ở bên trong, tâm người đó không nhập vào sự trống-không ở bên trong, cũng không đạt được niềm-tin, sự ổn-định, và sự quyết-định. Khi tình trạng như vậy, người đó hiểu rằng: ‘Trong khi ta đang dành sự chú-tâm tới tánh-không ở bên trong, tâm ta không nhập vào sự trống-không ở bên trong, cũng không đạt được niềm-tin, sự ổn-định, và sự quyết-định.’ Theo cách này là người đó có sự rõ-biết hoàn toàn về tình trạng đó. “Người đó dành sự chú-tâm tới tánh-không ở bên ngoài … Người đó dành sự chú-tâm tới tánh-không ở bên trong và bên ngoài … Người đó dành sự chú-tâm tới sự bất-động (sự bất lay động, không còn động chuyển).1153 Trong khi người đó dành sự chú-tâm tới sự bất-động, tâm người đó không nhập vào tánh-không ở bên trong, cũng không đạt được niềm-tin, sự ổn-định, và sự quyết-định. Khi tình trạng như vậy, người đó hiểu rằng: ‘Trong khi ta đang dành sự chú-tâm tới tánh-không ở bên trong, tâm ta không nhập vào tánh-không ở bên trong, cũng không đạt được niềm-tin, sự ổn-định, và sự quyết-định.’ Theo cách này là người đó có sự

rõ-biết hoàn toàn về tình trạng đó.

10. (3) “Rồi Tỳ kheo đó nên ổn-định tâm của mình ở bên trong, làm yên- lặng nó, đưa nó đến sự duy-nhất, và tập-trung (định) nó trên cùng dấu- hiệu của sự định-tâm như trước đó.1154 Rồi người đó dành sự chú-tâm tới tánh-không ở bên trong. Trong khi người đó dành sự chú-tâm tới tánh- không ở bên trong, tâm người đó nhập vào tánh-không ở bên trong và đạt được niềm-tin, sự ổn-định, và sự quyết-định. Khi tình trạng như vậy, người đó hiểu rằng: ‘Trong khi ta đang dành sự chú-tâm tới tánh-không ở bên trong, tâm ta nhập vào tánh-không ở bên trong và đạt được niềm-tin, sự ổn-định, và sự quyết-định.’ Theo cách này là người đó có sự rõ-biết hoàn toàn về tình trạng đó. “Người đó dành sự chú-tâm tới tánh-không ở bên ngoài … Người đó dành sự chú-tâm tới tánh-không ở bên trong và bên ngoài … Người đó dành sự chú-tâm tới sự bất-động, tâm người đó nhập vào sự bất-động và đạt được niềm-tin, sự ổn-định, và sự quyết-định. Khi tình trạng như vậy, người đó hiểu rằng: ‘Trong khi ta đang dành sự chú-tâm tới sự bất-động, tâm ta nhập vào sự bất-động và đạt được niềm-tin, sự ổn-định, và sự quyết-định.’ Theo cách này là người đó có sự rõ-biết hoàn toàn về tình trạng đó.

11. (4) “Khi một Tỳ kheo an trú như vậy, nếu tâm người đó ngã hướng sự đi, thì người đó đi, nghĩ rằng: ‘Trong khi ta đang bước đi như vầy, sẽ không có những trạng thái xấu ác bất thiện như sự thèm-khát (tham) và sự buồn-phiền (ưu) vây bám ta.’ Theo cách

này là người đó có sự rõ-biết về tình trạng đó. Và khi một Tỳ kheo an trú như vậy, nếu tâm người đó ngã hướng sự ngồi, thì người đó ngồi … Nếu tâm người đó ngã hướng sự đứng, thì người đó đứng … Nếu tâm người đó ngã hướng sự nằm, thì người đó nằm, nghĩ rằng: 'Trong khi ta đang nằm như vầy, sẽ không có những trạng thái xấu ác bất thiện như sự thèm-khát (tham) và sự buồn- phiền (ưu) vây bám ta.' Theo cách này là người đó có sự rõ-biết về tình trạng đó.

12. (5) "Khi một Tỳ kheo an trú như vậy, nếu tâm người đó ngã hướng nói chuyện, thì người đó nhất quyết: 'Sự nói chuyện như vầy là thấp nhược, thô tục, thô tế, không thánh thiện, không ích lợi, và nó không dẫn tới sự giác-ngộ và Niết-bàn, đó là: sự nói chuyện về những vua chúa, trộm cướp, quan chức, quân đội, những nguy hiểm, những trận chiến, thức ăn, thức uống, quần áo, giường chiếu, vòng hoa, dầu thơm, họ hàng, xe cộ, làng xóm, thị trấn, thành phố, xứ sở, những phụ nữ, những anh hùng, đường xá, giếng nước, người chết, những thứ lặt vặt, nguồn gốc thế gian, nguồn gốc biển cả, những này là vậy hay những kia là không vậy: sự nói chuyện như vậy ta sẽ không nói.' Theo cách này là người đó có sự rõ-biết hoàn toàn về tình trạng đó. "Nhưng người đó nhất quyết: 'Sự nói chuyện như vầy là về sự thanh- tẩy bản thân, là giúp cho sự buông-bỏ của cái tâm, và nó dẫn tới sự hoàn toàn tỉnh-ngộ [không còn mê-đắm], sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, và Niết-bàn, đó là: sự nói chuyện về sự ít ham-muốn (thiểu dục), về sự biết hài-lòng (tri túc), sự tách-ly (ẩn dật), sự lánh xa nhóm hội, sự phát khởi nỗ-lực (tinh tấn), giới-hạnh, sự định-tâm, trí-tuệ, sự giải-thoát, trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát: sự nói chuyện như vậy ta sẽ nói.' Theo cách này là người đó có sự rõ-biết hoàn toàn về tình trạng đó.

13. (6) "Khi một Tỳ kheo an trú như vậy, nếu tâm người đó ngã hướng sự nghĩ, thì người đó nhất quyết: 'Những ý nghĩ như vầy là thấp nhược, thô tục, thô tế, không thánh thiện, không ích lợi, và nó không dẫn tới sự giác-ngộ và Niết-bàn, đó là: những ý nghĩ về tham-dục, những ý nghĩ về sự ác-ý, những ý nghĩ về sự hung-dữ: những ý nghĩ như vậy ta không nghĩ.' Theo cách này là người đó có sự rõ-biết hoàn toàn về tình trạng đó. "Nhưng người đó nhất quyết: 'Những ý nghĩ như vầy là thánh thiện và mang tính giải thoát, và nó dẫn dắt người tu tu tập đúng theo chúng đi đến sự hoàn toàn diệt-khổ, đó là: những ý nghĩ về sự từ-bỏ (không tham-dục), những ý nghĩ về sự không ác-ý, những ý nghĩ về sự không hung-dữ:

những ý nghĩ như vậy ta sẽ nghĩ.' Theo cách này là người đó có sự rõ-biết hoàn toàn về tình trạng đó.

14. (7) "Này Ānanda, có năm dây khoái-lạc giác quan (dục lạc) này.1155 Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Những âm-thanh được nhận biết bởi tai … Những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … Những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … Những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng

ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Đây là năm dây khoái-lạc giác quan.

15. “Ở đây một Tỳ kheo nên thường trực xem xét lại tâm mình như vầy: ‘Có sự phấn khích nào của tâm liên quan cơ sở nào trong số năm dây khoái-lạc giác quan từng khởi sinh trong ta hay không?’ Nếu, khi xem xét lại tâm mình, một Tỳ kheo hiểu rằng: ‘Có sự phấn khích của tâm liên quan một cơ sở trong số năm dây khoái-lạc giác quan khởi sinh trong ta’, thì người đó hiểu: ‘Tham-muốn và nhục-dục đối với năm dây khoái-lạc giác quan chưa được trừ bỏ trong ta.’ Theo cách này là người đó có sự rõ-biết hoàn toàn về tình trạng đó. Nhưng nếu, khi xem xét lại tâm mình, Tỳ kheo đó hiểu rằng: ‘Không có sự phấn khích nào của tâm liên quan cơ sở nào trong số năm dây khoái-lạc giác quan từng khởi sinh trong ta’, thì người đó hiểu: ‘Tham-muốn và nhục-dục đối với năm dây khoái-lạc giác quan được trừ bỏ trong ta.’ Theo cách này là người đó có sự rõ-biết hoàn toàn về tình trạng đó. (đã diệt tham-dục)

16. “Này Ānanda, có năm uẩn bị [tác động bởi sự] dính-chấp này (năm uẩn chấp thủ, năm thủ uẩn),1156 đối với chúng một Tỳ kheo nên an trú quán sát sự lên và xuống như vầy: ‘Này là thân-sắc, này là sự khởi sinh của thân-sắc, này là sự biến diệt của sắc; này là cảm-giác …. này là nhận- thức …. này là những sự tạo-tác cố ý …. này là thức, này là sự khởi sinh của thức, này là sự biến diệt của thức.’

17. “Khi người đó an trú quán sát sự lên và xuống trong năm uẩn bị

dính-chấp, sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây) dựa trên năm uẩn bị dính-chấp được trừ bỏ trong người đó. Khi tình trạng là vậy, người đó hiểu: ‘Sự tự-ta dựa trên năm uẩn bị dính-chấp được trừ bỏ trong ta.’ Theo cách này là người đó có sự rõ-biết hoàn toàn về tình trạng đó. (đã diệt ngã-mạn)

18. “Những trạng thái này là hoàn toàn thiện lành và có kết quả thiện lành; chúng là thánh thiện, siêu thế, và không thể tiếp cận được bởi Ác Ma.

19. (8) “Này Ānanda, thầy nghĩ sao? Có gì tốt mà một đệ tử thấy rằng mình phải tìm kiếm sự ở-gần (quanh quẩn) Vị Thầy ngay cả khi bị (thầy) đuổi đi?” “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, có sự nương dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

20. “Này Ānanda, một đệ tử không nên tìm kiếm sự ở-gần Vị Thầy chỉ vì để được nghe những bài thuyết giảng, những bài kệ, và những sự giảng giải. Vì sao vậy? Này Ānanda, qua thời gian dài các thầy đã học những giáo lý, đã ghi nhớ chúng, đã tụng đọc chúng bằng miệng, đã xem xét chúng bằng tâm, đã thâm nhập chúng bằng chánh kiến rồi còn gì! Nhưng, riêng sự nói chuyện như vầy là về sự thanh-tẩy bản thân, là giúp cho sự buông-bỏ của cái tâm và nó dẫn tới sự hoàn toàn tỉnh-ngộ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, và Niết-bàn, đó là: sự nói chuyện về sự ít ham-muốn (thiểu dục), về sự biết hài-lòng (tri túc), sự tách-ly (ẩn dật), sự lánh xa nhóm

hội, sự phát khởi nỗ-lực (tinh tấn), giới- hạnh, sự định-tâm, trí-tuệ, sự giải-thoát, trí-biết và tầm-nhìn của sự giải- thoát: vì để nghe những sự nói chuyện như vậy nên một đệ tử mới nên tìm kiếm sự ở-gần Vị Thầy ngay cả khi bị (thầy) đuổi đi.

21. (9) “Chính vì sự như vậy, này Ānanda, nên sự đảo ngược của một người thầy có thể xảy ra, sự đảo ngược của một học trò có thể xảy ra, và sự đảo ngược của một người đang sống đời sống tâm linh (thánh thiêng;

198 • Chương 3

phạm hạnh) có thể xảy ra.1157

22. (i) “Và theo cách nào sự đảo ngược của một người thầy có thể xảy ra? Ở đây có người thầy lánh về một nơi trú ở tách ly (ẩn dật): như trong rừng, dưới gốc cây, trên núi, trong khe núi, trong hang động ngang sườn núi, trong nghĩa địa, trong khu rừng già, chỗ ngoài trời, chỗ đống rơm. Trong khi người đó sống thu mình (lánh lui) như vậy, những bà-la-môn và những gia chủ từ thành thị và thôn quê đến thăm người đó, và kết quả là người đó bị tán lạc, trở nên đầy tham-muốn, quy lụy theo dục-vọng, và quay lại sự sống xa hoa. Người thầy này được nói là đã bị đảo ngược bởi sự đảo ngược của người thầy. Người đó đã bị đánh gục bởi những trạng thái xấu ác bất thiện vốn làm ô nhiễm (cái tâm), đưa đến sự tái hiện-hữu, mang lại rắc rối, chín muồi thành sự khổ đau, và dẫn tới sự ‘sinh, già, chết’ sau đó. Đây là cách sự đảo ngược của một người thầy xảy ra.

23. (ii) “Và theo cách nào sự đảo ngược của một học trò xảy ra? Một học trò của một người thầy, noi gương người thầy lánh về một nơi trú ở tách ly (ẩn dật): như trong rừng … chỗ đống rơm. Trong khi người đó sống thu mình (lánh lui) như vậy, những bà-la-môn và những gia chủ từ thành thị và thôn quê đến thăm người đó, và kết quả là người đó bị tán lạc, trở nên đầy tham-muốn, quy lụy theo dục-vọng, và quay lại sự sống xa hoa. Học trò này được nói là đã bị đảo ngược bởi sự đảo ngược của học trò. Người đó đã bị đánh gục bởi những trạng thái xấu ác bất thiện vốn làm ô nhiễm (cái tâm), đưa đến sự tái hiện-hữu, mang lại rắc rối, chín muồi thành sự khổ đau, và dẫn tới sự ‘sinh, già, chết’ sau đó. Đây là cách sự đảo ngược của một học trò xảy ra.

24. (iii) “Và theo cách nào sự đảo ngược của một người đang sống đời sống tâm linh có thể xảy ra? Ở đây Như Lai xuất hiện trong thế gian, là bậc đã tu thành (A-la-hán) và đã giác-ngộ toàn thiện (toàn giác), đã thành tựu về trí-biết đích thực (chân trí, minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người,

ĐẠI KINH VỀ TÁNH KHÔNG • 199

bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn. Bậc ấy lánh về một nơi trú ở tách ly (ẩn dật): như trong rừng … chỗ đống rơm. Trong khi bậc ấy sống thu mình (lánh lui) như vậy, những bà-la-môn và những gia chủ từ thành thị và thôn quê đến thăm bậc ấy, nhưng bậc ấy không bị tán lạc, không trở nên tham- muốn, không quy lụy theo dục-vọng, và không

quay lại sự sống xa hoa. Nhưng một đệ tử của Vị Thầy noi gương Vị Thầy lánh về một nơi trú ở tách ly (ẩn dật): như trong rừng … chỗ đống rơm. Trong khi người đó sống thu mình (lánh lui) như vậy, những bà-la-môn và những gia chủ từ thành thị và thôn quê đến thăm người đó, và kết quả là người đó bị tán lạc, trở nên đầy tham-muốn, quy lụy theo dục-vọng, và quay lại sự sống xa hoa. Người đệ tử đang sống đời sống tâm linh như vậy được nói là đã bị đảo ngược bởi sự đảo ngược của người đang sống đời sống tâm linh. Người đó đã bị đánh gục bởi những trạng thái xấu ác bất thiện vốn làm ô nhiễm (cái tâm), đưa đến sự tái hiện-hữu, mang lại rắc rối, chín muồi thành sự khổ đau, và dẫn tới sự 'sinh, già, chết' trong tương lai. Đây là cách xảy ra sự đảo ngược của một người đang sống đời sống tâm linh. Và ở đây, này Ānanda, sự đảo ngược của một người đang dẫn dắt đời sống tâm linh có một kết quả đau thương hơn, một kết quả cay đắng hơn, hơn cả sự đảo ngược của một người thầy và sự đảo ngược của một học trò, và nó thậm chí dẫn tới cảnh đọa đày (cõi dưới).1158

25. (10) "Bởi vậy, này Ānanda, các thầy nên cư xử đối với ta bằng sự thân hữu, không bằng sự thù ghét. Điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho các thầy. (i) Và theo cách nào những đệ tử cư xử đối với Vị Thầy bằng sự thù ghét, không bằng sự thân hữu? Ở đây, này Ānanda, vì bi-mẫn và tìm kiếm phúc-lợi cho những đệ tử, nên Vị Thầy đã chỉ dạy Giáo Pháp cho họ vì lòng bi-mẫn: 'Đây là ích lợi của các thầy, đây là hạnh phúc của các thầy.' Những đệ tử của vị thầy không muốn nghe hay để tai lắng nghe hay cố gắng dụng tâm mình để hiểu; họ cứ lầm lỗi và quay lưng khỏi Giáo Pháp của Vị Thầy. Như vậy là cách những đệ tử cư xử đối với Vị Thầy bằng sự thù ghét, không phải bằng sự thân hữu.

26. (ii) "Và theo cách nào những đệ tử cư xử với Vị Thầy bằng sự thân

hữu, không bằng sự thù ghét? Ở đây, này Ānanda, vì bi-mẫn và tìm kiếm phúc-lợi cho những đệ tử, nên Vị Thầy đã chỉ dạy Giáo Pháp cho họ vì lòng bi-mẫn: 'Đây là ích lợi của các thầy, đây là hạnh phúc của các thầy.' Những đệ tử của vị thầy muốn nghe và để tai lắng và cố gắng dụng tâm mình để hiểu; họ không lầm lỗi và không quay lưng khỏi Giáo Pháp của Vị Thầy. Như vậy là cách những đệ tử cư xử đối với Vị Thầy bằng sự thân hữu, không phải bằng sự thù ghét. Điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho các thầy.

27. "Ta sẽ không đối xử với các thầy như người thợ gốm đối xử với đất sét ướt. Sau khi đã tái tục kiềm-chế các thầy, ta sẽ (tiếp tục) nói với các thầy, này Ānanda. Sau khi đã tái tục khuyên-bảo các thầy, ta sẽ (tiếp tục) nói với các thầy, này Ānanda. Lõi cây đã tốt sẽ đứng vững [với thử thách, sự kiểm tra]."1159 Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Ānanda đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

123. KINH KỲ DIỆU VÀ TUYỆT VỜI (Acchariya-abbhūta Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

2. Bấy giờ có một số Tỳ kheo đang ngồi trong hội trường, ở đó họ đã cùng ngồi với nhau sau khi đã đi khất thực trong thành Sāvatthī, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, khi đó sự thảo luận này đã khởi sinh giữa họ: “Thật kỳ diệu, này các đạo hữu, thật tuyệt vời, là cách Như Lai là hùng mạnh và uy lực! Vì Như Lai có thể biết về những vị Phật trong quá khứ—là những người đã Bát-niết-bàn, đã cắt đứt [mớ hỗn độn của] sự phóng-tâm, đã bẻ gãy vòng quay (vòng nhân-duyên), đã chấm dứt vòng luân hồi (vòng sinh tử), và đã chinh phục tất cả sự khổ—rằng đối với những bậc Thế Tôn đó sự-sinh là như vậy, tên của họ là như vậy, họ-tộc của họ là như vậy, đức-hạnh của họ là như vậy, trạng thái [sự định-tâm] của họ là như vậy, trí-tuệ của họ là như vậy, sự an-trú [trong những sự chứng đắc] là như vậy, sự giải-thoát của họ là như vậy.”1160 Sau khi điều này được nói ra, Ngài Ānanda đã nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, những Như Lai là kỳ diệu và có những phẩm-chất tuyệt vời.” Tuy nhiên, sự thảo luận của họ đã bị gián đoạn, bởi vì đức Thế Tôn đã ra khỏi chỗ thiền, đi đến hội trường, và ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, vì sự thảo luận gì mà các thầy đang ngồi cùng với nhau ở đây? Và sự thảo luận của các thầy là gì khi nó bị gián đoạn?” “Ở đây, thưa Thế Tôn, chúng con đã trong hội trường này, chúng con đã gặp nhau sau khi đã đi khất thực trong thành Sāvatthī, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, khi đó sự thảo luận này đã khởi sinh giữa chúng con: ‘Thật kỳ diệu, này các đạo hữu … sự giải-thoát của họ là như vậy.” Sau khi điều này được nói ra, thầy Ānanda đã nói với các

Tỳ kheo: ‘Này các đạo hữu, những Như Lai là kỳ diệu và có những phẩm- chất tuyệt vời.’ Thưa Thế Tôn, đây là sự thảo luận của chúng con đã bị gián đoạn sau khi đức Thế Tôn đã đến.” Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy Ānanda: “Điều đó là như vậy, này Ānanda, hãy giải thích đầy đủ hơn về những phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của Như Lai.”

3. [1] “Thưa Thế Tôn, con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Này Ānanda, có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác) hoàn toàn, vị Bồ-tát xuất hiện trong cõi trời Đâu-suất [Tusita].’1161 Rằng có chánh-niệm và rõ-biết hoàn toàn vị Bồ-tát xuất hiện trong cõi trời Đâu- suất. Con nhớ điều này là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn.

4. [2] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Có chánh-niệm và rõ-biết hoàn toàn, vị Bồ-tát ở lại trong cõi trời Đâu- suất.’ Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn.

5. [3] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Vị Bồ-tát ở lại cõi trời Đâu-suất hết tất cả tuổi thọ ở cõi đó.’ Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn.

6. [4] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Có chánh-niệm và rõ-biết hoàn toàn, vị Bồ-tát qua đời từ cõi trời Đâu- suất và hạ nhập vào thai mẹ (ở cõi người).’ Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế

Tôn.

7. [5] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Sau khi vị Bồ-tát qua đời từ cõi trời Đâu-suất và đã hạ nhập vào thai mẹ (ở cõi người), thì một hào quang lớn vô lượng, vượt trên cả tầm uy hào quang của những trời thần, đã xuất hiện trong thế gian này có những thiên thần, những Ma Vương, và những trời Brahmā (Phạm thiên), trong thế hệ này có những sa-môn và bà-la-môn, những thiên thần và loài người. Và

thậm chí trong những khoảng trống không thăm thẳm nằm giữa những thế giới, u minh và tối mịt, nơi mà ngay cả ánh sáng của Mặt Trăng và Mặt Trời, thật hùng mạnh và uy lực, cũng không chiếu tới được—thì hào quang lớn vô lượng này, vượt trên cả tầm uy hào quang của những trời thần, cũng xuất hiện tới đó.1162 Và những chúng sinh bị tái sinh trong đó đã bất chợt nhận thức được nhau nhờ ánh sáng hào quang đó: “Ôi kìa, không ngờ thực sự cũng có những chúng sinh khác bị tái sinh ở đây!” Và hệ thống mười-ngàn thế giới đã rung động, rúng động, chuyển động mạnh, và tiếp tục xuất hiện hào quang lớn vô lượng, vượt trên cả tầm uy hào quang của những trời thần.’ Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn.

8. [6] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Sau khi vị Bồ-tát đã hạ nhập vào thai mẹ (ở cõi người), bốn thiên thần đã đến hộ vệ Ngài ở bốn hướng để không cho loài người hay loài phi nhân hay bất cứ ai có thể gây hại cho vị Bồ-tát hay mẹ của Ngài.’1163 Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn.

9. [7] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Sau khi vị Bồ-tát đã hạ nhập vào thai mẹ, mẹ Ngài đã tự nhiên trở nên đầy đủ đức-hạnh, kiêng cữ mọi sự [sát-sinh, gian-cắp, tà-dục, nói-dối, và dùng rượu nặng, rượu nhẹ hay những chất độc hại] là căn cơ của sự sống lơ tâm phóng dật.’ Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn.

10. [8] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Sau khi vị Bồ-tát đã hạ nhập vào thai mẹ, không còn ý nghĩ nhục- dục nào khởi sinh trong bà liên quan tới nam giới, và bà trở nên không thể tiếp cận được bởi bất cứ người nào có tâm nhục-dục.’ Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn.

11. [9] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Sau khi vị Bồ-tát đã hạ nhập vào thai mẹ, bà đã đạt được năm dây khoái-lạc giác quan (ngũ dục lạc: lạc cảnh, lạc âm, lạc hương, lạc vị, lạc

xúc), và được phú và được chu cấp với chúng, và bà thụ hưởng với chúng.’ Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn.

12. [10] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Sau khi vị Bồ-tát đã hạ nhập vào thai mẹ, không có sự khổ sở nào khởi sinh trong bà; bà hạnh phúc và không hề bị mỏi mệt về thân. Bà nhìn thấy vị Bồ-tát bên trong bào thai với tứ chi của Ngài, không thiếu căn nào. Giống như có một viên ngọc lưu ly tinh đẹp, tám mặt, được khéo cắt dũa, trong suốt và tinh sạch, có đủ những phẩm chất tốt, và được xỏ qua nó một sợi dây đeo màu xanh, vàng, đỏ, trắng hay nâu. Rồi một người có mắt sáng, cầm lên tay, có lẽ xem xét nó (rõ rệt) như vầy: “Đây là một viên ngọc lưu ly tinh đẹp, tám mặt, được khéo cắt dũa, trong suốt và tinh sạch, có đủ những phẩm chất tốt, và được xỏ qua nó một sợi dây đeo màu xanh, vàng, đỏ, trắng hay nâu.” Cũng giống như vậy, sau khi vị Bồ-tát đã hạ nhập vào thai mẹ … Bà nhìn thấy vị Bồ-tát bên trong bào thai với tứ chi của Ngài, không thiếu căn nào.’ Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn.

13. [11] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Bảy ngày sau khi sinh ra vị Bồ-tát, mẹ Ngài đã chết và tái sinh trong cõi trời Đâu-suất.’1164 Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn.

14. [12] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Những phụ nữ khác sinh con sau khi mang thai từ chín tháng tới mười tháng, nhưng mẹ của vị Bồ-tát thì không như vậy. Bà sinh ra vị Bồ- tát sau khi mang thai chính xác đúng mười tháng.’ Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn.

15. [13] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Những phụ nữ khác sinh còn trong tư thế đang ngồi hay đang nằm, nhưng mẹ của vị Bồ-tát đã sinh Ngài trong tư thế đang đứng.’ Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn.

KINH KỲ DIỆU VÀ TUYỆT VỜI • 205

16. [14] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Sau khi vị Bồ-tát ra khỏi bụng mẹ, trước tiên những thiên thần đã đỡ lấy Ngài, sau đó mới đến những người khác ở đó đỡ lấy.’ Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn.

17. [15] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Sau khi vị Bồ-tát ra khỏi bụng mẹ, Ngài không tiếp xúc mặt đất. Bốn thiên thần đã đỡ lấy ngài và đặt Ngài trước mặt mẹ ngài và nói: “Chúc mừng Hoàng Hậu, một con trai đại uy lực đã được sinh ra cho Hoàng Hậu.”’ Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn.

18. [16] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Sau khi vị Bồ-tát ra khỏi bụng mẹ, Ngài không bị dính dơ, không bị dính nước bẩn, nước nhầy, không bị dính máu hay bất kỳ chất dơ nào; trong sạch và không dính nhiễm. Giống như có một viên ngọc được đặt trong miếng vải Kāsi, thì viên ngọc sẽ không làm dơ miếng vải, và miếng vải cũng không làm dơ viên ngọc. Tại sao vậy? Bởi nhờ sự trong sạch của cả hai. Cũng giống như vậy, khi vị Bồ-tát ra khỏi bụng mẹ … trong sạch và không dính nhiễm.’ Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của

đức Thế Tôn.

19. [17] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Sau khi vị Bồ-tát ra khỏi bụng mẹ, có hai tia nước đã xuất hiện đổ xuống từ trên trời, một tia nóng và một tia ấm, để tắm cho vị Bồ-tát và mẹ của Ngài.’ Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn.

20. [18] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Ngay sau khi vị Bồ-tát được sinh ra, Ngài đã đứng vững chắc bằng hai bàn chân trên nền đất; rồi Ngài bước bảy bước mặt hướng về bắc, và với một chiếc lộng che màu trắng trên đầu, Ngài đã nhìn khắp mỗi phương và thốt ra những lời của một Người Dẫn Dắt Đầu Đàn: “Ta là bậc cao nhất trong thế gian; ta là bậc siêu xuất nhất trong thế gian; ta là bậc đứng đầu

trong thế gian. Đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn sự tái hiện-hữu đối với ta.”’1165 Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn.

21. [19] “Con đã nghe được và học được điều này từ miệng đức Thế Tôn: ‘Sau khi vị Bồ-tát ra khỏi bụng mẹ, thì một hào quang lớn vô lượng vượt trên cả tầm uy hào quang của những trời thần đã xuất hiện trong thế gian này có những thiên thần, những Ma Vương, và những trời Brahmā (Phạm thiên), trong thế hệ này có những sa-môn và bà-la-môn, những thiên thần và loài người. Và thậm chí trong những khoảng trống không thăm thẳm ở giữa (những thế giới), u minh và tối mịt, nơi mà ánh sáng uy lực và hùng mạnh của mặt trăng và mặt trời cũng không chiếu tới được— thì hào quang lớn vô lượng này vượt trên cả tầm uy hào quang của những trời thần cũng xuất hiện ở đó … Con nhớ điều này cũng là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn. (sự kiện thần diệu giống mục 7)

22. “Điều đó là như vậy, này Ānanda, cũng ghi nhớ luôn điều này là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của Như Lai: Ở đây, này Ānanda, đối với Như Lai những cảm-giác (thọ) được biết khi chúng khởi sinh (sinh), khi chúng có mặt (trụ), khi chúng biến mất (diệt); những nhận-thức (tưởng) được biết khi chúng khởi sinh, khi chúng có mặt, khi chúng biến mất; những ý-nghĩ (hành) được biết khi chúng khởi sinh, khi chúng có mặt, khi chúng biến mất.1166 Này Ānanda, hãy nhớ luôn điều này là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của Như Lai.”

23. “Thưa Thế Tôn, bởi vì đối với đức Thế Tôn những cảm-giác (thọ) được biết khi chúng khởi sinh, khi chúng có mặt, khi chúng biến mất; những nhận-thức (tưởng) được biết khi chúng khởi sinh, khi chúng có mặt, khi chúng biến mất; những ý-nghĩ (hành) được biết khi chúng khởi sinh, khi chúng có mặt, khi chúng biến mất—con cũng nhớ điều này là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn.” Đó là lời thầy Ānanda đã nói. Vị Thầy đã chấp thuận. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với những lời của thầy Ānanda.

124. KINH BAKKULA (Bakkula Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc.1167

2. Rồi thầy Acela Ca-diếp (Kassapa), một người bạn thân của thầy Bak- kula trong đời sống tại gia trước kia, đã đến gặp và chào hỏi qua lại với thầy Bakkula. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và hỏi thầy Bakkula:

3. “Này bạn Bakkula, bạn đã xuất gia được bao lâu rồi?” “Này bạn Ca-diếp, đã tám mươi năm kể từ lúc tôi đã xuất gia.” “Này bạn Bakkula, trong tám mươi năm bạn đã bao nhiêu lần bạn quan hệ tính dục?” “Này bạn Ca-diếp, bạn không nên hỏi tôi câu hỏi kiểu như vậy. Thay vì vậy bạn nên hỏi tôi câu hỏi như này: ‘Này bạn Bakkula, trong tám mươi năm đã bao nhiêu lần những nhận-thức về tham-dục đã khởi sinh trong bạn?’” “Này bạn Bakkula, trong tám mươi năm đã bao nhiêu lần những nhận- thức về tham-dục đã khởi sinh trong bạn?” “Này bạn Ca-diếp, trong tám mươi năm từ lúc tôi xuất gia tôi không nhớ có nhận-thức nào về tham-dục đã từng khởi sinh trong tôi.” [Rằng trong tám mươi năm kể từ lúc thầy Bakkula xuất gia, thầy ấy không nhớ có nhận-thức nào về tham-dục đã từng khởi sinh trong thầy ấy—Chúng ta nhớ điều này là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của thầy Bakkula.] 1168

4. –5. “Này bạn Ca-diếp, trong tám mươi năm từ lúc tôi xuất gia tôi không nhớ có nhận-thức nào về sự ác-ý … nhận-thức nào về sự hung-dữ

đã từng khởi sinh trong tôi.” [Rằng trong tám mươi năm kể từ lúc thầy Bakkula xuất gia, thầy ấy không nhớ có nhận-thức nào về sự ác-ý … nhận-thức nào về sự hung-dữ đã từng khởi sinh trong thầy ấy. Chúng ta nhớ điều này là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của thầy Bakkula.]

6. “Này bạn Ca-diếp, trong tám mươi năm từ lúc tôi xuất gia tôi không nhớ có ý-nghĩ nào về tham-dục đã từng khởi sinh trong tôi.” [… Chúng ta nhớ điều này là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của thầy Bakkula.]

7. –8. “Này bạn Ca-diếp, trong tám mươi năm từ lúc tôi xuất gia tôi không nhớ có ý-nghĩ nào về sự ác-ý … ý-nghĩ nào về sự hung-dữ đã từng khởi sinh trong tôi.” [… Chúng ta nhớ điều này là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của thầy Bakkula.]

9. –15. “Này bạn Ca-diếp, trong tám mươi năm từ lúc tôi xuất gia tôi không nhớ mình có lần đã từng nhận lấy một y-phục từ một người tại gia1169 … đã từng mặc y-phục được cúng dường bởi một người tại gia … đã từng cắt y-phục bằng kéo cắt … đã từng may một y-phục bằng kim chỉ … đã từng nhuộm y-phục bằng thuốc nhuộm … đã từng may y-phục mới trong thời gian lễ kaṭhina (lễ dâng y) … đã từng làm việc may y-phục cho những người đồng đạo của tôi trong đời sống tâm linh.” [… Chúng ta nhớ điều này là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của thầy Bakkula.]

16. –19. “Này bạn Ca-diếp, trong tám mươi năm từ lúc tôi xuất gia tôi không nhớ mình có lần đã từng nhận một lời mời đến dùng cơm từ ai … đã từng làm khởi sinh ý-nghĩ: ‘Ôi mong có ai mời mình đến dùng cơm!’ … đã từng ngồi lại trong một nhà nào … đã từng ăn trong một nhà nào. [… Chúng ta nhớ điều này là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của

thầy Bakkula.]

20. –25. “Này bạn Ca-diếp, trong tám mươi năm từ lúc tôi xuất gia tôi không nhớ mình đã từng nắm giữ những dấu-hiệu và đặc-điểm (tướng và nét; tướng chung và tướng riêng) của một phụ nữ … đã từng chỉ dạy Giáo Pháp cho một phụ nữ, dù chỉ là một bài kệ bốn hàng … đã từng chỉ dạy Giáo Pháp cho một nữ sa-di.” [… Chúng ta nhớ điều này là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của thầy Bakkula.]

26. –29. “Này bạn Ca-diếp, trong tám mươi năm từ lúc tôi xuất gia tôi không nhớ mình đã từng ban sự xuất gia (giới sa-di) cho ai … đã từng ban sự thụ-giới toàn bộ (đại thọ giới) cho ai … đã từng ban sự nhờ-dựa (làm y chỉ sư) cho ai … đã từng có một sa-di nào hầu cận mình.” [… Chúng ta nhớ điều này là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của thầy Bakkula.]

30. –37. “Này bạn Ca-diếp, trong tám mươi năm từ lúc tôi xuất gia tôi không nhớ mình đã từng tắm rửa trong một nhà tắm nào … đã từng tắm rửa bằng bột tắm … đã từng đảm nhận công việc xoa bóp chân tay cho những người đồng đạo của mình trong đời sống tâm linh … đã từng có sự đau đớn nào khởi sinh trong tôi lâu hơn thời gian một cái bóp tay vắt sữa bò … đã từng phải mang theo thuốc thang theo mình, dù chỉ là một mảnh hạt mật … đã từng dùng gối dài gối ôm … đã từng làm đẹp giường chiếu … đã từng nhập kỳ An cư Mùa Mưa trong một nơi trú-ở (tịnh xá) bên trong thôn làng.” [… Chúng ta nhớ điều này là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của thầy Bakkula.]

38. “Này bạn Ca-diếp, trong bảy ngày sau ngày xuất gia tôi đã ăn thức ăn cúng dường của xứ sở như một con nợ (đối với thí chủ; vì chưa tu thành được gì); đến ngày thứ tám thì trí-biết cuối cùng (thánh quả A-la- hán) đã khởi sinh.”1170

[Rằng trong bảy ngày sau ngày xuất gia thầy Bakkula đã ăn thức ăn cúng dường của xứ sở như một con nợ, và đến ngày thứ tám thì trí-biết cuối cùng (thánh quả A-la-hán) đã khởi sinh—Chúng ta cũng nhớ điều này là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của thầy Bakkula.]

39. [Rồi ông Acela Ca-diếp đã nói:] “Tôi muốn nhận giới xuất gia (giới sa-di) trong Giáo Pháp và Giới Luật này; tôi muốn nhận toàn-bộ giới (đại thọ giới).” Và ông Acela Ca-diếp đã thụ nhận giới xuất gia trong Giáo Pháp và Giới Luật này; ông ta cũng thụ nhận toàn-bộ giới.1171 Và không lâu sau khi thầy Acela Ca-diếp đã thụ toàn-bộ giới (đại thọ giới): sống tu một mình, lui về (thu mình), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, thầy Ca-diếp, bằng sự tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, đã chứng nhập và an trú

trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh mà vì mục-tiêu đó những người hộ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy đã trực-tiếp biết: 'Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa." Và thầy Ca-diếp này đã thành một trong những vị A-la-hán.

40. Rồi, trong một lần sau đó, thầy Bakkula đã cầm theo chìa khóa và đi đến từng chỗ trú, và nói rằng: "Hãy ra đây, này quý thầy, hãy ra đây. Hôm nay tôi sẽ bát-Niết-bàn (Niết-bàn cuối cùng)." [Rằng thầy Bakkula đã cầm theo chìa khóa và đi đến từng chỗ trú, và nói rằng: "Hãy ra khỏi, này quý thầy, hãy ra khỏi. Hôm nay tôi sẽ bát-Niết-bàn"—Chúng ta cũng nhớ điều này là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của thầy Bakkula.]

41. Rồi, khi đang ngồi giữa Tăng Đoàn những Tỳ kheo, thầy Bakkula đã Bát-niết-bàn.1172 [Rằng khi đang ngồi giữa Tăng Đoàn những Tỳ kheo, thầy Bakkula đã chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng—Chúng ta nhớ điều này là một phẩm-chất kỳ diệu và tuyệt vời của thầy Bakkula.] 1173

125. KINH NHỮNG CẤP ĐỘ THUẦN PHỤC (Dantabhūmi Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc.

2. Bấy giờ, vào lúc đó có sa-di Aciravata đang sống trong chòi (cốc) trong rừng. Lúc đó có Hoàng tử Jayasena, khi đang đi dạo mát trong đó, đã đến gặp và chào hỏi qua lại với sa-di Aciravata.1174 Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, hoàng tử ngồi xuống một bên và nói với sa-di Aciravata: "Thầy Aggivessana, tôi có nghe rằng một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định thì có thể đạt được sự hợp-nhất của tâm." "Đúng vậy, này hoàng tử. Một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định thì có thể đạt được sự hợp-nhất của tâm."

3. "Sẽ tốt lành nếu Thầy Aggivessana chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp mà thầy đã nghe và đã nắm vững nó."

4. "Này hoàng tử, tôi không thể chỉ dạy cho ngài Giáo Pháp như tôi đã nghe và nắm vững nó. Bởi vì nếu tôi chỉ dạy cho hoàng tử Giáo Pháp như tôi đã nghe và nắm vững nó thì hoàng tử sẽ không hiểu ý nghĩa lời tôi nói, và điều đó sẽ gây mỏi mệt và phiền phức cho tôi." "Thầy Aggivessana hãy chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp mà thầy đã nghe và nắm vững nó. Có lẽ tôi sẽ hiểu được ý nghĩa lời thầy nói." "Này hoàng tử, tôi sẽ chỉ dạy cho ngài Giáo Pháp mà tôi đã nghe và nắm vững nó. Nếu ngài có thể hiểu lời tôi nói, điều đó sẽ tốt. Những nếu ngài không hiểu ý nghĩa, thì cứ để yên ở đó và đừng hỏi tôi thêm về nó." "Vậy Thầy Aggivessana hãy chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp mà thầy đã nghe và nắm vững nó. Nếu tôi hiểu được ý nghĩa lời thầy nói, điều đó sẽ tốt. Nhưng nếu tôi không hiểu ý nghĩa, thì tôi để yên ở đó và không hỏi

thầy thêm về nó."

5. Rồi sa-di Aciravata đã chỉ dạy cho Hoàng tử Jayasena Giáo Pháp mà thầy đã nghe và nắm vững nó. Sau khi thầy ấy nói xong, Hoàng tử Jay- asena đã nhận xét: “Không thể nào, này Thầy Aggivessana, không thể xảy ra chuyện một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định có thể đạt được sự hợp-nhất của tâm.” Rồi, sau khi đã tuyên bố với sa-di Aci- ravata điều đó, Hoàng tử Jayasena đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi khỏi.

6. Ngay sau khi Hoàng tử Jayasena đã đi, sa-di Aciravata đã đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, thầy kể lại toàn bộ cuộc nói chuyện với Hoàng tử Jayasena. Sau khi thầy ấy kể xong, đức Thế Tôn đã nói:

7. “Này Aggivessana, đâu thể nào có chuyện rằng Hoàng tử Jayasena, đang sống giữa những dục-lạc, thụ hưởng dục-lạc, đang bị nhai nuốt bởi những ý-nghĩ về dục-lạc, đang bị tiêu hao bởi sự sốt-não về dục-lạc, bị uốn theo sự tìm kiếm dục-lạc, mà có thể biết, thấy, hay chứng ngộ được ‘điều chỉ được biết thông qua sự từ-bỏ, được đạt tới thông qua sự từ-bỏ, được chứng ngộ thông qua sự từ-bỏ’. Điều đó là không thể!

8. “Này Aggivessana, ví dụ1175 (a) có hai con voi [hay hai con ngựa hay hai con bò] có thể được thuần phục (và) đã được thuần hóa tốt và được kỷ cương tốt, và (b) có hai con voi có thể được thuần phục (nhưng) đã không được thuần hóa và không được kỷ cương. Thầy nghĩ sao, này Aggivessa- na? Hai con voi (a) có thể được thuần phục (và) đã được thuần hóa tốt và được kỷ cương (huấn luyện) tốt là (coi như) đã được thuần hóa, đã đạt được cách hành xử của những con vật đã được thuần hóa, chúng đã đạt tới phẩm cấp của những con vật đã được thuần hóa, đúng không?” “Dạ đúng, thưa Thế Tôn.” “Còn hai con voi (b) có thể được thuần phục (nhưng) đã không được thuần hóa và không được kỷ cương là (coi như) đã được thuần hóa, đã đạt được cách hành xử của những con vật đã được thuần hóa, chúng đã đạt tới

phẩm cấp của những con vật đã được thuần hóa, đúng không?” “Dạ không, thưa Thế Tôn.” “Cũng giống như vậy, này Aggivessana, đâu thể nào có chuyện rằng Hoàng tử Jayasena đang sống giữa những dục-lạc … mà có thể biết, thấy, hay chứng ngộ được ‘điều chỉ được biết thông qua sự từ-bỏ, được đạt tới thông qua sự từ-bỏ, được chứng ngộ thông qua sự từ-bỏ’. Điều đó là không thể!

9. “Này Aggivessana, ví dụ có một núi cao không xa khu làng [hay thị trấn], và hai người bạn rời khỏi làng để cùng nhau đến chỗ núi cao. Sau khi tới đó, một người A còn đứng dưới chân núi trong khi người B đã leo lên đỉnh núi. Rồi người A còn đứng dưới chân núi nói với người B trên đỉnh núi: ‘Này bạn, khi đứng trên đỉnh núi anh thấy được gì?’ Và người B trả lời: ‘Này bạn, khi đứng trên đỉnh núi tôi nhìn thấy những công viên đẹp mắt, những vườn cây đẹp mắt, những đồng cỏ đẹp mắt, và những ao hồ đẹp mắt.’ Rồi người A ở dưới nói: ‘Không thể nào, này bạn, không thể nào khi đang đứng trên đỉnh núi mà có thể nhìn thấy những công viên đẹp … những ao hồ đẹp mắt.’ “Rồi người B trên đỉnh mới đi xuống chân núi, nắm lấy tay bạn, giúp bạn leo lên được đỉnh núi. Sau một chốc để anh ta lấy lại hơi thở, người B mới hỏi: ‘Rồi, này bạn, giờ khi đang đứng trên đỉnh núi anh thấy được gì?’ Và người A trả lời: ‘Này bạn, khi đứng trên đỉnh

núi tôi nhìn thấy những công viên đẹp mắt … những ao hồ đẹp mắt.' Rồi người B mới nói: 'Này bạn, sao lúc nảy tôi nghe anh nói: "Không thể nào khi đang đứng trên đỉnh núi mà có thể nhìn thấy những công viên đẹp mắt … những ao hồ đẹp mắt"; mà giờ lại nghe anh nói: "Khi đứng trên đỉnh núi tôi nhìn thấy những công viên đẹp mắt … những ao hồ đẹp mắt"?' Rồi người A trả lời: 'Này bạn, do lúc nảy còn đứng dưới tôi bị che cản bởi núi cao này nên tôi không nhìn thấy những cảnh này đúng có để được nhìn thấy.'

10. "Cũng giống như vậy, này Aggivessana, Hoàng tử Jayasena bị che cản, bị cản trở, bị ngăn cản, và bị bao bọc bởi một đống còn lớn hơn đống

núi này—đó là đống vô-minh. Như vậy, đâu thể nào có chuyện rằng Hoàng tử Jayasena đang sống giữa những dục-lạc … mà có thể biết, thấy, hay chứng ngộ được 'điều chỉ được biết thông qua sự từ-bỏ, được đạt tới thông qua sự từ-bỏ, được chứng ngộ thông qua sự từ-bỏ'."

11. "Này Aggivessana, nếu hai ví dụ này đã xảy đến với thầy [để nói] cho Hoàng tử Jayasena, thì hoàng tử sẽ tự phát có được niềm-tin vào thầy, và sau khi đã tin tưởng, hoàng tử sẽ thể hiện niềm-tin đối với thầy." "Thưa Thế Tôn, làm sao hai ví dụ này có thể đã xảy đến với con [để nói] cho Hoàng tử Jayasena khi chúng đã xảy đến với đức Thế Tôn, vì chúng là tự phát (tự nhiên có) và chưa từng được nghe trước đây?

12. "Này Aggivessana, ví dụ có một vị vua thánh thiện được phong vương [được xức dầu trên đầu] nói với người sưu tầm voi rừng của ông như vầy: 'Này người tầm voi rừng, hãy leo lên voi của nhà vua, đi vô rừng voi, và khi nào anh nhìn thấy một con voi rừng, hãy cột nó vào cổ của con voi của nhà vua.' Người tầm voi rừng đáp lại "Dạ, thưa đức vua", anh ta leo lên con voi của nhà vua và đi vô rừng, và khi nhìn thấy một con voi rừng, anh cột nó vào cổ của con voi của nhà vua. Rồi con voi của nhà vua dẫn nó ra khỏi rừng dày tới chỗ trống rộng. Theo cách như vậy con voi rừng mới đi ra khỏi rừng dày tới chỗ trống rộng; bởi vì trước giờ nó gắn bó (dính chấp) với/trong khu rừng. "Rồi người tầm voi rừng bẩm báo với vị vua thánh thiện đã được phong vương: 'Thưa đức vua, con voi rừng đã ra khỏi rừng dày tới chỗ trống rộng.' Nhà vua nói với người tầm voi rừng như vầy: 'Này người tầm voi rừng, anh hãy huấn luyện con voi rừng đó. Điều phục những thói quen trong rừng của nó, điều phục những ký ức và những ý định của nó, điều phục sự khổ sở, sự mệt mỏi, và sự sốt não vì lý do nó mới rời xa rừng. Hãy làm cho nó thích thú nơi thành thị, khắc sâu vào nó những thói quen dễ chịu (phù hợp, hiền hòa) đối với con người.' Người tầm voi rừng đáp lại "Dạ, thưa đức vua", rồi người đó trồng một cây cột lớn dưới đất và cột cổ con voi rừng vào đó để điều phục những thói quen trong rừng của nó

… và khắc sâu vào nó những thói quen dễ chịu đối với con người. "Rồi người tầm voi rừng nói với con voi rừng bằng những lời nói 'nhẹ nhàng, dễ nghe và thân mến, như đi vào lòng; như lời nói lễ độ, được nhiều người muốn nghe, và được nhiều người hài lòng'. Khi con voi rừng được nói bằng những lời nói như vậy, nó sẽ 'lắng nghe, để tai

lắng nghe, và dụng tâm mình để hiểu'. Rồi kế đến người tầm voi rừng sẽ thưởng cho nó cỏ ăn và nước uống. Sau khi con voi rừng chấp nhận cỏ ăn và nước uống, người huấn luyện voi biết: 'Giờ con voi của nhà vua sẽ sống!' (tức giờ nó trở thành một con voi của nhà vua; chịu sống xa rừng, được thuần hóa) "Rồi người tầm voi rừng tiếp tục huấn luyện (kỷ cương) nó thêm như vầy: 'Mang lên, để xuống!' (i) Sau khi con voi (mới) của nhà vua nghe theo những mệnh lệnh của người huấn luyện như mang lên và đặt xuống, và thực hiện những chỉ dẫn của người huấn luyện, thì anh ta tiếp tục huấn luyện nó thêm như vầy: 'Đi tới, đi lại!' (ii) Sau khi con voi (mới) của nhà vua nghe theo những mệnh lệnh của người huấn luyện như đi tới và đi lại, và thực hiện những chỉ dẫn của người huấn luyện, thì anh ta tiếp tục huấn luyện nó thêm như vầy: 'Đứng lên, ngồi xuống!' (iii) Sau khi con voi (mới) của nhà vua nghe theo những mệnh lệnh của người huấn luyện như đứng lên và ngồi xuống, thì anh ta tiếp tục huấn luyện nó thêm trong bài tập được gọi là 'sự bất-động' (bất lay động, không còn động chuyển). Anh ta cột một tấm ván khổng lồ vào thân nó; một người cầm cây giáo nhọn ngồi trên cổ nó; những người khác cầm giáo nhọn đứng bao sát mọi phía của nó; và người huấn luyện cũng cầm cây giáo nhọn dài đứng trước mặt nó. Khi con voi đã được huấn luyện trong bài tập sự bất-động, nó không cử động chân trước hay chân sau; nó không cử động phần thân trước hay phần thân sau; nó không cử động đầu, tai, ngà, đuôi, hay thân mình. Con voi của nhà vua giờ có khả năng chịu đựng những cú đánh từ giáo mác, từ gươm kiếm, từ cung tên, từ những chúng sinh khác, và những âm thanh chát chúa từ trống trận, từ trống thiếc, từ kèn trận, trống cơm. Sau khi đã loại bỏ tất cả những tật xấu và khuyết điểm, tẩy sạch những sự ố nhiễm,

nó xứng đáng là của nhà vua, xứng đáng phục sự cho nhà vua, được coi là một yếu tố của vương triều.

13.–14. "Cũng giống như vậy, này Aggivessana, một Như Lai xuất hiện trong thế gian là bậc A-la-hán [đã tu thành], bậc Toàn-Giác [đã giác-ngộ toàn thiện] … [tiếp tục như kinh MN 51, mục 12–13] … người đó cạo bỏ râu tóc, khoát y cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Chính theo cách này là một đệ tử thánh thiện đã 'thoát ra tới chỗ trống rộng'; bởi vì trước giờ những thiên thần và loài người gắn bó (dính chấp) với/trong năm dây dục-lạc.

15. [1] "Rồi Như Lai kỷ cương (huấn luyện) người đó như vầy: 'Này Tỳ kheo, hãy có giới-hạnh, được kiềm chế bởi sự kiềm-chế của Pātimokkha [Giới Bổn Tỳ Kheo], được hoàn thiện về đức-hạnh và nơi nương-tựa, và nhìn thấy sự nguy-hại trong từng tội lỗi nhỏ nhất, tu tập bằng cách đảm nhận những giới-luật tu hành.' (giống mục 3 [1] kinh MN 107)

16. [2] "Này Aggivessana, sau khi người thánh đệ tử đó có giới-hạnh … và nhìn thấy sự nguy-hại trong từng tội lỗi nhỏ nhất, tu tập bằng cách đảm nhận những giới-luật tu hành, thì Như Lai kỷ cương người đó thêm nữa như vầy: 'Này Tỳ kheo, hãy phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận. Khi nhìn thấy những hình-sắc bằng mắt, đừng nắm giữ

những dấu-hiệu và đặc-điểm (tướng và nét) của nó. Bởi vì, nếu thầy để cho căn mắt không được phòng hộ, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như sự thèm-muốn (tham) và sự phiền-bực (ưu) xâm chiếm (tâm) thầy; hãy tu tập cách kiềm chế nó, phòng hộ căn mắt, đảm nhận sự kiềm-chế căn mắt. Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi … Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … Khi tiếp xúc một thứ hữu-hình chạm xúc bằng thân … Khi nhận biết một đối-tượng của tâm bằng tâm, đừng nắm giữ những dấu-hiệu và đặc-điểm của nó. Bởi vì, nếu thầy để cho căn tâm không được phòng hộ, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như sự thèm-muốn (tham) và sự phiền-bực (ưu) xâm chiếm (tâm) thầy; hãy tu tập

cách kiềm chế nó, phòng hộ căn tâm, đảm nhận sự kiềm-chế căn tâm.’ (giống mục 4 [2] kinh MN 107)

17. [3] “Này Aggivessana, sau khi người thánh đệ tử đó phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận, thì Như Lai kỷ cương người đó thêm nữa như vầy: ‘Này Tỳ kheo, hãy tiết độ trong ăn uống. Sau khi suy xét một cách khôn khéo, thầy nên sử dụng thức-ăn : (i) không phải để khoái thích hay giải trí; (ii) không phải để say sưa, (iii) không phải để có sắc đẹp hay để làm thân thể hấp dẫn— mà (iv) (cho mục đích) chỉ để giúp duy trì và liên tục thân này, (v) để kết thúc sự khó chịu (khi đói), và (vi) để trợ giúp đời sống tâm linh (nuôi thân để tu); tâm niệm rằng: ‘Bằng cách như vậy tôi kết thúc cái cảm-giác (đói, khát, yếu, đuối) đã có trước đó, và không tạo ra cảm-giác mới. Và tôi sẽ được khỏe mạnh, và không bị chê trách [không tội lỗi] (vì ăn uống thiếu chánh niệm), và sống được an ổn.’” (giống mục 5 [3] kinh MN 107)

18. [4] “Này Aggivessana, sau khi người thánh đệ tử đó giữ tiết độ trong ăn uống, thì Như Lai kỷ cương người đó thêm nữa như vầy: ‘Này Tỳ kheo, hãy hết mình vì sự tỉnh-thức. Trong ban ngày, khi đang đi tới hay đang đi lại hay đang ngồi, thầy thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại. Trong canh đầu (canh một) của đêm, khi đang đi tới hay đang đi lại hay đang ngồi, thầy thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại. Trong canh giữa (canh hai) thầy nằm xuống nghiêng bên phải trong tư thế sư tử nằm với chân trái đặt trùng lên chân phải, có chánh-niệm và rõ-biết, sau khi để ý trong tâm về thời điểm thức dậy. Sau khi thức dậy, trong canh ba của đêm, khi đang đi tới hay đang đi lại hay đang ngồi, thầy thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại.’ (giống mục 6 [4] kinh MN 107)

19. [5] “Này Aggivessana, sau khi người thánh đệ tử đó hết mình vì sự tỉnh-thức, Như Lai kỷ cương người đó thêm nữa như vầy: ‘Này Tỳ kheo, hãy có được sự chánh-niệm và sự rõ-biết hoàn toàn (tỉnh giác, thường biết). Hãy hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang đi tới hay đang đi

lại; hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang nhìn thẳng hay đang nhìn ngang … khi đang co hay đang duỗi chân tay … khi đang mặc đồ và khi đang mang theo cà sa và bình bát … khi đang ăn, đang uống, đang nhai thức ăn, và đang nếm … khi đang tiểu

tiện và đang đại tiện … đang bước đi, đang đứng, đang ngồi, đang nằm ngủ, đang thức dậy, đang nói, và đang giữ im lặng.’ (như mục 7 [5] kinh MN 107)

20. [6] “Này Aggivessana, sau khi người thánh đệ tử đó có được sự chánh-niệm và sự rõ-biết, thì Như Lai kỷ cương người đó thêm nữa như vầy: ‘Này Tỳ kheo, hãy lui về một nơi trú ở tách-ly (ẩn dật) như: ở trong rừng, dưới gốc cây, trên núi, khe núi, hang động bên sườn núi, khóm rừng rậm, chỗ hoang trống, chỗ đống rơm.’ (như mục 8 [6] kinh MN 107)

21. [7] “Người thánh đệ tử đó lui về một nơi trú ở tách-ly … chỗ đống rơm. Sau khi đi khất thực về, sau khi ăn trưa, người đó ngồi xuống, xếp hai chân chéo nhau, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Dẹp bỏ (i) sự thèm-muốn (tham) đối với thế giới, người đó an trú với một cái tâm không còn thèm-muốn (vô tham); người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự thèm-muốn. “Sau khi đã dẹp bỏ (ii) sự ác-ý và sân-giận (sân) người đó an trú với một cái tâm không còn ác-ý (vô sân), tha thương bi-mẫn vì phúc lợi của tất cả chúng sinh; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự ác-ý và sân-giận. “Sau khi đã dẹp bỏ (iii) sự đờ-đẫn và buồn-ngủ người đó an trú không còn sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, nhận thức về ánh-sáng, có chánh-niệm và rõ-biết; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ. “Sau khi đã dẹp bỏ (iv) sự bất-an và hối-tiếc người đó an trú không còn sự động vọng, với một cái tâm bình an hướng vào bên trong; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự bất-an và hối-tiếc. “Sau khi đã dẹp bỏ (v) sự nghi-ngờ, người đó an trú sau khi đã vượt qua sự nghi-ngờ, không còn rối bối rối về những trạng thái bất thiện; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự nghi-ngờ. (như mục 9 [7] kinh MN

KINH NHỮNG CẤP ĐỘ THUẦN PHỤC • 219

107)

22. [8] “Sau khi đã dẹp bỏ năm chướng-ngại như vậy, đó là những ô- nhiễm làm suy yếu trí-tuệ: người đó an trú quán sát THÂN trong thân, nhiệt thành, có chánh-niệm và rõ-biết, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác … tâm trong tâm … những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.1176

23. “Này Aggivessana, giống như một người huấn luyện voi trồng một cây cột lớn dưới đất và cột cổ con voi rừng vào đó để điều phục những thói quen trong rừng của nó … và khắc sâu vào nó những thói quen dễ chịu đối với con người. “Cũng giống như vậy, ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này là những sự trói-cột đối với cái tâm của người thánh đệ tử để điều phục những thói- quen (tập khí, thói tâm) của người đó có từ [dựa trên, theo lối, theo thói] đời sống tại gia, để điều phục những ký ức và những ý định của người đó có từ đời sống tại gia, để điều phục sự khổ sở, sự mệt mỏi, và sự sốt não của người đó có từ đời sống tại gia, và để cho người đó có thể đạt tới phương-cách đích thực và chứng ngộ Niết-bàn.

24. [9] “Rồi Như Lai kỷ cương người đó thêm nữa như vầy: ‘Này Tỳ kheo, hãy an trú quán sát thân trong thân, nhưng đừng nghĩ những ý-nghĩ tham-dục. Hãy an trú quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác … tâm trong tâm … những giáo pháp trong những giáo pháp, nhưng đừng nghĩ những ý-nghĩ tham-dục.’1177

25. “Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) … tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) … tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền).

26.–29. [10] “Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định,

được thanh lọc tinh khiết … [Tiếp tục giống MN 51, mục 24–27] … Người đó hiểu: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’

30. [11] “Tỳ kheo đó có khả năng chịu đựng được (i) nóng lạnh, đói khát, (ii) sự tiếp xúc với ruồi muỗi, gió nắng, và (iii) những loài bò sát; người đó có khả năng chịu đựng được (iv) những lời độc ác, những lời xua đuổi và (v) những cảm-giác ở thân đã khởi sinh là đau đớn, đau buốt, kịch liệt, nhức nhối, thảm khốc, thống khổ, phá hoại sức sống của mình. Sau khi đã loại bỏ hết tất cả tham, sân, si, tẩy sạch những sự ố-nhiễm, người đó là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất (phước điền vô thượng) trong thế gian.

31. “Này Aggivessana, nếu con voi của nhà vua già tuổi chết mà không được thuần hóa và kỷ cương, thì nó được coi là một con voi già tuổi đã chết một cái chết không được thuần hóa. Nếu con voi của nhà vua trung tuổi chết mà không được thuần hóa và kỷ cương, thì nó được coi là một con voi trung tuổi đã chết một cái chết không được thuần hóa. Nếu con voi của nhà vua ít tuổi chết mà không được thuần hóa và kỷ cương, thì nó được coi là một con voi ít tuổi đã chết một cái chết không được thuần hóa. “Cũng giống như vậy, này Aggivessana, nếu một Tỳ kheo thâm niên chết với những ô-nhiễm của người đó chưa được tiêu diệt, thì nó được coi là một Tỳ kheo già tuổi đã chết một cái chết không được thuần hóa. Nếu một Tỳ kheo trung niên chết với những ô-nhiễm của người đó chưa được tiêu diệt, thì nó được coi là một Tỳ kheo trung niên đã chết một cái chết không được thuần hóa. Nếu một Tỳ kheo thiếu niên [mới thụ giới, ít tuổi hạ] chết với những ô-nhiễm của người đó chưa được tiêu diệt, thì nó được coi là một Tỳ kheo thiếu niên đã chết một cái chết không được thuần hóa.

32. “Này Aggivessana, nếu con voi của nhà vua già tuổi chết sau khi

đã được thuần hóa và kỷ cương, thì nó được coi là một con voi già tuổi đã chết một cái chết được thuần hóa. Nếu con voi của nhà vua trung tuổi chết sau khi đã được thuần hóa và kỷ cương, thì nó được coi là một con voi trung tuổi đã chết một cái chết được thuần hóa. Nếu con voi của nhà vua ít tuổi chết sau khi đã được thuần hóa và kỷ

cương, thì nó được coi là một con voi ít tuổi đã chết một cái chết được thuần hóa. “Cũng giống như vậy, này Aggivessana, nếu một Tỳ kheo thâm niên chết với những ô-nhiễm của người đó đã được tiêu diệt, thì nó được coi là một Tỳ kheo trưởng lão đã chết một cái chết được thuần hóa. Nếu một Tỳ kheo trung niên chết với những ô-nhiễm của người đó đã được tiêu diệt, thì nó được coi là một Tỳ kheo trung niên đã chết một cái chết được thuần hóa. Nếu một Tỳ kheo thiếu niên [mới thụ giới, ít tuổi hạ] chết với những ô-nhiễm của người đó đã được tiêu diệt, thì nó được coi là một Tỳ kheo thiếu niên đã chết một cái chết được thuần hóa. Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Sa-di Aciravata đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

126. KINH BHŪMIJA (Bhūmija Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc

2. Rồi, vào buổi sáng, Ngài Bhūmija mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến nhà của Hoàng tử Jayasena, và ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn.1178

3. Rồi Hoàng tử Jayasena ra gặp thầy Bhūmija và chào hỏi qua lại với thầy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, hoàng tử ngồi xuống một bên, và nói với thầy Bhūmija: “Thầy Bhūmija, có những sa-môn và bà-la- môn khẳng định những điều này và nắm giữ những quan-điểm như vầy: ‘Một người dẫn dắt đời sống tâm linh (thánh thiêng; phạm hạnh) vẫn không khả năng đạt được quả gì, cho dù người đó có ước nguyện, hay không có ước nguyện, hay vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hay không có ước nguyện cũng không phải không có ước nguyện.1179 Vị Thầy của thầy Bhūmija (tức Phật) nói sao về điều này, Vị Thầy của thầy Bhūmija đã tuyên bố gì?”

4. “Này hoàng tử, tôi đã không nghe được và học được từ chính miệng của đức Thế Tôn. Nhưng có thể đức Thế Tôn sẽ nói như vầy: ‘Nếu một người dẫn dắt đời sống tâm linh một cách không khôn khéo (không chính đáng, không có trí) thì người đó sẽ không đạt được quả gì, cho dù người đó có ước nguyện, hay không có ước nguyện, hay vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hay không có ước nguyện cũng không phải không có ước nguyện. Tuy nhiên, nếu một người dẫn dắt đời sống tâm linh một cách khôn khéo thì người đó sẽ có khả năng được đạo quả, cho dù người đó có ước nguyện, hay không có ước nguyện, hay vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hay không có ước nguyện cũng không phải không có ước nguyện.’ Này hoàng tử, tôi đã không nghe được và học được từ

chính miệng của đức Thế Tôn, nhưng có thể đức Thế Tôn sẽ trả lời như tôi mới nói.”

5. “Nếu Vị Thầy của thầy Bhūmija nói như vậy, nếu vị ấy tuyên bố như vậy, thì dường như chắc chắc Vị Thầy của thầy là đứng đầu trong tất cả những sa-môn và bà-la-môn bình thường.”

6. Rồi Hoàng tử Jayasena đã tự tay mình cầm dĩa cơm sữa để múc đãi thầy Bhūmija.

7. Rồi, sau khi thầy Bhūmija đã đi khất thực sau bữa ăn trưa, thầy ấy đã đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi kính lễ, thầy ấy ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn chuyện đã xảy ra, và nói thêm: "Thưa Thế Tôn, con hy vọng rằng khi được hỏi như vậy và con đã trả lời như vậy là con đã nói điều đã được nói bởi đức Thế Tôn và không diễn dịch sai lời của đức Thế Tôn bằng điều gì trái với sự thật (điều đức Thế Tôn đã nói). Con hy vọng con đã giải thích đúng theo Giáo Pháp theo cách không tạo cơ sở có lý nào để bị (người khác) chỉ trích."

8. "Chắc chắn là vậy, này Bhūmija, khi thầy được hỏi như vậy và thầy đã trả lời như vậy là thầy đã nói điều đã được nói bởi ta và không diễn dịch sai lời của ta bằng điều gì trái với sự thật. Thầy đã giải thích đúng theo Giáo Pháp theo cách không tạo cơ sở có lý nào để bị (người khác) chỉ trích."

9. (I) "Những sa-môn và bà-la-môn nào có quan-điểm sai lạc, ý-định sai trái, lời-nói sai trái, hành-động sai trái, sự mưu-sinh sai trái, sự nỗ-lực sai trái, và sự chú-tâm sai trái, và sự định-tâm sai trái (tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà niệm, và tà định), thì người đó sẽ không đạt được quả gì, cho dù người đó có ước nguyện, hay không có ước nguyện … Bởi vì sao? Bởi vì [đường sai, tà đạo] đó là không phù hợp để đạt được quả gì.

10. "Ví dụ có người cần dầu, đang tìm dầu, đang đi kiếm dầu mà chất một đống đá cuội trong một cái bồn, rảy nước lên đá và ép đá, thì người

đó sẽ không khả năng có được chút dầu gì, cho dù người đó có ước nguyện, hay không có ước nguyện … Bởi vì sao? Bởi vì [cách làm bậy] đó là không phù hợp để có được chút dầu gì. "Cũng giống như vậy, những sa-môn và bà-la-môn nào có quan-điểm sai lạc … thì họ vẫn không đạt được quả gì. Bởi vì sao? Bởi vì [đường sai, tà đạo] đó là không phù hợp để đạt được quả gì.

11. "Ví dụ có người cần sữa, đang tìm sữa, đang đi kiếm sữa mà nắm vắt cái sừng của một con bò cái mới đẻ con, thì người đó sẽ không khả năng có được sữa, cho dù người đó có ước nguyện, hay không có ước nguyện … Bởi vì sao? Bởi vì [cách làm bậy] đó là không phù hợp để có được chút sữa gì. "Cũng giống như vậy, những sa-môn và bà-la-môn nào có quan-điểm sai lạc … thì họ vẫn không đạt được quả gì. Bởi vì sao? Bởi vì [đường sai, tà đạo] đó là không phù hợp để đạt được quả gì.

12. "Ví dụ có người cần bơ, đang tìm bơ, đang đi kiếm bơ mà đổ nước vào nồi khuấy và dùng vá khuấy để khuấy đánh, thì người đó sẽ không khả năng có được chút bơ gì, cho dù người đó có ước nguyện, hay không có ước nguyện … Bởi vì sao? Bởi vì [cách làm bậy] đó là không phù hợp để có được chút bơ gì. "Cũng giống như vậy, những sa-môn và bà-la-môn nào có quan-điểm sai lạc … thì họ vẫn không đạt được quả gì. Bởi vì sao? Bởi vì [đường sai, tà đạo] đó là không phù hợp để đạt được quả gì.

13. “Ví dụ có người cần lửa, đang tìm lửa, đang đi kiếm lửa mà lấy cây mồi lửa (như diêm quẹt) quẹt lên một tấm gỗ tươi còn ướt mủ, thì người đó sẽ không khả năng có được chút lửa gì, cho dù người đó có ước nguyện, hay không có ước nguyện … Bởi vì sao? Bởi vì [cách làm bậy] đó là không phù hợp để có được chút lửa gì. “Cũng giống như vậy, những sa-môn và bà-la-môn nào có quan-điểm sai lạc … thì họ vẫn không đạt được quả gì. Bởi vì sao? Bởi vì [đường sai,

tà đạo] đó là không phù hợp để đạt được quả gì.

14. (II) “Những sa-môn và bà-la-môn nào có quan-điểm đúng đắn, ý- định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, và sự tâm-niệm đúng đắn, và sự định-tâm đúng đắn (chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh niệm, và chánh định), thì người đó sẽ đạt được quả, cho dù người đó có ước nguyện, hay không có ước nguyện … Bởi vì sao? Bởi vì [đường đúng, chánh đạo] đó là phù hợp để đạt được đạo quả.

15. “Ví dụ có người cần dầu, đang tìm dầu, đang đi kiếm dầu mà đổ đống hạt có dầu (như mè) vào trong bồn, rưới nước lên nó, và ép nó, thì người đó có khả năng có được dầu, cho dù người đó có ước nguyện, hay không có ước nguyện … Bởi vì sao? Bởi vì [cách làm đúng] đó là phù hợp để có được dầu. “Cũng giống như vậy, những sa-môn và bà-la-môn nào có quan-điểm đúng đắn … thì họ có khả năng đạt được đạo quả. Bởi vì sao? Bởi vì [đường đúng, chánh đạo] đó là phù hợp để đạt được đạo quả.

16. “Ví dụ có người cần sữa, đang tìm sữa, đang đi kiếm sữa mà nắm vắt vú của một con bò cái mới đẻ con, thì người đó có khả năng có được sữa, cho dù người đó có ước nguyện, hay không có ước nguyện … Bởi vì sao? Bởi vì [cách làm đúng] đó là phù hợp để có được sữa. “Cũng giống như vậy, những sa-môn và bà-la-môn nào có quan-điểm đúng đắn … thì họ có khả năng đạt được đạo quả. Bởi vì sao? Bởi vì [đường đúng, chánh đạo] đó là phù hợp để đạt được đạo quả.

17. “Ví dụ có người cần bơ, đang tìm bơ, đang đi kiếm bơ mà đổ sữa đông vô nồi khuấy và dùng vá khuấy để khuấy đánh, thì người đó có khả năng có được bơ, cho dù người đó có ước nguyện, hay không có ước nguyện … Bởi vì sao? Bởi vì [cách làm đúng] đó là phù hợp để có được bơ. “Cũng giống như vậy, những sa-môn và bà-la-môn nào có quan-điểm

đúng đắn … thì họ có khả năng đạt được đạo quả. Bởi vì sao? Bởi vì [đường đúng, chánh đạo] đó là phù hợp để đạt được đạo quả.

18. “Ví dụ có người cần lửa, đang tìm lửa, đang đi kiếm lửa mà lấy cây mồi lửa (như diêm quẹt) quẹt lên một tấm gỗ khô không còn mủ, thì người đó có khả năng có được lửa, cho dù người đó có ước nguyện, hay không có ước nguyện … Bởi vì sao? Bởi vì [cách làm đúng] đó là phù hợp để có được lửa. “Cũng giống như vậy, những sa-môn và bà-la-môn nào có quan-điểm đúng đắn … thì họ có khả năng đạt được đạo quả. Bởi vì

sao? Bởi vì [đường đúng, chánh đạo] đó là phù hợp để đạt được đạo quả.

14. “Này Bhūmija, nếu bốn ví dụ này đã xảy đến với thầy [để nói] cho Hoàng tử Jayasena, thì hoàng tử sẽ tự phát có được niềm-tin vào thầy, và sau khi đã tin tưởng, hoàng tử sẽ thể hiện niềm-tin đối với thầy.” “Thưa Thế Tôn, làm sao bốn ví dụ này có thể đã xảy đến với con [để nói] cho Hoàng tử Jayasena khi chúng đã xảy đến với đức Thế Tôn, vì chúng là tự phát (tự nhiên có) và chưa từng được nghe trước đây? Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Bhūmija đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

228 • Chương 3

127. KINH A-NẬU-LÂU-ĐÀ (Anuruddha Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc

2. Lúc đó người thợ mộc Pañcakanga đã nói với một người như vầy: “Này người thân thiện, hãy đến chỗ Ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha), nhân danh tôi kính lễ với đầu cúi xuống chân thầy ấy, và thưa: ‘Thưa thầy, thợ mộc Pañcakanga (chuyển lời) xin kính lễ với đầu cúi xuống chân thầy A- nậu-lâu-đà, và thưa: “Thưa thầy, kính mong thầy A-nậu-lâu-đà cùng ba thầy khác chấp nhận lời mời đến dùng cơm trưa ngày mai từ thợ mộc Pañcakanga; và kính mong thầy A-nậu-lâu-đà đến đúng giờ vì thợ mộc Pañcakanga đang rất bận bịu và có nhiều việc phải làm cho nhà vua.”” “Dạ được, thưa ông”, người đó đáp lại, và anh ta đi đến chỗ thầy A- nậu-lâu-đà. Sau khi kính lễ thầy A-nậu-lâu-đà, anh ta ngồi xuống một bên và chuyển lời cho thầy. Thầy A-nậu-lâu-đà đồng ý trong im lặng.

3. Rồi, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng, thầy A-nậu-lâu-đà mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến nhà của thợ mộc Pañcakanga, và đến đó ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Rồi, thợ mộc Pañcakanga đã tự tay mình phục vụ và làm hài lòng thầy Anuruddha với nhiều món ăn ngon khác nhau. Rồi, sau khi thầy A-nậu-lâu-đà đã ăn xong và dẹp bình bát qua một bên, thợ mộc Pañcakanga chọn chỗ ngồi thấp hơn, ngồi xuống một bên, và thưa với thầy A-nậu-lâu-đà:

4. “Ở đây, thưa thầy, những Tỳ kheo trưởng lão đã đến chỗ con và nói: ‘Này gia chủ, hãy tu tập sự giải-thoát vô lượng của tâm’; và một số Tỳ kheo trưởng lão khác thì nói: ‘Này gia chủ, hãy tu tập sự giải-thoát bao la của tâm.’ Thưa thầy, sự giải-thoát vô lượng của tâm và sự giải-thoát bao la của tâm1180—là những trạng thái khác nhau về nghĩa và tên gọi, hay chúng là một về nghĩa và chỉ khác nhau về tên gọi?”

230 • Chương 3

5. “Này gia chủ, cứ giải thích theo như chú thấy. Sau đó nó sẽ rõ ràng đối với chú.” “Thưa thầy, con nghĩ như vầy: sự giải-thoát vô lượng của tâm và sự giải-thoát bao la của tâm—hai trạng thái này giống nhau về nghĩa, chỉ khác nhau về tên gọi.”

6. “Này gia chủ, sự giải-thoát vô lượng của tâm và sự giải-thoát bao la của tâm—hai trạng thái này khác nhau về nghĩa và khác nhau về tên gọi. Và cách chúng khác nhau về nghĩa và khác nhau về tên gọi nên được hiểu như sau.

7. (1) “Này gia chủ, cái gì là sự giải-thoát vô lượng của tâm? Ở đây một Tỳ kheo an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn [quảng đại], bao la [được khuếch đại, cao rộng, cao vời], vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý. Người đó an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi- mẫn (tâm bi) … sự tùy-hỷ (tâm hỷ) … sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn … sự tùy-hỷ … sự buông-xả, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý. Đây được gọi là sự giải-thoát vô lượng của tâm.

8. (2) “Và, này gia chủ, cái gì là sự giải-thoát bao la của tâm? Ở đây một Tỳ kheo an trú quyết tâm vào một diện tích bằng cỡ một gốc cây, thấm đẫm nó như đã được khuyếch đại (được phóng đại, cao rộng, thành bao la): đây được gọi là sự giải-thoát bao la của tâm.1181 Ở đây một Tỳ kheo an trú quyết tâm vào một diện tích bằng cỡ hai hoặc ba gốc cây, thấm đẫm nó như đã được khuyếch đại: đây cũng được gọi là sự giải-thoát

bao la của tâm. Ở đây một Tỳ kheo an trú quyết tâm vào một diện tích bằng cỡ một khu làng … bằng cỡ hai hoặc ba khu làng … bằng cỡ một vương quốc chính … bằng cỡ hai hoặc ba vương quốc chính … bằng cỡ phần trái đất được bao quanh bởi đại dương, thấm đẫm nó như đã được khuyếch đại: đây cũng được gọi là sự giải-thoát bao la của tâm. “Này gia chủ, hai trạng thái đó khác nhau về nghĩa và khác nhau về tên gọi nên được hiểu theo cách như vậy.

9. “Này gia chủ, có bốn loại sự tái-sinh (tái hiện) trong sự hiện-hữu [trong tương lai].1182 Bốn đó là gì? (i) Ở đây, có người an trú quyết tâm và bao trùm ‘sự phát quang ít’; khi thân tan rã, sau khi chết, người đó tái sinh trong số những thiên thần Phát Quang Ít (Thiểu quang thiên). (ii) Ở đây, có người an trú quyết tâm vào bao trùm ‘sự phát quang vô lượng’; khi thân tan rã, sau khi chết, người đó tái sinh trong số những thiên thần Phát Quang Vô Lượng (Vô lượng quang thiên). (iii) Ở đây có người an trú quyết tâm và bao trùm ‘sự phát quang bị ô nhiễm’; khi thân tan rã, sau khi chết, người đó tái sinh trong số những thiên thần Phát Quang Ô Nhiễm (Bất tịnh quang thiên). (iv) Ở đây có người an trú quyết tâm và bao trùm ‘sự phát quang tinh khiết’; khi thân tan rã, sau khi chết, người đó tái sinh trong số những thiên thần Phát Quang Tinh Khiết (Biến tịnh quang thiên). Đây là bốn loại sự tái-sinh trong sự hiện-hữu [trong tương lai].1183

10. “Này gia chủ, có một lần khi những thiên thần tụ tập ở một nơi. Sau khi họ đã tu tập ở một nơi, sự khác nhau về màu sắc của họ có thể được nhận ra, nhưng không có sự khác nhau về sự phát quang của họ. Giống như, nếu một người mang mấy đèn dầu vô trong một ngôi nhà, sự khác nhau về những ngọn lửa của chúng có thể được nhận ra, nhưng không có sự khác nhau về sự phát quang của chúng. Cũng giống như vậy, trong một lần khi những thiên thần tụ tập ở một nơi … nhưng không có sự khác nhau về sự phát quang của họ.

11. “Này gia chủ, có một lần khi những thiên thần giải tán khỏi nơi đó. Sau khi họ đã giải tán khỏi nơi đó, sự khác nhau về màu sắc của họ có thể

được nhận ra, nhưng không có sự khác nhau về sự phát quang của họ. Giống như, nếu một người mang mấy đèn dầu ra khỏi ngôi nhà, sự khác nhau về những ngọn lửa của chúng có thể được nhận ra, nhưng không có sự khác nhau về sự phát quang của chúng. Cũng giống như vậy, trong một lần khi những thiên thần tụ tập giải tán khỏi nơi đó … nhưng không có sự khác nhau về sự phát quang của họ.

12. “Những thiên thần đó không nghĩ điều này: ‘[Cuộc sống] này của chúng ta là thường hằng, trường tồn, và bất diệt’, nhưng bất cứ đâu những thiên thần đó đậu xuống, họ đều thấy vui thích. Giống như, khi những con ruồi đang được mang đi trên một đòn gánh hay trong một cái giỏ, chúng không nghĩ điều này: ‘[Cuộc sống] này của chúng ta là thường hằng, trường tồn, và bất diệt’, nhưng bất cứ đâu chúng đậu xuống, chúng đều thấy thích thú. Cũng giống như vậy, những thiên thần đó không nghĩ điều này … nhưng bất cứ đâu những thiên thần đó đậu xuống, họ đều thấy vui thích.”

13. Sau khi điều này được nói ra, thầy Abhiya Kaccāna (đi cùng) đã nói với thầy A-nậu-lâu-đà: “Thật tốt lành, thưa thầy A-nậu-lâu-đà, nhưng tôi có điều muốn hỏi thêm: Có phải tất cả những thiên thần phát quang đều thuộc những thiên thần Phát Quang Ít?” “Này đạo hữu Kaccāna, bởi do yếu tố [chịu trách nhiệm tạo ra sự tái sinh] nên một số họ là những thiên thần Phát Quang Ít, một số họ là những thiên thần Phát Quang Vô Lượng.”

14. “Thưa thầy A-nậu-lâu-đà, vậy cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao những thiên thần đó đều tái sinh trong một loại thiên thần nhưng có số là thiên thần Phát Quang Ít và có số là thiên thần Phát Quang Vô Lượng?” “Này đạo hữu Kaccāna, về điều đó, tôi sẽ hỏi lại thầy một câu hỏi. Thầy cứ trả lời nếu thấy được. Này đạo hữu Kaccāna, thầy nghĩ sao? Khi (i) một Tỳ kheo an trú quyết tâm vào một diện tích bằng cỡ một gốc cây, bao trùm nó như đã được khuyếch đại, và (ii) một Tỳ kheo khác an trú quyết tâm vào một diện tích bằng cỡ hai hoặc ba gốc cây, bao trùm nó như

đã được khuyếch đại—trong hai kiểu thiền [tu tập tâm] này, kiểu nào là được khuếch đại hơn?”—“Kiểu thứ hai, thưa thầy.” “Này đạo hữu Kaccāna, thầy nghĩ sao? Khi (i) một Tỳ kheo an trú quyết tâm vào một diện tích cỡ bằng hai hoặc ba gốc cây, thấm đẫm nó

như đã được khuyếch đại, và (ii) một Tỳ kheo khác an trú quyết tâm vào một diện tích cỡ bằng một khu làng, thấm đẫm nó như đã được khuyếch đại … (i) cỡ bằng một khu làng … và (ii) cỡ bằng hai hoặc ba khu làng … (i) cỡ bằng hai hoặc ba khu làng … và (ii) cỡ bằng một vương quốc chính … (i) cỡ bằng một vương quốc chính … và (ii) cỡ bằng hai hoặc ba vương quốc chính … (i) cỡ bằng hai hoặc ba vương quốc chính … và (ii) bằng cỡ phần trái đất được bao quanh bởi đại dương, thấm đẫm nó như đã được khuyếch đại—trong hai kiểu thiền [tu tập tâm] này, kiểu nào là được khuếch đại hơn?"—"Kiểu thứ hai, thưa thầy." "Đây là nguyên nhân và lý do tại sao những thiên thần đó đều tái sinh trong một loại thiên thần nhưng có số là thiên thần Phát Quang Ít và có số là thiên thần Phát Quang Vô Lượng."

15. "Thật tốt lành, thưa thầy A-nậu-lâu-đà, nhưng tôi còn điều muốn hỏi thêm: Có phải tất cả những thiên thần phát quang đều là những thiên thần Phát Quang Bị Ô Nhiễm, hay một số họ là thiên thân Phát Quang Tinh Khiết?" "Này đạo hữu Kaccāna, bởi do yếu tố [chịu trách nhiệm tạo ra sự tái sinh] nên một số họ là những thiên thần Phát Quang Ô Nhiễm, một số họ là những thiên thần Phát Quang Tinh Khiết." "Thưa thầy A-nậu-lâu-đà, vậy cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao những thiên thần đó đều tái sinh trong một loại thiên thần nhưng có số là thiên thần Phát Quang Ô Nhiễm và có số là thiên thần Phát Quang Tinh Khiết?" "Này đạo hữu Kaccāna, về điều đó, tôi sẽ đưa một ví dụ, vì những người có trí ở đây hiểu ý nghĩa của một điều bằng phương tiện ví dụ. Ví

dụ một đèn dầu đang cháy bằng dầu không sạch và tim không sạch; bởi vì sự không sạch của dầu và tim nên lửa cháy một cách mờ yếu. Cũng giống như vậy, ở đây một Tỳ kheo an trú quyết tâm vào và bao trùm [một diện tích bằng] một sự phát quang bị ô-nhiễm. 'Dâm tính' của thân người đó chưa lắng lặn hoàn toàn, 'sự đờ-đẫn và buồn-ngủ' của người đó chưa được loại bỏ hoàn toàn, 'sự bất-an và hối-tiếc' của người đó chưa được loại bỏ hoàn toàn; bởi lý do này nên người đó thiền một cách mờ yếu, đúng như nó là (như lửa cháy mờ).1184 Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó tái sinh trong số những thiên thần Phát Quang Ô Nhiễm. "Ví dụ một đèn dầu đang cháy bằng dầu tinh sạch và tim tinh sạch; bởi do sự tinh sạch của dầu và tim nên lửa cháy một cách sáng tỏ. Cũng giống như vậy, ở đây một Tỳ kheo an trú quyết tâm vào và bao trùm [một diện tích bằng] một sự phát quang tinh khiết. Dâm tính của thân người đó đã lắng lặn hoàn toàn, 'sự đờ-đẫn và buồn-ngủ' của người đó đã được loại bỏ hoàn toàn, 'sự bất-an và hối-tiếc' của người đó đã được loại bỏ hoàn toàn; bởi lý do này nên người đó thiền một cách một cách sáng tỏ, đúng như nó là (như lửa cháy sáng). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó tái sinh trong số những thiên thần Phát Quang Tinh Khiết. "Đây là nguyên nhân và lý do tại sao những thiên thần đó đều tái sinh trong một loại thiên thần nhưng có số là thiên thần Phát Quang Ô Nhiễm và có số là thiên thần Phát Quang Tinh Khiết."

16. Sau khi điều này được nói ra, thầy Abhiya Kaccāna đã nói với thầy A-nậu-lâu-đà: "Thật tốt lành, thưa thầy A-nậu-lâu-đà. Thầy A-nậu-lâu-đà đã không nói: 'Tôi nghe như

vầy’ hoặc ‘Điều đó nên là như vầy’. Thay vì vậy, thầy A-nậu-lâu-đà luôn nói: ‘Những thiên thần này là như vầy và những thiên thần đó là như vậy.’ (Tức là thầy đã tự biết chứ không phải nghe từ Phật). Thưa thầy, tôi có ý nghĩ rằng chắc bộ trước kia thầy A-nậu- lâu-đà đã từng giao lưu với những thiên thần đó và đã nói chuyện và thảo luận với họ.” “Chắc chắn là vậy, này đạo hữu Kaccāna, lời của thầy có vẻ xúc phạm

và thiếu lễ độ, nhưng tôi vẫn trả lời cho thầy. Đã từ lâu trước kia tôi đã giao lưu với những thiên thần đó và đã nói chuyện và thảo luận với họ.”1185

17. Sau khi điều này được nói ra, thầy Abhiya Kaccāna đã nói với thợ mộc Pañcakanga: “Đó là ích lợi cho chú, này gia chủ, đó là ích lợi lớn lao cho chú, rằng chú đã dẹp bỏ được trạng thái nghi-ngờ (về hai sự giải-thoát đó) và đã có cơ hội nghe được bài thuyết giảng về Giáo Pháp này.”

128. KINH NHỮNG SỰ KHÔNG HOÀN HẢO (x) (Upakkilesa Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita.

2. Bấy giờ, vào lúc đó có những Tỳ kheo ở Kosambī đã đang tranh luận và cãi vã và rớt vào những cuộc tranh chấp, đâm chọt lẫn nhau bằng những ‘mũi dao’ lời-nói.1186

3. Rồi một Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, sau khi kính lễ, thầy ấy đứng qua một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, ở đây những Tỳ kheo ở Kos- ambī đã đang tranh luận và cãi vã và rớt vào những cuộc tranh chấp, đâm chọt lẫn nhau bằng những mũi dao ‘lời-nói’. Sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn đến chỗ những Tỳ kheo đó sự bi-mẫn.” Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng.

4. Rồi đức Thế Tôn đã đến chỗ những Tỳ kheo đó, và nói với họ: “Đủ rồi, này các Tỳ kheo, không tranh luận, cãi vã, hiềm khích, hay tranh chấp nữa.” Sau khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, hãy khoan! Mong đức Thế Tôn, Chúa Tể của Giáo Pháp, sống an ổn dành thời gian cho sự lạc trú tại đây và bây giờ. Chúng con là những người chịu trách nhiệm cho sự tranh luận, sự cãi vã, sự hiềm khích, và sự tranh chấp này.” Lần thứ hai … Lần thứ ba đức Thế Tôn lặp lại: “Đủ rồi, này các Tỳ kheo …” Lần thứ hai … Lần thứ ba Tỳ kheo đó lặp lại: “Thưa Thế Tôn, hãy khoan … ”

5. Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Kosambīđể khất thực. Sau khi đã đi khất thực trong thành Kosambī, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn thu xếp chỗ ở của mình, mang theo cà sa và bình bát, và trong khi đang đứng đã thốt ra những dòng kệ như vầy:

6. “Khi ai cũng đang la cãi

Không ai thấy mình là kẻ ngu;
Dù Tăng Đoàn đang bị chia rẽ
Không ai thấy mình có lỗi gây ra.
“Ai cũng quên nói lời có suy nghĩ,
Toàn nói chữ, không nói gì có nghĩa.
Miệng lưỡi múa máy, bỉu môi gằng giọng;
Không ai biết điều gì khiến mình làm như vậy.
“‘Nó chửi tôi, nó đánh tôi,1187
Nó hạ tôi, nó cướp tôi’—
Ai mang những ý nghĩ thù hận như vậy
Hận thù sẽ không bao giờ nguôi.
“Bởi trong thế gian này
Hận thù không thể làm nguôi hận thù.
Chỉ tình thương mến (vô sân) mới làm nguôi hận thù:
Đó là quy luật ngàn thu.
“Mọi người không nhận ra điều này
Để kiềm chế bản thân mình.
Nhưng người có trí khi ngộ được điều này
Liền chấm dứt mọi tâm tư thù hận.
“Những kẻ đánh đập và giết người,
Những kẻ trộm cắp của cải, trâu, bò, ngựa,
Những kẻ cướp phá khắp vùng lãnh thổ—
Chúng thậm chí cùng hùa đi với nhau
Tại sao các thầy không hùa đi theo chúng?
“Nếu ai tìm được bạn xứng đáng,
Một người đồng hành đức hạnh và kiên định,
Thì có thể vượt qua mọi hiểm nguy,
Cùng bước đi an vui và chánh niệm.
KINH NHỮNG SỰ KHÔNG HOÀN HẢO • 239

“Nếu không tìm được bạn xứng đáng,
Không có người đồng hành đức hạnh và kiên định,
Thì chẳng khác một ông vua rời kinh thành thất thủ,
Lầm lũi bước đi như tê giác độc sừng
Đi một mình giữa rừng.
“Nhưng, thà bước đi một mình như vậy;
Còn hơn đi cùng với kẻ ngu, bạn xấu
Đi một mình và không làm điều xấu ác
Lầm lũi bước đi như tê giác độc sừng
Đi một mình giữa rừng.””

7. Rồi, sau khi đã thốt ra bài kệ, đức Thế Tôn đi đến làng Bālaka- loṇakāra để an trú qua ngày. Vào lúc đó có ngài Bhagu cũng đang sống trong làng Bālakaloṇakāra. Khi thầy Bhagu nhìn thấy đức Thế Tôn đang từ xa đi đến, thầy chuẩn bị chỗ ngồi và đặt nước rửa chân. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn và rửa hai bàn chân của mình. Thầy Bha- gu kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và đức Thế Tôn đã nói với thầy: "Này Tỳ kheo, ta hy vọng thầy đang duy trì tốt, ta hy vọng thầy sống an ổn, ta hy vọng thầy không có khó khăn về khất thực." "Thưa Thế Tôn, con đang duy trì tốt, con sống an ổn, con không có khó khăn về khất thực." Rồi đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ thầy ấy bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, sau đó đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi đến khu Vườn Tre Phía Đông.

8. Bấy giờ, vào lúc đó có ngài A-nậu-lâu-đà, ngài Nandiya và ngài Kimbila cũng đang sống trong khu Vườn Tre Phía Đông.1188 Người gác khu vườn nhìn thấy đức Thế Tôn đang đến từ xa đã nói với đức Thế Tôn: "Đừng vô khu vườn này, này sa-môn. Có ba người họ tộc ở đây đang tìm kiếm sự tốt-lành cho mình. Đừng quấy rầy họ."

9. Thầy A-nậu-lâu-đà nghe người gác vườn đang nói với đức Thế Tôn

liền nói với ông ta: "Này thiện hữu gác vườn, đừng chặn đức Thế Tôn ở ngoài. Đó là Vị Thầy của chúng tôi, là đức Thế Tôn, người vừa đến đó." Rồi thầy A-nậu-lâu-đà đến chỗ thầy Nandiya và thầy Kimbila và nói họ: "Các vị, hãy ra ngoài, hãy ra ngoài! Vị Thầy của chúng ta, đức Thế Tôn, vừa mới đến."

10. Rồi cả ba người đã ra gặp đức Thế Tôn. Một người nhận lấy bình bát và cà sa, một người chuẩn bị chỗ ngồi, một người đặt chậu nước để rửa hai chân của mình. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được chuẩn bị và rửa chân. Rồi ba vị thầy đó kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi họ đã ngồi, đức Thế Tôn đã nói với họ: "Ta hy vọng các thầy đang duy trì tốt, này A-nậu-lâu-đà, ta hy vọng các thầy đều sống an ổn, ta hy vọng các thầy không có khó khăn về khất thực." "Thưa Thế Tôn, chúng con đang duy trì tốt, chúng con sống an ổn, chúng con không có khó khăn về khất thực."

11. "Này A-nậu-lâu-đà, ta hy vọng các thầy đang sống trong sự hòa hợp, không có sự tranh cãi, hòa hiền với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân từ." "Chắc chắn là vậy, thưa Thế Tôn, chúng con đang sống trong sự hòa hợp, không có sự tranh cãi, hòa hiền với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân từ." "Nhưng, này A-nậu-lâu-đà, theo cách nào các thầy sống được như vậy?"

12. "Thưa Thế Tôn, về điều đó, con nghĩ như vầy: 'Đó là lợi ích cho ta, đó là lợi ích lớn cho ta, rằng ta đang sống với những người đồng-tu như vậy trong đời sống tâm linh.' Con giữ (duy trì) hành vi thân từ-ái đối với các quý thầy cả khi đang ở chung và khi đang ở riêng; con giữ hành vi lời- nói từ-ái đối với các quý thầy cả khi đang ở chung và khi đang ở riêng; con giữ hành vi tâm từ-ái đối với các quý thầy cả khi đang ở chung và khi đang ở riêng. Con suy xét: 'Tại sao ta không dẹp qua điều ta muốn làm và

làm những điều các quý thầy muốn làm?' Rồi con dẹp qua điều mình muốn làm và làm những điều các quý thầy muốn làm. Thưa Thế Tôn, chúng con khác nhau về thân thể, nhưng giống nhau về tâm ý." Thầy Nandiya và thầy Kimbila mỗi người cũng nói giống như vậy, và nói thêm: "Thưa Thế Tôn, đó là cách chúng con đang sống trong sự hòa hợp, không có sự tranh cãi, hòa hiền với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân từ."

13. "Tốt, tốt, này A-nậu-lâu-đà. Ta hy vọng các thầy đều an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định." "Chắc chắn là vậy, thưa Thế Tôn, chúng con sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định." "Nhưng, này A-nậu-lâu-đà, theo cách nào các thầy sống như vậy?"

14. "Thưa Thế Tôn, khi nói về điều này, bất cứ ai trong chúng con sau khi đi khất thực ngoài làng trở về trước tiên sẽ lo chuẩn bị các chỗ ngồi, chuẩn bị nước để uống và rửa (chân), và chuẩn bị chỗ bỏ rác (giỏ, chậu, thùng, ống nhổ... để chứa rác đồ ăn, đồ bỏ đi sau khi ăn). Bất cứ ai về sau nếu muốn ăn sẽ ăn phần thức ăn còn lại; nếu không ăn thì người đó sẽ vứt bỏ chỗ thức ăn đó ở chỗ nào không có cỏ cây đang sống hoặc chỉ bỏ xuống nước nếu không có sinh vật sống (trong nước). Rồi người đó lo dọn dẹp các chỗ ngồi và dọn dẹp chỗ nước để uống và để rửa chân. Người đó chùi rửa và dọn dẹp chỗ bỏ rác, và quét sạch chỗ ngồi ăn (đồng nghĩa như khu ngồi ăn hoặc phòng ăn trong tu viện hay chùa... thời nay). Ai thấy nước uống hoặc nước để tắm rửa hoặc nước trong nhà vệ sinh còn ít hay bị hết thì sẽ tự giác đổ cho đầy lại. Nếu chúng (đồ chứa nước) quá nặng đối với người đó, người đó sẽ ra hiệu bằng tay gọi người khác đến góp tay cùng khiêng chuyển; nhưng chỉ vì mấy việc đó chúng con không cần nói thành lời (tức hiểu nhau ngay, không cần kêu, ới hay giải thích cho bị ồn ào). Rồi năm ngày một lần, chúng con ngồi lại với nhau suốt đêm để thảo luận (đàm đạo) về Giáo Pháp. Đó là cách chúng con sống chuyên chú, nhiệt thành, và

kiên định."

15. "Tốt, tốt, này A-nậu-lâu-đà. Nhưng khi các thầy an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định như vậy, các thầy có chứng đắc trạng thái siêu nhân nào, hay sự khác-biệt nào về sự-biết và sự-thấy (trí-biết và tầm-nhìn) xứng đáng của những bậc thánh, hay sự an trú thư thái nào, hay không?" "Thưa Thế Tôn, khi chúng con an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, chúng con nhận thức ánh-sáng và một tầm-nhìn (bằng thiên nhãn) về những hình-sắc.1189 Không lâu sau đó ánh-sáng và tầm-nhìn về những hình-sắc biến mất, nhưng chúng con không phát hiện được nguyên nhân gây ra điều này."

16. (I) "Các thầy nên khám phá nguyên nhân gây ra điều đó,1190 này A- nậu-lâu-đà. (1) "Trước khi ta giác-ngộ, khi ta còn là một bồ-tát chưa sự giác-ngộ toàn thiện, ta cũng nhận-thức cả ánh-sáng và một tầm-nhìn về những hình- sắc. Không lâu sau đó ánh-sáng và tầm-nhìn về những hình-sắc cũng biến mất. Ta nghĩ: 'Cái gì là nguyên nhân và điều kiện làm cho ánh-sáng và tầm-nhìn về những hình-sắc đã biến mất?' Rồi ta suy xét như vầy: 'Sự nghi-ngờ đã khởi sinh trong ta, và bởi do sự nghi-ngờ nên sự

định-tâm của ta bị rớt đi; sau khi sự định-tâm của ta rớt đi, ánh-sáng và tầm-nhìn về những hình-sắc biến mất. Vậy ta phải làm cách để cho sự nghi-ngờ sẽ không khởi sinh trong ta nữa.'

17. (2) "Này A-nậu-lâu-đà, khi ta đang an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, ta nhận thức cả ánh-sáng và một tầm-nhìn về những hình- sắc. Không lâu sau đó ánh-sáng và tầm-nhìn đã biến mất. Ta nghĩ: 'Cái gì là nguyên nhân và điều kiện làm cho ánh-sáng và tầm-nhìn về những hình-sắc đã biến mất?' Rồi ta suy xét như vầy: 'Sự không chú-tâm (vô tác ý) đã khởi sinh trong ta, và bởi do sự không chú-tâm nên sự định-tâm của ta bị rớt đi; sau khi sự định-tâm của ta rớt đi, ánh-sáng và tầm-nhìn về những hình-sắc biến mất. Vậy ta phải làm cách để không có sự nghi-ngờ hay sự không chú-tâm khởi sinh trong ta nữa.'

KINH NHỮNG SỰ KHÔNG HOÀN HẢO • 243

18. (3) "Này A-nậu-lâu-đà, khi ta đang an trú chuyên chú … Rồi ta suy xét như vầy: 'Sự đờ-đẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụy miên) đã khởi sinh trong ta, và bởi do sự đờ-đẫn và buồn-ngủ nên sự định-tâm của ta bị rớt đi; sau khi sự định-tâm của ta rớt đi, ánh-sáng và tầm-nhìn về những hình-sắc biến mất. Vậy ta phải làm cách để không có sự nghi-ngờ hay sự không chú-tâm hay sự đờ-đẫn và buồn-ngủ khởi sinh trong ta nữa.'

19. (4) "Này A-nậu-lâu-đà, khi ta đang an trú chuyên chú … Rồi ta suy xét như vầy: 'Sự sợ-hãi đã khởi sinh trong ta, và bởi do sự sợ-hãi nên sự định-tâm của ta bị rớt đi; sau khi sự định-tâm của ta rớt đi, ánh-sáng và tầm-nhìn về những hình-sắc biến mất.' Ví dụ một người khởi đầu trên đường đi và những kẻ giết người từ hai bên đường nhảy ra người đó; thì sự sợ-hãi sẽ khởi sinh trong người đó vì điều đó. Cũng giống như vậy, sự sợ-hãi khởi sinh trong ta … ánh-sáng và tầm-nhìn về những hình-sắc biến mất. [Ta suy xét như vầy:] 'Vậy ta phải làm cách để không có sự nghi- ngờ, hay sự không chú-tâm hay sự đờ-đẫn và buồn-ngủ hay sự sợ-hãi khởi sinh trong ta nữa.'

20. (5) "Này A-nậu-lâu-đà, khi ta đang an trú chuyên chú … Rồi ta suy xét như vầy: 'Sự phấn-khích đã khởi sinh trong ta, và bởi do sự phấn- khích nên sự định-tâm của ta bị rớt đi; sau khi sự định-tâm của ta rớt đi, ánh-sáng và tầm-nhìn về những hình-sắc biến mất.' Ví dụ một người đang tìm đường vào kho báu được giấu kín cùng một lúc thấy được tất cả năm cửa dẫn vào kho báu được giấu kín đó;1191 thì sự phấn-khích sẽ khởi sinh trong người đó vì điều đó. Cũng giống như vậy, sự phấn-khích khởi sinh trong ta … ánh-sáng và tầm-nhìn về những hình-sắc biến mất. [Ta suy xét như vầy:] 'Vậy ta phải làm cách để không có sự nghi-ngờ hay sự không chú-tâm … hay sự phấn-khích khởi sinh trong ta nữa.'

21. (6) "Này A-nậu-lâu-đà, khi ta đang an trú chuyên chú … Rồi ta suy xét như vầy: 'Dâm-ý đã khởi sinh trong ta, và bởi do dâm-ý nên sự định- tâm của ta bị rớt đi; sau khi sự định-tâm của ta rớt đi, ánh-sáng và tầm- nhìn về những hình-sắc biến mất. Vậy ta phải làm cách để không có sự

244 • Chương 3

nghi-ngờ hay sự không chú-tâm … hay dâm-ý khởi sinh trong ta nữa.’

22. (7) “Này A-nậu-lâu-đà, khi ta đang an trú chuyên chú … Rồi ta suy xét như vầy: ‘Sự nỗ-lực thái quá đã khởi sinh trong ta, và bởi do sự nỗ-lực thái quá nên sự định-tâm của ta bị rớt đi; sau khi sự định-tâm của ta rớt đi, ánh-sáng và tầm-nhìn về những hình-sắc biến mất.’ Ví dụ một người nắm quá chặt một con chim cút bằng cả hai tay; nó sẽ chết ngay tại đó. Cũng giống như vậy, sự nỗ-lực thái quá đã khởi sinh trong ta … ánh-sáng và tầm-nhìn về những hình-sắc đã biến mất. [Ta suy xét như vầy:] ‘Vậy ta phải làm cách để không có sự nghi-ngờ hay sự không chú-tâm … hay sự nỗ-lực thái quá khởi sinh trong ta nữa.’

23. (8) “Này A-nậu-lâu-đà, khi ta đang an trú chuyên chú … Rồi ta suy xét như vầy: ‘Sự nỗ-lực quá yếu đã khởi sinh trong ta, và bởi do sự nỗ-lực quá yếu nên sự định-tâm của ta bị rớt đi; sau khi sự định-tâm của ta rớt đi, ánh-sáng và tầm-nhìn về những hình-sắc biến mất.’ Ví dụ một người nắm quá lỏng một con chim cút bằng cả hai tay; nó sẽ bay mất ngay tại đó. Cũng giống như vậy, sự nỗ-lực quá yếu đã khởi sinh trong ta … ánh-sáng và tầm-nhìn về những hình-sắc đã biến mất. [Ta suy xét như vầy:] ‘Vậy ta phải làm cách để không có sự nghi-ngờ hay sự không chú-tâm … hay sự nỗ-lực quá yếu khởi sinh trong ta nữa.’

24. (9) “Này A-nậu-lâu-đà, khi ta đang an trú chuyên chú … Rồi ta suy xét như vầy: ‘Sự ham-muốn đã khởi sinh trong ta, và bởi do sự ham-muốn nên sự định-tâm của ta bị rớt đi; sau khi sự định-tâm của ta rớt đi, ánh- sáng và tầm-nhìn về những hình-sắc biến mất. Vậy ta phải làm cách để không có sự nghi-ngờ hay sự không chú-tâm … hay sự ham-muốn khởi sinh trong ta nữa.’

25. (10) “Này A-nậu-lâu-đà, khi ta đang an trú chuyên chú … Rồi ta suy xét như vầy: ‘Nhận-thức về sự đa-dạng đã khởi sinh trong ta,1192 và bởi do nhận-thức về sự đa-dạng nên sự định-tâm của ta bị rớt đi; sau khi sự định-tâm của ta rớt đi, ánh-sáng và tầm-nhìn về những hình-sắc biến mất. Vậy ta phải làm cách để không có sự nghi-ngờ hay sự không chú-tâm

KINH NHỮNG SỰ KHÔNG HOÀN HẢO • 245

… hay nhận-thức về sự đa-dạng khởi sinh trong ta nữa.’

26. (11) “Này A-nậu-lâu-đà, khi ta đang an trú chuyên chú … Rồi ta suy xét như vầy: ‘Sự thiền-tập thái quá vào/về những hình-sắc đã khởi sinh trong ta,1193 và bởi do sự thiền-tập thái quá nên sự định-tâm của ta bị rớt đi; sau khi sự định-tâm của ta rớt đi, ánh-sáng và tầm-nhìn về những hình-sắc biến mất. Vậy ta phải làm cách để không có sự nghi-ngờ hay sự không chú-tâm … hay sự thiền-tập thái quá vào những hình-sắc khởi sinh trong ta nữa.’

27. “Này A-nậu-lâu-đà, sau khi ta đã hiểu được sự nghi-ngờ là một sự không hoàn-hảo [sự không hoàn thiện] của tâm,1194 thì ta đã dẹp bỏ sự nghi-ngờ, đó là một sự không hoàn-hảo của cái tâm. Sau khi ta đã hiểu được sự không chú-tâm … sự đờ-đẫn và buồn-ngủ … sự sợ-hãi … sự phấn-khích … dâm-ý … sự nỗ-lực thái quá … sự nỗ-lực quá

yếu … sự ham-muốn … nhận-thức về sự đa-dạng … sự thiền-tập thái quá vào những hình-sắc là một sự không hoàn-hảo của cái tâm, thì ta đã dẹp bỏ sự thiền- tập thái quá vào những hình-sắc, đó là một sự không hoàn-hảo của tâm.

28. (II) “Này A-nậu-lâu-đà, khi ta đang an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, ta nhận thức ánh-sáng nhưng không nhìn thấy những hình- sắc; ta nhìn thấy những hình-sắc nhưng không nhận thức ánh-sáng, thậm chí suốt cả một đêm hay cả một ngày hay cả đêm và ngày. Ta nghĩ: ‘Cái gì là nguyên nhân và điều kiện gây ra điều này?’ Rồi ta suy xét như vầy: ‘Trong thời khi ta không chú-tâm tới dấu-hiệu (tướng) của những hình-sắc mà chỉ chú-tâm tới dấu-hiệu của ánh-sáng, thì ta nhận thức ánh-sáng nhưng không nhìn thấy những hình-sắc. Trong thời khi ta không chú-tâm tới dấu-hiệu của ánh-sáng mà chỉ chú-tâm tới dấu-hiệu những hình-sắc, thì ta nhìn thấy những hình-sắc những không nhận thức ánh-sáng, thậm chí suốt cả một đêm hay cả một ngày hay cả đêm và ngày.’

29. “Này A-nậu-lâu-đà, khi ta đang an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, ta đã nhận thức ánh-sáng giới hạn và nhìn thấy những hình-sắc giới hạn; ta đã nhận thức ánh-sáng vô lượng và những hình-sắc vô lượng,

thậm chí suốt cả một đêm hay cả một ngày hay cả đêm và ngày. Ta nghĩ: ‘Cái gì là nguyên nhân và điều kiện gây ra điều này?’ Rồi ta suy xét như vầy: ‘Trong thời khi sự định-tâm là giới hạn, thì tầm-nhìn của ta là giới hạn; và với tầm-nhìn giới hạn ta nhận thức ánh-sáng giới hạn và những hình-sắc giới hạn. Nhưng trong thời khi sự định-tâm là vô lượng, thì tầm- nhìn của ta là vô lượng, và với tầm-nhìn vô lượng ta nhận thức ánh-sáng vô lượng và nhìn thấy những hình-sắc vô lượng, thậm chí suốt cả một đêm hay cả một ngày hay cả đêm và ngày.’

30. (1) “Này A-nậu-lâu-đà, sau khi ta đã hiểu được sự nghi-ngờ là một sự không hoàn-hảo của tâm và đã dẹp bỏ sự nghi-ngờ, đó là một sự không hoàn-hảo của tâm; (2) sau khi ta đã hiểu được sự không chú-tâm (vô tác ý) là một sự không hoàn-hảo của tâm và đã dẹp bỏ sự không chú-tâm … (3) đã dẹp bỏ sự đờ-đẫn và buồn-ngủ … (4) đã dẹp bỏ sự phấn-khích … (5) đã dẹp bỏ dâm-ý … (6) đã dẹp bỏ sự nỗ-lực thái quá … (7) đã dẹp bỏ sự nỗ-lực yếu quá … (8) đã dẹp bỏ sự ham-muốn … (9) đã dẹp bỏ nhận-thức về sự đa-dạng … (10) đã dẹp bỏ sự thiền-tập thái quá vào những hình-sắc, đó là một sự không hoàn-hảo của tâm; thì ta nghĩ rằng: ‘Ta đã dẹp bỏ những sự không hoàn-hảo đó của tâm. Vậy giờ ta hãy tu tập sự định-tâm theo ba cách.’1195

31. “Từ chỗ đó, này A-nậu-lâu-đà, ta đã tu tập sự định-tâm (i) có tầm [ý-nghĩ được áp dụng, ý-nghĩ ban đầu] và tứ [ý-nghĩ được duy trì, ý-nghĩ soi xét]; ta đã tu tập sự định-tâm (ii) không còn tầm, chỉ còn tứ; ta đã tu tập sự định-tâm (iii) không còn tầm và không còn tứ; ta đã tu tập sự định- tâm (iv) có hỷ [sự hoan-hỷ]; ta đã tu tập sự định-tâm (v) được đi kèm bởi lạc [sự sướng]; ta đã tu tập sự định-tâm (vi) được đi kèm bởi xả [sự buông-xả].1196

32. “Này A-nậu-lâu-đà, sau khi ta đã tu tập sự định-tâm có tầm và tứ … sau khi ta đã tu tập sự định-tâm có đi kèm bởi xả, thì sự-biết và sự-thấy (trí-biết và tầm-nhìn) đã khởi sinh trong ta như vầy: ‘Sự giải-thoát của ta là bất lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn sự tái

hiện-hữu nào nữa.’”1197 Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy A-nậu-lâu-đà đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

129. KINH NGƯỜI NGU VÀ NGƯỜI TRÍ (Bālapaṇḍita Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(Người ngu)

2. “Này các Tỳ kheo, có ba đặc-tính này của người ngu, ba dấu-hiệu của người ngu, ba thuộc tính của người ngu. Ba đó là gì? Ở đây, một người ngu là người nghĩ những ý-nghĩ xấu, nói những lời-nói xấu, và làm những hành-động xấu. Nếu một người ngu không là vậy thì làm sao người trí biết người đó như vầy: ‘Người này là một người ngu, một người không chân thật’? Nhưng bởi vì một người ngu là người nghĩ những ý-nghĩ xấu, nói những lời-nói xấu, và làm những hành-động xấu, nên người trí biết người đó như vầy: ‘Người này là một người ngu, một người không chân thật’.

3. (1) “Một người ngu cảm nhận sự khổ đau (khổ) và buồn đau (ưu) ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ] theo ba cách. Nếu một người ngu ngồi trong một hội chúng hay bên đường hay trong sân và những người ở đó đang thảo luận những vấn đề chính đáng và xác đáng, thì, nếu người ngu là một người sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, và uống rượu nặng, rượu nhẹ hay dùng những chất độc hại, là căn cơ của sự sống lơ tâm phóng dật, người đó sẽ nghĩ: ‘Những người này đang thảo luận những vấn đề chính đáng và xác đáng; những điều này được thấy có trong tôi, và tôi được thấy đã dính vào những điều đó.’ Đây là loại sự khổ đau và buồn đau thứ nhất mà một người ngu cảm nhận được ngay trong kiếp này.

4. (2) “Lại nữa, khi một thủ phạm trộm cướp bị bắt, một người ngu nhìn

thấy vua quan dùng những hình phạt tàn bạo khác nhau để trừng trị người đó: họ dùng roi quất người đó … (tiếp tục giống như kinh MN 13 mục 14) … và họ dùng kiếm chặt đầu người đó.1198 Rồi người đó nghĩ: ‘Bởi do những hành-động xấu ác như vậy, nên khi một thủ phạm trộm cướp bị bắt, vua quan đã dùng những hình phạt tàn bạo để trừng trị người đó: họ quất người đó bằng roi … và dùng kiếm chặt đầu người đó. Những điều này được thấy có trong tôi, và tôi được thấy đã dính vào những điều đó.’

Đây loại sự khổ đau và buồn đau thứ hai mà một người ngu cảm nhận được ngay trong kiếp này.

5. (3) “Lại nữa, khi một người ngu đang nghỉ trên ghế hay nằm trên giường hay trên sàn nhà, thì những nghiệp xấu ác người đó đã làm trong quá khứ—những hành vi sai trái bằng thân, lời-nói, và tâm—bao che người đó, bao phủ người đó, và bao kín người đó. Giống như bóng một đỉnh núi lớn trong buổi chiều bao che, bao phủ, và bao kín phần mặt đất (dưới chân núi); cũng giống như vậy, khi một người ngu đang nghỉ trên ghế hay nằm trên giường hay trên sàn nhà, thì những nghiệp xấu ác người đó đã làm trong quá khứ—những hành vi sai trái bằng thân, lời-nói, và tâm—bao che người đó, bao phủ người đó, và bao kín người đó. Rồi người ngu nghĩ: ‘Tôi đã không làm điều tốt, tôi đã không làm điều thiện lành, tôi đã không làm bản thân mình trở thành chỗ nương náu (tị nạn) khỏi sự thống khổ. Tôi đã làm điều xấu ác, tôi đã làm điều tàn bạo, tôi đã làm điều độc ác. Sau khi tôi qua đời, tôi sẽ tới nơi-đến của những người đã không làm điều tốt … đã làm điều độc ác.’ Người đó ưu sầu, đau buồn, và ai oán, người đó khóc than đấm ngực và trở nên quẩn trí. Đây là loại sự khổ đau và buồn đau thứ ba mà một người ngu cảm nhận được ngay trong kiếp này.

6. “Một người ngu đã để cho bản thân mình dính vào những hành vi sai trái của thân, lời-nói, và tâm, thì khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.

(Địa ngục)

7. “Nếu nói một cách đúng đắn mà nói về điều gì như vầy: ‘Đó là cực kỳ không ước, cực kỳ không muốn, và cực kỳ không chịu’, thì đó là nói về địa ngục; đến mức khó tìm ra một ví dụ (để diễn tả) về sự (cực kỳ) khổ đau trong địa ngục.” Sau khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã hỏi đức Thế Tôn: “Nhưng, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn có thể cho một ví dụ không?”

8. “Có thể, này Tỳ kheo”, đức Thế Tôn nói.1199 “Này các Tỳ kheo, ví dụ người ta bắt một kẻ cướp, một tên tội phạm, và dẫn người đó tới trước nhà vua, và thưa rằng: ‘Thưa bệ hạ, người này là một kẻ cướp, một tên tội phạm. Xin hãy định hình phạt hắn theo ý của bệ hạ.’ Nhà vua nói với họ: ‘Các người, cứ làm đi, buổi sáng đâm hắn bằng một trăm ngọn giáo.’ Buổi sáng họ đâm người đó bằng một trăm ngọn giáo. Rồi tới buổi trưa nhà vua hỏi: ‘Các người, kẻ đó ra sao rồi?’—‘Vẫn còn sống, thưa bệ hạ.’—‘Vậy cứ làm đi, buổi trưa đâm hắn bằng một trăm ngọn giáo’. Buổi trưa họ đâm người đó bằng một trăm ngọn giáo. Rồi tới buổi chiều nhà vua hỏi: ‘Các người, kẻ đó sao rồi?’—‘Vẫn còn sống, thưa bệ hạ.’—‘Vậy cứ làm đi, buổi chiều đâm hắn bằng một trăm ngọn giáo.’ Buổi chiều họ đâm hắn bằng một trăm ngọn giáo. “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Liệu người đó, sau khi bị đâm bằng ba trăm ngọn giáo, có nếm trải sự khổ đau và buồn đau vì bị như vậy hay không?” “Thưa Thế Tôn, ngay cả khi bị đâm bởi một ngọn giáo người đó đã nếm trải sự khổ đau và buồn đau vì bị như vậy, nói chi tới ba trăm ngọn giáo.”

9. Rồi, cầm một hòn đá nhỏ trong tay, đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo như vầy: “Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Cái nào là lớn hơn, hòn đá nhỏ trong tay ta hay núi Himalaya, vua của những ngọn núi?” “Thưa Thế Tôn, hòn đá nhỏ trong ta đức Thế Tôn là không đáng tính

so với núi Himalaya, vua của những ngọn núi; nó không bằng một phần, lấy đâu so sánh.” “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, sự khổ đau và buồn đau mà người đó nếm trải vì bị đâm bởi ba trăm ngọn giáo là không đáng tính so với địa ngục; nó không bằng một phần, lấy đâu so sánh.

10. “Bây giờ, những cai ngục dưới địa ngục sẽ tra tấn người đó bằng nhục hình ‘đóng đinh năm chỗ’ (dính vách). Họ đóng một thanh sắt đang cháy đỏ xuyên một bàn tay, họ đóng một thanh sắt cháy đỏ xuyên bàn tay thứ hai. Họ đóng một thanh sắt cháy đỏ xuyên qua một bàn chân. Họ đóng một thanh sắt cháy đỏ xuyên bàn chân thứ hai. Họ đóng một thanh sắt cháy đỏ xuyên giữa ngực người đó. Khi đó người đó cảm nhận những cảm giác đau khổ, đau đớn, thấu tận. Nhưng người đó không chết cho đến khi nào nghiệp xấu ác đó chưa hết quả của nó.

11. “Tiếp theo những cai ngục sẽ quăng người đó xuống và chặt đẽo thân người đó bằng rìu chặt (lớn). Khi đó người đó cảm nhận những cảm giác đau khổ, đau đớn, thấu tận. Nhưng người đó không chết cho đến khi nào nghiệp xấu ác đó chưa hết quả của nó.

12. “Tiếp theo, những cai ngục sẽ treo ngược hai chân người đó lên đầu chúc xuống và chặt thân rìu đẽo (nhỏ). Khi đó người đó cảm nhận những cảm giác đau khổ, đau đớn, thấu tận. Nhưng người đó không chết cho đến khi nào nghiệp xấu ác đó chưa hết quả của nó.

13. “Tiếp theo, những cai ngục sẽ cột người đó vào một xe và lôi thân người đó qua lại khu đất đang cháy, cháy đỏ, và cháy rực. Khi đó người đó cảm nhận những cảm giác đau khổ, đau đớn, thấu tận. Nhưng người đó không chết cho đến khi nào nghiệp xấu ác đó chưa hết quả của nó.

14. “Tiếp theo, những cai ngục bắt người đó leo lên leo xuống đống than lớn đang cháy, cháy đỏ, và cháy rực. Khi đó người đó cảm nhận những cảm giác đau khổ, đau đớn, thấu tận. Nhưng người đó không chết cho đến khi nào nghiệp xấu ác đó chưa hết quả của nó.

15. “Tiếp theo, những cai ngục nắm ngược hai chân người đó lên đầu chúc xuống và nhúng người đó vào vạc đồng nấu chảy đang cháy, cháy đỏ, và cháy rực. Người đó bị nấu trong chảo lửa cuộn xoáy đó. Và khi người đó đang bị nấu trong chảo lửa cuộn xoáy đó, người đó nổi lên, chìm xuống, trôi ngang trôi dọc (như bánh đang bị chiên trong chảo dầu). Khi đó người đó cảm nhận những cảm giác đau khổ, đau đớn, thấu tận. Nhưng người đó không chết cho đến khi nào nghiệp xấu ác đó chưa hết quả của

nó.

16. “Tiếp theo, những cai ngục quăng người đó vào Đại Địa Ngục. Giờ nói về Đại Địa Ngục đó, này các Tỳ kheo:
Nó có bốn gốc và được xay bốn cửa
Mỗi cửa mỗi bên,
Được làm tường bằng sắt và bọc kín xung quanh
Và được đóng kín bằng mái sắt.
Sàn của nó được làm toàn bằng sắt
Và được nun nấu cháy đỏ với lửa ngọn.
Phạm vi là cả trăm do-tuần
Bao phủ tất cả bên trong nó.
17. “Này các Tỳ kheo, ta có thể nói cho các thầy theo nhiều cách về địa ngục.1200 Quá nhiều, khó có thể mô tả hết sự khổ đau trong địa ngục.

(Cảnh súc sinh)

18. “Này các Tỳ kheo, có những thú vật sống ăn cỏ. Chúng dùng răng nhai gặm cỏ tươi hay cỏ khô. Và cái gì là những thú vật ăn cỏ? Ngựa, lừa, dê, và hươu nai, và những loài thú vật như vậy. Một người ngu trước giờ thích thú (nhai nếm tham thèm) những mùi-vị chỗ này và làm những nghiệp xấu ác ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ tái sinh trong số những thú vật ăn gặm cỏ.

19. “Có những thú vật sống ăn phân dơ. Chúng ngửi thấy mùi phân từ xa liền chạy tới đó, nghĩ rằng: ‘Chúng ta có thể ăn, chúng ta có thể ăn!’

Giống như những bà-la-môn chạy tới chỗ có mùi đồ cúng tế, nghĩ rằng: ‘Chúng ta có thể ăn, chúng ta có thể ăn!’. Cũng giống như vậy, những thú vật sống ăn phân ngửi thấy mùi phân từ xa liền chạy tới đó, nghĩ rằng: ‘Chúng ta có thể ăn, chúng ta có thể ăn!’ Và cái gì là những thú vật sống ăn phân dơ? Gà, heo, chó, và chó rừng, và những thú vật như vậy. Một người ngu thích thú những mùi-vị chỗ này và làm những nghiệp xấu ác ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ tái sinh trong số những thú vật ăn phân dơ.

20. “Có những thú vật sinh, già, chết trong bóng tối. Và cái gì là những thú vật sinh, già, chết trong bóng tối? Bướm đêm, giòi, và trùn đất, và những loài sinh vật như vậy. Một người ngu trước giờ thích thú những mùi-vị chỗ này và làm những nghiệp xấu ác ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ tái sinh trong số những sinh vật sinh, già, chết trong bóng tối.

21. “Có những sinh vật sinh, già, chết trong nước. Và cái gì là những sinh vật sinh, già, chết trong nước? Cá, rùa, và cá sấu, và những sinh vật như vậy. Một người ngu trước giờ thích thú những mùi-vị chỗ này và làm những nghiệp xấu ác ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ tái sinh trong số những sinh vật sinh, già, chết trong nước.

22. “Có những sinh vật sinh, già, chết trong sự hôi thối. Và cái gì là những sinh vật sinh, già, chết trong sự hôi thối? Đó là những sinh vật sinh, già, chết thành cá chết thối hay thành xác chết thối hay trong đống bã thối hay trong hầm phân thối hay trong cống rãnh thối. Một người ngu trước giờ thích thú những mùi-vị chỗ này và làm những nghiệp xấu ác ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ tái sinh trong số những sinh vật sinh, già, chết trong sự hôi thối.

23. “Này các Tỳ kheo, ta có thể nói cho các thầy theo nhiều cách về cảnh súc sinh, quá nhiều, khó có thể mô tả hết sự khổ đau trong cảnh súc sinh.

24. “Ví dụ có một người quăng xuống biển một thanh gỗ [một cái ách] được đục một cái lỗ, và gió đông xô nó đi tây, gió tây xô nó đi đông, gió

bắc xô nó đi nam, gió nam xô nó đi bắc (trôi giạt vô hướng vô định). Ví dụ có một con rùa mù cuối mỗi một trăm năm ngoi lên mặt nước một lần. Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Liệu con rùa mù có cơ hội chui lọt đầu vào cái lỗ trên thanh gỗ đó không?” “Có lẽ không, thưa Thế Tôn, nếu có nhằm trúng lỗ là rất hy hữu hoặc phải sau một thời gian dài thăm thẳm. “Này các Tỳ kheo, dù rất hy hữu con rùa mù cũng có cơ hội chui đầu nhằm trúng cái lỗ trên thanh gỗ, nhưng một người ngu một khi đã rớt vào những cõi đày đọa thì không biết khi nào mới có thể quay lại trạng thái làm người, ta nói vậy. Vì sao? Bởi vì dưới đó không có sự thực hành Giáo Pháp, không có sự thực hành điều chân chánh, không làm được điều thiện, không làm được công đức. Dưới đó chỉ có sự nhai nuốt lẫn nhau, và sự tàn sát kẻ yếu.

25. “Nếu có thể hy hữu, chẳng hạn một lúc nào đó sau một thời gian dài thăm thẳm, người ngu quay trở lại trạng thái làm người, người đó cũng sẽ bị tái sinh trong một gia cảnh thấp tệ—trong một gia đình giai cấp hạ-tiện (caṇḍāla, chiên-đà-la, nô lệ), hay làm nghề tre nứa, hay nghề săn bắn, hay nghề đóng xe bò, hay nghề lượm rác—một gia đình nghèo đói thiếu ăn thiếu uống, sống sót khó khăn, ở đó hiếm hoi kiếm được thức ăn và quần áo; và người đó là xấu xí, khó nhìn, và dị tướng, bệnh tật như đui mù, cùi tay, què quặt, hay bại liệt; người đó không kiếm được thức ăn, thức uống, quần áo, xe cộ, vòng hoa, nước hoa và phấn sáp, giường chiếu, chỗ ở, đèn đóm; người đó hành vi sai trái (ác hành) về thân, lời-nói, và tâm, và sau khi đã làm vậy, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó lại bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.

26. “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một người đánh bạc xúc xắc ngay cú ném xui xẻo đầu tiên đã thua mất cả con cái và vợ mình và và tất cả tài sản, và cuối cùng rớt xuống cảnh ở đợ nô lệ; nhưng cú ném xui xẻo đó cũng chỉ là nhỏ nhoi; cú ném xui xẻo hơn nhiều là khi một người ngu hành

vi sai trái (ác hành) về thân, lời-nói, và tâm, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí

trong địa ngục. Đây là sự trọn vẹn hoàn toàn của hạng người ngu.1201

(Người trí)

27. “Này các Tỳ kheo, có ba đặc tính của một người trí, ba dấu hiệu của một người trí, ba thuộc tính của người trí. Ba đó là gì? Ở đây một người trí là người nghĩ những ý-nghĩ tốt, nói những lời-nói tốt, và làm những điều tốt. Nếu một người trí không là vậy thì làm sao người trí biết người đó như vầy: ‘Người này là một người trí, một người chân thật’? Nhưng bởi vì một người trí là người nghĩ những ý-nghĩ tốt, nói những lời-nói tốt, và làm những hành-động tốt, nên người trí biết người đó như vầy: ‘Người này là một người trí, một người chân thật’.

28. (1) “Một người trí cảm nhận sự sướng (lạc) và vui (hỷ) ngay trong kiếp này theo ba cách. Nếu một người trí ngồi trong một hội chúng hay bên đường hay trong sân và những người ở đó đang thảo luận những vấn đề chính đáng và xác đáng, thì, nếu người trí là một người kiêng cữ sát- sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, và uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của sự sống lơ tâm phóng dật, người đó sẽ nghĩ: ‘Những người này đang thảo luận những vấn đề chính đáng và xác đáng; những điều này không thấy có trong tôi, và tôi được thấy đã không dính vào những điều đó.’ Đây là loại sự sướng và vui thứ nhất mà một người trí cảm nhận được ngay trong kiếp này.

29. (2) “Lại nữa, khi một thủ phạm trộm cướp bị bắt … [như mục 4, (2) ở trên] … và họ dùng kiếm chặt đầu người đó. Rồi người đó nghĩ: ‘Bởi do những hành-động xấu ác như vậy, nên khi một thủ phạm trộm cướp bị bắt, vua quan đã dùng những hình phạt tàn bạo để trừng trị người đó: họ quất người đó bằng roi … và dùng kiếm chặt đầu người đó. Những điều này không thấy có trong tôi, và tôi được thấy đã không dính vào những điều đó.’1202 Đây loại sự sướng và vui thứ hai mà một người ngu cảm nhận

được ngay trong kiếp này.

30. (3) “Lại nữa, khi một người trí đang nghỉ trên ghế hay nằm trên giường hay trên sàn nhà, thì những nghiệp tốt thiện người đó đã làm trong quá khứ—những hành vi đúng đắn bằng thân, lời-nói, và tâm—bao che người đó, bao phủ người đó, và bao kín người đó. Giống như bóng một đỉnh núi lớn trong buổi chiều bao che, bao phủ, và bao kín phần mặt đất (dưới chân núi); cũng giống như vậy, khi một người trí đang nghỉ trên ghế hay nằm trên giường hay trên sàn nhà, thì những nghiệp tốt thiện người đó đã làm trong quá khứ—những hành vi đúng đắn bằng thân, lời-nói, và tâm—bao che người đó, bao phủ người đó, và bao kín người đó. Rồi người trí nghĩ: ‘Tôi đã làm điều tốt, tôi đã không làm điều thiện lành, tôi đã làm bản thân mình thành chỗ nương náu (tị nạn) khỏi sự thống khổ. Tôi đã làm điều tốt thiện, tôi không đã làm điều tàn bạo, tôi không đã làm điều độc ác. Sau khi tôi qua đời, tôi sẽ tới nơi-đến của những người đã không làm điều xấu ác … đã không làm điều độc ác.’ Người đó không ưu sầu, đau buồn, và ai oán, người đó không khóc than đấm ngực và không bị quẩn trí. Đây là loại sự khổ đau và buồn đau thứ ba mà một người trí cảm nhận được ngay trong kiếp này.

31. “Một người ngu đã để cho bản thân mình làm những hành vi đúng đắn của thân, lời-nói, và tâm, thì khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.

(Cõi trời)

32. “Nếu nói một cách đúng đắn mà nói về điều gì như vầy: ‘Đó là cực kỳ đáng ước, cực kỳ đáng muốn, và cực kỳ dễ chịu’, thì đó là nói về cõi trời; đến mức khó tìm ra một ví dụ (để diễn tả) về sự hạnh-phúc trong cõi trời.”

33. Sau khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã hỏi đức Thế Tôn: “Nhưng, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn có thể cho một ví dụ không?” “Có thể, này Tỳ kheo”, đức Thế Tôn nói.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe (chuyển luân vương)1203 có được bảy báu và bốn loại sự thành-công, và nhờ có được như vậy ông nếm trải sự sướng và vui.

34. (i) “Cái gì là bảy báu? Ở đây, khi một vị vua thánh thiện được phong vương [được xức dầu lên đầu] vào ngày lễ rằm Bố-tát1204 và đã leo lên gác thượng của cung điện vì ngày lễ Bố-tát, ở đó bánh xe báu thiêng thánh hiện ra cho ông với đầy đủ với ngàn căm, đầy đủ vành xe, trục xe, và tất cả các bộ phận. Khi nhìn thấy nó, vị vua thánh thiện đã được phong vương nghĩ như vầy: ‘Giờ điều này đã được nghe bởi ta, rằng sau khi một vị vua thánh thiện đã được phong vương đã gội đầu tóc vào ngày lễ rằm Bố-tát và đã leo lên gác thượng của cung điện vì ngày lễ Bố-tát, và bánh xe báu thiêng thánh hiện ra cho ông với đầy đủ với ngàn căm, đầy đủ vành xe, trục xe, và tất cả các bộ phận, thì vị vua đó trở thành một Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe. Vậy có phải ta là một Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe?’

35. “Rồi vị vua thánh thiện đã được phong vương đứng dậy khỏi chỗ ngồi, tay trái cầm lấy bình nước, rồi dùng tay phải rảy nước lên bánh xe báu, hô rằng: ‘Hãy lăn tới, này bánh xe báu tốt lành; hãy chiến thắng, này bánh xe báu tốt lành!’ Sau khi bánh xe báu lăn về hướng đông và Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe đi theo sau cùng với đội quân bốn binh chủng. Bấy giờ bất cứ xứ nào bánh xe báu dừng lại, ở đó Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe đều lấy thành lãnh thổ của mình bằng đội quân bốn binh chủng của mình. Và những vị vua đối nghịch ở phương đông đã đến gặp Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe và nói như vầy: ‘Này đại vương, xin tiếp đón ngài; này đại vương, ngài cứ hạ lệnh; này đại vương, ngài cứ chỉ bảo.’ Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe nói như vầy: ‘Các vị không nên sát-sinh; các vị không nên gian-cắp; các vị không nên tà-dâm tà dục; các vị không nên nói-dối nói láo; các vị không nên uống rượu hay dùng những chất độc hại; các vị nên ăn uống những gì mình đã quen ăn.’ Và những vị vua đối nghịch ở phương đông đã quy phục theo Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe. Rồi bánh xe báu lặn xuống đại dương phương đông và nổi lên lại.

“Và bánh xe đổi hướng lăn về hướng nam … Và những vị vua đối nghịch ở phương nam đã quy phục theo Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe. Rồi bánh xe báu lặn xuống đại dương phương nam và nổi lên lại. Và bánh xe đổi hướng lăn về hướng tây … Và những vị vua đối nghịch ở phương tây đã quy phục theo Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe. Rồi bánh xe báu lặn xuống đại dương phương tây và nổi lên lại. Và bánh xe đổi hướng lăn về hướng bắc … Và những vị vua đối nghịch ở phương bắc đã quy phục theo Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe. “Bấy giờ khi bánh xe báu đã thắng lợi khắp trái đất tới tận bờ đại dương, nó quay lại kinh đô và đứng yên nhưng đóng cố định trục của nó ngay trước cổng nội cung của Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe, cứ như để trang hoàng cho cổng của hoàng cung vậy. Đó là bánh xe báu đã hiện ra cho Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe.

36. (ii) “Lại nữa, voi báu hiện ra cho Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe, toàn trắng, với bảy tư thế, với năng-lực siêu thường (thần thông), bay xuyên không trung, là vua của loài voi, tên là ‘Uposatha’ [Bố-tát]. Khi nhìn thấy voi, Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe đã có niềm-tin vào ngài như vầy: ‘Sẽ kỳ diệu khi cỡi lên voi này, nếu voi này trải qua sự thuần luyện!’ Rồi voi báu đã trải qua thuần luyện giống như một con voi thuần chủng tốt đã được thuần luyện từ lâu. Và điều này xảy ra với Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe đó, sau khi đã kiểm nghiệm voi báu, nhà vua cỡi voi vào buổi sáng, và sau khi bay đi khắp trái đất tới tận bờ đại dương (một cách siêu nhanh chóng), nhà vua quay về kinh đô để dùng bữa sáng. Đó là voi báu đã hiện ra cho Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe.

37. (iii) “Lại nữa, ngựa báu hiện ra cho Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe, toàn trắng, có đầu đen như quạ, có bờm như cỏ muñja, có năng lực siêu thường, bay xuyên không trung, là vua của loài ngựa, tên là ‘Valāhaka’ [Mây Sấm Sét] … (tiếp tục tương tự như voi báu ở mục kế trên) … Đó là ngựa báu đã hiện ra cho Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe.

38. (iv) “Lại nữa, ngọc báu hiện ra cho Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe.

Châu báu là ngọc lưu ly tinh đẹp, tám mặt, được khéo cắt dũa. Giờ sự phát sáng của ngọc báu bao phủ khắp cả do-tuần. Và điều này xảy ra với Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe đó, sau khi đã kiểm nghiệm ngọc báu, nhà vua triệu tập toàn đội quan bốn binh chủng của mình thành hàng, và gắn ngọc báu lên đầu lá cờ, nhà vua lên đường đi trong trời tối và mịt mùng của ban đêm. Rồi tất cả [mọi người của] khu làng bên cạnh bắt đầu làm việc nhờ ánh sáng của ngọc, họ tưởng đó là ban ngày. Đó là ngọc báu đã hiện ra cho Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe.

39. (v) “Lại nữa, phụ nữ báu hiện ra cho Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe, sắc đẹp, chải chuốt và duyên dáng, có được vẻ đẹp tối thượng của làn da, không quá cao không quá thấp, không quá ốm không quá mập, không quá đen không quá trắng, vượt trên vẻ đẹp của con người nhưng không đạt tới vẻ đẹp của những thiên thần. Sự tiếp xúc nữ báu giống như chạm vào chút bông gòn hay bông vải. Khi trời mát tứ chi ấm, khi trời ấm tứ chi mát. Từ thân thoát ra mùi hương gỗ đàn hương, và từ miệng thoát ra mùi hoa sen. Nữ báu thức dậy trước Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe và đi ngủ sau nhà vua. Nữ báu siêng năng hầu hạ, thái độ dễ mến, và lời nói ngọt ngào. Vì nữ báu không bao giờ bất

trung với Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe ngay cả trong ý nghĩ, thì làm sao có thể bất trung bằng hành động? Đó là nữ báu đã hiện ra cho Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe.

40. (vi) “Lại nữa, quản gia báu hiện ra cho Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe. Với mắt thiên thánh (thiên nhãn) được sinh ra từ nghiệp quá khứ được thể hiện trong ông ta ở đó ông nhìn thấy những kho báu có chủ và vô chủ. Ông đến gặp Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe và nói: ‘Thưa bệ hạ, bệ hạ cứ an ổn. Thần sẽ lo chu đáo mọi sự tiền bạc ngân khố.’ Và điều này xảy ra với Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe đó, sau khi đã kiểm tra người quản gia báu, nhà vua leo lên thuyền và đi ra giữa sông Hằng, ở giữa dòng nhà vua nói với người quản gia báu: ‘Này quản gia, ta cần vàng và vàng thỏi.’— ‘Vậy thì, thưa bệ hạ, hãy quay thuyền vào bờ sông.’—‘Này quản gia, tại chính chỗ này ta cần vàng và vàng thỏi.’ Rồi người quản gia báu nhúng hai tay xuống nước và kéo lên một lu đầy vàng và vàng thỏi, và ông ta nói

với Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe: ‘Chỗ này đủ chưa, thưa bệ hạ? Đã làm đủ, đã dâng đủ chưa?’—‘Này quản gia, chỗ này đã đủ, đã làm đủ, đã dâng đủ.’ Đó là quản gia báu đã hiện ra cho Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe.

41. (vii) “Lại nữa, quân sư báu hiện ra cho Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe, khôn ngoan, sáng trí, và thông thái, có khả năng giúp Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe phát huy điều đáng phát huy, loại bỏ điều đáng loại bỏ, và thiết lập điều đáng thiết lập. Ông ta đến gặp Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe và nói: ‘Thưa bệ hạ, bệ hạ cứ an ổn. Thần sẽ quản trị chu đáo.’ Đó là quân sư báu đã hiện ra cho Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe. “Đây là bảy báu mà Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe có được.

42. (i) “Cái gì là bốn loại sự thành-đạt? Ở đây, một Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe là đẹp đẽ, chải chuốt và duyên dáng, có được vẻ đẹp tối thượng của làn da, và nhà vua vượt qua mọi người khác về mặt này. Đây là loại sự thành đạt thứ nhất mà Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe có được.

43. (ii) “Lại nữa, một Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe sống lâu và sống thọ, và nhà vua vượt qua mọi người khác về mặt này. Đây là loại sự thành đạt thứ hai mà Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe có được.

44. (iii) “Lại nữa, một Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe không bị bệnh đau và khổ thân, có được hệ tiêu hóa tốt không quá lạnh không quá nóng, và nhà vua vượt qua mọi người khác về mặt này. Đây là loại sự thành đạt thứ ba mà Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe có được.

45. (iv) “Lại nữa, một Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe là đáng quý và đáng mến đối với những bà-la-môn và những gia chủ. Giống như một người cha là đáng quý và đáng mến đối với con cái; một Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe là đáng quý và đáng mến đối với những bà-la-môn và những gia chủ. Những bà-la-môn và những gia chủ cũng đáng quý và đáng mến đối với một Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe. Giống như con cái là đáng quý và đáng mến đối với người cha; những bà-la-môn và những

gia chủ cũng đáng quý và đáng mến đối với một Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe. Một lần Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe đang cỡi xe đi dạo trong khu vườn thượng uyển cùng với đội quân bốn binh chủng của mình. Lúc đó những bà-la-môn và những gia chủ đã đến gặp và thưa như vầy: 'Thưa bệ hạ, hãy cỡi xe chậm lại để chúng tôi có thể nhìn thấy ngài được lâu hơn.' Và nhà vua đã nói với người lái xe ngựa: 'Này người lái xe, hãy lái chậm lại để ta có thể nhìn thấy những bà-la-môn và những gia chủ được lâu hơn.' Đây là loại sự thành đạt thứ tư mà Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe có được. "Đây là bốn loại sự thành-đạt mà một Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe có được.

46. "Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Như vậy có phải một Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe nếm trải sự sướng và vui nhờ có được bảy báu và bốn loại sự thành-đạt như vậy hay không?" "Dạ đúng, thưa Thế Tôn, như vậy một Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe nếm trải sự sướng và vui nhờ có được bảy báu và bốn loại sự thành-đạt như vậy."

47. Rồi, cầm lấy hòn đá nhỏ trong tay, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: "Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Cái nào là lớn hơn, hòn đá nhỏ trong tay ta hay núi Himalaya, vua của những ngọn núi?" "Thưa Thế Tôn, hòn đá nhỏ trong ta đức Thế Tôn là không đáng tính so với núi Himalaya, vua của những ngọn núi; nó không bằng một phần, lấy đâu so sánh." "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, sự sướng và vui đến vậy mà một Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe nếm trải nhờ có được bảy báu và bốn loại sự thành-đạt là không đáng tính so với sự hạnh-phúc trong cõi trời; nó không bằng một phần, lấy đâu so sánh.

48. "Nếu có thể hy hữu, chẳng hạn một lúc nào đó sau một thời gian dài thăm thẳm, người trí quay trở lại trạng thái làm người, người đó đó sẽ tái

sinh trong một gia cảnh cao sang—trong một gia đình của những quý tộc [giai cấp chiến-sĩ] khá giả, hay những bà-la-môn khá giả, hay những gia chủ khá giả—gia đình giàu có, nhiều của cải, nhiều tài sản, nhiều vàng và bạc, dồi dào tài sản và phương tiện, và dồi dào vàng và bạc. Người đó là đẹp đẽ, chải chuốt và duyên dáng, có được vẻ đẹp tối thượng của làn da. Người đó có được thức ăn và thức uống, quần áo, xe cộ, vòng hoa, nước hoa và phấn sáp, giường chiếu, chỗ ở, đèn đóm; người đó hành vi đúng đắn (thiện hành) về thân, lời-nói, và tâm, và sau khi đã làm vậy, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó lại được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.

49. "Này các Tỳ kheo, ví dụ có một người đánh bạc xúc xắc ngay cú ném may mắn đầu tiên đã thắng được gia tài lớn; nhưng cú ném may mắn đó cũng chỉ là nhỏ nhoi; cú ném may mắn hơn nhiều là khi một người trí hành vi đúng đắn (thiện hành) về thân, lời-nói, và tâm, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.1205 Đây là sự hoàn thiện đầy đủ của hạng người trí." Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

130. KINH NHỮNG VỊ THIÊN SỨ (Devadūta Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo"—"Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. "Này các Tỳ kheo, ví dụ có hai ngôi nhà có cửa và một người có mắt sáng đứng chỗ giữa hai ngôi nhà nhìn thấy người ta đi vô và đi ra, đi qua và đi lại hai ngôi nhà đó. Cũng giống như vậy, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người (thiên nhãn minh), ta nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phúc lành có và vô phúc có, và ta hiểu được cách những chúng sinh chết đi và tái sinh tùy theo những nghiệp của mình như vầy: '[1] Có những chúng sinh xứng đáng này là những người đã hành xử thiện khéo (thiện hành) về thân, lời-nói, và tâm, những người không mắng chửi những bậc thánh, đúng đắn trong những cách-nhìn của mình (có chánh kiến), chọn làm những hành-động theo chánh kiến, khi thân tan rã, sau khi chết, họ đã được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Hoặc có những chúng sinh xứng đáng này là những người đã hành xử thiện khéo về thân, lời-nói, và tâm, những người không mắng chửi những bậc thánh, đúng đắn về những cách-nhìn của mình (có chánh kiến), chọn làm những hành-động theo chánh kiến, khi thân tan rã, sau khi chết, họ đã được tái sinh trong số loài người. [2] Nhưng có những chúng sinh xứng đáng này là những người đã hành xử xấu ác (ác hành) về thân, lời-nói, và tâm, là những người mắng chửi những bậc thánh, sai lạc trong những cách-nhìn của mình (có tà kiến), chọn làm những hành-động dựa theo tà kiến, khi thân tan rã, sau khi chết, họ đã bị tái sinh trong cảnh hồn ma ngạ-quỷ. Hoặc có những chúng sinh xứng đáng này là những người đã hành xử xấu ác … khi thân tan rã, sau khi chết, họ đã bị tái sinh trong cảnh súc-sinh. Hoặc có những chúng sinh xứng đáng này là những người

đã hành xử xấu ác … khi thân tan rã, sau khi chết, họ đã bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.'

3. "Bấy giờ, những cai ngục của địa ngục nắm hai tay một chúng sinh như vậy và lôi tới trình diện trước Diêm Vương [Yama, Dạ-ma vương],1206 thưa rằng: 'Tâu đức vương, người này đã đối xử xấu ác với mẹ của mình, đã đối xử xấu ác với cha của mình, đã đối xử xấu ác với những tu sĩ (sa-môn), đã đối xử xấu ác với những bà-la-môn; người này không có sự tôn trọng đối với những bậc lão thành (ông bà chú bác) trong họ tộc của mình. Đức vương hãy hạ lệnh trừng phạt người này.'

4. [1] "Rồi Vua Dạ-ma đã hỏi và hỏi tội và tra hỏi người này về vị thiên-sứ thứ nhất: 'Này kẻ kia, ngươi có từng thấy vị thiên-sứ thứ nhất xuất hiện trong thế gian hay không?'1207—'Dạ không, thưa Diêm Vương, con chưa từng thấy vị ấy', người đó trả lời. "Rồi Diêm Vương nói với người đó: 'Nhưng, này kẻ kia, bộ ngươi chưa từng thấy trong

đời một đứa trẻ sơ sinh nằm sắp, nằm dơ trên phân và nước tiểu của nó, hay sao?'—'Dạ có thấy, thưa Diêm Vương', người đó trả lời. "Rồi Diêm Vương nói: 'Này kẻ kia, không lẽ ngươi—một người thông minh và trưởng thành—mà không biết nghĩ: "Tôi cũng phải bị sinh ra như vậy, và không thể nào thoát khỏi điều đó. Vậy giờ tốt hơn tôi sẽ lo làm những điều tốt bằng thân, lời-nói, và tâm", hay sao?' "'Không, thưa Diêm Vương, con đã không nghĩ được điều đó. Con đã lơ tâm về điều đó.' "Rồi Diêm Vương nói: 'Này kẻ kia, chính vì sự lơ-tâm phóng dật, ngươi đã không làm những điều tốt bằng thân, lời-nói, và tâm. Chắc chắn họ sẽ xử ngươi thích đáng với sự lơ-tâm phóng dật của ngươi. Những nghiệp xấu ác này của ngươi không phải được làm bởi mẹ hay cha, anh chị hay em, bạn bè hay đồng sự, người thân hay họ hàng, những tu sĩ hay

những bà-la-môn, hay bởi những thiên thần: nghiệp xấu ác này đã được làm bởi ngươi và chính ngươi phải nếm trải nghiệp quả của nó.'

5. [2] "Rồi, sau khi đã hỏi và hỏi tội và tra hỏi người này về vị thiên-sứ thứ nhất, Diêm Vương đã hỏi và hỏi tội và tra hỏi người này về vị thiên-sứ thứ hai: 'Này kẻ kia, ngươi có từng thấy vị thiên-sứ thứ hai xuất hiện trong thế gian hay không?'—'Dạ không, thưa Diêm Vương, con chưa từng thấy vị ấy', người đó trả lời. "Rồi Diêm Vương nói với người đó: 'Nhưng, này kẻ kia, bộ ngươi chưa từng thấy trong thế gian có người đàn ông nào—hay phụ nữ nào— tám mươi, chín mươi, hoặc một trăm tuổi, già nua, thân cong như vòm mái nhà, lưng còm, chống gậy, đi đứng run rẩy, đau đớn, tuổi trẻ và sức lực đã hết, với răng rụng, với tóc bạc thưa thớt hay hói đầu, da nhăn nheo, với tay chân đầy vết khô lác, hay sao?'—'Dạ có thấy, thưa Diêm Vương', người đó trả lời. "Rồi Diêm Vương nói: 'Này kẻ kia, không lẽ ngươi—một người thông minh và trưởng thành—mà không biết nghĩ: "Tôi cũng phải bị già yếu như vậy, và không thể nào thoát khỏi điều đó. Vậy giờ tốt hơn tôi sẽ lo làm những điều tốt bằng thân, lời-nói, và tâm", hay sao?' "'Không, thưa Diêm Vương, con đã không nghĩ được điều đó. Con đã lơ tâm về điều đó.' "Rồi Diêm Vương nói: 'Này kẻ kia, chính vì sự lơ-tâm phóng dật, ngươi đã không làm những điều tốt bằng thân, lời-nói, và tâm. Chắc chắn họ sẽ xử ngươi thích đáng với sự lơ-tâm phóng dật của ngươi. Những nghiệp xấu ác này của ngươi không phải được làm bởi mẹ hay cha … hay bởi những thiên thần: nghiệp xấu ác này đã được làm bởi ngươi và chính ngươi phải nếm trải nghiệp quả của nó.'

6. [3] "Rồi, sau khi đã hỏi và hỏi tội và tra hỏi người này về vị thiên-sứ thứ hai, Diêm Vương đã hỏi và hỏi tội và tra hỏi người này về vị thiên-sứ thứ ba: 'Này kẻ kia, ngươi có từng thấy vị thiên-sứ thứ ba xuất hiện trong

thế gian hay không?'—'Dạ không, thưa Diêm Vương, con chưa từng thấy vị ấy', người đó trả lời. "Rồi Diêm Vương nói: 'Nhưng, này kẻ kia, bộ ngươi chưa từng thấy trong thế gian có người đàn ông nào—hay phụ nữ nào—bị bệnh và đau đớn, bệnh yếu gần chết, nằm trên phân và nước tiểu của mình, phải nhờ người này người nọ ẳm lên và đặt xuống giường, hay sao?'—'Dạ có thấy, thưa Diêm Vương', người đó trả lời. "Rồi Diêm

Vương nói: ‘Này kẻ kia, không lẽ ngươi—một người thông minh và trưởng thành—mà không biết nghĩ: “Tôi cũng phải bị bệnh đau như vậy, và không thể nào thoát khỏi điều đó. Vậy giờ tốt hơn tôi sẽ lo làm những điều tốt bằng thân, lời-nói, và tâm”, hay sao?’ “‘Không, thưa Diêm Vương, con đã không nghĩ được điều đó. Con đã lơ tâm về điều đó.’ “Rồi Diêm Vương nói: ‘Này kẻ kia, chính vì sự lơ-tâm phóng dật, ngươi đã không làm những điều tốt bằng thân, lời-nói, và tâm. Chắc chắn họ sẽ xử ngươi thích đáng với sự lơ-tâm phóng dật của ngươi. Những nghiệp xấu ác này của ngươi không phải được làm bởi mẹ hay cha … hay bởi những thiên thần: nghiệp xấu ác này đã được làm bởi ngươi và chính ngươi phải nếm trải nghiệp quả của nó.’

7. [4] “Rồi, sau khi đã hỏi và hỏi tội và tra hỏi người này về vị thiên-sứ thứ ba, Diêm Vương đã hỏi và hỏi tội và tra hỏi người này về vị thiên-sứ thứ tư: ‘Này kẻ kia, ngươi có từng thấy vị thiên-sứ thứ tư xuất hiện trong thế gian hay không?’—‘Dạ không, thưa Diêm Vương, con chưa từng thấy vị ấy’, người đó trả lời. “Rồi Diêm Vương nói: ‘Nhưng, này kẻ kia, bộ ngươi chưa từng thấy trong thế gian khi một người trộm cướp bị bắt, vua quan dùng những hình phạt tàn bạo khác nhau để trừng trị người đó: họ dùng roi quất người đó … (tiếp tục giống như kinh MN 129 kế trên, mục 4) … và họ dùng kiếm chặt đầu người đó.—‘Dạ có thấy, thưa Diêm Vương’, người đó trả lời.

“Rồi Diêm Vương nói: ‘Này kẻ kia, không lẽ ngươi—một người thông minh và trưởng thành—mà không biết nghĩ: “Những người làm những nghiệp xấu ác sẽ bị trừng trị bởi những hình phạt tra tấn tàn bạo khác nhau ngay tại đây và bây giờ; còn sau đó (dưới địa ngục…) thì sẽ bị đến mức nào nữa? Vậy giờ tốt hơn tôi sẽ lo làm những điều tốt bằng thân, lời-nói, và tâm”, hay sao?’ “‘Không, thưa Diêm Vương, con đã không nghĩ được điều đó. Con đã lơ tâm về điều đó.’ “Rồi Diêm Vương nói: ‘Này kẻ kia, chính vì sự lơ-tâm phóng dật, ngươi đã không làm những điều tốt bằng thân, lời-nói, và tâm. Chắc chắn họ sẽ xử ngươi thích đáng với sự lơ-tâm phóng dật của ngươi. Những nghiệp xấu ác này của ngươi không phải được làm bởi mẹ hay cha … hay bởi những thiên thần: nghiệp xấu ác này đã được làm bởi ngươi và chính ngươi phải nếm trải nghiệp quả của nó.’

8. [5] “Rồi, sau khi đã hỏi và hỏi tội và tra hỏi người này về vị thiên-sứ thứ tư, Diêm Vương đã hỏi và hỏi tội và tra hỏi người này về vị thiên-sứ thứ năm: ‘Này kẻ kia, ngươi có từng thấy vị thiên-sứ thứ năm xuất hiện trong thế gian hay không?’—‘Dạ không, thưa Diêm Vương, con chưa từng thấy vị ấy’, người đó trả lời. “Rồi Diêm Vương nói: ‘Nhưng, này kẻ kia, bộ ngươi chưa từng thấy trong thế gian một đàn ông—hay một phụ nữ—chết, mới chết một ngày, chết hai ngày, hay chết ba ngày, thi thể trương lên, tái nhợt, và đang sình thối, hay sao?’—‘Dạ có thấy, thưa Diêm Vương’, người đó trả lời. “Rồi Diêm Vương nói: ‘Này kẻ kia, không lẽ ngươi—một người thông minh và trưởng thành—mà không biết nghĩ: “Tôi cũng phải bị chết và không thể thoát khỏi điều đó. Vậy giờ tôi sẽ lo làm những điều tốt bằng thân, lời-nói, và tâm”, hay sao?’ “‘Không, thưa Diêm Vương, con đã không nghĩ được điều đó. Con đã lơ tâm về điều đó.’

“Rồi Diêm Vương nói: ‘Này kẻ kia, chính vì sự lơ-tâm phóng dật, ngươi đã không làm những điều tốt bằng thân, lời-nói, và tâm. Chắc chắn họ sẽ xử ngươi thích đáng với sự lơ-tâm phóng dật của ngươi. Những nghiệp xấu ác này của ngươi không phải được làm bởi mẹ hay cha … hay bởi những thiên thần: nghiệp xấu ác này đã được làm bởi ngươi và chính ngươi phải nếm trải nghiệp quả của nó.’

9. “Rồi, sau khi đã hỏi và hỏi tội và tra hỏi người này về vị thiên-sứ thứ năm, Diêm Vương im lặng.

10. “Bây giờ những cai ngục của địa ngục sẽ tra tấn người đó bằng hình trảm đóng đinh năm chỗ.1208 Họ đóng một thanh sắt đang cháy đỏ xuyên một bàn tay, họ đóng một thanh sắt cháy đỏ xuyên bàn tay thứ hai. Họ đóng một thanh sắt cháy đỏ xuyên qua một bàn chân, họ đóng một thanh sắt cháy đỏ xuyên bàn chân thứ hai. Họ đóng một thanh sắt cháy đỏ xuyên giữa ngực người đó. Khi đó người đó cảm nhận những cảm giác đau khổ, đau đớn, thấu tận. Nhưng người đó không chết cho đến khi nào nghiệp xấu ác đó chưa hết quả của nó.

11. “Tiếp theo, những cai ngục sẽ quăng người đó xuống và chặt gọt thân người đó bằng rìu chặt (lớn). Khi đó người đó cảm nhận những cảm giác đau khổ, đau đớn, thấu tận. Nhưng người đó không chết cho đến khi nào nghiệp xấu ác đó chưa hết quả của nó.

12. “Tiếp theo, những cai ngục sẽ treo ngược hai chân người đó lên đầu chúc xuống và chặt thân rìu đẽo (nhỏ). Khi đó người đó cảm nhận những cảm giác đau khổ, đau đớn, thấu tận. Nhưng người đó không chết cho đến khi nào nghiệp xấu ác đó chưa hết quả của nó.

13. “Tiếp theo, những cai ngục sẽ cột người đó vào một xe và lôi thân người đó qua lại khu đất đang cháy, cháy đỏ, và cháy rực. Khi đó người đó cảm nhận những cảm giác đau khổ, đau đớn, thấu tận. Nhưng người đó không chết cho đến khi nào nghiệp xấu ác đó chưa hết quả của nó.

14. “Tiếp theo, những cai ngục bắt người đó leo lên leo xuống đống

than lớn đang cháy, cháy đỏ, và cháy rực. Khi đó người đó cảm nhận những cảm giác đau khổ, đau đớn, thấu tận. Nhưng người đó không chết cho đến khi nào nghiệp xấu ác đó chưa hết quả của nó.

15. “Tiếp theo, những cai ngục nắm ngược hai chân người đó lên đầu chúc xuống và nhúng người đó vào chảo kim loại đỏ rực đang cháy, cháy đỏ, và cháy rực. Người đó bị nấu trong chảo lửa cuộn xoáy đó. Và khi người đó đang bị nấu trong chảo lửa cuộn xoáy đó, người đó nổi lên, chìm xuống, trôi ngang trôi dọc (như bánh đang bị chiên trong chảo dầu). Khi đó người đó cảm nhận những cảm giác đau khổ, đau đớn, thấu tận. Nhưng người đó không chết cho đến khi nào nghiệp xấu ác đó chưa hết quả của

nó.

16. “Tiếp theo, những cai ngục quăng anh ta vào Đại Địa Ngục. Giờ nói về Đại Địa Ngục đó, này các Tỳ kheo:
Nó có bốn gốc và được xay bốn cửa
Mỗi cửa mỗi bên,
Được làm tường bằng sắt và bọc kín xung quanh
Và được đóng kín bằng mái sắt.
Sàn của nó được làm toàn bằng sắt
Và được nun nấu cháy đỏ với lửa ngọn.
Phạm vi là cả trăm do-tuần
Bao phủ tất cả bên trong nó.
17. “Giờ lửa ngọn bùng lên từ tường phía đông cháy ngập tới tường phía tây; lửa ngọn bùng lên từ tường phía tây cháy ngập tới tường phía đông. Và lửa ngọn bùng lên từ tường phía bắc cháy ngập tới tường phía nam; lửa ngọn bùng lên từ tường phía nam cháy ngập tới tường phía bắc. Lửa ngọn bùng lên từ đáy cháy ngập tới mái. Và lửa ngọn bùng lên từ dưới trên mái cháy ngập tới đáy. Khi đó người đó cảm nhận những cảm giác đau khổ, đau đớn, thấu tận. Nhưng người đó không chết cho đến khi nào nghiệp xấu ác đó chưa hết quả của nó.

18. “Này các Tỳ kheo, sau một thời gian dài thăm thẳm trong Đại Địa Ngục, có lúc cổng phía đông của Đại Địa Ngục mở ra. Người đó liền chạy về phía đó, đạp chân phóng nhanh. Mỗi khi chân đạp xuống, da ngoài của người đó bốc cháy, da trong của người đó bốc cháy, thịt bốc cháy, gân bốc cháy, xương bốc khói; và mỗi khi chân dỡ lên người đó cũng bị như vậy. Rồi lâu lắm người đó mới lếch tới được cánh cổng, ngay lúc đó cổng đóng lại. Khi đó người đó cảm nhận những cảm giác đau khổ, đau đớn, thấu tận. Nhưng người đó không chết cho đến khi nào nghiệp xấu ác đó chưa hết quả của nó. “Sau một thời gian dài thăm thẳm trong Đại Địa Ngục, có lúc cổng phía tây … cổng phía bắc … cổng phía nam của Đại Địa Ngục mở ra … Người đó chạy về phía đó … Rồi lâu lắm người đó mới lếch tới được cánh cổng, ngay lúc đó cổng đóng lại. Khi đó người đó cảm nhận những cảm giác đau khổ, đau đớn, thấu tận. Nhưng người đó không chết cho đến khi nào nghiệp xấu ác đó chưa hết quả của nó.

19. “Này các Tỳ kheo, sau một thời gian dài thăm thẳm trong Đại Địa Ngục, có lúc cổng phía đông của Đại Địa Ngục mở ra. Người đó liền chạy về phía đó, đạp chân phóng nhanh. Mỗi khi chân đạp xuống, da ngoài của người đó bốc cháy, da trong của người đó bốc cháy, thịt bốc cháy, gân bốc cháy, xương bốc khói; và mỗi khi chân dỡ lên người đó cũng bị như vậy. Rồi người đó thoát ra cổng đó.

20. “Ngay kế Đại Địa Ngục là Địa Ngục Hầm Phân rộng lớn. Người đó rớt ngay xuống đó. Trong Địa Ngục Hầm Phân đó, những con vật có miệng như kim khoan thủng da ngoài của người đó, khoan vào da trong và khoan vào thịt và khoan vào gân và khoan vào xương và ăn tủy của người đó. Khi đó người đó cảm nhận những cảm giác đau khổ,

đau đớn, thấu tận. Nhưng người đó không chết cho đến khi nào nghiệp xấu ác đó chưa hết quả của nó.

21. “Ngay kế Địa Ngục Hầm Phân là Địa Ngục Toàn Than Cháy Đỏ rộng lớn. Người đó rớt vô đó. Khi đó người đó cảm nhận những cảm giác

KINH NHỮNG VỊ THIÊN SỨ • 273

đau khổ, đau đớn, thấu tận. Nhưng người đó không chết cho đến khi nào nghiệp xấu ác đó chưa hết quả của nó.

22. “Ngay kế Địa Ngục Than Cháy Đỏ là Rừng Cây Simbali rộng lớn. Những cây cao một do-tuần, tua tủa đầy gai nhọn có chiều dài một tấc [bằng sáu lần chiều rộng ngón tay], đang cháy, bốc cháy, và cháy đỏ. Những cai ngục bắt người đó trèo lên và trèo xuống những cây đó. Khi đó người đó cảm nhận những cảm giác đau khổ, đau đớn, thấu tận. Nhưng người đó không chết cho đến khi nào nghiệp xấu ác đó chưa hết quả của nó.

23. “Ngay kế Rừng Cây Simbali là Rừng Cây Lá Kiếm. Người đó đi vô đó. Lá do gió thổi cắt đứt bàn tay và bàn chân người đó; chúng cắt đứt tai và cắt đứt mũi người đó. Khi đó người đó cảm nhận những cảm giác đau khổ, đau đớn, thấu tận. Nhưng người đó không chết cho đến khi nào nghiệp xấu ác đó chưa hết quả của nó.

24. “Ngay kế Rừng Cây Lá Kiếm là một sông lớn đầy nước ăn mòn. Người đó rớt vô đó. Người đó bị cuốn trôi xuôi ngược và ngược xuôi trong dòng nước (bào mòn thân). Khi đó người đó cảm nhận những cảm giác đau khổ, đau đớn, thấu tận. Nhưng người đó không chết cho đến khi nào nghiệp xấu ác đó chưa hết quả của nó.

25. “Tiếp theo những cai ngục của địa ngục dùng móc nhọn kéo người đó ra khỏi sông đó, đặt lên bờ, họ hỏi người đó: ‘Này kẻ kia, giờ ngươi muốn gì?’ Người đó nói: ‘Tôi đói quá, thưa quý ngài.’ Rồi những cai ngục vạch họng người đó ra bằng kiềm sắt đang đỏ rực, đang cháy, bốc cháy, và cháy đỏ và họ quăng vô miệng người đó hòn sắt đang đỏ rực, đang cháy, bốc cháy, và cháy đỏ. Nó đốt cháy lưỡi, đốt cháy miệng, đốt cháy họng, đốt cháy bụng, và nó đi xuyên qua và rớt ra bên dưới kéo theo ruột và màng ruột. Khi đó người đó cảm nhận những cảm giác đau khổ, đau đớn, thấu tận. Nhưng người đó không chết cho đến khi nào nghiệp xấu ác đó chưa hết quả của nó.

26. “Tiếp theo những cai ngục của địa ngục hỏi người đó: ‘Này kẻ kia,

274 • Chương 3

giờ người muốn gì?’ Người đó đó nói: ‘Tôi khát quá, thưa các ngài.’ Rồi những cai ngục vạch họng người đó ra bằng kiềm sắt đang đỏ rực, đang cháy, bốc cháy, và cháy đỏ và họ đổ vào miệng người đó đồng đang nấu chảy, đang cháy, bốc cháy, và cháy đỏ. Nó đốt cháy lưỡi, đốt cháy miệng, đốt cháy họng, đốt cháy bụng, và nó đi xuyên qua và chảy ra bên dưới kéo theo ruột và màng ruột. Khi đó người đó cảm nhận những cảm giác đau khổ, đau đớn, thấu tận. Nhưng người đó không chết cho đến khi nào nghiệp xấu ác đó chưa hết quả của nó.

27. “Rồi những cai ngục của địa ngục quăng người đó vô trở lại Đại Địa Ngục.

28. “Này các Tỳ kheo, ngày xưa Diêm Vương đã từng nghĩ như vầy: ‘Những ai trong đời làm những việc xấu ác thì sẽ bị trừng phạt bằng những hình phạt tàn bạo khác nhau như vậy. Ôi, ước gì ta đạt được trạng thái làm người, rồi có một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác khởi sinh trong thế gian, rồi ta sẽ phụng sự bậc Thế Tôn đó, rồi đức Thế Tôn đó sẽ chỉ dạy cho ta Giáo Pháp, và ta sẽ đi đến hiểu được Giáo Pháp của đức Thế Tôn đó!”

29. “Này các Tỳ kheo, ta nói cho các thầy điều này không phải là điều ta nghe được từ những sa-môn hay bà-la-môn. Ta nói cho các thầy điều ta đã đích thực tự-biết, đích thực tự-thấy, và đích thực khám-phá.”

30. Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi đã nói xong điều đó, bậc
Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vầy:
Dù được cảnh báo bởi những thiên-sứ,
Người đời vẫn lơ tâm làm ngơ suốt bao tháng năm dài,
Nên đã bị trả giá ở cõi dưới đày đọa.
Nhưng những người tốt ở đây,
Sau khi được cảnh báo bởi những thiên-sứ,
Họ không còn lơ tâm làm ngơ đối với Giáo Pháp thánh thiện;
Họ đã nhìn thấy sự hiểm-họa của sự dính-chấp (thủ),
Là nguồn gốc của sinh-tử.

Sau khi được giải thoát nhờ sự không-còn dính-chấp (diệt thủ),
Trong sự (trạng thái đã) tuyệt dứt sinh-tử:
Những bậc hạnh-phúc đó đã đạt được sự an-toàn;
Họ đã đạt tới Niết-bàn ngay trong kiếp này.
Sau khi đã vượt qua mọi sự sân-hận và sự hiểm-họa,
Họ đã siêu thoát khỏi mọi sự khổ đau.”

Chương 4. Chương “Sự Phân Giải” (Vibhanga-vagga)

131. KINH MỘT ĐÊM XUẤT SẮC (Bhaddekaratta Sutta)

1. Tôi nghe như vầy.1209 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvat- thī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự tóm-lược (đề cương) và sự phân-giải (phân tích, phân biệt, giảng giải) về “Người Đã Có Một Đêm Xuất Sắc”’.1210 Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(Tóm lược)

3. [“Người không nên tái hiện lại [chạy lại] quá khứ,
Cũng không nên tạo dựng trước [chạy tới] tương lai;1211
Vì quá khứ thì đã qua,
Tương lai thì chưa tới.
Thay vì vậy, bằng sự minh-sát người đó nhìn thấy
Từng trạng thái đã khởi sinh trong hiện tại;1212
Để người đó biết trạng thái đó và biết chắc về nó,
Một cách bất khả bại, một cách bất khả lay chuyển.1213
Sự cố-gắng phải được làm ngay hôm nay;
Vì ngày mai Thần Chết có thể đến, ai biết được?
Vì đâu có sự mặc cả điều đình nào với Thần Chết
Để có thể xua đuổi hắn và đạo quân của hắn.
Nhưng những ai an trú nhiệt-thành như vậy,
Không ngừng nghỉ (miên mật), ban ngày, ban đêm—
Chính người như vậy đã được bậc Mâu-ni Bình-An gọi là:1214
‘Người đã có một đêm xuất sắc’.”]
(Phân giải)

4. (1) “Này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người tái hiện lại [chạy lại] quá khứ? Một người dung dưỡng sự thích-thú (khoái lạc) trong quá khứ với ý nghĩ: ‘Ta đã có sắc-thân (sắc) như vậy trong quá khứ.’1215 Một người dung dưỡng sự thích-thú trong quá khứ với ý nghĩ: ‘Ta đã có cảm- giác (thọ) như vậy trong quá khứ.’ Một người dung dưỡng sự thích-thú trong quá khứ với ý nghĩ: ‘Ta đã có nhận-thức (tưởng) như vậy trong quá khứ.’ Một người dung dưỡng sự thích-thú trong quá khứ với ý nghĩ: ‘Ta đã có những sự tạo-tác (hành) như vậy trong quá khứ.’ Một người dung dưỡng sự thích-thú trong quá khứ với ý nghĩ: ‘Ta đã có thức (thức) như vậy trong quá khứ.’ Đó là cách một người tái hiện lại quá khứ.

5. (2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người không tái hiện lại [chạy lại] quá khứ? Một người không dung dưỡng sự thích-thú trong quá khứ với ý nghĩ: ‘Ta đã có sắc-thân (sắc) như vậy trong quá khứ.’1216 … ‘Ta đã có thức (thức) như vậy trong quá khứ.’ Đó là cách một người không tái hiện lại quá khứ.

6. (3) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người tạo dựng trước [chạy tới] tương lai? Một người dung dưỡng sự thích-thú trong tương lai với ý nghĩ: ‘Cầu mong ta có sắc-thân (sắc) như vậy trong tương lai!’1217 Một người dung dưỡng sự thích-thú trong tương lai với ý nghĩ: ‘Cầu mong ta có cảm-giác (thọ) như vậy trong tương lai!’ … ‘Cầu mong ta có nhận- thức (tưởng) như vậy trong tương lai!’ … ‘Cầu mong ta có những sự tạo- tác (hành) như vậy trong tương lai!’ … ‘Cầu mong ta có thức (thức) như vậy trong tương lai!’ Đó là cách một người tạo dựng trước tương lai.

7. (4) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người không tạo dựng trước [chạy tới] tương lai? Một người không dung dưỡng sự thích-thú trong tương lai với ý nghĩ: ‘Cầu mong ta có sắc-thân (sắc) như vậy trong tương lai!’ … ‘Cầu mong ta có thức (thức) như vậy trong tương lai!’ Đó là cách một người không tạo dựng trước tương lai.

8. (5) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một người bị chinh phục trước những trạng thái đã khởi sinh trong hiện tại?1218 Ở đây, này các Tỳ

kheo, một người phàm phu không được chỉ dạy, là người không coi trọng những bậc thánh và không thiện khéo và không được kỷ cương (huấn luyện) trong Giáo Pháp của những bậc thánh; người đó không coi trọng những bậc thượng nhân [chân nhân] và không thiện khéo và không được kỷ cương trong Giáo Pháp của những bậc thượng nhân; người đó cứ coi sắc-thân (sắc) là cái cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hoặc sắc-thân ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong sắc-thân. Người đó cứ coi cảm-giác (thọ) là cái ‘ta’ … những sự tạo-tác (hành) là cái ‘ta’ … thức (thức) là cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ sở hữu thức, hoặc thức ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Đó là cách một người là bị chinh phục trước những trạng thái đã khởi sinh trong hiện tại.

9. (6) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người bất khả bại trước những trạng thái đã khởi sinh trong hiện tại? Ở đây, này các Tỳ kheo, một đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, là người coi trọng những bậc thánh và thiện khéo và được kỷ cương (huấn luyện) trong Giáo Pháp của những bậc thánh; người đó coi trọng những bậc thượng nhân và thiện khéo và được kỷ cương trong Giáo Pháp của những bậc thượng nhân; người đó không coi sắc-thân (sắc) là cái cái ‘ta’, hay cái ‘ta’ sở hữu sắc- thân, hay sắc-thân ở trong cái ‘ta’, hay cái ‘ta’ ở trong sắc-thân. Người đó không coi cảm-giác (thọ) là cái ‘ta’ … những sự tạo-tác (hành) là cái ‘ta’ … thức (thức) là cái ‘ta’, hay cái ‘ta’ sở hữu thức, hay thức ở trong cái ‘ta’, hay cái ‘ta’ ở trong thức. Đó là cách một người là bất khả bại trước những trạng thái đã khửoi sinh trong hiện tại.

10. [‘Người không nên tái hiện lại [chạy lại] quá khứ,
Cũng không nên tạo dựng trước [chạy tới] tương lai;
… [lặp lại bài kệ ở mục 3 ở trên] …
Chính người như vậy đã được bậc Mâu-ni Bình-An gọi là:
‘Người đã có một đêm xuất sắc’.”]

11. “Do tham chiếu với điều này nên ta đã nói rằng: ‘Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự tóm-lược và sự phân-giải về “Người Đã Có Một

Đêm Xuất Sắc”.’” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

132. KINH ĀNANDA VÀ MỘT ĐÊM XUẤT SẮC (Ānanda-bhaddekaratta Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc

2. Bấy giờ, vào lúc đó ngài Ānanda đang chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp trong hội trường. Thầy ấy đang tụng giảng lại sự tóm-lược (đề cương) và sự phân-giải (phân tích, giảng giải) về "Người Đã Có Một Đêm Xuất Sắc". Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ thiền và đi đến hội trường. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn và hỏi các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo, ai là người lúc nãy đã chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp trong hội trường vậy? Ai lúc nãy đã đọc lại sự tóm-lược và sự phân-giải về 'Người Đã Có Một Đêm Xuất Sắc'?" "Thưa Thế Tôn, đó là thầy Ānanda." Rồi đức Thế Tôn đã hỏi thầy Ānanda: "Này Ānanda, theo cách nào thầy đã chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp và đã tụng giảng lại sự tóm-lược và sự phân-giải về 'Người Đã Có Một Đêm Xuất Sắc'?"

3. –10. "Thưa Thế Tôn, con đã làm (tụng giảng) như vầy: ['Người không nên tái hiện lại [chạy lại] quá khứ, Cũng không nên tạo dựng trước [chạy tới] tương lai; …… [Thầy Ānanda lặp lại toàn bộ mục 3–10 của kinh MN 131 kế trên, bao gồm cả sự tóm-lược và sự phân-giải.]

11. "Thưa Thế Tôn, con đã chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm ho- an hỷ các Tỳ kheo bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp như vậy, và con đã

tụng lại sự tóm-lược và sự phân-giải về 'Người Đã Có Một Đêm Xuất Sắc' như vậy." "Tốt, tốt, này Ānanda! Thật tốt lành thầy đã chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp như vậy, và đã tụng đọc lại sự tóm-lược và sự phân-giải về 'Người Đã Có Một Đêm Xuất Sắc' như vậy:

12.–19.
['Người không nên tái hiện lại [chạy lại] quá khứ,
Cũng không nên tạo dựng trước [chạy tới] tương lai;
……
[Phật lặp lại toàn bộ mục 3–10 của kinh MN 131 kế trên, bao gồm cả sự tóm-lược và sự phân-giải.]
Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Ānanda đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

133. KINH CA-CHIÊN-DIÊN VÀ MỘT ĐÊM XUẤT SẮC (Mahākaccāna-bhaddekaratta Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trong Tịnh Xá Suối Nước Nóng. Lúc đó, vào lúc gần sáng, Ngài Samiddhi đã đến chỗ suối nước nóng để tắm rửa chân tay. Sau khi tắm xong thầy ấy lên bờ mặc một y trên người và đứng lau khô chân tay. Rồi, khi đêm đã qua, một thiên thần đẹp rạng rỡ chiếu

sáng cả khu Suối Nước Nóng, đến gặp thầy Samiddhi. Sau khi đứng qua một bên, thiên thần nói với thầy ấy:

2. “Này Tỳ kheo, thầy có nhớ sự tóm-lược (đề cương) và sự phân-giải (phân tích, giảng giải) về ‘Người Đã Có Một Đêm Xuất Sắc’ hay không? “Này đạo hữu, tôi không nhớ sự tóm-lược và sự phân-giải về ‘Người Đã Có Một Đêm Xuất Sắc’. Nhưng, này đạo hữu, đạo hữu có nhớ không?” “Này Tỳ kheo, tôi cũng không nhớ sự tóm-lược và sự phân-giải về ‘Người Đã Có Một Đêm Xuất Sắc’. Này Tỳ kheo, thầy có nhớ bài thi kệ nói về ‘Người Đã Có Một Đêm Xuất Sắc’ hay không? “Này đạo hữu, tôi không nhớ bài thi kệ nói về ‘Người Đã Có Một Đêm Xuất Sắc’. Nhưng, này đạo hữu, đạo hữu có nhớ không?” “Này Tỳ kheo, tôi cũng không nhớ bài thi kệ nói về ‘Người Đã Có Một Đêm Xuất Sắc’. Nhưng, này Tỳ kheo, hãy nên học sự tóm-lược và sự phân-giải về ‘Người Đã Có Một Đêm Xuất Sắc’. Này Tỳ kheo, hãy nên nắm vững sự tóm-lược và sự phân-giải về ‘Người Đã Có Một Đêm Xuất Sắc’. Này Tỳ kheo, hãy nên ghi nhớ sự tóm-lược và sự phân-giải về ‘Người Đã Có Một Đêm Xuất Sắc’. Này Tỳ kheo, sự tóm-lược và sự phân-giải về ‘Người Đã Có Một Đêm Xuất Sắc’ là ích-lợi, nó thuộc về những căn-bản của đời sống tâm linh.” Đó là điều thiên thần đó đã nói, nói xong thiên thần biến mất ngay tại

đó.

3. Rồi, sau khi đêm đã qua, thầy Samiddhi đã đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi kính lễ, thầy ngồi xuống một bên và thưa lại với đức Thế Tôn toàn bộ chuyện mới xảy ra, và nói: “Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn chỉ dạy cho con sự tóm-lược và sự phân-giải về ‘Người Đã Có Một Đêm Xuất Sắc’.”

4. “Được rồi, này Tỳ kheo, vậy Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Samiddhi đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(Tóm lược)

5. [“Một người không nên tái hiện lại [chạy lại] quá khứ
Vì quá khứ thì đã qua,
Tương lai thì chưa tới.
Thay vì vậy, bằng sự minh-sát người đó nhìn thấy
Từng trạng thái đã khởi sinh trong hiện tại;
Để người đó biết trạng thái đó và biết chắc về nó,
Một cách bất khả bại, một cách bất khả lay chuyển.
Sự cố-gắng phải được làm ngay hôm nay;
Vì ngày mai Thần Chết có thể đến, ai biết được?
Vì đâu có sự mặc cả điều đình nào với Thần Chết
Để có thể xua đuổi hắn và đạo quân của hắn.
Nhưng những ai an trú nhiệt-thành như vậy,
Không ngừng nghỉ (miên mật), ban ngày, ban đêm—

Chính người như vậy đã được bậc Mâu-ni Bình-An gọi là:
'Người đã có một đêm xuất sắc'."]
6. Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ trú ở.

7. –10 Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, các Tỳ kheo đã suy xét:1219 … [Tiếp tục giống như kinh MN 18, mục 10–13: (Các Tỳ kheo đã đến

nhờ thầy Đại Ca-chiên-diên phân-giải ý nghĩa chi tiết của lời tóm-lược Phật nói ra trong bài thi kệ)] …

11. "Được rồi, này các đạo hữu, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Tôi sẽ nói."—"Dạ, đạo hữu", các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Đại Ca-chiên- diên đã nói điều này:

(Phân giải)

12. "Này các đạo hữu, khi đức Thế Tôn đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ ở của mình sau khi đã nói bài thuyết giảng ngắn gọn mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết, như vầy: ['Một người không nên tái hiện lại [chạy lại] quá khứ … "Người đã có một đêm xuất sắc".'], thì tôi hiểu ý nghĩa chi tiết của điều này là như sau:

13. [1] (a) "Này các đạo hữu, theo cách nào là một người tái hiện lại [chạy lại] quá khứ? Thức của một người bị dính [bị trói buộc] với tham- muốn và nhục-dục trong quá khứ với ý nghĩ: 'Mắt của tôi là như vầy trong quá khứ và những hình-sắc là như vậy.'1220 Bởi do thức của một người bị dính với tham-muốn và nhục-dục, nên người đó thích thú những thứ đó (mắt và những hình-sắc của quá khứ). Khi một người thích thú những thứ đó là người đó tái hiện lại quá khứ. "Thức của một người bị dính với tham-muốn và nhục-dục trong quá khứ với ý nghĩ: 'Tai của tôi là như vầy trong quá khứ và những âm-thanh là như vậy … Mũi của tôi là như vầy trong quá khứ và những mùi-hương là như vậy … Lưỡi của tôi là như vầy trong quá khứ và những mùi-vị là như vậy … Thân của tôi là như vầy trong quá khứ và những thứ hữu-hình chạm xúc là như vậy … Tâm của tôi là như vầy trong quá khứ và những đối-tượng của tâm như vậy.' Bởi do thức của một người bị dính với tham- muốn và nhục-dục, nên người đó thích thú những thứ đó (tâm và những đối-tượng của tâm của quá khứ). Khi một người thích thú những thứ đó là người đó tái hiện lại quá khứ.

14. (b) "Theo cách nào là một người không tái hiện lại quá khứ? Thức

của một người không bị dính [không bị trói buộc] với tham-muốn và nhục-dục trong quá khứ với ý nghĩ: 'Mắt của tôi là như vầy trong quá khứ và những hình-sắc là như vậy.' Bởi do thức của một người không bị dính với tham-muốn và nhục-dục, nên người đó không thích thú những thứ đó (mắt và những hình-sắc của quá khứ). Khi một người không thích thú những thứ đó là người đó không tái hiện lại quá khứ. "Thức của một người không bị dính với tham-muốn và nhục-dục trong quá khứ với ý nghĩ: 'Tai của tôi

là như vầy trong quá khứ và những âm- thanh là như vậy … Mũi của tôi là như vầy trong quá khứ và những mùi- hương là như vậy … Lưỡi của tôi là như vầy trong quá khứ và những mùi- vị là như vậy … Thân của tôi là như vầy trong quá khứ và những thứ hữu- hình chạm xúc là như vậy … Tâm của tôi là như vầy trong quá khứ và những đối-tượng của tâm như vậy.' Bởi do thức của một người không bị dính với tham-muốn và nhục-dục, nên người đó không thích thú những thứ đó (tâm và những đối-tượng của tâm của quá khứ). Khi một người không thích thú những thứ đó là người đó không tái hiện lại quá khứ. "Đó là cách một người một người không tái hiện lại quá khứ.

15. [2] (a) "Này các đạo hữu, theo cách nào một người tạo dựng trước [chạy tới] tương lai? Một người thiết lập cái tâm vào sự đạt được thứ chưa đạt được với ý nghĩ: 'Cầu cho mắt của tôi như vậy trong tương lai và những hình-sắc là như vậy!' Bởi do một người thiết lập tâm mình như vậy, nên người đó thích thú những thứ đó (mắt và những hình-sắc trong tương lai). Khi người đó thích thú những thứ đó là người đó tạo dựng trước tương lai. "Một người thiết lập cái tâm vào sự đạt được thứ chưa đạt được với ý nghĩ: 'Cầu cho tai của tôi như vậy trong tương lai và những âm-thanh là như vậy!' … 'Cầu cho mũi của tôi như vậy trong tương lai và những mùi- hương là như vậy! … 'Cầu cho lưỡi của tôi như vậy trong tương lai và những mùi-vị là như vậy! … 'Cầu cho thân của tôi như vậy trong tương lai và những thứ hữu-hình chạm xúc là như vậy! … 'Cầu cho tâm của tôi

như vậy trong tương lai và những đối-tượng của tâm là như vậy!' Bởi do một người thiết lập tâm mình như vậy, nên người đó thích thú những thứ đó (tâm và những đối-tượng của tâm trong tương lai). Khi người đó thích thú những thứ đó là người đó tạo dựng trước tương lai. "Đó là cách một người tạo dựng trước tương lai.

16. (b) "Này các đạo hữu, theo cách nào một người không tạo dựng trước tương lai? Một người không thiết lập cái tâm vào sự đạt được thứ chưa đạt được với ý nghĩ: 'Cầu cho mắt của tôi như vậy trong tương lai và những hình-sắc là như vậy!' Bởi do một người không thiết lập tâm mình như vậy, nên người đó không thích thú những thứ đó (mắt và những hình- sắc trong tương lai). Khi người đó không thích thú những thứ đó là người đó không tạo dựng trước tương lai. "Một người không thiết lập cái tâm vào sự đạt được thứ chưa đạt được với ý nghĩ: 'Cầu cho tai của tôi như vậy trong tương lai và những âm- thanh là như vậy!' … 'Cầu cho mũi của tôi như vậy trong tương lai và những mùi-hương là như vậy! … 'Cầu cho lưỡi của tôi như vậy trong tương lai và những mùi-vị là như vậy! … 'Cầu cho thân của tôi như vậy trong tương lai và những thứ hữu-hình chạm xúc là như vậy! … 'Cầu cho tâm của tôi như vậy trong tương lai và những đối-tượng của tâm là như vậy!' Bởi do một người không thiết lập tâm mình như vậy, nên người đó không thích thú những thứ đó (tâm và những đối-tượng của tâm trong tương lai). Khi người đó không thích thú những thứ đó là người đó không tạo dựng trước tương lai. "Đó là cách một người không tạo dựng trước tương lai.

17. [3] (a) “Theo cách nào là một người bị chinh phục trước những trạng thái đã khởi sinh trong hiện tại? Đối với mắt và những hình-sắc đã khởi sinh trong hiện tại, thức của một người bị dính với tham-muốn và nhục-dục đối với những thứ đó (mắt và những hình-sắc) đã khởi sinh trong hiện tại. Bởi do thức của một người bị dính với tham-muốn và nhục- dục, nên người đó thích thú những thứ đó. Khi một người thích thú những

thứ đó là người đó bị chinh phục (bị cuốn theo, bị kéo đi, chạy theo) trước những trạng thái đã khởi sinh trong hiện tại. “Đối với tai và những âm-thanh … mũi và những mùi-hương … lưỡi và những mùi-vị … thân và những thứ hữu-hình chạm xúc … tâm và những đối-tượng của tâm đã khởi sinh trong hiện tại, thức của một người bị dính với tham-muốn và nhục-dục đối với những thứ đó (tâm và những đối-tượng của tâm) đã khởi sinh trong hiện tại. Bởi do thức của một người bị dính với tham-muốn và nhục-dục, nên người đó thích thú những thứ đó. Khi một người thích thú những thứ đó là người đó bị chinh phục trước những trạng thái đã khởi sinh trong hiện tại. “Đó là cách một người bị chinh phục trước những trạng thái đã khởi sinh trong hiện tại.

18. (b) “Theo cách nào là một người bất khả bại trước những trạng thái đã khởi sinh trong hiện tại? Đối với mắt và những hình-sắc đã khởi sinh trong hiện tại, thức của một người không bị dính với tham-muốn và nhục-dục đối với những thứ đó (mắt và những hình-sắc) đã khởi sinh trong hiện tại. Bởi do thức của một người không bị dính với tham-muốn và nhục-dục, nên người đó không thích thú những thứ đó. Khi một người không thích thú những thứ đó là người đó bất khả bại (không bị cuốn theo, không bị kéo đi, không chạy theo) trước những trạng thái đã khởi sinh trong hiện tại. “Đối với tai và những âm-thanh … mũi và những mùi-hương … lưỡi và những mùi-vị … thân và những thứ hữu-hình chạm xúc … tâm và những đối-tượng của tâm đã khởi sinh trong hiện tại, thức của một người không bị dính với tham-muốn và nhục-dục đối với những thứ đó (tâm và những đối-tượng của tâm) đã khởi sinh trong hiện tại. Bởi do thức của một người không bị dính với tham-muốn và nhục-dục, nên người đó không thích thú những thứ đó. Khi một người không thích thú những thứ đó là người đó bất khả bại trước những trạng thái đã khởi sinh trong hiện tại. “Đó là cách một người là bất khả bại trước những trạng thái đã khởi

sinh trong hiện tại.

19. “Này các đạo hữu, khi đức Thế Tôn đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ ở của mình sau khi đã nói bài thuyết giảng ngắn gọn mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết, như vầy: [‘Một người không nên tái hiện lại [chạy lại] quá khứ … “Người đã có một đêm xuất sắc”.’], thì tôi hiểu ý nghĩa chi tiết của điều này là như vậy. Giờ, này các đạo hữu, nếu các thầy muốn, hãy đến gặp đức Thế Tôn để hỏi lại về ý nghĩa của điều (bài thi kệ) này. Khi đức Thế Tôn giảng giải cho các thầy, các thầy nên ghi nhớ nó.”

20. Rồi các Tỳ kheo đó, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Đại Ca-chiên-diên, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và đi đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên và thưa lại với đức Thế Tôn toàn bộ chuyện đã xảy ra từ sau khi đức Thế Tôn đã đi về chỗ trú ở của mình, và họ nói thêm: "Rồi, thưa Thế Tôn, chúng con đã đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên và hỏi thầy ấy về ý nghĩa. Thầy Đại Ca-chiên- diên đã giảng giải ý nghĩa cho chúng con bằng những từ ngữ, câu, chữ như vậy."

21. "Đại Ca-chiên-diên là có trí, Đại Ca-chiên-diên là có trí-tuệ lớn lao. Nếu các thầy có hỏi ta về ý nghĩa của điều (bài thi kệ) này, ta cũng trả lời các thầy y như cách thầy Đại Ca-chiên-diên đã giảng giải nó. Đó là ý nghĩa của nó, và do vậy các thầy nên ghi nhớ nó." Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

134. KINH LOMASAKANGIYA VÀ MỘT ĐÊM XUẤT SẮC (Lomasakangiya-bhaddekaratta Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc Bấy giờ, vào lúc đó ngài Lomasakangiya đang sống ở xứ Thích-Ca, ở Kapilavatthu (Ca- tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigrodha.1221 2. Rồi, khi đêm sắp tàn, Candana, một thiên thần đẹp rạng rỡ chiếu sáng cả khu Tịnh Xá Nigrodha, đến gặp thầy Lomasakangiya. Sau khi đứng qua một bên, thiên thần nói với thầy ấy: "Này Tỳ kheo, thầy có nhớ sự tóm-lược (đề cương) và sự phân-giải (phân tích, giảng giải) về 'Người Đã Có Một Đêm Xuất Sắc' hay không? "Này đạo hữu, tôi không nhớ sự tóm-lược và sự phân-giải về 'Người Đã Có Một Đêm Xuất Sắc'. Nhưng, này đạo hữu, đạo hữu có nhớ không?" "Này Tỳ kheo, tôi cũng không nhớ sự tóm-lược và sự phân-giải về 'Người Đã Có Một Đêm Xuất Sắc'. Này Tỳ kheo, thầy có nhớ bài thi kệ nói về 'Người Đã Có Một Đêm Xuất Sắc' hay không? "Này đạo hữu, tôi không nhớ bài thi kệ nói về 'Người Đã Có Một Đêm Xuất Sắc'. Nhưng, này đạo hữu, đạo hữu có nhớ không?" "Này Tỳ kheo, tôi có nhớ bài thi kệ nói về 'Người Đã Có Một Đêm Xuất Sắc'." "Nhưng, này đạo hữu, theo cách nào đạo hữu nhớ bài thi kệ về 'Người Đã Có Một Đêm Xuất Sắc'?" "Này Tỳ kheo, một lần đức Thế Tôn đang sống ở chỗ những thiên thần của cõi trời Ba Mươi Ba (Đao-lợi), trên Tảng Đá Cẩm Thạch Đỏ, dưới gốc cây Pāricchattaka.1222 Ở đó đức Thế Tôn đã đọc lại sự tóm-lược và sự phân-giải về 'Người Đã Có Một Đêm Xuất Sắc' cho những thiên thần của cõi trời Ba Mươi Ba:

3. ["Một người không nên tái hiện lại [chạy lại] quá khứ
Vì quá khứ thì đã qua,
Tương lai thì chưa tới.
Thay vì vậy, bằng sự minh-sát người đó nhìn thấy
Từng trạng thái đã khởi sinh trong hiện tại;
Để người đó biết trạng thái đó và biết chắc về nó,

Một cách bất khả bại, một cách bất khả lay chuyển.
Sự cố-gắng phải được làm ngay hôm nay;
Vì ngày mai Thần Chết có thể đến, ai biết được?
Vì đâu có sự mặc cả điều đình nào với Thần Chết
Để có thể xua đuổi hắn và đạo quân của hắn.
Nhưng những ai an trú nhiệt-thành như vậy,
Không ngừng nghỉ (miên mật), ban ngày, ban đêm—
Chính người như vậy đã được bậc Mâu-ni Bình-An gọi là:
'Người đã có một đêm xuất sắc'."]

4. "Này Tỳ kheo, tôi nhớ bài thi kệ về 'Người Đã Có Một Đêm Xuất Sắc' là như vậy. Này các Tỳ kheo, hãy học sự tóm-lược và sự phân-giải về 'Người Đã Có Một Đêm Xuất Sắc'. Này Tỳ kheo, hãy nắm vững sự tóm- lược và sự phân-giải về 'Người Đã Có Một Đêm Xuất Sắc'. Này Tỳ kheo, hãy ghi nhớ sự tóm-lược và sự phân-giải về 'Người Đã Có Một Đêm Xuất Sắc'. Này Tỳ kheo, sự tóm-lược và sự phân-giải về 'Người Đã Có Một Đêm Xuất Sắc' là ích-lợi, nó thuộc về những căn-bản của đời sống tâm linh." Đó là điều thiên thần đó đã nói, nói xong thiên thần biến mất ngay tại đó. 5. Rồi, sau khi đêm đã hết, thầy Lomasakangiya đã thu dọn chỗ ở, và mang theo cà sa và bình bát, lên đường đi bộ hành thành nhiều chặng để đến Sāvatthī. Sau chuyến đi dài thầy ấy đã tới Sāvatthī, và đến gặp đức Thế Tôn trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, thầy ấy ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn

toàn bộ chuyện đã xảy ra (với thiên thần Candana), và nói: "Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn chỉ dạy cho con sự tóm-lược và sự phân- giải về 'Người Đã Có Một Đêm Xuất Sắc'." 6. "Này Tỳ kheo, thầy có biết thiên thần trẻ đó là ai không??" "Dạ không, thưa Thế Tôn" "Này Tỳ kheo, thiên thần trẻ đó tên là Candana. Thiên thần đó chuyên chú tới Giáo Pháp, chú tâm tới Giáo Pháp, tham gia vào Giáo Pháp với tất cả tâm trí, nghe Giáo Pháp bằng hai tai nhiệt tình. Này Tỳ kheo, vậy thầy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói."—"Dạ, thưa Thế Tôn", thầy Lomasakangiya đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này: 7. –14. … [Phật tiếp tục giảng giải như kinh MN 131, mục 3–10] … Chính người như vậy đã được bậc Mâu-ni Bình-An gọi là: 'Người đã có một đêm xuất sắc'."]

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Lomasakangiya đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

296 • Chương 4

135. TIỂU KINH PHÂN GIẢI VỀ NGHIỆP (Cūḷakammavibhanga Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc 2. Lúc đó có môn sinh bà-la-môn Subha, là con trai của bà-la-môn Todeyya, đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức.1223 Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, anh ta ngồi xuống một bên và nói với đức Thế Tôn: 3.

“Thưa Thầy Cồ-đàm, tại sao chúng sinh có người kém cỏi và có người giỏi giang? Trong loài người có người chết trẻ và có người sống lâu, có người bệnh tật và có người khỏe mạnh, có người xấu và có người đẹp, có người không uy thế và có người có uy thế, có người nghèo và có người giàu, có người sinh ra thấp hèn và có người sinh ra cao sang, có người ngu và có người khôn. Thầy Cồ-đàm, tại sao trong chúng sinh có những người hơn kém, khác nhau như vậy?”

(Tóm lược) 4. “Này môn sinh, những chúng sinh là chủ nhân của nghiệp của họ, là người thừa tự của nghiệp của họ; họ sinh ra từ nghiệp của họ, dính líu theo nghiệp của họ, có nghiệp là nơi nương tựa của họ. Chính nghiệp làm cho những chúng sinh hơn kém, khác nhau.” “Tôi không hiểu được ý-nghĩa chi tiết trong những lời mà Thầy Cồ-Đàm mới nói ra một cách ngắn gọn nhưng không giảng giải một cách chi tiết. Sẽ tốt lành nếu Thầy Cồ-đàm chỉ dạy cho tôi về Giáo Pháp nhờ đó tôi có thể hiểu được ý-nghĩa chi tiết trong những lời đó của thầy.” “Này môn sinh, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.” “Dạ, thưa ngài ”, Subha đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(Phân giải) 5. [1] (a) “Ở đây, này môn sinh, có người [nam hoặc nữ] sát-sinh;

người đó giết hại, tay vấy máu, đánh đấm và bạo lực, tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng nếu khi thân tan rã, sau khi chết, người đó không bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, hay trong địa ngục, mà được tái sinh làm người trở lại, thì cho dù có tái sinh vào chỗ nào người đó cũng bị chết-yểu.1224 Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự chết-yểu, đó là, một người sát-sinh và giết hại, tay vấy máu, tay vấy máu, đánh đấm và bạo lực, tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống. 6. (b) “Nhưng, ở đây, này môn sinh, có người sau khi dẹp bỏ sát-sinh, kiêng cữ sự sát-sinh; dẹp bỏ gậy gộc và vũ khí, hiền từ và tốt bụng, người đó sống [an trú] bi-mẫn đối với tất cả mọi chúng sinh đang sống. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Nhưng nếu khi thân tan rã, sau khi chết, người đó không tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời, mà tái sinh làm người trở lại, thì cho dù có tái sinh vào chỗ nào người đó cũng được sống-thọ.1225 Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự sống-thọ, đó là, sau khi dẹp bỏ sát-sinh, một người kiêng cữ sự sát-sinh; dẹp bỏ gậy gộc và vũ khí, hiền từ và tốt bụng, người đó sống bi-mẫn đối với tất cả mọi chúng sinh đang sống. 7. [2] (a) “Ở đây, này môn sinh, có người làm tổn thương chúng sinh bằng tay, bằng đá cục, bằng gậy gọc, hoặc bằng dao. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà được tái sinh làm người trở lại, thì cho dù tái sinh vào chỗ nào người đó cũng bị bệnh-tật. Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự bị bệnh-tật, đó là, một người làm tổn thương chúng sinh bằng tay, bằng đá cục, bằng gậy gọc, hoặc bằng dao. 8. (b) “Nhưng, ở đây, này môn sinh, có người không làm tổn thương

chúng sinh bằng đá cục, bằng gậy gọc, hoặc bằng dao. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà tái sinh làm người trở lại, thì cho dù tái sinh vào chỗ nào người đó cũng được khỏe-mạnh. Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự được khỏe- mạnh, đó là, một người không làm tổn thương chúng sinh bằng tay, bằng đá cục, bằng gậy gọc, hoặc bằng dao. 9. [3] (a) Ở đây, này môn sinh, có người luôn sân-giận và có tính cách nóng nảy; ngay cả khi bị góp ý hay trách rầy một chút, người đó cũng thấy bị xúc phạm, trở nên tức giận, phẫn nộ và căm ghét, và thể hiện sự tức giận, thù ghét, cay đắng. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy … người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà được tái sinh làm người trở lại, thì cho dù tái sinh vào chỗ nào người đó cũng bị xấu-xí. Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự xấu-xí, đó là, một người luôn sân-giận và có tính cách nóng nảy … và thể hiện sự tức giận, thù ghét, cay đắng. 10. (b) "Nhưng, ở đây, này môn sinh, có người không sân-giận và không tính cách nóng nảy; ngay cả khi bị góp ý hay trách rầy rất nhiều, người đó cũng không thấy bị xúc phạm, hay trở nên tức giận, phẫn nộ và căm ghét, và không thể hiện sự tức giận, thù ghét, cay đắng. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy … người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà tái sinh làm người trở lại, thì cho dù tái sinh vào chỗ nào người đó cũng được đẹp-đẽ. Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự đẹp-đẽ, đó là, một người không sân-giận và không có tính cách nóng nảy … và không thể hiện sự tức giận, thù ghét, cay đắng. 11. [4] (a) "Ở đây, này môn sinh, có người hay ghen tỵ, là người ghen tỵ, ghen tức, ghen thèm với những thành đạt, danh dự, sự được tôn trọng, sự được kính trọng, sự được kính chào, và sự được tôn kính mà những người khác nhận được. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy …

người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà được tái sinh làm người trở lại, thì cho dù tái sinh vào chỗ nào người đó cũng không có uy-thế. Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự không có uy-thế, đó là, một người ghen tỵ … với những thành đạt, danh dự, sự được tôn trọng, sự được kính trọng, sự được kính chào, và sự được tôn kính mà những người khác nhận được. 12. (b) "Nhưng, ở đây, này môn sinh, có người không ghen tỵ, là người không ghen tỵ, ghen tức, ghen thèm với những thành đạt, danh dự, sự được tôn trọng, sự được kính trọng, sự được kính chào, và sự được tôn kính mà những người khác nhận được. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy … người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà tái sinh làm người trở lại, thì cho dù tái sinh vào chỗ nào người đó cũng có uy-thế. Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự có được uy-thế, đó là, một người người không ghen tỵ … với những thành đạt, danh dự, sự được tôn trọng, sự được kính trọng, sự được kính chào, và sự được tôn kính mà những người khác nhận được. 13. [5] (a) "Ở đây, này môn sinh, có người không muốn bố-thí (cho đi, cúng dường, dâng, tặng, giúp đỡ, chia sẻ… bất cứ thứ gì như) những thức ăn, thức uống, quần áo, xe cộ, vòng

hoa, dầu thơm, thuốc cao; chỗ nằm, chỗ ở, hay đèn nến cho các tu sĩ và bà-la-môn. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy … người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà được tái sinh làm người trở lại, thì cho dù tái sinh vào chỗ nào người đó cũng bị nghèo-khó. Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự bị nghèo-khó, đó là, một người không muốn bố-thí những thức ăn … hay đèn nến cho các tu sĩ và bà-la-môn. 14. (b) "Nhưng, ở đây, này môn sinh, có người bố-thí thức ăn … đèn nến cho những tu sĩ và bà-la-môn. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy … người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà tái sinh làm người trở lại, thì cho dù tái sinh vào chỗ nào người đó cũng được giàu-có. Này môn sinh, đây là cách dẫn đến

sự được giàu-có, đó là, một người sống bố-thí những thức ăn … hay đèn nến cho các tu sĩ và bà-la-môn. 15. [6] (a) "Ở đây, này môn sinh, có người ngang-bướng và kiêu-ngạo; người đó không tôn kính những người đáng được tôn kính, không đứng dậy kính chào khi gặp người mình nên đứng dậy kính chào, không nhường chỗ ngồi cho những người đáng được nhường chỗ ngồi, không nhường lối đi cho những người đáng được nhường lối đi, và không tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những người đáng được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy … người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà được tái sinh làm người trở lại, thì cho dù có tái sinh vào chỗ nào người đó cũng bị sinh ra thấp-hèn (hạ tiện). Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự sinh ra thấp-hèn, đó là, một người ngang-bướng và kiêu-ngạo … và không tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những người đáng được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính. 16. (b) "Nhưng, ở đây, này môn sinh, có người không ngang-bướng và không kiêu-ngạo; người đó tôn kính những người đáng được tôn kính, đứng dậy kính chào khi gặp người mình nên đứng dậy kính chào, nhường chỗ ngồi cho những người đáng được nhường chỗ ngồi, nhường lối đi cho những người đáng được nhường lối đi, và tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những người đáng được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy … người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà tái sinh làm người trở lại, thì cho dù có tái sinh vào chỗ nào người đó cũng được sinh ra cao-quý (quý tộc). Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự sinh ra cao-quý, đó là, một người không ngang-bướng và không kiêu-ngạo … và tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những người đáng được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính. 17. [7] (a) "Ở đây, này môn sinh, có người không muốn đi thăm gặp một tu sĩ (sa-môn, sư thầy) hoặc một bà-la-môn để hỏi: 'Thưa thầy, điều

gì là thiện lành? … Loại hành-động nào dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho con?' Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy … người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà được tái sinh làm người trở lại, thì cho dù có tái sinh vào chỗ nào người đó cũng bị ngu-tối (vô minh). Này môn sinh, đây là cách

dẫn đến sự ngu- tối, đó là, một người không muốn đi thăm gặp một tu sĩ hoặc một bà-la- môn để hỏi những câu hỏi như vậy. 18. (b) “Nhưng, ở đây, này môn sinh, có người biết đi thăm gặp một tu sĩ (sa-môn, sư thầy) hoặc một bà-la-môn để hỏi: ‘Thưa thầy, điều gì là thiện lành? … Loại hành-động nào dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho con?’ Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy … người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà tái sinh làm người trở lại, thì cho dù có tái sinh vào chỗ nào người đó cũng có trí-tuệ. Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự có trí-tuệ, đó là, một người biết đi thăm gặp một tu sĩ hoặc một bà-la-môn để hỏi những câu hỏi như vậy. 19. “Như vậy đó, này môn sinh, cách dẫn đến sự chết-yểu làm cho người ta bị chết-yểu, cách dẫn đến sự sống-thọ làm cho người ta được sống-thọ; cách dẫn đến sự bệnh-tật làm cho người ta sống bị bệnh-tật, cách dẫn đến sự khỏe-mạnh làm cho người ta được khỏe-mạnh; cách dẫn đến sự xấu-xí làm cho người ta bị xấu-xí, cách dẫn đến sự đẹp-đẽ làm cho người ta được đẹp-đẽ; cách dẫn đến sự không có uy-thế làm cho người ta không có uy-thế, cách dẫn tới sự có uy-thế làm cho người ta có được uy- thế; cách dẫn đến sự nghèo-khó làm cho người ta bị nghèo-khó, cách dẫn đến sự giàu-có làm cho người ta được giàu-có; cách dẫn đến sự sinh ra bị thấp-hèn (hạ tiện) làm cho người ta sinh ra bị thấp-hèn, cách dẫn đến sự sinh ra cao-quý (quý tộc) làm cho người ta sinh ra được cao-quý; cách dẫn đến sự ngu-tối làm cho người ta bị ngu-tối (vô minh), cách dẫn đến trí-tuệ làm cho người ta có trí-tuệ. 20. “Này môn sinh, những chúng sinh là chủ nhân của nghiệp của họ, là

người thừa tự của nghiệp của họ; họ sinh ra từ nghiệp của họ, dính líu theo nghiệp của họ, có nghiệp là nơi nương tựa của họ. Chính nghiệp làm cho những chúng sinh hơn kém, khác nhau.” 21. Sau khi lời này được nói ra, môn sinh bà-la-môn Subha, con của bà- la-môn Todeyya, đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ- Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thầy Cồ-Đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như Thầy đã dựng đứng lại những thứ bị quăng ngã, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ đã lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những ai có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-Đàm và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Từ hôm nay kính mong Thầy Cồ-Đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

136. ĐẠI KINH PHÂN GIẢI VỀ NGHIỆP (Mahākammavibhanga Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc

2. Bấy giờ có Ngài Samiddhi đang sống trong một chòi trong rừng. Lúc đó du sĩ Potaliputta, trong khi đang đi dạo mát, đã đến chỗ thầy Samiddhi và chào hỏi qua lại với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với thầy Samiddhi: “Này bạn Samiddhi, tôi đã nghe và biết được điều này từ chính miệng của sa-môn Cồ-đàm: (i) ‘Thân nghiệp là vô ích, khẩu nghiệp là vô ích, chỉ có tâm

nghiệp là hữu thực.’ Và: (ii) ‘Có sự chứng thiền mà khi chứng nhập trong đó người tu không còn cảm-nhận gì cả.’]”1226 “Đừng nói vậy, này bạn Potaliputta, đừng nói vậy. Đừng nói sai lời của đức Thế Tôn; sẽ không tốt khi dẫn sai lời của đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn không nói như vầy: (i) ‘Thân nghiệp là vô ích, khẩu nghiệp là vô ích, chỉ có tâm nghiệp là hữu thực.’ Nhưng, này bạn: (ii) có sự chứng thiền mà khi chứng nhập trong đó người tu không còn cảm-nhận gì cả.” “Này bạn Samiddhi, bạn đã xuất gia được bao lâu?” “Không lâu, này bạn: ba năm.” “Vậy giờ chúng tôi biết nói gì với những Tỳ kheo trưởng lão khi một Tỳ kheo trẻ (tuổi hạ) cho rằng Vị Thầy của mình nên được bào chữa như vậy? Này bạn Samiddhi, sau khi làm một nghiệp [hành-động cố ý] bởi thân, bởi lời-nói, hay bởi tâm, một người cảm nhận điều gì?” “Sau khi làm một nghiệp bởi thân, bởi lời-nói, hay bởi tâm, một người cảm nhận sự khổ, này bạn Potaliputta.” Rồi, không đồng ý cũng không phản đối với lời của thầy Samiddhi, du sĩ Potaliputta đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi.

306 • Chương 4

3. Không lâu sau khi du sĩ Potaliputta đã đi, thầy Samiddhi đến gặp ngài Ānanda, và chào hỏi qua lại. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ngồi xuống một bên và kể lại toàn bộ chuyện đã xảy ra với du sĩ Potaliputta cho thầy Ānanda. Sau khi kể xong, thầy Ānanda đã nói với thầy ấy: “Này đạo hữu Samiddhi, chuyện này nên được thưa với đức Thế Tôn. Nào, chúng ta cùng đến chỗ đức Thế Tôn và kể lại cho đức Thế Tôn. Khi đức Thế Tôn giảng giải cho chúng ta, chúng ta sẽ ghi nhớ trong tâm.”—“Dạ, thưa đạo hữu”, thầy Samiddhi đáp lại.

4. Rồi thầy Ānanda và thầy Samiddhi cùng đến gặp đức Thế Tôn, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên. Thầy Ānanda kể lại toàn bộ chuyện giữa thầy Samiddhi và du sĩ Potaliputta.

5. Sau khi kể xong, đức Thế Tôn đã nói với thầy Ānanda: “Này Ānan- da, ta thậm chí còn không nhớ có gặp du sĩ tên Potaliputta nào, lấy đâu có cuộc nói chuyện gì với ông ấy? Câu hỏi của du sĩ Potaliputta đó nên được phân tích trước khi trả lời, nhưng người lầm lạc là thầy Samiddhi đã trả lời một cách phiến diện (một mặt).”

6. Sau khi điều này được nói ra, ngài Udāyin đã nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, có lẽ thầy Samiddhi đã nói đúng theo sự [nguyên lý]: ‘Mọi thứ được cảm-nhận đều nằm trong sự khổ.’”1227

(Tóm lược) Rồi đức Thế Tôn nói với thầy Ānanda: “Thấy không, này Ānanda, cách mà người lầm lạc Udāyin này đã can thiệp vào. Này Ānanda, ta đã biết trước người lầm lạc Udāyin này sẽ can thiệp vào ngay. Ngay từ đầu du sĩ Potaliputta đã hỏi về ba loại cảm-giác. Người lầm lạc Samiddhi này sẽ trả lời đúng nếu khi được hỏi như vậy thầy ấy giải thích như vầy: ‘Này bạn Potaliputta, sau khi đã làm một nghiệp [hành-động cố ý] bởi thân, lời- nói, hay tâm [mà quả của nó] được cảm nhận là sướng, thì người đó cảm nhận sướng. Sau khi đã làm một nghiệp [hành-động cố ý] bởi thân, lời- nói, hay tâm [mà quả của nó] được cảm nhận là khổ, thì người đó cảm

ĐẠI KINH PHÂN GIẢI VỀ NGHIỆP • 307

nhận khổ. Sau khi đã làm một nghiệp [hành-động cố ý] bởi thân, lời-nói, hay tâm [mà quả của nó] được cảm nhận là không khổ không sướng, thì người đó cảm nhận không khổ không sướng.' Nhưng ai là những du sĩ ngu dốt thiếu suy nghĩ của những giáo phái khác mà có thể hiểu được 'bài thu- yết giảng lớn về nghiệp' (đại kinh nghiệp phân biệt) của Như Lai? Này Ānanda, các thầy nên lắng nghe Như Lai khi Như Lai thuyết giảng 'sự phân-giải lớn (đại, dài, chi tiết) về nghiệp'."

7. "Thưa Thế Tôn, đây là lúc, thưa bậc Phúc Lành, đây là lúc để đức Thế Tôn thuyết giảng về 'bài thuyết giảng lớn về nghiệp'. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó." "Này Ānanda, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói."— "Dạ, thưa Thế Tôn", thầy Ānanda đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(Phân giải 1)

8. Này Ānanda,1228 có bốn loại người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (i) Ở đây có người sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời ma-mãnh độc ác, nói lời gắt-gỏng nạt nộ, nói chuyện tầm phào, tán dóc; người đó thèm-muốn (tham), có một cái tâm ác-ý (sân), và nắm giữ tà-kiến [cách-nhìn, quan-điểm sai lạc]. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. (ii) "Nhưng ở đây có người sát-sinh, gian-cắp … và nắm giữ tà-kiến. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó lại được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. (iii) "Ở đây có người kiêng cữ sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói- dối nói láo, nói lời ma-mãnh độc ác, nói lời gắt-gỏng nạt nộ, nói chuyện tầm phào, tán dóc; người đó không thèm-muốn (vô tham), có một cái tâm ác-ý (vô sân), và nắm giữ chánh-kiến [cách-nhìn, quan-điểm đúng đắn]. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt

lành, thậm chí trong một cõi trời. (iii) Nhưng ở đây có người kiêng cữ sát-sinh, gian-cắp … và nắm giữ chánh-kiến. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó lại bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … thậm chí trong địa ngục.

9. (i) "Ở đây, này Ānanda, bằng phương tiện là sự nhiệt thành, sự cố gắng, sự tận tụy, sự chuyên chú, và sự chú tâm đúng đắn (chánh tác ý), có tu sĩ (sa-môn) hay bà-la-môn chứng đắc một trạng định của tâm đến mức, khi tâm vị đó đạt-định, với mắt thiên thánh (thiên nhãn thông), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, vị đó nhìn thấy một người ở đây có sát- sinh … và nắm giữ tà-kiến, và vị đó nhìn thấy người đó khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Vị đó nói như vầy: 'Đúng thật, có những nghiệp ác, có quả báo của những hành-vi sai trái [có ác nghiệp, có ác quả]; bởi vì tôi nhìn thấy một người ở đây có sát-sinh … và nắm giữ tà- kiến, và tôi nhìn thấy người đó khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … thậm chí trong địa ngục. Ai biết như vầy là biết một cách đúng đắn; ai nghĩ khác là bị sai lầm.' Như vậy vị đó khăng khăng cố chấp theo điều mình đã tự biết, thấy, và khám phá, và bảo thủ: 'Chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai.'

10. (ii) “Nhưng, ở đây, này Ānanda, bằng phương tiện là sự nhiệt thành … có tu sĩ hay bà-la-môn khác chứng đắc một trạng thái định của tâm đến mức, khi tâm vị đó đạt định, với mắt thiên thánh (thiên nhãn thông), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, vị đó nhìn thấy một người ở đây có sát-sinh … và nắm giữ tà-kiến, và vị đó nhìn thấy người đó khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Vị đó nói như vầy: ‘Đúng thật, không có những nghiệp ác, không có quả báo của hành-vi sai trái [không ác nghiệp, không ác quả]; bởi vì tôi nhìn thấy một người ở đây có sát-sinh … và nắm giữ tà-kiến, và tôi nhìn thấy người đó khi thân tan rã, sau khi chết, lại được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.’ Vị đó nói như vầy: ‘Khi

thân tan rã, sau khi chết, mọi người sát-sinh … nắm giữ tà-kiến đều được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Ai biết như vầy là biết một cách đúng đắn; ai nghĩ khác là bị sai lầm.’ Như vậy vị đó khăng khăng cố chấp theo điều mình đã tự biết, thấy, và khám phá, và bảo thủ: ‘Chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai.’

11. (iii) “Ở đây, này Ānanda, bằng phương tiện là sự nhiệt thành … có tu sĩ hay bà-la-môn khác chứng đắc một trạng thái định của tâm đến mức, khi tâm vị đó đạt định, với mắt thiên thánh (thiên nhãn thông), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, vị đó nhìn thấy một người ở đây kiêng cữ sát-sinh … và nắm giữ chánh-kiến, và vị đó nhìn thấy người đó khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Vị đó nói như vầy: ‘Đúng thật, có những nghiệp thiện, có quả báo của hành-vi thiện lành [có thiện nghiệp, có thiện quả]; bởi vì tôi nhìn thấy một người ở đây kiêng cữ sát-sinh … và nắm giữ chánh-kiến, và tôi nhìn thấy người đó khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.’ Vị đó nói như vầy: ‘Khi thân tan rã, sau khi chết, mọi người kiêng cữ sát-sinh … nắm giữ chánh- kiến đều được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Ai biết như vầy là biết một cách đúng đắn; ai nghĩ khác là bị sai lầm.’ Như vậy vị đó khăng khăng cố chấp theo điều mình đã tự biết, thấy, và khám phá, và bảo thủ: ‘Chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai.’

12. (iv) “Nhưng, ở đây, này Ānanda, bằng phương tiện là sự nhiệt thành … có tu sĩ hay bà-la-môn khác chứng đắc một trạng thái định của tâm đến mức, khi tâm vị đó đạt định, với mắt thiên thánh (thiên nhãn thông), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, vị đó nhìn thấy một người ở đây kiêng cữ sát-sinh … và nắm giữ chánh-kiến, và vị đó nhìn thấy người đó khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … thậm chí trong địa ngục. Vị đó nói như vầy: ‘Đúng thật, không có những nghiệp thiện, không có quả báo của hành-vi thiện lành [không thiện nghiệp, không thiện quả]; bởi vì tôi nhìn thấy một người ở đây kiêng cữ sát-sinh … và nắm giữ chánh-kiến, và tôi nhìn thấy người đó khi thân tan rã, sau

khi chết, lại bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … thậm chí trong địa ngục.' Vị đó nói như vầy: 'Khi thân tan rã, sau khi chết, mọi người kiêng cữ sát-sinh … nắm giữ chánh-kiến đều bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Ai biết như vầy là biết một cách đúng đắn; ai nghĩ khác là bị sai lầm.' Như vậy vị đó khăng khăng cố chấp theo điều mình đã tự biết, thấy, và khám phá, và bảo thủ: 'Chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai.'

13. (i) "Trong đó, này Ānanda,1229 (a) khi một tu sĩ hay bà-la-môn nói: 'Đúng thật, có những nghiệp xấu ác, có quả báo của hành vi sai trái': ta chấp nhận lời vị đó. (b) Khi vị đó nói: 'Tôi đã nhìn thấy một người ở đây có sát-sinh … và nắm giữ tà-kiến, và tôi nhìn thấy người đó khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … thậm chí trong địa ngục': ta cũng chấp nhận lời vị đó. (c) Nhưng khi vị đó nói: 'Khi thân tan rã, sau khi chết, tất cả mọi người có sát-sinh … và nắm giữ tà-kiến đều bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … thậm chí trong địa ngục': ta không chấp nhận lời vị đó. (d) Và khi vị đó nói: "Ai biết như vậy là biết một cách đúng đắn; ai nghĩ khác đều là sai': ta cũng không chấp nhận lời vị đó. (e) Và khi người đó khăng khăng cố-chấp theo điều mình đã tự biết, thấy, và khám phá, bảo thủ rằng: 'Chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai': ta cũng không chấp nhận lời vị đó. Vì sao vậy? Bởi vì, này Ānanda, trí-biết của Như Lai về 'bài thuyết giảng lớn về nghiệp' là khác với họ.

14. (ii) "Trong đó, này Ānanda, (a) khi một tu sĩ hay bà-la-môn nói: 'Đúng thật, không có những nghiệp xấu ác, không có quả báo của hành vi sai trái': ta không chấp nhận lời vị đó. (b) Khi vị đó nói: 'Tôi đã nhìn thấy một người ở đây có sát-sinh … và nắm giữ tà-kiến, và tôi nhìn thấy người đó khi thân tan rã, sau khi chết, lại được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời': ta chấp nhận lời vị đó. (c) Nhưng khi vị đó nói: "Khi thân tan rã, sau khi chết, mọi người có sát-sinh … và nắm giữ tà-kiến đều được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời': ta không chấp nhận lời vị đó. (d) Và khi vị đó nói: "Ai biết như vậy là biết một cách đúng đắn; ai nghĩ khác đều là sai': ta cũng không

chấp nhận lời vị đó. (e) Và khi người đó khăng khăng cố-chấp theo điều mình đã tự biết, thấy, và khám phá, bảo thủ rằng: 'Chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai': ta cũng không chấp nhận lời vị đó. Vì sao vậy? Bởi vì, này Ānanda, trí-biết của Như Lai về 'bài thuyết giảng lớn về nghiệp' là khác với họ.

15. (iii) "Trong đó, này Ānanda, (a) khi một tu sĩ hay bà-la-môn nói: 'Đúng thật, có những nghiệp thiện, có quả báo của hành vi thiện': ta chấp nhận lời vị đó. (b) Và khi vị đó nói: 'Tôi nhìn thấy một người ở đây kiêng cữ sát-sinh … và nắm giữ chánh-kiến, và tôi nhìn thấy người đó khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời': tôi cũng chấp nhận lời vị đó. (c) Nhưng khi vị đó nói: 'Khi thân tan rã, sau khi chết, mọi người kiêng cữ sát-sinh … và nắm giữ chánh-kiến đều được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời': ta không chấp nhận lời vị đó. (d) Và khi vị đó nói: "Ai biết như vậy là biết một cách đúng đắn; ai

nghĩ khác đều là sai': ta cũng không chấp nhận lời vị đó. (e) Và khi người đó khăng khăng cố-chấp theo điều mình đã tự biết, thấy, và khám phá, bảo thủ rằng: 'Chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai': ta cũng không chấp nhận lời vị đó. Vì sao vậy? Bởi vì, này Ānanda, trí-biết của Như Lai về 'bài thuyết giảng lớn về nghiệp' là khác với họ.

16. (iv) "Trong đó, này Ānanda, (a) khi một tu sĩ hay bà-la-môn nói: 'Đúng thật, không có những nghiệp thiện, không có quả báo của hành vi thiện': ta không chấp nhận lời vị đó. (b) Khi vị đó nói: 'Tôi đã nhìn thấy một người ở đây kiêng cữ sát-sinh … và nắm giữ chánh-kiến, và tôi nhìn thấy người đó khi thân tan rã, sau khi chết, lại bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … thậm chí trong địa ngục': ta chấp nhận lời vị đó. (c) Nhưng khi vị đó nói: 'Khi thân tan rã, sau khi chết, mọi người kiêng cữ sát-sinh … và nắm giữ chánh-kiến đều bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … thậm chí trong địa ngục': ta không chấp nhận lời vị đó. (d) Và khi vị đó nói: "Ai biết như vậy là biết một cách đúng đắn; ai nghĩ khác đều là sai': ta cũng không chấp nhận lời vị đó. (e) Và khi người đó khăng khăng cố-chấp theo

điều mình đã tự biết, thấy, và khám phá, bảo thủ rằng: 'Chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai': ta cũng không chấp nhận lời vị đó. Vì sao vậy? Bởi vì, này Ānanda, trí-biết của Như Lai về 'bài thuyết giảng lớn về nghiệp' là khác với họ.

(Phân giải 2)

17. [1] "Trong đó, này Ānanda,1230 (a) trường hợp [một người ở đây có sát-sinh … và nắm giữ tà-kiến, và khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … thậm chí trong địa ngục]: là có thể trước kia người đó đã làm một nghiệp ác [có quả] được cảm nhận là khổ, hoặc sau đó người đó làm một nghiệp ác [có quả] được cảm nhận là khổ, hoặc vào lúc chết người đó thu nạp và nhận lấy tà-kiến.1231 Bởi do (một trong ba nghiệp ác) đó, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó đã bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … thậm chí trong địa ngục. (b) Và do người đó ở đây đã sát-sinh … và nắm giữ tà-kiến, nên người đó sẽ nếm trải quả của nghiệp ác đó trong kiếp này, hoặc trong kiếp sau, hoặc trong kiếp sau nữa.1232

18. [2] "Trong đó, này Ānanda, (a) trường hợp [một người ở đây có sát- sinh … và nắm giữ tà-kiến, và khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời]: là có thể trước kia người đó đã làm một nghiệp thiện [có quả] được nếm trải là sướng (lạc), hoặc sau đó người đó làm một nghiệp thiện [có quả] được cảm nhận là sướng, hoặc vào lúc chết người đó thu nạp và nhận lấy chánh- kiến.1233 Bởi do (một trong ba nghiệp thiện) đó, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. (b) Nhưng do người đó ở đây đã sát-sinh … và nắm giữ tà- kiến, nên người đó sẽ nếm trải quả của nghiệp ác đó trong kiếp này, hoặc trong kiếp sau, hoặc trong kiếp sau nữa.

19. [3] "Trong đó, này Ānanda, (a) trường hợp [một người kiêng cữ sát- sinh … và nắm giữ chánh-kiến, và khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời]: là

có thể trước kia người đó đã làm một nghiệp thiện [có quả] được nếm trải là sướng, hoặc sau đó người đó làm một nghiệp thiện [có quả] được cảm nhận là sướng, hoặc vào lúc chết người đó thu nạp và nhận lấy chánh- kiến. Bởi do (một trong ba nghiệp thiện) đó, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. (b) Và do người đó ở đây đã kiêng cữ sát-sinh … và nắm giữ chánh-kiến, nên người đó sẽ nếm trải quả của nghiệp thiện đó trong kiếp này, hoặc trong kiếp sau, hoặc trong kiếp sau nữa.

20. [4] “Trong đó, này Ānanda, (a) trường hợp [một người kiêng cữ sát- sinh … và nắm giữ chánh-kiến, và khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … thậm chí trong địa ngục]: là có thể trước kia người đó đã làm một nghiệp ác [có quả] được cảm nhận là khổ, hoặc sau đó người đó làm một nghiệp ác [có quả] được cảm nhận là khổ, hoặc vào lúc chết người đó thu nạp và nhận lấy tà-kiến. Bởi do (một trong ba nghiệp ác) đó, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó đã bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … thậm chí trong địa ngục. (b) Nhưng do người đó ở đây đã kiêng cữ sát-sinh … và nắm giữ chánh-kiến, nên người đó sẽ nếm trải quả của nghiệp thiện đó trong kiếp này, hoặc trong kiếp sau, hoặc trong kiếp sau nữa.

21. “Như vậy đó, này Ānanda, có nghiệp là không khả năng (tạo quả tốt) và thể hiện là không khả năng; có nghiệp không khả năng và thể hiện là có khả năng; có nghiệp là có khả năng và thể hiện là có khả năng; và có nghiệp là có khả năng và thể hiện là không khả năng.”1234 Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Ānanda đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

137. KINH PHÂN GIẢI VỀ SÁU CƠ SỞ (Saḷāyatanavibhanga Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy một bài phân-giải (phân tích, phân biệt, giảng giải) về sáu cơ-sở (sáu xứ). Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(Tóm lược)

3. “(1) Sáu cơ-sở bên trong (sáu nội xứ) nên được hiểu. (2) Sáu cơ-sở bên ngoài (sáu ngoại xứ) nên được hiểu. (3) Sáu loại thức nên được hiểu. (4) Sáu loại tiếp-xúc nên được hiểu. (5) Mười tám loại sự khám-phá của tâm nên được hiểu. (6) Ba mươi sáu loại tình-thế của chúng sinh nên được hiểu. (7) Trong đó, nhờ dựa theo điều này, nên dẹp bỏ điều kia. (8) Có ba nền tảng chánh-niệm (niệm xứ) mà Bậc Thánh tu dưỡng, sau khi tu dưỡng chúng Bậc Thánh là Vị Thầy xứng đáng để chỉ dạy cho nhóm đoàn. (9) Trong số những sư thầy chỉ dạy, chính bậc ấy được gọi là người dẫn dắt tối thượng của những

người cần được huấn luyện (điều ngự trượng phu). Đây là sự tóm-lược (đề cương, mẫu đề) của bài phân-giải (giảng giải, phân biệt) về sáu cơ-sở (sáu xứ).

(Phân giải)

4. (1) "'Sáu cơ-sở bên trong nên được hiểu.' Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy? Có cơ-sở mắt, cơ-sở tai, cơ-sở mũi, cơ-sở lưỡi, cơ-sở thân, và cơ-sở tâm (nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, tâm xứ). Do chiếu theo điều này nên đã nói: 'Sáu cơ-sở bên trong nên được hiểu.'

5. (2) "'Sáu cơ-sở bên ngoài nên được hiểu.' Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy? Có cơ-sở hình sắc, cơ-sở âm thanh, cơ-sở mùi hương, cơ-sở mùi vị, cơ-sở thứ hữu-hình chạm xúc, và cơ-sở đối-tượng của tâm (sắc xứ, thanh xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ). Do chiếu theo điều này nên đã nói: 'Sáu cơ-sở bên ngoài nên được hiểu.'

6. (3) "'Sáu loại thức nên được hiểu.' Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy? Có thức mắt, thức tai, thức mũi, thức lưỡi, thức thân, và thức tâm (nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, tâm thức). Do chiếu theo điều này nên đã nói: 'Sáu loại thức nên được hiểu.'

7. (4) "'Sáu loại tiếp-xúc nên được hiểu.' Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy? Có tiếp-xúc mắt, tiếp-xúc tai, tiếp-xúc mũi, tiếp-xúc lưỡi, tiếp-xúc thân, và tiếp-xúc tâm (nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, tâm xúc). Do chiếu theo điều này nên đã nói: 'Sáu loại tiếp-xúc bên trong nên được hiểu.'

8. (5) "'Mười tám loại sự khám-phá của tâm nên được hiểu.'1235 Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy? "Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một người khám phá một hình- sắc tạo sự vui (hỷ), một người khám phá một hình-sắc tạo sự buồn (ưu), một người khám phá một hình-sắc tạo sự buông-xả (xả).1236 Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi … Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … Khi cảm thấy một thứ hữu-hình chạm xúc bằng thân … Khi nhận biết một đối-tượng của tâm bằng tâm, một người khám phá một đối-tượng của tâm tạo sự vui (hỷ), một người khám phá một đối-tượng của tâm tạo sự buồn (ưu), một người khám phá một đối-tượng của tâm tạo sự buông-xả (xả). Như vậy có sáu loại sự khám-phá với vui, có sáu loại sự khám-phá với buồn, có sáu loại sự khám-phá với sự buông-xả. Do chiếu theo điều này nên đã nói: 'Mười tám loại sự khám-

phá của tâm nên được hiểu.'

9. (6) "'Ba mươi sáu loại tình-thế của chúng sinh nên được hiểu.'1237 Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy? Có sáu loại sự vui (hỷ) dựa trên [có từ] đời sống tại gia và sáu loại sự vui dựa trên đời sống xuất gia.1238

Có sáu loại sự buồn (ưu) dựa trên đời sống tại gia và sáu loại sự buồn dựa trên đời sống xuất gia. Có sáu loại sự buông-xả (xả) dựa trên đời sống tại gia và sáu loại sự buông-xả dựa trên đời sống xuất gia.

10. (i) “Trong số này, cái gì là sáu loại sự vui (hỷ) dựa trên [có từ] đời sống tại gia? Khi một người coi đó là lợi-lạc khi đạt-được những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục—hoặc khi một người nhớ lại thứ đã đạt-được trước kia giờ đã biến qua, chấm dứt, và thay đổi—thì sự vui (hỷ) khởi sinh. Sự vui như vậy được gọi là sự vui dựa trên đời sống tại gia. “Khi một người coi đó là lợi lạc khi đạt-được những âm-thanh được nhận biết bởi tai … những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân … những đối-tượng của tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục—hoặc khi một người nhớ lại thứ đã đạt-được trước kia giờ đã biến qua, chấm dứt, và thay đổi—thì sự vui (hỷ) khởi sinh. Sự vui như vậy được gọi là sự vui dựa trên đời sống tại gia. Đây là sáu loại sự vui dựa trên đời sống tại gia.

11. (ii) “Trong đó, cái gì là sáu loại sự vui (hỷ) dựa trên [có từ] đời sống xuất gia? Khi, nhờ biết sự vô thường, sự biến đổi, sự phai biến, và sự chấm dứt của những hình-sắc, một người nhìn thấy bằng trí-tuệ đúng như nó thực là rằng những hình-sắc trước kia và bây giờ đều là ‘vô thường, khổ, phải bị biến đổi’, thì sự vui khởi sinh. Sự vui như vậy được gọi là sự vui dựa trên đời sống xuất gia.1239

“Khi, nhờ biết sự vô thường, sự biến đổi, sự phai biến, và sự chấm dứt của những âm-thanh … những mùi-hương … những mùi-vị … những thứ hữu-hình chạm xúc … những đối-tượng của tâm, một người nhìn thấy bằng trí-tuệ đúng như nó thực là rằng những đối-tượng của tâm trước kia và bây giờ đều là ‘vô thường, khổ, phải bị biến đổi’, thì sự vui khởi sinh. Sự vui như vậy được gọi là sự vui dựa trên đời sống xuất gia. Đây là sáu loại sự vui dựa trên đời sống xuất gia.

12. (iii) “Trong đó, cái gì là sáu loại buồn (ưu) dựa trên đời sống tại gia? Khi một người coi đó là không lợi-lạc khi không đạt-được những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục—hoặc khi một người nhớ lại thứ đã không đạt-được trước kia giờ đã biến qua, chấm dứt, và thay đổi—thì sự buồn (ưu) khởi sinh. Sự buồn như vậy được gọi là sự buồn dựa trên đời sống tại gia. “Khi một người coi đó là không lợi-lạc khi không đạt-được những âm- thanh được nhận biết bởi tai … những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân … những đối-tượng của tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục—hoặc khi một người nhớ lại thứ đã không đạt-được trước kia giờ đã biến qua, chấm dứt, và thay đổi— thì sự buồn (ưu) khởi sinh. Sự buồn như vậy được gọi là sự

buồn dựa trên đời sống tại gia. Đây là sáu loại sự buồn dựa trên đời sống tại gia.

13. (iv) “Trong đó, cái gì là sáu loại sự buồn (ưu) dựa trên đời sống xuất gia? Khi, nhờ biết sự vô thường, sự biến đổi, sự phai biến, và sự chấm dứt của những hình-sắc, một người nhìn thấy bằng trí-tuệ đúng như nó thực là rằng những hình-sắc trước kia và bây giờ đều là ‘vô thường, khổ, phải bị biến đổi’, thì người tu khởi tạo ước-muốn có được những sự giải-thoát như vầy: ‘Khi nào tôi mới chứng nhập và an trú được trong cảnh xứ mà những thánh nhân giờ chứng nhập và an trú trong đó?’1240 Trong một

KINH PHÂN GIẢI VỀ SÁU CƠ SỞ • 319

người tu khởi tạo ước-muốn có được những sự giải-thoát tối thượng như vậy, thì sự buồn (ưu) khởi sinh với sự ước-muốn đó là điều-kiện (duyên). Sự buồn như vậy được gọi là sự buồn dựa trên đời sống xuất gia. “Khi, nhờ biết sự vô thường, sự biến đổi, sự phai biến, và sự chấm dứt của những âm-thanh … những mùi-hương … những mùi-vị … những thứ hữu-hình chạm xúc … những đối-tượng của tâm, một người nhìn thấy bằng trí-tuệ đúng như nó thực là rằng những đối-tượng của tâm trước kia và bây giờ đều là ‘vô thường, khổ, phải bị biến đổi’, thì người tu khởi tạo ước-muốn có được những sự giải-thoát như vầy: ‘Khi nào tôi mới chứng nhập và an trú được trong cảnh xứ mà những thánh nhân giờ chứng nhập và an trú trong đó?’ Trong một người tu khởi tạo ước-muốn có được những sự giải-thoát tối thượng như vậy, thì sự buồn (ưu) khởi sinh với sự ước-muốn đó là điều-kiện. Sự buồn như vậy được gọi là sự buồn dựa trên đời sống xuất gia. Đây là sáu loại sự buồn dựa trên đời sống xuất gia.

14. (v) “Trong này, cái gì là sáu loại sự buông-xả (xả) dựa trên đời sống tại gia (xả tại gia)? Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, sự buông-xả [ngu ngơ, trơ] khởi sinh trong một người si mê ngu dốt, một người phàm phu không được chỉ dạy, là người chưa chinh phục những hạn-chế của mình hay chinh phục những [nghiệp] quả của mình và là người mù quáng trước sự nguy-hại. Sự buông-xả như vậy không chuyển hóa vượt khỏi sắc- thân; đó là lý do nó được gọi là sự buông-xả dựa trên đời sống tại gia.1241 “Khi nghe thấy âm-thanh bằng tai … Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi … Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … Khi cảm thấy một thứ hữu-hình chạm xúc bằng thân … Khi nhận biết một những đối-tượng của tâm bằng tâm, sự buông-xả [ngu ngơ, trơ] khởi sinh trong một người si mê ngu dốt, một người phàm phu không được chỉ dạy, là người chưa chinh phục những hạn-chế của mình hay chinh phục những [nghiệp] quả của mình và là người mù quáng trước sự nguy-hại. Sự buông-xả như vậy không chuyển hóa vượt khỏi sắc-thân; đó là lý do nó được gọi là sự buông-xả dựa trên đời sống tại gia. Đây là sáu loại sự buông-xả dựa trên

320 • Chương 4

đời sống tại gia.

15. (vi) “Trong này, cái gì là sáu loại sự buông-xả (xả) dựa trên đời sống xuất gia (xả xuất gia)? Khi, nhờ biết sự vô thường, sự biến đổi, sự phai biến, và sự chấm dứt của những hình-sắc, một người nhìn thấy bằng trí- tuệ đúng như nó thực là rằng những hình-sắc trước kia và bây giờ đều là ‘vô thường, khổ, phải bị biến đổi’, thì sự buông-xả

[bình tâm, xả bỏ] khởi sinh. Sự buông-xả như vậy chuyển hóa vượt khởi sắc-thân; đó là lý do nó được gọi là sự buông-xả dựa trên đời sống xuất gia.1242 “Khi, nhờ biết sự vô thường, sự biến đổi, sự phai biến, và sự chấm dứt của những âm-thanh … những mùi-hương … những mùi-vị … những thứ hữu-hình chạm xúc … những đối-tượng của tâm trước kia và bây giờ đều là ‘vô thường, khổ, phải bị biến đổi’, thì sự buông-xả [bình tâm, xả bỏ] khởi sinh. Sự buông-xả như vậy chuyển hóa vượt khởi sắc-thân; đó là lý do nó được gọi là sự buông-xả dựa trên đời sống xuất gia. Đây là sáu loại sự buông-xả dựa trên đời sống xuất gia. “Do chiếu theo điều này nên đã nói: ‘Ba mươi sáu loại tình-thế của chúng sinh nên được hiểu.’

16. (7) “‘Trong đó, nhờ dựa theo điều này, nên dẹp bỏ điều kia.’ Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy? “Ở đây, này các Tỳ kheo, nhờ dựa theo và dựa vào sáu loại sự vui (hỷ) dựa trên đời sống xuất gia (hỷ xuất gia), nên dẹp bỏ và vượt khỏi sáu loại sự vui dựa trên đời sống tại gia (hỷ tại gia). Chính như vậy là chúng được dẹp bỏ; chính như vậy là chúng được vượt khỏi. Nhờ dựa theo và dựa vào sáu loại sự buồn (ưu) dựa trên đời sống xuất gia (ưu xuất gia), nên dẹp bỏ và vượt khỏi sáu loại sự buồn dựa trên đời sống tại gia (ưu tại gia). Chính như vậy là chúng được dẹp bỏ; chính như vậy là chúng được vượt khỏi. Nhờ dựa theo và dựa vào sáu loại sự buông-xả (xả) dựa trên đời sống xuất gia (xả xuất gia), nên dẹp bỏ và vượt khỏi sáu loại sự buông-xả dựa trên đời sống tại gia (xả tại gia). Chính như vậy là chúng được dẹp bỏ; chính

như vậy là chúng được vượt khỏi. “Nhờ dựa theo và dựa vào sáu loại sự vui (hỷ) dựa trên đời sống xuất gia (hỷ xuất gia), nên dẹp bỏ và vượt khỏi sáu loại sự buồn (ưu) dựa trên đời sống xuất gia (ưu xuất gia). Chính như vậy là chúng được dẹp bỏ; chính như vậy là chúng được vượt khỏi. Nhờ dựa theo và dựa vào sáu loại sự buông-xả (xả) dựa trên đời sống xuất gia (xả xuất gia), nên dẹp bỏ và vượt khỏi sáu loại sự vui (hỷ) dựa trên đời sống xuất gia (hỷ xuất gia). Chính như vậy là chúng được dẹp bỏ; chính như vậy là chúng được vượt khỏi.

17. “Này các Tỳ kheo, có sự buông-xả là phân-tán, dựa trên sự phân-tán (đa dạng); và có sự buông-xả là hợp-nhất, dựa trên sự hợp-nhất (nhất dạng).1243

18. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự buông-xả là phân-tán, dựa trên [có từ] sự phân-tán? Có sự buông-xả đối với những hình-sắc, những âm- thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, và những thứ hữu-hình chạm xúc. Này các Tỳ kheo, đây là sự buông-xả là phân-tán, dựa trên sự phân- tán. (xả trong cảm-nhận)

19. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự buông-xả là hợp-nhất, dựa trên [có từ] sự hợp-nhất? Có sự buông-xả đối với không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, và phi tưởng phi phi tưởng xứ. Này các Tỳ kheo, đây là sự buông-xả là hợp-nhất, dựa trên sự hợp-nhất. (xả trong thiền)

20. “Ở đây, này các Tỳ kheo, nhờ dựa theo và dựa vào sự buông-xả là hợp-nhất, dựa trên sự hợp-nhất, nên dẹp bỏ sự buông-xả là phân-tán, dựa trên sự phân-tán. Chính

như vậy là chúng được dẹp bỏ; chính như vậy là chúng được vượt khỏi.1244 “Này các Tỳ kheo, nhờ dựa theo và dựa vào sự không nhận-dạng,1245 nên dẹp bỏ và vượt khỏi sự buông-xả là hợp-nhất, dựa trên sự hợp-nhất. Chính như vậy là chúng được dẹp bỏ; chính như vậy là chúng được vượt khỏi.

“Do chiếu theo điều này nên đã nói: ‘Trong đó, nhờ dựa theo và dựa vào điều này, nên dẹp bỏ điều kia.’

21. (8) “‘Có ba nền tảng chánh-niệm mà Bậc Thánh tu dưỡng, sau khi tu dưỡng nó Bậc Thánh là vị sự thầy xứng đáng để chỉ dạy một nhóm đoàn.’1246 Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy?

22. (i) “Ở đây, này các Tỳ kheo, Vị Thầy bi-mẫn và tìm kiếm phúc lợi cho những đệ tử của mình, chỉ dạy Giáo Pháp cho những đệ tử vì lòng bi- mẫn: ‘Đây là vì ích lợi của các thầy; đây là hạnh phúc của các thầy.’ Những đệ tử không muốn nghe, không để tai lắng nghe, không cố dụng tâm để hiểu; họ cứ làm sai và phớt lờ Giáo Pháp của Vị Thầy. Với điều đó Như Lai không hài lòng, không thấy hài lòng; nhưng bậc ấy vẫn an trú bất động, có chánh-niệm, và tỉnh-giác [rõ-biết hoàn toàn]. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là nền tảng chánh-niệm thứ nhất mà Bậc Thánh tu dưỡng, sau khi tu dưỡng nó Bậc Thánh là một Vị Thầy xứng đáng để chỉ dạy một nhóm đoàn.

23. (ii) “Thêm nữa, này các Tỳ kheo, Vị Thầy bi-mẫn và tìm kiếm phúc lợi cho những đệ tử của mình, chỉ dạy Giáo Pháp cho những đệ tử vì lòng bi-mẫn: ‘Đây là vì ích lợi của các thầy; đây là hạnh phúc của các thầy.’ Một số đệ tử sẽ không muốn nghe, không để tai lắng nghe, không cố dụng tâm để hiểu; họ cứ làm lỗi và phớt lờ Giáo Pháp của Vị Thầy. Một số đệ tử sẽ muốn nghe, để tai lắng nghe, và cố dụng tâm để hiểu; họ không làm lỗi hay phớt lờ Giáo Pháp của Vị Thầy. Với điều đó Như Lai không hài lòng, không thấy hài lòng, cũng không bất mãn, không thấy bất mãn; nhưng Như Lai vẫn không bị tác động bởi sự hài lòng hay sự bất mãn, bậc ấy vẫn an trú bất động, có chánh-niệm và tỉnh-giác. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là nền tảng chánh-niệm thứ hai mà Bậc Thánh tu dưỡng, sau khi tu dưỡng nó Bậc Thánh là một Vị Thầy xứng đáng để chỉ dạy một nhóm đoàn.

24. (iii) “Thêm nữa, này các Tỳ kheo, Vị Thầy bi-mẫn và tìm kiếm phúc

lợi cho những đệ tử của mình, chỉ dạy Giáo Pháp cho những đệ tử vì lòng bi-mẫn: ‘Đây là vì ích lợi của các thầy; đây là hạnh phúc của các thầy.’ Những đệ tử sẽ muốn nghe, để tai lắng nghe, và cố dụng tâm để hiểu; họ không làm lỗi hay phớt lờ Giáo Pháp của Vị Thầy. Với điều đó Như Lai hài lòng, thấy hài lòng; nhưng Như Lai vẫn an trú bất động, có chánh- niệm và tỉnh-giác. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là nền tảng chánh-niệm thứ ba mà Bậc Thánh tu dưỡng, sau khi tu dưỡng nó Bậc Thánh là một Vị Thầy xứng đáng để chỉ dạy một nhóm đoàn. “Do chiếu theo điều này nên đã nói: ‘Có ba nền tảng chánh-niệm mà Bậc Thánh tu dưỡng, sau khi tu dưỡng nó Bậc Thánh là vị sự thầy xứng

đáng để chỉ dạy một nhóm đoàn.’

25. (9) “‘Trong số những sư thầy chỉ dạy, chính bậc ấy được gọi là người dẫn dắt tối thượng của những người cần được huấn luyện (điều ngự trượng phu).’1247 Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy? “Này các Tỳ kheo, khi được chỉ dạy bởi người huấn luyện voi, con voi được huấn luyện đi về một hướng—đông, tây, bắc, hay nam. Khi được chỉ dạy bởi người huấn luyện ngựa, con ngựa được huấn luyện đi về một hướng—đông, tây, bắc, hay nam. Khi được chỉ dạy bởi người huấn luyện bò, con bò được huấn luyện đi về một hướng—đông, tây, bắc, hay nam.

26. “Này các Tỳ kheo, khi được chỉ dạy bởi Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, người được thuần hóa đi về tám hướng đúng đắn.1248 “(i) Sở hữu thân-sắc, người đó nhìn thấy thể-sắc: đây là hướng thứ nhất. (ii) Không nhận-thức thể-sắc ở bên trong, người đó nhìn thấy thể-sắc ở bên ngoài: đây là hướng thứ hai. (iii) Người đó đó quyết tâm duy nhất vào sự đẹp (cảnh trời sắc giới): đây là hướng thứ ba. (iv) Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc, với sự biến mất của những nhận- thức về va-chạm giác quan, với sự không chú-tâm (phi tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng này nọ, chỉ ý thức sự ‘không gian là vô biên’, người đó chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ (cảnh xứ của

không gian vô biên): đây là hướng thứ tư. (v) Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, chỉ ý thức sự ‘thức là vô biên’, người đó chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ (cảnh xứ vô biên của thức): đây là hướng thứ năm. (vi) Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, chỉ ý thức sự ‘không có gì’, người đó chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ (cảnh xứ không-có-gì): đây là hướng thứ sáu. (vii) Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, người đó chứng nhập và an trú trong phi tưởng phi phi tưởng xứ (cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức): đây là hướng thứ bảy. (viii) Bằng sự hoàn toàn vượt trên phi tưởng phi phi tưởng xứ, người đó chứng nhập và an trú trong sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tưởng định): đây là hướng thứ tám. “Này các Tỳ kheo, khi được chỉ dạy bởi Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, người được thuần hóa đi về tám hướng đúng đắn này.

27. “Do chiếu theo điều này nên đã nói: ‘Trong số những sư thầy chỉ dạy, chính bậc ấy được gọi là người dẫn dắt tối thượng của những người cần được huấn luyện.’” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

138. KINH PHÂN GIẢI VỀ MỘT SỰ TÓM LƯỢC (Uddesavibhanga Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự tóm-lược (đề cương, mẫu đề) và sự phân-giải (sự phân tích, phân biệt, giảng giải). Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(Tóm lược)

3. “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nên xem xét mọi sự theo cách mà khi xem xét chúng, thức của người đó không bị xao lãng và phân tán ra bên-ngoài, và nhờ sự không dính-chấp người đó không bị khích-động. Nếu thức của người đó không bị xao lãng và phân tán ra bên-ngoài, cũng không bị dính kẹt ở bên-trong, và nếu nhờ sự không dính-chấp người đó không bị khích-động, thì đối với người đó không còn sự khởi sinh sự khổ—không còn sự khởi sinh sự sinh, già, chết trong tương lai.”

4. Đó là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong, đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ trú ở của mình.1249

5. –8 Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, các Tỳ kheo đã suy xét: … [Tiếp tục giống như kinh MN 18, mục 10–13: (Các Tỳ kheo đã đến nhờ thầy Đại Ca-chiên-diên phân-giải ý nghĩa chi tiết của lời tóm-lược Phật nói ra một cách ngắn gọn).] …

9. “Được rồi, này các đạo hữu, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Tôi sẽ nói.”—“Dạ, đạo hữu”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Đại Ca-chiên- diên đã nói điều này:

(Phân giải)

10. (1) “Này các đạo hữu, theo cách nào thức được gọi là ‘bị xao lãng và phân tán ra bên-ngoài’?1250 Ở đây, khi một Tỳ kheo đã nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, nếu thức người đó chạy theo dấu-hiệu (tướng) của hình-sắc, bị trói và bị còng bởi sự thỏa-thích về dấu-hiệu của hình-sắc,1251 bị cùm bởi gông-cùm là sự thỏa-thích về dấu-hiệu của hình-sắc, thì thức người đó được gọi là ‘bị xao lãng và phân tán ra bên-ngoài’. “Khi người đó đã nghe một âm-thanh bằng tai … ngửi một mùi-hương bằng mũi … nếm một mùi-vị bằng lưỡi … chạm xúc một thứ hữu-hình bằng thân … nhận biết một đối-tượng của tâm bằng tâm, nếu thức người đó chạy theo dấu-hiệu (tướng) của đối-tượng của tâm, bị trói và bị còng bởi sự thỏa-thích về dấu-hiệu của đối-tượng của tâm, bị cùm bởi gông- cùm là sự thỏa-thích về dấu-hiệu của đối-tượng của tâm, thì thức người đó được gọi là ‘bị xao lãng và phân tán ra bên-ngoài’.

11. (1’) “Và, này các đạo hữu, theo cách nào thức được gọi là ‘không bị xao lãng và phân tán ở bên-ngoài’? Ở đây, khi một Tỳ kheo đã nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, nếu thức người đó không chạy theo dấu-hiệu (tướng) của hình-sắc, không bị trói và bị còng bởi sự thỏa-thích về dấu- hiệu của hình-sắc, không bị cùm bởi gông-cùm là sự thỏa-thích về dấu- hiệu của hình-sắc, thì thức người đó được gọi là ‘không bị xao lãng và phân tán ra bên-ngoài’. “Khi người đó đã nghe một âm-thanh bằng tai … ngửi một mùi-hương bằng mũi … nếm một mùi-vị bằng lưỡi … chạm xúc một thứ hữu-hình bằng thân … nhận biết một đối-tượng của tâm bằng tâm, nếu thức người đó không chạy theo dấu-hiệu (tướng) của đối-tượng của tâm, không bị trói và bị còng bởi sự thỏa-thích về

dấu-hiệu của đối-tượng của tâm, không bị cùm bởi gông-cùm là sự thỏa-thích về dấu-hiệu của đối-tượng của tâm, thì thức người đó được gọi là 'không bị xao lãng và phân tán ra bên-ngoài'.

12. (2) "Và, này các đạo hữu, theo cách nào tâm được gọi là 'bị dính kẹt ở bên-trong'?1252

KINH PHÂN GIẢI VỀ MỘT SỰ TÓM LƯỢC • 327

(i) "Ở đây: 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.' Nếu thức người đó chạy theo sự hỷ và lạc được sinh ra từ sự tách-ly, bị trói và bị còng bởi sự thỏa-thích về sự hỷ và lạc được sinh ra từ sự tách-ly, bị cùm bởi gông-cùm là sự thỏa-thích về sự hỷ và lạc được sinh ra từ sự tách-ly, thì tâm người đó được gọi là bị 'dính kẹt ở bên-trong'.

13. (ii) "Lại nữa: 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét.' Nếu thức người đó chạy theo sự hỷ và lạc được sinh ra từ sự định-tâm … thì tâm người đó được gọi là bị 'dính kẹt ở bên-trong'.

14. (iii) "Lại nữa: 'Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), một Tỳ kheo an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: "Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc)."' Nếu thức người đó chạy theo sự buông-xả (xả) … thì tâm người đó được gọi là 'bị dính kẹt ở bên-trong'.

15. (iv) "Lại nữa: 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.' Nếu thức người đó chạy theo sự không khổ không sướng, bị trói và bị còng bởi sự thỏa-thích về sự không khổ không sướng, bị cùm bởi gông-cùm là sự thỏa-thích về sự không khổ không sướng, thì tâm người đó được gọi là 'bị dính kẹt ở bên-trong'.

328 • Chương 4

16. (2') "Và, này các đạo hữu, theo cách nào tâm được gọi là 'không bị kẹt ở bên-trong'? (i) "Ở đây: 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) … Nếu thức người đó không chạy theo sự hỷ và lạc được sinh ra từ sự tách-ly, không bị trói và bị còng bởi sự thỏa-thích về sự hỷ và lạc được sinh ra từ sự tách-ly, không bị cùm bởi gông-cùm là sự thỏa-thích về sự hỷ và lạc được sinh ra từ sự tách-ly,

thì tâm người đó được gọi là bị ‘không dính kẹt ở bên-trong’.

17. (ii) “Lại nữa: ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) … Nếu thức người đó không chạy theo sự hỷ và lạc được sinh ra từ sự định- tâm … thì tâm người đó được gọi là bị ‘không dính kẹt ở bên-trong’.

18. (iii) “Lại nữa: ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), một Tỳ kheo … chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) … Nếu thức người đó không chạy theo sự buông-xả (xả) … thì tâm người đó được gọi là bị ‘không dính kẹt ở bên-trong’.

19. (iv) “Lại nữa: ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ … một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền) … Nếu thức người đó không chạy theo sự không khổ không sướng, không bị trói và bị còng bởi sự thỏa-thích về sự không khổ không sướng, không bị cùm bởi gông- cùm là sự thỏa-thích về sự không khổ không sướng, thì tâm người đó được gọi là ‘không bị dính kẹt ở bên-trong’.

20. (3) “Này các đạo hữu, theo cách nào là có sự khích-động do có sự dính-chấp (thủ)?1253 Ở đây, này các Tỳ kheo, một người phàm phu không được chỉ dạy, không phải là người coi trọng (nhìn thấy, gặp gỡ) những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương (rèn luyện, huấn luyện) trong Giáo Pháp của những bậc thánh; không phải là người coi trọng những bậc thượng nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương trong Giáo Pháp của những bậc thượng nhân; cứ coi sắc-thân là cái

‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hoặc nghĩ sắc-thân ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong sắc-thân. Mà sắc-thân của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi sắc-thân thay đổi và biến đổi, thức của người đó bị bận tâm [chiếm ngự] bởi sự thay đổi của sắc-thân. Sự khích-động và một mớ những trạng thái tâm cùng khởi sinh1254 từ ‘sự bận tâm với sự thay đổi của sắc-thân’ cứ ám muội trong tâm trí người đó. Bởi vì tâm người đó bị ám muội, nên người đó sợ hãi, buồn phiền, và lo lắng, và do có sự dính-chấp đó nên người đó bị khích-động.1255 “Người đó cứ coi cảm-giác là cái ‘ta’ … nhận-thức là cái ‘ta’ … những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ … thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Mà thức của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi thức thay đổi và biến đổi, thì thức của người đó bị bận tâm với sự thay đổi của thức. Sự khích-động và một mớ những trạng thái tâm cùng khởi sinh từ sự ‘bận tâm với sự thay đổi và biến đổi của thức’ cứ ám muội trong tâm trí của người đó. Do tâm người đó bị ám muội, nên người đó sợ hãi, buồn phiền, và lo lắng, và do có sự dính-chấp đó nên người đó bị khích-động. “Đó là cách có sự khích-động do có dính-chấp.

21. (3’) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là không có sự khích-động nhờ không có sự dính-chấp (vô thủ)?1256 Ở đây, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, là người coi trọng những bậc thánh nhân, và thiện khéo và được kỷ cương trong Giáo Pháp của

những bậc thánh; là người coi trọng những bậc thượng nhân, và thiện khéo và được kỷ cương trong Giáo Pháp của những bậc thượng nhân; không coi sắc-thân là cái 'ta', hay nghĩ 'ta' sở hữu sắc-thân, hay nghĩ sắc-thân ở trong cái 'ta', hay cái 'ta' ở trong sắc-thân. Sắc-thân của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi sắc-thân thay đổi và biến đổi, thức của người đó không bị bận tâm bởi sự thay đổi và biến đổi của sắc-thân. Không có sự khích-động và không có một mớ trạng thái tâm cùng khởi sinh từ 'sự bận tâm với sự thay đổi và biến đổi của sắc-thân' ám muội tâm trí người đó. Bởi vì tâm người đó

không bị ám muội, nên người đó không sợ hãi, buồn phiền, hay lo lắng, và nhờ sự không dính-chấp nên người đó không bị khích-động. "Người đó không coi cảm-giác là cái 'ta' … nhận-thức là cái 'ta' … những sự tạo-tác cố-ý là cái 'ta' … thức là cái 'ta', hay nghĩ 'ta' sở hữu thức, hay nghĩ thức ở trong cái 'ta', hay cái 'ta' ở trong thức. Thức của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi thức thay đổi và biến đổi, thì thức của người đó không bị bận tâm với sự thay đổi và biến đổi của thức. Không có sự khích-động và không có một mớ những trạng thái tâm cùng khởi sinh từ 'sự bận tâm với sự thay đổi và biến đổi của thức' ám muội trong tâm trí của người đó. Do tâm người đó không bị ám muội, nên người đó không sợ hãi, buồn phiền, hay lo lắng, và nhờ sự không dính-chấp nên người đó không bị khích-động. "Đó là cách không có sự khích-động nhờ không có sự dính-chấp.

22. "Này các đạo hữu, khi đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ trú ở của mình sau khi nói lời tóm-lược (đề cương) một cách ngắn gọn mà không phân-giải ý nghĩa chi tiết, như vầy: 'Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nên xem xét mọi sự theo cách mà khi xem xét chúng, thức của người đó không bị xao lãng và phân tán ra bên-ngoài, và nhờ sự không dính-chấp người đó không bị khích-động. Nếu thức của người đó không bị xao lãng và phân tán ra bên-ngoài, cũng không bị dính kẹt ở bên-trong, và nếu nhờ sự không dính-chấp người đó không bị khích-động, thì đối với người đó không còn sự khởi sinh sự khổ—không còn sự khởi sinh sự sinh, già, chết trong tương lai.', thì tôi hiểu ý nghĩa chi tiết của bài tóm lược này là như vậy. Giờ, này các đạo hữu, nếu các thầy muốn, hãy đến gặp đức Thế Tôn để hỏi lại về ý nghĩa của lời (tóm lược) này. Khi đức Thế Tôn giảng giải cho các thầy, các thầy nên ghi nhớ nó."

23. Rồi các Tỳ kheo đó, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Đại Ca-chiên-diên, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và đi đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên và thưa lại với đức Thế Tôn toàn bộ chuyện đã xảy ra từ sau khi đức Thế Tôn đã đi về

chỗ trú ở của mình, và họ nói thêm: "Rồi, thưa Thế Tôn, chúng con đã đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên và hỏi thầy ấy về ý nghĩa. Thầy Đại Ca-chiên- diên đã giảng giải ý nghĩa cho chúng con bằng những từ ngữ, câu, chữ như vậy."

24. "Đại Ca-chiên-diên là có trí, Đại Ca-chiên-diên là có trí-tuệ lớn lao. Nếu các thầy có hỏi ta về ý nghĩa của lời (tóm lược) này, ta cũng trả lời các thầy y như cách thầy Đại

Ca-chiên-diên đã giảng giải nó. Đó là ý nghĩa của nó, và do vậy các thầy nên ghi nhớ nó.” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

139. KINH PHÂN GIẢI VỀ SỰ KHÔNG XUNG KHẮC (Araṇavibhanga Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy bài thuyết giảng về sự không xung khắc. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(Tóm lược)

3. “(1) Một người chớ nên theo đuổi khoái-lạc giác quan (dục lạc), đó là thấp hèn, phàm tục, thô tục, không thánh thiện, và không ích lợi; và người chớ nên theo đuổi sự hành-xác bản thân (khổ hạnh), đó là đau đớn, không thánh thiện, và không ích lợi. (2) Con đường Trung-Đạo được khám phá bởi Như Lai để tránh cả hai cực đoan đó; mang lại tầm-nhìn (sự thấy), mang lại trí-biết (sự biết), dẫn tới sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác- ngộ, Niết-bàn.1257 (3) Một người nên biết điều gì là đáng khen và điều gì là đáng chê, và sau khi biết cả hai, người chớ nên khen hay chê mà chỉ nên lo chỉ dạy Giáo Pháp. (4) Một người nên biết cách định rõ sự lạc (sướng), và sau khi biết nó, người nên theo đuổi sự lạc bên-trong mình. (5) Một người chớ nên nói lời ẩn ý bóng gió, và người chớ nên nói lời thẳng thừng công khai. (6) Một người nên nói một cách không hấp tấp, chớ nên nói một cách hấp tấp. (7) Một người chớ nên khăng khăng cố dùng đặc ngữ địa phương, và người chớ nên bỏ xa ngôn ngữ thông thường. Đây là sự tóm-lược (đề cương) của bài phân-giải (giảng giải, phân biệt) về sự không xung khắc.

(Phân giải)

4. (1) “‘Một người chớ nên theo đuổi khoái-lạc giác quan (dục lạc), đó

là thấp hèn, phàm tục, thô tục, không thánh thiện, và không ích lợi; và người người chớ nên theo đuổi sự hành-xác bản thân (khổ hạnh), đó là đau đớn, không thánh thiện, và không ích lợi.’ Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy? (i) (a) “Sự theo đuổi ‘sự thụ hưởng khoái-lạc giác quan’ (dục lạc) [sự thụ hưởng của một người có sự khoái-lạc nối kết với những khoái-lạc giác quan (dục lạc)]1258—vốn là thấp hèn, phàm tục, thô tục, không thánh thiện, và không ích lợi—là một trạng thái bị bao vây bởi sự khổ đau, phiền bực, sự tuyệt vọng, và sốt não, và đó là đường sai.1259 (b) Sự không theo đuổi ‘sự thụ hưởng khoái-lạc giác quan’—vốn là thấp hèn, phàm tục, thô tục, không thánh thiện, và không ích lợi—là một trạng thái không

còn sự khổ đau, phiền bực, sự tuyệt vọng, và sốt não, và đó là đường đúng. (Theo đuổi dục-lạc là khổ đau và đường sai; không theo đuổi dục-lạc là an lạc và đường đúng). (ii) (a) "Sự theo đuổi 'sự hành-xác bản thân' (khổ hạnh)—vốn là đau đớn, không thánh thiện, và không ích lợi—là một trạng thái bị bao vây bởi sự khổ đau, phiền bực, sự tuyệt vọng, và sốt não, và đó là đường sai. (b) Sự không theo đuổi 'sự hành-xác bản thân'— vốn là đau đớn, không thánh thiện, và không ích lợi—là một trạng thái không còn sự khổ đau, phiền bực, sự tuyệt vọng, và sốt não, và đó là đường đúng. (Theo đuổi khổ-hạnh là khổ đau và đường sai; không theo đuổi khổ-hạnh là an lạc và đường đúng). "Do chiếu theo điều này nên đã nói: 'Một người chớ nên theo đuổi khoái-lạc giác quan (dục lạc), đó là thấp hèn, phàm tục, thô tục, không thánh thiện, và không ích lợi; và người chớ nên theo đuổi sự hành-xác bản thân (khổ hạnh), đó là đau đớn, không thánh thiện, và không ích lợi.'

5. (2) "'Con đường Trung-Đạo được phát minh bởi Như Lai để tránh cả hai cực đoan đó; mang lại tầm-nhìn (sự thấy), mang lại trí-biết (sự biết), dẫn tới sự bình an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.' Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy? Đó đơn

giản là Con Đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo); đó gồm: cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn (chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh- nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, và chánh-niệm). Do chiếu theo điều này nên đã nói: 'Con đường Trung-Đạo được phát minh bởi Như Lai để tránh cả hai cực đoan đó … dẫn tới sự bình-an … Niết-bàn.'

6. (3) "'Một người nên biết điều gì là đáng khen và điều gì là đáng chê, và sau khi biết cả hai, người chớ nên khen hay chê, mà chỉ nên chỉ dạy Giáo Pháp.' Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy?

7. (i) "Này các Tỳ kheo, theo cách nào là đi đến khen và chê, và không lo chỉ dạy Giáo Pháp? Khi một người nói: (a) 'Tất cả những ai tham gia sự theo đuổi 'sự thụ hưởng khoái-lạc giác quan' (dục lạc)—vốn là thấp hèn … và không ích lợi—thì đều bị bao vây bởi sự khổ đau, phiền bực, sự tuyệt vọng, và sốt não, và họ đã bước vào đường sai', như vậy là người đó chê trách một số người. Khi một người nói: (a') 'Tất cả những ai không tham gia sự theo đuổi 'sự thụ hưởng khoái-lạc giác quan' (dục lạc)—vốn là thấp hèn … và không ích lợi—thì không bị bao vây bởi sự khổ đau, phiền bực, sự tuyệt vọng, và sốt não, và họ đã bước vào đường đúng', như vậy là người đó khen ngợi một số người. "Khi một người nói: (b) 'Tất cả những ai tham gia sự theo đuổi 'sự hành-xác bản thân' (khổ hạnh)—vốn là đau đớn … và không ích lợi—thì đều bị bao vây bởi sự khổ đau, phiền bực, sự tuyệt vọng, và sốt não, và họ đã bước vào đường sai', như vậy là người đó chê trách một số người. Khi một người nói: (b') 'Tất cả những ai không tham gia sự theo đuổi 'sự hành-xác bản thân'—vốn là đau đớn … và không ích lợi—thì không bị bao vây bởi sự khổ đau, phiền bực, sự tuyệt vọng, và sốt não, và họ đã bước vào đường đúng',

như vậy là người đó khen ngợi một số người. “Khi một người nói: (c) ‘Tất cả những ai chưa dẹp bỏ gông-cùm (trói

buộc) hiện-hữu (hữu kiết sử)1260—thì đều bị bao vây bởi sự khổ đau, phiền bực, sự tuyệt vọng, và sốt não, và họ đã bước vào đường sai’, như vậy là người đó chê trách một số người. Khi một người nói: (c’) ‘Tất cả những ai đã dẹp bỏ gông-cùm hiện-hữu—thì không bị bao vây bởi sự khổ đau, phiền bực, sự tuyệt vọng, và sốt não, và họ đã bước vào đường đúng’, như vậy là người đó khen ngợi một số người. “Theo cách này là đi đến khen và chê, và không lo chỉ dạy Giáo Pháp.

8. (ii) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là không đi đến khen và chê, và chỉ lo chỉ dạy Giáo Pháp? Khi một người không nói: (a) … mà chỉ nói: ‘Sự theo đuổi (dục-lạc) là một trạng thái bị bao vây bởi sự khổ đau, sự phiền ưu, sự tuyệt vọng, và sốt não, và đó là đường sai’, thì người đó chỉ nói lời chỉ dạy Giáo Pháp.1261 Khi một người không nói: (a’) … mà chỉ nói: ‘Sự không theo đuổi (dục-lạc) là một trạng thái không bị bao vây bởi sự khổ đau, sự phiền ưu, sự tuyệt vọng, và sốt não, và đó là đường đúng’, thì người đó chỉ nói lời chỉ dạy Giáo Pháp. “Khi một người không nói: (b) … mà chỉ nói: ‘Sự theo đuổi (khổ- hạnh) là một trạng thái bị bao vây bởi sự khổ đau, sự phiền ưu, sự tuyệt vọng, và sốt não, và đó là đường sai’, thì người đó chỉ nói lời chỉ dạy Giáo Pháp. Khi một người không nói: (b’) … mà chỉ nói: ‘Sự không theo đuổi (khổ-hạnh) là một trạng thái không bị bao vây bởi sự khổ đau, sự phiền ưu, sự tuyệt vọng, và sốt não, và đó là đường đúng’, thì người đó chỉ nói lời chỉ dạy Giáo Pháp. “Khi một người không nói: (c) … mà chỉ nói: ‘Chừng nào gông-cùm (trói buộc) hiện-hữu chưa được dẹp bỏ, thì sự hiện-hữu cũng không được dẹp bỏ’, thì người đó chỉ nói lời chỉ dạy Giáo Pháp. Khi một người không nói: (c’) … mà chỉ nói: ‘Khi gông-cùm hiện-hữu được dẹp bỏ, thì sự hiện- hữu cũng được dẹp bỏ’, thì người đó chỉ nói lời chỉ dạy Giáo Pháp. “Do chiếu theo điều này nên đã nói: ‘Một người nên biết điều gì là đáng khen và điều gì là đáng chê, và sau khi biết cả hai, người chớ nên khen hay chê, mà nên chỉ nên chỉ dạy Giáo Pháp.’

9. (4) “‘Một người nên biết cách định rõ sự lạc (sướng, khoái lạc), và sau khi biết nó, người nên theo đuổi sự lạc bên-trong mình.’ Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy? (i) “Này các Tỳ kheo, có năm dây khoái-lạc giác quan (dục lạc). Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt … Những âm-thanh được nhận biết bởi tai … Những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … Những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … Những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Đây là năm dây khoái- lạc giác quan. Giờ, sự sướng và vui khởi sinh tùy thuộc vào năm dây khoái-lạc giác quan được gọi là khoái-lạc giác quan—vốn là sự lạc [sự khoái-lạc] phàm tục, sự lạc thô tục, sự lạc không thánh thiện. Ta nói loại lạc này là không nên được theo đuổi, không nên được tu tập, không nên được tu dưỡng, và nên sợ hãi. (ii) “Ở đây, này các Tỳ kheo: ‘Tách-ly hoàn toàn khỏi những

khoái-lạc giác quan, tách-ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất Thiền) … tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) … tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) … tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền). Đây được gọi là sự lạc [niềm hạnh-phúc] của sự từ-bỏ, sự lạc của sự bình-an, sự lạc của sự giác-ngộ. Ta nói loại lạc này là nên được theo đuổi, nên được tu tập, nên được tu dưỡng, và không nên sợ hãi. "Do chiếu theo điều này nên đã nói: 'Một người nên biết cách định rõ sự lạc (sướng), và sau khi biết nó, người nên theo đuổi sự lạc bên-trong mình.'

10. (5) "'Một người chớ nên nói lời ẩn ý bóng gió, và người chớ nên nói ra lời thẳng thừng công khai.' Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy? (i) (a) "Ở đây, này các Tỳ kheo, khi một người biết lời nói ẩn ý bóng gió là không thật, không đúng, và không ích lợi, thì không có lý gì người

đó phải nói nó. (b) Khi một người biết lời nói ẩn ý bóng gió là thật, đúng, nhưng không ích lợi, người đó nên cố không nói nó. (c) Nhưng khi một người biết lời nói ẩn ý bóng gió là thật, đúng, và ích lợi, thì người đó có thể nói nó; sau khi biết lúc nào thích hợp để nói. (ii) (a) "Ở đây, này các Tỳ kheo, khi một người biết lời nói thẳng thừng công khai là không thật, không đúng, và không ích lợi, thì không có lý gì người đó phải nói nó. (b) Khi một người biết lời nói thẳng thừng công khai là thật, đúng, nhưng không ích lợi, người đó nên cố không nói nó. (c) Nhưng khi một người biết lời nói thẳng thừng công khai là thật, đúng, và ích lợi, thì người đó có thể nói nó; sau khi biết lúc nào thích hợp để nói. "Do chiếu theo điều này nên đã nói: 'Một người chớ nên nói lời ẩn ý bóng gió, và người chớ nên nói ra lời thẳng thừng công khai.'

11. (6) "'Một người nên nói một cách không hấp tấp, chớ nên nói một cách hấp tấp.' Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy? (i) "Ở đây, này các Tỳ kheo, khi một người nói một cách hấp tấp, thân người đó trở nên mệt và tâm bị kích thích, giọng người đó bị căng thẳng và cổ bị khan, và lời nói người nói hấp tấp không được rõ ràng và khó được hiểu. (ii) "Ở đây, này các Tỳ kheo, khi một người nói không hấp tấp, thân người đó không bị mệt và tâm bị kích thích, giọng người đó không bị căng thẳng và cổ không bị khan, và lời nói người nói không hấp tấp được rõ ràng và dễ được hiểu. Do chiếu theo điều này nên đã nói: 'Một người nên nói một cách không hấp tấp, chớ nên nói một cách hấp tấp.'

12. (7) "'Một người chớ nên khăng khăng cố dùng đặc ngữ địa phương, và người chớ nên bỏ xa ngôn ngữ thông thường.' Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy? (i) "Này các Tỳ kheo, theo cách nào dẫn đến 'sự khăng khăng cố dùng

đặc ngữ địa phương và bỏ xa ngôn ngữ thông thường'? Ở đây, này các Tỳ kheo, trong những địa phương khác nhau người ta gọi một cái 'dĩa' [pāti], cái 'chén' [patta], cái 'tô' [vittha], cái 'nồi' [serāva], cái 'chảo' [dhāro- pa], cái 'bình' [poṇa], hay cái 'lu' [pisīla]

bằng một chữ như nhau. Rồi chữ nào người ta gọi kiểu như vậy trong một địa phương như vậy, một người cứ cố dùng theo, bảo thủ theo [cách nói, cách gọi đó] và khăng khăng rằng: 'Chỉ cách dùng này là đúng, mọi cách khác đều sai.' Đây là cách dẫn đến sự khăng khăng cố dùng đặc ngữ địa phương và bỏ xa ngôn ngữ thông thường.1262 (ii) "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là dẫn đến 'sự không khăng khăng cố dùng đặc ngữ địa phương và không bỏ xa ngôn ngữ thông thường'? Ở đây, này các Tỳ kheo, trong những địa phương khác nhau người ta gọi một cái 'dĩa', cái 'chén' … bằng một chữ như nhau. Nhưng chữ nào người ta gọi kiểu như vậy trong một địa phương như vậy, một người không cố dùng theo, không bảo thủ [cách nói, cách gọi đó], và biết nghĩ rằng: 'Có lẽ những vị này nói như vậy (ví dụ, cái A trong tiếng địa phương) là đang nói về nghĩa này hay thứ này (cái B trong tiếng phổ thông).' Đây là cách dẫn đến sự không khăng khăng cố dùng đặc ngữ địa phương và không bỏ xa ngôn ngữ thông thường. "Do chiếu theo điều này nên đã nói: 'Một người chớ nên cố dùng đặc ngữ địa phương, và người chớ nên bỏ xa ngôn ngữ thông thường.'

13. (1) "Ở đây, này các Tỳ kheo: Sự theo đuổi 'sự thụ hưởng khoái-lạc giác quan' (dục lạc)—vốn là thấp hèn … và không ích lợi—là một trạng thái bị bao vây bởi sự khổ đau, sự phiền ưu, sự tuyệt vọng, và sốt não, và nó là đường sai. Do vậy đây là một trạng thái có xung khắc. "Ở đây, này các Tỳ kheo: Sự không theo đuổi 'sự thụ hưởng khoái-lạc giác quan' (dục lạc)—vốn là thấp hèn … và không ích lợi—là một trạng thái không bị bao vây bởi sự khổ đau, sự phiền ưu, sự tuyệt vọng, và sốt não, và nó là đường đúng. Do vậy đây là một trạng thái không có xung khắc.

"Ở đây, này các Tỳ kheo: Sự theo đuổi 'sự hành-xác bản thân' (khổ hạnh)—vốn đau đớn … và không ích lợi—là một trạng thái bị bao vây bởi sự khổ đau … và nó là đường sai. Do vậy đây là một trạng thái có xung khắc. "Ở đây, này các Tỳ kheo: Sự không theo đuổi 'sự hành-xác bản thân' (khổ hạnh)—vốn đau đớn … và không ích lợi—là một trạng thái không bị bao vây bởi sự khổ đau … và nó là đường đúng. Do vậy đây là một trạng thái không có xung khắc. (2) "Ở đây, này các Tỳ kheo: 'Con đường Trung-Đạo được phát minh bởi Như Lai để tránh cả hai cực đoan đó; mang lại tầm-nhìn (sự thấy), mang lại trí-biết (sự biết), dẫn tới sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác- ngộ, Niết-bàn.' Đây là một trạng thái không có sự khổ đau … và nó là đường đúng. Do vậy đây là một trạng thái không có xung khắc. (3) "Ở đây, này các Tỳ kheo: 'Chê và khen, và không lo chỉ dạy Giáo Pháp' là một trạng thái bị bao vây bởi sự khổ đau … và nó là đường sai. Do vậy đây là một trạng thái có xung khắc. "Ở đây, này các Tỳ kheo: 'Không chê và khen, và chỉ lo chỉ dạy Giáo Pháp' là một trạng thái không bị bao vây bởi sự khổ đau … và nó là đường đúng. Do vậy đây là một trạng thái không có xung khắc. (4) "Ở đây, này các Tỳ kheo: 'Sự lạc (khoái-lạc) giác quan (dục lạc)'— là sự lạc phàm tục, sự lạc thô tục, sự lạc không thánh thiện—là một trạng thái bị bao vây bởi sự khổ đau … và nó là đường sai. Do vậy đây là một trạng thái có xung khắc. "Ở đây, này các Tỳ kheo: 'Sự lạc (hạnh-phúc) của sự từ-bỏ (xuất ly lạc), sự lạc của sự tách-ly (ẩn dật lạc), sự lạc của sự bình-an, sự lạc của sự giác-ngộ, là một trạng thái không bị bao vây bởi sự khổ đau … và

nó là đường đúng. Do vậy đây là một trạng thái không có xung khắc. (5) “Ở đây, này các Tỳ kheo: ‘Lời nói ẩn ý bóng gió là không thật, không đúng, và không ích lợi’ là một trạng thái bị bao vây bởi sự khổ đau

… và nó là đường sai. Do vậy đây là một trạng thái có xung khắc. “Ở đây, này các Tỳ kheo: ‘Lời nói ẩn ý bóng gió là thật, đúng, nhưng không ích lợi’ là một trạng thái bị bao vây bởi sự khổ đau … và nó là đường sai. Do vậy đây là một trạng thái có xung khắc. “Ở đây, này các Tỳ kheo: ‘Lời nói ẩn ý bóng gió là thật, đúng, và ích lợi’ là một trạng thái không bị bao vây bởi sự khổ đau … và nó là đường đúng. Do vậy đây là một trạng thái không có xung khắc. “Ở đây, này các Tỳ kheo: ‘Lời nói thẳng thừng công khai là không thật, không đúng, và không ích lợi’ là một trạng thái bị bao vây bởi sự khổ đau … và nó là đường sai. Do vậy đây là một trạng thái có xung khắc. “Ở đây, này các Tỳ kheo: ‘Lời nói thẳng thừng công khai là thật, đúng, nhưng không ích lợi’ là một trạng thái bị bao vây bởi sự khổ đau … và nó là đường sai. Do vậy đây là một trạng thái có xung khắc. “Ở đây, này các Tỳ kheo: ‘Lời nói thẳng thừng công khai là thật, đúng, và ích lợi’ là một trạng thái không bị bao vây bởi sự khổ đau … và nó là đường đúng. Do vậy đây là một trạng thái không có xung khắc. (6) “Ở đây, này các Tỳ kheo: ‘Lời nói của người nói một cách hấp tấp’ là một trạng thái bị bao vây bởi sự khổ đau … và nó là đường sai. Do vậy đây là một trạng thái có xung khắc. “Ở đây, này các Tỳ kheo: ‘Lời nói của người nói một cách không hấp tấp’ là một trạng thái không bị bao vây bởi sự khổ đau … và nó là đường đúng. Do vậy đây là một trạng thái không có xung khắc. (7) “Ở đây, này các Tỳ kheo: ‘Sự khăng khăng cố dùng đặc ngữ địa phương và bỏ xa ngôn ngữ thông thường’ là một trạng thái bị bao vây bởi sự khổ đau … và nó là đường sai. Do vậy đây là một trạng thái có xung khắc. “Ở đây, này các Tỳ kheo: ‘Sự không khăng khăng cố dùng đặc ngữ địa phương và không bỏ xa ngôn ngữ thông thường’ là một trạng thái không

bị bao vây bởi sự khổ đau … và nó là đường đúng. Do vậy đây là một trạng thái không có xung khắc.

14. “Vì vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ biết trạng thái có xung khắc và chúng ta sẽ biết trạng thái không có xung khắc, và sau khi biết chúng, chúng ta sẽ bước vào con đường không có xung khắc.’ Giờ, này các Tỳ kheo, thầy Subhūti (Tu-bồ- đề) là một người họ tộc đã bước vào con đường không có xung khắc.”1263 Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

140. KINH PHÂN GIẢI VỀ NHỮNG YẾU TỐ (Dhātuvibhanga Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) và cuối cùng đã đến Rājagaha (Vương Xá). Ở đó đức Thế Tôn đã đến chỗ người thợ gốm Bhaggava, và nói với anh ta:

2. “Này Bhaggava, nếu không bất tiện cho anh, ta xin trú lại một đêm trong xưởng gốm của anh.” “Thưa thầy, không phải là bất tiện đối với tôi, nhưng hiện có một người xuất gia cũng đã đang ở đây. Thưa thầy, nếu người đó đồng ý, thầy có thể ở lại đây bao lâu tùy ý.”

3. Lúc đó có một người họ tộc tên là Pukkusāti, là người đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành vì có niềm-tin vào đức Thế Tôn (mặc dù chưa gặp Phật), và vào lúc đó anh ta đã đang ở trong xưởng gốm.1264 Rồi đức Thế Tôn đã đến gặp tu sĩ Pukkusāti và nói với anh ta: “Này Tỳ kheo, nếu không bất tiện cho thầy, ta xin trú lại một đêm trong xưởng này.” “Này bạn, xưởng gốm này đủ rộng.1265 Quý bạn cứ ở đây bao lâu tùy ý.”

4. Rồi đức Thế Tôn bước vào xưởng gốm, trải miếng lót bằng cỏ ở một đầu xưởng, và ngồi xuống, tréo chân, giữ thân thẳng đứng và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Rồi đức Thế Tôn đã trải qua gần hết đêm trong tư thế ngồi [thiền] và Pukkusāti cũng trải qua gần hết đêm trong tư thế ngồi [thiền]. Rồi đức Thế Tôn nghĩ: “Người họ tộc này hành xử bản thân theo một cách tạo nên sự tin tưởng (của người khác). Hay ta sẽ hỏi anh ta.” Vậy là đức Thế Tôn đã hỏi tu sĩ Pukkusāti:

5. “Này Tỳ kheo, theo ai mà anh phải xuất gia tu hành? Hoặc ai là Thầy của anh? Giáo Pháp nào anh thừa nhận?”1266 “Này đạo hữu, có một sa-môn tên Cồ-Đàm (Gotama), người con của

dân tộc Thích-Ca, đã xuất gia từ một họ tộc Thích-Ca. Giờ tin đồn tốt lành về bậc Thế Tôn Cồ-Đàm đó đã được lan truyền như vầy: ‘Đức Thế Tôn đó là bậc A-la-hán [đã tu thành] và bậc toàn-giác [đã giác ngộ toàn thiện], đã hoàn thiện về trí-biết đích thực (chân trí, minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, là người dẫn-dắt tối cao (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc giác-ngộ, bậc thế tôn.’ Tôi đã xuất gia theo bậc Thế Tôn đó; bậc Thế Tôn đó là vị thầy của tôi; tôi thừa nhận Giáo Pháp của bậc Thế Tôn đó.” “Nhưng, này Tỳ kheo, đức Thế Tôn đó, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, giờ đang sống ở đâu?” “Này bạn, ở xứ phương bắc có một thành phố tên là Sāvatthī (Xá-vệ). Đức Thế Tôn đó, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, hiện đang sống ở đó.” “Nhưng, này Tỳ kheo, trước đây anh có gặp đức Thế Tôn đó chưa? Liệu anh có nhận ra bậc ấy nếu anh nhìn thấy bậc ấy?” “Không, này bạn, tôi chưa từng gặp đức Thế Tôn đó, và tôi cũng không thể nhận ra bậc ấy nếu nhìn thấy bậc ấy.”

6. Rồi đức Thế Tôn nghĩ: “Người họ tộc này đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành theo ta. Vậy ta sẽ chỉ dạy Giáo Pháp cho anh ta.” Vậy là đức Thế Tôn đã nói với tu sĩ Pukkusāti như vầy: “Này Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho anh Giáo Pháp đó. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”—“Được, thưa bạn”, Pukkusāti đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(Tóm lược)

7. “Này Tỳ kheo, một cá nhân này gồm có sáu yếu-tố (giới; thành tố, nguyên tố, thành phần), sáu cơ-sở (để) tiếp-xúc (xúc xứ), và mười tám loại sự khám-phá của tâm, và người đó có được bốn nền-tảng.1267 Những làn sóng nhìn-nhận (vọng tưởng) không quét được người đứng trên những [nền-tảng] này, và khi những làn sóng nhìn-nhận không quét được người đó, người đó được gọi là bậc trí giả bình an [trí giả trầm mặc, bậc mâu-ni].

Một người chớ nên lơ là trí-tuệ, nên bảo trì sự-thật, nên tu dưỡng sự từ-bỏ, và nên tu tập dẫn tới sự bình-an. Đây là sự tóm lược (đề cương, mẫu đề) của bài phân-giải (giảng giải, phân tích, phân biệt) về sáu yếu-tố.

(Phân giải)

8. (1) “‘Này Tỳ kheo, một cá nhân này gồm có sáu yếu-tố (sáu giới).’1268 Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy? Có yếu-tố đất, yếu-tố nước, yếu-tố lửa (nhiệt), yếu-tố gió (khí), yếu-tố không gian, và yếu-tố thức. Do chiếu theo điều này nên đã nói: ‘Này Tỳ kheo, một cá nhân này gồm có sáu yếu-tố.’

9. (2) “‘Này Tỳ kheo, cá nhân này gồm có sáu cơ-sở tiếp-xúc (sáu xúc xứ).’ Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy? Có cơ-sở tiếp-xúc mắt, cơ-sở tiếp-xúc tai, cơ-sở tiếp-xúc mũi, cơ-sở tiếp-xúc lưỡi, cơ-sở tiếp-xúc thân, và cơ-sở tiếp-xúc tâm; (nhãn xúc xứ, nhĩ xúc xứ, tỷ xúc xứ, thiệt xúc xứ, thân xúc xứ, tâm xúc xứ). Do chiếu theo điều này nên đã nói: ‘Này Tỳ kheo, cá nhân này gồm có sáu cơ-sở tiếp-xúc.’

10. (3) “‘Này Tỳ kheo, cá nhân này gồm có mười tám loại sự khám-phá của tâm.’1269 Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy? “Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một người khám phá một hình-sắc tạo sự vui (hỷ), một người khám phá một hình-sắc tạo sự buồn (ưu), một người khám phá một hình-sắc tạo sự buông-xả (xả). Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi … Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … Khi cảm thấy một thứ hữu-hình chạm xúc bằng thân … Khi nhận biết một đối-tượng của tâm bằng tâm, một người khám phá một đối-tượng của tâm tạo sự vui (hỷ), một người khám phá một đối-tượng của tâm tạo sự buồn (ưu), một người khám phá một đối-tượng của tâm tạo sự buông-xả (xả). Như vậy có sáu loại sự khám-phá với vui, có sáu loại sự khám-phá với buồn, có sáu loại sự khám-phá với sự buông-xả. Do chiếu theo điều này nên đã nói: ‘Này Tỳ kheo, cá nhân này gồm có mười tám loại sự khám-phá của tâm.’

11. (4) “‘Này Tỳ kheo, cá nhân này có bốn nền-tảng.’ Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy? Có nền tảng là trí-tuệ, nền tảng là sự-thật, nền tảng là sự từ-bỏ, và nền tảng là sự bình- an.1270 Do chiếu theo điều này nên đã nói: ‘Này Tỳ kheo, cá nhân này có bốn nền-tảng.’

12. (5) “‘Một người chớ nên lơ là trí-tuệ, nên bảo trì sự-thật, nên tu dưỡng sự từ-bỏ, và nên tu tập dẫn tới sự bình-an.’1271 Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy?

13. (A) [Trí-tuệ] “Này Tỳ kheo, theo cách nào một người không lơ là trí- tuệ?1272 Có sáu yếu-tố: yếu-tố đất, yếu-tố nước, yếu-tố lửa (nhiệt), yếu-tố gió (khí), yếu-tố không gian, và yếu-tố thức.

14. (i) “Này Tỳ kheo, cái gì là yếu-tố đất? Yếu-tố đất có thể thuộc bên trong hay bên ngoài. Cái gì là yếu-tố đất bên trong? Mọi thứ ở bên trong, thuộc bản thân, là (thể) cứng, được làm cứng, và bị dính-chấp (chấp thủ), đó là, tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, màng, lá lách, phổi, ruột, màng treo ruột, (những chất trong) bao tử, phân, hay thứ nào khác ở bên trong, thuộc bản thân, là cứng, được làm cứng, và bị dính-chấp: đây được gọi là yếu-tố đất bên trong. Giờ, cả yếu-tố đất bên trong và yếu-tố đất bên ngoài đều chỉ là yếu-tố đất. Và đó nên được coi, bằng trí-tuệ chánh đúng, đúng như nó thực là: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.’ Khi một người nhìn thấy, bằng trí-tuệ chánh đúng, đúng như nó thực là như vậy, người đó trở nên tỉnh-ngộ [không còn mê đắm] với yếu-tố đất và làm cho tâm chán-bỏ đối với yếu-tố đất.

15. (ii) “Này Tỳ kheo, cái gì là yếu-tố nước? Yếu-tố nước có thể thuộc bên trong hay bên ngoài. Cái gì là yếu-tố nước bên trong? Mọi thứ ở bên trong, thuộc bản thân, là (thể) lỏng, như nước, và bị dính-chấp (chấp thủ), đó là, mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, chất nhờn, nước bọt, nước mũi, dịch giữa các khớp xương, nước tiểu, hay thứ nào khác ở bên trong, thuộc bản thân, là lỏng, như nước, và bị dính-chấp: đây được gọi là

yếu-tố nước bên trong. Giờ, cả yếu-tố nước bên trong và yếu-tố nước bên ngoài đều chỉ là yếu-tố nước. Và đó nên được coi, bằng trí-tuệ chánh đúng, đúng như nó thực là: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.’ Khi một người nhìn thấy, bằng trí-tuệ chánh đúng, đúng như nó thực là như vậy, người đó trở nên tỉnh- ngộ [không còn mê đắm] với yếu-tố nước và làm cho tâm chán-bỏ đối với yếu-tố nước.

16. (iii) “Này Tỳ kheo, cái gì là yếu-tố lửa? Yếu-tố lửa có thể thuộc bên trong hay bên ngoài. Cái gì là yếu-tố lửa bên trong? Mọi thứ ở bên trong, thuộc bản thân, là (thể) nhiệt, như lửa, và bị dính-chấp (chấp thủ), đó là, thứ nhờ nó một người được làm ấm, già đi, và bị tiêu hao, và thứ nhờ nó thứ được ăn, được uống, được tiêu dùng, và được nếm được tiêu hóa hoàn toàn, hay thứ nào khác ở bên trong, thuộc bản thân, là nhiệt, như lửa, và bị dính-chấp: đây được gọi là yếu-tố lửa bên trong. Giờ, cả yếu-tố lửa bên trong và yếu-tố lửa bên ngoài đều chỉ là yếu-tố lửa. Và đó nên được coi, bằng trí-tuệ chánh đúng, đúng như nó thực là: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.’ Khi một người nhìn thấy, bằng trí-tuệ chánh đúng, đúng như nó thực là như vậy, người đó trở nên tỉnh-ngộ [không còn mê đắm] với

yếu-tố lửa và làm cho tâm chán-bỏ đối với yếu-tố lửa.

17. (iv) “Này Tỳ kheo, cái gì là yếu-tố gió? Yếu-tố gió có thể thuộc bên trong hay bên ngoài. Cái gì là yếu-tố gió bên trong? Mọi thứ ở bên trong, thuộc bản thân, là (thể) khí, như gió, và bị dính-chấp (chấp thủ), đó là, những khí đi lên, những khí đi xuống, khí trong bụng, khí trong ruột, khí chạy trong tứ chi, hơi-thở vô và hơi-thở ra, hay thứ nào khác ở bên trong, thuộc bản thân, là khí, như gió, và bị dính-chấp: đây được gọi là yếu-tố gió bên trong. Giờ, cả yếu-tố gió bên trong và yếu-tố gió bên ngoài đều chỉ là yếu-tố gió. Và đó nên được coi, bằng trí-tuệ chánh đúng, đúng như nó thực là: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.’ Khi một người nhìn thấy, bằng trí-tuệ chánh đúng, đúng như nó thực là như vậy, người đó trở nên tỉnh-ngộ [không còn

mê đắm] với yếu-tố gió và làm cho tâm chán-bỏ đối với yếu-tố gió.

18. (v) “Này Tỳ kheo, cái gì là yếu-tố không gian? Yếu-tố không gian có thể thuộc bên trong hay bên ngoài. Cái gì là yếu-tố không gian bên trong? Mọi thứ ở bên trong, thuộc bản thân, là không gian, thuộc khoảng không, và bị dính-chấp (chấp thủ), đó là, những lỗ tai, lỗ mũi, cửa miệng, và đường [tiêu hóa] mà những thứ được ăn, được uống, được tiêu dùng, và được nếm được nuốt xuống, và đường chứa, và đường thải ra bên dưới, hay thứ nào khác ở bên trong, thuộc bản thân, là không gian, thuộc khoảng không, và bị dính-chấp: đây được gọi là yếu-tố không gian bên trong. Giờ, cả yếu-tố không gian bên trong và yếu-tố không gian bên ngoài đều chỉ là yếu-tố không gian. Và đó nên được coi, bằng trí-tuệ chánh đúng, đúng như nó thực là: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.’ Khi một người nhìn thấy, bằng trí-tuệ chánh đúng, đúng như nó thực là như vậy, người đó trở nên tỉnh-ngộ [không còn mê đắm] với yếu-tố không gian và làm cho tâm chán-bỏ đối với yếu-tố không gian.

19. (vi) “Rồi chỉ còn lại thức, được thanh lọc và sáng tỏ.1273 Một người nhận biết cái gì bằng thức đó? Một người nhận biết: ‘[Đây là] sướng.’ Một người nhận biết: ‘[Đây là] khổ.’ Một người nhận biết: ‘[Đây là] trung tính [không khổ không sướng].’ “Tùy thuộc vào một tiếp-xúc (xúc) được cảm nhận là sướng thì ở đó khởi sinh một cảm-giác sướng (lạc thọ).1274 Khi một người cảm nhận một cảm-giác sướng, người đó hiểu: ‘Tôi cảm nhận một cảm-giác sướng’. Người đó hiểu: ‘Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được cảm nhận là sướng, thì cảm-giác tương ứng của nó—tức là cảm-giác sướng đã khởi sinh tùy thuộc vào tiếp-xúc được cảm nhận là sướng đó—chấm dứt và lặn mất.’ “Tùy thuộc vào một tiếp-xúc (xúc) được cảm nhận là khổ thì ở đó khởi sinh một cảm-giác khổ (khổ thọ). Khi một người cảm nhận một cảm-giác khổ, người đó hiểu: ‘Tôi cảm nhận một cảm-giác khổ’. Người đó hiểu: ‘Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được cảm nhận là khổ, thì cảm-giác tương ứng

của nó—tức là cảm-giác khổ đã khởi sinh tùy thuộc vào tiếp-xúc được cảm nhận là khổ đó—chấm dứt và lặn mất.’ “Tùy thuộc vào một tiếp-xúc (xúc) được cảm nhận là trung

tính thì ở đó khởi sinh một cảm-giác trung tính (vô ký thọ). Khi một người cảm nhận một cảm-giác trung tính, người đó hiểu: 'Tôi cảm nhận một cảm- giác trung tính'. Người đó hiểu: 'Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được cảm nhận là trung tính, thì cảm-giác tương ứng của nó—tức là cảm-giác trung tính đã khởi sinh tùy thuộc vào tiếp-xúc được cảm nhận là trung tính đó— chấm dứt và lặn mất.' "Này các Tỳ kheo, giống như từ sự tiếp xúc và sự cọ xát của hai que ngo mà nhiệt được sinh ra và lửa được phát sinh, và nếu tách ly và tách biệt hai que ngo thì nhiệt tương ứng sẽ chấm dứt và lặn mất. Cũng giống như vậy, tùy thuộc một sự tiếp-xúc được cảm nhận là sướng … được cảm nhận là khổ … được cảm nhận là trung tính, nên ở đó khởi sinh cảm-giác tương ứng là cảm-giác sướng … khổ … trung tính. Một người hiểu được: 'Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được cảm nhận là sướng … khổ … trung tính thì cảm-giác tương ứng của nó … cũng chấm dứt và lặn mất.'"

20. "Rồi chỉ còn lại sự buông-xả, đã được thanh lọc và sáng tỏ, dễ uốn nắn, dễ dụng, và phát sáng.1275 Này Tỳ kheo, ví dụ một người thợ vàng lành nghề [hay người phụ việc của ông ta] chuẩn bị lò nung, đun nóng nồi nấu vàng, dùng kẹp gắp vàng thô bỏ vô nồi. Đều đều thổi gió vào lửa, đều đều rảy nước vào đó, và đều đều canh chừng nồi nấu. Rồi vàng sẽ được luyện sạch, được tinh luyện, được hoàn toàn tinh luyện, hết dơ, không còn thô, dễ uốn nắn, dễ sử dụng, và phát sáng. Rồi từ vàng đó người thợ vàng muốn làm bất cứ đồ trang sức nào ông ta muốn, dù là dây chuyền vàng hay bông tai vàng hay vương miệng vàng, thì ông ta đều làm được. Cũng giống như vậy, này Tỳ kheo, giờ chỉ còn lại sự buông-xả, đã được thanh lọc và sáng tỏ, dễ uốn nắn, dễ dụng, và phát sáng.

21. "Người đó hiểu như vầy: 'Nếu tôi hướng sự buông-xả này, đã được thanh lọc và sáng tỏ như vậy, tới không vô biên xứ (cảnh xứ của không

gian vô biên) và tu tập tâm của tôi theo đó, thì sự buông-xả này của tôi, được hỗ trợ bởi cảnh xứ đó, dính-chấp vào nó, sẽ kéo dài trong một thời gian rất lâu.1276 Nếu tôi hướng sự buông-xả này, đã được thanh lọc và sáng tỏ như vậy, tới thức vô biên xứ (cảnh xứ của thức vô biên) … tới vô sở hữu xứ (cảnh xứ không-có-gì) … tới phi tưởng phi phi tưởng xứ (cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức) và tu tập tâm của tôi theo đó, thì sự buông-xả này của tôi, được hỗ trợ bởi cảnh xứ đó, dính-chấp vào nó, sẽ kéo dài trong một thời gian rất lâu.'

22. "(Nhưng rồi) người đó hiểu như vầy: 'Nếu tôi hướng sự buông-xả này, đã được thanh lọc và sáng tỏ như vậy, tới không vô biên xứ và tu tập tâm của tôi theo đó, thì (cảnh xứ) này là có điều-kiện (hữu vi).1277 Nếu tôi hướng sự buông-xả này, đã được thanh lọc và sáng tỏ như vậy, tới thức vô biên xứ … tới vô sở hữu xứ … tới phi tưởng phi phi tưởng xứ, và tu tập tâm của tôi theo đó, thì (cảnh xứ) này là có điều-kiện (hữu vi).' (Cho nên) người đó không tạo tác điều-kiện (duyên) nào hay tạo ra sự cố-ý (tư, ý hành) nào hướng tới sự hiện-hữu hay sự phi hiện-hữu.1278 Vì người đó không tạo tác điều-kiện (duyên) nào hay tạo ra sự cố-ý (tư) nào hướng tới sự hiện-hữu hay sự phi hiện-hữu, cho nên người đó không dính-chấp (thủ) vào bất cứ thứ gì trong thế gian này.

Khi người đó không dính-chấp gì, thì người đó không bị khích-động. Khi người đó không bị khích-động, thì người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu như vầy: 'Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'1279

23. "Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác sướng,1280 người đó hiểu: 'Nó là vô-thường; không có sự nắm giữ (dính theo) nó; không có sự thích thú nó.' Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác khổ, người đó hiểu: 'Nó là vô-thường; không có sự nắm giữ nó; không có sự thích thú nó.' Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác khổ, người đó hiểu: 'Nó là vô-thường; không có sự nắm giữ nó; không có sự thích thú nó.' Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác trung tính [không khổ không sướng], người đó hiểu: 'Nó là vô- thường; không có sự nắm giữ nó; không có sự thích thú nó.'

KINH PHÂN GIẢI VỀ NHỮNG YẾU TỐ • 351

24. "Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác sướng, người đó cảm nhận nó tách-ly (cảm nhận nó là nó, không dính líu gì mình); nếu người đó cảm nhận một cảm-giác khổ, người đó cảm nhận nó tách-ly; nếu người đó cảm nhận một cảm-giác trung tính, người đó cảm nhận nó tách-ly. Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân, người đó hiểu: 'Tôi cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân.' Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng sống, người đó hiểu: 'Tôi cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng sống.'1281 Người đó hiểu: 'Khi thân tan rã, với sự kết thúc mạng sống, tất cả đều được cảm nhận, (nhưng) không còn được thích thú, sẽ trở nên nguội tắt ngay tại đây.'1282 - Này Tỳ kheo, giống như một ngọn đèn dầu cháy tùy thuộc vào dầu và tim đèn, và khi dầu cạn tim hết, nếu không có thêm nhiên liệu, nó sẽ tắt đi vì hết nhiên liệu. Cũng giống như vậy, khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân … một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng sống, người đó hiểu: 'Tôi cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng sống.' Người đó hiểu: 'Khi thân tan rã, với sự kết thúc mạng sống, tất cả đều được cảm nhận, (nhưng) không còn được thích thú, sẽ trở nên nguội tắt ngay tại đây.'

25. "Do vậy, một Tỳ kheo có được [trí-tuệ này] là có được nền-tảng tối thượng là trí-tuệ. Bởi vì, này Tỳ kheo, đây là loại trí-tuệ thánh thiện tối thượng, được gọi là, trí-biết về sự diệt-khổ hoàn toàn.1283

26. (B) [Sự-thật] "Sự giải-thoát của người đó, được căn cứ trên sự-thật, là không thể lay chuyển. Bởi vì, này Tỳ kheo, điều gì là sai giả thì nó có bản chất đánh lừa, và thứ gì là sự thật thì nó có bản chất không đánh lừa— đó là Niết-bàn. Do vậy, một Tỳ kheo có được [sự-thật này] là có được nền-tảng tối thượng là sự-thật. Bởi vì, này Tỳ kheo, đây là sự-thật thánh thiện tối thượng, được gọi là, Niết-bàn, có bản chất không đánh lừa.

27. (C) [Sự từ-bỏ] "Trước kia, khi người đó còn vô-minh, người đó chấp nhận và ôm lấy những sự thu-nạp (sanh y);1284 bây giờ người đó đã dẹp bỏ chúng, đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết,

352 • Chương 4

đã xóa sổ chúng để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy, một Tỳ kheo có được [sự từ-bỏ này] là có được nền-tảng tối thượng là sự từ-bỏ. Bởi vì, này Tỳ kheo, đây là sự từ-bỏ tối thượng, được gọi là, sự từ-bỏ tất cả mọi sự thu-nạp (buông sạch sanh y).

28. (D) [Sự bình-an] "Trước kia, khi người đó còn vô-minh, người đó trải nghiệm sự thèm-khát, tham-muốn và nhục-dục [tham]; bây giờ người đó đã dẹp bỏ chúng, đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để không còn khởi sinh trong tương lai. Trước kia, khi người đó còn vô-minh, người đó trải nghiệm sự sân-giận, sự ác-ý, sự thù-ghét [sân]; bây giờ người đó đã dẹp bỏ chúng, đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để không còn khởi sinh trong tương lai. Trước kia, khi người đó còn vô- minh, người đó trải nghiệm sự vô-minh và ngu si [si]; bây giờ người đó đã dẹp bỏ chúng, đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy, một Tỳ kheo có được [sự bình-an này] là có được nền-tảng tối thượng là sự bình-an. Bởi vì, này Tỳ kheo, đây là sự bình-an tối thượng, được gọi là, sự làm lắng lặn tham, sân, và si.

29. "Do chiếu theo điều này nên đã nói: 'Một người chớ nên lơ là trí-tuệ, nên bảo trì sự-thật, nên tu dưỡng sự từ-bỏ, và nên tu tập dẫn tới sự bình- an.'

30. (6) "'Những làn sóng nhìn-nhận (vọng tưởng) không quét được người đứng trên những [nền-tảng] này, và khi những làn sóng nhìn-nhận không quét được người đó, người đó được gọi là bậc trí giả bình an [trí giả trầm mặc, bậc mâu-ni].'1285 Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy?

31. "Này Tỳ kheo, cái 'Ta' [ta-là] là một sự nhìn-nhận (vọng tưởng); 'Ta là này' là một sự nhìn-nhận; 'Ta sẽ là' là một sự nhìn-nhận; 'Ta sẽ không là' là một sự nhìn-nhận; 'Ta sẽ có thân-sắc' (sắc) là một sự nhìn-nhận; 'Ta sẽ không có thân-sắc' (vô sắc) là một sự nhìn-nhận; 'Ta sẽ có nhận-thức'

(tưởng) là một sự nhìn-nhận; 'Ta sẽ không có nhận-thức' (phi tưởng) là một sự nhìn-nhận; 'Ta sẽ không có nhận-thức cũng không phải không có nhận-thức' (phi tưởng phi phi tưởng) là một sự nhìn-nhận. Sự nhìn-nhận như một căn bệnh, sự nhìn-nhận như một ung nhọt, sự nhìn-nhận như một gai nhọn. Này Tỳ kheo, nhờ đã vượt qua tất cả mọi sự nhìn-nhận, một người được gọi là một trí giả bình an. Và trí giả bình an (bậc mâu-ni) không còn bị sinh, không già, không chết; bậc ấy không bị lay-chuyển và không mong-cầu. Bởi vì không còn thứ gì bên trong bậc ấy mà vì nó bậc ấy còn bị tái sinh.1286 Không còn bị sinh, làm sao còn già? Không còn sự già, làm sao còn chết? Không còn chết, làm sao người đó còn bị lay chuyển (bị khích động, lo âu, sợ hãi)? Không còn bị lay chuyển, lý nào còn sự mong cầu?

32. "Do chiếu theo điều này nên đã nói: 'Những làn sóng nhìn-nhận không quét được người đứng trên những [nền-tảng] này, và khi những làn sóng nhìn-nhận không quét được người đó, người đó được gọi là bậc trí giả bình an.' "Này Tỳ kheo, hãy ghi nhớ trong tâm bài phân-giải ngắn gọn này về sáu yếu-tố."

33. Ngay lúc đó tu sĩ Pukkusāti đã nghĩ: “Đúng thực, Vị Thầy đã đến với tôi! Bậc Phúc Lành đã đến với tôi! Bậc Giác-Ngộ đã đến với tôi!” Rồi anh ta đứng dậy khỏi chỗ ngồi, chỉnh lại phần y áo trên một vai, quỳ lạy với đầu dưới chân đức Thế Tôn, và thưa: “Thưa Thế Tôn, một sự phạm tội đã xảy đến với con, trong đó con như một kẻ ngu, u mê, và làm bậy, con đã khinh suất gọi đức Thế Tôn là ‘bạn’. Thưa Thế Tôn, mong Thế Tôn tha thứ cho sự phạm tội này của con đã được nhìn thấy là một tội và đảm nhận sự kiềm chế trong tương lai.” “Chắc chắn rồi, này Tỳ kheo, một sự phạm tội đã xảy đến với anh, trong đó anh như một người ngu, u mê, và sai lỗi, anh đã khinh suất gọi ta là là ‘bạn’. Nhưng do anh đã nhìn thấy sự phạm tội của mình là một tội và cam kết tu sửa đúng theo Giáo Pháp, chúng tôi tha thứ cho anh. Bởi vì

điều đó cho thấy có sự tăng trưởng trong ‘Giới Luật của Bậc Thánh’ khi một người nhìn thấy sự phạm tội của mình là một tội và cam kết tu sửa đúng theo Giáo Pháp, và đảm nhận sự kiềm chế trong tương lai.”

34. “Thưa Thế Tôn, con muốn thụ nhận toàn-bộ giới (đại thọ giới, thành Tỳ kheo) dưới đức Thế Tôn.” “Nhưng giờ anh đã có đủ bình bát và cà sa chưa, này Tỳ kheo?” “Thưa Thế Tôn, bình bát và cà sa của con chưa có đủ.” “Này Tỳ kheo, những Như Lai không ban sự thụ lãnh toàn-bộ giới cho ai chưa có đủ bình bát và cà sa.”

35. Rồi tu sĩ Pukkusāti, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, anh ta đi ra ngoài để tìm cho đủ bộ bình bát và cà sa. Rồi, trong khi tu sĩ Pukkusāti đang đi tìm một bình bát và (ba) cà sa, một con bò đi lạc đã húc chết anh ta.

36. Rồi một số Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và báo tin cho đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, người họ tộc Pukkusāti, sau khi đã được đức Thế Tôn ban cho bài thuyết giảng ngắn gọn, đã chết. Vậy nơi đến của vị ấy là gì? Đường tương lai của vị ấy là gì?” “Này các Tỳ kheo, người họ tộc Pukkusāti là có trí. Người đó đã thực hành đúng theo Giáo Pháp và đã không làm phiền ta về sự diễn dịch về Giáo Pháp. Với sự phá hủy năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), người họ tộc đó đã tái sinh một cách tự phát [trong một Cõi Trời Trong- Sạch (thuộc năm cõi Tịnh Cư Thiên dành cho những bậc thánh Bất-lai)] và từ cõi đó sẽ chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát-niết-bàn), không quay lại thế gian nữa.”1287 Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

141. KINH PHÂN GIẢI VỀ NHỮNG SỰ THẬT (Saccavibhanga Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Benares (Ba-la-nại), trong khu Vườn Nai (Lộc Uyển) ở Isipatana (Isipatana có nghĩa là nơi hạ thế của những thiên thần). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. “Này các Tỳ kheo, ở Benares, trong khu Vườn Nai (Lộc Uyển) ở Isipatana, Như Lai, bậc A-la-hán [đã tu thành], bậc Toàn Giác [đã giác- ngộ toàn thiện], đã thiết lập sự quay

chuyển bánh xe Giáo Pháp vô song,1288 nó không thể bị ngăn chặn bởi bất kỳ tu sĩ hay bà-la-môn hay bởi thiên thần nào hay bởi Ma Vương (Mara) hay trời Brahmā (Phạm thiên) hay bất cứ ai trong thế gian—đó là, sự tuyên bố, sự chỉ dạy, sự mô tả, sự thiết lập, sự khai mở, sự giảng giải, và sự trình bày về Bốn Diệu Đế [Bốn Sự Thật Thánh Thiện, Bốn Thánh Đế]. Bốn đó là gì?

(Tóm lược)

3. “(Đó là) sự tuyên bố, sự chỉ dạy, sự mô tả, sự thiết lập, sự khai mở, sự giảng giải, và sự trình bày về Diệu Đế về Sự Khổ. Sự tuyên bố, sự chỉ dạy, sự mô tả, sự thiết lập, sự khai mở, sự giảng giải, và sự trình bày về Diệu Đế về Nguồn Gốc Khổ … Diệu Đế về Sự Chấm Dứt Khổ … Diệu Đế về Con Đường dẫn tới sự Chấm Dứt Khổ.

4. “Này các Tỳ kheo, ở Benares, trong khu Vườn Nai (Lộc Uyển) ở Isipatana, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, đã thiết lập sự quay chuyển bánh xe Giáo Pháp vô song, nó không thể bị ngăn chặn bởi bất kỳ tu sĩ hay bà-la-môn hay bởi thiên thần nào hay bởi Ma Vương (Mara) hay trời Brahmā (Phạm thiên) hay bất cứ ai trong thế gian—đó là, sự tuyên bố, sự chỉ dạy, sự mô tả, sự thiết lập, sự khai mở, sự giảng giải, và sự trình bày về Bốn Diệu Đế.

5. “Này các Tỳ kheo, hãy tu dưỡng sự thân hữu với Xá-lợi-phất và Mục- kiền-liên; giao lưu với Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Họ là có trí và hữu ích đối với những người đồng đạo của mình trong đời sống tâm linh. Xá- lợi-phất giống như một từ mẫu; Mục-kiền-liên giống như một bảo mẫu. Xá-lợi-phất huấn luyện những người khác để dẫn tới thánh quả Nhập-lưu, Mục-kiền-liên huấn luyện những người khác dẫn tới mục-tiêu tối thượng.1289 Này các Tỳ kheo, Xá-lợi-phất là có khả năng tuyên bố, chỉ dạy, mô tả, thiết lập, khai mở, giảng giải, và trình bày Bốn Diệu Đế.”

6. Đức Thế Tôn đã nói như vậy. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi vô chỗ ở của mình.

7. Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, thầy Sāriputta đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo”—“Dạ, đạo hữu”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói điều này:

8. “Này các đạo hữu, ở Benares, trong khu Vườn Nai (Lộc Uyển) ở Isipatana, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, đã thiết lập sự quay chuyển bánh xe Giáo Pháp vô song … và sự trình bày về Bốn Diệu Đế. Bốn đó là gì?

9. “(Đó là) sự tuyên bố, sự chỉ dạy, sự mô tả, sự thiết lập, sự khai mở, sự giảng giải, và sự trình bày về Diệu Đế về Sự Khổ. Sự tuyên bố, sự chỉ dạy, sự mô tả, sự thiết lập, sự khai mở, sự giảng giải, và sự trình bày về Diệu Đế về Nguồn Gốc Khổ … Diệu Đế về Sự Chấm Dứt Khổ … Diệu Đế về Con Đường dẫn tới sự Chấm Dứt Khổ.

(Phân giải)

10. [1] “Và, này các đạo hữu, cái gì là Diệu Đế về Khổ (Khổ đế)? Sinh là khổ; già là khổ; chết là khổ; sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng là khổ; không được thứ mình muốn là khổ; nói ngắn gọn, năm uẩn bị dính-chấp (năm uẩn chấp thủ, năm thủ uẩn) là sự khổ.

11. (1) “Và, này các đạo hữu, cái gì là sinh?1290 Sự (tái) sinh của chúng sinh nằm trong mọi tầng lớp của chúng sinh, sự chuẩn bị sinh ra của họ,

sự kết tụ [trong bào thai], sự sinh tạo, sự hiện thị của năm-uẩn, sự hình thành các cơ-sở (để) tiếp-xúc (sáu giác quan, sáu căn). Đây được gọi là sự sinh.

12. (2) “Và, này các đạo hữu, cái gì là sự già? Sự già của chúng sinh nằm trong mọi tầng lớp khác nhau của chúng sinh, tuổi già của họ, răng gãy, tóc bạc, da nhăn nheo, sự sống xuống dốc, các căn suy yếu—đây được gọi là sự già.

13. (3) “Và, này các đạo hữu, cái gì là sự chết? Sự chết đi của chúng sinh nằm trong mọi tầng lớp khác nhau của chúng sinh, mọi chúng sinh đều qua đời, tan rã, biến mất, chết đi, hết thời gian kiếp sống (mạng chung, hết kiếp), sự tan rã của năm-uẩn, xác thân nằm xuống—đây được gọi là sự chết.

14. (4) “Và, này các đạo hữu, cái gì là sự buồn sầu? Nỗi ưu sầu, sự buồn rầu, sự đau buồn, nỗi buồn trong tâm, của một người gặp phải những điều không may hoặc bị tác động bởi những trạng thái đau khổ—đây là sự buồn sầu.

15. (5) “Và, này các đạo hữu, cái gì là sự than khóc? Nỗi bi ai và thương tiếc, sự than khóc và than rên, của một người gặp phải những điều không may hoặc bị tác động bởi những trạng thái đau khổ—đây là sự than khóc.

16. (6) Và, này các đạo hữu, cái gì là sự đau khổ? Sự đau đớn của thân, sự khó khổ của thân, cảm-giác đau đớn và khó khổ được sinh ra từ sự tiếp- xúc của thân—đây được gọi là sự đau đớn.

17. (7) “Và, này các đạo hữu, cái gì là sự phiền ưu? Sự đau khổ của tâm, sự khó chịu của tâm, cảm-giác đau khổ và khó chịu được sinh ra từ sự tiếp-xúc của tâm—Đây được gọi là sự phiền ưu.

18. (8) “Và, này các đạo hữu, cái gì là sự tuyệt vọng? Điều rắc rối và bế tắc, sự rắc rối và sự tuyệt vọng, của một người gặp phải những điều không may hoặc bị tác động bởi những trạng thái đau khổ—đây là sự tuyệt vọng.

19. (9) “Và, này các đạo hữu, cái gì là ‘không được thứ mình muốn là

khổ’? Đối với những chúng sinh phải bị (tái) sinh có ước muốn: ‘Ôi, cầu sao cho tôi không bị (tái) sinh! Sự sinh đó đừng xảy đến với tôi!’ Nhưng điều đó không đạt được bằng ước muốn, và không đạt được thứ mình muốn là khổ. Đối với những chúng sinh phải bị già … phải bị bệnh … phải bị chết … phải bị buồn sầu, ai oán, đau đớn, khổ sở,

và tuyệt vọng có ước muốn: 'Ôi, cầu sao cho tôi không bị buồn sầu, ai oán, đau đớn, khổ sở, và tuyệt vọng! Sự buồn sầu, ai oán, đau đớn, khổ sở, và tuyệt vọng đó đừng xảy đến với tôi!' Nhưng điều đó không đạt được bằng ước muốn, và không đạt được thứ mình muốn là khổ. (Và trong đời sống rất rất nhiều sự 'không được thứ mình muốn' là khổ và bất hạnh)

20. (10) "Và, này các đạo hữu, cái gì là 'nói gắn gọn, năm uẩn bị dính- chấp (năm thủ uẩn) là khổ? Năm uẩn (tập hợp, tổ hợp, đống) là: uẩn sắc- thân bị dính-chấp (sắc uẩn), uẩn cảm-giác bị dính-chấp (thọ uẩn), uẩn nhận-thức bị dính-chấp (tưởng uẩn), uẩn những sự tạo-tác cố-ý bị dính- chấp (hành uẩn), và uẩn thức bị dính-chấp (thức uẩn). Đây là năm uẩn bị dính-chấp, nói ngắn gọn, là khổ. "Đây được gọi là Diệu Đế về Khổ.

21. [2] "Và, này các đạo hữu, cái gì là Diệu Đế về Nguồn Gốc Khổ (Tập đế)? Chính là dục-vọng (ái), nó đưa đến sự tái hiện-hữu, nó được đi kèm bởi khoái-lạc và tham-dục, và thích thú cái này và cái nọ; đó là, dục-vọng muốn được khoái-lạc giác quan (dục ái), dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái), và dục-vọng muốn không hiện-hữu (phi-hữu ái). Đây được gọi là Diệu Đế về Nguồn Gốc Khổ.

22. [3] "Và, này các đạo hữu, cái gì là Diệu Đế về Sự Chấm Dứt Khổ (Diệt đế)? Đó là sự phai biến sạch sẽ [không còn tàn dư] và sự chấm-dứt, sự dẹp-bỏ, sự từ-bỏ, sự buông-bỏ, và sự tống-bỏ dục-vọng đó. Đây được gọi là Diệu Đế về Sự Chấm Dứt Khổ.

23. [4] "Và, này các đạo hữu, cái gì là Diệu Đế về Con Đường dẫn tới Sự Chấm Dứt Khổ (Đạo đế)? Đó chính là Bát Thánh Đạo [con đường tám phần thánh thiện]; đó gồm: chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-

nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, và chánh-niệm.

24. (1) "Và, này các đạo hữu, cái gì là chánh-kiến [cách-nhìn đúng đắn]? Sự biết về sự khổ, sự biết về nguồn-gốc khổ, sự biết về sự chấm-dứt khổ, và sự biết về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ—đây được gọi là chánh- kiến.

25. (2) "Và, này các đạo hữu, cái gì là chánh tư-duy [ý-định đúng đắn]? Ý định từ-bỏ, ý định không ác-ý, và ý định không hung-dữ—đây được gọi là chánh tư-duy.

26. (3) "Và, này các đạo hữu, cái gì là chánh-ngữ [lời nói đúng đắn]? Sự kiêng cữ lời nói-dối nói láo, kiêng cữ lời nói ma-mãnh hiểm độc, và kiêng cữ lời nói tầm-phào tán dóc—đây được gọi là chánh-ngữ.

27. (4) "Và, này các đạo hữu, cái gì là chánh-nghiệp [hành-động đúng đắn] Sự kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ tà-dâm tà dục là— đây được gọi là chánh-nghiệp.

28. (5) "Và, này các đạo hữu, cái gì là chánh-mạng [sư mưu-sinh đúng đắn]? Ở đây một đệ tử thánh thiện, sau khi đã dẹp bỏ sự mưu sinh sai trái, chỉ kiếm sống bằng sự mưu sinh đúng đắn—đây được gọi là chánh-mạng.

29. (6) "Và, này các đạo hữu, cái gì là chánh tinh-tấn [sự nỗ-lực đúng đắn]? Ở đây, (i) một Tỳ kheo phát khởi sự nhiệt-thành để không khởi sinh những trạng thái xấu ác bất

thiện chưa khởi sinh, và người đó tạo sự cố- gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), vận dụng tâm mình, và chuyên-cần tu (tinh cần). (ii) Người đó phát khởi sự nhiệt-thành để dẹp bỏ những trạng thái xấu ác bất thiện đã khởi sinh, và người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực, vận dụng tâm mình, và chuyên-cần tu. (ii) Người đó phát khởi sự nhiệt-thành để làm khởi sinh những phẩm chất thiện chưa khởi sinh, và người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực, vận dụng tâm mình, và chuyên-cần tu. (iv) Người đó phát khởi sự nhiệt-thành để [có sự] liên-tục, duy-trì [không mất đi], tăng cường, gia tăng, và hoàn thiện những phẩm chất thiện đã khởi sinh, nhờ sự tu tập, và người đó tạo sự cố-gắng, phát

khởi sự nỗ-lực, vận dụng tâm mình, và chuyên-cần tu. Đây được gọi là chánh tinh-tấn.

30. (7) “Và, này các đạo hữu, cái gì là chánh-niệm [sự tâm-niệm đúng đắn]? Ở đây, (i) một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. (ii) Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. (iii) Người đó an trú quán sát tâm trong tâm, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. (iv) Người đó an trú quán sát những giáo pháp trong những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp], nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm- muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Đây được gọi là chánh-niệm.

31. (8) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chánh-định [sự định-tâm đúng đắn]? Ở đây: (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ (ii) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét.’ (iii) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), một Tỳ kheo an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: ‘Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).’ (iv) ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự

chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’ Đây được gọi là chánh-định. “Đây được gọi là Diệu Đế về Con đường dẫn tới Sự Chấm Dứt Khổ.

32. “Này các đạo hữu, ở Benares, trong khu Vườn Nai (Lộc Uyển) ở Isipatana, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, đã thiết lập sự quay chuyển bánh xe Giáo Pháp vô song, nó không thể bị ngăn chặn bởi bất kỳ tu sĩ hay bà-la-môn hay bởi thiên thần nào hay bởi Ma Vương (Mara) hay trời Brahmā (Phạm thiên) hay bất cứ ai trong thế gian—đó là, sự tuyên bố, sự chỉ dạy, sự mô tả, sự thiết lập, sự khai mở, sự giảng giải, và sự trình bày về Bốn Diệu Đế.” Đó là lời thầy Xá-lợi-phất đã nói. Các Tỳ kheo đã hài lòng và vui mừng với lời giảng của thầy Xá-lợi-phất.

362 • Chương 4

142. KINH PHÂN GIẢI VỀ SỰ CÚNG DƯỜNG (Dakkhiṇāvibhanga Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích- Ca, ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigrodha.

2. Lúc đó có bà Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di (Mahāpajāpatī Gotamī) đã mang một cặp xấp vải và đến chỗ đức Thế Tôn.1291 Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, bà ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, đây là cặp xấp vải mới đã được kéo dợi bởi con, đã được dệt bởi con dành riêng cho đức Thế Tôn. Thưa Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lấy từ con vì lòng bi mẫn.” Sau khi điều này được nói ra, đức Thế Tôn đã nói với bà: “Hãy tặng nó cho Tăng Đoàn, này dì Kiều-đàm-di. Khi dì tặng cho Tăng Đoàn, cả ta và Tăng Đoàn đều được tôn vinh.”1292 Lần thứ hai và lần thứ ba Kiều-đàm-di nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn … hãy chấp nhận nó từ con vì lòng bi mẫn.” Lần thứ hai và lần thứ ba đức Thế Tôn vẫn nói với bà: “Hãy tặng nó cho Tăng Đoàn, này dì Kiều-đàm-di. Khi dì tặng cho Tăng Đoàn, cả ta và Tăng Đoàn đều được tôn vinh.”

3. Rồi Ngài Ānanda mới thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận cặp xấp vải từ di mẫu Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di. Di mẫu Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di đã rất giúp ích cho đức Thế Tôn, thưa Thế Tôn. Là dì ruột của Thế Tôn, là bảo mẫu của Thế Tôn, là mẹ nuôi của Thế Tôn đã nuôi Thế Tôn bằng sữa của mình. Bà đã cho đức Thế Tôn bú sữa sau khi mẹ ruột của Thế Tôn đã qua đời. Đức Thế Tôn cũng đã rất giúp ích cho di mẫu Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di, thưa Thế Tôn. Chính nhờ có đức Thế Tôn mà di mẫu Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di (i) đã quy y theo Phật, Pháp, Tăng. Chính nhờ có đức Thế Tôn mà di mẫu Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di (2)

364 • Chương 4

đã kiêng cữ sự (năm giới) sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối, và dùng rượu nạng, rượu nhẹ và các chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Chính nhờ có đức Thế Tôn mà di mẫu Đại Ái Đạo Kiều- đàm-di (iii) đã có được niềm-tin bất lay chuyển vào Phật, Pháp, Tăng, và (iv) đã có được những đức-hạnh được quý trọng bởi những thánh nhân.1293 Chính nhờ có đức Thế Tôn mà di mẫu Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di (v) đã không còn sự nghi-ngờ về sự khổ, về nguồn-gốc khổ, về sự chấm-dứt khổ, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. Đức Thế Tôn đã rất giúp ích đối với Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di.”

4. “Đúng là vậy, này Ānanda, đúng là vậy! Khi một người, nhờ có người khác, (i) đã quy y theo Phật, Pháp Tăng, thì, ta nói, không dễ gì người trước có thể trả hết ơn nghĩa cho người sau cho dù có kính lễ, đứng dậy kính chào, dành cho người đó sự kính chào và những sự phục vụ kính cẩn, và bằng sự cúng dường (bốn thứ thiết yếu như) y phục, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang và chu cấp cho người bệnh. “Khi một người, nhờ có người khác, (ii) đã kiêng cữ sự (năm giới) sát- sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối, và dùng rượu nạng, rượu nhẹ và các chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, thì, ta nói, không dễ gì người trước có thể trả hết ơn nghĩa cho người sau cho dù có kính lễ … và thuốc thang và chu cấp cho người bệnh. “Khi một người, nhờ có người khác, (iii) đã có được niềm-tin bất lay chuyển vào Phật, Pháp, Tăng, và (iv) đã có được những đức-hạnh được quý trọng bởi những thánh nhân, thì, ta nói, không dễ gì người trước có thể trả hết ơn nghĩa cho người sau cho dù có kính lễ … và thuốc thang và chu cấp cho người bệnh. “Khi một người, nhờ có người khác, (v) đã không còn sự nghi-ngờ về sự khổ, về nguồn-gốc khổ, về sự chấm-dứt khổ, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ, thì, ta nói, không dễ gì người trước có thể trả hết ơn nghĩa cho người sau cho dù có kính lễ … và thuốc thang và chu cấp cho người bệnh.

KINH PHÂN GIẢI VỀ SỰ CÚNG DƯỜNG • 365

(Sự cúng dường cho cá nhân)

5. (I) “Này Ānanda, có mười bốn loại sự cúng dường cho cá nhân.1294 (1) Một người cúng tặng một món quà cho Như Lai, bậc A-la-hán [đã tu thành], bậc Toàn Giác [đã giác-ngộ toàn thiện]; đây là loại thứ nhất của sự cúng dường cho cá nhân. (2) Một người cúng tặng một món quà cho một vị Phật Duyên Giác; đây là loại thứ hai của sự cúng dường cho cá nhân. (3) Một người cúng tặng một món quà cho một vị A-la-hán là đệ tử của Như Lai; đây là loại thứ ba của sự cúng dường cho cá nhân. (4) Một người cúng tặng một món quà cho một người đã chứng nhập thánh đạo (A-la- hán) dẫn tới chứng ngộ thánh quả A-la-hán; đây là loại thứ tư của sự cúng dường cho cá nhân. (5) Một người cúng tặng một món quà cho một vị Bất-lai; đây là loại thứ năm của sự cúng dường cho cá nhân. (6) Một người cúng tặng một món quà cho một người đã chứng nhập thánh đạo (Bất-lai) dẫn tới chứng ngộ thánh quả Bất-lai; đây là loại thứ sáu của sự cúng dường cho cá nhân. (7) Một người cúng tặng một món quà cho một vị Nhất-lai; đây là loại thứ bảy của sự cúng dường cho cá nhân. (8) Một người cúng tặng một món quà cho một người đã chứng nhập thánh đạo (Nhất-lai) dẫn tới chứng ngộ thánh quả Nhất-lai; đây là loại thứ tám của sự cúng dường cho cá nhân. (9) Một người cúng tặng một món quà cho một vị Nhập-lưu, đây là loại thứ chín của sự cúng dường cho cá nhân. (10) Một người cúng tặng một món quà cho một người đã chứng nhập thánh đạo (Nhập-lưu)1295 dẫn tới chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu; đây là loại thứ mười của sự cúng dường cho cá nhân. (11) Một người cúng tặng một món quà cho một người ngoài đạo [không theo đạo Phật] mà không còn tham muốn dục-lạc;1296 đây là loại thứ mười một của sự cúng dường cho cá nhân. (12) Một người cúng tặng một món quà cho một người bình thường mà có đức-hạnh; đây là loại thứ mười hai của sự cúng dường cho cá nhân. (13) Một người cúng tặng một món quà cho một người bình thường thất đức; đây

là loại thứ mười ba của sự cúng dường cho cá nhân. (14) Một người cho tặng một món quà cho một con vật; đây là loại thứ mười bốn của sự cúng dường cho cá nhân.

366 • Chương 4

6. "Ở đây, này Ānanda, bằng sự cúng tặng một món quà cho những cá nhân sau đây, thì sự cúng dường có thể trông đợi những phước quả như vầy: (14) cho một con vật: một trăm lần;1297 (13) cho một người bình thường thất đức: một ngàn lần; (12) cho một người bình thường mà đức hạnh: một trăm ngàn lần; (11) một người không còn tham muốn dục-lạc: một trăm ngàn lần một trăm ngàn; (10) cho một người đã chứng nhập thánh đạo (Nhập-lưu) dẫn tới chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu: không thể tính được, vô lượng. Vậy phải kể sao về phước quả của sự cúng tặng một món quà (9) cho một vị Nhập-lưu? Vậy phải kể sao về quả báo của sự cúng tặng một món quà (8) cho một người đã chứng nhập thánh đạo (Nhất-lai) dẫn tới chứng ngộ thánh quả Nhất-lai … (7) … cho một vị Nhất-lai … (6) … cho một người đã chứng nhập thánh đạo (Bất-lai) dẫn tới chứng ngộ thánh quả Bất-lai … (5) … cho một vị Bất-lai … (4) … cho một người đã chứng nhập thánh đạo (A-la-hán) dẫn tới chứng ngộ thánh quả A-la-hán … (3) … cho một vị A-la-hán … (2) … cho một vị Phật Duyên Giác? Vậy phải kể sao về phước quả của sự cúng tặng một món quà (1) cho một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác?1298

(Sự cúng dường cho Tăng Đoàn)

7. (II) "Này Ānanda, có bảy loại sự cúng dường cho Tăng Đoàn. (1) Một người cúng tặng một món quà cho một Tăng Đoàn [gồm cả những Tỳ kheo và những Tỳ kheo ni] được dẫn đầu bởi Đức Phật; đây là loại thứ nhất của sự cúng dường cho Tăng Đoàn.1299 (2) Một người cúng tặng một món quà cho một Tăng Đoàn [gồm cả những Tỳ kheo và những Tỳ kheo ni] sau khi Như Lai đã bát-niết-bàn; đây là loại thứ hai của sự cúng dường cho Tăng Đoàn. (3) Một người cúng tặng một món quà cho một Tăng Đoàn gồm những Tỳ kheo; đây là loại thứ ba của sự cúng dường cho Tăng Đoàn. (4) Một người cúng tặng một món quà cho một Tăng Đoàn gồm những Tỳ kheo ni [Ni Đoàn]; đây là loại thứ tư của sự cúng dường cho Tăng Đoàn. (5) Một người cúng tặng một món quà và nói: 'Hãy cử ra cho tôi nhiều Tỳ kheo và Tỳ kheo ni từ Tăng Đoàn'; đây là loại thứ năm của

KINH PHÂN GIẢI VỀ SỰ CÚNG DƯỜNG • 367

sự cúng dường cho Tăng Đoàn. (6) Một người cúng tặng một món quà và nói: 'Hãy cử ra cho tôi nhiều Tỳ kheo từ Tăng Đoàn'; đây là loại thứ sáu của sự cúng dường cho Tăng Đoàn. (7) Một người cúng tặng một món quà và nói: 'Hãy cử ra cho tôi nhiều Tỳ kheo ni từ Ni Đoàn'; đây là loại thứ bảy của sự cúng dường cho Tăng Đoàn.

8. "Này Ānanda, trong những thời đại sau này sẽ có những người [thành viên của] họ tộc là những người có "cổ vàng", là những người thất đức, có tính cách xấu ác.1300 Người ta sẽ cúng tặng những món quà cho những người thất đức đó (với ý nghĩ) vì ích lợi của (cúng dường cho) Tăng Đoàn. Ngay cả khi như vậy, ta nói rằng, sự cúng dường cho Tăng Đoàn như vậy cũng (có phước quả) là không thể tính được, vô lượng.1301 Và, ta nói rằng, không có cách nào một sự cúng tặng cho cá nhân mà có nhiều phước quả

hơn một sự cúng dường cho Tăng Đoàn.1302

9. “Do vậy, này Ānanda, có bốn loại sự thanh lọc (thanh tịnh) này của sự cúng dường. Bốn đó là gì? (1) Có sự cúng dường được thanh lọc bởi người bố thí, không phải bởi người nhận.1303 (2) Có sự cúng dường được thanh lọc bởi người nhận, không phải bởi người bố thí. (3) Có sự cúng dường không được thanh lọc bởi người bố thí hay bởi người nhận. (4) Có sự cúng dường được thanh lọc bởi cả người bố thí và người nhận.

10. (1) “Và giờ, theo cách nào sự cúng dường được thanh lọc bởi người bố thí, không bởi người nhận? Ở đây, người bố thí là có đức-hạnh, có tính cách thiện, và người nhận là thất-đức, thuộc tính cách xấu ác. Như vậy sự cúng dường được thanh lọc bởi người bố thí, không bởi người nhận.

11. (2) “Và theo cách nào sự cúng dường được thanh lọc bởi người nhận, không bởi người bố thí? Ở đây, người bố thí là thất-đức, thuộc tính cách xấu ác và người nhận là có đức-hạnh, có tính cách thiện. Như vậy sự cúng dường được thanh lọc bởi người nhận, không bởi người bố thí.

12. (3) “Và theo cách nào sự cúng dường không được thanh lọc bởi người nhận và người bố thí? Ở đây, người bố thí là thất-đức, thuộc tính cách xấu ác và người nhận cũng là thất-đức, thuộc tính cách xấu ác. Như

vậy sự cúng dường không được thanh lọc bởi người bố thí và người nhận.

13. (4) “Và theo cách nào sự cúng dường được thanh lọc bởi cả người bố thí và người nhận? Ở đây, người bố thí là có đức-hạnh, có tính cách thiện, và người nhận cũng có đức-hạnh, có tính cách thiện. Như vậy sự cúng dường được thanh lọc bởi cả người bố thí và người nhận. “Đây là bốn loại sự thanh lọc của sự cúng dường.”

14. Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi bậc Phúc Lành nói như vậy, Vị Thầy nói thêm như vầy: “Khi một người đức-hạnh bố thí cho một người thất-đức Với một lòng tin tưởng, một món quà có được chân chính, Đặt niềm-tin vào nghiệp quả là lớn lao, Thì đức-hạnh của người bố thí thanh lọc sự cúng dường. Khi một người thất-đức bố thí cho một người đức hạnh Với một lòng không tin tưởng, một món quà có được bất chính, Cũng không đặt niềm-tin vào nghiệp quả là lớn lao, Thì đức-hạnh của người nhận thanh lọc sự cúng dường. Khi một người thất-đức bố thí cho một người thất-đức Với một lòng không tin tưởng, một món quà có được bất chính, Cũng không đặt niềm-tin vào nghiệp quả là lớn lao, Thì không có đức-hạnh của bên nào thanh lọc sự cúng dường. “Khi một người đức-hạnh bố thí cho một người đức-hạnh Với một lòng tin tưởng, một món quà có được chân chính, Đặt niềm-tin vào nghiệp quả là lớn lao, Thì sự bố thí đó, ta nói, sẽ đi đến phước quả tròn đầy. Khi một người hết-mê bố thí cho một người hết-mê, Với một lòng tin tưởng, một món quà có được chân chính, Đặt niềm-tin vào nghiệp quả là lớn lao, Thì sự bố thí đó, ta nói, là tốt nhất trong mọi sự bố thí thế tục.”1304

Chương 5. Chương “Sáu Cơ-Sở” (Saḷāyatana-vagga)

143. KINH LỜI KHUYÊN DẠY CẤP CÔ ĐỘC (Anāthapiṇḍikovāda Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc

2. Bấy giờ, vào lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc bị bệnh nặng, đau đớn và bệnh yếu như gần chết. Rồi ông đã nói với một người như vầy: "Này anh, hãy đến gặp đức Thế Tôn, nhân danh ta kính lễ với đầu cúi xuống chân đức Thế Tôn, và thưa: 'Thưa đức Thế Tôn, gia chủ Cấp Cô Độc đang bệnh nặng, đau đớn, và bệnh yếu như gần chết; ông ta xin kính lễ đức Thế Tôn với đầu cúi xuống hai chân đức Thế Tôn.' Rồi đến gặp thầy Xá-lợi-phất, nhân danh ta kính lễ với đầu cúi xuống chân thầy Xá-lợi-phất, và thưa: 'Thưa thầy Xá-lợi-phất, gia chủ Cấp Cô Độc đang bệnh nặng, đau đớn, và bệnh yếu như gần chết; ông ta xin kính lễ thầy Xá-lợi-phất với đầu cúi xuống hai chân thầy Xá-lợi-phất.' Rồi thưa: 'Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu thầy Xá-lợi-phất đến nhà của gia chủ Cấp Cô Độc, vì lòng bi-mẫn.'" "Dạ được, thưa ông", người đó đáp lại, và anh ta đến gặp đức Thế Tôn, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, anh ta ngồi xuống một bên và chuyển lời của ông Cấp Cô Độc. Rồi anh ta đến gặp thầy Xá-lợi-phất, và sau khi kính lễ thầy Xá-lợi-phất, anh ta ngồi xuống một bên và chuyển lời của ông Cấp Cô Độc, và thưa: "Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu thầy Xá-lợi-phất đến nhà của gia chủ Cấp Cô Độc, vì lòng bi-mẫn." Thầy Xá-lợi-phất đã đồng ý trong im lặng.

3. Rồi thầy Xá-lợi-phất mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến nhà của gia chủ Cấp Cô Độc, cùng đi có thầy Ānanda là người thị giả (của Phật). Sau khi đến nơi, thầy ấy ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn, và nói với gia chủ Cấp Cô Độc: "Tôi hy vọng chú đang chịu đựng tốt, tôi hy vọng chú đang đỡ hơn. Tôi hy vọng rằng những cảm-giác đau đớn của chú đang lắng lặn và không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, chứ không gia tăng, đang được thấy rõ."

4. "Thưa thầy Xá-lợi-phất, tôi đang không chịu đựng nổi, tôi đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn của tôi đang gia tăng, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, đang thấy rõ. Giống như có một lực sĩ đang chẻ đầu tôi ra bằng lưỡi kiếm sắc bén; cũng giống như vậy, có những luồng gió dữ dội cắt xuyên đầu tôi. Tôi không đỡ hơn … Giống như có một lực sĩ xiết chặt đầu tôi bằng sợi dây da; cũng giống như vậy, có những cơn đau dữ dội trong đầu tôi. Tôi đang không đỡ hơn … Giống như có một người bán thịt [hay người phụ việc của ông ta] cắt rọc bụng con bò bằng cái dao hàng thịt sắc bén; cũng giống như vậy, có những luồng gió dữ dội cắt rọc trong bụng tôi. Tôi đang không đỡ hơn … Giống như có hai lực sĩ nắm giữ chặt tay một người yếu ớt và nướng anh ta trên một hố than cháy đỏ; cũng giống như vậy, có một sự thiêu đốt dữ dội trong thân tôi. Tôi đang không chịu đựng nổi, tôi đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong tôi, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, đang được thấy rõ."

5. (1) “Vậy thì, này gia chủ, chú nên tu tập mình như vầy: ‘Tôi sẽ không dính-chấp vào mắt, và thức của tôi sẽ không tùy thuộc vào mắt.’1305 Chú nên tu tập mình như vậy. Chú nên tu tập mình như vầy: ‘Tôi sẽ không dính-chấp vào tai … Tôi sẽ không dính-chấp vào mũi … Tôi sẽ không dính-chấp vào lưỡi … Tôi sẽ không dính-chấp vào thân … Tôi sẽ không dính-chấp vào tâm, và thức của tôi sẽ không tùy thuộc vào tâm.’ Chú nên tu tập mình như vậy.

6. (2) “Này gia chủ, chú nên tu tập mình như vầy: ‘Tôi sẽ không dính- chấp vào những hình-sắc … Tôi sẽ không dính-chấp vào những âm-thanh … Tôi sẽ không dính-chấp vào những mùi-hương … Tôi sẽ không dính- chấp vào những mùi-vị … Tôi sẽ không dính-chấp vào những thứ hữu- hình chạm xúc … Tôi sẽ không dính-chấp vào những đối-tượng của tâm, và thức của tôi sẽ không tùy thuộc vào những đối-tượng của tâm.’ Chú nên tu tập mình như vậy.

7. (3) “Này gia chủ, chú nên tu tập mình như vầy: ‘Tôi sẽ không dính- chấp vào thức-mắt … Tôi sẽ không dính-chấp vào thức-tai … Tôi sẽ không dính-chấp vào thức-mũi … Tôi sẽ không dính-chấp vào thức-lưỡi … Tôi sẽ không dính-chấp vào thức-thân … Tôi sẽ không dính-chấp vào thức-tâm, và thức của tôi sẽ không tùy thuộc vào thức-tâm. Chú nên tu tập mình như vậy.

8. (4) “Này gia chủ, chú nên tu tập mình như vầy: ‘Tôi sẽ không dính- chấp vào tiếp-xúc mắt … Tôi sẽ không dính-chấp vào tiếp-xúc tai … Tôi sẽ không dính-chấp vào tiếp-xúc mũi … Tôi sẽ không dính-chấp vào tiếp- xúc lưỡi … Tôi sẽ không dính-chấp vào tiếp-xúc thân … Tôi sẽ không dính-chấp vào tiếp-xúc tâm, và thức của tôi sẽ không tùy thuộc vào tiếp- xúc tâm. Chú nên tu tập mình như vậy.

9. (5) “Này gia chủ, chú nên tu tập mình như vầy: ‘Tôi sẽ không dính- chấp vào cảm-giác phát sinh từ tiếp-xúc mắt … Tôi sẽ không dính-chấp vào cảm-giác phát sinh từ tiếp-xúc tai … Tôi sẽ không dính-chấp vào cảm-giác phát sinh từ tiếp-xúc mũi … Tôi sẽ không dính-chấp vào cảm- giác phát sinh từ tiếp-xúc lưỡi … Tôi sẽ không dính-chấp vào cảm-giác phát sinh từ tiếp-xúc thân … Tôi sẽ không dính-chấp vào cảm-giác phát sinh từ tiếp-xúc tâm, và thức của tôi sẽ không tùy thuộc vào cảm-giác phát sinh từ tiếp-xúc tâm. Chú nên tu tập mình như vậy.

10. (6) “Này gia chủ, chú nên tu tập mình như vầy: ‘Tôi sẽ không dính- chấp vào yếu-tố đất … Tôi sẽ không dính-chấp vào yếu-tố nước … Tôi sẽ không dính-chấp vào yếu-tố lửa … Tôi sẽ không dính-chấp vào yếu-tố gió … Tôi sẽ không dính-chấp vào yếu-tố không gian … Tôi sẽ không dính- chấp vào yếu-tố thức, và thức của tôi sẽ không tùy thuộc vào yếu-tố thức.’ Chú nên tu tập mình như vậy.

11. (7) “Này gia chủ, chú nên tu tập mình như vầy: ‘Tôi sẽ không dính- chấp vào sắc-thân (sắc) … Tôi sẽ không dính-chấp vào cảm-giác (thọ) … Tôi sẽ không dính-chấp vào nhận-thức (tưởng) … Tôi sẽ không dính-chấp vào những sự tạo-tác cố ý (hành) … Tôi sẽ không dính-chấp vào thức, và

thức của tôi sẽ không tùy thuộc vào thức.’ Chú nên tu tập mình như vậy.

12. (8) “Này gia chủ, chú nên tu tập mình như vầy: ‘Tôi sẽ không dính- chấp vào không vô biên xứ … Tôi sẽ không dính-chấp vào thức vô biên xứ … Tôi sẽ không dính-chấp vào vô sở hữu xứ … Tôi sẽ không dính- chấp vào phi tưởng phi phi tưởng xứ, và thức của tôi sẽ không tùy thuộc vào phi tưởng phi phi tưởng xứ.’ Chú nên tu tập mình như vậy.

13. (9) “Này gia chủ, chú nên tu tập mình như vầy: ‘Tôi sẽ không dính- chấp vào thế giới này, và thức của tôi sẽ không tùy thuộc vào thế giới này. Tôi sẽ không dính-chấp vào thế giới trên, và thức của tôi sẽ không tùy thuọc vào thế giới trên.’ Chú nên tu tập mình như vậy.

14. (10) “Này gia chủ, chú nên tu tập như vầy: ‘Tôi sẽ không dính-chấp vào thứ được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận biết, được bắt gặp, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm, và thức của tôi sẽ không tùy thuộc vào những thứ đó.’ Chú nên tu tập mình như vậy.”

15. Sau khi điều này được nói ra, gia chủ Cấp Cô Độc đã khóc và chảy nước mắt. Rồi thầy Ānanda đã hỏi ông: “Này gia chủ, có phải chú đang suy sụp hay đang chìm ngỉm?” “Thưa thầy Ānanda, con đang không suy sụp, con đang không chìm ngỉm. Nhưng là, mặc dù con đã đợi chờ Vị Thầy và những Tỳ kheo đáng kính trọng (nói ra), nhưng trước giờ con chưa bao giờ nghe được một bài giảng Giáo Pháp như vậy.” “Này gia chủ, bài giảng Giáo Pháp như vậy thường không được (Phật và các thầy) giảng cho những người tại gia mặc áo trắng. Bài giảng Giáo Pháp như vậy được giảng cho những người xuất gia.”1306 “Vậy thì, thưa thầy Xá-lợi-phất, vậy hãy cho phép bài giảng Giáo Pháp như vậy được nói cho những người tại gia mặc áo trắng. Có nhiều người họ tộc có ít bụi trong mắt họ và sẽ uổng phí cho họ nếu không nghe được [bài giảng như vầy về] Giáo Pháp. Sẽ có những người họ sẽ hiểu được Giáo Pháp này.”

16. Rồi, sau khi đã ban cho vị gia chủ Cấp Cô Độc lời khuyên dạy này, thầy Xá-lợi-phất và thầy Ānanda đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và ra về. Không lâu sau khi các thầy đi về, gia chủ Cấp Cô Độc đã chết và tái hiện trong cõi trời Đâu-suất (Tusita).

17. Rồi, khi đêm đã khuya, gia chủ gia chủ Cấp Cô Độc, giờ là một thiên thần trẻ với sắc đẹp rạng rỡ, đã đến gặp đức Thế Tôn, chiếu sáng cả Khu Vườn Jeta. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, vị tiên đứng qua một bên, và nói với đức Thế Tôn bằng những dòng kệ như sau: “Ôi Khu Vườn Jeta là nơi phúc lành, Được trú ở bởi Tăng Đoàn trí hiền, Trong đó có vị Pháp Vương (Phật), Là suối nguồn của tất cả niềm an lạc của tôi. Nhờ nghiệp, sự biết, và Giáo Pháp, Nhờ đức-hạnh và cách sinh sống thánh thiện— Nhờ những điều đó mà con người sinh tử được thanh lọc, Chứ không phải nhờ gia thế hay sự giàu có. Vì vậy người có trí là người nhìn thấy Những điều gì dẫn tới sự tốt lành cho mình, Thì nên điều tra Giáo Pháp, Và nên thanh lọc bản thân bằng những điều đó. Thầy Xá-lợi-phất

đã đạt đến đỉnh cao Về đức-hạnh, sự bình-an, và những đường lối của trí-tuệ; Tỳ kheo nào dù siêu xuất đến đâu, Cao nhất cũng chỉ bằng thầy ấy."

18. Đó là lời vị tiên trẻ Cấp Cô Độc đã nói, Vị Thầy đã chấp thuận. Rồi vị tiên trẻ Cấp Cô Độc, do nghĩ rằng: "Vị Thầy đã đồng ý với ta", nên đã kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và biến mất ngay tại đó.

19. Rồi đêm đã hết, đức Thế Tôn mới nói với các Tỳ kheo như vầy:

"Này các Tỳ kheo, đêm qua khi đêm đã khuya, một thiên thần trẻ với sắc đẹp rạng rỡ đã đến gặp ta, chiếu sáng cả Khu Vườn Jeta. Sau khi kính chào ta, vị tiên trẻ đứng qua một bên và nói với ta bằng những dòng thi kệ như vầy: … [Phật lặp lại bài thi kệ trên] … Đó là lời vị tiên trẻ đã nói. Rồi vị tiên trẻ, do nghĩ rằng: "Vị Thầy đã đồng ý với ta", nên đã kính lễ ta, giữ ở hướng bên phải mình, và biến mất ngay tại đó."

20. Sau khi điều này được nói ra, thầy Ānanda đã thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, chắc chắn vị tiên trẻ đó trước đây là gia chủ Cấp Cô Độc. Vì gia chủ Cấp Cô Độc đã có niềm-tin hoàn hảo vào thầy Xá-lợi- phất." "Tốt, tốt, này Ānanda! Theo như sự suy lý thầy đã rút ra kết luận đúng đắn. Vị tiên trẻ đó chính là gia chủ Cấp Cô Độc, không phải ai khác." Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Ānanda đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

144. KINH LỜI KHUYÊN DẠY CHANNA (Channavāda Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc.

2. Bấy giờ, vào lúc đó có ngài Xá-lợi-phất, ngài Đại Cunda, và ngài Channa đang sống trên Đỉnh Núi Kền Kền (Linh Thứu).

3. Vào lúc đó thầy Channa đang bệnh nặng, đau đớn, và bệnh yếu như gần chết. Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất ra khỏi chỗ thiền, đến gặp thầy Đại Cunda, và nói với thầy ấy: "Này đạo hữu Cunda, chúng ta cùng đến chỗ thầy Channa và hỏi thăm bệnh tình của thầy ấy."—"Được, đạo hữu", thầy Đại Cunda đáp lại.

4. Rồi thầy Xá-lợi-phất và thầy Đại Cunda đã đến gặp thầy Channa và chào hỏi qua lại với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên, và thầy Xá-lợi-phất đã nói với thầy Channa: "Này đạo hữu Channa, tôi hy vọng thầy đang chịu đựng tốt, tôi hy vọng thầy đang đỡ hơn. Tôi hy vọng rằng những cảm-giác đau đớn của thầy đang lắng lặn và không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, chứ không gia tăng, đang được thấy rõ."

5. "Đạo hữu Xá-lợi-phất, tôi đang không chịu đựng nổi, tôi đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn của tôi đang gia tăng, chứ không lắng lặn … [tiếp tục ví dụ và lời diễn tả sự đau đớn giống mục 4 kinh MN 143 kế trên] … và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, đang được thấy rõ. Này đạo hữu Xá-lợi-phất, chắc tôi sẽ dùng dao;1307 tôi không còn muốn sống nữa."

6. “Mong thầy Channa đừng dùng dao. Mong thầy Channa sống tiếp. Chúng tôi muốn thầy Channa sống tiếp. Nếu thầy thiếu thức ăn, chúng tôi sẽ tìm thức ăn thích hợp cho thầy. Nếu thầy thiếu thuốc thang, chúng tôi

sẽ tìm thuốc thang cho thầy. Nếu thầy thiếu người hầu cận thích hợp, chúng tôi sẽ tìm người chăm sóc (hầu cận) thích hợp cho thầy. Mong thầy Channa đừng dùng dao. Mong thầy Channa sống tiếp. Chúng tôi muốn thầy Channa sống tiếp.”

7. “Đạo hữu Xá-lợi-phất, không phải tôi không có thức ăn và thuốc thang thích hợp hay không có người chăm sóc thích hợp. Nhưng mà, này đạo hữu Xá-lợi-phất, Vị Thầy từ lâu đã được tôn kính bởi tôi bằng lòng thương mến, không phải không có sự thương mến; vì điều đó là đúng đắn đối với một đệ tử phải tôn kính Vị Thầy bằng tình thương mến, không phải không có sự thương mến. Này đạo hữu Xá-lợi-phất, hãy nhớ điều này: Tỳ kheo Channa sẽ dùng dao một cách không còn tội lỗi.”1308

8. “Chúng tôi muốn hỏi thầy Channa một số câu hỏi, thầy Channa cứ trả lời nếu thấy được.” “Thầy cứ hỏi, này đạo hữu Xá-lợi-phất. Sau khi nghe, tôi sẽ trả lời.”

9. “Này đạo hữu Channa, thầy có coi mắt, thức-mắt, và những thứ nhận biết được [bởi tâm] thông qua thức-mắt như vầy: ‘Đây không phải ‘của- ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.’, hay không? Thầy có coi tai … mũi … lưỡi … thân … tâm, thức-tâm và những thứ nhận biết được [bởi tâm] thông qua thức-tâm như vầy: ‘Đây là ‘của- ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’, hay không?” “Đạo hữu Xá-lợi-phất, tôi coi mắt, thức-mắt, và những thứ nhận biết được [bởi tâm] thông qua thức-mắt như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.’ Tôi coi tai … mũi … lưỡi … thân … tâm, thức-tâm và những thứ nhận biết được [bởi tâm] thông qua thức-tâm như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.’

10. “Này đạo hữu Channa, thầy đã nhìn-thấy gì và trực-tiếp biết gì trong mắt, thức-mắt, và những thứ được nhận biết [bởi tâm] thông qua thức mắt, để thầy coi chúng như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không

phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.’? Thầy đã nhìn-thấy gì và trực-tiếp biết gì trong tai … trong mũi … trong lưỡi … trong thân … trong tâm, và trong những thứ nhận biết được [bởi tâm] thông qua thức-tâm, để thầy coi chúng như vầy: “Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.”?” “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, chính vì tôi đã nhìn-thấy và trực-tiếp biết sự chấm-dứt trong mắt, trong thức-mắt, và trong những thứ được nhận biết [bởi tâm] thông qua thức-mắt, nên tôi mới coi chúng như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.’ Chính vì tôi đã nhìn-thấy và trực-tiếp biết sự chấm-dứt tai … trong mũi … trong lưỡi … trong thân … trong tâm, và trong những thứ nhận biết được [bởi tâm] thông qua thức-tâm, nên tôi mới coi chúng như vầy: ‘Đây không phải

‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.’

11. Sau khi điều này được nói ra, thầy Đại Cunda đã nói với thầy Channa:1309 “Bởi vậy, này đạo hữu Channa, lời chỉ dạy này của đức Thế Tôn nên được chú-tâm thường xuyên: ‘Có sự dao động trong người còn tùy thuộc, không có sự dao dộng trong người không còn tùy thuộc; khi không có sự dao động, thì có sự tĩnh lặng; khi có sự tĩnh lặng, thì không có sự ngã hướng (= dục vọng) này nọ; khi không có sự ngã hướng, thì không có sự đến và sự đi, không có sự qua đời (chết đi) và tái hiện (tái sinh); khi không có sự qua đời và tái hiện, thì không có đây hay ở trên hay ở giữa. Đây là sự chấm-dứt khổ.’”1310

12. Rồi, sau khi thầy Xá-lợi-phất và thầy Đại Cunda đã khuyên dạy thầy Channa như vậy, các thầy đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về. Rồi, không lâu sau khi các thầy đã đi, thầy Channa đã dùng dao.1311

13. Sau đó thầy Xá-lợi-phất đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thầy Channa đã dùng dao. Vậy nơi-đến của thầy ấy là gì, đường tương lai của thầy ấy là gì?”

“Này Xá-lợi-phất, bộ Tỳ kheo Channa không tuyên bố về sự không bị tội-lỗi của thầy ấy ngay trước mặt các thầy rồi hay sao?”1312 “Thưa Thế Tôn, có một ngôi làng của người Vajji (Bạt-kỳ) tên là làng Pubbavijjhana. Ở đó thầy Channa có những gia đình thân hữu, những gia đình thân thích, những gia đình luôn đón đãi [những gia đình được đến gặp để người trợ giúp cho thầy ấy].”1313 “Này Xá-lợi-phất, thầy Channa thực sự đã có những gia đình thân hữu, những gia đình thân thích, những gia đình luôn đón đãi; nhưng ta không nói rằng: ở/tới mức độ đó thì một người tu là có tội lỗi. Này Xá-lợi-phất, khi một người đặt xuống thân này và nhận lãnh thân khác, thì ta nói người đó là còn tội lỗi. (Nhưng) điều này đã không xảy ra trong trường hợp Tỳ kheo Channa. Tỳ kheo Channa đã dùng dao một cách không còn tội lỗi. Như vậy đó, này Xá-lợi-phất, thầy nên nhớ điều đó.”1314 Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Xá-lợi-phất đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

145. KINH LỜI KHUYÊN DẠY PHÚ-LÂU-NA (Puṇṇovāda Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc Lúc đó, vào buổi cuối chiều, ngài Phú-lâu-na (Puṇṇa) đã ra khỏi chỗ thiền và đến gặp đức Thế Tôn.1315 Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, thầy ấy ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

2. “Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn ban cho con lời khuyên dạy ngắn gọn. Sau khi nghe được Giáo Pháp từ đức Thế Tôn, con sẽ sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.” “Được, này Phú-lâu-na, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Phú-lâu-na đáp lại, Đức Thế Tôn đã nói điều này:

3. (1) “Này Phú-lâu-na, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo thích thú chúng, đón chào chúng, và nắm giữ chúng, thì khoái-lạc (sự vui thú) sẽ khởi sinh trong người đó. Này Phú-lâu-na, khi khởi sinh khoái-lạc thì có khởi sinh sự khổ, ta nói vậy.1316 “Này Phú-lâu-na, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai … những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân … những đối-tượng của tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo thích thú chúng, đón chào chúng, và nắm giữ chúng, thì khoái-lạc sẽ khởi sinh trong người đó. Này Phú-lâu-na, khi khởi sinh khoái-lạc thì có khởi sinh sự khổ, ta nói vậy.

4. (2) “Này Phú-lâu-na, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt …

những âm-thanh được nhận biết bởi tai … những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … những thứ hữu- hình chạm xúc được nhận biết bởi thân … những đối-tượng của tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo không thích thú chúng, không đón chào chúng, và không nắm giữ chúng, thì khoái-lạc sẽ chấm dứt trong người đó. Này Phú-lâu-na, khi chấm dứt khoái-lạc thì sẽ chấm dứt sự khổ, ta nói vậy.

5. (3) “Giờ, này Phú-lâu-na, ta đã nói cho thầy lời khuyên dạy ngắn gọn này, vậy giờ thầy sẽ trú tu ở xứ nào?” “Thưa Thế Tôn, giờ Thế Tôn đã ban cho con lời khuyên dạy ngắn gọn này, con sẽ đến trú tu ở xứ Sunāparanta.” (a) “Này Phú-lâu-na, người dân ở xứ Sunāparanta là thô lỗ và hung bạo. Nếu họ chửi bới và sỉ nhục thầy, thầy sẽ nghĩ sao về điều đó?” “Thưa Thế Tôn, nếu người xứ Sunāparanta có chửi bới và sỉ nhục con, thì con sẽ nghĩ: ‘Những người này thực tốt, thực sự tốt, vì họ không đánh con bằng nắm đấm’. Thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa Thế Tôn; thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Phúc Lành.” (b) “Nhưng, này Phú-lâu-na, nếu người người xứ Sunāparanta đánh thầy bằng nắm đấm, thầy sẽ nghĩ sao về điều đó?” “Thưa Thế Tôn, nếu người xứ Sunāparanta có đánh con bằng nắm đấm, thì con sẽ nghĩ: ‘Những người này thực tốt, thực sự tốt, vì họ không đánh con bằng đá cục’. Thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa Thế Tôn; thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Phúc Lành.” (c) “Nhưng, này Phú-lâu-na, nếu người xứ Sunāparanta đánh thầy bằng đá cục, thầy sẽ nghĩ sao về điều đó?” “Thưa Thế Tôn, nếu người xứ Sunāparanta có đánh con bằng đá cục, thì con sẽ nghĩ: ‘Những người này thực tốt, thực sự tốt, vì họ không đánh con bằng gậy gộc’. Thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa Thế Tôn; thì con sẽ nghĩ

như vậy, thưa bậc Phúc Lành.” (d) “Nhưng, này Phú-lâu-na, nếu người xứ Sunāparanta đánh thầy bằng gậy gộc, thầy sẽ nghĩ sao về điều đó?” “Thưa Thế Tôn, nếu người xứ Sunāparanta có đánh con bằng gậy gộc, thì con sẽ nghĩ: ‘Những người này thực tốt,

thực sự tốt, vì họ không đâm con bằng dao'. Thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa Thế Tôn; thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Phúc Lành." (e) "Nhưng, này Phú-lâu-na, nếu người xứ Sunāparanta đâm thầy bằng dao, thầy sẽ nghĩ sao về điều đó?" "Thưa Thế Tôn, nếu người xứ Sunāparanta có đâm con bằng dao, thì con sẽ nghĩ: 'Những người này thực tốt, thực sự tốt, vì họ không lấy mạng con bằng dao bén'. Thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa Thế Tôn; thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Phúc Lành." (f) "Nhưng, này Phú-lâu-na, nếu người xứ Sunāparanta lấy mạng thầy bằng dao bén, thầy sẽ nghĩ sao về điều đó?" "Thưa Thế Tôn, nếu người xứ Sunāparanta có lấy mạng con bằng dao bén, thì con sẽ nghĩ: 'Đã từng có những vị đệ tử của đức Thế Tôn, họ thấy khiếp sợ, thấy nhục nhã, thấy ghê tởm bởi thân và bởi kiếp sống, họ đã đi tìm (nhờ) người giết mình (tức họ tự sát hoặc nhờ người khác dùng dao giết mình vì lý do nói trên; như được ghi lại trong kinh SN 54:09, Vesali Sutta). Nhưng con thì gặp ngay người giết mình chứ không cần đi tìm kiếm'. Thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa Thế Tôn; thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Phúc Lành."

6. "Tốt, tốt, này Phú-lâu-na! Nếu đã có đủ [được phú cho] sự tự-chủ và sự bình-an như vậy, thầy sẽ sống được ở xứ Sunāparanta. Này Phú-lâu-na, giờ thì khi nào thấy tiện thầy cứ đi."

7. Rồi, sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, thầy Phú-lâu-na đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, và đi ra, giữ hướng đức Thế Tôn ở bên phải mình. Sau đó thầy ấy thu dọn chỗ ở,

mang theo bình bát và cà sa, chuẩn bị lên đường đi du hành theo hướng tới xứ Sunāparanta. Sau khi đã đi qua nhiều chặng đường, cuối cùng thầy ấy tới xứ Sunāparanta, và lưu trú ở đó. Sau đó, trong kỳ an cư mùa mưa (kiết hạ) năm đó, thầy Phú-lâu-na đã thiết lập được năm trăm đệ tử tại gia nam và năm trăm đệ tử tại gia nữ theo tu tập, và bản thân thầy ấy, cũng trong mùa mưa đó, đã chứng ngộ ba loại trí-biết đích thực (tam minh). Và trong một dịp sau đó, thầy ấy đã bát niết-bàn (niết-bàn cuối cùng, nghĩa là qua đời luôn).1317

8. Rồi một số Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, người họ tộc tên Phú-lâu-na, người đã được đức Thế Tôn ban cho bài khuyên-dạy ngắn gọn, đã chết rồi. Nơi-đến của thầy ấy là gì? Đường tương lai của thầy ấy là gì?" "Này các Tỳ kheo, người họ tộc Phú-lâu-na là hiền trí. Thầy ấy đã tu tập đúng theo Giáo Pháp và đã không làm phiền lòng ta về sự diễn dịch về Giáo Pháp. Người họ tộc Phú-lâu-na đã chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng." Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

146. KINH LỜI KHUYÊN DẠY TỪ NANDAKA (Nandakovāda Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc

2. Lúc đó có bà Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di (Mahāpajāpatī Gotamī) cùng với năm trăm Tỳ kheo ni đã đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, bà đứng qua một bên và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, kính mong Thế Tôn khuyên dạy các Tỳ kheo ni, mong Thế Tôn chỉ dạy các Tỳ kheo ni, mong Thế Tôn ban cho một bài nói chuyện về Giáo Pháp."

3. Bấy giờ, vào dịp đó những Tỳ kheo trưởng lão thay phiên nhau khuyên dạy (giáo giới, chỉ dạy) những Tỳ kheo ni, nhưng riêng ngài Nan- daka không muốn khuyên dạy họ khi đến phiên mình.1318 Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy Ānanda: "Này Ānanda, bữa nay tới phiên ai đến khuyên dạy những Tỳ kheo ni?" "Thưa Thế Tôn, bữa nay tới phiên thầy Nandaka đến khuyên đạy những Tỳ kheo ni, nhưng thầy ấy không muốn khuyên dạy họ mặc dù đến phiên của mình."

4. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy Nandaka: "Này Nandaka, hãy khuyên dạy các Tỳ kheo ni. Này Nandaka, hãy chỉ dạy các Tỳ kheo ni. Này bà-la-môn, hãy nói một bài Giáo Pháp cho các Tỳ kheo ni." "Dạ, thưa Thế Tôn", thầy Nandaka đáp lại. Rồi, vào buổi sáng, thầy Nandaka mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī (Xá-vệ) để khất thực. Sau khi đã đi khất thực trong thành Sāvatthī, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, thầy ấy đi cùng một người đồng đạo đến Tịnh Xá Rājaka. Những Tỳ kheo ni nhìn thấy thầy Nandaka đang đi đến từ xa, và họ chuẩn bị chỗ ngồi và đặt nước rửa chân. Thầy Nandaka ngồi xuống chỗ ngồi đã được

dọn sẵn và rửa hai bàn chân mình. Các Tỳ kheo ni kính lễ thầy và ngồi xuống một bên. Sau khi họ đã ngồi xuống, thầy Nandaka đã nói với các Tỳ kheo ni:

5. "Này các ni, bài nói chuyện này sẽ được nói ở dạng những câu hỏi. Khi nào các ni hiểu thì các ni nói: 'Chúng con hiểu'; khi nào không hiểu thì các ni nói: 'Chúng con không hiểu'; khi nào còn nghi ngờ hay băn khoăn thì các ni hỏi lại tôi: 'Điều này ra sao, thưa thầy? Nghĩa của điều này là gì?'" "Thưa thầy, chúng con hài lòng và vui lòng có thầy Nandaka trong đó thầy đã mở nhiều lời mời (cho phép) chúng con (trả lời và hỏi lại)."

6. "Này các ni, các ni nghĩ sao? Mắt là thường hằng hay vô thường?"— "Vô thường, thưa thầy"—"Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?"—"Khổ, thưa thầy"—"Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vầy: 'Đây là của-ta, đây là cái 'ta', đây là 'bản ngã của ta', hay không?"— "Không, thưa thầy." "Này các ni, các ni nghĩ sao? Tai … Mũi … Lưỡi … Thân … Tâm là thường hằng hay vô thường?"—"Vô thường, thưa thầy"—"Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?"—"Khổ, thưa thầy"—"Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vầy: 'Đây là của-ta, đây là cái 'ta', đây là 'bản ngã của ta', hay không?"— "Không, thưa thầy. Vì sao vậy? Bởi vì, thưa thầy, chúng con đã nhìn thấy rõ điều này đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, như vầy: 'Sáu cơ-sở bên trong này (sáu nội xứ; sáu giác quan) là vô thường.'"1319 "Tốt, tốt, này các ni! Đó chính là cách một đệ tử thánh thiện nhìn thấy điều này đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng.

7. “Này các ni, các ni nghĩ sao? Những hình-sắc … những âm-thanh … những mùi-hương … những mùi-vị … những thứ hữu-hình chạm xúc … những đối-tượng của tâm là thường hằng hay vô thường?”—“Vô thường, thưa thầy”—“Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?”—“Khổ, thưa thầy”—

“Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vầy: ‘Đây là của-ta, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’, hay không?”— “Không, thưa thầy. Vì sao vậy? Bởi vì, thưa thầy, chúng con đã nhìn thấy rõ điều này đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Sáu cơ-sở bên ngoài này (sáu ngoại xứ; sáu đối-tượng giác quan) là vô thường.’” “Tốt, tốt, này các ni! Đó chính là cách một đệ tử thánh thiện nhìn thấy điều này đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng.

8. “Này các ni, các ni nghĩ sao? Thức-mắt … Thức-tai … Thức-mũi … Thức-lưỡi … Thức-thân … Thức-tâm là thường hằng hay vô thường?”— “Vô thường, thưa thầy”—“Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?”—“Khổ, thưa thầy”—“Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vầy: ‘Đây là của-ta, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’, hay không?”— “Không, thưa thầy. Vì sao vậy? Bởi vì, thưa thầy, chúng con đã nhìn thấy rõ điều này đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Sáu loại thức này là vô thường.’” “Tốt, tốt, này các ni! Đó chính là cách một đệ tử thánh thiện nhìn thấy điều này đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng.

9. “Này các ni, ví dụ một đèn dầu đang cháy: dầu của nó là vô thường và phải bị thay đổi, tim của nó là vô thường và phải bị thay đổi, ngọn lửa của nó là vô thường và phải bị thay đổi, và sự chiếu sáng của nó là vô thường và phải bị thay đổi. Giờ nếu ai nói một cách đúng đắn mà có thể nói như vầy hay không: ‘Khi đèn dầu này đang cháy, dầu, tim, và ngọn lửa của nó là vô thường và phải bị thay đổi, nhưng sự chiếu sáng của nó là thường hằng, trường tồn, bất diệt, không bị thay đổi’?” “Không, thưa thầy. Vì sao vậy? Bởi vì, thưa thầy, trong khi đèn dầu này đang cháy, dầu, tim, và ngọn lửa của nó là vô thường và phải bị thay đổi, thì sự chiếu sáng của nó cũng phải là vô thường và phải bị thay đổi.” “Tương tự như vậy, này các ni, nếu ai nói một cách đúng đắn mà có

thể nói như vầy hay không: ‘Sáu cơ-sở bên trong này là vô thường và phải bị thay đổi, nhưng cảm-giác sướng, khổ, hay không khổ không sướng mà người đó nếm trải tùy thuộc vào sáu cơ-sở bên trong đó là thường hằng, trường tồn, bất diệt, không bị thay đổi’?” “Không, thưa thầy. Vì sao vậy? Bởi vì, thưa thầy, mỗi cảm-giác khởi sinh tùy thuộc vào điều-kiện (duyên) tương ứng của nó,1320 và khi chấm dứt điều-kiện tương ứng của nó, thì cảm-giác đó chấm dứt.” “Tốt, tốt, này các ni! Đó chính là cách một đệ tử thánh thiện nhìn thấy điều này đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng.

10. “Này các ni, ví dụ một cây to đang đứng có gỗ lõi bên trong: rễ của nó là vô thường và phải bị thay đổi, thân nó là vô thường và phải bị thay đổi, cành lá của nó là vô thường và phải bị thay đổi, và bóng mát của nó là vô thường và phải bị thay đổi. Giờ nếu ai nói một cách đúng đắn mà có thể nói như vầy hay không: ‘Rễ, thân, cành, lá của

cây to này đang đứng có gỗ lõi bên trong là vô thường và phải bị thay đổi, nhưng bóng của nó là thường hằng, trường tồn, bất diệt, không bị thay đổi'?" "Không, thưa thầy. Vì sao vậy? Bởi vì, thưa thầy, rễ, thân, cành, lá của cây to này đang đứng có gỗ lõi bên trong là vô thường và phải bị thay đổi, thì bóng mát của nó cũng phải là vô thường và phải bị thay đổi." "Tương tự như vậy, này các ni, nếu ai nói một cách đúng đắn mà có thể nói như vầy hay không: 'Sáu cơ-sở bên ngoài là vô thường và phải bị thay đổi, nhưng cảm-giác sướng, khổ, hay không khổ không sướng mà một người nếm trải tùy thuộc vào sáu cơ-sở bên ngoài là thường hằng, trường tồn, bất diệt, không bị thay đổi'?" "Không, thưa thầy. Vì sao vậy? Bởi vì, thưa thầy, mỗi cảm-giác khởi sinh tùy thuộc vào điều-kiện (duyên) tương ứng của nó, và khi chấm dứt điều-kiện tương ứng của nó, thì cảm-giác đó chấm dứt." "Tốt, tốt, này các ni! Đó chính là cách một đệ tử thánh thiện nhìn thấy điều này đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng.

11. "Này các ni, ví dụ một người bán thịt rành nghề [hay người phụ việc của ông ta] giết một con bò và cắt lạng nó bằng con dao sắc bén của người hàng thịt. Không cắt phạm vào phần thịt trong và không cắt phạm phần da bên ngoài, ông ta cắt, rọc, và lạng hết những sớ gân trong, những sợi gân, và những dây chằng bằng con dao sắc bén của người hàng thịt. Rồi, sau khi đã cắt, rọc, và lạng hết những chỗ đó, ông lột nguyên bộ da ra, và sau đó bọc lại bằng bộ da đó. Nếu ai nói một cách đúng đắn mà có thể nói như vầy hay không: 'Con bò này được liền lại với bộ da giống như trước đó'?" "Không, thưa thầy. Vì sao vậy? Bởi vì, thưa thầy, nếu người bán thịt đó đã giết một con bò … đã cắt, rọc, và lạng hết những chỗ đó, thì cho dù ông ta có bọc lại con bò bằng chính bộ da đó và nói: 'Con bò này được liền lại với bộ da giống như trước đó', thì con bò đó vẫn bị lìa khỏi bộ da đó rồi."

12. "Này các ni, tôi đã đưa ra ví dụ này để chuyển tải một ý nghĩa. Đây là ý nghĩa: 'Phần thịt trong' chữ để chỉ sáu sơ-sở bên trong (sáu nội xứ). 'Phần da bên ngoài' là chữ để chỉ sáu cơ-sở bên ngoài (sáu ngoại xứ). 'Những sớ gân trong, những sợi gân, và những dây chằng" là chữ để chỉ khoái-lạc và tham-dục. 'Con dao sắc bén của người hàng thịt' là chữ để chỉ trí-tuệ thánh thiện—trí-tuệ thánh thiện sẽ cắt, rọc, và lạng hết những ô-nhiễm ở bên trong (lậu hoặc), những gông-cùm (kiết sử), và những trói- buộc.

13. "Này các ni, có bảy chi giác-ngộ (thất giác chi)1321 mà thông qua sự tu tập và tu dưỡng chúng, một Tỳ kheo sẽ có khả năng, bằng sự tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của-tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận). Bảy đó là gì? Này các ni, ở đây, một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm (niệm), [sự tu tập đó] dựa trên sự sống tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dẫn chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Người đó tu tập chi giác-ngộ là sự điều-tra những

trạng thái (trạch pháp) … chi giác-ngộ là sự nỗ-lực (tinh tấn) … chi giác- ngộ là sự hoan-hỷ (hỷ) … chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng (khinh an) … chi giác-ngộ là sự định-tâm

(định) … chi giác-ngộ là sự buông-xả (xả), [sự tu tập đó] dựa trên sự sống tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. “Đây là bảy chi giác-ngộ mà thông qua sự tu tập và tu dưỡng chúng, một Tỳ kheo một Tỳ kheo sẽ có khả năng, bằng sự tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này và chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của-tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm.”

14. Sau khi thầy Nandaka đã khuyên dạy các Tỳ kheo ni, thầy giải tán họ, và nói: “Này các ni, hãy đi, đến lúc rồi.” Rồi những Tỳ kheo ni, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời khuyên dạy của thầy Nandaka, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ thầy, giữ thầy ở hướng bên phải mình và đi ra. Rồi họ đến chỗ đức Thế Tôn, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, họ đứng qua một bên. Đức Thế Tôn nói với các ni: “Này các ni, hãy đi, đến lúc rồi.” Rồi những Tỳ kheo ni, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình và ra về.

15. Không lâu sau khi những Tỳ kheo ni đã đi, đức Thế Tôn mới nói với những Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo, giống như vào ngày mười bốn lễ Bố-tát người ta không còn nghi ngờ hay băn khoăn liệu trăng bữa nay là chưa viên tròn hay đã viên tròn, bởi vì lúc này (mười bốn) trăng rõ ràng là chưa viên tròn; cũng giống như vậy, các Tỳ kheo ni đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của thầy Nandaka về Giáo Pháp, nhưng ý-định (tư duy) của họ vẫn chưa được viên mãn.”

16.–26. Rồi đức Thế Tôn mới nói với thầy Nandaka: “Vậy thì, này Nandaka, ngày mai thầy nên khuyên dạy những Tỳ kheo đó cũng đúng theo cách như vậy.”

17. “Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Nandaka đáp lại. Rồi, sáng hôm sau, thầy Nandaka mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa … [lặp lại y hệt như mục

4–14 ở trên:] … Rồi những Tỳ kheo ni, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình và ra về.

27. Không lâu sau khi những Tỳ kheo ni đã đi, đức Thế Tôn mới nói với những Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo, giống như vào ngày mười lăm lễ Bố-tát người ta không còn nghi ngờ hay băn khoăn liệu trăng bữa nay là chưa viên tròn hay đã viên tròn, bởi vì lúc này (ngày rằm) trăng rõ ràng là đã viên tròn; cũng giống như vậy, các Tỳ kheo ni đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của thầy Nandaka về Giáo Pháp, và ý-định (tư duy) của họ đã được viên mãn.” “Này các Tỳ kheo, ngay cả người chậm tiến nhất trong số năm trăm Tỳ kheo đó cũng đã thành bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trong cảnh đày đọa thống khổ, hướng tới [sự giải-thoát], với sự giác-ngộ là đích đến của họ.”1322 Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

147. TIỂU KINH LỜI KHUYÊN DẠY RĀHULA (Cūḷarāhulovāda Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc1323

2. Lúc đó, trong khi đức Thế Tôn đang thiền trú một mình, một ý nghĩ khởi lên trong tâm bậc ấy như vầy: "Những trạng thái (dẫn) chín muồi thành sự giải-thoát nay đã chín muồi trong Rāhula (La-hầu-la).1324 Vậy ta hãy dẫn dắt thầy ấy thêm bước nữa để đạt đến sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận)." Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī (Xá-vệ) để khất thực. Sau khi đã đi khất thực trong thành Sāvatthī, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn đã nói với thầy Rāhula như vầy: "Này Rāhula, hãy lấy theo tấm lót ngồi. Chúng ta hãy đến (chỗ được gọi là) Khu Vườn Người Mù để an trú qua ngày." "Dạ, thưa Thế Tôn", thầy Rāhula đáp lại, và sau khi lấy theo tấm lót chỗ ngồi, thầy ấy đi theo sát đức Thế Tôn. Bấy giờ, vào lúc đó có nhiều ngàn thiên thần cũng đang theo đức Thế Tôn, họ nghĩ rằng: "Hôm nay đức Thế Tôn sẽ dẫn dắt Ngài Rāhula thêm bước nữa để đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm."1325 Rồi đức Thế Tôn đi vô Khu Rừng Người Mù và ngồi xuống một gốc cây trên một chỗ ngồi chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Và thầy Rāhula kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới nói với thầy Rāhula:

3. "Này Rāhula, thầy nghĩ sao? Mắt là thường hằng hay vô thường?"— "Vô thường, thưa Thế Tôn"—"Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?"— "Khổ, thưa Thế Tôn"—"Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vầy: 'Đây là của-ta, đây là cái 'ta', đây là 'bản

ngã của ta', hay không?"— "Không, thưa Thế Tôn." "Này Rāhula, thầy nghĩ sao? Những hình-sắc … Thức-mắt … Sự tiếp- xúc mắt … Mọi thứ nằm trong cảm-giác (thọ), nhận-thức (tưởng), những sự tạo-tác cố ý (hành), và thức (thức) khởi sinh với thức-mắt là điều-kiện (duyên) là thường hằng hay vô thường?"1326—"Vô thường, thưa Thế Tôn"—"Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?"—"Khổ, thưa Thế Tôn"— "Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vầy: 'Đây là của-ta, đây là cái 'ta', đây là 'bản ngã của ta', hay không?"— "Không, thưa Thế Tôn.

4. –8. "Này Rāhula, thầy nghĩ sao? Tai là thường hằng hay vô thường? … Mũi là thường hằng hay vô thường? … Lưỡi là thường hằng hay vô thường? … Thân là thường hằng hay vô thường? … Tâm là thường hằng hay vô thường? … Những đối-tượng của tâm … Thức-tâm … Sự tiếp-xúc tâm … Mọi thứ nằm trong cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức khởi sinh với thức-mắt là điều-kiện là thường hằng hay vô thường?"—"Vô thường, thưa Thế Tôn"—"Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?"—"Khổ, thưa Thế Tôn"—"Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vầy: 'Đây là của-ta, đây là cái 'ta', đây là 'bản ngã của ta', hay không?"— "Không, thưa Thế Tôn.

9. "Sau khi nhìn thấy như vậy, này Rāhula, một đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trở nên tỉnh ngộ [không còn mê đắm] với mắt, tỉnh ngộ với những hình-sắc, tỉnh ngộ với thức-mắt, tỉnh ngộ với sự tiếp-xúc mắt, và tỉnh ngộ với mọi thứ nằm trong cảm-giác,

nhận-thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức khởi sinh với thức-mắt là điều-kiện. “Người đó trở nên tỉnh ngộ với tai … mũi … lưỡi … thân … tâm, tỉnh ngộ với những đối-tượng của tâm, tỉnh ngộ với thức-tâm, tỉnh ngộ với sự tiếp-xúc tâm, và tỉnh ngộ với mọi thứ nằm trong cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức khởi sinh với thức-tâm là điều-kiện.

10. “Sau khi đã tỉnh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ [tâm người đó] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát, có sự-

biết: ‘Nó được giải-thoát.’ Người đó hiểu: ‘Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Rāhula đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn. Bấy giờ, trong khi bài thuyết giảng này đang được nói, thông qua sự không còn dính-chấp (diệt thủ) tâm của thầy Rāhu- la đã được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm. Và trong mấy trăm thiên thần đó đã khởi sinh tầm-nhìn (sự thấy) không còn dính bụi dính vết về Giáo Pháp như vầy: “Mọi thứ có sinh thì có diệt.”1327

148. KINH SÁU BỘ SÁU (Chahakka Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy Giáo Pháp tốt ở đầu, tốt ở giữa, và tốt ở cuối, với ý nghĩ và câu chữ đúng đắn; ta sẽ cho thấy (công khai) một đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết,1328 đó là, sáu cặp sáu. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(Tóm lược)

3. “Sáu cơ-sở bên trong (sáu nội xứ) nên được hiểu. Sáu cơ-sở bên ngoài (sáu ngoại xứ) nên được hiểu. Sáu loại thức (sáu thức) nên được hiểu. Sáu loại tiếp-xúc (sáu xúc) nên được hiểu. Sáu loại cảm-giác (sáu thọ) nên được hiểu. Sáu loại dục-vọng (sáu ái) nên được hiểu.

(Liệt kê)

4. (1) “‘Sáu cơ-sở bên trong (sáu nội xứ) nên được hiểu.’ Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy? Có cơ- sở mắt, cơ-sở tai, cơ-sở mũi, cơ-sở lưỡi, cơ-sở thân, và cơ-sở tâm (nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, tâm xứ). Do chiếu theo điều này nên đã nói: ‘Sáu cơ-sở bên trong nên được hiểu.’ Đây là bộ sáu thứ nhất.

5. (2) “‘Sáu cơ-sở bên ngoài (sáu ngoại xứ) nên được hiểu.’ Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy? Có cơ-sở hình-sắc, cơ-sở âm-thanh,

cơ-sở mùi-hương, cơ-sở mùi-vị, cơ-sở thứ hữu-hình chạm xúc, và cơ-sở đối-tượng của tâm (sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ). Do chiếu theo điều này nên đã nói:

'Sáu cơ-sở bên ngoài nên được hiểu.' Đây là bộ sáu thứ hai.

6. (3) "'Sáu loại thức (sáu thức) nên được hiểu.' Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy? Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc, thức-mắt khởi sinh; tùy thuộc vào tai và những âm-thanh, thức-tai khởi sinh; tùy thuộc vào mũi và những mùi-hương, thức-mũi khởi sinh; tùy thuộc vào những mùi-vị và lưỡi, thức-lưỡi khởi sinh; tùy thuộc vào thân và những thứ hữu-hình chạm xúc, thức-thân khởi sinh; tùy thuộc vào tâm và những đối-tượng của tâm, thức-tâm khởi sinh. Do chiếu theo điều này nên đã nói: 'Sáu loại thức nên được hiểu.' Đây là bộ sáu thứ ba.

7. (4) "'Sáu loại tiếp-xúc (sáu xúc) nên được hiểu.' Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy? Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc, thức-mắt khởi sinh; sự gặp nhau của ba thứ này là sự tiếp-xúc (xúc). Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh, thức-tai khởi sinh; sự gặp nhau của ba thứ này là sự tiếp-xúc. Tùy thuộc vào mũi và những mùi-hương, thức-mũi khởi sinh; sự gặp nhau của ba thứ này là sự tiếp-xúc. Tùy thuộc vào những mùi-vị và lưỡi, thức-lưỡi khởi sinh; sự gặp nhau của ba thứ này là sự tiếp-xúc. Tùy thuộc vào thân và những thứ hữu-hình chạm xúc, thức-thân khởi sinh; sự gặp nhau của ba thứ này là sự tiếp-xúc. Tùy thuộc vào tâm và những đối-tượng của tâm, thức-tâm khởi sinh; sự gặp nhau của ba thứ này là sự tiếp-xúc. Do chiếu theo điều này nên đã nói: 'Sáu loại tiếp-xúc nên được hiểu.' Đây là bộ sáu thứ tư.

8. (5) "'Sáu loại cảm-giác (sáu thọ) nên được hiểu.' Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy? Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc, thức-mắt khởi sinh; sự gặp nhau của ba thứ này là sự tiếp-xúc; với sự tiếp-xúc là điều-kiện (duyên) nên có cảm-giác (thọ). Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh, thức-tai khởi sinh; sự gặp nhau của ba thứ này là sự tiếp-xúc; với sự tiếp-xúc là điều-kiện nên có cảm-giác. Tùy thuộc vào mũi và những mùi-hương, thức-mũi khởi sinh; sự gặp nhau của ba thứ này là sự tiếp-xúc; với sự tiếp-xúc là điều-kiện nên

có cảm-giác. Tùy thuộc vào những mùi-vị và lưỡi, thức-lưỡi khởi sinh; sự gặp nhau của ba thứ này là sự tiếp-xúc; với sự tiếp-xúc là điều-kiện nên có cảm-giác. Tùy thuộc vào thân và những thứ hữu-hình chạm xúc, thức-thân khởi sinh; sự gặp nhau của ba thứ này là sự tiếp-xúc; với sự tiếp-xúc là điều-kiện nên có cảm-giác. Tùy thuộc vào tâm và những đối-tượng của tâm, thức-tâm khởi sinh; sự gặp nhau của ba thứ này là sự tiếp-xúc; với sự tiếp-xúc là điều-kiện nên có cảm-giác. Do chiếu theo điều này nên đã nói: 'Sáu loại cảm-giác nên được hiểu.' Đây là bộ sáu thứ năm.

9. (vi) "'Sáu loại dục-vọng (sáu ái) nên được hiểu.' Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy? Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc, thức-mắt khởi sinh; sự gặp nhau của ba thứ này là sự tiếp-xúc; với sự tiếp-xúc là điều-kiện (duyên) nên có cảm-giác; với cảm-giác là điều-kiện (duyên) nên có dục-vọng (ái).1329 Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh, thức-tai khởi sinh; sự gặp nhau của ba thứ này là sự tiếp-xúc; với sự tiếp-xúc là điều-kiện nên có cảm-giác; với cảm-giác là điều-kiện nên có dục-vọng. Tùy thuộc vào mũi và những mùi-hương, thức-mũi khởi sinh; sự gặp nhau của ba thứ này là sự tiếp-xúc; với sự tiếp- xúc là điều-kiện nên có cảm-giác; với cảm-giác là điều-kiện nên có dục- vọng. Tùy thuộc vào những mùi-vị và lưỡi, thức-lưỡi khởi sinh; sự gặp nhau của ba thứ này là sự tiếp-xúc; với sự tiếp-xúc là điều-kiện nên có cảm-giác; với cảm-giác là điều-kiện nên có dục-vọng. Tùy thuộc vào thân và những thứ hữu-hình chạm xúc, thức-thân khởi sinh; sự gặp nhau của ba thứ này là sự tiếp-xúc; với sự tiếp-xúc là điều-kiện nên có cảm-giác; với cảm-giác là điều-kiện nên có dục-vọng. Tùy thuộc vào tâm và những đối- tượng của tâm, thức-tâm khởi sinh; sự gặp nhau của ba thứ này là sự tiếp- xúc; với sự tiếp-xúc là điều-kiện nên có cảm-giác; với cảm-giác là điều- kiện nên có dục-vọng. Do chiếu theo điều này nên đã nói: 'Sáu loại dục- vọng nên được hiểu.' Đây là bộ sáu thứ sáu.

(Chứng minh sự vô-ngã)

10. (1) "Nếu ai nói: 'Mắt là bản ngã' (tự ngã), thì điều đó là không biện

hộ được.1330 Sự lên (sinh) và xuống (diệt) của mắt là được nhận thấy, và do sự lên và xuống của nó được nhận thấy, nên đành suy ra: 'Bản ngã của tôi lên và xuống.' Đó là lý do tại sao nếu ai nói 'Mắt là bản ngã' thì điều đó là không biện hộ được. Như vậy mắt đâu phải là bản ngã.1331 "Nếu ai nói: 'Những hình-sắc là bản ngã',1332 thì điều đó là không biện hộ được … Đó là lý do tại sao nếu ai nói 'Những hình-sắc là bản ngã' thì điều đó là không biện hộ được. "Nếu ai nói: 'Thức-mắt là bản ngã', thì điều đó là không biện hộ được … Đó là lý do tại sao nếu ai nói 'Thức-mắt là bản ngã' thì điều đó là không biện hộ được. "Nếu ai nói: 'Sự tiếp-xúc mắt là bản ngã', thì điều đó là không biện hộ được … Đó là lý do tại sao nếu ai nói 'Sự tiếp-xúc mắt là bản ngã' thì điều đó là không biện hộ được. "Nếu ai nói: 'Cảm-giác là bản ngã', thì điều đó là không biện hộ được … Đó là lý do tại sao nếu ai nói 'Cảm-giác là bản ngã' thì điều đó là không biện hộ được. "Nếu ai nói: 'Dục-vọng là bản ngã', thì điều đó là không biện hộ được … Đó là lý do tại sao nếu ai nói 'Dục-vọng là bản ngã' thì điều đó là không biện hộ được. - "Do vậy, mắt không phải là bản ngã, những hình-sắc không phải là bản ngã, sự tiếp-xúc mắt không phải là bản ngã, cảm-giác không phải là bản ngã, dục-vọng không phải là bản ngã.

11. (2) "Nếu ai nói: 'Tai là bản ngã', thì điều đó là không biện hộ được. Sự lên và xuống của tai là được nhận thấy, và do sự lên và xuống của nó được nhận thấy, nên đành suy ra: 'Bản ngã của tôi lên và xuống.' Đó là lý do tại sao nếu ai nói 'Tai là bản ngã' thì điều đó là không biện hộ được. Như vậy tai đâu phải là bản ngã. "Nếu ai nói: 'Những âm-thanh là bản ngã' … 'Thức-tai là bản ngã' … 'Sự tiếp-xúc tai là bản ngã' … 'Cảm-giác

là bản ngã’ … ‘Dục-vọng là bản

ngã’ … Đó là lý do tại sao nếu ai nói ‘Dục-vọng là bản ngã’ thì điều đó là không biện hộ được. Như vậy dục-vọng đâu phải là bản ngã.

12. (3) “Nếu ai nói: ‘Mũi là bản ngã’, thì điều đó là không biện hộ được. Sự lên và xuống của mũi là được nhận thấy, và do sự lên và xuống của nó được nhận thấy, nên đành suy ra: ‘Bản ngã của tôi lên và xuống.’ Đó là lý do tại sao nếu ai nói ‘Mũi là bản ngã’ thì điều đó là không biện hộ được. Như vậy mũi đâu phải là bản ngã. “Nếu ai nói: ‘Những mùi-hương là bản ngã’ … ‘Thức-mũi là bản ngã’ … ‘Sự tiếp-xúc mũi là bản ngã’ … ‘Cảm-giác là bản ngã’ … ‘Dục-vọng là bản ngã’ … Đó là lý do tại sao nếu ai nói ‘Dục-vọng là bản ngã’ thì điều đó là không biện hộ được. Như vậy dục-vọng đâu phải là bản ngã.

13. (4) “Nếu ai nói: ‘Lưỡi là bản ngã’, thì điều đó là không biện hộ được. Sự lên và xuống của lưỡi là được nhận thấy, và do sự lên và xuống của nó được nhận thấy, nên đành suy ra: ‘Bản ngã của tôi lên và xuống.’ Đó là lý do tại sao nếu ai nói ‘Lưỡi là bản ngã’ thì điều đó là không biện hộ được. Như vậy lưỡi đâu phải là bản ngã. “Nếu ai nói: ‘Những mùi-vị là bản ngã’ … ‘Thức-lưỡi là bản ngã’ … ‘Sự tiếp-xúc lưỡi là bản ngã’ … ‘Cảm-giác là bản ngã’ … ‘Dục-vọng là bản ngã’ … Đó là lý do tại sao nếu ai nói ‘Dục-vọng là bản ngã’ thì điều đó là không biện hộ được. Như vậy dục-vọng đâu phải là bản ngã.

14. (5) “Nếu ai nói: ‘Thân là bản ngã’, thì điều đó là không biện hộ được. Sự lên và xuống của thân là được nhận thấy, và do sự lên và xuống của nó được nhận thấy, nên đành suy ra: ‘Bản ngã của tôi lên và xuống.’ Đó là lý do tại sao nếu ai nói ‘Thân là bản ngã’ thì điều đó là không biện hộ được. Như vậy thân đâu phải là bản ngã. “Nếu ai nói: ‘Những thứ hữu-hình chạm xúc là bản ngã’ … ‘Thức-thân là bản ngã’ … ‘Sự tiếp-xúc thân là bản ngã’ … ‘Cảm-giác là bản ngã’ … ‘Dục-vọng là bản ngã’ … Đó là lý do tại sao nếu ai nói ‘Dục-vọng là bản ngã’ thì điều đó là không biện hộ được. Như vậy dục-vọng đâu phải là bản

ngã.

15. (6) “Nếu ai nói: ‘Tâm là bản ngã’, thì điều đó là không biện hộ được. Sự lên và xuống của tâm là được nhận thấy, và do sự lên và xuống của nó được nhận thấy, nên đành suy ra: ‘Bản ngã của tôi lên và xuống.’ Đó là lý do tại sao nếu ai nói ‘Tâm là bản ngã’ thì điều đó là không biện hộ được. Như vậy tâm đâu phải là bản ngã. “Nếu ai nói: ‘Những đối-tượng của tâm là bản ngã’ … ‘Thức-tâm là bản ngã’ … ‘Sự tiếp-xúc tâm là bản ngã’ … ‘Cảm-giác là bản ngã’ … ‘Dục-vọng là bản ngã’ … Đó là lý do tại sao nếu ai nói ‘Dục-vọng là bản ngã’ thì điều đó là không biện hộ được. Như vậy dục-vọng đâu phải là bản ngã.

(Sự khởi sinh danh-tính)

16. “Bây giờ, này các Tỳ kheo, đây là đường lối dẫn tới sự khởi sinh [cách-nhìn có] danh-tính (thân kiến).1333 (1) Một người coi mắt như vầy: ‘Đây là của-ta, đây là cái ‘ta’,

đây là ‘bản ngã của ta’. Một người coi những hình-sắc như vầy: … Một người coi thức-mắt như vầy: … Một người coi sự tiếp-xúc mắt như vầy: … Một người coi cảm-giác như vầy: … Một người coi dục-vọng như vầy: ‘Đây là của-ta, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’.

17. –21. (2)–(6) “Một người coi tai như vầy: ‘Đây là của-ta, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’ … Một người coi mũi như vầy: ‘Đây là của- ta, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’ … Một người coi lưỡi như vầy: ‘Đây là của-ta, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’ … Một người coi thân như vầy: ‘Đây là của-ta, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’ … Một người coi tâm như vầy: ‘Đây là của-ta, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’. Một người coi những đối-tượng của tâm như vầy: … Một người coi thức-tâm như vầy: … Một người coi sự tiếp-xúc tâm như vầy: … Một người coi cảm-giác như vầy: … Một người coi dục-vọng như vầy: ‘Đây là của-ta, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’.

(Sự chấm dứt danh-tính)

22. “Bây giờ, này các Tỳ kheo, đây là đường lối dẫn tới sự chấm dứt [cách-nhìn có] danh-tính (thân kiến).1334 (1) Một người coi mắt như vầy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’. Một người coi những hình-sắc như vầy: … Một người coi thức-mắt như vầy: … Một người coi sự tiếp-xúc mắt như vầy: … Một người coi cảm-giác như vầy: … Một người coi dục-vọng như vầy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’.

23. –27. (2)–(6) “Một người coi tai như vầy: ‘Đây không phải không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’ … Người đó coi mũi như vầy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’ … Người đó coi lưỡi như vầy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’ … Người đó coi thân như vầy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’ … Người đó coi tâm như vầy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’. Người đó coi những đối-tượng của tâm như vầy: … Người đó coi thức-tâm như vầy: … Người đó coi sự tiếp-xúc tâm như vầy: … Người đó coi cảm-giác như vầy: … Người đó coi dục-vọng như vầy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’.

(Những khuynh-hướng tiềm ẩn)

28. (1) “Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc,1335 thức-mắt khởi sinh; sự gặp nhau của ba thứ này là sự tiếp-xúc; với sự tiếp- xúc là điều-kiện (duyên) nên khởi sinh [một cảm-giác] được cảm nhận là sướng hay khổ hay không khổ không sướng. Khi một người được tiếp xúc bởi một cảm-giác sướng, nếu người đó thích thú nó, chào đón nó, và nắm giữ nó, thì khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham (tùy miên tham) sẽ nằm bên trong người đó. Khi một người bị được tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ,

nếu người đó buồn sầu, ưu phiền và ai oán, khóc than đấm ngực và trở nên quẩn trí, thì khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sân (tùy miên sân) sẽ nằm bên trong người đó. Khi một người được tiếp xúc bởi một cảm-giác không khổ không sướng, nếu người đó không hiểu sự khởi sinh, sự biến mất, sự thỏa- thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] cảm-giác đó, đúng như nó thực là, thì khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra si (tùy miên si) sẽ nằm bên trong người đó. Này các Tỳ kheo, nếu nói rằng: một người ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ] làm nên sự diệt-khổ không cần trừ bỏ khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham đối với cảm-giác sướng (lạc thọ), không cần trừ bỏ khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sân đối với cảm-giác khổ (khổ thọ), không cần trừ bỏ khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra si (sự ngu- mờ) đối với cảm-giác không khổ không sướng (vô ký thọ), không trừ bỏ si (sự vô-minh) và không phát khởi trí-biết đích thực (minh, chân trí)1336— điều đó là không thể được.

29. –33. (2)–(6) Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh, thức-tai khởi sinh … Tùy thuộc vào mũi và những mùi-hương, thức-mũi khởi sinh … Tùy thuộc vào những mùi-vị và lưỡi, thức-lưỡi khởi sinh … Tùy thuộc vào thân và những thứ hữu-hình chạm xúc, thức-thân khởi sinh … Tùy thuộc vào tâm và những đối-tượng của tâm, thức-tâm khởi sinh; sự gặp nhau của ba thứ này là sự tiếp-xúc; với sự tiếp-xúc là điều-kiện (duyên) nên khởi sinh [một cảm-giác] được cảm nhận là sướng hay khổ hay không khổ không sướng … Này các Tỳ kheo, nếu nói rằng: một người ngay trong kiếp này làm nên sự diệt-khổ không cần trừ bỏ khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham đối với cảm-giác sướng (lạc thọ) … không trừ bỏ si (sự vô-minh) và không phát khởi trí-biết đích thực (minh, chân trí)—điều đó là không thể được.

(Trừ bỏ những khuynh-hướng tiềm ẩn)

34. (1) “Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc, thức- mắt khởi sinh; sự gặp nhau của ba thứ này là sự tiếp-xúc; với sự tiếp-xúc là điều-kiện (duyên) nên khởi sinh [một cảm-giác] được cảm nhận là

sướng hay khổ hay không khổ không sướng. Khi một người được tiếp xúc bởi một cảm-giác sướng, nếu người đó không thích thú nó, không chào đón nó, và không nắm giữ nó, thì khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham (tùy miên tham) không nằm bên trong người đó. Khi một người bị được tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ, nếu người đó không buồn sầu, ưu phiền và ai oán, không khóc than đấm ngực và không bị quẩn trí, thì khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sân (tùy miên sân) không nằm bên trong người đó. Khi một người được tiếp xúc bởi một cảm-giác không khổ không sướng, nếu người đó hiểu sự khởi sinh, sự biến mất, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát- khỏi đối với [trong trường hợp] cảm-giác đó, đúng như nó thực là, thì khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra si (tùy miên si) không nằm bên trong người đó. Này các Tỳ kheo, nếu nói rằng: một người ngay trong kiếp này làm nên sự diệt-khổ bằng cách trừ bỏ khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham đối với cảm-giác sướng (lạc thọ), bằng cách loại bỏ khuynh-hướng tiềm ẩn tạo

ra sân đối với cảm-giác khổ (khổ thọ), bằng cách bứng bỏ khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra si (ngu-mờ) đối với cảm-giác không khổ không sướng (vô ký thọ), bằng cách trừ bỏ si (vô-minh) và phát khởi trí-biết đích thực (minh, chân trí)—điều đó là có thể được.

35. –39. (2)–(6) Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh, thức-tai khởi sinh … Tùy thuộc vào mũi và những mùi-hương, thức-mũi khởi sinh … Tùy thuộc vào những mùi-vị và lưỡi, thức-lưỡi khởi sinh … Tùy thuộc vào thân và những thứ hữu-hình chạm xúc, thức-thân khởi sinh … Tùy thuộc vào tâm và những đối-tượng của tâm, thức-tâm khởi sinh; sự gặp nhau của ba thứ này là sự tiếp-xúc; với sự tiếp-xúc là điều-kiện (duyên) nên khởi sinh [một cảm-giác] được cảm nhận là sướng hay khổ hay không khổ không sướng … Này các Tỳ kheo, nếu nói rằng: một người ngay trong kiếp này làm nên sự diệt-khổ bằng cách trừ bỏ khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham đối với cảm-giác sướng (lạc thọ) … bằng cách trừ bỏ si (vô-minh) và phát khởi trí-biết đích thực (minh, chân trí)—điều đó là có thể được.

(Sự giải-thoát)

40. “Sau khi nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, một đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trở nên tỉnh ngộ [không còn mê đắm] với mắt, tỉnh ngộ với những hình-sắc, tỉnh ngộ với thức-mắt, tỉnh ngộ với sự tiếp-xúc mắt, tỉnh ngộ với cảm-giác, tỉnh ngộ với dục-vọng.

41. “Người đó trở nên tỉnh ngộ với tai … mũi … lưỡi … thân … tâm, , một đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trở nên tỉnh ngộ [không còn mê đắm] với tâm, tỉnh ngộ với những đối-tượng của tâm, tỉnh ngộ với thức- tâm, tỉnh ngộ với sự tiếp-xúc tâm, tỉnh ngộ với cảm-giác, tỉnh ngộ với dục-vọng.

42. “Sau khi đã tỉnh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ [tâm người đó] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát, có sự- biết: ‘Nó được giải-thoát.’ Người đó hiểu: ‘Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn. Bấy giờ, trong khi bài thuyết giảng này đang được nói, thông qua sự không còn dính-chấp (diệt thủ) tâm của sáu mươi Tỳ kheo đã được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm.1337

149. ĐẠI KINH SÁU CƠ-SỞ (Mahāsaḷāyatanika Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy bài thuyết giảng lớn (đại kinh) về sáu cơ-sở (sáu xứ). Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

3. (I) “Này các Tỳ kheo, khi một người không biết và không thấy mắt đúng như nó thực là,1338 khi một người không biết và không thấy những hình-sắc đúng như chúng thực là, khi một người không biết và không thấy thức-mắt đúng như nó thực là, khi một người không biết và không thấy tiếp-xúc mắt đúng như nó thực là, khi một người không biết và không thấy [cảm-giác] được cảm nhận là sướng hay khổ hay không khổ không sướng khởi sinh với tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên) đúng như nó thực là, thì người đó bị đốt cháy bởi tham-dục đối với mắt, đối với những hình-sắc, đối với thức-mắt, đối với tiếp-xúc mắt, đối với [cảm-giác] được cảm nhận là sướng hay khổ hay không khổ không sướng khởi sinh với tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên). “Khi người đó sống bị đốt cháy bởi tham-dục, bị gông cùm, bị say mê, nghiền ngẫm sự thỏa-thích, thì năm uẩn bị [tác động bởi sự] dính-chấp (năm thủ uẩn) được tạo dựng cho chính mình trong tương lai;1339 và dục- vọng của người đó—(là nguyên nhân) đưa đến sự tái hiện-hữu, được đi kèm bởi khoái-lạc và tham-dục, và thích thú cái này và cái nọ—sẽ gia tăng. Những phiền khổ về thân và về tâm của người đó gia tăng, những sự hành hạ về thân và về tâm của người đó gia tăng, những sốt não về thân và về tâm của người đó gia tăng, và người đó nếm trải sự khổ thân và khổ

tâm.

4. –8. “Khi một người không biết và không thấy tai đúng như nó thực là … Khi một người không biết và không thấy mũi đúng như nó thực là … Khi một người không biết và không thấy lưỡi đúng như nó thực là … Khi một người không biết và không thấy thân đúng như nó thực là … Khi một người không biết và không thấy tâm đúng như nó thực là … và người đó nếm trải sự khổ thân và khổ tâm.

9. (II) (1) “Này các Tỳ kheo, khi một người biết và thấy mắt đúng như nó thực là,1340 khi một người biết và thấy những hình-sắc đúng như chúng thực là, khi một người biết và thấy thức-mắt đúng như nó thực là, khi một người biết và thấy sự tiếp-xúc mắt đúng như nó thực là, khi một người biết và thấy [cảm-giác] được cảm nhận là sướng hay khổ hay không khổ không sướng khởi sinh với tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên) đúng như nó thực là, thì người đó không bị đốt cháy bởi tham-dục đối với mắt, đối với những hình-sắc, đối với thức-mắt, đối với tiếp-xúc mắt, đối với [cảm-giác] được cảm nhận là sướng hay khổ hay không khổ không sướng khởi sinh với tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên). “Khi người đó sống không bị đốt cháy bởi tham-dục, không bị gông cùm, không bị say mê, không nghiền ngẫm sự thỏa-thích, thì năm uẩn bị dính-chấp (năm thủ uẩn) sẽ tiêu giảm cho chính mình trong tương lai; và dục-vọng của người đó—(là nguyên nhân) đưa đến sự tái hiện-hữu, được đi kèm bởi khoái-lạc và tham-dục, và thích thú cái này và cái nọ—sẽ được trừ bỏ. Những phiền khổ về thân và về tâm của người đó được trừ bỏ, những sự hành hạ về thân và về tâm của người đó được trừ bỏ, những sốt não về thân và về tâm của người đó được trừ bỏ, và người đó nếm trải sự sướng (lạc) thân và sướng tâm.

10. “Cách-nhìn (sự-thấy, tầm-nhìn) của một người như vậy là cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Ý-định của người đó là ý-định đúng đắn (chánh tư duy), sự nỗ-lực của người đó là sự nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh tấn), sự tâm-niệm của người đó là sự tâm-niệm đúng đắn (chánh niệm), sự định-

tâm của người đó là sự định-tâm đúng đắn (chánh định). Nhưng phần nghiệp hành-động, lời-nói, sự mưu-sinh của người đó trước đây đã được thanh lọc tốt (chánh nghiệp, chánh ngữ, chánh mạng).1341 Như vậy Bát Thánh Đạo này sẽ đi tới sự hoàn thiện trong người đó nhờ sự tu-tập. Khi người đó tu tập Bát Thánh Đạo này, thì bốn nền tảng chánh-niệm (Tứ niệm xứ) cũng đi đến sự hoàn thiện trong người đó nhờ sự tu-tập; bốn loại sự chuyên-cần tu đúng đắn (Tứ chánh cần) cũng đi đến sự hoàn thiện trong người đó nhờ sự tu-tập; bốn cơ-sở (tạo ra) thần-thông (Tứ thần túc) cũng đi đến sự hoàn thiện trong người đó nhờ sự tu-tập; năm căn (Ngũ căn) cũng đi đến sự hoàn thiện trong người đó nhờ sự tu-tập; năm năng- lực (Ngũ lực) cũng đi đến sự hoàn thiện trong người đó nhờ sự tu-tập; bảy chi giác-ngộ (Thất giác chi) cũng đi đến sự hoàn thiện trong người đó nhờ sự tu-tập. Hai thứ này—sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (tuệ)—xảy ra trong người đó một cách cân đối với nhau.1342 (i) Người đó hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) bằng sự biết trực-tiếp những điều nên được hoàn-toàn hiểu bằng sự biết trực-tiếp. (ii) Người đó trừ bỏ bằng sự biết trực-tiếp những điều nên được trừ bỏ bằng sự biết trực-tiếp. (iii) Người đó tu tập bằng sự biết trực-tiếp những điều nên được tu tập bằng sự biết trực-tiếp. (iv) Người đó chứng ngộ bằng sự biết trực-tiếp những điều nên được chứng ngộ bằng sự biết trực-tiếp.1343

11. (i) “Và cái gì là những điều nên được hoàn-toàn hiểu bằng sự biết trực-tiếp? Câu trả lời là: năm uẩn bị dính-chấp (năm thủ uẩn), đó là: uẩn thân-sắc bị dính-chấp, uẩn cảm-giác bị dính-chấp, uẩn nhận-thức bị dính- chấp, uẩn những sự tạo-tác cố ý bị dính-chấp, uẩn thức bị dính-chấp. Đây là những điều nên được hoàn-toàn hiểu bằng sự biết trực-tiếp. (ii) “Và cái gì là những điều nên được trừ bỏ bằng sự biết trực-tiếp? Sự vô-minh và dục-vọng muốn được hiện hữu (hữu ái). Đây là những điều nên được trừ bỏ bằng sự biết trực-tiếp. (iii) “Và cái gì là những điều nên được tu tập bằng sự biết trực-tiếp? Sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (tuệ).1344 Đây là những điều nên được tu

tập bằng sự biết trực-tiếp. (iv) “Và cái gì là những điều nên được chứng ngộ bằng sự biết trực- tiếp? Trí-biết đích thực (chân trí, minh) và sự giải-thoát.1345 Đây là những điều nên được chứng ngộ bằng sự biết trực-tiếp.

12.–14. (2) “Khi một người biết và thấy tai đúng như nó thực là … Đây là những điều nên được chứng ngộ bằng sự biết trực-tiếp.1346

15.–17. (3) “Khi một người biết và thấy mũi đúng như nó thực là … Đây là những điều nên được chứng ngộ bằng sự biết trực-tiếp.

18.–20. (4) “Khi một người biết và thấy lưỡi đúng như nó thực là … Đây là những điều nên được chứng ngộ bằng sự biết trực-tiếp.

21.–23. (5) “Khi một người biết và thấy thân đúng như nó thực là … Đây là những điều nên được chứng ngộ bằng sự biết trực-tiếp.

24.–26. (6) “Khi một người biết và thấy tâm đúng như nó thực là … Đây là những điều nên được chứng ngộ bằng sự biết trực-tiếp. Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

150. KINH NÓI CHO DÂN LÀNG NAGARAVINDA (Nagaravindeyya Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành ở xứ Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một Tăng Đoàn lớn những Tỳ kheo, và cuối cùng đã đến một khu làng của người Kosala có tên là làng Nagaravinda.

2. Những gia chủ bà-la-môn ở làng Nagaravinda đã nghe tin: “Sa-môn Cồ-Đàm, người con của dân tộc Thích-Ca đã xuất gia khỏi một họ tộc Thích-Ca, đang đi du hành trong nước Kosala cùng với Tăng đoàn nhiều Tỳ kheo và mới đến làng Nagaravinda. Tin tốt lành về Thầy Cồ-đàm đang được lan truyền như vầy: ‘Đức Thế Tôn đó là bậc đã tu-thành [A-la-hán] và đã giác-ngộ toàn thiện [Toàn Giác] … [tiếp tục giống kinh MN 41, mục 2] … bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh là toàn thiện và tinh khiết.’ Giờ sẽ tốt lành để đi gặp những A-la-hán đó.”

3. Rồi những gia chủ bà-la-môn ở làng Nagaravinda đã đến gặp đức Thế Tôn. Một số kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên; một số chào hỏi qua lại, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên; một số chỉ đứng từ xa chấp tay kính chào về phía đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên; một số tự xưng tên và họ trước mặt đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên; một số chỉ im lặng và ngồi xuông một bên. Sau khi họ đã ngồi, đức Thế Tôn đã nói với họ:

4. (1) “Này các gia chủ, nếu những du sĩ giáo phái khác hỏi các vị như vầy: ‘Này các gia chủ, loại tu sĩ (sa-môn) và bà-la-môn nào không nên được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính?’ thì các vị nên trả lời họ rằng: ‘Những tu sĩ và bà-la-môn nào không loại bỏ tham, sân, si đối với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, tâm họ không được bình-an hướng nội, và giờ họ không hành vi một cách đúng đắn (chân chính) về thân, lời-nói, và tâm—những tu sĩ và bà-la-môn như vậy không nên được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính. Vì sao vậy? Bởi vì bản thân chúng tôi không loại bỏ tham, sân, si đối với những hình-sắc được nhận

biết bởi mắt, tâm chúng tôi không được bình-an hướng nội, và chúng tôi cũng hành vi có lúc đúng đắn, có lúc không đúng đắn về thân, lời-nói, và tâm. Chúng tôi không thấy những vị tu sĩ và bà-la-môn đó có được phần đức hạnh nào cao hơn của chúng tôi, vì vậy họ không nên được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính. “‘Những tu sĩ và bà-la-môn nào không loại bỏ tham, sân, si đối với những âm-thanh được nhận biết bởi tai … những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … những mùi-vị được nhận biết bởi

lưỡi … những thứ hữu- hình chạm xúc được nhận biết bởi thân … những đối-tượng của tâm được nhận biết bởi tâm, tâm họ không được bình-an hướng nội, và giờ họ không hành vi một cách đúng đắn về thân, lời-nói, và tâm—những tu sĩ và bà-la- môn như vậy không nên được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính. Vì sao vậy? Bởi vì bản thân chúng tôi không loại bỏ tham, sân, si đối với những âm-thanh được nhận biết bởi tai … tâm chúng tôi không được bình-an hướng nội, và chúng tôi cũng hành vi có lúc đúng đắn, có lúc không đúng đắn về thân, lời-nói, và tâm. Chúng tôi không thấy những vị tu sĩ và bà-la-môn đó có được phần đức hạnh nào cao hơn của chúng tôi, nên họ không nên được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính.' "Này các gia chủ, khi được hỏi như vậy, các vị nên trả lời những du sĩ giáo phái khác đó theo cách này.

5. (2) "Nhưng, này các gia chủ, nếu những du sĩ giáo phái khác hỏi các như vầy: 'Này các gia chủ, loại tu sĩ (sa-môn) và bà-la-môn nào nên được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính?' thì các vị nên trả lời họ rằng: 'Những tu sĩ và bà-la-môn nào đã loại bỏ tham, sân, si đối với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, tâm họ được bình-an hướng nội, và giờ họ hành vi một cách đúng đắn về thân, lời-nói, và tâm—những tu sĩ và bà- la-môn như vậy nên được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính. Vì sao vậy? Bởi vì bản thân chúng tôi không loại bỏ tham, sân, si đối với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, tâm chúng tôi không được bình- an hướng nội, và chúng tôi cũng hành vi có lúc đúng đắn, có lúc không

đúng đắn về thân, lời-nói, và tâm. Chúng tôi thấy những vị tu sĩ và bà-la- môn đó có được phần đức hạnh cao hơn của chúng tôi, vì vậy họ nên được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính. "Những tu sĩ và bà-la-môn nào đã loại bỏ tham, sân, si đối với những âm-thanh được nhận biết bởi tai … những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân … những đối-tượng của tâm được nhận biết bởi tâm, tâm họ được bình-an hướng nội, và giờ họ hành vi một cách đúng đắn về thân, lời-nói, và tâm—những tu sĩ và bà-la-môn như vậy nên được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính. Vì sao vậy? Bởi vì bản thân chúng tôi không loại bỏ tham, sân, si đối với những âm-thanh được nhận biết bởi tai … tâm chúng tôi không được bình-an hướng nội, và chúng tôi cũng hành vi có lúc đúng đắn, có lúc không đúng đắn về thân, lời-nói, và tâm. Chúng tôi thấy những vị tu sĩ và bà-la-môn đó có được phần đức hạnh cao hơn của chúng tôi, nên họ nên được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính.' "Này các gia chủ, khi được hỏi như vậy, các vị nên trả lời những du sĩ giáo phái khác đó theo cách này.

6. (3) "Này các gia chủ, nếu những du sĩ những giáo pháp khác hỏi các vị như vầy: 'Nhưng cái gì là những lý do và cái gì là bằng chứng về những [tu sĩ và bà-la-môn] đó để các vị nói về họ rằng: "Chắc chắn những vị đó đã loại bỏ tham hay đang tu tập để loại bỏ tham; họ đã loại bỏ sân hay đang tu tập để loại bỏ sân; họ đã loại bỏ si hay đang tu tập để loại bỏ si"?'—khi được hỏi như vậy, các vị nên trả lời những du sĩ đó như vầy: 'Chính vì những vị đó đã lui về những nơi trú ở trong rừng sâu xa xôi. Bởi vì ở đó không có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thuộc loại họ có thể nhìn ngắm và

thích thú. Ở đó không có những âm-thanh được nhận biết bởi tai thuộc loại họ có thể lắng nghe và thích thú. Ở đó không có những mùi-hương được nhận biết bởi mũi thuộc loại họ có thể ngửi và thích thú. Ở đó không có những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi thuộc loại

họ có thể nếm và thích thú. Ở đó không có những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân thuộc loại họ có thể đụng chạm và thích thú. Này các bạn, đây là những lý do và bằng chứng để chúng tôi nói về họ rằng: “Chắc chắn những vị đó đã loại bỏ tham, sân, si hoặc đang tu tập để loại chúng.”’ “Này các gia chủ, khi được hỏi như vậy, các vị nên trả lời những du sĩ giáo phái khác đó theo cách này.

7. Sau khi điều này được nói ra, những bà-la-môn ở làng Nagaravinda đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thầy Cồ-Đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như Thầy đã dựng đứng lại những thứ bị quăng ngã, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ đã lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những ai có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay chúng con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-Đàm và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Từ hôm nay kính mong Thầy Cồ-Đàm chấp nhận chúng con là những đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

151. KINH THANH LỌC THỨC ĂN KHẤT THỰC (Piṇḍapātapārisuddhi Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó, vào buổi cuối chiều, ngài Xá-lợi- phất ra khỏi chỗ thiền và đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, thầy ấy ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với thầy:

2. “Này Xá-lợi-phất, các căn của thầy trong sáng. Màu da của thầy trong sạch và sáng rỡ. Dạo này sự an trú nào thầy thường an trú trong đó?” “Thưa Thế Tôn, dạo này con thường an trú trong tánh-không [sự trốngkhông].”1347 “Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Đúng là dạo này thầy thường an trú trong sự an trú của một bậc vĩ nhân. Vì đây là sự an trú của bậc vĩ nhân, được gọi là, tánh-không.1348

3. [1] “Bởi vậy, này Xá-lợi-phất, nếu một Tỳ kheo ước nguyện: ‘Tôi ước mình bây giờ an trú trong tánh-không’, thì người đó nên xem xét như vầy: ‘Trên đường tôi đi vô làng để khất thực, hoặc ở nơi tôi đi khất thực, hoặc trên đường tôi trở về sau khi đi khất thực, trong tâm tôi có sự tham- muốn, hay nhục-dục, hay sân, hay si, hay sự ác-cảm nào đối với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, hay không?’1349 (A) Nếu, bằng cách quán xét lại như vậy, người đó biết như vầy: ‘Trên đường tôi đi vô làng để khất thực, hoặc ở nơi tôi đi khất thực, hoặc trên đường tôi trở về sau khi đi khất thực, trong tâm tôi có sự ham muốn, tham, sân, si, hoặc ác cảm đối với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt’, thì người đó nên tạo sự nỗ- lực (tinh tấn) để trừ bỏ những trạng thái xấu ác bất thiện đó. (B) Nhưng nếu, bằng cách quán xét lại như vậy, người đó biết như vầy: ‘Trên đường tôi đi vô làng để khất thực, và ở nơi tôi đi khất thực, và trên đường tôi trở về sau khi đi khất thực, trong tâm tôi không có sự tham-muốn, hay nhục-

dục, hay sân, hay si, hay sự ác-cảm nào đối với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt', thì người đó có thể an trú hạnh phúc và vui mừng, tu tập suốt ngày và đêm trong những trạng thái thiện lành.

4. –8. "Lại nữa, này Xá-lợi-phất, một Tỳ kheo nên xem xét như vầy: 'Trên đường tôi đi vô làng để khất thực, hoặc ở nơi tôi đi khất thực, hoặc trên đường tôi trở về sau khi đi khất thực, trong tâm tôi có sự ham muốn, tham, sân, si, hoặc ác cảm nào đối với những âm-thanh được nhận biết bởi tai, hay không? ... đối với những mùi-hương được nhận biết bởi mũi, hay không? ... đối với những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi, hay không? ... đối với những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân, hay không? ... đối với những đối-tượng của tâm được nhận biết bởi tâm, hay không?' (A) Nếu, bằng cách quán xét lại như vậy, người đó biết như vầy: 'Trên đường tôi đi vô làng để khất thực, hoặc ở nơi tôi đi khất thực, hoặc trên đường tôi trở về sau khi đi khất thực, trong tâm tôi có sự tham-muốn, hay nhục-dục, hay sân, hay si, hay sự ác-cảm đối với những đối-tượng của tâm được nhận biết bởi tâm', thì người đó nên tạo sự nỗ-lực (tinh tấn) để trừ bỏ những trạng thái xấu ác bất thiện đó. (B) Nhưng nếu, bằng cách quán xét lại như vậy, người đó biết như vầy: 'Trên đường tôi đi vô làng để khất thực, và ở nơi tôi đi khất thực, và trên đường tôi trở về sau khi đi khất thực, trong tâm tôi không có sự tham-muốn, hay nhục-dục, hay sân, hay si, hay sự ác-cảm nào đối với những đối-tượng của tâm được nhận biết bởi tâm', thì người đó có thể an trú hạnh phúc và vui mừng, tu tập suốt ngày và đêm trong những trạng thái thiện lành.

9. [2] "Lại nữa, này Xá-lợi-phất, một Tỳ kheo nên xem xét như vầy:1350 'Năm dây khoái-lạc giác quan (Ngũ dục lạc) có được dẹp bỏ trong tôi, hay không?' (A) Nếu, bằng sự quán xét lại, người đó biết như vầy: 'Năm dây khoái-lạc giác quan không được dẹp bỏ trong tôi', thì người đó nên tạo sự nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những trạng thái xấu ác bất thiện đó. (B) Nhưng nếu, bằng cách quán xét lại, người đó biết như vầy: 'Năm dây khoái-lạc giác quan được dẹp bỏ trong tôi', thì người đó có thể an trú hạnh phúc và vui mừng, tu tập suốt ngày và đêm trong những trạng thái thiện

lành.

10. [3] "Lại nữa, này Xá-lợi-phất, một Tỳ kheo nên xem xét như vầy: 'Năm chướng-ngại (Ngũ triền cái) có được dẹp bỏ trong tôi, hay không?' (A) Nếu, bằng sự quán xét lại, người đó biết như vầy: 'Năm chướng-ngại không được dẹp bỏ trong tôi', thì người đó nên tạo sự nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những trạng thái xấu ác bất thiện đó. (B) Nhưng nếu, bằng cách quán xét lại, người đó biết như vầy: 'Năm chướng-ngại được dẹp bỏ trong tôi', thì người đó có thể an trú hạnh phúc và vui mừng, tu tập suốt ngày và đêm trong những trạng thái thiện lành.

11. [4] "Lại nữa, này Xá-lợi-phất, một Tỳ kheo nên xem xét như vầy: 'Năm uẩn bị dính-chấp (Ngũ thủ uẩn) có được hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) trong tôi, hay không?' (A) Nếu, bằng sự quán xét lại, người đó biết như vầy: 'Năm uẩn bị dính-chấp không được

hoàn-toàn hiểu trong tôi', thì người đó nên tạo sự nỗ-lực (tinh tấn) để hoàn-toàn hiểu chúng. (B) Nhưng nếu, bằng cách quán xét lại, người đó biết như vầy: 'Năm uẩn bị dính- chấp được hoàn-toàn hiểu trong tôi', thì người đó có thể an trú hạnh phúc và vui mừng, tu tập suốt ngày và đêm trong những trạng thái thiện lành.

12. [5] "Lại nữa, này Xá-lợi-phất, một Tỳ kheo nên xem xét như vầy: 'Bốn nền tảng chánh-niệm (Tứ niệm xứ) có được tu tập trong tôi, hay không?' (A) Nếu, bằng sự quán xét lại, người đó biết như vầy: 'Bốn nền tảng chánh-niệm không được tu tập trong tôi', thì người đó nên tạo sự nỗ- lực (tinh tấn) để tu tập chúng. (B) Nhưng nếu, bằng cách quán xét lại, người đó biết như vầy: 'Bốn nền tảng chánh-niệm được tu tập trong tôi', thì người đó có thể an trú hạnh phúc và vui mừng, tu tập suốt ngày và đêm trong những trạng thái thiện lành.

13. [6]–19 [12] "Lại nữa, này Xá-lợi-phất, một Tỳ kheo nên xem xét như vầy: [6] 'Bốn loại sự chuyên-cần tu đúng đắn (Tứ chánh cần) ... [7] 'Bốn cơ-sở (tạo ra) thần thông (Tứ thần túc) ... [8] 'Năm căn (Ngũ căn) ... [9] 'Năm năng-lực (Ngũ lực) ... [10] 'Bảy chi giác-ngộ (Thất giác chi) ... [11] 'Con Đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) có được tu tập

trong tôi, hay không?' (A) Nếu, bằng sự quán xét lại, người đó biết như vầy: 'Bát Thánh Đạo không được tu tập trong tôi', thì người đó nên tạo sự nỗ-lực (tinh tấn) để tu tập chúng. (B) Nhưng nếu, bằng cách quán xét lại, người đó biết như vầy: 'Bát Thánh Đạo được tu tập trong tôi', thì người đó có thể an trú hạnh phúc và vui mừng, tu tập suốt ngày và đêm trong những trạng thái thiện lành. [12] 'Sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (tuệ) có được tu tập trong tôi, hay không?' (A) Nếu, bằng sự quán xét lại, người đó biết như vầy: 'Sự vắng-lặng và sự minh-sát không được tu tập trong tôi', thì người đó nên tạo sự nỗ-lực (tinh tấn) để tu tập chúng. (B) Nhưng nếu, bằng cách quán xét lại, người đó biết như vầy: 'Sự vắng-lặng và sự minh-sát được tu tập trong tôi', thì người đó có thể an trú hạnh phúc và vui mừng, tu tập suốt ngày và đêm trong những trạng thái thiện lành.

20. [13] "Lại nữa, này Xá-lợi-phất, một Tỳ kheo nên xem xét như vầy: 'Trí-biết đích thực (chân trí, minh) và sự giải-thoát có được chứng ngộ bởi tôi, hay không?' (A) Nếu, bằng sự quán xét lại, người đó biết như vầy: 'Trí-biết đích thực và sự giải-thoát không được chứng ngộ bởi tôi', thì người đó nên tạo sự nỗ-lực (tinh tấn) để chứng ngộ chúng. (B) Nhưng nếu, bằng cách quán xét lại, người đó biết như vầy: 'Trí-biết đích thực và sự giải-thoát được chứng ngộ bởi tôi', thì người đó có thể an trú hạnh phúc và vui mừng, tu tập suốt ngày và đêm trong những trạng thái thiện lành.1351

21. "Này Xá-lợi-phất, những tu sĩ (sa-môn) và bà-la-môn nào trong quá khứ đã thanh lọc thức ăn khất thực của họ, tất cả họ đều đã làm như vậy bằng cách thường xuyên quán xét lại như vậy. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong tương lai sẽ thanh lọc thức ăn khất thực của họ, tất cả họ đều sẽ làm như vậy bằng cách thường xuyên quán xét lại như vậy. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong hiện tại đang thanh lọc thức ăn khất thực

của họ, tất cả họ đều đang làm như vậy bằng cách thường xuyên quán xét lại như vậy. Bởi vậy, này Xá-lợi-phất, các thầy nên tu tập như vầy: 'Chúng tôi sẽ thanh lọc thức ăn khất thực của mình bằng cách thường xuyên quán xét lại như vậy.'"

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Xá-lợi-phất đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

152. KINH TU TẬP CÁC CĂN (Indriyabhāvanā Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Kajangalā, trong Khu Vườn cây Mukhelu.

2. Lúc đó có môn sinh bà-la-môn tên Uttara, một học trò của bà-la-môn Pārāsariya, đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, anh ta ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã hỏi anh ta: "Này Uttara, bà-la-môn Pārāsariya có dạy cho những đệ tử của ông sự tu tập các căn hay không?" "Có, thưa Thầy Cồ-Đàm." "Nhưng, này Uttara, theo cách nào ông ta dạy cho những đệ tử của mình sự tu tập các căn?" "Thầy Cồ-Đàm, ở đây, một người không nhìn những hình-sắc bằng mắt, một người không nghe những âm-thanh bằng tai. Đó là cách bà-la- môn Pārāsariya dạy cho những đệ tử của mình sự tu tập các căn." "Nếu là như vậy, này Uttara, thì một người mù và một người điếc có các căn đã được tu tập, theo như điều bà-la-môn Pārāsariya đã nói. Vì một người mù không nhìn thấy những hình-sắc bằng mắt, và một người điếc không nghe thấy những âm-thanh bằng tai." Sau khi điều này được nói ra, môn bà-la-môn Uttara, học trò của bà-la- môn Pārāsariya, đã ngồi im lặng, và mất hết tinh thần, hai vai chùn xuống và đầu gục xuống, buồn bã và không còn đối đáp nữa.

3. Rồi, sau khi biết điều này, đức Thế Tôn đã nói với ngài Ānanda: "Này Ānanda, bà-la-môn Pārāsariya dạy cho những đệ tử của ông sự tu tập các căn theo một cách, nhưng theo Giới Luật của Thánh Nhân thì 'sự tu-tập cao nhất về các căn' là khác."1352 "Thưa đức Thế Tôn, giờ là lúc, thưa bậc Phúc Lành, giờ là lúc để đức Thế Tôn chỉ dạy 'sự tu-tập cao nhất về các căn'. Sau khi nghe được từ Thế

Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó." "Vậy thì, này Ānanda, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói."—"Dạ, thưa Thế Tôn", thầy Ānanda đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

4. [1] "Giờ, này Ānanda, theo cách nào có 'sự tu-tập cao nhất (vô thượng, tối thượng) về các căn' theo Giới Luật của Thánh Nhân? (i) Ở đây, này Ānanda, khi một Tỳ kheo nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, thì khởi sinh trong người đó điều dễ chịu, khởi sinh trong người đó điều khó chịu, khởi sinh trong người đó điều vừa dễ chịu và khó chịu.1353 Người đó hiểu như vầy: 'Đã có khởi sinh trong tôi điều dễ chịu, đã có khởi sinh trong

tôi điều khó chịu, đã có khởi sinh trong tôi điều vừa dễ chịu và khó chịu. Nhưng đó là có điều-kiện (hữu vi), thô tế, là khởi-sinh tùy thuộc (duyên sinh); này là bình an, này là siêu phàm: đó là sự buông-xả.' Điều dễ chịu đã khởi sinh, điều khó chịu đã khởi sinh, điều vừa khó chịu và dễ chịu đã khởi sinh giờ chấm-dứt liền trong người đó, và sự buông-xả được thiết lập.1354 "Nhanh như một người có mắt sáng, sau khi mở mắt nhắm mắt lại, hoặc sau khi nhắm mắt mở ra lại; cũng giống như vậy, không quan tâm tới bất cứ thứ gì, điều dễ chịu đã khởi sinh, điều khó chịu đã khởi sinh, và điều vừa dễ chịu và khó chịu đã khởi sinh thì chấm-dứt ngay, nhanh chóng, dễ dàng, và sự buông-xả được thiết lập. Đây được gọi trong Giới Luật của Thánh Nhân là 'sự tu-tập cao nhất về các căn' đối với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt.1355

5. (ii) "Lại nữa, này Ānanda, khi một Tỳ kheo nghe thấy một âm-thanh bằng tai, thì khởi sinh trong người đó điều dễ chịu, khởi sinh trong người đó điều khó chịu, khởi sinh trong người đó điều vừa dễ chịu và khó chịu. Người đó hiểu như vầy: … và sự buông-xả được thiết lập. "Nhanh như một người khỏe mạnh dễ dàng búng ngón tay; cũng giống như vậy, không quan tâm tới bất cứ thứ gì, điều dễ chịu đã khởi sinh, điều khó chịu đã khởi sinh, và điều vừa dễ chịu và khó chịu đã khởi sinh thì

chấm-dứt ngay, nhanh chóng, dễ dàng, và sự buông-xả được thiết lập. Đây được gọi trong Giới Luật của Thánh Nhân là 'sự tu-tập cao nhất về các căn' đối với những âm-thanh được nhận biết bởi tai.

6. (iii) "Lại nữa, này Ānanda, khi một Tỳ kheo nghe ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi, thì khởi sinh trong người đó điều dễ chịu, khởi sinh trong người đó điều khó chịu, khởi sinh trong người đó điều vừa dễ chịu và khó chịu. Người đó hiểu như vầy: … và sự buông-xả được thiết lập. "Nhanh như những giọt nước rớt xuống lá sen liền lăn mất và không còn trên đó; cũng giống như vậy, không quan tâm tới bất cứ thứ gì, điều dễ chịu đã khởi sinh, điều khó chịu đã khởi sinh, và điều vừa dễ chịu và khó chịu đã khởi sinh thì chấm-dứt ngay, nhanh chóng, dễ dàng, và sự buông-xả được thiết lập. Đây được gọi trong Giới Luật của Thánh Nhân là 'sự tu-tập cao nhất về các căn' đối với những mùi-hương được nhận biết bởi mũi.

7. (iv) "Lại nữa, này Ānanda, khi một Tỳ kheo nghe nếm thấy một mùi- vị bằng lưỡi, thì khởi sinh trong người đó điều dễ chịu, khởi sinh trong người đó điều khó chịu, khởi sinh trong người đó điều vừa dễ chịu và khó chịu. Người đó hiểu như vầy: … và sự buông-xả được thiết lập. "Nhanh như một người khỏe mạnh dễ dàng nhổ đi chỗ nước bọt trên đầu lưỡi của mình; cũng giống như vậy, không quan tâm tới bất cứ thứ gì, điều dễ chịu đã khởi sinh, điều khó chịu đã khởi sinh, và điều vừa dễ chịu và khó chịu đã khởi sinh thì chấm-dứt ngay, nhanh chóng, dễ dàng, và sự buông-xả được thiết lập. Đây được gọi trong Giới Luật của Thánh Nhân là 'sự tu-tập cao nhất về các căn' đối với những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi.

8. (v) "Lại nữa, này Ānanda, khi một Tỳ kheo cảm thấy một thứ hữu- hình chạm xúc bằng thân, thì khởi sinh trong người đó điều dễ chịu, khởi sinh trong người đó điều khó

chịu, khởi sinh trong người đó điều vừa dễ chịu và khó chịu. Người đó hiểu như vầy: … và sự buông-xả được thiết lập.

“Nhanh như một người khỏe mạnh dễ dàng duỗi tay đang có hay co tay đang duỗi; cũng giống như vậy, không quan tâm tới bất cứ thứ gì, điều dễ chịu đã khởi sinh, điều khó chịu đã khởi sinh, và điều vừa dễ chịu và khó chịu đã khởi sinh thì chấm-dứt ngay, nhanh chóng, dễ dàng, và sự buông- xả được thiết lập. Đây được gọi trong Giới Luật của Thánh Nhân là ‘sự tu- tập cao nhất về các căn’ đối với những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân.

9. (vi) “Lại nữa, này Ānanda, khi một Tỳ kheo nhận biết một đối-tượng của tâm bằng tâm, thì khởi sinh trong người đó điều dễ chịu, khởi sinh trong người đó điều khó chịu, khởi sinh trong người đó điều vừa dễ chịu và khó chịu. Người đó hiểu như vầy: … và sự buông-xả được thiết lập. “Nhanh như một hay hai giọt nước rớt xuống một dĩa sắt đã được nung nóng cả ngày, sự rớt xuống có thể chậm nhưng (khi chạm tới dĩa sắt) chúng sẽ nhanh chóng bốc hơi cái xèo và biến mất; cũng giống như vậy,1356 không quan tâm tới bất cứ thứ gì, điều dễ chịu đã khởi sinh, điều khó chịu đã khởi sinh, và điều vừa dễ chịu và khó chịu đã khởi sinh thì chấm-dứt ngay, nhanh chóng, dễ dàng, và sự buông-xả được thiết lập. Đây được gọi trong Giới Luật của Thánh Nhân là ‘sự tu-tập cao nhất về các căn’ đối với những đối-tượng của tâm được nhận biết bởi tâm. “Đó là cách có ‘sự tu-tập cao nhất về các căn’ trong Giới Luật của Thánh Nhân.

10. [2] “Và, này Ānanda, theo cách nào là một đệ tử đang trong sự tu- tập bậc cao (bậc học-nhân; chưa chứng A-la-hán), là người đã chứng nhập trong thánh đạo? Ở đây, này Ānanda, khi một Tỳ kheo nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt … nghe thấy một âm-thanh bằng tai … ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi … nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … cảm thấy một thứ hữu-hình chạm xúc bằng thân … nhận biết một đối-tượng của tâm bằng tâm, thì khởi sinh trong người đó điều dễ chịu, khởi sinh trong người đó điều khó chịu, khởi sinh trong người đó điều vừa dễ chịu và khó chịu; người đó thấy ghê-sợ, nhục-nhã, ghê-tởm bởi điều dễ chịu đã khởi sinh,

bởi điều khó chịu đã khởi sinh, và bởi điều vừa dễ chịu và khó chịu đã khởi sinh.1357 Đó là cách một người là một đệ tử trong sự tu-tập bậc cao, người đã chứng nhập vào thánh đạo.

11. –16. [3] “Và, này Ānanda, theo cách nào một thánh nhân với các căn đã được tu tập?1358 Ở đây, này Ānanda, khi một Tỳ kheo nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt … nghe thấy một âm-thanh bằng tai … ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi … nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … cảm thấy một thứ hữu-hình chạm xúc bằng thân … nhận biết một đối-tượng của tâm bằng tâm, thì khởi sinh trong người đó điều dễ chịu, khởi sinh trong người đó điều khó chịu, khởi sinh trong người đó điều vừa dễ chịu và khó chịu.1359 (i) “Nếu người đó ước: ‘Tôi mong an trú nhận-thức sự không ghê-tởm trong những thứ ghê-tởm’, thì người đó an trú nhận-thức sự không ghê-tởm trong những thứ

ghê-tởm. (ii) Nếu người đó ước: 'Tôi mong an trú nhận-thức sự ghê-tởm trong những thứ không ghê-tởm', thì người đó an trú nhận-thức sự ghê-tởm trong những thứ không ghê-tởm. (iii) Nếu người đó ước: 'Tôi mong an trú nhận-thức sự không ghê-tởm trong những thứ ghê-tởm và những thứ không ghê-tởm', thì người đó an trú nhận-thức sự không ghê-tởm trong những thứ đó. (iv) Nếu người đó ước: 'Tôi mong an trú nhận-thức sự ghê-tởm trong những thứ không ghê- tởm và những thứ ghê-tởm, thì người đó an trú nhận-thức sự ghê-tởm trong những thứ đó. (v) Nếu người đó ước: "Tôi mong, tránh cả hai sự ghê-tởm và sự không ghê-tởm, an trú trong sự buông-xả, có sự chánh- niệm và sự rõ-biết.1360 Đó là cách một người là một thánh nhân với các căn đã được tu tập.

17. "Vậy đó, này Ānanda, ta đã chỉ dạy về 'sự tu-tập cao nhất về các căn' theo Giới Luật của Thánh Nhân; ta đã chỉ dạy về 'một người đệ tử đang trong sự tu-tập bậc cao (học nhân), là người đã chứng nhập trong dòng thánh đạo'; và ta đã chỉ dạy về 'một thánh nhân với các căn đã được tu tập'.

18. "Này Ānanda, những gì cần làm bởi một người thầy bi-mẫn vì lòng

bi-mẫn đối với những đệ tử vì mong muốn họ được phúc lợi, thì ta đã làm xong cho các thầy. Đây có những gốc cây, kia có những chòi trống. Hãy thiền tập, không trì hoãn, này Ānanda, đừng để sau này phải hối tiếc. Đây là chỉ thị của ta cho các thầy." Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Ānanda đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

HẾT QUYỂN 3

BẢNG VIẾT TẮT (trong phần CHÚ THÍCH)

∗ AN = Aṇguttara Nikāya: Bộ Kinh Tăng Chi (Tăng Chi Kinh Bộ) BBS = Burmese-script Buddhasāsana Samiti: Ấn bản Kết Tập Kinh Điển Phật Giáo bằng tiếng Miến Điện BPS = Buddhist Publication Society: Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan CPD = Critical Pāli Dictionary: Tự Điển Pāli Phê Bình (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch) Cv = Cūḷavagga: phần Tiểu Phẩm (thuộc bộ Hợp Phần, thuộc Luật Tạng) Dhp = Dhammapada: tập kinh Pháp Cú ∗ DN = Dīgha Nikāya: Bộ Kinh Dài (Trường Kinh Bộ) Jāt hay Ja: = Jātaka: tập kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật (thuộc KN) Kh = Khandhaka: bộ Hợp Phần (bộ thứ hai thuộc Luật Tạng) MA = Majjhima Nikāya Aṭṭhakathā: Luận Giảng Trung Kinh Bộ (Hầu hết những chú-giải trong bản dịch này là của MA). Miln = Milindapañha: tập Milinda Vấn Đáp (thuộc KN) MLS = Middle Length Sayings: Bộ Kinh Trung bản dịch của Horner. ∗ MN = Majjhima Nikāya: Bộ Kinh Trung Ms: bản dịch Bộ Kinh Trung bằng chữ viết tay của nhà sư Ñāṇamoli MṬ = Majjhima Nikāya Ṭīkā: Tiểu Luận Giảng Bộ Kinh Trung Mv = Mahāvagga: phần Đại Phẩm (thuộc bộ Hợp Phần, thuộc Luật Tạng) Ñm = Bhikkhu Ñāṇamoli: người dịch Bộ Kinh Trung với bản thảo Ms nói trên Pāc = Pācittiya: phần Ưng Đối Trị (phần thứ nhất, thuộc bộ Phân Tích Giới Bổn, thuộc Luật Tạng) Pār = Pārājika: phần Bất Cộng Trụ (phần thứ hai, thuộc bộ Phân Tích Giới

Bổn, thuộc Luật Tạng)
PED = Pali-English Dictionary: Tự Điển Pali-Anh (của PTS)
PTS = Pali Text Society: Hội Kinh Điển Pali
Pṭs = Paṭisambhidāmagga: bộ Phân Tích Đạo (thuộc Vi Diệu Pháp Tạng)
Pug = Puggalapaññatti: bộ Nhân Chế Định (thuộc Vi Diệu Pháp Tạng)
SBJ = Sinhala-script Buddha Jayanti Tripitaka Series: phiên bản Trung Kinh Bộ bằng tiếng Tích Lan
* SN = Saṁyutta Nikāya: Bộ Kinh Liên-Kết (Tương Ưng Kinh Bộ)
Sn = Sutta Nipāta: tập Kinh Tập (thuộc KN)
Thag = Theragāthā: Trưởng Lão Kệ (thuộc KN)
Ud = Udāna: tập kinh Phật Đã Nói Như Vậy (thuộc KN)
Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: Chú Giải tập kinh Ud
Vbh = Vibhanga: bộ Phân Tích (thuộc Vi Diệu Pháp Tạng)
Vin = Vinaya Piṭaka: Luật Tạng
Vsm = Visuddhimagga: Thanh Tịnh Đạo

PHẦN CHÚ THÍCH

Kinh 101:

922 [Giáo thuyết này, được cho là của những Ni-kiền-tử theo đạo Jain, cũng

được Phật nói ra để phê bình trong kinh SN 36:21 và kinh AN 3:61. Giáo lý của Phật công nhận sự có mặt của cảm-giác (thọ) vốn không phải là kết quả của hành-động quá khứ (không phải là nghiệp quả của nghiệp quá khứ) mà nó là một thứ đồng-hành (thứ kéo theo, thứ đi theo, thứ dính theo, hữu cơ, anh em) của hành-động hiện tại, và cũng thừa nhận cảm-giác cũng không phải do nghiệp chủ động tạo ra, cũng không phải là nghiệp quả.] (922)

923 [Nội dung lời kinh từ câu này này cho đến hết câu "... và cái gì là sự tu

dưỡng những trạng thái thiện lành ngay trong kiếp này" ở mục 5 bên dưới: là tương ứng với nội dung lời kinh trong kinh MN 14, từ mục 17-19.

- Lời tuyên bố này của giáo chủ Ni-kiền-tử Nātaputta, cũng có ghi ở mục 17 kinh MN 13, đã cho thấy quan-điểm của những Ni-kiền-tử.

- Và từ chỗ này cho đến mục 10 là những sự biện chứng để phủ nhận lời tuyên bố đó của họ.] (923)

924 [Chỗ này nói ra 05 điều như đã nói trong kinh MN 95, mục 14. Mời coi

thêm chú thích 884 ở đó.] (924)

925 [Nghĩa là: Sẽ không phù hợp khi họ tuyên bố như vậy bởi vì rõ ràng "sự

cố-sức của họ” (như sự thực hành hành xác khổ hạnh) là nguyên nhân gây ra những cảm-giác đau đớn của họ, như Đức Phật sẽ nói ra trong mục 15.] (925)

926 [Đây là một cụm chữ thuật ngữ để diễn tả một nghiệp sẽ chín muồi (thành

nghiệp quả) ngay trong kiếp này.] (926)

927 [MA chú giải: “Một nghiệp [có quả của nó] sẽ được nếm trải trong một

[cá tính] đã chín muồi” là đồng nghĩa với “nghiệp [có quả của nó] được nếm trải ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ]”. “Một nghiệp [có quả của nó]

sẽ được nếm trải trong một [cá tính] chưa chín muồi” là đồng nghĩa “nghiệp [có quả của nó] sẽ được nếm trải trong kiếp sau”.

- Nhưng đã có một quy cách định nghĩa được đưa ra như sau: mọi nghiệp có quả của nó trong cùng kiếp (được gọi) là “nghiệp được nếm trải ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ]”, nhưng chỉ có nghiệp tạo ra quả của nó trong vòng 07 ngày thì được gọi riêng là “nghiệp được nếm trải trong một cá tính đã chín muồi”.] (927)

928 [Đây là một nghiệp không có được cơ hội để tạo ra quả của nó và do vậy

trở thành mất tiêu (tiêu, mất hiệu lực, không còn).] (928)

929 [Nguyên văn cụm chữ này: issaranimmānahetu. Đây là giáo thuyết của

những người chủ nghĩa hữu-thần đã bị Đức Phật bác bỏ trong kinh AN 3:61, đoạn (2), giáo thuyết [2].] (929)

930 [Nguyên văn cụm chữ này là: sangatibhāvahetu. Ở đây là hàm chỉ thuyết

phi nhân-duyên của giáo chủ Makkhali Gosāla (cho rằng mọi sự xảy ra là do hoàn cảnh và tự bản chất của nó chứ không phải do nhân duyên nào tác động gây ra) đã bị Đức Phật bác bỏ trong kinh MN 60, mục 21 và kinh AN 3:61, đoạn (3).] (930)

931 [Nguyên văn cụm chữ này: abhijātihetu. Câu này cũng chỉ một giáo lý của

giáo chủ Makkhali Gosāla.] (931)

932 [Đây là một sự hình thành con đường Trung Đạo của Đức Phật, là tránh

cực đoan hành xác khổ hạnh mà cũng tránh rớt vào cực đoan bị say mê với những khoái-lạc giác quan.] (932)

933 [MA giải thích nguồn-gốc sự khổ chính là dục-vọng (ái), nó được gọi như

vậy vì nó là gốc rễ của sự khổ chứa trong năm-uẩn. Đoạn này chỉ ra 02 cách tiếp cận khác nhau (thay thế nhau) để dẫn tới sự chinh phục dục-vọng—(i) một cách vận dụng sự chuyên-cần tu đầy nỗ-lực (tấn tinh cần), và (ii) một cách dùng sự buông-xả xa lìa. “Sự phai-biến” của nguồn gốc khổ được MA nhận định chính là thánh đạo siêu thế. Đoạn này được nói ra để minh họa về sự tu-tập của một người đang tu tiến trên “đường đạo hạnh phúc (lạc đạo)

với trí-biết trực tiếp nhanh" (sukhapaṭipadā khippābhinnā).] (933)

934 [Đoạn này được nói ra để cho thấy lý do của Đức Phật sau này đã cho

phép các Tỳ kheo tu pháp tu khổ hạnh dhutanga [13 hạnh đầu-đà], đây là cách dùng sự khổ hạnh với một mức độ vừa phải để giúp chinh phục những ô-nhiễm (như tham, sân, si; ví dụ: chỉ ăn thức ăn khất thực, chỉ có 3 bộ y được làm từ giẻ rách ...). Nhưng pháp tu khổ hạnh đầu-đà theo Đức Phật ở đây không phải được thực hành là để tiêu trừ những nghiệp cũ và thanh lọc linh hồn [như những Ni-kiền-tử và những giáo phái khác tin vậy]. MA nói rằng đoạn kinh này đang minh họa về sự tu-tập của một người đang tu tiến trên một đường đạo khó khổ (khổ đạo) với trí-biết trực tiếp chậm chạp (duk-khapaṭipadā dndhābhinnā).] (934)

Kinh 102

935 [Kinh này một phiên bản "kinh vừa" của "kinh dài" Brahmajāla Sutta

(Kinh Lưới Trời, Kinh Phạm Võng) thuộc Bộ Kinh Dài (Trường kinh bộ, DN 1). Kinh Lưới Trời này và những chú giải của nó đã được dịch và giảng giải bởi TKBĐ thành một bài tham luận được in trong tuyển tập Bodhi với tên là "Bài Kinh Lưới Quan-Điểm Bao Trùm" (Discourse on the All-Embracing Net of Views).

- Phần giảng giải chi tiết về những quan-điểm được nói ra trong kinh MN 102 này có ghi trong phần Giới Thiệu và Phần Hai của bài tham luận đó. Trong đó cũng có ghi bản dịch tiếng Tây Tạng là kinh PaIcatraya Sūtra, mà bản gốc đối chiếu của nó nằm trong bộ Mūlasarvāstivāda (Căn Bản Nhất Thiết Hữu Bộ) của trường phái Nhất Thiết Hữu Bộ được bảo lưu bằng tiếng Phạn. Bản kinh tiếng Phạn này cũng được thảo luận bởi Peter Skilling trong quyển Mahāsūtras II, trang 469–511. Học giả Peter Skilling đã làm cho thấy những chỗ khác nhau tương phản giữa phiên bản Tây Tạng này và phiên bản Pāli.] (935)

936 [Học giả Peter Skilling đã chỉ ra rằng: trong bản tiếng Tây Tạng [PaI-

catraya] mới nói trong chú thích kế trên thì 'những điều khẳng định về Niết- bàn [Nirvāṇa] ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ]' là không nằm trong hạng mục "những quan-điểm về tương lai" mà chúng tạo thành một hạng

mục riêng. Kinh Lưới Trời phiên bản Pāli [Brahmajāla Sutta, DN 1] thì đặt 'những điều khẳng định về Niết-bàn tối thượng [Nibbāna] ngay trong kiếp này' trong hạng mục "những quan-điểm về tương lai"; nhưng sự sắp xếp trong phiên bản Tây Tạng có lẽ là hợp lý hơn.] (936)

937 [Trong Kinh Lưới Trời [Brahmajāla Sutta, DN 1] có liệt kê 16 sự biến-tấu

trong/của quan-điểm này: ở đây có 08 biến-tấu [và 02 biến-tấu nằm trong những chi mục liệt kê khác] là: bản ngã là hữu-hạn, vô-hạn, cả hai, và không cả hai; và bản ngã

chỉ nếm trải toàn sướng, nếm trải toàn khổ, nếm trải cả sướng và khổ, và không nếm trải sướng cũng không nếm trải khổ.

- Trong kinh MN 102 này, hai chi mục liệt kê được gộp với nhau dưới hạng mục "những suy-đoán về quá khứ" ở mục 14; nhưng trong các kinh SN 24:3744 (Quyển 3) thì chúng mô tả về bản ngã "sau khi chết".] (937)

938 [Rõ ràng là, trong danh sách trên, những quan-điểm về bản ngã là phi vật

chất (vô sắc), có nhận-thức về sự hợp-nhất, và có nhận-thức về thứ vô-lượng là đều dựa trên sự chứng đắc cảnh xứ của không-gian vô biên (không vô biên xứ). Luận giảng MṬ giải thích kasiṇa-thức chính là cảnh xứ vô biên của thức (thức vô biên xứ), và khẳng định rằng những nhà giáo thuyết đó đã tuyên bố rằng cảnh xứ đó là bản ngã.] (938)

939 [Nhận-thức (tưởng) trong tầng chứng đắc vô-sắc thứ ba—[Cảnh xứ không-có-gì (Vô sở hữu xứ)—là vi tế nhất và tinh-lọc nhất trong tất cả mọi loại nhận-thức thế tục. Mặc dù vẫn còn một loại nhận-thức trong tầng chứng đắc vô-sắc thứ tư [Cảnh xứ không còn nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (Phi tưởng phi phi tưởng xứ)] nhưng nó quá quá vi tế nên không còn thích hợp để gọi nó là nhận-thức (tưởng) cho được.] (939)

940 [MA chú giải nghĩa đoạn này là vầy: "Tất cả những loại nhận-thức đó

cùng với những quan-điểm (tà kiến) đều là do điều-kiện tác động mà có (hữu vi), và bởi vì chúng là do điều-kiện mà có, nên chúng chỉ là thô tế. Nhưng có (trạng thái) Niết-bàn, được gọi là sự chấm-dứt những sự tạo-tác [những sự tạo-tác vốn là những sự do điều-kiện mà có (các hành là hữu vi)]. Sau khi đã biết 'Có trạng thái này', tức là có trạng thái Niết-bàn, 'sau khi nhìn thấy có sự thoát-khỏi những trạng thái có điều-kiện (hữu vi), Như Lai đã vượt thoát

khỏi những trạng thái có điều-kiện (thế giới hữu vi) đó."] (940)

941 [Chi mục 4-hàng liệt kê thứ hai của mục 3 kế trên đã được mang xuống

đây bởi vì bản ngã được nhìn nhận là không có nhận-thức (phi tưởng). Trong Kinh Lưới Trời [Brahmajāla Sutta, DN 1] thì liệt kê 08 biến-tấu của/trong quan-điểm này, gồm 04 biến-tấu này cộng với các loại 'hữu-hạn và vô hạn' trong chi mục 4-hàng khác.] (941)

942 [MA chỉ ra rằng câu này được nói ra với sự tham chiếu tới những cảnh

giới hiện-hữu, nơi mà tất cả năm-uẩn hiện hữu.

- Trong cảnh 'phi vật chất' (vô sắc) thì thức xảy ra không có sắc-uẩn, và trong cảnh 'không có nhận-thức' (phi tưởng) thì có loại thân-sắc không có thức (như loại chúng sinh có thân nhưng vô tri vô giác). Nhưng thức không bao giờ xảy ra mà không có mặt 03 uẩn thuộc tâm còn lại (đó là cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố ý).] (942)

943 [Kinh Lưới Trời [Brahmajāla Sutta, DN 1] liệt kê 08 biến-tấu của/trong

quan-điểm này, gồm 04 biến-tấu này và 04 biến-tấu trong chi mục 4-hàng khác.] (943)

944 [Sự đê mê là tạm dịch chữ gốc sammoha, ở đây rõ ràng mang một nghĩa

khác so với nghĩa thông thường của nó là "sự ngu mờ" hay "sự si mê" (tức ở đây nó không hàm nghĩa như si hay vô-minh là những thuật ngữ trong kinh văn Phật giáo).] (944)

945 [MA giải thích cụm chữ ghép diṭṭhasutamutavinnātabba có nghĩa là "điều

được nhận biết là điều đã được nhìn thấy, được nghe thấy, và được cảm thấy" và coi câu này là đề cập tới những sự nhận-biết tại cửa cảm-nhận (giác quan). Tuy nhiên, điều này cũng có thể bao gồm những sự nhận-biết thô tế hơn tại cửa-tâm. Để chứng nhập tầng chứng đắc vô-sắc thứ tư (phi tưởng phi phi tưởng xứ), thì tất cả "những sự tạo-tác của tâm" (tâm hành) bình thường có liên quan những tiến trình nhận-biết khác phải được chinh phục, bởi vì sự có mặt dai dẳng của nó là một cản trở đối với sự chứng nhập vào tầng chứng đắc vô-sắc này. Do vậy nên (tầng chứng đắc) này đã được gọi là "không có nhận-thức" (phi tưởng, n'eva sannī).] (945)

946 [Nguyên văn cụm chữ cuối này: Sasankhārāvasesasamāpatti. Bên trong

tầng chứng đắc vô-sắc thứ tư có một chút tàn dư của những sự tạo-tác của tâm (tâm hành) cực kỳ vi tế còn sót lại. Do vậy nên (tầng chứng đắc) này đã được gọi là "cũng không phải không còn nhận-thức" (phi phi tưởng, nāsannī).] (946)

947 [Kinh Lưới Trời [Brahmajāla Sutta, DN 1] đã giảng giải 07 loại tư tưởng

diệt-vong, còn ở đây tất cả được gộp lại thành một.] (947)

948 ["Sự sợ hãi và sự ghê tởm về danh-tính (tự thân)" là một phương diện của

vibhavataṇhā (dục-vọng muốn không hiện-hữu, phi hữu ái). Quan-điểm theo tư tưởng diệt-vong (theo cách nó đặt vấn đề) là vẫn còn dính với sự nhận- dạng về cái 'Ta' (về danh-tính cái 'Ta', tức thân-kiến)—đó là một cái 'Ta' (bản ngã) sẽ bị hủy diệt khi chết—và do vậy cho dù họ từ chối 'danh-tính' của mình, điều đó vẫn trói buộc những nhà giáo thuyết này vào vòng luân-hồi hiện-hữu. (Tức là, dù họ từ chối danh tính hay bản ngã, nhưng họ đã chấp trước có 'ngã', chấp có danh-tính (thân kiến) thì họ đã có ngã-kiến chứ không nắm giữ sự vô-ngã).] (948)

949 [Tính tới chỗ này thì chỉ có 04 {[I], [II], [III], [IV]} trong 05 dạng "suy-

đoán về tương lai" đã được phân tích từ đầu bài kinh, nhưng ở đây Phật lại nói là 05 loại; có lẽ loại thứ 5 đã được hàm tính trong đó. Luận giảng MA đã cố gắng giải quyết vấn đề chỗ này bằng cách chú giải rằng: "những điều khẳng-định về Niết-bàn ngay trong kiếp này" là nằm trong những hạng mục "có nhận-thức về sự hợp-nhất" và "có nhận-thức về sự phân-tán" đã được ghi trong mục 3. Tuy nhiên, sự chú giải này là không thuyết phục.

- Nhà sư dịch giả Ñm trong Ms đã thêm vào tiêu đề "Niết-bàn ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ]" ở mục 17, và do vậy các mục 17–21 có lẽ là tương ứng với 04 trong 05 loại "giáo thuyết về Niết-bàn ngay trong kiếp này" đã được nói trong Kinh Lưới Trời [Brahmajāla Sutta, DN 1]. Tuy nhiên, sự diễn dịch này của thầy ấy cũng dường như mâu thuẫn bởi mục 13 và bởi cụm chữ được ghi trong mục 17, 19, và 21 là "với sự từ bỏ những quan điểm về quá khứ và tương lai" vốn đã loại trừ "những giáo thuyết về Niết-bàn ngay trong kiếp này" khỏi hạng mục "những quan điểm về tương lai" [mặc dù nó đã được đặt trong số những quan điểm đó trong phần dẫn nhập mở đầu]. Vấn

đề chỗ này dường như là không thể giải được, và do đó phát sinh sự nghi ngờ rằng: lời kinh gốc có thể đã bị hư mất đâu đó trong quá trình truyền tụng truyền thừa bằng đường miệng.

- Việc đưa thêm vào những quan điểm về quá khứ kế tiếp bên dưới cũng càng thêm rắc rối khó giải. Không phải chỉ vì lý do những quan điểm đó đã không đề cập trong phần dẫn nhập mở đầu, mà lý do nữa sự đặt thời 'quá khứ' nằm sau thời 'tương lai' làm đảo lộn cái trình tự thời gian thông thường.

- Học giả Peter Skilling đã cho rằng: đoạn này có thể chỉ là phần của một chú giải về bài kinh [đã được truyền miệng] mà một số câu trong đó đã bị nhập vào thành lời bài kinh.] (949)

950 [Quan-điểm (tà kiến) này bao gồm tất cả 04 trong số những người có tư

tưởng trường tồn bất diệt (thường kiến) suy đoán về quá khứ như đã được đề cập trong Kinh Lưới Trời [Brahmajāla Sutta, DN 1].] (950)

951 [Vì đây là một quan-điểm nói về quá khứ, nên nó có thể được coi là hàm

nghĩa rằng: tại những thời điểm nào đó trong quá khứ, bản ngã và thế giới khởi sinh cùng lúc nhau từ chỗ không-có-gì. Do vậy có lẽ nó bao gồm cả 02 giáo thuyết chủ trương về nguồn gốc của mọi thứ là ngẫu nhiên như đã được nói ra trong Kinh Lưới Trời [Brahmajāla Sutta, DN 1], như MA cũng bảo lưu là như vậy.] (951)

952 [Quan-điểm này gồm có 04 loại chủ nghĩa bất-diệt bán phần.] (952)

953 [Quan-điểm này bao gồm 04 loại sự lập-lờ (ba phải) bất tận, hay được gọi

là "sự lươn-lẹo" Kinh Lưới Trời [Brahmajāla Sutta, DN 1].] (953)

954 [Những quan điểm từ 5–8 là tương ứng với 04 loại người theo chủ nghĩa

mở-rộng như đã được ghi ra trong Kinh Lưới Trời [Brahmajāla Sutta, DN 1].] (954)

955 [08 quan-điểm [từ 9–16], theo như trong kinh Kinh Lưới Trời [Brah-

majāla Sutta, DN 1], là nằm trong số những giáo thuyết về sự bất tử có nhận- thức (trường tồn và hữu tri) thuộc hạng mục những suy-đoán về tương lai.] (955)

956 [Nghĩa là, họ đều chấp nhận giáo thuyết của họ dựa trên nền tảng nào đó

hơn là sự-biết thực thụ, đó là sự chấp nhận dính líu liên quan với niềm-tin hay sự lý-giải (chứ bản thân họ không thể nào có được sự tự-biết hay tự-trí nhưng những bậc giác-ngộ).

- Trong kinh MN 95.14 có nói rằng 05 nền tảng hay cơ sở để quy kết về một điều sẽ đưa đến những kết luận có thể là đúng hoặc sai; (Và sự dựa vào một trong 05 cơ sở đó để khẳng định về một điều thì đó không phải là sự tự-biết hay tự-trí, và điều khẳng định đó không phải là sự-thật hay chân-lý hay sự giác-ngộ).] (956)

957 [MA chú giải nghĩa là: Đó không thực sự là sự-biết mà là sự hiểu sai; do

vậy nó được tuyên bố chỉ là sự dính-chấp (chấp thủ) theo những quan-điểm này nọ (tà kiến) mà thôi.] (957)

958 [MA nói rằng: tới chỗ này, tất cả 62 quan-điểm (tà kiến) đã được trình bày

trong Kinh Lưới Trời [Brahmajāla Sutta, DN 1] đã được gom đủ, nhưng bài kinh MN 102 này thậm chí còn có phạm vi rộng hơn vì nó còn có thêm phần giảng giải về "quan-điểm có danh-tính" (thân kiến) [đặc biệt đã được ngụ ý bởi mục 24].] (958)

959 [Tiêu đề này của phần này, và sự đánh số thứ tự là "V" này, là do nhà sư

Ñm đưa vào với giả thuyết cho rằng đoạn này chính là đoạn thể hiện "những giáo thuyết về Niết-bàn ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ]", như đã được đề cập sơ qua trong chú thích 949 ở trên.] (959)

960 [MA: Phần này Phật chủ ý chỉ ra cách mà tất cả 62 quan-điểm do suy-

đoán khởi sinh là do quan-điểm có danh-tính (thân kiến) đã có trước và chi phối. (Nghĩa là, tất cả những tà-kiến đó là do đã tiền giả định có một 'danh- tính' hay 'tự-thân' hay một 'bản ngã' rồi.] (960)

961 [Nguyên văn cụm chữ cuối: pavivekaṁ pītiṁ. Chỗ này chỉ 02 tầng thiền định đầu tiên, (Nhất thiền và Nhị thiền), trạng thái có yếu tố hoan-hỷ (pīti).] (961)

962 [MA giải thích rằng đây là sự ưu-tư gây ra bởi sự mất (rớt) tầng thiền định

438 • Phần Chú Thích

(jhāna). Sự ưu không khởi sinh lập tức khi chấm-dứt tầng thiền định, mà chỉ sau khi suy xét về sự biến mất của nó thì mới khởi sinh sự ưu.] (962)

963 [Nguyên văn cụm chữ cuối: nirāmisaṁ sukhaṁ. Đây là loại khoái-lạc (lạc) có trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền).] (963)

964 [Đây là tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay

khổ.] (964)

965 [Nguyên văn cả câu này: Santo'ham asmi, nibbuto'ham asmi, anupādāno'ham asmi. Trong tiếng Pāli cách diễn đạt aham asmi ('Ta là') lộ ra rằng người đó vẫn còn

dính sự dính-chấp (chấp thủ), như Phật sẽ chỉ ra bên dưới.] (965)

966 [MA coi đây là sự ám chỉ quan-điểm có danh-tính (thân kiến). Do vậy

người đó vẫn còn dính-chấp theo một quan-điểm này nọ như lời kinh đã nói.] (966)

967 [MA đã chỉ ra rằng trong một số kinh khác thì sự diễn tả "sự giải-thoát

nhờ sự không-còn dính-chấp" (anupādā vimokkha) có nghĩa là Niết-bàn, nhưng ở đây trong kinh này nó chỉ đơn giản có nghĩa là sự chứng đắc thánh quả A-la-hán.] (967)

968 [Kinh Lưới Trời [Brahmajāla Sutta, DN 1] cũng đã chỉ ra rằng: sự hiểu-

được (liễu ngộ, chánh giác) về sự khởi-sinh (sinh), sự biến-mất (diệt) ... về sáu cơ-sở tiếp-xúc (sáu xứ) chính là con-đường để thoát khỏi tất cả những quan-điểm (tà kiến) này nọ.] (968)

969 [Cụm chữ cuối: bhavābhavahetu. MA giải nghĩa là: "Các thầy có nghĩ

rằng sa-môn Cồ-đàm chỉ dạy Giáo Pháp như một phương tiện để mình có thể nếm trải sự vui-sướng (lạc) trong trạng thái hiện-hữu [cao siêu hơn] như này hay như nọ?".] (968)

970 [Abhidhamma: có nghĩa là (i) Giáo Pháp bậc cao, Diệu Pháp, hoặc (ii)

cũng có nghĩa là phần Giáo Pháp cao học, Vi Diệu Pháp tạng. MA chú giải rằng chữ Abhidhamma (Diệu Pháp) ở đây là chỉ 37 phần tu dẫn đến giác-ngộ mà Đức Phật đã mới kể ra kế trên; (nên ở đây dịch theo nghĩa (i) của chữ

này). Mời coi lại thêm chú thích 362 ở kinh MN 32, mục 7, (Quyển 1).]

- (Nhân tiện, mời đọc thêm phần chú thích của thầy TKBĐ (trong quyển trích kinh "Giáo Lý của Phật để sống hòa-hợp") về chữ này chỗ này như vầy: "Chữ "về Giáo Pháp": chỗ này tôi dịch chữ "abhidhamme" trong kinh gốc, nó không có nghĩa chỉ tạng kinh Abhidhama Pitaka (Vi Diệu Pháp tạng), nó chỉ đơn giản chỉ về những Giáo Pháp. Tiếp đầu ngữ abhi- ở đây chỉ có nghĩa là "về, thuộc về, nói về, liên quan tới".) (970)

971 [Nghĩa, ý nghĩa (attha) và chữ, câu chữ, ngữ (byanjana) là 02 phương

diện của Giáo Pháp được chỉ dạy bởi Đức Phật. Đoạn kinh kế tiếp bên dưới, từ mục 5–8, nên được so sánh tương ứng với mục 18–21 của kinh dài DN 29 vốn cũng diễn tả về sự quan-tâm đối với sự bảo tồn ý nghĩa và câu chữ chính xác của Giáo Pháp.] (971)

972 [Câu này được nói với hàm nghĩa rằng, sự sai khác chút ít về câu chữ

không nhất thiết phải là trở ngại cho sự hiểu đúng về ý nghĩa. Nhưng ở chỗ khác, như trong kinh AN 2:20, Phật lại chỉ ra sự diễn đạt sai về chữ và sự diễn dịch sai về nghĩa là 02 yếu tố chịu trách nhiệm cho "sự sai-lệch, sự sa- sút, và sự biến-mất" (hư, suy, vong) của Giáo Pháp đích thực (chân pháp).] (972)

973 [Nguyên tắc chung được nói ra dưới đây trong các mục 10–14 là như vầy:

(a)-(d) Nếu Tỳ kheo phạm tội có thể được khôi phục, thì cho dù có sự tổn thương đối với Tỳ kheo đó và sự rắc rối đối với người nhắc nhở khiển trách, thì người khiển trách vẫn cố gắng tu chỉnh Tỳ kheo phạm luật đó. (e) Nhưng nếu Tỳ kheo phạm luật là không dễ gì khôi phục được, thì người nhắc nhở khiển trách vẫn giữ đủ mức độ bi-mẫn giúp đỡ đối với Tỳ kheo đó, chứ không vì khó mà bỏ mặc hay ghét bỏ người đó.] (973)

974 [Chữ gốc ở đây là samaṇa (sa-môn, tu sĩ, ẩn sĩ), nhưng luận giảng MA đã

chú giải nó đồng nghĩa với chữ satthā (sư thầy, vị thầy), trong ngữ cảnh này nó chỉ Đức Phật là Vị Thầy của các Tỳ kheo. Cách dùng chữ này giống vậy cũng có trong kinh MN 105 bên dưới, mục 18 và 21.] (974)

975 [MA nói rằng chữ "điều đó" hay "sự đó" (dhamma) ở đây nghĩa là sự

tranh cãi đó (sự xích mích đó, sự phiền bực đó, sự ngược nhau đó).] (975)

Kinh 104

976 [Mở đầu bài kinh này giống hệt kinh dài DN 29, kinh đó cũng nói về việc

duy trì sự hòa-hợp trong Tăng Đoàn sau khi Phật mất đi.] (976)

977 [MA chú giải: "ngôi đền" và "nơi nương tựa" ở đây chính là giáo chủ Ni-

kiền-tử Nātaputta, người đã chết.] (977)

978 [Sa-di Cunda là em trai của ngài Xá-lợi-phất. (Do khi xuất gia thành sa-di

mọi người gọi thầy ấy là sa-di Cunda, nên sau này thầy ấy đã thành một Tỳ kheo trưởng lão, họ vẫn quen gọi thầy ấy với tên sa-di Cunda).] (978)

979 [Thực ra ngay cả khi Phật còn sống, những sự tranh chấp đó cũng đã xảy

ra giữa những Tỳ kheo ở Kosambī, như đã được ghi lại trong kinh MN 48, mục 2.] (979)

980 [Đây có thể là sự tranh chấp tranh cãi về Bát Thánh Đạo hay về những

phần-tu khác thuộc 37 phần tu trợ giúp giác-ngộ (37 phần bồ-đề) mới được Phật nói ra kế trên.] (980)

981 [Để ý: 04 cặp gốc-rễ đầu [(i)–(iv)] là nằm trong danh sách "những sự ố-

nhiễm làm ô nhiễm cái tâm [những sự không hoàn thiện của tâm]" đã được kể ra trong kinh MN 7, mục 3.] (981)

982 [Nguyên văn chữ này là: Adhikaraṇa. Nữ tiến sĩ Horner đã dịch là "những

vấn-đề pháp lý", (ở đây người dịch Việt tạm dịch là những vấn-đề (hay sự xét xử) thuộc về giới luật). Những vấn-đề (sự xét xử) về giới luật này được giảng giải chi tiết trong Luật Tạng Vin Cv Kh 4/Vin ii.88–93; coi thêm quyển "Quyển Giới Luật" (Book of the Discipline, tức Luật Tạng) bởi nữ tiến sĩ Horner, 5:117–25.

- Nói ngắn gọn: (i) những vấn-đề về giới luật đối với một sự tranh-chấp (vivādādhikaraṇa) khởi sinh khi những Tỳ kheo tranh chấp về Giáo Pháp và Giới Luật; (ii) những vấn-đề về giới luật đối với một sự buộc-tội (anuvādādhikaraṇa) khi những Tỳ kheo buộc tội (khai tố) một Tỳ kheo đã

phạm vào một điều-luật của giới luật Tăng Đoàn; (iii) những vấn-đề về giới luật đối với một sự phạm-tội (āpattādhikaraṇa) khi một Tỳ kheo đã vi phạm một tội và đang tìm cách minh oan hay bào chữa cho mình; và (iv) những vấn-đề về giới luật liên quan đến những thủ-tục (kiccādhikaraṇa) là liên quan tới việc thực thi những vai trò chính thức của Tăng Đoàn (ví dụ sự xét xử sao cho đúng với những trình tự và thủ tục tố tụng, xét xử, hoặc biểu quyết tập thể Tăng Đoàn …).] (982)

983 [Nguyên văn chữ này là: Adhikaraṇasamatha. (Ở đây người dịch Việt tạm

dịch là sự giải-quyết những vấn-đề (vụ xét xử) về giới luật). Sự giải-quyết (hay phán quyết) những vấn-đề về giới luật đã được nói chi tiết trong Luật Tạng, Vin Cv Kh 4. Cách thức mà 07 phương tiện để giải-quyết những vấn- đề (vụ xét xử) về giới luật được áp dụng để đưa ra quyết-định (phán quyết) cho những vấn-đề (vụ xét-xử) về giới luật cũng đã được thảo luận trong Luật Tạng, Vin ii.93–104; mời đọc thêm quyển “Quyển Giới Luật” (Book of the Discipline, tức Luật Tạng) bởi nữ tiến sĩ Horner, 5:117–40.] (983)

984 [Nguyên văn chữ này là: Sammukhāvinaya. Nữ tiến sĩ Horner dịch là “sự

phán quyết trước sự chứng kiến của các bên”, (người dịch Việt tạm dịch là sự giải-quyết trước sự hiện diện của các bên). Trong Luật Tạng, Vin ii.93, sự giải-quyết trước sự hiện diện của các bên được giải thích là sự đối diện hay đối chất với [sự hiện diện của] Tăng Đoàn, Giáo Pháp, Giới Luật, và những cá nhân là các bên dính líu vụ tranh chấp. Cách giải-quyết này được áp dụng cho tất cả 04 loại vấn-đề (sự xét xử) về giới luật nói trên, mỗi trường hợp có thể khác nhau chút ít về sự tiến hành.] (984)

985 [Nguyên văn câu cuối này: Dhammanetti samanumajjitabbā (những nguyên lý hướng dẫn của Giáo Pháp cần phải được rút ra). MA đã đưa ra một ví dụ rằng chữ dhammanetti (những nguyên lý chính của Giáo Pháp, (tạm hiểu như) những đại ý hướng dẫn của Giáo Pháp và Giới Luật) là chỉ 10 đường nghiệp thiện và bất thiện, nhưng MA nói rằng ở đây thì chữ này là chỉ Giáo Pháp và Giới Luật.] (985)

986 [Nguyên văn chữ cuối là: Sativinaya. Nữ tiến sĩ Horner đã dịch nghĩa là

“phán quyết vô tội”. Trong Luật Tạng, Vin ii.80, có nói rằng trường hợp này được cho phép khi một Tỳ kheo là ‘trong-sạch và không phạm tội và người

đó đã bị khiển trách vì phạm một tội’; người đó phải yêu cầu Tăng Đoàn xét lại và ban cho mình sự phán quyết vô tội dựa vào trí nhớ chính xác và đầy đủ của mình về hành vi của mình là không phạm tội. (Ví dụ người bị cho là phạm tội trình bày lại rõ ràng với trí nhớ chính xác từng hành vi của mình là đã không phạm tội, và dựa vào trí nhớ

chính xác đó người đó thỉnh cầu Tăng Đoàn xem xét lại và giải quyết cho người đó được vô tội đúng như người đó thực là).] (986)

987 [Một tội liên quan sự suy bại, là một tội nặng pārājika (ba-la-di), đòi hỏi

sự trục xuất khởi Tăng Đoàn. Một tội gần tới sự suy bại có thể là (i) một tội sanghādisesa (tăng tàng), nòi hỏi một cuộc họp chính thức của Tăng Đoàn và một giai đoạn hình phạt tạm thời, hoặc là (ii) những bước phạm tội ban đầu đang dẫn tới phạm một tội nặng pārājika (ba-la-di).

- Ở đây tôi làm theo BBS và SBJ trong đó chỉ có một Tỳ kheo là người buộc tội; còn trong PTS thì dùng chữ dạng số nhiều. Trường hợp bên dưới cũng làm tương tự như vậy.] (987)

988 [Nguyên văn chữ cuối là: Amūḷhavinaya. Một phán quyết về sự mất-trí

trước đó có thể được cho phép trong trường hợp một Tỳ kheo đã vi phạm tội trong thời gian mất trí hay điên khùng. Tiêu chí để quyết định sự mất trí là người đó chắc chắn không có sự nhớ lại về hành vi của mình trong thời gian phạm tội mà dựa vào đó để phán quyết. (Ví dụ phán quyết dựa vào sự phạm tội của người đó vào tháng trước, nhưng có bằng chứng cho rằng người vi phạm không thể nhớ gì về quá khứ vi phạm của mình, hoặc người đó bị mất trí điên khùng trong lúc phạm tội nên không hề biết rằng mình phạm tội).] (988)

989 [Thủ tục được mô tả ở đây là một phương pháp đã được thiết lập trước

giờ, nhờ đó một Tỳ kheo có thể đạt được sự miễn tội tha tội bằng cách tuyên bố lời thú tội. (Đây là một sự phạm tội được xóa bỏ bằng sự thú tội).] (989)

990 [Nguyên văn chữ cuối: Pāpiyyāsikā. Nữ tiến sĩ Horner dịch nghĩa là “sự

quyết định đối với sự suy đồi rõ rệt”. Phán quyết này được tuyên bố để kết tội một Tỳ kheo là một người gây ra sự xung đột và tranh cãi trong Tăng Đoàn, là người ngu dốt và đầy tội lỗi, hoặc người sống không hòa hợp được với

những người tại gia.] (990)

991 [Nguyên văn chữ cuối này: Tiṇavatthāraka. Phương tiện này được dùng

khi Tăng Đoàn đã tham gia vào một vụ tranh chấp trong tiến trình tham gia đó những Tỳ kheo có thể phạm vào những tội nhẹ. Vì nếu cứ bắt lỗi những tội nhẹ này sẽ càng kéo dài cuộc tranh chấp xung đột, nên những tội nhẹ này sẽ được “xí xóa” bằng phương pháp như đã được mô tả trong bài kinh. (Nôm na nghĩa là, những tội nhẹ xảy ra trong tiến trình tranh chấp giữa các bên của các Tỳ kheo có thể được ‘bao’ miễn chấp, nếu cả hai đều xin thú tội để được miễn chấp).

- MA chú giải rằng: phương pháp này giống như dùng cỏ che lấp chỗ phân cứt để loại bỏ mùi hôi thối, do vậy nên có tên gọi là “sự bao phủ bằng cỏ”.] (991)

992 [Những tội cần phải bị sự chỉ trích nghiệm trọng là thuộc loại những tội

nặng pārājika (ba-la-di) và những tội nặng sanghādisesa (tăng tàng). Những tội dính líu với những người tại gia là những trường hợp mà một Tỳ kheo chê bai và phỉ báng những người tại gia.] (992)

993 [Mục 21 này giống như mục 6, kinh MN 48.] (993)

994 [Trong kinh MN 21, mục 21, lời như vầy đã được nói ra trong "ví dụ cái

cưa".] (994)

Kinh 105

995 [Về Sunakkhatta, mời coi lại kinh MN 12 (Quyển 1) và chú thích 177 ở

đầu kinh đó.] (995)

996 [Nguyên văn cụm chữ cuối: Adhimānena. MA: Nghĩa là họ tuyên bố vì sự

tự-ta (ngã mạn), tự coi mình đã chứng ngộ điều họ thực sự chưa chứng ngộ.] (996)

997 [MA diễn dịch nghĩa là: Nói rõ với họ về trình độ chứng đắc của họ.]

(997)

444 • Phần Chú Thích

998 [MA diễn dịch nghĩa là: Bởi vì động cơ của họ là sự tham-muốn, nên cái ý

định chỉ dạy Giáo Pháp của Như Lai [vốn khởi sinh dành cho những người tu thực sự (chân tu)] đã thay đổi [tức là ý định đó phai biến đi]. (Nghĩa là, Phật có ý chỉ dạy Giáo Pháp cho họ, nhưng nhìn thấy động cơ của họ là sự tham- muốn (tham muốn chứng đắc, thay vì sự từ-bỏ), nên Phật đã đổi ý).] (998)

999 [Nguyên văn cụm chữ cuối: Lokāmisa. Đây là chỉ năm dây khoái-lạc giác

quan (dục lạc).] (999)

1000 [Nguyên văn là chữ ānenja (BBS); āṇanja (PTS). Trạng thái "bất-động"

hay "bất-lay-động" hay "không còn động chuyển" này là thuật ngữ để chỉ những tầng chứng đắc thiền định từ tầng thiền định thứ tư (tứ thiền) và 04 tầng chứng đắc vô-sắc. Nhưng ở đây, do 02 tầng chứng đắc vô-sắc cao nhất (vô sở hữu xứ và phi tưởng phi phi tưởng xứ) đã được nói riêng trong các mục 12-15 bên dưới, cho nên có lẽ lời kinh chỗ này chỉ bao gồm tầng thiền định thứ tư và 02 tầng chứng đắc vô-sắc thấp hơn (không vô biên xứ và thức vô biên xứ) là "sự bất-động" mà thôi.] (1000)

1001 ['Bậc Sa-Môn' ở đây (viết Hoa) chính là Đức Phật.] (1001)

1002 (Câu "mặc dù trái với sự thật" nghĩa là: 'mặc dù sự nhìn nhận đó trái với

sự thật, mặc dù đó chỉ là sự ngộ nhận; tức là, mặc dù người đó chưa đạt tới như vậy'.)

- [Đọc theo phiên bản BBS là: evaṁmāni assa atathaṁ samānaṁ. CPD nói rằng cụm chữ atathaṁ samānaṁ có thể là một thể quy kết tuyệt đối. Đoạn này đề cập lại vấn đề "sự đánh giá quá cao về mình" đã được nói ra ở đầu kinh.] (1002)

1003 [Chỗ này tôi dịch theo phiên bản PTS, cách ghi của nó có lẽ được ủng hộ

bởi tất cả những phiên bản có trước BBS. Bởi vì vị bác sĩ (lương y) sau đó đã được ví như Như Lai, và lời kinh thì không thể gán một sự phán đoán sai lầm (như của vị bác sĩ) cho Đức Phật, nhưng BBS vẫn khăng khăng giữ sự áp dụng ví dụ này cho Đức Phật và do vậy nó đã "sửa lại" lời kinh thành sa- upādiseso ti jānamāno. Tôi đã dịch theo cách ghi này trong bản dịch đầu tiên trước kia của tôi, nhưng giờ tôi tin đó là một lỗi sai lầm về phần của BBS khi

đã thay đổi lời kinh; sự so sánh nghiêm ngặt các ví dụ không nhất thiết phải luôn khớp nhau chính xác.

- SBJ ghi giống theo BBS là sa-upādiseso, nhưng vẫn giữ lại chữ man- namāno, điều đó gần như là không mạch lạc về ngữ nghĩa.

- Tất cả các phiên bản đều có ghi chữ janamāno là một phân từ trong ví dụ đối nghịch bên dưới.

- Chỗ PTS ghi chữ alan kế bên dưới, chúng ta nên đọc đúng là analan như BBS và SBJ đã ghi, và điều này cũng được ủng hộ bởi MA.] (1003)

1004 [Tội bị ô-nhiễm là thuộc một trong 02 loại tội nặng là tội pārājika (ba-la-

di) và tội sanghādisesa (tăng tàng); mời coi lại chú thích 987 ở kinh MN 104, mục 16.

- Để ý rằng: Ví dụ này khó mà được áp dụng cho tương ứng chính xác toàn bộ, bởi vì nếu dục-vọng và vô-minh đã thực sự được loại bỏ khỏi một Tỳ kheo chỉ còn sót lại chút xíu tàn dư, thì vị Tỳ kheo đó dù đã ngộ nhận cũng đã là một bậc học-nhân (sekha), cho nên không thể nào hình dung được rằng một bậc thánh học-nhân còn có thể bỏ tu hoàn tục hoặc có thể phạm vào một tội ô-nhiễm nặng như vậy.—Có lẽ ở đây ví dụ này đã được dùng một cách thư lỏng, và vị Tỳ kheo đó cũng nên được hiểu là một người đã lầm tưởng (ngộ nhận) rằng dục-vọng và vô-minh đã được loại bỏ bên trong mình.] (1004)

1005 [Đồng nghĩa với câu này: mời coi lại thêm kinh MN 66, mục 17. MA giải

nghĩa chỗ này là: Bậc A-la-hán, được giải-thoát trong Niết-bàn, là sự tiêu diệt dục-vọng (diệt ái), [bằng cách lấy nó làm] một đối-tượng, sẽ không bao giờ hướng thân mình hay khởi tâm mình tới sự thích-thú năm dây khoái-lạc giác quan (ngũ dục) nữa.]

- (Về chữ upadhi (sự thu-nạp; (HV) sanh y): mời coi lại chú thích 654 ở kinh MN 64, mục 9 và chú thích 229 ở kinh MN 26, mục 11). (1005)

1006 [Ví dụ này giống trong kinh MN 46.19. Tôi làm theo BBS và SBJ có ghi

chữ rasasampanno, vốn không có ghi trong PTS.] (1006)

446 • Phần Chú Thích

Kinh 106

1007 [Về trạng thái "bất-động", mời coi lại chú thích 1000 trong kinh MN 105

kế trên, mục 10. Ở đây cũng vậy, chữ "sự bất-động" (trạng thái bất-động) chỉ gồm có tầng thiền định thứ tư (tứ thiền) và 02 tầng chứng đắc vô-sắc đầu tiên (không vô biên xứ và thức vô biên xứ).] (1007)

1008 [MA chú giải rằng, chữ "những khoái-lạc giác quan" (dục lạc) ở đây là

chỉ cả những đối-tượng khoái-lạc giác quan và những ô-nhiễm về nhục dục (dục lậu).] (1008)

1009 [MA giải nghĩa câu này là: "sau khi đã vượt trên thế gian dục-giới và sau

khi đã quyết định với một cái tâm có tầng thiền định [jhāna] là đối-tượng của nó."] (1009)

1010 [MA chú giải câu "tâm người đó sẽ đạt được niềm tự-tin vào cơ sở này"

có nghĩa là (i) người đó sẽ đạt được sự minh-sát (tuệ) nhắm tới sự đạt tới thánh quả A-la-hán, hoặc (ii) sẽ đạt được sự tiếp-cận tới tầng thiền định thứ tư (tứ thiền). Nếu người đó đạt được sự tiếp cận tới tầng thiền định thứ tư, điều đó sẽ trở thành cơ-sở để đạt tới "sự bất-động" cũng chính là trạng thái tầng thiền định thứ tư đó. Nhưng nếu người đó đạt được sự minh-sát, thì "người đó nhất quyết luôn [theo nó] bằng trí-tuệ" bằng cách làm sâu sắc sự minh-sát của mình để đạt tới thánh quả A-la-hán. Thành ngữ "giải quyết/nhất quyết bằng trí-tuệ" có thể giải thích được lý do tại sao nhiều chỗ ở những phần sau của kinh này đã được diễn đạt bằng những câu chữ tương thích với sự tu tập minh-sát (thiền quán), cho dù chúng lần lượt đạt tới đỉnh cao là những cấp bậc chứng đắc thiền-định.] (1010)

1011 [MA chú giải chỗ này mô tả tiến trình tái sinh của một người tu đã không

thể chứng ngộ thánh quả A-la-hán sau khi đã đạt tới tầng thiền định thứ tư. "Thức tiến hóa" (saṁvattanikaṁ vinnāṇaṁ) là thức quả và bằng thức quả đó một người được tái sinh, và thức này có cùng bản chất bất-động giống như "thức do nghiệp tạo ra" đã đạt tới tầng thiền định thứ tư. Vì nó là thức của tầng thiền định thứ tư quyết định sự tái-sinh, nên cá nhân này sẽ được tái sinh trong một trong những hạng cõi cao thượng tương ứng với tầng thiền định thứ tư.] (1011)

447 • Phần Chú Thích

1012 MA nói rằng đây là sự suy-xét (quán chiếu) về một người đã chứng đắc

tầng thiền định thứ tư. Vì người đó gồm có sắc-thân trong số những thứ (sắc giới) cần phải được vượt qua, nên (i) nếu người đó đạt tới "sự bất-động" thì người đó đạt tới cảnh 'không vô biên xứ' (cảnh xứ của không gian vô biên), và (ii) nếu người đó không chứng

ngộ A-la-hán thì người đó được tái sinh trong cảnh giới không gian vô biên.] (1012)

1013 [MA nói rằng đây là sự suy-xét (quán chiếu) về một người đã chứng đắc

'không vô biên xứ'. Nếu người đó đạt tới "sự bất-động", thì người đó đạt tới cảnh 'thức vô biên xứ' (cảnh xứ của thức vô biên) và được tái sinh trong cảnh 'thức vô biên xứ' đó nếu người đó không đạt tới thánh quả A-la-hán.] (1013)

1014 [Đây là sự suy-xét (quán chiếu) về một người đã chứng đắc 'thức vô biên

xứ (cảnh xứ của thức vô biên) và nhắm tới sự chứng đắc 'vô sở hữu xứ' (cảnh xứ không-có-gì, cảnh xứ trông-không).] (1014)

1015 [MA gọi đây là sự trống-không hai điểm—đó là (i) sự trống vắng cái 'Ta'

(vô ngã) và (ii) sự trống vắng cái 'của-ta' (vô sở hữu)—và nói rằng giáo lý về 'vô sở hữu xứ' này được thuyết giảng theo cách sự minh-sát (thiền quán) hơn là theo cách sự định-tâm (thiền định); đây là cách tiếp cận đã được dùng trong phần kế trên.

- Trong kinh MN 43.33, sự quán niệm (thiền quán) này được cho là dẫn tới sự giải-thoát của tâm nhờ sự không-có-gì (sự trống-không, vô sở hữu).] (1015)

1016 [MA gọi đây là sự trống-không bốn điểm và giải thích là: (i) người đó

không nhìn thấy cái 'ta' (ngã, bản ngã) của mình ở đâu nào; (ii) người đó không nhìn thấy một cái 'ta' nào của mình có thể được coi là thứ thuộc về người khác [ví dụ anh, em, bạn ...]; (iii) người đó không nhìn thấy cái 'ta' nào của người khác; (iv) người đó không nhìn thấy cái 'ta' nào của người khác có thể được coi là thứ thuộc về mình.

- Ms có ghi một chú giải bởi nhà sư Ñm là: "Những lời diễn đạt này [trong đoạn này và đoạn kế tiếp] dường như là những khẩu hiệu hay sự mô tả được rập khuôn về những sự chứng đắc (trạng thái) vô sở hữu (không-có-gì, trống

không) và (trạng thái) phi tưởng phi phi tưởng (không có nhận-thức cũng không phải không có nhận-thức), nguyên thủy chúng không phải của Phật giáo, và đôi lúc được dùng làm cơ-sở cho quan-điểm có 'thân hiện-hữu' [=danh tính] (thân kiến)." Mời coi lại chú giải số 19 của Ñm đối với lời giảng giải trong Thanh Tịnh Đạo, Vsm XXI, 53, để được thảo luận và tham chiếu thêm.] (1016)

1017 [MA giải nghĩa mấy câu này là: "Nếu vòng (luân hồi) nghiệp đã không

được tích tạo bởi ta, thì hiện tại đối với ta không có vòng quả; nếu vòng nghiệp không được tích tạo bởi ta, thì tương lai đối với ta sẽ không có vòng quả." Và "Cái đang hiện-hữu, là cái (trước kia) đã ắt sẽ trở thành": chính là năm uẩn.

- Phần đầu của công thức này cũng có lẽ là công thức cô đọng của một quan- điểm được nắm giữ bởi những người phi Phật giáo. Một số bài kinh đã nhận dạng công thức này là một sự diễn đạt của quan-điểm tự diệt-vong (đoạn kiến), đã được ứng dụng bởi Đức Phật với những ý nghĩa mới Phật gán vào cho nó. Để coi thêm những kinh có lặp lại

công thức này, mời đọc lại các kinh SN 22:55 (người dịch Việt không tìm thấy số hiệu các kinh 56, 99, 183, 206 mà TKBĐ đã ghi là có lặp lại công thức này) và kinh AN 7:55. (Quý vị nên đọc thêm chú thích ở đầu kinh SN 22:55 (Quyển 3), chú thích số 50/(75), và chú thích ở mục (1) của kinh AN 7:55, chú thích số 1375/(1532).)

- MA nói rằng người đó đạt được sự buông-xả của sự minh-sát, nhưng từ mục 11 trở đi thì có lẽ ý lời kinh cũng chỉ sự buông-xả của cảnh xứ phi tưởng phi phi tưởng.] (1017)

1018 [Ở đây có sự chơi chữ mà không thể nào tái tạo nó thành công trong bản

dịch. Động từ parinibbāyati, được dịch là "đạt tới Niết-bàn", cũng được dùng với nghĩa là sự tắt đi của một ngọn lửa. Sự đạt tới (chứng ngộ, chứng đắc) Niết-bàn như vậy là "sự tắt đi" của lửa tham, sân, si. Sự dính-chấp (upādāna, chấp thủ) là chỉ cái nhiên liệu mà ngọn lửa dùng để cháy. Như vậy thức cứ liên tục trong vòng luân hồi tái-sinh cho đến khi nào thức vẫn còn được duy trì bởi nhiên liệu là sự dính-chấp. Khi những ô-nhiễm đã bị dập tắt, thì không còn nhiên liệu để cho thức đốt cháy, và như vậy Tỳ kheo không-còn sự dính- chấp thì sẽ "tắt đi" bằng cách đạt tới Niết-bàn. Đối tượng vi tế nhất của sự

dính-chấp, tức là nhiên liệu vi tế nhất [mà phần thảo luận tiếp sau sẽ cho thấy], chính là cảnh xứ 'phi tưởng phi phi tưởng'.] (1018)

1019 [MA giải thích: Điều này được nói vậy là đề cập tới sự tái-sinh của người

đã chứng đắc 'phi tưởng phi phi tưởng xứ'. Nghĩa rằng người đó đã nhận lấy sự tái sinh trong cảnh giới hiện-hữu tốt nhất, cao nhất (trong số những cảnh giới thiền-định).] (1019)

1020 [Nguyên văn cụm chữ này: Nissāya nissāya oghassa nittharaṇā. MA giải

nghĩa là: Đức Phật đã giảng giải 'sự vượt qua dòng lũ' cho một Tỳ kheo sử dụng cơ-sở là một trong những tầng chứng đắc thiền định từ tầng thiền định thứ ba (tam thiền) cho tới tầng chứng đắc vô-sắc thứ tư (phi tưởng phi phi tưởng xứ) [để đạt tới thánh quả A-la-hán]. (Nói cách khác: "sự trợ-giúp" ở đây là một tầng thiền định từ 'tam thiền' cho đến 'phi tưởng phi phi tưởng xứ'.).] (1020)

1021 [MA: Câu hỏi của thầy Ānanda có chủ ý khơi gợi từ Đức Phật về vấn đề

tu-tập của một người tu thiền minh-sát khô (sukkhavipassaka), là người tu đạt tới thánh quả A-la-hán mà không cần dựa vào tầng thiền định nào. (Thiền minh-sát khô có nghĩa là chỉ có tu minh-sát chứ không có tu định-tâm, minh- sát khô là không bị 'dính ướt' bởi thiền định; chỉ tu thiền quán chứ không có thiền định).] (1021)

1022 [Nguyên văn câu này: Esa sakkāyo yāvatā sakkāyo. MA chú giải rằng:

Đây là danh-tính cá nhân trong sự toàn-thể của nó—chỉ là danh-tính (cá thể hiện hữu) trong vòng luân hồi của 03 cõi hiện-hữu; không có danh-tính cá nhân nào nằm ngoài (thoát khỏi) cái vòng này.] (1022)

1023 [MA giải nghĩa: chỗ này là chỉ thánh quả A-la-hán của một người tu

thiền minh-sát khô. MṬ đã bổ sung thêm rằng: thánh quả A-la-hán được gọi là "sự Bất Tử" bởi vì nó có mùi vị của sự Bất Tử, được chứng đắc dựa trên cơ sở là Niết-bàn Bất Tử.] (1023)

Kinh 107

1024 [MA chú giải là: Không thể nào xây dựng một lâu đài 07-tầng trong một

ngày. Sau khi chỗ xây đã được dọn sạch, từ lúc làm nền móng cho đến lúc sơn xong lâu đài thì có 07 bước tiến tiến dần.] (1024)

1025 [Gaṇaka: kế toán, người tính sổ. Tên của ông Gaṇaka Moggallāna có

nghĩa là "Kế toán Mục-kiền-liên".] (1025)

1026 [Về ví dụ huấn luyện ngựa, coi thêm kinh MN 65.33.] (1026)

1027 [Trong khi những bước-tu dẫn trước là những tiêu chuẩn cần thiết đối với

những Tỳ kheo đang tu tập để chứng thánh quả A-la-hán, thì những bước-tu đó cũng là ích-lợi cho những A-la-hán bằng cách chúng đưa đến "một sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này".

- MA nhận định chữ "sự an trú" = 'sự chứng đắc thánh quả A-la-hán' và giải thích rằng: có một số A-la-hán có thể chứng nhập vào thánh quả dễ dàng bất cứ lúc nào, trong khi những A-la-hán khác phải áp dụng bản thân một cách chuyên-chú theo các bước-tu đó để có thể chứng nhập vào thánh quả.] (1027)

1028 [Nguyên văn câu cuối: Maggakkhāyī Tathāgato. Đối chiếu với kinh Pháp

Cú, Dhp 276: "Các người phải tự mình chuyên-cần tu; những Như Lai chỉ chỉ ra con-đường."] (1028)

1029 [Tiếp theo là giống nội dung lời kinh ở mục 32, kinh MN 5.] (1029)

1030 [Nguyên văn cụm chữ cuối: Paramajjadhammesu. MA giải nghĩa: Giáo

thuyết của Cồ-Đàm là tối thượng, cao nhất trong số những giáo lý đương đại—hơn những giáo lý của 06 đạo sư ngoại đạo.] (1030)

Kinh 108

1031 [MA nói rằng sau khi xá lợi của Phật đã được phân phát, thầy Ānanda đã

đến thành Rājagaha (Vương Xá) để tuyên tụng phần Giáo Pháp (Kinh Tạng) [ở Hội Đồng Kết Tập Kinh Điển Lần 1].] (1031)

1032 [Vua Pajjota là bạn hữu của Vua Tần-bì-sa-la (Bimbisāra) của xứ Ma-

kiệt-đà (Magadha), người đã bị giết bởi con trai của mình là Vua A-xà-thế đang được nói đến. Theo MA, A-xà-thế nghĩ rằng Vua Pajjota sẽ tìm cách trả

thù kẻ đã giết hại bạn hữu của mình.] (1032)

1033 [Về vị tể tướng này, mời coi kinh dài DN 16.1.2–5.] (1033)

1034 [Việc thêm vào câu này cho thấy rằng Tăng Đoàn không phải được quản

trị bằng những phán quyết cá nhân của những thành viên của nó mà bằng Giáo Pháp và những điều giới-luật đã được đặt ra cho Tăng Đoàn bởi Đức Phật. Trong đó các Tỳ kheo làm theo lời chỉ thị cuối cùng của Phật: "Những gì ta đã chỉ dạy và giảng giải cho các thầy là Giáo Pháp và Giới Luật, khi ta mất đi, đó sẽ là Vị Thầy của các thầy." [Kinh DN 16.6.1].] (1034)

1035 [Về các động từ thiền này, mời coi lại chú thích 525 ở kinh MN 50.13,

Quyển 1).] (1035)

Kinh 109

1036 (Kinh này là giống kinh SN 22:82). [Ngày rằm là ngày 15 mỗi tháng âm

lịch, tức là ngày thứ 15 của tuần thứ hai. Về những ngày Bố-tát: mời coi lại chú thích 59 ở kinh MN 4, mục 20 (Quyển 1) và chú thích 809 ở kinh MN 83, mục 3 (Quyển 2).] (1036)

1037 [MA chú giải rằng vị Tỳ kheo này là một A-la-hán và là thầy của 60 Tỳ

kheo khác sống cùng với vị ấy ở trong rừng, chuyên-cần (tinh cần, phấn đấu) thiền tập. Với sự chỉ dẫn của vị thầy này, họ đã tu tập nhiều sự-biết của minh- sát nhưng vẫn không chứng đắc những thánh đạo và thánh quả. Do vậy vị thầy này đã đưa họ đến gặp Đức Phật với hy vọng Phật có thể chỉ dẫn cho họ đạt tới những sự chứng đắc siêu thế đó. Giờ vị thầy hỏi Phật những câu hỏi, không phải do vị thầy này còn nghi-ngờ, mà để Phật trả lời để xua tan những nghi-ngờ của những đệ tử của mình sau khi họ nghe Phật giải đáp.] (1037)

1038 [Nguyên văn cụm chữ cuối: Chandamūlakā. MA giải nghĩa chữ chanda

ở đây là dục-vọng (taṇhā); dục-vọng là nguồn gốc của sự khổ, sự khổ là nằm trong năm uẩn (năm uẩn chính là sự khổ).] (1038)

1039 [Chỗ này giống lời kinh ở kinh MN 44, mục 6.] (1039)

1040 [(1) Trong uẩn (tập hợp, đống, tổ hợp) sắc-thân (sắc uẩn) mỗi yếu-tố của

bốn yếu-tố lớn (tứ đại) là một điều-kiện (duyên) cho ba yếu-tố còn lại và cho những thể sắc phái sinh. (2) Sự tiếp-xúc là một điều-kiện (duyên) cho mỗi uẩn thuộc ba uẩn giữa (cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác), như đa được Phật nói rằng: "Này các Tỳ kheo, khi (đã) có tiếp-xúc, người ta cảm-nhận, có tiếp-xúc người ta nhận-thức, có tiếp-xúc người ta ý-muốn." [Kinh SN 35:93].

- MA giải thích rằng: (i) tại thời khắc thụ thai thì [những hiện tượng vật chất (sắc) + 03 uẩn thuộc tâm (thọ, tưởng, hành)] khởi sinh thành = phần danh-sắc và đây trở thành một điều-kiện (duyên) cho 'thức tái-sinh'. (ii) Trong tiến trình sự sống thì [các căn cảm-nhận thuộc thân (các giác quan thân, thân căn) + những đối-tượng giác quan + 03 uẩn thuộc tâm (thọ, tưởng, hành)] thành = 'phần danh-sắc' và đây là một điều-kiện (duyên) cho 'thức cảm-nhận'.] (1040)

1041 [Lời kinh mục 10-11 ở đây giống mục 7–8 của kinh MN 44, (Quyển 1).]

(1041)

1042 [Dường như ở đây Tỳ kheo này có sự khó khăn trong việc hiểu được cách

nghiệp có thể tạo ra nghiệp quả khi không có cái 'ta' (ngã) nhận lãnh nó.] (1042)

1043 [Cách ghi câu này trong nhưng phiên bản là rất khác nhau. Kinh này cũng

chính là kinh SN 22:82 và cách ghi trong đó [paṭipucchā vinītā] dường như đúng hơn so với cách ghi trong kinh MN 109 này [trong PTS ghi là: paṭicca vinītā; trong BBS ghi là: paṭivinītā]. Lời dịch ở đây là dịch theo cách ghi trong kinh SN 22:82. Bản dịch của Ñm, dựa trên phiên bản MN của PTS, thì ghi là: "Bây giờ, này các Tỳ kheo, các thầy đã được huấn luyện bởi ta về [tính điều-kiện] tùy thuộc trong những trường hợp khác nhau." Không có phiên bản nào ghi câu này ở dạng thành ngữ tiếng Pāli, và những luận giảng của hai bộ kinh MN (là MA) và SN (là Spk) đều không chú giải gì về chỗ này.] (1043)

1044 [MA chú giải rằng: 60 vị Tỳ kheo đã bỏ những chủ-đề (đề mục) thiền ban

đầu của họ và điều tra tìm hiểu một chủ-đề mới [dựa trên bài thuyết giảng này của Phật, MṬ nói]. Trong khi không đổi tư thế, ngay trên chỗ ngồi của họ, họ đã chứng ngộ thánh quả A-la-hán.] (1044)

Kinh 110

1045 [Nguyên văn là: asappurisa. MA giải nghĩa chữ này = pāpapurisa: người

xấu, người xấu ác. (Nhà sư Ñanamoli [Ñm] thì dịch là người không chân thật (bất chân nhân).] (1045)

Kinh 111

1046 [Nguyên văn cụm chữ diễn đạt này: Anupadadhammavipassanā. MA chú

giải rằng thầy Xá-lợi-phất đã tu tập sự minh-sát nhìn thấu những trạng thái theo thứ tự liên tiếp tính theo những sự chứng đắc thiền định và những yếu tố của các tầng thiền định, như sẽ được mô tả tiếp theo từ (1)-(9).

- Thời gian nửa tháng (2 tuần) là tính từ lúc thầy Xá-lợi-phất thụ giới thành Tỳ kheo dưới Đức Phật cho tới lúc thầy ấy chứng ngộ A-la-hán trong khi đang lắng nghe Đức Phật giảng giải về 'sự hiểu-biết những cảm-giác' cho du sĩ Dīghanakha [là cháu của thầy Xá-lợi-phất; như đã ghi trong kinh MN 74, mục 14].] (1046)

1047 [Năm trạng thái (yếu tố) đầu tiên trong danh sách này là những yếu tố

tầng thiền định của tầng thiền định thứ nhất; những trạng thái sau là những thành phần bổ sung thêm, mỗi thành phần thực hiện chức năng riêng của chúng bên trong tầng thiền định. Đây là sự phân tích tỉ mỉ vi tế; việc phân tích những trạng thái tâm ra thành những thành phần của chúng như vầy là sự tiên phong mở đường cho phương pháp luận của Vi Diệu Pháp (Abhi- dhamma) sau này!, và chính vì vậy cái tên thầy Xá-lợi-phất đã gắn liền với sự xuất hiện của kinh điển Vi Diệu Pháp.] (1047)

1048 [Tất cả những thuật từ này chỉ 'sự khống-chế tạm thời những ô-nhiễm'

bằng sức mạnh của tầng thiền định; đây chưa phải là sự giải-thoát rốt ráo nào khỏi những ô-nhiễm (lậu hoặc) thông qua sự bứng bỏ chúng bằng thánh đạo cao nhất mà ngay chỗ này của bài kinh thầy Xá-lợi-phất vẫn chưa đạt tới đó.] (1048)

1049 ["Sự thoát-khỏi cao hơn nữa" (uttariṁ nissaraṇaṁ) ở đây là chỉ sự chứng đắc cao hơn kế tiếp, như ở đây là tầng thiền định thứ hai là sự chứng

đắc cao hơn kế tiếp của tầng thiền định thứ nhất.] (1049)

1050 [Đọc theo cách ghi của phiên bản BBS là passaddhattā cetaso anābhogo.

MA chú giải rằng: "sự quan-tâm của tâm với sự sướng (lạc)", vốn có mặt trong tầng thiền định thứ ba, đến lúc này (tầng thiền định thứ tư) được coi là thô tế, và sau khi nó đã lặn mất thì có "sự vô-tư của tâm do sự tĩnh-lặng (khinh an)". (Tức: 'sự vô-tư của tâm' trong tứ thiền là sự không còn 'sự quan-tâm của tâm đối với sự sướng' trong tam thiền).

- Cách ghi trong phiên bản PTS là passi vedanā thì khó hiểu được là gì và rõ ràng là lỗi sai khi ghi chép.] (1050)

1051 [Phương pháp hồi-nhớ gián tiếp này phải được dùng để quán sát tầng

chứng đắc vô-sắc thứ tư này, bởi vì tầng chứng đắc này, do nó cực kỳ vi tế nên nó không thể đi vào tầm điều-tra (trạch pháp) trực tiếp của những đệ tử. Chỉ có những vị Phật toàn giác mới có khả năng quán sát nó một cách trực tiếp.] (1051)

1052 [MA đã đưa ra 'lời chú-giải về đoạn này' được truyền lại bởi 'những bậc

trưởng lão ở Ấn Độ' như vầy: "Trưởng lão Xá-lợi-phất đã tu dưỡng sự vắng- lặng (định) và sự minh-sát (tuệ) một cách kết hợp song đôi với nhau và đã chứng ngộ thánh quả Bất-lai. Sau đó thầy ấy chứng nhập vào sự chứng đắc sự chấm-dứt (diệt định, diệt thọ tưởng), và sau khi thoát ra khỏi đó thầy ấy chứng ngộ thánh quả A-la-hán."] (1052)

1053 [Bởi vì không có những yếu-tố của tâm trong trạng thái chứng đắc sự

chấm-dứt (diệt định, diệt thọ tưởng định), nên MA nói rằng chữ "những trạng thái đó" ở đây là chỉ những trạng thái của sắc-thân đã đang xảy ra trong khi chứng đắc sự chấm-dứt (diệt định), hoặc chỉ những yếu-tố của tâm của tầng chứng đắc vô-sắc thứ tư

kế trước đó (tức chỉ những yếu-tố của tâm trong phi tưởng phi phi tưởng xứ).] (1053)

1054 [Lưu ý: đây là sự nhận biết rằng "không còn sự thoát-khỏi cao hơn" sự

chứng đắc thánh quả A-la-hán.] (1054)

1055 [Hai chữ này là: vasippatto pāramipatto. Mời coi lại thêm chú thích 763

455 • Phần Chú Thích

ở kinh MN 77, mục 15.] (1055)

Kinh 112

1056 [Mời coi lại chú thích 17 ở kinh MN 1, mục 19.] (1056)

1057 [Giống lời trong kinh MN 111, mục 4, nhưng ở đây những thuật ngữ chỗ

này được nói ra để chỉ sự bứng-bỏ hoàn toàn những ô-nhiễm (lậu hoặc) bởi thánh đạo A-la-hán.] (1057)

1058 [MA: Tất cả những thuật ngữ chỗ này đều chỉ dục-vọng (ái) và những

quan-điểm này nọ (tà kiến).] (1058)

1059 [MA: Cụm chữ đầu phủ định sự coi yếu-tố đất là cái 'ta' (ngã); cụm chữ

thứ hai phủ định sự coi những yếu-tố thuộc vật chất và thuộc tâm [khác với yếu-tố đất] là cái 'ta'. Cách chú giải tương tự cho các yếu-tố còn lại.] (1059)

1060 [Lời kinh có vẻ dư thừa khi đề cập cả những hình-sắc (rūpā) và những

thứ nhận biết được [bởi tâm] thông qua thức mắt (cakkhuvinnāṇa-vinnātabbā dhammā).

- MA đã đề cập 02 ý kiến được đưa ra để giải quyết chỗ vấn đề này. (i) Một là coi "những hình-sắc" là chỉ những thứ nhìn thấy được thực sự đi vào sự nhận biết, đó là "những thứ nhận biết được..." cho đến những thứ nhìn thấy được chấm dứt mà không được nhận biết. (ii) Thứ hai là coi là chữ trước là chỉ tất cả những hình-sắc một cách không phân biệt và chữ sau chỉ 03 uẩn thuộc tâm có vai trò kết nối với thức mắt.] (1060)

1061 [MA chú giải: sự tạo nên cái 'ta' (ahankāra) là sự tự-ta (ngã mạn) và sự

tạo nên cái 'của-ta' (mamankāra) là dục-vọng (ái). "Tất cả những dấu-hiệu ở bên ngoài" (nimitta, những hình tướng) là những đối-tượng ở bên ngoài.] (1061)

1062 [MA giải thích rằng: 'Trí-biết về sự nhớ lại những kiếp quá khứ' (túc

mạng minh) và 'trí-biết về sự nhìn thấy những chết đi và tái sinh tùy theo những nghiệp của họ' (thiên nhãn minh) vốn luôn được ghi chung với đoạn kinh mẫu và ngữ cảnh như vầy, nhưng đã không được đưa vào ở đây, bởi vì

456 • Phần Chú Thích

nguyên câu hỏi ở mục 11 là liên quan tới thánh quả A-la-hán, chứ không liên quan đến những sự chứng đắc thế tục.] (1062)

1063 [MA nói rằng bài kinh này cũng được gọi tên là Ekavissajjita Sutta (Kinh

Một Câu Trả Lời Đơn Lẻ). MA thấy khó khăn trong việc tính thành "sáu phần" như đã được ghi ở tên bài kinh, bởi vì thực ra chỉ có 05 câu hỏi và 05 phần trả lời đã được ghi trong bài kinh. MA đã gợi ý rằng: (i) nên chia hạng mục thứ năm thành 02 phần—phần "thân có-thức của mình" và "thân có- thức của người khác"—và (ii) nó cũng đề nghị một ý kiến khác rằng: bốn dưỡng-chất (thực dưỡng) nên được đưa vào bài kinh như phần thứ sáu. Tuy nhiên, cả hai sự gợi ý này đều có vẻ không hợp lý hay thuyết phục. Và dường như chúng ta nên chấp nhận rằng: phần thứ sáu có thể đã bị mất đi trong quá trình truyền tụng.] (1063)

Kinh 113

1064 [Nguyên văn: sappurisadhamma; asappurisadhamma người dịch là "tính

cách của một người tốt; tính cách của một người xấu".] (Về chữ asappurisa, coi chú thích 1045 ở kinh MN 110 ở trên được giải nghĩa là "người xấu", và ngược lại sappurisa là "người tốt". Nhà sư Tỳ Kheo Ñanamoli [Ñm] đã dịch là người chân thật (chân nhân) và người không chân thật (bất chân nhân).)] (1064)

1065 [Những phẩm chất (10)-(18) là 09 trong 13 sự tu-tập khổ hạnh vừa phải

(hạnh đầu-đà) đã được Phật cho phép để giúp người tu mau loại bỏ tham, sân, si, và hạnh đầu-đà này đã được thảo luận chú giải trong Vsm II. "Người chỉ ngồi không nằm" (nesajjika) tu tập sự khổ hạnh không bao giờ nằm, khi ngủ thì ngủ trong tư thế ngồi.] (1065)

1066 [MA giải thích sự "không nhận-dạng" (atammayatā, nghĩa gốc: không

gồm cái đó, không tính cái đó) là sự không có [vắng bặt] dục-vọng (hết ái). Tuy nhiên ngữ cảnh lời kinh gợi ý ở đây nó dường như có nghĩa là sự không có [vắng bặt] sự tự-ta (hết ngã mạn). (?)

- Câu "bởi vì cho dù họ nhìn-nhận theo bất cứ cách nào, sự thật luôn khác điều đó" (yena yena hi mannanti tato taṁ hoti annathā) là một câu đánh đố

về mặt triết học, cũng xuất hiện trong kinh Sn 588, Sn 757, và Ud 3:10. Mặc dù MA không chú giải về câu này, nhưng luận giảng về tập kinh Udāna (Kinh Phật Tự Thuyết) [về kinh Ud 3:10] đã chú giải câu này có nghĩa là: cho dù những người trần tục nhìn nhận năm uẩn theo bất cứ cách nào—là cái 'ta' (ngã) hay cái 'của-ta', vân vân—thì thứ được nhìn nhận đó thực ra là khác với cái họ đã nhìn nhận hay gán cho nó: tức là, đó không phải là cái 'ta' (ngã) hay 'của-ta' (ngã sở) nào cả.]

- (Nghĩa câu này nôm na là: "Phật đã nói về sự không nhận-dạng (không đồng hóa mình với một sự vật hay một trạng thái hay một sự chứng đắc; không nhận thứ nào

hay sự chứng đắc nào ‘ta’ hay ‘của-ta’), tức đó là (như chú giải) là sự (trạng thái) hết dục-vọng hay hết ngã-mạn trong người chứng đắc. Như vậy sự chứng đắc tầng thiền định không có nghĩa là người đó đã hết dục-vọng hay hết ngã-mạn, và do vậy sự chứng đắc đó không phải là tiêu- chuẩn đầy đủ để đánh giá cao về một người tu!”). (1066)

1067 [Lưu ý: ở đây không có đoạn nói về “một người xấu” chứng nhập và an

trú trong sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tưởng). Không giống những tầng thiền định (jhāna) và những tầng chứng đắc vô-sắc ở trên vốn đều có thể chứng đắc được bởi người phàm phu, sự chấm-dứt nhận-thức và cảm- giác (diệt thọ tưởng, diệt định) là trú xứ của riêng những bậc thánh Bất-lai và A-la-hán.] (1067)

1068 [Nguyên văn cả câu cuối: Na kinci mannati, na kuhinci mannati, na ke-

naci mannati. Đây là câu kết luận vắn tắt của tình huống ngữ cảnh giống hệt đã được mô tả đầy đủ trong kinh MN 1 từ mục 51–146. Về “sự nhìn-nhận” này nọ, mời coi lại chú thích 6 trong kinh MN 1, mục 3.] (1068)

Kinh 114

1069 [Những đoạn “lời giảng” đầu của Phật chỉ như đưa ra “bảng mục lục”

(tóm lược, đề cương, mẫu đề), sau đó thầy Xá-lợi-phất sẽ phân-giải một cách chi tiết và mở rộng phần chính của bài kinh.] (1069)

1070 [Cụm chữ “là loại này hoặc loại kia” nguyên văn là annamannaṁ. MA

chú giải nghĩa là: Hai loại là riêng biệt với nhau, và không cách nào loại này

458 • Phần Chú Thích

có thể được coi là loại kia.] (1070)

1071 [Mặc dù trong các kinh khác thì cách-nhìn sai lạc (tà kiến) và cách-nhìn

đúng đắn (chánh kiến) thường được bao gồm trong phần “hành vi tâm” này {ví dụ như trong kinh MN 41 thì tà-kiến và chánh-kiến có ghi trong đoạn (3) mục 10 và đoạn (3) mục 14}, nhưng trong kinh này chúng được tách ra và được nói riêng trong mục 10 bên dưới như một phần thuộc “sự thu nạp quan- điểm” (kiến sanh y).] (1071)

1072 [Trong khi sự thèm-muốn và sự ác-ý được mô tả trong mục 7 có sức

mạnh của một đường-nghiệp (kammapatha) trọn vẹn, nhưng trong phần này nói về “khuynh-hướng của tâm” (cittuppāda) thì chúng được nói ra chỉ như những khuynh-hướng (tính khí) mới chớm manh nha chứ chưa bung thành những sự cố-ý (tư, ý hành) ám muội trong tâm.] (1072)

1073 [“Sự thu nạp cá-tính” (ngã tánh sanh y) là tạm dịch chữ at- tabhāvapaṭilābha, ở đây chữ này có nghĩa chỉ “hình thức tái-sinh” (kiểu tái sinh).] (1073)

1074 [Cụm chữ cuối aparinitṭhitabhāvāya (ngăn cản người đó đạt tới sự kết-

cuộc). Cách diễn đạt này chỉ có duy nhất trong 01 kinh này!!! MA giải nghĩa nó là = bhavānaṁ apariniṭṭhita bhāvāya, và giải thích rằng: Có 04 hình thức hiện-hữu cá thể (kiểu tái sinh) còn dính (sẽ bị, nối kết, câu hữu) khổ đau (sabyābajjhattabhāvā). (i) Thứ nhất là hạng người phàm phu không thể đạt tới sự kết-cuộc của sự hiện-hữu trong kiếp sống của mình; đối với người đó, từ lúc tái sinh trở đi, những trạng thái bất thiện gia tăng và những trạng thái thiện gia giảm, và người đó phát tạo một cá-tính đi kèm với khổ đau. Cũng giống như vậy đối với (ii) bậc Nhập-lưu, (iii) bậc Nhất-lai, và (iv) bậc Bất-lai. Ngay cả những bậc Bất-lai cũng vẫn chưa diệt sạch dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái), và do vậy họ chưa đạt đến sự kết-cuộc.

- Còn những cá-thể [được đề cập kế tiếp trong bài kinh] là những người thu nạp sự hiện-hữu cá thể không còn dính (hết bị, không nối kết, không câu hữu) khổ đau (abyābajjhattabhāvā) là 04 hạng người nhập vào kiếp hiện-hữu cuối cùng và ở đó họ sẽ đạt tới thánh quả A-la-hán (không còn hiện-hữu nữa). Ngay cả người phàm phu trong kiếp hiện-hữu cuối cùng cũng có khả năng

kết thúc sự hiện-hữu, giống như 'kẻ cướp giết người hàng loạt' như Angu- limāla đã làm được. Sự hiện-hữu của họ được cho là "không còn khổ đau", và họ được cho là đã đạt tới sự kết-cuộc.] (1074)

1075 [MA chỉ ra rằng mệnh đề "Những hình-sắc là loại này hoặc loại kia" đã

không được ghi ở đây bởi vì sự phân biệt không nằm ở đối-tượng mà ở sự tiếp cận nó (của người tu). Vì đối với một người, tham-dục và những ô-nhiễm khác khởi sinh tới một hình-sắc A nào đó, nhưng người khác tu tập được sự chán-bỏ và sự tách-ly đối với hình-sắc A đó.] (1075)

1076 [MA nói rằng: nhưng ai học hiểu lời kinh và những chú giải luận giảng

về kinh này mà không thực hành đúng theo nó thì không thể được cho là "hiểu được ý nghĩa chi tiết". Chỉ những ai thực hành đúng theo bài kinh thì mới được mô tả là "hiểu được ý nghĩa chi tiết" như vậy.] (1076)

Kinh 115

1077 [18 yếu-tố đã được định nghĩa trong Vbh 183–84/87–90 và được giảng

giải chi tiết trong Vsm XV, 17–43.

- Nói ngắn gọn: Yếu-tố tâm (manodhātu, tâm giới), theo Vi Diệu Pháp (Abhi- dhamma), là gồm có: thức hướng tới năm đối-tượng giác quan gắn liền với năm căn cảm-nhận (năm giác quan) (pancadvārāvajjana-citta) và thức nhận đối-tượng sau khi đối-tượng đã được nhận biết thông qua những giác-quan (sampaṭicchana-citta). Yếu-tố thức tâm (manovinnāṇadhātu, tâm thức giới) gồm có tất cả những loại thức và yếu-tố tâm. Yếu-tố đối-tượng của tâm (dhammadhātu, tâm pháp giới) gồm có: những loại hiện-tượng vật chất vi tế (vi sắc pháp) không dính líu sự nhận-biết của giác quan, 03 uẩn thuộc tâm [cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác; thọ, tưởng, hành], và Niết-bàn.

Nó không bao gồm những khái niệm, những ý tưởng trừu tượng, những suy đoán … Mặc dù những thứ khái niệm … suy đoán là nằm trong cái ý-niệm về đối- tượng của tâm (dhammārammaṇa), nhưng yếu-tố đối-tượng của tâm thì chỉ gồm có những thứ hiện hữu bằng bản chất của chúng, không phải những thứ được tạo tác tạo dựng bởi cái tâm.] (1077)

1078 [Những yếu-tố này đã được định nghĩa trong Vbh 180/85–86. Những

yếu-tố sướng và khổ chính là cảm-giác sướng (lạc thọ) và cảm-giác khổ (khổ thọ) của thân; những yếu-tố vui và buồn là cảm-giác sướng và cảm-giác khổ của tâm; yếu-tố buông-xả là cảm-giác trung tính [không khổ không sướng]. MA nói rằng vô-minh được đưa vào nhóm này bởi vì nó có sự tương đồng rõ rệt như yếu-tố buông xả (không biết sướng hay khổ, trơ, ngu, ngơ).] (1078)

1079 [Vbh 183/86–87 đã định nghĩa những yếu-tố này là 6 loại tương ứng của

ý-nghĩ được áp dụng (tầm; vitakka; trong tầng thiền định thứ nhất); coi thêm kinh MN 19.2.] (1079)

1080 [MA giải thích: yếu-tố dục giới là năm-uẩn thuộc cõi dục giới (kāmāva-

cara), yếu tố sắc giới [đẹp] là năm-uẩn thuộc cõi sắc giới (rūpāvacara), và yếu-tố vô sắc giới là năm-uẩn thuộc cõi vô sắc giới (arūpāvacara).] (1080)

1081 [MA: Yếu-tố có điều-kiện (hữu vi giới) bao gồm mọi thứ được tạo ra bởi

những điều-kiện, và yếu-tố có điều-kiện là một cách gọi để chỉ năm-uẩn. Còn yếu-tố không điều-kiện (vô vi giới) là Niết-bàn.] (1081)

1082 [12 cơ-sở (xứ) này đã được định nghĩa trong Vbh 155–167/70–73 và

được giải thích trong Vsm XV, 1–16. Cơ-sở tâm (tâm xứ) bao gồm tất cả những loại thức, và do vậy gồm có tất cả 07 yếu-tố (giới) thực hiện chức năng của thức. Cơ-sở đối-tượng của tâm (pháp xứ) là giống y với yếu-tố đối- tượng của tâm (pháp giới).] (1082)

1083 [Về những thuật ngữ (mắc xích) của công thức ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’

(vòng duyên-khởi, vòng nhân-duyên), mời coi thêm phần Giới Thiệu, trang 30-31, trong bản dịch tiếng Anh của TKBĐ.] (1083)

1084 [MA: Một người có được chánh-kiến (diṭṭhisampanno) là người có được

chánh-kiến của thánh đạo (không phải chánh-kiến thế tục), là một thánh đệ tử tối thiểu ở bậc thánh đạo Nhập-lưu cho tới thánh đạo A-la-hán. “Sự tạo- tác” ở đây nên được hiểu là sự tạo-tác có điều-kiện (hành hữu vi; sankhatasankhāra), tức là bất cứ thứ có điều-kiện nào (mọi thứ hữu vi).] (1084)

1085 [MA chỉ ra rằng, một thánh đệ tử thuộc hàng dưới A-la-hán (tức từ thánh

đạo Nhập-lưu đến thánh đạo A-la-hán, chưa tới thánh quả A-la-hán) vẫn còn nhận biết một số sự tạo-tác nào đó là sướng với một cái tâm đã lìa xa tà-kiến, nhưng người đó không thể còn công nhận hay thừa nhận một 'sự tạo-tác là sướng' nào cả. Mặc dù có những nhận-thức và ý-nghĩ về 'những sự tạo-tác là sướng' khởi sinh trong người đó, nhưng nó biết một cách có suy xét (quán chiếu) rằng những ý-niệm như vậy chỉ là sai lầm.] (1085)

1086 [Riêng ở đoạn này nói về cái 'ta' (ngã), thì chữ sankhāra (sự tạo-tác;

hành) đã được thay bằng chữ dhamma (các thứ; các pháp). MA giải thích rằng sự thay thế này được làm để bao gồm cả những khái-niệm, ví dụ như một hình-tướng kasiṇa … mà người phàm thường cũng hay coi là cái 'ta' (ngã). Tuy nhiên, chiếu theo cách nhìn về cái sự Niết-bàn được mô tả là bất diệt bất tử (accuta) và là hạnh phúc (sukha), và cũng có thể bị nhận lầm là cái 'ta' (ngã) [coi kinh MN 1.26], cho nên chữ sankhāra ở đây được chọn dùng để chỉ những thứ có điều-kiện (hữu vi) mà thôi, trong khi chữ dhamma (các thứ, các pháp) thì bao gồm cả những thứ có điều-kiện (hữu vi) và không điều- kiện (vô vi). Tuy nhiên, sự diễn dịch này cũng không được ủng hộ bởi những giảng luận của ngài Ācariya Buddhaghosa (Phật Âm).] (1086)

1087 [Phần chỗ này phân biệt người phàm tục và thánh đệ tử về khả năng có

thể vi phạm 05 trọng-tội nặng nhất (tày trời, kinh khủng). MA chỉ ra rằng, một thánh đệ tử thực sự là không còn khả năng cố ý sát-sinh (ngay cả chỉ một con kiến); ngược lại là những tội ác tày trời như tội giết cha giết mẹ đã được nói ra ở đây để nhấn mạnh sự nguy-hiểm trong tình trạng người phàm thường và sức-mạnh (phi phạm tội) của những bậc thánh đệ tử.] (1087)

1088 [Nghĩa là, thừa nhận người khác, không phải Phật, là vị thầy tâm linh cao

nhất.] (1088)

1089 [MA: Sự khởi sinh của một vị Phật khác là không thể xảy ra trong thời

gian từ lúc vị Bồ-tát (tức Phật Thích-Ca) đã nhận sự nhập thai cuối cùng trong bào thai mẹ cho đến khi nào Giáo Đoàn (Tăng Đoàn) của Đức Phật hoàn toàn biến mất. Vấn đề bàn cãi này có được thảo luận trong kinh Miln 236–239.] (1089)

1090 [Câu này chỉ khẳng định rằng một vị Phật Toàn Giác luôn luôn có giới

tính là nam, nhưng không từ chối rằng một người bây giờ là nữ có thể trở thành một vị Phật Toàn Giác trong kiếp sau hay trong tương lai. Tuy nhiên, để làm được điều đó trong kiếp tương lai thì trước đó người nữ đó cần phải được tái sinh là một người nam.] (1090)

1091 [Trong đoạn này, cụm chữ "vì điều đó (vì chuyện đó, vì lẽ đó), vì lý do

đó" (tannidānā tappaccayā) là chỉ cái sự quan trọng chính yếu (tức lý do lớn, lý do chính; nhưng thực ra cũng có một số ngoại lệ do nghiệp loại này có thể lấn lướt nghiệp

loại kia và làm cho nghiệp loại kia không chín muồi thành nghiệp quả ...). Ví dụ như trong kinh MN 136 có nói: một người dính vào hành vi xấu ác vẫn có thể được tái sinh trong một cõi trời, và một người làm hành vi tốt thiện có thể bị tái sinh trong cõi đày đọa. Nhưng trong trường hợp đó sự tái sinh sẽ bị/được gây ra bởi một số nghiệp khác với nghiệp xấu/tốt mà một người thói thường hay dính vào. (Ví dụ một người thói thường chỉ làm những hành vi tốt thiện, nhưng do một nghiệp nặng duy nhất như cố ý giết người vì bảo vệ người khác hay lý do nào đó, người đó vẫn có thể bị tái sinh trong địa ngục vì nghiệp giết người đó ...)— Do vậy, ở đây nguyên lý theo lời kinh chỉ được áp dụng nghiêm ngặt riêng để chỉ riêng về một quy luật là "mối liên hệ giữa một nghiệp và quả của nó". (Tức là lời kinh ở đây chỉ đơn giản nói ra nguyên lý bản chất của nghiệp xấu/tốt là tạo ra quả xấu/tốt; chứ không bàn về vấn đề phức tạp hơn của các nghiệp và cộng nghiệp, ví dụ những trường hợp nghiệp [xấu/tốt hay nặng/nhẹ] có thể lấn lướt/ áp đảo/ bù trừ những nghiệp [tốt/xấu hay nhẹ/nặng] ...vv...).] (1091)

1092 ["Bốn chu kỳ" ở đây chính là các phần: những yếu-tố (giới), những cơ-sở

(xứ), 'sự khởi-sinh tùy thuộc' (lý duyên khởi), và điều có thể và điều không thể.] (1092)

1093 [Ở Tích Lan (Sri Lanka) kinh này được thường xuyên tụng đọc như một

kinh phòng-hộ và nó nằm trong tuyển tập thời trung cổ tên là Mahā Pirit Pota (Sách Lớn về Phòng Hộ).] (1093)

1094 [Núi này và những núi tiếp theo là nằm xung quanh vùng Rājagaha.]

(1094)

1095 [Một vị Phật Duyên Giác, hay Phật Độc Giác (paccekabuddha) là một

463 • Phần Chú Thích

người tự mình đạt được sự giác-ngộ và sự giải-thoát, chứ không dựa vào Giáo Pháp được chỉ dạy bởi một vị Phật Toàn Giác, nhưng Phật Duyên Giác thì không có khả năng chỉ dạy Giáo Pháp và thiết lập Giáo Đoàn (Tăng Đoàn). Những vị Phật Duyên Giác chỉ khởi sinh vào thời gian thế gian không có Giáo Đoàn và Giáo Pháp của một vị Phật Toàn Giác. Để đọc kỹ về chủ đề Phật Duyên Giác, mời quý vị đọc quyển "Phật Duyên Giác: Một Sa-môn Phật Giáo" (The Paccekabuddha: A Buddhist Ascetic) của học giả Ria Klop- penborg.] (1095)

1096 [Nguyên văn câu này: Ayaṁ pabbato ime isī gilati: có một sự chơi chữ ở chỗ này. Từ gili trong chữ Isigili chắc chắn là sự biến tướng theo phương ngữ của chữ giri (núi, đồi), nhưng lời kinh đã kết nối nó với động từ gilati (nuốt) và danh từ gala (cổ, cổ họng). (tạm dịch là Cổ Họng Nuốt Những Bậc Nhìn Thấy (có thể gọi là những bậc tri-kiến để chỉ những vị Phật Độc Giác, hoặc chỉ chung những bậc sa-môn.] (1096)

1097 [Phật Duyên Giác Tagarasikhin đã được nói đến trong kinh Ud 5:04/50

và kinh SN 3:20.] (1097)

1098 [Ñm đã ghi chú trong Ms rằng, nếu không có sự trợ giúp của luận giảng

thì sẽ cực kỳ khó khăn để phân biệt và nhận dạng cho đúng những danh từ riêng của những vị Phật Duyên Giác từ những cụm chữ mô tả những đặc tính của mỗi họ.] (1098)

Kinh 117

1099 [Nguyên văn cả câu này: Ariyaṁ sammā samādhiṁ sa-upanisaṁ saparikkhāraṁ. MA chú giải chữ "thánh thiện" ở đây nghĩa là siêu-thế, và nói rằng đây là sự định-tâm thuộc thánh đạo siêu thế (tức sự định-tâm của những bậc thánh từ Nhập-lưu trở lên). "Những sự trợ-giúp của/cho nó và những điều-kiện tiên quyết của/cho nó" chính là 07 chi-phần còn lại của Bát Thánh Đạo, như sẽ được nói ra bên dưới.] (1099)

1100 ["Đến trước" hay "dẫn trước" hay "đi trước" là dịch từ nghĩa chữ pub-

bangamā, nghĩa gốc là "người chạy trước, tiền thân". MA nói rằng có 02 loại chánh-kiến là những thứ dẫn trước, đó là: (i) chánh-kiến của sự minh-sát (tuệ

quán), nó điều tra tìm hiểu những sự tạo-tác (các hành) là 'vô-thường, khổ, vô-ngã'; và (ii) chánh-kiến của đạo, nó khởi sinh như một hệ quả của sự minh-sát (tuệ quán) và nó tác động để tiêu diệt tận gốc những ô-nhiễm (lậu hoặc). (i) Chánh-kiến của sự minh-sát là thứ dẫn trước có lẽ đã được nói ra trong các mục 4, 10, 16, 22 và 28; (ii) chánh-kiến của thánh đạo là thứ dẫn trước được nói ra trong các mục 34 và 35.] (1100)

1101 [Câu tuyên bố này gợi ý rằng: để đạt được chánh-kiến về bản-chất của

thực tại, một người trước tiên phải có khả năng phân biệt được những giáo lý đúng và giáo lý sai về bản-chất của thực tại. MA nói rằng đây là chánh-kiến của sự minh-sát (i) hiểu được tà-kiến như một đối-tượng bằng cách thâm nhập vào những đặc tính 'vô-thường, khổ, vô-ngã' của nó, và (ii) hiểu được chánh-kiến (a) bằng cách thực hiện chức năng thấu hiểu và (b) bằng cách xua tan sự ngu-mờ.] (1101)

1102 [Đây là chánh-kiến thế tục (hữu lậu), là một yếu tố công-đức dẫn đưa tới

sự tái-sinh lạc phúc nhưng bản thân nó không thoát khỏi sự hiện-hữu có điều- kiện (hữu vi). Cụm chữ cuối "chín muồi thành những sự thu-nạp (sanh y) là upadhivepakka, được MA giải nghĩa là nó mang lại những kết-quả gồm có sự thu-nạp (sanh y) [MṬ giải nghĩa ở đây những sự thu-nạp = sự liên tục của năm uẩn]. (1102)

1103 [Định nghĩa này xác định chánh-kiến siêu thế là trí-tuệ (pannā, bát-nhã)

được thấy trong số những phần tu trợ-giúp giác-ngộ (37 phần trợ đạo) như là một căn, một năng-lực, một chi giác-ngộ, và một chi-phần của bát thánh đạo. Định nghĩa này được hình thành theo cách của chức năng nhận-biết hơn là theo nội dung của đối-tượng của chánh-kiến.

- Trong kinh khác [như kinh MN 141, mục 24) thì chánh-kiến về thánh đạo được định nghĩa là sự-biết về Bốn Diệu Đế. Chúng ta có thể hiểu rằng (i) sự hiểu-biết thuộc về khái niệm về Bốn Diệu Đế thì rớt vào loại chánh-kiến thế tục, (ii) trong khi đó sự thâm-nhập trực tiếp về những sự-thật bằng cách chứng ngộ Niết-bàn bằng thánh đạo thì tạo nên

chánh-kiến siêu thế.] (1103)

1104 [MA diễn giải: Những phần đó đi kèm chánh-kiến như những thứ cùng

có-mặt (cùng tồn tại, đồng hữu) và những thứ dẫn-trước của chánh-kiến vậy.

465 • Phần Chú Thích

Sự chánh tinh-tấn và sự chánh-niệm là những thứ cùng có-mặt với chánh- kiến siêu thế; chánh-kiến của sự minh-sát là thứ dẫn-trước của chánh-kiến siêu thế.] (1104)

1105 [MA giải thích đây là loại chánh-kiến của sự minh-sát, nó hiểu được

chánh tư-duy [ý-định đúng đắn] theo cách của chức năng của nó và bằng cách xua tan sự ngu-mờ. Mặc dù vậy, dường như lời kinh ở đây chỉ đơn giản nói ra ra sự phân biệt sơ lược hơn về hai loại ý-định (tà và chánh) đó mà thôi.] (1105)

1106 [Đây là phần định nghĩa chuẩn của chánh tư-duy [ý-định đúng đắn] là

một chi-phần của Bát Thánh Đạo; coi thêm kinh MN 141.25.] (1106)

1107 [Trong định nghĩa này, yếu tố tư-duy (sankappa) được nhận dạng là ý-

nghĩ được áp dụng (tầm; vitakka, trong tầng thiền định thứ nhất), nó được mô tả thêm là yếu tố chịu trách nhiệm cho sự thấm-nhập (định) của tâm bằng cách cố định và chỉ hướng cái tâm vào đối-tượng thiền định của nó. Về sự ý- nghĩ được áp dụng (tầm) là "sự tạo-tác của lời nói" (khẩu hành): mời coi thêm kinh MN 44, mục 15.] (1107)

1108 [MA: Câu này đề cập riêng tới những chi-phần đi kèm chánh tư-duy siêu

thế. Trong giai đoạn sơ tu, 03 chánh tư-duy thế tục (ở mục 12) khởi sinh một cách riêng rẽ, nhưng vào thời khắc của thánh đạo siêu thế, một chánh tư-duy duy nhất sẽ khởi sinh cắt đứt ba phần tà tư-duy đó. Như vậy chánh tư-duy siêu thế cũng có thể được mô tả là tư-duy từ-bỏ, tư suy không ác-ý, và tư duy không hung-dữ. Phương pháp tương tự cũng áp dụng cho chi phần chánh- ngữ, chánh-nghiệp, vân vân ...] (1108)

1109 [Trong khi chánh-ngữ thế tục được thực hiện thành 04 kiểu bằng cách

kiêng cữ 04 loại tà-ngữ (đã nói ở mục 18), thì trong trường hợp thánh đạo siêu thế thì một chi chánh-ngữ duy nhất thực hiện chức năng bốn-phần để cắt bỏ những khuynh-hướng dẫn tới 04 loại tà-ngữ. Nguyên lý tương tự cũng được áp dụng cho chánh-nghiệp.] (1109)

1110 [Đây là chỉ những phương tiện sai trái để một số Tỳ kheo (xấu) có được

những thứ cần thiết (như y phục, thức ăn, chỗ ở, thuốc thang); những phương

466 • Phần Chú Thích

tiện sai trái này đã được giảng giải trong Vsm I, 61–65. MA những cách được nói ra trong lời kinh chỗ này không phải là tất cả những cách của tà- mạng, mà tà-mạng còn bao gồm những cách mưu sinh dính líu tới sự phạm tội hay phạm giới-luật nữa.

- Trong kinh AN 5:177, Đức Phật đã đề cập 05 loại sự mưu-sinh sai trái (tà nghiệp) đối với những người tại gia, đó là: sự buôn bán vũ khí, sinh vật sống, thịt, rượu bia, và chất độc hại.] (1110)

1111 [MA chú giải rằng: với người có chánh-kiến của đạo, thì chánh tư-duy

của đạo sẽ có mặt; tương tự vậy, với người có chánh-kiến của quả, thì chánh tư-duy của quả sẽ có mặt. Nguyên lý tương tự cũng áp dụng cho những chi- phần tiếp theo, ngoại trừ 02 chi-phần cuối đề cập tới thánh đạo siêu thế.] (1111)

1112 [02 chi-phần thêm vào có được bởi một A-la-hán là sự-biết đúng đắn

(chánh-trí), có thể được nhận dạng là "trí-biết quán chiếu lại" của người đó rằng người đó đã tiêu diệt tất cả mọi ô-nhiễm (lậu tận), và sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải-thoát), có thể được nhận dạng là "sự trải-nghiệm sự giải- thoát khỏi tất cả mọi ô-nhiễm" của người đó.] (1112)

1113 [20 chi-phần bên phía thiện lành là gồm: 10 chánh chi-phần và 10 trạng

thái thiện lành khởi sinh từ mỗi chánh chi-phần; còn 20 chi-phần bên phía bất thiện là gồm: 10 tà chi-phần và 10 trạng thái bất thiện khởi sinh từ mỗi tà chi- phần. Do vậy mới có tên gọi là "Bốn-mươi lớn" (Đại bốn-mươi).] (1113)

1114 [MA nói rằng 02 đạo sư này là những người sống ở xứ Okkala. Ngoài ra

danh tánh lý lịch của họ không được biết rõ hơn.] (1114)

Kinh 118

1115 [Ngày lễ Pavāraṇā (lễ Tự Tứ) là ngày lễ kết thúc kỳ An Cư Mùa Mưa (3

tháng kiết hạ), vào ngày đó mỗi Tỳ kheo sẽ mời tất cả những Tỳ kheo khác khuyên dạy chỉ bảo cho mình về những sự phạm giới hay phạm tội của mình.] (1115)

1116 [Komudī (ngày hoa súng trắng) là ngày trăng rằm của tháng Kattika,

tháng thứ tư của mùa mưa; nó được gọi tên như vậy bởi vì hoa súng trắng (kumuda) được cho sẽ nở vào lúc đó.] (1116)

1117 [Những chú-giải về "Nhóm 4-điều" thứ nhất này đã được ghi trong các

chú thích 140, 141, 142 ở kinh MN 10, mục 4. Mục 4 của kinh MN 10 khác với đoạn này duy nhất ở chỗ nó có thêm ví dụ. Vì luận sư Ācariya Bud- dhaghosa (Phật Âm) đã luận giải trong Visuddhimagga (Vism; Thanh Tịnh Đạo) về tất cả 04 "Nhóm 4-điều" của 'sự chánh-niệm hơi-thở' trong kinh này, cho nên MA chỉ đơn giản chỉ lại cho người đọc chỗ chú-giải đó mà thôi. Những chú thích từ 1118–1121 đều được lấy ra từ Vsm VIII, 226–237, chúng cũng được trích ghi trong quyển sách nhà sư dịch giả Ñm có cùng tên là 'Sự chánh-niệm hơi-thở'.] (1117)

1118 [Người tu trải nghiệm sự hoan-hỷ theo 02 cách: (i) bằng cách chứng đắc

tầng thiền định thứ nhất và thứ hai trong đó có yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người tu trải nghiệm sự hoan-hỷ trong chế độ của sự vắng-lặng (định); và (ii) bằng cách thoát ra khỏi tầng thiền định đó và quán niệm lại rằng sự hoan-hỷ đó rồi cũng bị hủy hoại (mất đi), người tu trải nghiệm sự hoan-hỷ trong chế độ của sự minh-sát (quán).] (1118)

1119 [Cùng một phương pháp chú giải như chú thích 1118 kế trên cũng được

áp dụng cho những mệnh đề thứ hai và thứ ba này, ngoại trừ rằng mệnh đề thứ hai thì bao gồm cả tầng thiền định thứ nhất, thứ hai, và cả thứ ba và thứ tư.

- Sự tạo-tác của tâm (tâm hành) chính là nhận-thức (tưởng) và cảm-giác (thọ) [mời coi lại kinh MN 44, mục 14], chúng được làm lắng lặn bởi sự tu tập những tầng cao hơn kế tiếp của sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (tuệ).] (1119)

1120 [“Trải nghiệm cái tâm” nên được hiểu theo cách (trải nghiệm) của bốn

tầng thiền định. “Làm hoan hỷ cái tâm” được giải thích là (i) sự chứng đắc tầng thiền định thứ nhất và thứ hai có chứa sự hoan-hỷ (hỷ), hoặc (ii) là sự thâm-nhập những tầng thiền định đó bằng sự minh-sát để thấy chúng là phải bị hủy hoại, có rồi mất, vô thường … “Tập trung (định) cái tâm” là chỉ (i) sự định-tâm thuộc tầng thiền định, hoặc chỉ (ii) sự định-tâm nhất thời (tạm thời,

lâm thời; sát-na định) khởi sinh cùng với sự minh-sát. “Giải thoát cái tâm” có nghĩa là giải thoát nó (i) khỏi những chướng-ngại (triền cái) và những yếu tố thô tế hơn trong tầng thiền định bởi (bằng, nhờ) những tầng định kế tiếp cao hơn (ví dụ, tầng thiền định thứ hai thì đã loại bỏ yếu tố ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ) thô tế hơn của tầng thiền định thứ nhất; tầng thiền định thứ ba loại bỏ yếu tố hoan-hỷ (hỷ) thô tế hơn của tầng thiền định thứ hai …), và giải thoát nó (ii) khỏi những sự đảo điên về nhận-biết bởi (bằng, nhờ) sự-biết của sự minh-sát.] (1120)

1121 [“Nhóm 4-điều” này hoàn toàn nói về sự minh-sát (quán), không giống

như 03 nhóm trước thì nói về cả sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (quán).

- Sự “quán sát sự phai-biến” và sự “quán sát sự chấm-dứt” có thể được hiểu vừa là (i) sự minh-sát nhìn thấu sự vô-thường của những sự tạo-tác (các hành) và vừa là (ii) thánh đạo siêu thế chứng ngộ Niết-bàn, được gọi là sự phai-biến của tham-dục [= sự chán-bỏ (virāga)] và sự chấm-dứt khổ. Sự “quán sát sự từ-bỏ” là sự từ bỏ những ô-nhiễm (lậu hoặc) thông qua sự minh- sát (tuệ quán) và sự chứng nhập vào Niết-bàn bằng cách chứng đắc thánh đạo.] (1121)

1122 [MA chú giải: Sự thở-vô và thở-ra nên được tính như yếu-tố gió (khí)

thuộc bốn yếu-tố lớn (tứ đại) kết hợp nên thân thể. Nó cũng nên được bao gồm trong cơ-sở những thứ hữu-hình chạm xúc (ngoại xứ thứ năm) trong số những hiện-tượng thuộc thân (thân pháp) [bởi vì đối-tượng của sự chú-tâm (tác ý) là sự cảm-nhận tiếp xúc của hơi-thở khi đi-vô và đi-ra đường lỗ mũi].] (1122)

1123 [MA chú giải rằng bản thân sự chú-tâm sát sao (sādhuka manasikāra)

thực sự không phải là cảm-giác, nhưng ở đây nó được nói đến theo nghĩa bóng mà thôi. Trong "Nhóm 4-điều" thứ hai thì cái cảm-giác thực chính là sự sướng (lạc thọ) đã được nói trong mệnh đề thứ hai và cũng là cảm-giác được bao gồm trong "sự tạo-tác của tâm" (tâm hành) trong mệnh đề thứ ba và thứ tư.] (1123)

1124 [MA chú giải chỗ này nghĩa là: Mặc dù vị Tỳ kheo đang thiền lấy dấu-

hiệu (hình tướng, nimitta) của "sự thở-vô thở-ra" là đối-tượng thiền của

mình, nhưng người đó lại được nói là đang "quán sát tâm là tâm" bởi vì người đó duy trì tâm mình trên đối-tượng đó bằng cách phát khởi cả hai yếu- tố của tâm là sự chánh-niệm và sự rõ-biết hoàn toàn.] (1124)

1125 [MA chú giải: Sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) là biểu thị

cho 02 chướng-ngại (triền cái) đầu tiên là tham-dục và sự ác-ý, và do vậy là thể hiện sự quán-sát những giáo pháp (hay các pháp, các tâm pháp; phần quán-pháp) vốn bắt đầu bằng năm chướng-ngại (ngũ cái). Vị Tỳ kheo nhìn thấy 'sự dẹp bỏ những chướng-ngại' được tác động bởi 'những sự quán sát sự vô-thường, sự phai-biến, sự từ-bỏ', và nhờ đó người đó đi đến sự 'chỉ ngồi nhìn đối-tượng với sự buông-xả'.] (1125)

1126 [MA nói rằng đoạn trên cho thấy những 'chi giác-ngộ' (thất giác chi)

cùng có mặt với nhau trong mỗi khoảng-khắc tâm (sát-na tâm) trong sự tu tập sự minh-sát (thiền quán).] (1126)

1127 [Mời coi lại chú thích 48 ở kinh MN 1, mục 21, (Quyển 1).] (1127)

1128 [MA nói rằng: Sự chánh-niệm để thấy biết hơi-thở là thuộc loại thế tục.

'Sự chánh-niệm hơi-thở' thế tục sẽ hoàn thiện 'bốn nền tảng chánh-niệm' thế tục; 'bốn nền tảng chánh-niệm' thế tục sẽ hoàn thiện 'bảy chi giác-ngộ' siêu thế; và 'bảy chi giác-ngộ' siêu thế sẽ hoàn thiện [hay hoàn thành] 'trí-biết đích thực và sự giải-thoát', đó là thánh quả và Niết-bàn.] (1128)

Kinh 119

1129 [Ở đây, mục 4–17 của kinh này là giống hệt kinh MN 10, mục 4–30,

ngoại trừ là ở đây điệp khúc 'minh-sát' (quán) đã được thay thế bởi cái đoạn bắt đầu từ câu "Khi người đó an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định như vậy …" Sự thay đổi này thể hiện một sự chuyển đổi từ sự nhấn-mạnh về sự minh-sát (thiền quán) trong kinh MN 10 sang sự nhấn-mạnh về sự định- tâm (thiền định) trong kinh này. Sự chuyển đổi này tái hiện trong đoạn nói về những tầng thiền định (jhāna) từ mục 18–21 và đoạn nói về những loại trí- biết trực tiếp (minh) từ mục 37–41; cả hai chỗ này đều là chỗ để phân biệt kinh này với kinh MN 10.] (1129)

1130 [Những ví dụ cho các tầng thiền định cũng lần lượt tương ứng có ghi

trong kinh MN 39, mục 15–18 và kinh MN 77, mục 25–28.] (1130)

1131 [Nguyên văn cụm chữ cuối: Vijjābhāgiyā dhammā. MA giải thích những

trạng thái này là 08 loại trí-biết đã được giảng giải trong kinh MN 77, mục 29–36, (Quyển 2).] (1131)

1132 [Mặc dù tôi [TKBĐ] đã cố ý dịch nghĩa chữ sankhārā một cách nhất

quán trước sau là "những sự tạo-tác" (hành), nhưng ở đây dường như nội dung kinh đòi hỏi một cách dịch nghĩa khác đi một chút để có thể soi sáng ý- nghĩa của lời kinh. Ñm đã dịch là "những sự quyết-định", đó là cách chọn nhất quán của thầy ấy khi dịch chữ sankhārā trong kinh này. MA trước tiên đã chú giải chữ sankhārupapatti hoặc có nghĩa là (i) sự tái-hiện [tái-sinh] của chính/chỉ những sự tạo-tác, không phải của một 'chúng sinh' hay một 'cá thể' nào, hoặc có nghĩa là (ii) sự tái-hiện của năm-uẩn trong một sự hiện-hữu mới thông qua một sự tạo-tác nghiệp có công đức (phước nghiệp hành). Tuy nhiên, trong những đoạn kinh kế tiếp, MA lại giải nghĩa chữ sankhārā là đồng nghĩa patthanā: chữ này rõ ràng có nghĩa là "ý nguyện" hay "sự khát nguyện".]

- (Ở đây người dịch Việt cũng dịch theo cách giải nghĩa của MA và thầy TKBĐ đã làm theo (khác với sau lần đầu đã dịch Việt là "sự tái-sinh theo ý hành" để có thể hàm chứa cả nghĩa "ý nguyện" và nghĩa chữ "hành" (sankhārā) như nó được ghi rõ trong tên và nội dung của bài kinh). Hơn nữa, người dịch cũng luôn dịch ý và nghĩa lời kinh một cách trung thành theo cách-dịch và sự chú-giải có cơ sở rõ ràng của TKBĐ trong tất cả các bộ kinh và các sách của thầy ấy!). (1132)

1133 [MA diễn dịch: Chữ "đường đi" ở đây là 05 phẩm-chất bắt đầu từ niềm-

tin ... cộng với ý-nguyện. Người có 05 phẩm-chất nói trên mà không có ý- nguyện, hoặc có ý-nguyện mà không có niềm-tin, thì không có một nơi-đến cố định [đã được định xong]. Nơi-đến chỉ có thể được định-xong khi có đủ hai thành phần đó.] (1133)

1134 [MA giải thích rằng có 05 loại sự bao-trùm: (i) sự bao trùm của tâm

[chẳng hạn: biết được những ý-nghĩ của những chúng sinh khắp một ngàn thế

giới]; (ii) sự bao trùm của kasiṇa [chẳng hạn: trải trùm ảnh (tướng, nimitta) kasiṇa tới một ngàn thế giới; (iii) sự bao trùm của mắt thiên thánh [thiên nhãn minh; chẳng hạn: nhìn thấy một ngàn thế giới bằng mắt thiên thánh]; (iv) sự bao trùm của ánh sáng [giống sự bao trùm kế trước]; và (v) sự bao trùm của thân [chẳng hạn: trải trùm hào-quang từ thân (thân quang) của một người tới một ngàn thế giới.] (1134)

1135 [Mời coi lại chú thích 426 ở kinh MN 41 (Quyển 1), mục 18-42, chỗ (b),

(i) như sau: [MA giải thích rằng: "những thiên thần phát quang" không phải là một cấp hạng các thiên thần, mà chỉ là một danh từ chung dùng để gọi chung 03 cấp hạng được liệt kê kế tiếp chữ đó (phát quang ít, phát quang vô lượng, và phát quang thành dòng).

Tương tự như vậy, "những thiên thần hào quang tỏa sáng" cũng là một danh từ chung để gọi chung các loại thiên thần được liệt kê kế tiếp chữ đó (hào quang nhỏ, hào quang vô lượng, hào quang chói lọi). (Do vậy, người dịch Việt đã đánh số 02 danh từ chung đó là (0), tức là không tính như một bậc thiên thần.)

- Hệ thống phân cấp những cõi trời đã được giải thích trong phần Giới Thiệu, trang 46–48 (bản dịch tiếng Anh của TKBĐ).]

(Lưu ý: chi mục (b) chỗ này của kinh này không có ghi "những thiên thần là tùy tùng của Trời Brāhma (Phạm chúng thiên)" như đã nó đã được ghi ở chỗ (b) này trong kinh MN 41. Có lẽ sự tái-sinh trong chỗ của những (07) vị trời Brāhma đã được nói rõ trong danh sách (e) từ mục 12-18 kế trên.)

Nhân tiện người dịch đã đánh dấu phân loại và nhân tiện để quý vị sẵn dịp ghi nhớ về 03 cảnh giới hiện-hữu, như sau: [1] Sự tái sinh trong những cõi dục-giới là cõi người và những cõi đọa thấp hơn. (Có người tu ý nguyện được tái sinh lại thành người (tu nhân)). [2] Danh sách (a), (b), (c) là sự hiện- hữu trong những cõi sắc-giới; riêng (c) là năm cõi trời dành cho những bậc thánh Bất-lai. (Có người tu ý nguyện được tái sinh trong số những thiên thần này (tu tiên; giải thoát trong sắc giới)). [3] Danh sách (c) là sự hiện-hữu trong những cõi vô-sắc giới. Đây là những sự giải-thoát thuộc vô sắc giới. (Có người tu ý nguyện tái sinh trong những cõi này (tu tiên; giải thoát trong vô sắc giới)). [4] Cuối cùng là sự không còn hiện-hữu, sự giải-thoát hoàn toàn. (Có người tu ý nguyện chứng ngộ trạng thái này (tu giải-thoát rốt ráo; Niết-

bàn).

- Riêng người tu ý nguyện tái sinh thành bồ-tát ở cõi người, thì sự tái sinh có thể lập tức là cõi người (dục giới) hoặc trong những cõi (sắc giới) của những bậc thánh từ Nhập-lưu cho đến Nhất-lai trước khi tái sinh lại trong cõi người. Từ cách nhìn này, Đức Phật đã từng là bậc thánh Nhất-lai đã quay lại cõi người để làm nên sự diệt-khổ và chứng ngộ Niết-bàn và sự Toàn-Giác.

Mời coi chú thích 427 kế tiếp trong kinh MN 41, mục 43.) (1135)

1136 [MA chú giải: (1) 05 phẩm-chất được nói trên là đủ để tái sinh trong cõi

dục-giới, nhưng đối với những phương thức tái sinh cao hơn (sắc giới, vô sắc giới) và sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận) thì đòi hỏi có nhiều phẩm chất và sự chứng đắc hơn nữa. (2) Nhưng nhờ dựa vào (có, hoàn thiện) 05 phẩm-chất đó cho nên: nếu người tu chứng đắc các tầng thiền định sắc giới (jhāna), thì người đó tái sinh trong cõi trời Brahma (Phạm thiên giới); (3) nếu người tu chứng đắc những tầng chứng đắc vô-sắc, thì người đó tái sinh trong những cảnh vô-sắc giới; (4) nếu người tu tu tập sự minh-sát (quán tuệ) và chứng đắc thánh quả Bất-lai, thì người đó tái sinh trong (một trong) những cõi trời Trong-Sạch (05 cõi Tịnh cư thiên); và (5) nếu người tu đạt tới thánh đạo A- la-hán, thì người đó sẽ chứng đắc sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận).] (1136)

Kinh 121

1137 [Sunnatāvihāra: sự an trú trong sự trống-không, sự an trú trong trạng

thái tánh-không. Bài kinh này sẽ dần dần làm rõ rằng cụm chữ này là đề cập tới sự chứng đắc quả-tánh-không (sunnataphala-samāpatti), là sự chứng đắc thánh quả A-la-hán được chứng nhập bằng cách tập trung (hội tụ tâm) vào phương diện "tánh-không" của Niết-bàn. Mời coi lại chú thích 458 ở cuối kinh MN 43, mục 37 (Quyển 1).] (1137)

1138 [MA diễn dịch là: Người đó chú tâm tới nhận-thức (tưởng) về rừng tùy

thuộc vào chỉ duy nhất rừng đó, nghĩ rằng: "Đây là rừng, đây là cây, đây là núi, đây là vườn."

- Trong câu tiếp theo tôi đọc theo BBS và SBJ là chữ adhimuccati, khác với

cách ghi của PTS là chữ vimuccati.] (1138)

1139 [MA và MṬ chú giải nghĩa của đoạn này như vầy: Sự quấy nhiễu của

những ô-nhiễm—như sự hấp dẫn (tham) và sự chán-ghét (ưu)—khởi sinh thông qua sự 'nhận-thức về người ta': nó không có mặt ở đây. Nhưng vẫn có sự quấy nhiễu gây ra bởi sự diễn ra của những trạng thái thô tế do thiếu sự tĩnh-lặng cần thiết.] (1139)

1140 [MA chú giải: Người đó dẹp bỏ 'nhận-thức về rừng' và chú tâm tới

nhận-thức về đất bởi vì người đó không thể thành tựu sự khác-biệt (tiến bộ) nào về thiền thông qua 'nhận-thức về rừng', cũng không đạt tới sự cận-định hay toàn-định. Nhưng đất có thể được dùng làm đối-tượng ban đầu cho kasiṇa, trên cơ sở đó người tu tạo được tầng thiền định, tu tập sự minh-sát, và chứng thánh quả A-la-hán.] (1140)

1141 [Sau khi đã dùng 'nhận-thức về đất' (địa tưởng) để chứng đắc 04 tầng

thiền định sắc giới (jhāna), người đó phóng trải kasiṇa-đất và rồi loại bỏ dấu- hiệu (tướng) kasiṇa để chứng đắc cảnh xứ của không gian vô biên (không vô biên xứ). Coi Vsm X, 6–7.] (1141)

1142 [Animitta cetosamādhi: sự định tâm vô dấu-hiệu (vô tướng định; trạng

thái định-tâm không còn nimitta). MA chú giải: Đây là sự định-tâm của cái tâm trong sự minh-sát; đó được gọi là "vô dấu-hiệu" (vô tướng) bởi vì nó không còn dấu hiệu gì của sự (được nhận lầm là) 'thường hằng, hạnh phúc, bản ngã, thanh tịnh' (thường, lạc, ngã, tịnh).] (1142)

1143 [Về 02 câu cuối cùng này: mời coi lại kinh MN 52.4 và chú thích 551 ở

đó.

- MA gọi đây là "sự minh-sát đối ứng" (paṭivipassanā), như là, sự áp dụng những nguyên lý của sự minh-sát cho hành vi của thức (là thức) thực hiện chức năng minh-sát

(quán tuệ). Dựa trên cơ sở này, người đó chứng ngộ A- la-hán. (?)

1144 [Ở đây cuối mục 12 này chữ "tối cao và vô thượng" (paramānuttarā) đã

được thêm vào. MA nói rằng đây chính là sự chứng đắc quả-tánh-không của

bậc A-la-hán.] (1144)

Kinh 122

1145 [Bài kinh này cùng với toàn bộ các chú giải về nó đã được ấn hành trong

một bản dịch bởi thầy Ñm có cùng tên là "Đại Kinh Về Tánh Không" (The Greater Discourse on Voidness).] (1145)

1146 [MA: Đây là một khu trú được ông Kāḷakhemaka người họ tộc Thích-Ca

xây bên trong khu Tịnh Xá Nigrodha. Những giường, ghế, mền, và nệm lót đã được chuẩn bị sẵn, và những chỗ nghỉ này rất gần nhau cho nên cả khu trú ở nhìn giống như nơi ở chung của một hội các Tỳ kheo vậy.] (1146)

1147 [MA diễn dịch rằng: Đây chỉ là câu hỏi tu từ (dùng để đặt vấn đề sắp nói

ra) mà thôi, bởi vì Phật có thể biết bằng trí-biết trực tiếp về những gì Phật muốn biết. Đức Phật hỏi như vậy với ý nghĩ trong tâm: "Ngay khi những Tỳ kheo nhập thành nhóm hội và thích thú sự nhóm hội, thì họ sẽ hành vi theo những cách không chính đáng, không phù hợp. Do vậy ta sẽ thuyết giảng Sự Tu Tập Lớn về Tánh Không, nó sẽ thành như một giới-luật tu hành [cấm sự tụ tập nhóm hội]."] (1147)

1148 [MA: Thầy Ānanda có ý nói rằng: "Những Tỳ kheo này đang sống theo

cách (thành nhóm hội) như vầy không phải vì họ thích thú hội nhóm xôn xao, mà vì họ đang tụ tập lại để may cà sa."] (1148)

1149 [Những niềm hạnh-phúc (an lạc) này nghĩa là gì, mời coi lại kinh MN 66,

mục 20-21 và chú thích 678 ở đó.] (1149)

1150 ["Sự giải-thoát tạm thời và khoan khoái" là sự giải-thoát thông qua trạng

thái những tầng thiền định sắc giới (jhāna) và những tầng chứng đắc vô sắc giới; còn "sự giải-thoát mãi mãi và bất lay chuyển" là sự giải-thoát thông qua những thánh đạo và thánh quả siêu thế. Coi thêm kinh MN 29, mục 6 và chú thích 348 ở đó.] (1150)

1151 [MA nói rằng: Đức Phật đã mở đầu bằng đoạn này như vậy là để phòng

ngừa có sự chỉ trích (từ các Tỳ kheo hay người ngoài) rằng Phật đã có sự mâu thuẫn; tức là trong khi Phật chỉ thị cho những đệ tử hãy sống tu một-mình

(không tụ tập, nhóm hội) thì bản thân Phật thường được vây quanh bởi đoàn Tỳ kheo đông đúc. "Sự trống-không" ở đây là chỉ "sự chứng đắc quả-tánh- không"; coi lại chú

thích 1137 ở trên.] (1151)

1152 [MA giải thích tánh-không [sự trống-không] ở bên trong là sự trống-

không kết nối với năm uẩn của người tu; tánh-không ở bên ngoài là sự trống- không kết nối với năm uẩn của những người ngoài. Như vậy sự trống-không được nói ra ở đây chắc hẳn là sự giải-thoát tạm thời (nhất thời, lâm thời) của tâm mà người tu đã đạt được thông qua sự thiền quán (minh sát) về sự vô- ngã, như đã được giảng giải trong kinh MN 43.33. Khi sự minh-sát nhìn thấu sự vô-ngã khi được đưa lên mức (trình độ) của thánh đạo, nó sẽ phát sinh thánh quả trải nghiệm Niết-bàn bằng cách về 'phương diện tánh-không' của Niết-bàn.] (1152)

1153 [MA chú giải nghĩa là: Người đó dành sự chú-tâm (tác ý) tới một tầng

chứng đắc vô-sắc bất động (bất lay động, không còn động chuyển).] (1153)

1154 [MA chú giải rằng: Câu này chỉ tầng thiền định (jhāna) đã được dùng làm

cơ sở cho sự minh-sát (quán). Nếu, sau khi thoát ra khỏi tầng thiền định cơ sở đó mà tâm người đó không nhập vào tánh-không thông qua sự thiền quán minh-sát về năm uẩn của chính mình hoặc năm uẩn của người ngoài, và người đó cũng không thể chứng đắc tầng chứng đắc vô sắc bất-động, thì người đó nên quay lại chính tầng thiền định cơ sở đó mà người đó đã tu tập lúc đầu, và bắt đầu chú-tâm vào nó lại, lần này và lần nữa lặp lại.] (1154)

1155 [Theo MA, cho đến chỗ này là Đức Phật đã chỉ ra sự tu-tập để chứng đắc

02 thánh đạo đầu tiên, đó là Nhập-lưu và Nhất-lai. Giờ Phật đang nói đoạn này [mục 14–15] để chỉ ra sự minh-sát (thiền quán) để chứng ngộ thánh đạo Bất-lai, đỉnh của nó là sự trừ-bỏ tham-dục.] (1155)

1156 [Đoạn này [từ mục 16–17] chỉ ra sự minh-sát cần phải có để chứng đắc

thánh đạo A-la-hán, dẫn tới đỉnh cao của nó là sự trừ-bỏ sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây).] (1156)

1157 [Nguyên văn cả câu này: Ācariyūpaddava, antevāsūpaddava, brahmac-

ariyūpaddava. Chữ upaddava ở đây có thể dịch nghĩa là tai nạn, khổ nạn, tai

họa. MA giải thích rằng Đức Phật nói đoạn kinh này là để chỉ ra sự nguy-hại trong sự ở một-mình khi người tu không hoàn thành mục-đích chính đáng của sự sống tu một-mình. Chữ "một người thầy" ở đây là chỉ một người thầy ngoài đạo, thuộc đạo khác, không theo giáo lý của Đức Phật.] (1157)

1158 [MA: Sự xuất gia tu hành ngoài Giáo Pháp của Đức Phật chỉ mang lại

lợi-lạc nhỏ bé, cho nên những người bị rớt bại chỉ là rớt bại khỏi sự chứng đắc thế tục; người đó không gặp phải sự đau thương lớn, giống như một người bị rớt khỏi lưng một con cừu con thì người chỉ bị dính dơ bụi đất. Nhưng một người xuất gia trong Giáo

Pháp của Đức Phật thì mang lại lợi-lạc lớn lao—đó là thánh đạo, thánh quả, và Niết-bàn. Do vậy người tu rớt bại khỏi đời sống tâm linh là coi như gặp phải sự đau thương lớn, giống như người bị rớt khỏi lưng một con voi lớn.] (1158)

1159 [Sự tương phản trong ví dụ này là giữa cách người thợ gốm đối xử với

đất sét ướt và cách người đó đối xử với những cái bình thành phẩm từ đất sét. MA đã diễn giải nghĩa của đoạn này như sau: "Sau khi đã khuyên dạy một lần, ta sẽ không im lặng; mà ta sẽ khuyên dạy và chỉ dẫn bằng cách tái tục khuyên bảo (hoặc quở trách) các thầy. Giống như người thợ gốm kiểm tra những cái bình thành phẩm, ông ta sẽ loại qua một bên những cái bị nứt, bị rạng, hay bị lỗi, và giữ lại những cái đã qua được sự kiểm tra; cũng giống như vậy, ta sẽ khuyên dạy và chỉ dẫn bằng cách tái tục kiểm tra các thầy. Trong các thầy ai là người đã tốt (đã cứng cỏi, như lõi cây tốt), sau khi đã đạt tới những thánh đạo và thánh quả, thì sẽ đứng vững trong cuộc kiểm tra." MA đã bổ sung thêm rằng: những phẩm-chất đức hạnh thế tục cũng được hàm nghĩa trong khía cạnh "đã tốt" này.] (1159)

Kinh 123

1160 [Năng-lực này đã được chứng tỏ trong kinh dài DN 14, trong đó cung cấp

thông tin chi tiết về 06 vị Phật trước Phật Thích-Ca.] (1160)

1161 [Câu này chỉ sự tái sinh của vị Bồ-tát (tức Phật Thích-Ca kiếp kế trước)

trong cõi trời Đâu-suất (Tusita). Kiếp kế trước của vị Bồ-tát là ở cõi người tên là Vessantara, và kiếp kế sau (và cuối cùng) của vị Bồ-tát là quay lại cõi người là thái tử Tất-đạt-đa Cồ-đàm (Siddhattha Gotama) và giác ngộ thành

Phật Thích-Ca.] (1161)

1162 [MA giải thích rằng: Giữa mỗi 03 hệ thế giới thì có một khoảng trống

không rộng khoảng 8.000 yojana (do-tuần); khoảng trống không đó có hình dạng như khoảng trống giữa 03 bánh xe tiếp giáp nhau hoặc giữa 03 cái bình bát tiếp giáp nhau. Những chúng sinh tái sinh trong những vùng trống không (u minh thăm thẳm) đó ở giữa những hệ thế giới là do họ đã tạo những nghiệp vô cùng xấu ác kinh khủng, như tội bất hiếu với cha mẹ, xúc phạm những tu sĩ và bà-la-môn chân chính, hoặc bởi do những thói tâm ác độc như giết hại và tàn sát chúng sinh người, và sinh vật …] (1162)

1163 [MA đã nhận dạng: Bốn vị thiên thần đó chính là Bốn Vua Trời Lớn (Tứ

Đại Thiên Vương), [tức là bốn vị trời trị vì ở cõi trời Tứ Đại Thiên Vương].] (1163)

1164 [MA chú giải rằng: Sự việc này đã xảy ra, không phải do hoàng hậu đã bị

gì khi sinh đẻ, mà do sự hết hạn sống của bà ở cõi người; bởi vì đối với chỗ [trong bào thai] được hạ nhập vào bởi vị Bồ-tát thì không thể còn được dùng bởi một chúng sinh nào khác để ra đời; chỗ trong bào thai trở thành chỗ thiêng liêng, giống như gian thờ

bên trong một đền thờ vậy; (đó là lý do hoàng hậu đã qua đời để kết thúc sứ mạng của thân ở cõi người (để mang thai vị Bồ-tát) và tái sinh trong cõi trời Đâu-suất).] (1164)

1165 [MA giải thích rằng: mỗi khía cạnh của sự kiện này là một điềm báo

trước về sự giác-ngộ sau đó của Đức Phật. Theo đó, sự đứng trên hai chân (pāda) vững vàng là điềm báo trước về sự sẽ chứng đắc bốn cơ-sở năng lực tâm linh (thần thông; tứ thần túc; iddhipāda); mặt hướng về bắc là sự hướng thượng và vượt trên số đông chúng sinh; bảy bước là sự sẽ tu thành bảy chi giác-ngộ (thất giác chi); chiếc lộng dù màu trắng là dự báo cho sự bao trùm của sự giải-thoát sau này; sự nhìn khắp mỗi bốn phương là dự báo cho sự hiểu-biết không còn bị chướng ngại của sự toàn-trí; sự cất tiếng nói như một "người dẫn dắt đầu đàn" là sự sẽ thiết lập sự quay chuyển bánh xe Giáo Pháp không thể bị chặn đứng hay đảo ngược; lời tuyên bố "Đây là lần sinh cuối cùng của ta" là điềm báo trước sự Niết-bàn cuối cùng (Bát-niết-bàn) không còn tàn-dư [tức không còn yếu tố nào gây ra sự hiện-hữu] (vô dư y Niết-bàn).] (1165)

1166 [Câu này dường như có lẽ là cách Phật muốn kêu gọi sự chú ý tới phẩm-

chất này mới thực sự là sự kỳ diệu và tuyệt vời đích thực [đó là sự chánh- niệm và sự rõ-biết (tỉnh giác) về mọi sự xảy ra bên trong thân tâm mình đúng như chúng thực là; nghĩa là sự tu-tập, sự thiền-tập, sự thấy-biết, và sự giác- ngộ mới là những điều thực sự quan trọng và kỳ diệu của đạo Phật).] (1166)

Kinh 124

1167 [Theo MA, Ngài Bakkula đã trở thành một Tỳ kheo vào năm 18 tuổi, nên

nếu như tính tuổi thì thầy ấy đã 160 tuổi vào lúc bài kinh này được kết tập và nói ra, (coi thêm chú thích ở cuối cùng kinh này). Thầy Bakkula đã từng được Phật tuyên bố là đệ tử đệ nhất về sức khỏe tốt.] (1167)

1168 [MA nói rằng, những đoạn được để trong ngoặc […] ở đây là do những

bậc trưởng lão khi sau này kết tập các kinh Giáo Pháp đã đưa vào bài kinh.] (1168)

1169 [Đoạn này và những đoạn kế tiếp cho thấy thầy Bakkula là người tu theo

13 giới khổ-hạnh (đầu-đà), ví dụ như chỉ mặc y-phục được may từ giẻ rách, chỉ ăn thức ăn khất thực, sống tu trong rừng … Thời gian lễ kaṭhina (lễ dâng y) là ngay sau 03 tháng An cư Mùa Mưa (kiết hạ) lúc đó những Tỳ kheo may cà sa mới từ những vải họ đã nhận lấy từ mà những người tại gia đã dâng cúng dường. Nhưng những người tu theo hạnh đầu-đà thì tự đi lượm giẻ rách ngoài đường, đống rác hay từ nghĩa địa về để may chắp thành cà sa để mặc.] (1169)

1170 [MA nói rằng sau khi thầy ấy xuất gia, thầy là một người phàm thường

trong 07 ngày, nhưng tới ngày thứ 8 thì thầy chứng ngộ A-la-hán cùng với những trí-biết mang tính phân-tích (paṭisambhidā; vô ngại giải trí).] (1170)

1171 [MA: Bản thân thầy Bakkula, dù là A-la-hán, không ban sự thụ-giới [vì

thầy ấy đang giữ theo hạnh đầu-đà, như đã nói ở mục 26-29 kế trên, nên không làm việc đó] nhưng thầy ấy đã nhờ những Tỳ kheo khác ban sự thụ- giới cho Acela Ca-diếp.] (1171)

1172 [MA chú giải: Thầy Bakkula đã xét thấy rằng suốt một kiếp này thầy

chưa bao giờ là gánh nặng cho những Tỳ kheo khác, và thầy không muốn thân mình phải được chôn sau khi chết. Do vậy thầy ấy đã nhập thiền định vào yếu-tố lửa (nhiệt) và bát-Niết-bàn bằng cách làm cho toàn bộ thân bị thiêu sạch bởi ngọn lửa. Chỉ còn lại những xá lợi.] (1172)

1173 [MA nói rằng bài kinh này đã được tụng đọc trong kỳ kết tập kinh điển

Giáo Pháp lần thứ hai, được tổ chức khoảng 100 năm sau ngày Đức Phật từ giã trần gian.] (1173)

Kinh 125

1174 [MA nhận diện Hoàng tử Jayasena là con trai của vua Bimbisāra (Tần-

bà-sa-la), tức là em trai của thái tử Ajātasattu (A-xà-thế) sau này đã cướp ngôi vua cha.] (1174)

1175 [Ví dụ này cũng có trong kinh MN 90.11.] (1175)

1176 [Lưu ý: (1) Trong kinh này những mục từ 15. [1] – 21. [7] có nội dung

giống hệt những mục 3. [1] – 9. [7] trong kinh MN 107. (2) Đến mục 10. [8] trong kinh MN 107 đã nói về '04 tầng thiền định', nhưng chỗ mục 22. [8] này trong kinh này thì thay thế bằng 'bốn nền tảng chánh-niệm'.] (1176)

1177 [Chỗ này tôi dịch theo cơ sở của phiên bản BBS và SBJ [được ủng hộ

bởi ấn bản tiếng Tích Lan (Sinhala) năm 1937] chứ không theo PTS. Cả BBS và SBJ đều giản lược đoạn này; trong khi PTS ghi các chữ là kāyūpasaṁhitaṁ và dhammūpasaṁhitaṁ, thì BBS và SBJ chỉ ghi là kāmūpasaṁhitaṁ ở cả 02 chỗ: đây là sự khác biệt đáng kể! Tôi được tư vấn rằng bản dịch Hán tạng 'Trung A-hàm' (Madhyama Āgama bằng tiếng Phạn) đã ghi giống như cách ghi của BBS và SBJ. Và phiên bản Hán tạng ngay chỗ này ghi ra liên tục từ tầng thiền định thứ nhất cho đến thứ tư (04 tầng thiền định). Nhưng ngay chỗ này của kinh này thì ghi 'bốn nền tảng chánh-niệm', sau đó mới tiếp tục ghi tầng thiền định thứ hai, thứ ba, và thứ tư.] (1177)

Kinh 126

1178 [MA nói rằng Tỳ kheo Bhūmija chính là chú của Hoàng tử Jayasena (tức

là em trai của vua Bimbisāra (Tần-bì-sa-la).] (1178)

1179 [Āsaṁ karitvā: nếu một người có ước nguyện (phát khởi hạnh nguyện, đề cao một hy vọng hay một sự trông đợi). Những sa-môn và bà-la-môn nắm giữ quan-điểm như vầy chắc hẳn là những người hoài-nghi hoặc những người chủ nghĩa diệt-vong.] (1179)

Kinh 127

1180 [Nguyên văn: Appamāṇā cetovimutti (sự giải-thoát vô lượng của tâm,

hay sự giải-thoát của tâm vô lượng) và mahaggatā cetovimutti (sự giải-thoát bao la của tâm, hay sự giải-thoát của tâm bao la [đã được khuyếch đại]).]

- Trong kinh MN 43.31, sự giải-thoát vô lượng của tâm được giải thích là 04 sự an-trú cõi trời hay 04 phạm trú (brahmavihāra). Bởi vì công thức của mỗi brahmavihāra (được mô tả là "rộng lớn, bao la, vô lượng") đều gồm có tính từ "bao la" [được khuyếch đại, mở rộng, cao rộng]. Ở đây người thợ mộc Pañcakanga rõ ràng đã hiểu lầm tính từ này này nên đã coi 02 sự giải-thoát này là giống nhau về ý nghĩa.]

- (Tính từ Pali là mahag-gatā (Phạn: mahaṃgata hay mahadgata) có nghĩa chữ: rộng mở, lớn, khuếch đại, bao la (người dịch Việt dùng chữ 'bao la' và 'đã được khuếch đại' để tạm dịch từ này); nó ngược nghĩa với tính từ paritta: nhỏ, bé, không đáng kể, thấp bé, nhỏ hẹp).] (1180)

1181 [MA chú giải rằng: Người đó, bằng dấu-hiệu (tướng) kasiṇa, bao trùm

một diện tích nhỏ bằng cỡ một gốc cây, và người đó an trú quyết tâm vào dấu-hiệu kasiṇa đó, bao trùm nó bằng tầng thiền định (jhāna) bao la [bao la, cao rộng, cao vời]. Phương pháp chú giải tương tự cũng được để dùng cho những trường hợp kế tiếp.] (1181)

1182 [MA: Giáo lý này được nói ra để cho thấy những loại sự tái-sinh là quả

của sự chứng đắc sự giải-thoát bao la của tâm.] (1182)

1183 [MA chú giải rằng: thực ra không có những cõi riêng biệt nào cho những

thiên thần được gọi là cõi trời "Phát Quang Ô Nhiễm" (Bất tịnh quang thiên) và "Phát Quang Tinh Khiết" (Biến tịnh quang thiên). Cả hai chi-loại thiên thần này đều nằm trong 02 cõi—đó là cõi những thiên thần Phát Quang Ít

(Thiểu quang thiên) và những thiên thần Phát Quang Vô Lượng (Vô lượng quang thiên).

- Sự tái sinh trong số những thiên thần Phát Quang Ít được quyết định bởi sự chứng đắc tầng thiền định thứ hai bằng dấu-hiệu kasiṇa hạn chế; sự tái sinh trong số những thiên thần Phát Quang Vô Lượng được quyết định bởi sự chứng đắc tầng thiền định thứ hai bằng dấu-hiệu kasiṇa được khuếch đại.

- Sự tái sinh với sự phát quang bị ô-nhiễm là cho những người chưa thiện thạo tầng thiền định và chưa thanh lọc nó khỏi những trạng thái chướng ngại; sự tái sinh với sự

phát quang tinh khiết là cho những người đã đạt được sự thiện thạo và sự thanh lọc về tầng thiền định.] (1183)

1184 [Ở đây có sự chơi chữ. Trong tiếng Pāli, động từ jhāyati có vừa có nghĩa

là đốt cháy, vừa có nghĩa là thiền, mặc dù 02 nghĩa đó xuất thân từ 02 động từ tiếng Phạn khác nhau: kshāyati là dốt cháy, dhyāyati là thiền.] (1184)

1185 [Những lời của thầy Abhiya, như có vẻ, là thiếu lễ độ bởi chúng hỏi một

cách thô cùn vào chính sự trải nghiệm cá nhân của thầy A-nậu-lâu-đà. MA giải thích rằng, trong khi đang hoàn thành những phẩm hạnh hoàn-thiện (pāramī, ba-la-mật) trong những kiếp trước, thầy A-nậu-lâu-đà đã xuất gia thành một sa-môn, đã thành tựu tất cả những chứng-đắc thiền định, và đã vượt qua 300 kiếp hiện-hữu một cách không gián đoạn trong cõi trời Brahma (Phạm thiên) (cho nên thầy ấy không cần phải nghe Phật nói mới biết về những thiên thần). Hàm nghĩa câu trả lời của thầy ấy là vậy.] (1185)

Kinh 128

1186 [Hoàn cảnh mở đầu kinh này cũng giống như kinh MN 48.] (1186)

1187 [Đoạn kệ này và 03 đoạn kệ kế tiếp cũng có ghi trong tập kinh Pháp Cú,

Dhp 3–6. Còn 03 đoạn kệ cuối cùng ở dưới là Dhp 328–330.] (1187)

1188 [Đoạn kinh từ mục 8–15 là gần như giống hệt kinh MN 31 từ mục 3–10.

Tuy nhiên, theo trình tự của lời kinh, rõ ràng bài kinh này đã được đặt ở thời điểm trước hơn so với kinh MN 31, bởi vì trong kinh MN 31 thì tất cả 03 Tỳ kheo này đều đã chứng ngộ A-la-hán, trong khi trong kinh MN 128 này thì

họ vẫn còn đang chuyên-cần tu (tinh cần) vì mục tiêu thánh quả đó.] (1188)

1189 [Từ chỗ này lời kinh bắt đầu rẽ khác đi so với lời kinh chỗ này trong kinh

MN 31.

- MA giải thích ánh-sáng (obhāsa) là ánh-sáng ban đầu (sơ khởi), mà MṬ đã giải nghĩa là ánh-sáng được tạo ra bởi trạng thái tiếp-cận tới tầng thiền định (jhāna). MṬ còn bổ sung thêm rằng một người đạt được tầng thiền định thứ tư (tứ thiền) tu tập kasiṇa-ánh sáng là (đề mục) ban đầu để dẫn tới sự phát khởi mắt thiên thánh (thiên nhãn thông). Chữ "tầm-nhìn về những hình-sắc" (dassanaṁ rūpānaṁ) là sự nhìn thấy những hình-sắc bằng mắt thiên thánh (thiên nhãn thông).

- Ngài A-nậu-lâu-đà sau này đã được Phật tuyên bố là để tử đệ nhất về thiên nhãn thông.] (1189)

1190 [Nguyên văn câu này: Nimittaṁ paṭivijjhitabbaṁ. Nghĩa như chữ là: "Các thầy nên thâm nhập dấu-hiệu (hình tướng) đó.".] (1190)

1191 [So sánh với ví dụ tương tự trong kinh MN 52.15.] (1191)

1192 [MA diễn giải chỗ này thành văn như vầy: “Trong khi ta đang chú-tâm

tới một loại hình-sắc duy nhất, sự ham-muốn khởi sinh. Sau khi ta nghĩ ‘Ta sẽ chú-tâm tới những loại khác nhau của những hình-sắc’: có lúc ta hướng sự chú-tâm tới cõi trời, có lúc ta hướng sự chú-tâm tới cõi người. Khi ta đã chú- tâm tới những loại khác nhau của những hình-sắc, thì nhận-thức về sự đa- dạng đã khởi sinh trong ta.”] (1192)

1193 [“Sự thiền-tập thái quá vào những hình-sắc” (Atinijjhāyitattaṁ rūpānaṁ). MA diễn giải cả câu này thành văn như vầy: “Sau khi nhận-thức về sự đa-dạng đã khởi sinh, ta nghĩ ta sẽ chú-tâm tới một loại hình-sắc, dù là dễ-chịu hay khó-chịu. Khi ta đã làm vậy, thì sự thiền-tập quá độ vào những hình-sắc đã khởi sinh trong ta.”] (1193)

1194 [Sự không hoàn-hảo của cái tâm là dịch chữ “cittassa upakkileso”. Chữ

này cũng đã được dùng trong kinh MN 7, mục 3, nhưng ở đây trong kinh MN 129 này nó chỉ có nghĩa là “những sự không hoàn-hảo (không hoàn-

thiện) trong sự tu tập sự định-tâm”. Do vậy, sự dịch chữ này của tôi có hơi khác nhau trong 02 trường hợp/ 02 kinh. (Trong kinh MN 7, mục 3, chữ cit- tassa upakkileso đã được dịch [bởi Ñm và TKBĐ] là “những sự ố-nhiễm [không sạch] làm ô nhiễm cái tâm = những sự không hoàn-thiện làm ô nhiễm cái tâm”. Trong kinh này nó được dịch có nghĩa là “những sự không hoàn- hảo của cái tâm trong sự tu tập định-tâm”).] (1194)

1195 [“Ba cách” có lẽ là 03 loại sự định-tâm đầu tiên được đề cập trong đoạn

kế tiếp, chúng cũng được nói đến là một bộ-ba trong kinh dài DN 33.1.10. Trong số này, (i) loại sự định-tâm thứ nhất là tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) và tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) là bao gồm 03 tầng thiền định theo khuôn-mẫu thông thường là ‘4-tầng thiền định’ (thay vì theo khuôn-mẫu ‘5-tầng thiền định’ theo Vi Diệu Pháp tạng trong đó tầng thiền định thứ hai được phân thành tầng thiền định thứ hai và thứ ba). (ii) Loại sự định-tâm thứ hai thì không có chỗ trong khuôn-mẫu ‘4-tầng thiền định’, nhưng xuất hiện như tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) trong khuôn-mẫu ‘5-tầng thiền định’ được giảng giải trong Vi Diệu Pháp tạng.Tầng thiền định thứ hai trong công thức ‘5-tầng thiền định’ này được chứng đắc bởi người không thể cùng một lúc loại bỏ cả 02 yếu tố là ý-nghĩ được áp dụng (tầm) và ý-nghĩ được duy trì (tứ), mà phải lần lượt loại bỏ từng cái một.]

- (Tức là: (i) theo công thức ‘4-tầng thiền định’ thông thường được ghi trong Kinh Tạng: người tu cùng lúc loại bỏ cả 02 yếu tố tầm và tứ [hết tầm và tứ] và chứng đắc tầng thiền định thứ ba. (ii) Nhưng nếu người tu một lúc chỉ loại bỏ 1 trong 2 yếu tố tầm hay tứ [hết tầm còn tứ, hoặc còn tầm hết tứ] thì lúc này trở thành tầng thiền định thứ ba theo công thức ‘5-tầng thiền định’ của Vi Diệu Pháp Tạng, và khi nào loại bỏ luôn yếu tố còn lại [hết tầm và hết tứ] thì mới chứng đắc tầng thiền định kế tiếp là tầng thiền định thứ ba theo công thức của Kinh Tạng = tầng thiền định thứ tư theo công thức của Vi Diệu Pháp

Tạng). (1195)

1196 [MA chú giải: (a) sự định-tâm có hỷ [sự hoan-hỷ] là 02 tầng thiền định

đầu (nhất thiền và nhị thiền); (b) sự định-tâm không còn hỷ là 02 tầng thiền định cao hơn [tam thiền và tứ thiền]; (c) sự định-tâm có đi kèm lạc [sự sướng; sāta {ở đây chú giải dẫn chữ gốc là sāta (sự thích thú, sự sảng khoái, dễ chịu)

chứ không dùng chữ sukha (sự sướng, hạnh phúc, lạc)}] là 03 tầng thiền định đầu (nhất thiền, nhị thiền, tam thiền); sự định-tâm có đi kèm xả [sự buông-xả] là tầng thiền định thứ tư (tứ thiền).

- Ở đây phiên bản PTS không có câu sātasahagato pi samādhi bhāvito ahosi, vốn được ghi trong tất cả những phiên bản khác.] (1196)

1197 [MA nói rằng Đức Phật đã tu tập những sự định-tâm này vào canh cuối

cùng của cái đêm giác-ngộ trong khi đang ngồi thiền dưới gốc Cây Bồ-Đề.] (1197)

Kinh 129

1198 [Nội dung những hình phạt tàn bạo trong mục này giống tương tự kinh

MN 43, mục 14.] (1198)

1199 [Ví dụ sau đây cũng có trong kinh SN 12:63 nhưng trong đó nó được

dùng để mô tả về dưỡng-chất thức (vinnāṇāhāra).] (1199)

1200 [Và Phật sẽ nói cho họ nghe—như trong kinh MN 130, mục 17–27.]

(1200)

1201 [MA giải thích rằng: Nghĩa là, (1) người ngu dính vào ba loại hành-vi sai

trái (ba tà-hạnh, ba loại tà-nghiệp), do điều đó người đó tái sinh trong địa ngục. (2) (Rồi sau một thời gian dài thăm thẳm trong địa ngục, người đó có thể được tái sinh lại làm người). Do vẫn còn tàn dư nghiệp cũ, người đó bị tái sinh trong một gia đình thấp tệ. Sau đó lớn lên và lại làm những điều thuộc ba loại hành vi sai trái (ba loại ác hành, ba loại nghiệp xấu), nên sau khi chết người đó lại bị tái sinh trong địa ngục. (Bởi vậy, cho dù có thể quay lại làm người sau một thời gian dài thăm thẳm trong địa ngục, thì người đó cũng gặp phải những điều kiện và hoàn cảnh tiêu cực, dẫn tới những nghiệp tiêu cực, và cuối cùng cũng quay lại địa ngục. Và thời gian trong địa ngục lại tiếp tục dài thăm thẳm, và cơ hội có thể tái sinh lại làm người cũng hy hữu sau thời gian thăm thẳm đó).] (1201)

1202 [Chỗ này, mặc dù tiếng Pāli không chứa phân từ phủ định na, nhưng có lẽ

nên có chỗ này để thể hiện nghĩa muốn nói, và nó không xuất hiện trong

những mệnh đề song hành của những đoạn tiếp theo.] (1202)

1203 [Mời coi thêm kinh MN 91.5. Thần thoại về vị vua Quay Chuyển Bánh

Xe (chuyển luân vương) đã được nói nhiều hơn trong các kinh dài DN 17 và DN 26.] (1203)

1204 [Về những ngày Bố-tát: mời coi lại chú thích 59 ở kinh MN 4, mục 20

(Quyển 1) và chú thích 809 ở kinh MN 83, mục 3 (Quyển 2).] (1204)

1205 [MA chú giải rằng: Nghĩa là, người có trí làm ba loại hành vi tốt (thiện

hành), và do điều đó người đó được tái sinh trong cõi trời. Sau khi quay lại cõi người, người đó được tái sinh trong một gia đình tốt, được giàu có và đẹp đẽ. Người đó lại làm những hành vi tốt thiện và sau khi chết lại được tái sinh trong cõi trời. Lưu ý rằng, cụm chữ "sự hoàn thiện đầy đủ của hạng người trí" là hoàn toàn thế tục và không tính gì tới những giai đoạn siêu xuất hơn của thánh đạo dẫn tới sự giải-thoát.] (1205)

Kinh 130

1206 [Yama (Dạ-ma) là vị thần của sự chết (thần chết, tử thần). MA nói rằng

Yama là vua của những quỷ thần (a-tu-la), ông có một cung điện trên cõi trời. Có những lúc ông sống trong thiên cung đó của mình để thụ hưởng những dục-lạc cõi trời, có những lúc ông nếm trải nghiệp quả; thực ra ông là một ông vua chân chính. MA bổ sung thêm rằng thực ra có tới 04 vua Yama, mỗi người ở mỗi của 04 cổng [của địa ngục]. (1206)

1207 [Theo huyền thoại Phật giáo, 03 vị thiên sứ đưa tin đó là—người già,

người bệnh, và người chết—đã xuất hiện trước mặt vị Bồ-tát (khi còn là thái tử) sống trong kinh thành, chính 03 hình ảnh này đã dẹp tan sự mê-đắm của thái tử với đời sống thế tục và đánh thức trong thái tử niềm mong-muốn đi tìm con đường để giải-thoát.

- Coi kinh AN 3:36 để thấy thêm những 'hạt nhân thuộc tâm lý học' dựa vào đó huyền thoại này đã được hình thành.] (1207)

1208 [Bắt đầu từ đây, mục 10–16, là sự mô tả về địa-ngục, cũng giống như

trong kinh MN 129, mục 10–16.] (1208)

Kinh 131

1209 [Bài kinh này, với bản dịch và phần giới thiệu dài và những chú giải, đã

được ịn riêng bởi nhà sư Tỳ kheo Ñāṇananda với tên gọi là "sự sống độc- thân lý tưởng" (Ideal Solitude).] (1209)

1210 [Trong lần biên tập đầu tiên tôi đã làm theo Ñm trong cách dịch chữ

bhaddekaratta là "một sự ràng-buộc phúc lành". Tuy nhiên, với sự gợi ý của nhà sư Thānissaro Bhikkhu, tôi đã đổi thành "một đêm xuất sắc" có lẽ là chính xác hơn. Chữ ratta và ratti có thể được coi là lần lượt đại diện cho chữ Phạn là rātra và rātri (= đêm) hoặc chữ Phạn là rakta và rakti (= sự ràng buộc, sự dính mắc). Ñm đã dịch những chữ này theo nghĩa sau, có lẽ do sự thật là cả MA và MṬ đều đã không giải nghĩa chữ ratta hàm nghĩa là "đêm"; nhưng bởi vì nếu chữ này đã được dùng với nghĩa là sự ràng-buộc (trói buộc, dính buộc), là một trạng thái bất thiện trong kinh điển Phật giáo, thì ắt hẳn đã có những luận giảng đã đưa ra những chú giải theo nghĩa quan trọng đó rồi.

- Phiên bản tiếng Phạn ở Trung Á, tên bài kinh bằng tiếng Phạn thuộc phiên bản Tây Tạng, và chính bản dịch tiếng Tây Tạng: tất cả đều dùng chữ bhadraka-rātri. Điều này xác nhận cho sự nhận định chữ ratta nghĩa là "đêm"; sự thay đổi từ -e- sang -a- có thể được hiểu là một sự cố-gắng để chuyển đổi một cách ghi khó hiểu sang một cách ghi quen thuộc hơn. [Tôi mang ơn học giả Peter Skilling về thông tin này.] Phiên bản Hán tạng "Trung A-hàm" (Madhyama Āgama) chỉ đơn giản chuyển ngữ tên bài kinh của phiên bản tiếng Phạn và do vậy không đưa ra sự giúp ích gì cho vấn đề này.

- Ngoài loạt phiên bản mới nói của bài kinh này, cụm chữ bhaddekaratta chưa từng xuất hiện trong bất cứ kinh nào của Ba Tạng Kinh Điển Pāli.

- MA thì chỉ nói rằng: "'Một người có một đêm xuất sắc' là một người với một đêm người đó là xuất sắc bởi vì có-được sự vận dụng minh-sát" (bhad- dekarattassā ti vipassanāyogasamannāgatattā bhaddekassa ekarattassa).

- MṬ thì chỉ đưa ra những giải pháp từ ngữ (ekā ratti ekaratto; bhaddo ekar- atto etassā ti bhaddekarattaṁ) và nói rằng cụm chữ này chỉ một người đang tu-tập sự minh-sát.

- Như bài thi kệ đã nhấn mạnh sự cấp-bách phải chinh phục cái chết bằng cách tu tập sự minh-sát, cho nên tên bài kinh có lẽ là mô tả một người thiền là người có một đêm [hay ngày] xuất sắc dành hết cho sự tu tập thiền minh-sát (thiền tuệ) "một cách bất khả bại, một cách bất khả lay chuyển".

- Ñm có nói trong Ms rằng: "Có thể giả định rằng cụm chữ 'bhaddekaratta' là một cụm chữ phổ thông đã được lấy dùng bởi Phật và được Phật đưa vào một nghĩa đặc biệt của Phật, điều này không phải là hiếm thấy trong các kinh, nhưng ở đây dường chẳng có lý do gì Phật phải làm vậy và phân tách không thấy chứng cứ nào Phật đã làm vậy. Có lẽ thuật ngữ này là do chính Phật đã đặt ra để tả thực về một khía cạnh của sự thiền-tập."] (1210)

1211 [Nhiều người đã dịch nghĩa hai câu kệ đầu này là: "Một người không

chạy lại quá khứ, hoặc không kỳ vọng tương lai." Ý nghĩa này sẽ được làm rõ hơn trong phần phân-giải của bài kinh.] (1211)

1212 [MA giải nghĩa là: Người đó nên quán sát từng trạng thái khởi sinh trong

hiện-tại, chính ngay tại chỗ nó đã khởi sinh, theo cách 07 sự quán-sát của minh-sát [đó là 07 sự minh-sát vào sự vô-thường, sự khổ, sự vô-ngã, sự không còn mê-đắm, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự từ-bỏ.] (1212)

1213 [Nguyên văn 02 chữ này: Asaṁhīraṁ asankuppaṁ. MA giải thích rằng cách nói như vậy là vì mục đích chỉ ra sự minh-sát và sự minh-sát đối chiếu [coi thêm chú thích 1143 ở kinh MN 121, mục 12); sự minh-sát là "bất khả bại, bất khả lay động" là theo nghĩa bởi vì nó không bị chinh phục hay bị động chuyển bởi tham-dục hay những ô-nhiễm khác.

- Trong một số kinh khác, cụm chữ "bất khả bại, bất khả lay động" được dùng như một sự mô tả về Niết-bàn [như kinh Sn v.1149] hoặc sự mô tả về cái tâm được giải-thoát [như kinh Thag v.649], nhưng ở đây có lẽ nó chỉ về một giai đoạn trong sự tu tập sự minh-sát.

- Sự lặp lại của động từ saṁhīrati trong mục 8 và trong mục 9 gợi ý rằng nghĩa lời kinh là muốn chỉ cái sự thuần khiết quán-sát giây-khắc hiện tại mà không bị dẫn lừa vào sự chấp nhận một quan-điểm có cái 'ta' (ngã kiến).] (1213)

1214 [Bậc Trí Giả Bình An, bậc Mâu-ni Bình An (santo muni) chính là Đức

Phật.] (1214)

1215 [MA chú giải là: Một người "tìm thấy sự thích-thú" bằng cách mang về

lại quá khứ dục-vọng (ái) hay một quan-điểm (kiến chấp) nối kết (câu hữu) với dục-vọng (ái kiến chấp). Nên lưu ý rằng, điều đó không phải chỉ là sự nhớ lại [thông qua trí nhớ hay ký ức] gây ra sự trói-buộc, mà là sự làm sống lại những trải-nghiệm quá khứ bằng những ý-nghĩ của dục-vọng. Về phương diện này, giáo lý của Phật là khác hẳn giáo lý của Krishnamurti, người dường như coi chính trí nhớ là kẻ bày trò xấu xa đứng sau hậu trường mọi sự.] (1215)

1216 [Cú pháp của tiếng Pāli cho phép câu này được diễn dịch theo 02 cách để

khẳng định nghĩa là: (i) một người nghĩ "Ta đã có sắc-thân như vậy trong quá khứ" nhưng không tìm/thấy sự thích-thú (khoái lạc) trong ý-nghĩ đó; hoặc (ii) một người không tìm/thấy sự thích-thú trong quá khứ bằng sự nghĩ ý-nghĩ như vậy. Nữ tiến sĩ Horner, Tỳ kheo Ñāṇananda trong một tham luận [bản dịch và luận giải] của mình về bài kinh này có tên là "Sự sống độc-thân lý tưởng" (Ideal Solitude), và cả Ñm (trong Ms) đều dịch theo nghĩa cách (i); tôi đã bảo lưu cách dịch của thầy Ñm trong lần biên tập thứ nhất. Nhưng khi xem xét lại, giờ tôi tin rằng cách dịch (ii) là đúng hơn với nghĩa mà lời kinh muốn nói. Cách này cũng liên kết tốt hơn với những lời trong bài thi kệ, trong đó một đệ tử không an trú trong quá khứ và trong tương lai mà chỉ quán-sát "từng trạng thái đã khởi sinh trong hiện tại" đơn giản như cách nó tự thể hiện như-nó-là.] (1216)

1217 [Trong lần biên tập thứ nhất, câu này đã được dịch là: "Sau khi nghĩ 'Cầu

mong ta có sắc-thân như vậy trong tương lai' một người tìm thấy sự thích-thú (khoái lạc) trong đó." Khi hồi xét lại, giờ đối với tôi có lẽ đúng hơn là câu đó chỉ đơn giản diễn tả điều ước cho tương lai mà thôi.] (1217)

1218 [Động từ saṁhīrati ở đây, và trong đoạn tiếp theo, là đề cập lại một hàng

trong bài kệ là "một cách bất khả bại, một cách bất khả lay chuyển". MA giải nghĩa đó là: "Một người bị kéo đi bởi dục-vọng và những tà-kiến bởi do thiếu sự minh-sát."] (1218)

Kinh 133

1219 [Từ chỗ này, mục 7–11, là giống như kinh MN 18, mục 10–14.] (1219)

1220 [MA chú giải: Trong 02 kinh kế trước kinh này và trong kinh kế sau kinh

này, Đức Phật đã thiết lập phần sự tóm-lược (đề cương, sự tóm tắt, đại cương, mẫu đề; matika) và phần sự phân-giải (phân tích, phân biệt, giảng giải) theo cách diễn đạt bằng Năm-uẩn. Nhưng ở đây thì Phật đã thiết lập sự tóm-lược (đề cương) theo cách để phân-giải theo cách diễn đạt bằng 12 cơ-sở cảm- nhận (12 xứ; 06 cặp nội ngoại xứ). Sau khi hiểu được ý của Phật, thầy Đại Ca-chiên-diên đã nói theo cách này. Do sự thiện khéo của thầy ấy trong việc nắm bắt được phương pháp phân-giải của Phật ngay cả khi thầy ấy không trực tiếp nghe được từ Phật, nên Phật đã đề cao thầy Đại Ca-chiên-diên là vị đệ tử đệ nhất về phân-giải một cách chi tiết một giáo lý đã được nói ra một cách tóm-lược, (như kinh AN 1:197).] (1220)

Kinh 134

1221 [Theo luận giảng về tập kinh Thag: Ngài Lomasakangiya đã từng là một

Tỳ kheo vào thời kiếp Đức Phật Ca-Diếp (Kassapa). Sau khi Phật Ca-Diếp đã chỉ dạy bài kinh "Người Có Một Đêm Xuất Sắc" (Bhaddekaratta Sutta), một Tỳ kheo khác đã nói về bài kinh đó cho thầy Lomasakangiya. Do không thấu hiểu ý nghĩ bài kinh, thầy Lomasakangiya đã xướng lời rằng: "Trong tương lai, mong sao tôi có khả năng chỉ dạy cho thầy bài kinh này!". Vị Tỳ kheo kia đã trả lời: "Mong sao lúc đó tôi hỏi thầy về ý nghĩa của bài kinh này!". Rồi trong kiếp này, thầy Lomasakangiya đã được sinh trong một gia đình họ tộc Thích-Ca ở kinh thành Kapilavatthu, trong khi vị Tỳ kheo kia giờ là thiên thần Candana đang hỏi thầy ấy về ý nghĩa của bài kinh này; (và thầy ấy đã lên đường đến gặp Phật để được Phật chỉ dạy về ý nghĩa của nó).] (1221)

1222 [MA giải thích rằng sự kiện này diễn ra vào năm thứ bảy sau khi Phật

giác-ngộ, lúc này Phật đã trải qua 03 tháng An Cư Mùa Mưa ở cõi trời Ba Mươi Ba để dạy Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) cho những thiên thần (có cả mẹ của Phật là hoàng hậu Maya đã tái sinh trong cõi trời này) đã tụ họp về từ khắp nơi trong hệ mười ngàn thế giới.] (1222)

Kinh 135

1223 [Về môn sinh bà-la-môn này, mời coi thêm kinh MN 99 (Quyển 2). Theo

MA, cha của anh ta, bà-la-môn Todeyya, đã tái sinh thành một con chó ngay trong nhà anh ta bởi do bản tính cực kỳ keo kiệt của ông ta khi còn sống là người. Đức Phật đã nhận dạng con chó cho Subha bằng cách làm con chó tìm đào lên kho báu mà cha của anh ta đã chôn giấu nó trước khi ông chết. Điều này đã tạo nên niềm-tin của Subha vào Đức Phật, và điều đó đã khiến anh ta đến gặp và vấn hỏi Phật về sự vận hành của nghiệp và nghiệp quả.] (1223)

1224 [Nếu nghiệp sát-sinh là nghiệp chính trực tiếp quyết định đường tái sinh

thì nó sẽ tạo tái sinh vào cảnh giới đày đọa, thống khổ. Nhưng nếu người đó cũng có những nghiệp tốt, và nếu nghiệp tốt đủ mạnh để quyết định được tái sinh làm người—[chỉ có nghiệp đại thiện mới có thể giúp có được sự tái sinh làm người!]—thì lúc đó nghiệp sát-sinh sẽ vận hành theo cách phản nghịch với nghiệp tạo-ra tái-sinh bằng cách gây ra những nghịch-cảnh (những hiệu lực đối nghịch, tiêu cực, xấu) để cuối cùng dẫn tới sự chết-yểu.

- Nguyên lý này cũng tương tự áp dụng cho những trường hợp tiếp theo, trong đó những nghiệp bất thiện sẽ đi đến chín-muồi trong một kiếp người: trong mỗi trường hợp đó nghiệp bất thiện sẽ đối nghịch với nghiệp thiện chịu trách nhiệm cho sự tái-sinh làm người bằng cách gây ra một loại nạn (sự bất hạnh, họa, vận rủi, tai ương, tai nạn) tương ứng với tính chất đặc thù riêng biệt của nghiệp bất thiện đó người đó đã gây ra trước đó.] (1224)

1225 [Trong trường hợp này nghiệp thiện do kiêng cữ sát-sinh có thể trực tiếp

chịu trách nhiệm tạo ra sự tái sinh trong cõi trời hoặc sự sống-thọ trong cõi người.

- Nguyên lý này cũng áp dụng cho tất cả những đoạn nói về sự chín-muồi thành quả của những nghiệp thiện.] (1225)

Kinh 136

1226 [MA nói rằng thực ra du sĩ Potaliputta đã không đích thân nghe từ Phật,

ông chỉ nghe đồn rằng những điều đó đã được nói bởi Phật. Câu (i) là một

491 • Phần Chú Thích

câu bị méo mó xuyên tạc so với lời Phật đã nói trong kinh MN 56, cuối mục 4, rằng nghiệp-tâm [hành-vi của tâm, hành-động của tâm, tâm-nghiệp] là đáng trách nhất trong 03 loại nghiệp xấu ác (bởi thân, lời-nói, tâm). Còn câu (ii) xuất phát từ sự thảo luận của Phật về sự chấm-dứt nhận-thức (diệt tưởng) được ghi trong kinh dài DN 9 (Poṭṭhapāda Sutta).

- MA giải nghĩa chữ "vô-ích" ở đây nghĩa là "không kết quả gì, không tạo quả gì".] (1226)

1227 [Câu này đã được Phật tuyên bố ở đầu kinh SN 36:11 (Quyển 4), đoạn

đầu (và cũng có trong kinh SN 12:32, cuối đoạn [i]) khi Phật đề cập tới sự khổ là có sẵn (tất hữu) trong tất cả những sự tạo-tác (các hành) bởi vì bản chất của tất cả mọi sự tạo-tác đều là vô thường, biến đổi, chấm dứt. Cho dù bản thân câu này mà thầy Samiddhi đã dẫn ra là đúng, nhưng có lẽ nó không thể được diễn dịch thành câu "Tất cả mọi cảm-giác được cảm nhận đều là khổ", vì câu này là bị sai lệch với câu trên của Phật. (Nói rõ hơn: vẫn có những cảm-giác được cảm nhận là sướng (lạc, hạnh phúc) mà; tuy nhiên chúng vẫn nằm trong sự khổ, ví dụ sự khoái-lạc giác quan (dục lạc cõi người, dục lạc cõi trời), sự sướng (lạc, hạnh phúc) của những tầng thiền định ... đều là có điều-kiện và do vậy vẫn nằm trong sự khổ.).] (1227)

1228 [MA chú giải: Mục 8 này chưa phải là phần phân-giải (phân tích, giảng

giải) về 'bài thuyết giảng lớn về nghiệp' (đại kinh nghiệp phân biệt) theo trí- biết của Như Lai, mà chỉ mới là phần tóm-lược (đề cương, sự tóm tắt, đại cương, mẫu đề; matika) với mục đích để dẫn tới phần phân-giải sau đó. (Ở đây người dịch tạm đặt là phần (Phân giải 1).)] (1228)

1229 [MA chú giải: Mục 13, 14, 15, 16 này cũng vẫn chưa phải là phần phân-

giải về 'bài thuyết giảng lớn về nghiệp' theo trí-biết của Như Lai, đây cũng còn đang thiết lập phần sự tóm-lược (đề cương, đại cương) mà thôi. Mục đích trong các mục này là để chỉ ra: trong mỗi tuyên bố của mỗi tu sĩ hay bà-la- môn ngoài đạo, điều gì có thể chấp nhận và điều gì nên bác bỏ. Nói ngắn gọn là: điều họ trực-tiếp nhìn thấy là được chấp nhận; nhưng từ điều họ nhìn thấy họ quy nạp thành một quy luật nghiệp là không đúng. Nghĩa là: điều mỗi họ tự nhìn-thấy là đúng; nhưng điều mỗi họ đã quy nạp kết luận chung là không đúng (vì vẫn có ít nhất 03 trường hợp "nghiệp và quả" khác như đã đọc

thấy).] (1229)

1230 [MA chú giải: Từ [1]-[4] (gồm Mục 17, 18, 19, 20, và cả 21) mới là phần

phân-giải về 'bài thuyết giảng lớn về nghiệp' theo trí-biết của Phật. (Ở đây người dịch đặt là phần (Phân giải 2).)] (1230)

1231 [MA chú giải: Thông qua mắt thiên thánh (thiên nhãn), một người được

nhìn thấy có sát-sinh ... và nắm giữ tà-kiến, bị tái sinh trong địa ngục có thể vì 1 trong 3 lý do: (1) vì một nghiệp ác khác mà người đó đã làm trước cả nghiệp sát-sinh này, hoặc (2) vì một nghiệp ác người đó đã làm sau nghiệp sát-sinh này, hoặc (3) vì một tà-kiến người đó đã chấp nhận và thu nạp vào lúc chết.

- Kinh điển Pāli dường như nói rằng một người nhất thiết bị tái sinh trong địa ngục bởi do nghiệp ác chứ không riêng cái nghiệp sát-sinh mà người đó được thấy đã làm. Nghiệp sát-sinh này có thể là một khả năng, nhưng chưa chắc. Bởi vì, người đó có thể bị tái sinh trong địa ngục vì nghiệp sát-sinh đó, nhưng cũng có thể vì những nghiệp ác khác đã làm trước đó hoặc sau đó hoặc lúc cận tử người đó lại dính vào tà-kiến.] (1231)

1232 [Câu này cho thấy: ngay cả khi nghiệp ác của một người không tạo-ra

kiểu tái-sinh, thì nó vẫn chín muồi cho người đó nếm trải ngay trong kiếp này, hoặc trong kiếp sau, hoặc trong kiếp sau xa nữa.] (Ví dụ, nghiệp sát-sinh này không quyết định sự tái-sinh trong địa ngục [vì có nghiệp ác khác quyết định] nhưng nó vẫn có thể chín muồi và tạo ra quả ác ngay trong kiếp này, như người đó sẽ bị nguyền rủa, bị người đời chê chửi, bị cắn rứt điên khùng, bị pháp luật trừng trị, hoặc bị những quả báo nhãn tiền khác... Và ngược lại là quả thiện đối với nghiệp thiện).] (1232)

1233 [Trong trường hợp này sự tái-sinh trong cõi trời chắc hẳn là nhờ một

nghiệp đại thiện nào khác, chứ nghiệp sát-sinh này hay nghiệp ác thì không thể tại ra kiểu tái-sinh phúc lành nào.] (1233)

1234 [MA chú giải: chữ abhabba (không khả năng) = bất thiện (akusala),

được gọi là "không khả năng" bởi do nó thiếu khả năng để chín muồi; và chữ bhabba (có khả năng) = thiện lành (kusala), được gọi là "có khả năng" bởi do

nó có khả năng để chín muồi. Tuy nhiên, sự chú giải này nghe có vẻ đáng ngờ; vì chữ bhabba (Phạn: bhavya) có thể chỉ đơn giản có nghĩa là "có tiềm năng, có khả năng tạo ra quả" mà không hàm chỉ sự đánh giá về mặt đạo đức lương tâm.

- MA đã đưa ra 02 sự chú giải về đoạn 04-điều. (1) Cách thứ nhất là coi tiếp vĩ ngữ -ābhāsa có nghĩa là "lấn lướt" hay "vượt qua", và do vậy 04 chữ ghép đó đã minh họa cách mà một nghiệp có thể "lấn lướt" một nghiệp cùng phẩm chất khác để tạo ra quả của nó. (2) Cách thứ hai, có vẻ hợp lý hơn, là coi tiếp vĩ ngữ -ābhāsa có nghĩa là "thể hiện" (xuất hiện, tỏ ra, được thấy là) mà tôi đã làm theo khi dịch những chữ này.

- Về sự chú giải này, (i) loại thứ nhất được minh họa bởi [một người sát-sinh và bị tái sinh trong địa ngục]: (a) nghiệp của người đó là không khả năng [có quả tốt] bởi vì nó là bất thiện, và (b) nó thể hiện là không khả năng bởi vì, do người đó đã bị tái sinh trong địa ngục, nên nghiệp ác đó có lẽ đó là nguyên nhân cho sự tái-sinh dưới đó. (ii) Loại thứ hai được minh họa bởi [một người sát-sinh và lại được tái sinh trong cõi trời]: (a) nghiệp của người đó là không khả năng [có quả tốt] bởi vì nó là bất thiện, nhưng (b) nó thể hiện là có khả năng bởi vì người đó được tái sinh trong cõi trời; do vậy đối với những tu sĩ hay bà-la-môn ngoại đạo họ cho rằng nghiệp ác đó dường như lại là nguyên nhân cho sự tái sinh của người đó trong cõi trời. (iii) và (iv) Hai loại còn lại này cũng nên được hiểu theo cách tương tự hai loại nói trên, chỉ thay đổi những chi tiết cho đúng.] (1234)

Kinh 137

1235 [MA chú giải: sự khám-phá của tâm là dịch chữ manopavicāra, đó chính

là ý-nghĩ được áp dụng (tầm; ý nghĩ-ban đầu) và ý-nghĩ được duy trì (tứ; ý- nghĩ soi xét). Một người khám phá [hoặc soi xét, xem xét: upavicarati] đối- tượng bằng sự có mặt (diễn ra) của ý-nghĩ được duy trì (tứ; vicāra), và ý-nghĩ được áp dụng (tầm) là kết

nối (câu hữu) với ý-nghĩ sau (tứ).] (1235)

1236 [MA chú giải nghĩa là: Sau khi nhìn thấy một hình-sắc bằng thức-mắt,

một người khám phá một hình-sắc, như một đối-tượng (trần, một ngoại xứ), là nhân của vui [hay buồn, hay buông-xả]. (1236)

494 • Phần Chú Thích

1237 [MA chú giải: Đây là những tình-thế (pada; thái độ, lập trường, tư thế)

đối với những chúng sinh có ý muốn (ý hành) tiếp tục sự hiện-hữu trong vòng luân-hồi và đối với những chúng sinh có ý muốn chấm dứt vòng luân-hồi.] (1237)

1238 [MA chú giải: "Dựa trên đời sống tại gia" nghĩa là kết nối (câu hữu) với

năm dây khoái-lạc giác quan (dục lạc); còn "dựa trên đời sống xuất gia" có nghĩa là kết nối với tuệ minh-sát.] (1238)

1239 [Đây là sự vui (hỷ) khởi sinh khi một người đã thiết lập sự minh-sát và

đang ngồi quan sát sự tan-rã của những sự tạo-tác (các hành) với một dòng chảy trí minh-sát sắc bén và sáng tỏ hội tụ (chú mục) vào những sự tạo-tác.] (1239)

1240 [MA chú giải "những sự giải-thoát tối thượng" và "cảnh-xứ" là chỉ thánh

quả A-la-hán. Coi thêm kinh MN 44.28.] (1240)

1241 [MA: Đây là sự buông-xả do không hiểu biết [sự ngu ngơ] khởi sinh

trong một người chưa chinh phục những hạn-chế bị hạn định bởi những ô- nhiễm (lậu hoặc) hoặc bởi những [nghiệp] quả vị lai. Loại sự buông-xả này "không chuyển hóa vượt khỏi sắc-thân" là do nó bị mắc kẹt, bị trói buộc vào đối-tượng giống như những con ruồi bị dính vào cục đường vậy.] (1241)

1242 [MA: Đây là sự buông-xả [sự bình tâm, xả bỏ] nối kết với trí minh-sát.

Không tham-thích (vô tham) đối với những đối-tượng đáng thích (đẹp, ngon, sướng, hấp dẫn) đi vào tầm của các giác-quan, cũng không bực tức (vô sân) đối với những đối-tượng đáng chê (xấu, dở, khổ, gớm ghiếc).] (1242)

1243 [MA nói rằng: trước đây đã thảo luận về sự buông-xả thế tục, giờ là nói

tới sự tương-phản giữa sự buông-xả trong sự trải nghiệm những cảm nhận khác biệt (xả trong cảm-nhận) và sự buông-xả trong những tầng chứng đắc thiền định (xả trong thiền).] (1243)

1244 [MA diễn giải là: "Nhờ sự buông-xả của những tầng chứng đắc vô-sắc,

nên dẹp bỏ sự buông-xả của những tầng thiền định sắc-giới; nhờ sự minh-sát nhìn vào vô-sắc giới, một người không nên dẹp bỏ sự minh-sát nhìn vào sắc-

495 • Phần Chú Thích

giới."] (1244)

1245 [MA nói rằng: sự không nhận-dạng hay sự không nhìn-nhận này nọ [at-

ammayatā—coi chú thích 1066 ở kinh MN 113, mục 21] ở đây là đề cập tới "sự minh-sát dẫn tới sự nổi-lên", tức là sự minh-sát kế cận trước sự khởi sinh (nổi lên, hiện ra) của thánh đạo siêu thế; vì sự minh-sát này tác động tạo ra sự dẹp-bỏ đối với sự buông-xả của/trong những tầng chứng đắc thiền định (xả của thiền) và sự buông-xả của sự minh-sát (xả của minh-sát).] (1245)

1246 [Nền tảng chánh-niệm hay niệm xứ (satipaṭṭhāna) ở đây rõ ràng có nghĩa

khác với nghĩa thông thường của thuật ngữ này, đoạn kinh kế tiếp sẽ làm rõ điều này. "Bậc Thánh" ở đây là chỉ Đức Phật.] (1246)

1247 [Đây (điều ngự trượng phu) là một trong 09 phẩm-hạnh của Đức Phật

trong danh sách thường nói về những phẩm-hạnh của Phật.] (1247)

1248 ["Tám hướng" ở đây là chỉ 08 sự giải-thoát, như đã được nói trong chú

thích 764 ở kinh MN 77, mục 22, (Quyển 2).] (1248)

Kinh 138

1249 [Chỗ này đọc thấy lạ, bởi vì vào mở đầu Phật đã nói sẽ dạy cho các Tỳ

kheo sự tóm-lược (đề cương) và sự phân-giải (phân tích, giảng giải), nhưng giờ sau khi nói ra sự tóm-lược một cách ngắn gọn, Phật đã bỏ đi và không nói phần phân-giải cho sự tóm-lược đó. Mặc dù có những kinh khác Phật cũng chỉ tuyên thuyết sự tóm-lược một cách ngắn gọn và đứng dậy đi về chỗ trú ở [như kinh MN 18 ...), nhưng trong các kinh đó Phật đã không nói trước rằng Phật sẽ nói luôn cả phần phân-giải ý nghĩa chi tiết. Luận giảng MA cũng không chú giải chỗ này.

- (Ví dụ trong kinh đầu của Chương 4 này là kinh MN 131: Phật nói sẽ nói sự tóm-lược và sự phân-giải thì Phật đã nói đủ cả 02 phần.)

- (Thường thì trong các kinh như vầy, sau khi Phật nói ra sự tóm-lược (đề cương) thì sau đó thầy Đại Ca-chiên-diên là người phân-giải ý nghĩa chi tiết của lời tóm-lược đó).] (1249)

1250 [MA chú giải: Thức bị "xao lãng và phân tán ra bên-ngoài", tức là, giữa

những đối-tượng bên ngoài (trần, cảnh) khi thức diễn ra theo cách có sự dính- mắc (trói buộc, ràng buộc) đối với một đối-tượng bên ngoài. (Nghĩa là: thức chạy/chấp/dính theo một đối-tượng bên ngoài (quên mình theo vật) thì được gọi là thức bị xao lãng và phân tán ra bên-ngoài).] (1250)

1251 [MṬ giải thích: Bản thân hình-sắc được gọi là dấu-hiệu của hình-sắc (sắc

tướng, rūpanimitta) trong đó nó là nhân làm khởi sinh những ô-nhiễm. Một người "chạy theo nó" theo cách của tham-dục.] (1251)

1252 [MA: Tâm "bị dính kẹt ở bên-trong" theo cách của sự dính-mắc (ràng

buộc) theo một đối-tượng bên trong. Lời kinh chỗ này đã tự chuyển đổi từ chữ thức (vinnāṇa) trong phần đề-cương ngắn gọn của Phật sang chữ tâm (citta) trong phần phân-giải chi tiết bởi thầy Đại Ca-chiên-diên (Mahā Kaccāna).] (1252)

1253 [Tất cả các phiên bản tiếng Pāli được biết đến của kinh MN 138 này đều

ghi chỗ này là anupādā paritassanā, nghĩa chữ là "sự khích-động do không dính-chấp (vô thủ)", đây rõ ràng là mâu thuẫn với giáo lý Phật đã luôn dạy—[Giáo lý đó là: sự khích-động khởi sinh do có sự dính-chấp (thủ), và sự khích-động chấm dứt khi loại bỏ sự dính-chấp (phá thủ, diệt thủ, vô thủ).] - (Chẳng hạn: do người có chấp-thủ vào thân năm-uẩn này là cái 'ta' và 'của- ta', là 'bản ngã' của ta, cho nên khi thân biến đổi người đó mới bị lo-âu và khích-động; nếu người không chấp-thủ vào thân năm-uẩn này là cái 'ta'... thì khi nó thay đổi (đau, bệnh, già) người đó không bị âu-lo và khích-động, vì người đó đã nhìn thấy lẽ thực vô-ngã và mọi thứ đều là vô-thường ... Thêm nữa, ở gần cuối mục 22 của kinh MN 140 kế dưới Phật cũng nói: "Khi người đó không dính-chấp gì, thì người đó không bị khích-động.")—Tuy nhiên cách ghi anupādā paritassanā nói trên rõ ràng đã được ghi trong kinh trước khi có những luận giảng và chú giải, bởi vì sau kinh thì luận giảng MA đã chấp nhận chữ anupādā là chính xác và đã đưa ra chú giải của nó như sau: "Theo nghĩa nào mà có 'sự khích-động do không dính-chấp'? Đó là thông qua 'sự không-có thứ gì' để dính-chấp vào. Bởi vì, nếu có sự tạo-tác nào là thường hằng, ổn định, là một bản ngã hay thuộc về bản ngã, thì mới có thứ để dính- chấp vào. Vậy thì sự khích-động này sẽ là 'sự khích-động do có dính-chấp'.

Nhưng bởi vì không có sự tạo-tác nào để có thể dính-chấp vào như vậy, nên ngay cả thân-sắc ... cũng bị dính-chấp bằng ý tưởng "thân-sắc là cái 'ta' ... là 'của-ta' ...". Như vậy là, cái được gọi ở đây 'sự khích-động do không dính-chấp' là nói theo nghĩa là 'sự khích-động do dính-chấp (thủ)' theo cách của những tà-kiến." (?)

- Ñm đã dịch theo cách ghi này, và dựa trên cơ sở chú giải của MA, thầy ấy đã dịch cụm chữ này là "sự khích-động do không tìm thấy thứ gì để dính- chấp vào". Thầy ấy không thảo luận về chỗ rắc rối này trong những ghi chú để lại của thầy ấy.

Một kinh trong bộ kinh SN (Bộ Kinh Liên-Kết, Tương ưng kinh bộ), là kinh SN 22:07, có đoạn (1) là hầu như giống hệt với đoạn (3) này của kinh MN 138 này; ngoại trừ trong kinh SN đó chỗ này đã ghi [như chúng nên mong đợi!] là upādā paritassanā: sự khích-động do có dính-chấp. Từ lời kinh trong kinh SN này, chúng ta có thể ngầm hiểu một cách an toàn rằng cách ghi trong kinh MN 138 này là bị sai lỗi qua đường truyền tụng. Và cách dịch của tôi là dựa theo cách ghi trong kinh SN 22:07. Trong MLS, nữ tiến sĩ Horner cũng dịch theo cách ghi trong kinh SN này.] (1253)

1254 [MA đã chú giải cụm chữ ít thông dụng paritassanā dhammasamuppādā

ở đây có nghĩa là "sự khích-động của dục-vọng và sự khởi-sinh của những trạng thái bất thiện [khác]."] (1254)

1255 [Sự khích-động như vậy là kết quả từ sự không-có một bản-thể thường

hằng nào trong mọi sự mọi thứ để làm một chỗ nương-náu hay tị-nạn khỏi sự khổ đau bị gây ra bởi sự thay đổi, bất ổn và vô thường của chúng.] (1255)

1256 [Cụm chữ này là được ghi giống nhau trong kinh MN 138 này và trong

kinh SN 22:07.] (1256)

Kinh 139

1257 [Lời kinh câu này thực chất giống hệt lời tuyên thuyết Phật đã nói trong

bài thuyết giảng đầu tiên (kinh Chuyển Pháp Luân) cho nhóm 05 Tỳ kheo đầu tiên trước khi giảng dạy cho họ về Bốn Diệu Đế.] (1257)

498 • Phần Chú Thích

1258 [Nguyên gốc kinh văn là cụm chữ dài [sự thụ hưởng của một người có sự

khoái-lạc (sướng, lạc) nối kết với những khoái-lạc giác quan (dục lạc)]; đây chỉ là một cách diễn tả phức hợp dài dòng hơn về cái 'sự theo đuổi khoái-lạc giác quan' (dục lạc). (Ở đây người dịch Việt lược ghi theo cách ghi sau để người đọc dễ đọc bài kinh).] (1258)

1259 [MA nói: Nghĩa là nó "bị bao vây bởi sự khổ đau, sự phiền bực …"

thông qua sự khổ đau và sự phiền bực … , thuộc về những quả của nó [dục lạc] và sự khổ đau và sự phiền bực … , thuộc về những ô-nhiễm đi theo nó.] (1259)

1260 [Đây chính là loại dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái). Chỗ này

chúng ta nên đọc lại cho đúng gông-cùm hiện-hữu là bhavasaṁyojanaṁ [theo như BBS và SBJ] khác với cách ghi của PTS là vibhavasaṁyojanaṁ.] (1260)

1261 [Nghĩa là: Có sự chê hay sự khen là khi một người đóng khung những

điều tuyên bố của mình theo đối tượng là những cá-nhân, là những người được khen và những người bị chê. Một người "chỉ lo chỉ dạy Giáo Pháp" khi người đó đóng khung những điều tuyên bố của mình theo đối tượng là những trạng thái (dhamma)—đó là kiểu thực hành, cách thực hành—chứ không hàm chỉ những cá-thể hay 'con người' nào.] (1261)

1262 [Vấn đề "khăng khăng cố dùng đặc ngữ địa phương" có lẽ gặp phải nhiều

trong Tăng Đoàn, vì những Tỳ kheo sống đời sống du hành nay đây mai đó qua rất nhiều địa phương lớn nhỏ khác nhau, và mỗi địa phương đều có những phương ngữ riêng (và những Tỳ kheo thì xuất thân từ khắp nơi, mỗi người từ những địa phương khác nhau có những phương ngữ khác nhau. Vì vậy Phật mới nói các Tỳ kheo không nên khăng khăng hay cố dùng phương ngữ của mình, và không nên nói quá khác hay bỏ xa khỏi tiếng phổ thông; mục đích là để sự giao tiếp được rõ ràng và dễ hiểu bởi các Tỳ kheo khác nhau).] (1262)

1263[Ngài Subhūti (Tu-bồ-đề) là em trai của gia chủ Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) và đã trở thành một Tỳ kheo vào cái ngày Khu Vườn Jeta (Kỳ-đà viên) được cúng dường cho Tăng Đoàn. Đức Phật đã tuyên bố thầy Tu-bồ-đề là đệ tử đệ nhất về cả 02—đệ nhất trong những người sống không

có xung khắc, và đệ nhất trong những người đáng được cúng dường, như trong kinh AN 1:201 và 202.]

- (Nhân tiện, thầy Subhūti (Tu-bồ-đề) đặc biệt rất nổi bật trong Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa (Prajñāpāramitā sūtra) của Đại Thừa như là một bậc tiêu-biểu về sự hoàn thiện trí-tuệ (bát-nhã ba-la-mật-đa). (1263)

Kinh 140

1264 [Theo MA: Pukkusāti đã từng là vị vua trẻ của xứ Takkasilā và đã có

giao kết bằng hữu với Vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la) của xứ Magadha (Ma- kiệt-đà) thông qua những thương nhân đi qua lại buôn bán giữa hai nước. Trong một lần trao đổi quà tặng của hai bên, Vua Bimbisāra đã gửi cho Vua Pukkusāti một cái dĩa vàng trên đó ông đã cho khắc hình mô tả về Tam Bảo và những chủ-đề giáo pháp chính (như Bốn Niệm Xứ, Bát Thánh Đạo, 37 phần tu trợ giúp giác-ngộ). Khi Vua Pukkusāti đọc mấy hình khắc trên dĩa, ông thấy ngập tràn niềm hoan-hỷ và đã quyết định từ bỏ vương triều thế gian để đi tu. Tuy không được thụ giới chính quy, vị vua trẻ đã cạo bỏ râu tóc, khoát cà sa vàng, và từ bỏ cung điện. (Lúc này đã trở thành một thanh niên bình thường, tuy đã xuất gia những chưa thực thụ giới thành Tỳ kheo). Anh ta đã đi tới kinh thành Rājagaha (Vương Xá) với ý định được gặp Phật, Phật lúc đó ở Sāvatthī (Xá-vệ), cách Rājagaha khoảng 300 dặm.

- Đức Phật đã nhìn thấy Pukkusāti có trí biết siêu thường, và nhận ra khả năng của anh ta có thể chứng ngộ những thánh đạo và thánh quả, cho nên Phật đã lên đường đến Rājagaha để gặp anh ta. Để tránh được nhận dạng, bằng ý thần thông Phật đã làm cho những tướng nét của bậc Vĩ Nhân của mình không lộ ra, và Phật xuất hiện như một du sĩ bình thường. Phật đã vừa tới xưởng gốm không lâu sau khi Pukkusāti đã tới trước ở đó và anh ta đang chuẩn bị lên đường vào ngày mai đi đến Sāvatthī để gặp Phật. Nhưng giờ Phật đã đến và đang gặp anh ta.] (1264)

1265 [Vì Pukkusāti không biết được người mới đến chính là Đức Phật nên anh

ta đã gọi Phật bằng đại từ thân thiện là “āvuso” (bạn, hữu).] (1265)

1266 [MA: Phật đã hỏi những câu hỏi này chỉ là để bắt đầu sự đối thoại, vì

Phật đã thừa biết rằng Pukkusāti đã tự mình xuất gia đi tu (chứ chưa có một vị thầy trực tiếp nào).] (1266)

1267 [MA chú giải rằng: Vì Pukkusāti đã thanh lọc xong sự tu tập sơ cấp của

đạo và đã có khả năng chứng tới tầng thiền định thứ tư (tứ thiền) thông qua 'sự chánh-niệm hơi-thở', cho nên Phật đã bắt đầu ngay vào sự thuyết giảng về thiền tuệ [minh-sát], thuyết giảng về 'sự trống-không tột cùng' là nền tảng để chứng ngộ thánh quả A-la-hán.] (1267)

1268 [MA: Ở đây, Đức Phật thuyết giảng về những thứ không thực sự hiện-

hữu (không tồn tại) theo cách diễn đạt của những thứ không thực sự hiện- hữu; vì những yếu-tố là thực sự hiện-hữu nhưng cá nhân là không thực sự hiện-hữu. Điều này nghĩa là: "Cái mà bạn nhận thức là một 'cá nhân' có thành phần là 06 yếu-tố. Theo nghĩa tột cùng thì không có một 'cá nhân' nào ở đây. 'Cá nhân' hay 'một người' chỉ là khái niệm mà thôi."] (Ví dụ: đồng hồ chỉ là một khái niệm, nó chỉ là cái có thành phần (những yếu tố) là vỏ, kim, dây cót, các số, đó được đặt tên hay khái niệm là 'đồng hồ', theo nghĩa tột cùng không có một thực thể độc lập gọi là 'đồng hồ', và do vậy cái 'đồng hồ' có tự tính, tự ngã, hay 'linh hồn' là không thực sự có, không tồn tại). (1268)

1269 [Về 18 loại "sự khám-phá của tâm", mời coi lại kinh MN 137.8 và chú

thích 1235 ở đó.] (1269)

1270 [Nguyên văn 04 loại nền-tảng này là: Pannādhiṭṭhāna, saccādhiṭṭhāna,

cāgādhiṭṭhāna, upasamādhiṭṭhāna. Ñm, trong Ms, lúc đầu đã dịch chữ ad- hiṭṭhāna là "giải quyết, quyết tâm", nhưng sau đó đổi lại thành "kiểu diễn đạt", cả hai cách dịch đều có vẻ không thích hợp với ngữ cảnh lời kinh. MA giải nghĩa chữ adhiṭṭhāna = patiṭṭhā, rõ ràng có nghĩa là "nền tảng", và đã giải thích cả câu kinh tóm lược là như vầy: "Cá nhân này gồm có sáu yếu-tố, sáu cơ-sở tiếp-xúc, và mười tám loại sự tiếp-cận của tâm—khi người đó quay lưng khỏi những thứ này và chứng đắc quả A-la-hán, sự tu-thành tối thượng, là người đó làm như vậy khi được thiết lập trong bốn cơ-sở này." Bốn nền- tảng sẽ được làm rõ nghĩa hơn trong các mục kế tiếp, mục 12–29.] (1270)

1271 [MA: Ngay từ bắt đầu một người không nên lơ là phần trí-tuệ được sinh

ra từ sự định-tâm (thiền định) và sự minh-sát (thiền tuệ) để thâm nhập thấu

suốt trí-tuệ của thánh quả A-la-hán. Một người nên bảo trì lời-nói sự thật để chứng ngộ Niết-bàn, sự-thật tối thượng. Một người nên tu dưỡng sự từ-bỏ những ô-nhiễm (lậu hoặc) để có thể từ bỏ tất cả mọi ô-nhiễm bởi thánh đạo A-la-hán. Ngay từ đầu một người nên tu tập sự làm lắng lặng những ô-nhiễm để có thể làm lắng lặng tất cả mọi ô-nhiễm bởi thánh đạo A-la-hán. Như vậy phần trí-tuệ, sự-thật ... được sinh ra từ sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (tuệ) đã được nói đến như những nền-tảng sơ cấp để dẫn tới thành tựu những nền-tảng là trí-tuệ, sự-thật ... [sự thành tựu này chỉ riêng thánh đạo A-la-hán mới có được]. (1271)

1272 [MA: Sự không lơ là trí-tuệ ở đây được giải thích theo cách diễn đạt bằng

'sự thiền về những yếu-tố'. Sự phân tích những yếu-tố ở đây là giống hệt trong kinh MN 28, mục 6, 11, 16, 21 và kinh MN 62, mục 8–12.] (1272)

1273 [MA chú giải: Đây là yếu-tố thứ sáu, “chỉ còn lại thức” có nghĩa là nó

chưa được giảng giải bởi Phật và chưa được thấu nhập bởi Pukkusāti. Ở đây thức được giảng giải là loại thức hoàn thành cái công việc ‘thiền quán minh- sát về những yếu-tố’. Dưới tiêu đề của thức, sự quán sát về cảm-giác (thọ) cũng được đưa vào.] (1273)

1274 [Đoạn này chỉ ra sự điều-kiện (nhân duyên) của cảm-giác và sự vô-

thường của khi nhân duyên của nó chấm dứt. (còn duyên thì còn, hết duyên thì hết).] (1274)

1275 [MA nhận dạng đây là sự buông-xả của tầng thiền định sắc-giới thứ tư

(Tứ thiền). Theo MA, Pukkusāti đã thành tựu tầng thiền định thứ tư và có sự tham thú và dính nặng vào nó. Đức Phật trước tiên đề cao sự buông-xả này để khích lệ niềm-tin của Pukkusāti, rồi sau đó (từ mục 21) Phật dần dần dẫn dắt anh ta đạt tới những tầng chứng đắc vô-sắc và sự chứng ngộ những thánh đạo và thánh quả.] (1275)

1276 [Nghĩa là: Nếu người đó chứng đắc không vô biên xứ và qua đời khi (tâm

thức) vẫn đang dính-mắc theo cảnh xứ đó, thì người đó sẽ được tái sinh trong không vô biên xứ và sẽ sống hết tuổi thọ ở đó là 20.000 đại-kiếp đã được định cho cảnh giới đó. Trong 03 tầng chứng đắc vô-sắc cao hơn là thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ và phi tưởng phi phi tưởng xứ thì tuổi thọ lần lượt là 40.000,

60.000 và 84.000 đại-kiếp.] (1276)

1277 [MA: Câu này được Phật nói ra để chỉ ra sự nguy-hại trong những tầng

chứng đắc vô-sắc. Bằng cụm chữ “thì (cảnh xứ) này là có điều-kiện (hữu vi)”, Phật đã chỉ ra rằng: “Ngay cả khi tuổi thọ ở đó tới 20.000 đại-kiếp, đó vẫn là (trạng thái) có điều-kiện (hữu vi), được tạo lập, được tạo dựng mà có. Và do nó là hữu-vi, nên nó là vô-thường, không thường hằng chắc chắn, không trường tồn, còn biến đổi (vẫn còn sự hiện-hữu, vẫn còn trong vòng luân-hồi). Nó sẽ bị tiêu vong, tan rã, và tan hoại; nó còn dính trong “sinh, già, chết”, và còn dính gốc của sự khổ. Đó chưa phải là một nơi nương-nấu, một chỗ an- toàn, một chỗ tị-nạn vĩnh hằng (khỏi sự khổ đau). Sau khi hết kiếp qua đời ở đó như một người phàm, người đó vẫn có thể bị tái sinh trong một trong 04 cảnh giới đày đọa thống khổ.”] (1277)

1278 [Nguyên văn cả câu này là: So n’eva abhisankharoti nābhisancetayati

bhavāya vā vibhavāya. Hai động từ gợi ý cái khái niệm về sự cố-ý (tư) là một động lực tạo-tác sẽ tạo dựng sự liên-tục của sự hiện-hữu có điều-kiện (kiếp sống hữu vi). Sự chấm-dứt đối với ý-chí muốn được hiện-hữu hay ý chí không hiện-hữu là chỉ ra sự dập tắt dục-vọng muốn được hiện-hữu bất diệt (hữu ái) và dục-vọng muốn diệt-vong (phi hữu ái), đỉnh cao của sự chấm-dứt này là sự chứng đắc A-la-hán.] (1278)

1279 [MA nói rằng: tới lúc này Pukkusāti đã thâm nhập (chứng ngộ) 03 thánh

đạo và thánh quả, trở thành một bậc thánh Bất-lai. Và lúc này anh ta đã nhận ra người đang dạy cho anh chính là Đức Phật, nhưng do Phật vẫn đang tiếp tục thuyết giảng nên anh ta không thể hiện ra mặt hoặc làm gián đoạn lời Phật.]

- (Lưu ý: Thầy Ananda do căn cứ theo lời Phật ở cuối kinh rằng Pukkusāti khi chết là một bậc thánh Bất-lai, nên khi kết tập kinh này thầy mới gọi Puk- kusāti ngay từ đầu kinh là "ngài, thầy ấy". Tuy nhiên, để cho đúng với thực tế theo thời gian, từ đầu kinh tới giờ người dịch Việt vẫn dịch là "anh ta" để người đọc dễ hiểu, thay vì gọi ngay một người chưa thụ giới và chưa là Tỳ kheo và chưa gặp Phật là "ngài, thầy ấy, tôn giả" thì người đọc có thể thấy khó hiểu). (1279)

503 • Phần Chú Thích

1280 [Đoạn này (mục 23, 24) cho thấy sự an-trú của bậc A-la-hán trong yếu-tố

Niết-bàn còn tàn dư [tức còn những yếu-tố của sự hiện-hữu có điều-kiện] (Hữu dư y Niết-bàn giới; sa-upādisesa nibbānadhātu). Mặc dù người đó tiếp tục trải nghiệm những cảm-giác nhưng người đó không còn nhục-dục (tham) đối với cảm-giác sướng, không còn phiền-bực (sân) đối với cảm-giác khổ, và không còn ngu-mờ (si) về cảm-giác trung tính.]

- (Nhân tiện, lời đoạn kinh mẫu như mục 23 và 24 này cũng có trong các kinh: SN 12:51 (Quyển 2; đoạn (1)-(3) phần (II)) chỉ khác ví dụ; kinh SN 22:88 (Quyển 3), SN 36:07 (Quyển 4) và SN 54:08 (Quyển 5) với cùng ví dụ). (1280)

1281 [Nghĩa là: người đó tiếp tục nếm trải cảm-giác cho đến khi nào thân cùng

với các căn mạng sống (mạng căn) của nó còn tiếp tục, nhưng không vượt xa hơn đó (tức là, chừng nào còn thân thì còn nếm trải cảm-giác; thân chết là hết cảm giác).] (1281)

1282 [Câu này chỉ sự chứng ngộ yếu-tố Niết-bàn không còn tàn dư (vô dư y

Niết-bàn giới; anupādisesa nibbānadhātu)—đó là sự chấm-dứt tất cả sự hiện-hữu có điều-kiện (hữu vi) cùng với sự qua-đời cuối cùng (lần chết cuối cùng, vì không còn sinh-tử hay hiện-hữu nữa. Niết-bàn khi chết cũng được gọi là Niết-bàn cuối cùng hay Bát-niết-bàn (parinibbana).)] (1282)

1283 [Chỗ này (hết mục 25) là đã hoàn thành phần phân-giải (giảng giải, phân

tích) về nền-tảng thứ nhất [(A) Trí-Tuệ] bắt đầu từ mục 13. MA nói rằng trí- biết về sự đã tiêu diệt tất cả mọi sự khổ (về sự diệt-khổ hoàn toàn) là loại trí- tuệ thuộc thánh quả A-la-hán (có lẽ bởi vì chỉ bậc A-la-hán, bậc đã tiêu diệt mọi sự khổ, mới tự mình có được sự-biết hay trí-biết hay trí-tuệ về trạng thái đó; còn những bậc thánh thấp hơn hay người phàm thì chỉ biết thông qua sự học hiểu chứ chưa phải biết bằng sự tự chứng).] (1283)

1284 [Ở đây MA đã đề cập tới 04 loại sự thu-nạp (upadhi; (HV) sanh y): mời

coi lại chú thích 674 ở kinh MN 66, mục 14 như vầy: [Upadhi: sự thu-nạp, sự thu-nhập, sự thu-vào; (HV) sanh y. MA giải thích câu này nghĩa là: Để dẫn tới sự dẹp bỏ 04 thứ thu-nạp (upadhi)—đó là: năm uẩn (ngũ uẩn), những ô-nhiễm (lậu hoặc), những sự tạo-tác cố-ý (các hành), và năm dây khoái-lạc

504 • Phần Chú Thích

giác quan (ngũ dục-lạc) (khandh'upadhikiles'upadhi abhisankhār'upadhi kāmaguṇ'upadhi).].] (1284)

1285 [Chữ "những làn sóng nhìn-nhận" (hay làn sóng vọng-tưởng) là dịch chữ

mannussavā: giống như đoạn kinh này sẽ cho thấy, những ý-nghĩ và những ý- niệm (sự nghĩ-tưởng, sự nhận-lầm, quan-niệm này nọ) xuất phát từ 03 gốc-rễ của sự nhìn-nhận này nọ (vọng tưởng)—đó là dục-vọng (ái), sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), và những quan-điểm này nọ (tà kiến). Để coi thêm sự giảng giải đầy đủ hơn về "sự nhìn-nhận", mời coi lại chú thích 6 ở kinh MN 1, mục 3.

- Trí giả bình an hay trí giả trầm mặc, bậc mâu-ni [muni santo] ở đây là chỉ một A-la-hán.] (1285)

1286 [Thứ không còn bên trong bậc ấy, (nguyên nhân mầm móng của sự tái-

sinh), chính là dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái), chính loại dục-vọng này dẫn dắt những người chưa tẩy sạch nó sẽ còn bị tái-sinh lại sau khi chết.] (1286)

1287 MA nói rằng vị ấy đã được tái sinh trong một cõi trời trong-sạch (Tịnh cư

thiên) tên là Cõi trời Avihā (Vô-phiền thiên) và ngay sau khi tái sinh ở đó vị ấy đã chứng luôn thánh quả A-la-hán. Luận giảng MA cũng trích dẫn một bài thi kệ từ kinh SN 1:50 (Quyển 1) trong đó đã nói Pukkusāti là 1 trong 7 Tỳ kheo đã được tái sinh trong cõi trời Avihā và đã chứng đắc sự giải-thoát bằng cách siêu thoát khỏi những ràng-buộc với cõi trời.] (1287)

Kinh 141

1288 [Chỗ này chỉ bài thuyết giảng đầu tiên của Đức Phật, được nói cho 05 vị

Tỳ kheo đầu tiên ở khu Vườn Nai ở Isipatana.] (1288)

1289 [MA chú giải rằng: Thầy Xá-lợi-phất huấn luyện họ đến khi họ biết họ đã

chứng ngộ đã chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu, rồi để họ tự tu tập những thánh đạo cao hơn, rồi thầy qua dạy lứa học trò mới. Nhưng thầy Mục-kiền-liên thì tiếp tục huấn luyện những học trò đến khi họ chứng ngộ thánh quả A-la-hán.] (1289)

1290 [Các định nghĩa về sinh, già, chết cũng được nói trong kinh MN 9, mục

505 • Phần Chú Thích

22, 26. Toàn bộ phân tích chi tiết về Bốn Diệu Đế cũng có trong Đại Kinh Những Nền Tảng Chánh-Niệm (Mahāsatipaṭṭhāna Sutta, Đại Kinh Niệm Xứ) với phần giảng giải

thậm chí kỹ càng hơn về Diệu Đế 3 và 4. Mời coi thêm kinh dài DN 22.18–21.] (1290)

Kinh 142

1291 [Mahāpajāpatī Gotamī (Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di) là em của Hoàng Hậu

Mahāmāyā (mẹ của Phật), tức là dì ruột của Phật và bà cũng là vợ (thứ hậu) của vua cha Suddhodana (Tịnh Phạn), tức là mẹ kế của Phật. Sau khi hoàng hậu mất, Kiều-đàm-di thay hoàng hậu làm mẹ chăm sóc cho Phật, tức là bảo mẫu của Phật. (Nói gọn, Kiều-đàm-di vừa là dì ruột, mẹ kế, và mẹ nuôi của Phật khi Phật còn nhỏ).

- Sự việc trong kinh này xảy ra vào thời kỳ đầu Phật đi truyền đạo (sau khi giác-ngộ) và là dịp trong chuyến đầu tiên trở lại kinh thành quê nhà của mình. Sau khi vua cha Suddhodana chết, dì Kiều-đàm-di đã xin Phật chấp nhận cho những phụ nữ xuất gia và gia nhập Tăng Đoàn, và sự chấp nhận bà vào Tăng Đoàn đã đánh dấu sự ra đời của Ni Đoàn (của các Tỳ kheo ni). Câu chuyện này đã được ghi trong Luật Tạng Vin Cv Kh 10/ii.253–56 [đọc thêm Quyển "Cuộc Đời Của Đức Phật" của Tỳ kheo Nāṇamoli, trang 104–107).

- Trong kinh này có một chi tiết mâu thuẫn về thời gian rất đáng quan tâm đã được nhà sư Ajahn Sucitto ở Tu Viện Cittaviveka Monastery gửi cho tôi. Bài kinh mô tả Kiều-đàm-di là một Phật tử tại gia thành tín và đề cập tới những Tỳ kheo ni (trong mục 7 bên dưới) cứ như đã có Ni Đoàn rồi, nhưng thực tế theo các bằng chứng của toàn bộ Ba Tạng Kinh cho thấy Kiều-đàm-di là Tỳ kheo ni đầu tiên trong lịch sử giáo đoàn Phật giáo. Do vậy Ni Đoàn không thể nào ra đời và có mặt trước thời điểm sự kiện mà bài kinh này đang nói và Kiều-đàm-di đang còn là người tại gia. Chúng ta có thể giải quyết sự sai lệch này [đã không được phát hiện bởi những nhà luận giảng trước giờ] bằng cách cho rằng bài kinh gốc về sau đã được chỉnh sửa lại vào thời sau khi có Ni Đoàn với mục đích để đưa nó vào chủ đề "cúng dường cho Tăng Đoàn".] (1292)

1292 [MA: Phật đã yêu cầu bà cúng dường cho Tăng Đoàn vì Phật muốn sự

cố-ý (tư, ý hành) của việc bố-thí được hướng về cả Tăng Đoàn và Phật, vì ý- hành kết hợp đó sẽ tạo ra công-đức đưa đến ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho bà. Phật nói điều này là cũng để khích lệ những thế hệ sau này biết thể hiện sự tôn trọng đối với Tăng Đoàn, và bằng cách hỗ trợ cho Tăng Đoàn 04 thứ cúng dường thiết yếu (y phục, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang và chu cấp cho người bệnh) sẽ góp phần vào sự trường tồn của giáo đoàn và Giáo Pháp.] (1292)

1293 [Đây là 04 yếu-tố để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu theo định nghĩa của

Phật giáo. Như vậy đã rõ rằng vào thời điểm được nói đến trong kinh này, Kiều-đàm-di đã là một bậc thánh Nhập-lưu.] (1293)

1294 [MA chú giải: Đức Phật đã đưa ra giáo lý này bởi vì bài kinh đã bắt đầu

bằng món quà cho cá nhân được cúng dường cho Phật, và Phật muốn làm rõ những giá trị so sánh của một món quà cho cá nhân và một món quà được cúng dường cho Tăng

Đoàn.] (1294)

1295 [MA và MṬ đều giải thích rằng: cụm chữ này có thể được mở rộng ra để

bao gồm thêm cả (1) những người tại gia đã quy y Tam Bảo cũng như (2) những người tại gia và những Tỳ kheo có ý chí hoàn thiện sự tu tập giới-hạnh và tu tập sự định-tâm và sự minh-sát (trong số những Tỳ kheo chưa nhứng nhập hay thánh quả Nhập-lưu). Tuy nhiên, theo nghĩa thuật ngữ nghiêm ngặt của cụm chữ này thì nó chỉ đang đề cập tới những người đã có-được thánh đạo siêu thế Nhập-lưu mà thôi (tức là người đã chứng nhập trong thánh đạo Nhập-lưu và đang tu tập để dẫn đến thánh quả Nhập-lưu).] (1295)

1296 [Đây là chỉ những người thiền phi Phật giáo, họ chứng đắc những tầng

thiền định và nhiều loại trí-biết trực tiếp thế tục.] (1296)

1297 [MA chú giải nghĩa là: Trong một trăm kiếp nó sẽ mang lại sự sống thọ,

vẻ đẹp, hạnh phúc, sức mạnh, và sự thông minh, và nó giúp cho một người không còn sự khích-động (động vọng). Và những bậc chứng đắc tiếp theo sẽ được hiểu theo cách tương tự tương ứng như vậy.] (1297)

1298 [MA chú giải rằng: cho dù những quá báo thiện của những sự cúng

dường cho (những bậc thánh và những vị Phật) đều là không thể tính được,

nhưng trong sự không thể tính được vẫn có thang bậc tiến dần từ người ở thánh đạo Nhập-lưu cho tới Đức Phật toàn giác; giống như số lượng hạt nước không thể tính được trong một ao, hồ, dòng suối, dòng sông … cho tới nước trong đại dương vậy.

- Có lẽ giá trị "không thể tính được, vô lượng" của những thứ món quà cúng dường nằm ở chỗ chúng trở thành một điều-kiện trợ giúp (trợ duyên) để chứng đắc những thánh đạo, thánh quả, và Niết-bàn.] (1298)

1299 [MA chú giải rằng: Không có món quà (sự bố thí) nào được đo lượng

ngang bằng với món quà (sự bố thí) này. Đây là loại món quà mà di mẫu Kiều-đàm-di nên bố thí bằng cách cúng tặng cặp xấp vải cho Tăng Đoàn.] (1299)

1300 [MA chú giải rằng: "Những người [thành viên của] họ tộc" (gotrabhuno)

là chỉ những Tỳ kheo giả danh, những tục tăng (sẽ có rất nhiều). Họ sẽ đi đây đi đó với một mảnh vải vàng quấn quanh cổ hay tay (là phục trang biểu tượng của tăng sĩ, của bậc chân tu), trong khi vẫn đang có vợ có con và nuôi vợ con bằng những nghề buôn bán hay nông nghiệp, vân vân.] (1300)

1301 [Sự bố thí này vẫn có giá trị không thể tính được và vô lượng là do căn

cứ trên cái ý-hành bố thí của người cúng dường, không dựa trên "những người cổ-vàng" là những cá nhân mà dựa trên người nhận là Tăng Đoàn như một một tổng

thể. Nhờ đó, cái "người nhận bố thí" ở đây là gồm có những Tỳ kheo đức-hạnh trong quá khứ, những thánh đệ tử, ngay cả khi họ đã qua đời.]

- (Chỗ này ý nghĩa là: Sự bố thí hay cúng dường sẽ có được quả báo thiện nếu: (i) người bố thí có ý-hành thiện, và (ii) người nhận trong ý-hành bố thí đó là thánh Tăng Đoàn, bất chấp những người trực tiếp nhận có thể là những ác tăng hay giả tăng, thì sự cúng dường đó vẫn có được quả báo thiện lớn lao, vô lường và vô lượng. Như vậy trong đời thực, một người khi cúng dường cho Tăng Đoàn nên nghĩ mình (có tâm tư, ý hành) cúng dường cho thánh Tăng Đoàn của Đức Phật để khỏi phân vân hay lo âu vì không biết sự cúng dường của mình là đúng cho người nhận là bậc chân tăng, hiền tăng, thánh tăng hay là sai nhầm cho người nhận là giả tăng, ác tăng, tà tăng). (1301)

1302 [MA chỉ ra rằng, một món quà được cúng tặng cho một Tỳ kheo thất đức

đại diện cho toàn thể Tăng Đoàn vẫn có nhiều phước quả hơn một món quà được cúng tặng cho một cá nhân ngay cả là một A-la-hán. Nhưng đối với một món quà được dâng cúng cho Tăng Đoàn một cách đúng đắn, người cúng dường (thí chủ) phải không cần tính những phẩm-chất của người đứng ra nhận mà chỉ coi người đó là đại diện cho toàn thể Tăng Đoàn mà thôi (cho dù người đó là toàn thiện hay không, là chân tăng hay giả tăng cũng không ảnh hưởng sự cúng dường cho Tăng Đoàn và phước quả của nó, bởi vì người đó chỉ là một người đại diện nhận thay cho Tăng Đoàn mà thôi.).] (1302)

1303 [MA chú giải: Ở đây chữ "được thanh lọc" có nghĩa là "tạo được phước

quả, có phước quả".] (1303)

1304 [MA: "hết-mê" (không còn mê, không còn mê đắm, không còn mê muội)

là chỉ bậc A-la-hán. Câu cuối cùng này là chỉ một sự bố thí của một A-la-hán cho một A-la-hán khác. Mặc dù A-la-hán tin vào nghiệp quả, nhưng do bậc ấy đã không còn tham-muốn và tham-dục đối với sự hiện-hữu nên hành động sự bố thí của chính bậc ấy không tạo ra phước quả gì. Hành động đó chỉ là nghiệp chức năng (kiriya) không để lại dấu vết gì sau khi làm.] (1304)

Kinh 143

1305 [MA nói rằng: sự dính-chấp (chấp thủ) vào mắt xảy ra theo cách của

tham-muốn và nhục-dục; thức tùy thuộc vào mắt theo cách của dục-vọng (ái) và những quan-điểm này nọ (tà kiến). Tuy nhiên, do ngài Cấp Cô Độc lúc này đã là một bậc thánh Nhập-lưu, nên đối với ngài sự tùy-thuộc có lẽ chỉ dính líu dục-vọng, còn những tà-kiến thì đã được bứng bỏ bởi thánh đạo Nhập-lưu.]

- (Lưu ý: về cách dịch Việt, ở đây chúng ta nên gọi gia chủ Cấp Cô Độc bằng "ngài" bởi vì lúc này ngài đã là bậc thánh Nhập-lưu. Còn các thầy Xá-lợi- phất và Ānanda có lẽ gọi gia chủ Cấp Cô Độc là 'ông' như ngôi thứ ba khi thuật lại bài kinh, và gọi 'chú" hay 'bác' khi xưng hô nhã nhặn với vị đại thí chủ, như cách những người xuất gia thường gọi những người tại gia một cách thân mến.) (1305)

1306 [Lời tuyên bố này của thầy Ananda không phải có ý cho rằng có sự dành-

riêng hay sự phân-biệt đối xử một cách độc đoán trong cách Đức Phật truyền dạy những giáo lý của mình. Nhưng do là, những người sống đời tại gia còn phải lo cho gia đình, của cải, và nghề nghiệp thì bài giảng giáo pháp như vậy để dẫn tới sự tách-ly hoàn toàn (thoát phàm, viễn ly, xuất thế gian) sẽ không phù hợp cho hoàn cảnh của họ.] (1306)

Kinh 144

1307 [Đây là cách nói tắt về việc sẽ tự sát.] (Kinh này là giống với kinh SN

35:87. Lưu ý rằng: Tỳ kheo Channa trong 02 kinh này không phải là Channa trước kia là người lái xe ngựa của Phật khi còn là thái tử được nói trong kinh SN 22:90.) (1307)

1308 [Bằng lời tuyên bố này, thầy Channa đã hàm ý tuyên bố thánh quả A-la-

hán, và điều này sẽ được làm rõ ở mục 13 bên dưới. Cho dù lời tuyên bố của thầy ấy vào thời điểm này là hợp lệ hay chưa chắc chắn, luận giảng kinh này vẫn đang coi đây là trường hợp tự đánh giá cao về mình.] (1308)

1309 [MA nói rằng thầy Đại Cunda đang nói lời chỉ giáo cho Channa vì thầy

Đại Cunda đang nghĩ rằng thầy Channa vẫn còn là một người phàm, do thầy Channa không chịu đựng nỗi sự đau đớn và muốn tự sát.] (1309)

1310 [Ý nghĩa của lời chỉ dạy này có lẽ được chú giải với sự trợ giúp của luận

giảng MA như vầy: Một người còn tùy thuộc bởi do còn dục-vọng và tà-kiến, và trở nên không còn tùy thuộc bởi nhờ đã dẹp bỏ dục-vọng và tà-kiến bằng sự chứng đắc thánh quả A-la-hán. Sự ngã-hướng này nọ [nati: nghĩa gốc là uốn cong, uốn theo] xảy ra thông qua dục-vọng, và sự không còn sự ngã- hướng có nghĩa là không có sự khuynh-hướng hay sự tham-muốn được hiện- hữu. Không có sự đến và sự đi là nhờ đã chấm dứt sự tái-sinh và sự chết-đi; không ở đây hay ở trên hay ở giữa là nhờ đã siêu thoát khỏi thế giới này, thế giới trên, và những chỗ (cảnh giới) giữa hai thế giới đó. Đây là sự chấm-dứt những ô-nhiễm (lậu tận) và sự chấm-dứt vòng luân-hồi.

- (Mời đọc thêm chú thích số 53 ở kinh SN 35:87).] (1310)

1311 [MA giải thích: Thầy ấy đã cắt cổ của mình, ngay lúc đó sự sợ-chết ập

xuống thầy ấy và dấu-hiệu (hình tướng) của sự tái-sinh (cảnh tái sinh) đã hiện ra. Sau khi nhận ra mình vẫn còn là một người phàm thường, thầy ấy đã được phát khởi và tu tập sự minh-sát. Sau khi nhận rõ những sự tạo-tác, thầy đã chứng thánh ngộ quả A-la-hán trước khi không kịp.] (1311)

1312 [MA diễn giải: Mặc dù sự tuyên bố này [về sự không bị tội-lỗi] đã được

nói ra bởi thầy Channa khi thầy ấy vẫn còn là người phàm thường, nhưng do sự chứng đắc A-la-hán của thầy ấy xảy ra lập tức sau đó, nên Đức Phật mới trả lời thầy Xá-lợi-phất bằng cách đề cập lại chính lời tuyên bố đó của thầy Channa.

- Lưu ý rằng: sự diễn dịch như trên bởi luận giảng chỉ là sự gán ghép những thông tin từ ngoài đối với bài kinh, (không nhất thiết là luôn đúng với nghĩa của kinh); và đúng thực đó chỉ là những thông tin do diễn dịch từ bên ngoài chứ không dựa vào lời kinh. Nếu chúng ta chỉ cần bám kỹ vào lời bài kinh thì hình như thầy Channa đã là một A-la-hán khi thầy ấy nói lời tuyên bố như vậy, và nếu đúng là vậy thì đây thực sự là 'cú sốc' khi cả hai vị thánh sư huynh đã không nhận ra điều đó! Dĩ nhiên, hàm nghĩa bài kinh là: sự đau đớn hành hạ tột cùng đó cũng khiến ngay cả một A-la-hán muốn kết liễu mạng sống của chính mình—không phải do sân hận mà chỉ đơn giản là do một ý chí muốn được tự do sự đau đớn bất khả chịu đựng đó; (cũng giống kinh SN 22:87 nói về sự kết liễu thân mình của A-la-hán Vakkali vậy). Đọc lại thêm chú thích số 55 của kinh SN 35:87.)] (1312)

1313 [Những "gia đình" này được để mô tả những gia đình thân thiết đã trợ

giúp (cúng dường, tiếp tế) cho thầy Channa. Nguyên văn các chữ đó là mit- takulāni suhajjakulāni upavajjakulāni—rõ ràng là đồng nghĩa nhau. Chữ thứ ba tạo cơ hội cho một sự chơi chữ. MA giải nghĩa chữ upavajjakulāni = upasankamitabbakulāni (những gia đình được được tiếp cận, được đến gặp) [để có được những thứ thiết yếu như thức ăn, thuốc men, y phục để nuôi thân tu hành]. Theo CPD, chữ upavajja ở đây là đại diện cho chữ Phạn upavrajya; chữ theo nghĩa này thì không có trong PED, mặc dù đây chỉ là trường hợp duy nhất nó mang một nghĩa như vầy. Chữ này là chữ đồng âm với một chữ khác có nghĩa là "có tội-lỗi", đại diện cho chữ Phạn upavadya, như vậy có

nối kết với lời tuyên bố trước đó của Channa rằng thầy ấy sẽ tự sát một cách không còn tội-lỗi (anupavajja). Mời coi thêm chú thích kế tiếp bên dưới.] (1313)

1314 [Lời tuyên bố này dường như đã hàm ý thầy Channa đã là một A-la-hán

trước lúc thầy ấy tự sát, cho dù luận giảng đã diễn dịch khác (trong các chú thích trên). Khi Phật nói về những điều-kiện (yếu tố, lý do) theo đó một người là có tội-lỗi (sa-upavajja), thì chữ upavajja là đại diện cho chữ upavadya. Mặc dù ở trên MA đã giải nghĩa chính xác chữ upavajjakulāni (chú thích 1313), nhưng ở đây luận sư đó dường như không hề biết về sự chơi chữ và luận sư đã luận giải theo kiểu thầy Channa đã thực sự có tội lỗi do đã có giao lưu thân thiết với những người tại gia. Luận sư viết như vầy: "Trưởng lão Xá-lợi-phất, sau khi chỉ ra tội lỗi của thầy Channa do đã có thân mật với những gia đình (kulasaṁsaggadosa) trong giai đoạn đầu đi tu, và thầy Xá-lợi-phất đã hỏi ý rằng: 'Khi Tỳ kheo đó có những người trợ giúp (những gia đình) đó, liệu thầy ấy có thể đã chứng được bát-Niết-bàn hay không?' Đức Thế Tôn đã trả lời bằng cách chỉ ra thầy ấy không thân mật với những gia đình."] (1314)

Kinh 145

1315 [Lưu ý: Phú-lâu-na [Puṇṇa] trong kinh này là khác với ngài Phú-lâu-na

[Puṇṇa Mantāṇiputta] được nói trong kinh MN 24, là người đã được Phật tuyên bố trong kinh AN 1:196 là đệ tử đệ nhất về thuyết pháp. Tỳ kheo Phú- lâu-na trong kinh MN 145 này xuất thân từ một gia đình thương buôn sống ở thành phố cảng Suppāraka thuộc xứ Sunāparanta [ngày nay là bang Maha- rashtra, bang lớn và đông dân thứ nhì của Ấn Độ]. Trong một chuyến đi làm ăn tới Sāvatthī (Xá-vệ) thầy Phú-lâu-na đã nghe được một bài thuyết giảng của Phật, và thầy đã từ bỏ đời sống tại gia trở thành một Tỳ kheo.] (1315)

1316 [MA giải thích sự khuyên-dạy này là một sự chỉ dạy ngắn gọn về Bốn

Diệu Đế. Khoái-lạc hay sự vui-thích, sự khoái-thích (nandī) là một mặt của dục-vọng (ái). Thông qua sự khởi sinh khoái-lạc đối với mắt và những hình- sắc thì có khởi sinh sự khổ của năm uẩn. Như vậy trong phần đầu của sự khuyên-dạy này, Phật đã chỉ dạy vòng luân hồi hiện-hữu theo cách diễn đạt bằng 02 Diệu Đế đầu tiên—sự khổ và nguồn gốc sự khổ—như chúng xảy ra

thông qua sáu giác-quan.

Trong phần thứ hai của sự khuyên-dạy [mục 4] Phật chỉ dạy sự chấm-dứt vòng luân hồi theo cách diễn đạt bằng 02 Diệu Đế còn lại—sự chấm-dứt và đạo—diễn tả sự dẹp bỏ khoái-lạc trong sáu giác-quan và trong những đối- tượng của chúng.] (1316)

1317 [Nghĩa là thầy ấy đã qua đời. Chúng ta đọc thấy lúc này Phật vẫn còn

đang gọi thầy Phú-lâu-na là "người họ tộc" (kulaputta), điều này có nghĩa là thầy Phú-lâu-na đã chết sau một thời gian rất ngắn sau khi trở lại quê hương xứ Sunāparanta. Những nguồn kinh không ghi lại cách thầy ấy đã chết. Bài kinh song hành là kinh SN 35:88 thì câu chỗ này ghi rằng thầy ấy đã chết [bát-Niết-bàn] ngay trong kỳ An Cư Mùa Mưa đầu tiên ở đó (chứ không phải trong một dịp sau đó).] (1317)

Kinh 146

1318 [1 trong 8 điều luật được ban hành bởi Đức Phật khi Phật thành lập Ni

Đoàn đã quy định rằng: vào mỗi tối giữa tháng (2 tuần) Tỳ kheo ni nên đến thỉnh cầu các Tỳ kheo cử một Tỳ kheo đến chỗ các Tỳ kheo ni để giảng cho họ một bài khởi xướng (giáo giới) về Giáo Pháp. MA chú giải rằng: trong kiếp trước thầy Nandaka là một ông vua và những Tỳ kheo ni đó từng là những thê thiếp của ông. Cho nên thầy Nandaka muốn tránh phiên mình để không khuyên dạy những Tỳ kheo ni đó; vì thầy ấy nghĩ rằng có Tỳ kheo khác có trí-biết về những kiếp quá khứ (túc mạng minh), khi nhìn thấy thầy ấy đang thuyết giảng cho những Tỳ kheo ni đó, Tỳ kheo đó sẽ nghĩ rằng thầy ấy vẫn chưa thể tách-ly khỏi những thê thiếp trước kia của mình. Nhưng Phật đã nhìn thấy sự thuyết giảng của thầy Nandaka cho các Tỳ kheo ni sẽ mang đến ích lợi cho họ, và do vậy Phật yêu cầu thầy ấy vẫn thực hiện phiên mình khuyên dạy những Tỳ kheo ni.] (1318)

1319 [MA: Họ đã nhìn thấy điều này bằng trí-tuệ của minh-sát.] (1319)

1320 [Nguyên văn cả câu này: Tajjaṁ tajjaṁ paccayaṁ paṭicca tajjā tajjā ve-

danā uppajjanti. Sự gặp-nhau của mắt, những hình-sắc, và thức-mắt được gọi là sự "tiếp-xúc mắt", và đây là điều-kiện ban đầu làm khởi sinh cảm-giác

được sinh ra từ sự "tiếp-xúc mắt". Khi chấm dứt mắt là loại bỏ một trong 03 yếu-tố chịu trách nhiệm/tạo nên sự "tiếp-xúc mắt". Như vậy là chấm dứt sự "tiếp-xúc mắt", và khi nó chấm dứt thì cảm-giác được sinh ra từ sự "tiếp-xúc mắt" cũng chấm dứt.] (1320)

1321 [MA chú giải: Thầy ấy đưa ra giáo lý những chi giác-ngộ (thất giác chi)

bởi vì chỉ một mình phần trí-tuệ thì không khả năng cắt đứt những ô-nhiễm (lậu hoặc), mà chỉ khi nó đi kèm với 06 chi giác-ngộ còn lại [riêng trí-tuệ ở đây là bằng yếu-tố thứ hai: "sự điều-tra những trạng thái" (trạch pháp)].] (1321)

1322 [MA chú giải: Người chậm tiến nhất là thấp nhất về những phẩm-chất

thiện cũng đã thành bậc Nhập-lưu, còn những người có những ý-định (tư duy) trở thành những bậc Nhất-lai, Bất-lai, và A-la-hán thì họ đều thành tựu được sự viên mãn cho ý-định của họ. Bởi nhờ những kết quả lớn lao này mà Phật đã tuyên bố thầy Nandaka là đệ tử đệ nhất về "chỉ dạy những Tỳ kheo ni", (như trong kinh AN 1:229 đã ghi).] (1322)

Kinh 147

1323 [MA nói rằng bài kinh này đã được nói cho Rāhula (La-hầu-la), con trai

của Phật, sau khi thầy ấy thụ toàn-bộ giới (đại thọ giới) thành Tỳ kheo, ước chừng lúc đó thầy đã 20 tuổi.

- Kinh này cũng giống kinh SN 35:121 (Quyển 4).] (1323)

1324 [Những trạng thái (dần) chín muồi tới sự giải-thoát là dịch cụm chữ "vi-

muttiparipācanīyā dhammā". MA đã diễn dịch cụm chữ này là 15 phẩm-chất để thanh lọc 05 căn [căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh- định, và căn trí-tuệ], được gọi là, đối với mỗi căn: sự tránh-gặp những người còn thiếu căn, sự giao-lưu với những người có căn, và sự suy-xét về những bài kinh sẽ khích lệ dẫn đến sự chín muồi của căn (3x5=15 phẩm-chất). MA còn đưa ra một bộ 15 phẩm-chất khác, đó là: cũng gồm 05 căn; 05 sự nhận- thức góp phần vào sự thâm nhập, được gọi là: nhận-thức về sự vô-thường, khổ, vô-ngã, sự dẹp-bỏ và sự chán-bỏ, (về 02 sự nhận-thức cuối, coi các kinh AN 10:56, 59, 60); và 05 phẩm-chất đã được dạy cho Meghiya, được gọi là:

sự có đạo-hữu thánh thiện, giới-hạnh theo những giới luật Tăng Đoàn, sự đàm-đạo phù hợp, sự nỗ-lực (tinh tấn), và trí-tuệ [mời coi lại kinh AN 9:03; kinh Ud 4:01/36)].] (1324)

1325 [MA chú giải rằng: Những thiên thần đó là những người bạn của Rāhula

trong kiếp trước, họ đã từng phát khởi tâm-nguyện [được giác-ngộ] cùng với Rāhula khi Rāhula đang phát tâm-nguyện [được trở thành con trai của một vị Phật] dưới chân của Đức Phật Padumuttara (Bảo Liên Hoa). Họ đã tái sinh trong những cảnh giới khác nhau nhưng vào ngày này tất cả họ đang đến tụ họp ở đây trong Khu Vườn Người Mù.] (1325)

1326 [Nên lưu ý rằng bốn cái cuối cùng là bốn uẩn thuộc tâm thần (thọ, tưởng,

hành, thức). Như vậy là kinh này không chỉ bao hàm sáu cơ-sở (sáu xứ) mà cũng nói luôn cả năm uẩn, ở đây uẩn thân-sắc (sắc) đang được hàm chỉ bởi các căn cảm-nhận của thân và những đối-tượng của chúng.] (1326)

1327 [Theo MA, những thiên thần trong số đó có sự chứng ngộ thấp nhất cũng

là Nhập-lưu (đều là bậc thánh), nhưng có số đã chứng ngộ những thánh đạo và thánh quả cao hơn, có cả A-la-hán.]

- (Có sinh là có diệt; hữu sinh hữu diệt; mọi sự chỉ là sinh và diệt; sinh-diệt là bản chất của mọi thứ trong thế giới; mọi sự chỉ là sinh diệt, có mất, vô thường.) (1327)

Kinh 148

1328 [Dãy chữ này thường được dùng để mô tả về toàn thể Giáo Pháp, ở đây

được dùng để nhấn mạnh tầm quan-trọng của bài thuyết giảng Phật sắp nói ra. (toàn thiện và tinh khiết = hoàn hảo và trong sạch hoàn toàn).] (1328)

1329 [02 mệnh đề cuối trong dãy này được thấy trong công thức tiêu chuẩn của

'sự khởi-sinh tùy thuộc' (vòng duyên khởi), như vậy chúng đã được ngầm kết hợp vào trong bài kinh này giảng về "sáu cặp sáu".]

- (Do có tiếp-xúc là điều-kiện (duyên) nên khởi sinh cảm-giác; (Xúc duyên thọ; xúc sanh thọ). Do có cảm-giác là điều-kiện (duyên) nên khởi sinh dục- vọng; (Thọ duyên ái; thọ sanh ái).) (1329)

1330 [Động từ upapajjati [phiên bản PTS ghi uppajjati là sai] thường có nghĩa

là "tái hiện" hay "được tái sinh" nhưng nó cũng có cách dùng đặc biệt trong lý luận học (lô-gic) có nghĩa là "là biện hộ được, bào chữa được, chứng minh được, chấp nhận được", như nó đang được dùng với nghĩa này ở đây.] (1330)

1331 [Luận điểm này cho thấy 'nguyên lý vô-ngã' xuất phát từ tiên đề có thể

chứng minh được về sự vô-thường. Cấu trúc của luận điểm này có thể được trình bày một cách ngắn gọn như vầy: Thứ gì là bản ngã (tự ngã) thì phải là thường hằng, cố định; X được trực tiếp nhận thấy là vô thường [chẳng hạn được ấn chứng bằng sự lên và xuống], cho nên X không phải là bản ngã nào cả. (Thứ gì lên xuống, thất thường, vô

thường thì đâu phải là một tự ngã thường hằng, bất biến).] (1331)

1332 [Toàn bộ luận điểm đoạn trên được lặp lại đối với mỗi 05 thứ còn lại

trong mỗi bộ-sáu.] (1332)

1333 [MA giải thích đoạn này được nói ra để chỉ 02 Diệu Đế đầu tiên—sự khổ

và nguồn gốc khổ—theo cách diễn đạt bằng những sự ám-muội (gāha). Diệu Đế về Khổ được chỉ ra theo cách diễn đạt bằng 'danh-tính'; ở chỗ khác thì 'danh-tính' thì được định nghĩa là năm uẩn bị dính-chấp (năm thủ uẩn) [như trong kinh MN 44, mục 2]. 03 sự ám-muội là dục-vọng (ái), sự tự-ta (ngã mạn), và những quan-điểm này nọ (tà kiến), chúng lần lượt làm khởi sinh những ý-niệm 'của-ta' (ngã sở kiến), cái 'ta' (ngã kiến), và 'bản ngã của ta' (ngã chấp). 02 Diệu Đế này cùng nhau tạo nên vòng luân hồi hiện-hữu.] (1333)

1334 [MA: Đoạn này được nói ra để chỉ 03 Diệu Đế sau—sự chấm-dứt và

đạo—bằng sự từ chối 03 sự ám-muội đó. 02 Diệu Đế này cùng nhau tạo nên sự kết thúc vòng luân hồi hiện-hữu.] (1334)

1335 [MA: Đoạn này chỉ ra vòng luân hồi hiện-hữu một lần nữa, lần này là

theo cách diễn đạt bằng những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên). Về những khuynh-hướng tiềm ẩn trong tâm và sự tương quan của chúng với 03 loại cảm-giác… mời coi lại kinh MN 44, mục 25–28.] (1335)

1336 [MA: Chữ si (ngu-mờ) được nói trước là chỉ sự thiếu hiểu biết về 'sự

khởi sinh, sự biến mất, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với cảm-giác không khổ không sướng'. Còn chữ si (vô-minh) được nói sau là chỉ sự vô-minh nằm ở gốc rễ của vòng luân hồi hiện-hữu.] (1336)

1337 [MA: Khi Đức Phật lần đầu tiên nói kinh này có 60 Tỳ kheo chứng ngộ

A-la-hán: điều này là không có gì phải thắc mắc. Nhưng cứ mỗi lần thầy Xá- lợi-phất, Mục-kiền-liên, và 80 vị đại đệ tử dạy kinh này thì cũng có 60 Tỳ kheo chứng ngộ A-la-hán: điều này là rất kỳ lạ. Ở Tích Lan có Trưởng lão Maliyadeva đã dạy kinh này ở 60 chỗ khác nhau, và mỗi lần đều có 60 Tỳ kheo chứng ngộ A-la-hán. Nhưng khi Trưởng lão Tipiṭaka Cūḷanāga (Tam Tạng Tiểu Long) dạy kinh này cho một đại hội chúng gồm có đông người và những thiên thần, thì khi kết thúc bài kinh có 1.000 Tỳ kheo chứng ngộ A-la- hán, và số những thiên thần cũng vậy, chỉ duy nhất 01 thiên thần vẫn còn là phàm chúng chưa chứng A-la-hán.] (1337)

Kinh 149

1338 [MA giải nghĩa là: Khi một người không biết và không thấy mắt theo

cách của sự-biết của minh-sát và trí-biết của thánh đạo.] (1338)

1339 [Nghĩa là: dục-vọng khởi sinh và trụ lại ở mắt và những hình-sắc, tai và

những âm-thanh … và sẽ nắm giữ nó bằng sự dính-chấp (thủ), và điều này tạo ra nghiệp (kamma) có thể tạo ra một bộ năm-uẩn mới cho sự hiện-hữu (kiếp) kế tiếp.] (1339)

1340 [MA giải nghĩa là: Khi một người biết và thấy mắt theo cách của sự-biết

của minh-sát và trí-biết của thánh đạo.] (1340)

1341 [08 chi phần của Bát Thánh Đạo được đề cập ở đây dường như thuộc về

đoạn sơ cấp hoặc thế tục của đạo. MṬ nhận dạng chúng là những chi phần có-được bởi một người đang ở mức (trình độ) tu tập minh-sát cao nhất, ngay trước khi khởi lên thánh đạo siêu thế. Trong giai đoạn này chỉ có 05 chi phần đầu tiên của đạo là hoạt động; 03 chi phần còn lại thuộc nhóm giới-hạnh (chánh nghiệp, chánh ngữ, chánh mạng) đã được thanh lọc tốt trước khi bước vào thiền quán minh-sát. Nhưng khi thánh đạo siêu thế khởi sinh, thì tất cả 08 chi phần cùng xảy ra một cách đồng thời cùng nhau, 03 chi phần thuộc nhóm

giới-hạnh thực hiện chức năng bứng tẩy những ô-nhiễm (lậu hoặc) chịu trách nhiệm gây ra sự vi phạm giới-luật về lời-nói, hành-động, và sự mưu-sinh.] (1341)

1342 [MA nói: Câu này chỉ sự khởi sinh đồng thời của sự vắng-lặng (định) và

sự minh-sát (tuệ) trong thánh đạo siêu thế. Sự vắng-lặng có mặt dưới nhãn đề chánh-định, sự minh-sát dưới nhãn đề chánh-kiến.] (1342)

1343 [Đây là 04 chức-năng được thực thi bởi thánh đạo siêu thế, đó là: hoàn-

toàn hiểu sự thật về khổ, trừ bỏ nguyên nhân khổ, chứng ngộ sự chấm-dứt khổ, và tu tập con-đường (đạo) dẫn đến sự chấm dứt khổ.] (1343)

1344 [Ở đây sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (tuệ) là hàm nghĩa đại diện

cho toàn bộ Bát Thánh Đạo.] (1344)

1345 [MA nhận dạng "trí-biết đích thực" là trí-biết của thánh đạo A-la-hán;

"sự giải-thoát" là sự giải-thoát với thánh quả A-la-hán. Ở đây 02 chữ này chiếm chỗ thường được dùng cho chữ Niết-bàn, là sự diệt-khổ đích thực.] (1345)

1346 [Những đoạn tiếp theo (mục 12-14) (2), (mục 15-17) (3), (mục 18-20)

(4), (mục 21-23) (5), và (mục 24-26) (6) là lặp lại toàn bộ lời kinh như đoạn (mục 9–11 (1)), chỉ khác là thay đổi tên các căn và các đối-tượng của căn.] (1346)

Kinh 151

1347 [MA chú giải: Đây là sự chứng đắc quả-tánh-không của một A-la-hán.

Về tánh-không [sự trống-không], mời coi lại chú thích 458 ở cuối kinh MN 43 (Quyển 1) và chú thích 1144 ở kinh MN 121 ở trên, cuối mục 12.] (1347)

1348 [MA: Đây là sự an trú của một bậc vĩ nhân (mahāpurisa, đại phu, đại

nhân) như những vị Phật, những Phật Duyên Giác, và những vị đại đệ tử của những Như Lai.] (1348)

1349[Trong 05 chữ này, sự tham-muốn (chanda) và nhục-dục (tham-dục; rāga) [thường được ghi và dịch trong các kinh khác như một cặp là "tham-

muốn và nhục-dục] ở đây là 2 chữ đồng nghĩa. Còn chữ sân (dosa; ghét, sân giận) và sự ác-cảm (paṭigha; thù ghét, sân hận) là đồng nghĩa nhau.

- (Nhân tiện: 05 sự ô-nhiễm này cũng có ghi trong kinh SN 35:246 và chú thích 211 của nó ghi: 05 sự ô-nhiễm này kết hợp lại thành 03 gốc-rễ bất thiện, và khi có những sự này thì tất cả những ô-nhiễm phụ thuộc cũng có theo. 05 sự ô-nhiễm này cũng hàm chứa 12 tâm bất thiện (citta) [theo Vi Diệu Pháp Tạng—coi CMA 1:4–7.].)] (1349)

1350 [Bắt đầu từ đây chúng ta có thể nhận ra một dãy những sự tu-tập. Đó là:

Phần [2] (mục 10), sự dẹp-bỏ năm dây khoái lạc giác quan (Ngũ dục lạc) là bước đầu cần có cho sự tu-tập các tầng thiền định (jhāna). Phần [3] (mục 11), sự dẹp bỏ năm chướng-ngại (Năm triền cái) là trạng thái tiên quyết kế cận cho sự chứng-đắc tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền). Phần [4] (mục 12), sự hoàn-toàn hiểu về năm uẩn (Ngũ thủ uẩn) là chỉ trí-tuệ minh-sát cần có cho sự chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu. Phần [5] (mục 13-18) là những mục nói về 37 phần tu trợ-giúp giác-ngộ là những sự tu-tập cần có cho sự đạt đến những bậc (giai đoạn) trung gian của dòng thánh đạo (tức những giai đoạn từ thánh quả Nhập-lưu tới thánh đạo A-la-hán). Phần [6] (mục 19), nói về sự vắng-lặng và sự minh-sát (định và tuệ), mặc dù định và tuệ được áp dụng trong tất cả các giai-đoạn tu tập nói trên, những chúng được nhìn thấy được hiện thực hóa một cách đầy đủ bởi bậc thánh Bất-lai đang chuyên-cần tu (tinh cần) để đạt tới A-la-hán. Cuối cùng, phần [13] (mục 20) là trí-biết đích thực và sự giải-thoát là chỉ sự chứng ngộ thánh đạo và thánh quả A-la- hán.] (1350)

1351 [Mặc dù một A-la-hán là bậc đã hoàn-toàn chứng ngộ trí-biết đích thực

(chân trí) và sự giải-thoát thì không cần phải tu tập thêm nữa, nhưng bậc ấy vẫn tiếp tục tu dưỡng sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (tuệ) để chứng nhập trong niềm chân-phúc của các tầng thiền định, của sự chứng-đắc quả A-la- hán, và của sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tưởng).]

Kinh 152

1352 [Cụm chữ "sự tu-tập các căn" (indriyabhāvanā) ở đây nói đúng hơn là sự

tu-tập cái tâm trong sự đối ứng với những đối-tượng được trải nghiệm thông

qua các căn cảm-nhận (các giác quan). Phương diện thô sơ hơn của sự tu-tập này, là sự kiềm-chế các căn cảm-nhận (indriyasaṁvara), là liên quan đến sự kiểm soát làm chủ cái tâm theo cách để người tu không nắm giữ "những dấu- hiệu và đặc-điểm (tướng và nét; tướng chung và tướng riêng) của những sự vật hay sự việc, những nét riêng hấp-dẫn (tạo tham) và đáng-ghét (tạo sân). Sự tu-tập các căn mang (dẫn dắt) cái tiến trình kiểm soát đi suốt tới mức độ ở đó, bằng hành-động cố-ý, một người lập tức thiết lập sự minh-sát ngay cả khi đang trong dòng nhận-thức giác quan. (Tức là, ngay cả khi tâm đang trong dòng nhận-thức một đối-tượng là như hấp-dẫn hay đáng-ghét, người tu vẫn lập tức thiết lập sự minh-sát ngay đó). Ở mức độ (trình độ) cao nhất người tu đạt được năng-lực để chuyển hóa tận gốc cái ý nghĩa chủ-quan về những đối tượng được nhận-thức là này hay nọ, làm cho chúng hiện ra theo một kiểu thật sự trái với cách mà chúng thường được hiểu (ví dụ làm cho năm uẩn được nhìn thấy là 'vô-thường, khổ, vô-ngã', trái với cách người ta thường hiểu lầm nó là 'thường, lạc, hữu ngã').] (1352)

1353 [MA chú giải rằng: khi một hình-sắc đáng thích đi vào tầm của mắt, thì

một trạng thái dễ chịu (manāpa) khởi sinh; khi một hình-sắc không đáng thích xuất hiện, thì một trạng thái khó chịu (amanāpa) khởi sinh; và khi một hình-sắc trung tính xuất hiện, thì một trạng thái vừa dễ chịu và khó chịu khởi sinh. Nên lưu ý rằng, mặc dù 03 cách này thường được dùng để phẩm định những đối-tượng giác quan, nhưng ở đây chúng có lẽ cũng chỉ luôn những trạng thái thích (tham), ghét (sân), và thờ ơ (si) khởi sinh từ sự tác động của những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên). MṬ nhận dạng "điều dễ chịu" là những trạng thái thiện hay bất thiện của tâm có kết nối (câu hữu) sự vui (hỷ), còn "điều khó chịu" là những trạng thái bất thiện của tâm có kết nối sự buồn (ưu; phiền, bực), và "điều vừa dễ chịu và khó chịu" là những trạng thái của tâm có kết nối cảm-giác buông-xả.] (1353)

1354 [MA chú giải: Sự buông-xả này là sự buông-xả của sự minh-sát (vipas-

san'upekkhā). Tỳ kheo này không để cho tâm mình bị chi phối bởi tham, sân, si mà người đó thấu hiểu đối-tượng và thiết lập sự minh-sát trong trạng thái trung tính. MṬ thì chú giải câu này có nghĩa rằng người đó chứng nhập trong sự buông-xả đối với những sự tạo-tác (sankhār'upekkhā; hành xả), là một giai-đoạn đặc biệt của trí-biết minh-sát [coi Vsm XXI, 61–66].] (1354)

1355 [MṬ chú giải: 'Sự tu-tập cao nhất về các căn' = sự tu-tập thánh thiện về

các căn, là sự trấn áp tham, sân, si đã khởi sinh thông qua mắt, và 'sự thiết lập sự buông-xả' = sự thiết lập sự buông-xả của sự minh-sát.] (1355)

1356 [Ví dụ này cũng có trong kinh MN 66, mục 16.] (1356)

1357 [Mặc dù những học-nhân (sekha) đã chứng nhập vào dòng thánh đạo dẫn

tới sự giải-thoát cuối cùng, nhưng họ vẫn còn bị dính (nghiêng, thiên về) những trạng thái vi tế như thích, ghét, hay thờ ơ ngu mờ đối với những đối- tượng giác quan. Tuy

nhiên, họ trải nghiệm (coi) những trạng thái vi tế đó như những cản-trở cho sự tu tiến của mình, và do vậy người đó trở nên thấy ghê-sợ, nhục-ngã, và ghê-tởm bởi chúng.] (1357)

1358 [Một thánh nhân với các căn đã được tu tập (ariya bhāvitindriya): ở đây

là chỉ một A-la-hán.] (1358)

1359 [Vì những A-la-hán đã tẩy sạch tất cả ô-nhiễm (lậu hoặc) cùng với những

khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên), nên trong đoạn này thì ba chữ "điều dễ chịu, điều khó chịu, và điều vừa dễ chịu và khó chịu" được hiểu đơn giản chỉ là những cảm-giác khởi sinh thông qua sự tiếp-xúc với những đối-tượng giác quan, và không phải là những hơi hướng vi tế còn bị dính sự thích, ghét, và thờ ơ ngu mờ như đã được nói trong đoạn kế trước.] (1359)

1360 [Trong bộ Paṭisambhidāmagga (Phân Tích Đạo, thuộc Vi Diệu Pháp

Tạng) gọi sự tu-tập này là "thánh thần thông" (ariya iddhi) và chú giải nó như vầy [ii.212]: (i) An trú nhận-thức sự ghê-tởm (sự xấu xa, sự đáng ghét, sự ghê sợ) trong những thứ ghê-tởm là: (a) một người bao trùm một chúng sinh ghê-tởm bằng tâm-từ hoặc (b) một người chú-tâm (để tâm, tác ý) tới một đối-tượng ghê-tởm đó [sinh động hay vô tri] chỉ là một sự lắp-ghép của những yếu tố phi nhân (vô ngã) mà thôi. (ii) An trú nhận-thức sự ghê-tởm trong những thứ không ghê-tởm là: (a) một người bao trùm một người hấp dẫn (gợi dục) bằng ý nghĩ về sự ô-uế không sạch của thân, hoặc (b) người đó chú-tâm tới một đối tượng hấp dẫn [sinh động hay vô tri] chỉ là vô-thường. (iii) và (iv) Những phương pháp thứ ba và thứ tư áp dụng theo cách sự quán chiếu (i) và (ii) đối với những đối-tượng ghê-tởm và cả những đối-tượng không ghê-tởm, một cách không phân biệt. (v) Phương pháp thứ năm thì liên

quan sự không còn vui (thích) và buồn (bực) (hết hỷ hết ưu), và do vậy làm cho người tu có thể an trú trong sự buông-xả, có sự chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác).

- Mặc dù 05 cách quán-xét này được gán cho những A-la-hán (vô học nhân) như một năng-lực hoàn toàn nằm dưới sự kiểm soát của họ, nhưng trong kinh khác Phật đã dạy nó cho những Tỳ kheo vẫn còn tu-học (học nhân) như một phương pháp để chinh phục những gốc-rễ bất thiện. Mời coi thêm kinh AN 5:144 và chú thích trong đó; và một bài luận giảng đầy suy xét về kinh này bởi Trưởng lão Nyanaponika có tên là "Những Gốc Rễ của Thiện và Ác" (The Roots of Good and Evil), trang 73–78.] (1360)

+++++

TÓM TẮT CÁC KINH QUYỂN 3: NĂM MƯƠI KINH CUỐI

Chương 1: [Chương "Ở Devadaha"]

101. Devadaha Sutta: [Kinh Ở Devadaha]. Trong phần (I) Đức Phật đã xem xét những thuyết về nghiệp và nghiệp quả và sự tu hành xác khổ hạnh của những người theo đạo

Ni-kiền-tử (Jain) và đã phân tích sự đúng, sai, hữu lý, vô lý của chúng. Sau đó, Phật cũng đưa 10 cơ-sở hữu lý để bác bỏ 10 luận điểm của những những Ni-kiền-tử đó. Tóm lại, sự hành xác khổ hạnh không giúp sửa nghiệp, chuyển nghiệp hay đưa đến sự giải-thoát nào cả. Trong phần (II) Đức Phật đã giảng giải về cách chuyên-cần tu để đưa đến những kết quả. Phật đã đề nghị cho họ những cách chuyên-cần tu (tinh cần) khác hữu lý hơn và sẽ đưa đến kết quả.

102. Pancattaya Sutta: [Kinh Năm và Ba]. Bài kinh là một sự khảo sát về những quan-điểm khác nhau do suy đoán về tương lai và về quá khứ, và về những sự quan-niệm sai lầm về Niết-bàn. Đây là một kinh nói và phân tích về những loại (62) tà-kiến của những tu sĩ và những bà-la-môn.

103. Kinti Sutta: [Các Thầy Nghĩ Gì Về Ta?]. Tên bài kinh chỉ là lời dẫn dắt qua nội dung khác. Trong kinh này Đức Phật đã giảng dạy về cách những Tỳ kheo có thể xử lý và giải quyết (i) khi giữa họ có những sự khác nhau Giáo Pháp (về ý nghĩa hoặc/và câu chữ), và (ii) khi họ có sự phạm-giới và sự phạm-tội theo giới luật. Đây là một kinh nói về sự hòa giải và giải quyết đúng theo Giáo Pháp giữa các Tỳ kheo có sự bất-đồng với nhau và đối với các Tỳ kheo có sự phạm-giới và sự phạm-tội.

104. Sāmagāma Sutta: [Kinh Ở Làng Sāma]. Nhân sư kiện vị đạo sư của giáo pháp Ni-kiền-tử mới chết liền xảy ra những sự tranh chấp và chia rẽ trong giáo phái đó, Đức Phật cũng nhìn thầy nguy cơ này trong Tăng Đoàn, vì vậy Phật đã đưa ra và giảng giải những quy định và thủ tục về giới-luật để hướng dẫn cho Tăng Đoàn để duy trì và bảo đảm sự hòa-hợp trong Tăng Đoàn sau

khi Phật mất. Đây là một kinh nói về những quy định về thủ tục xử lý và giải quyết những vi phạm về giới-luật.

105. Sunakkhatta Sutta: [Kinh Nói Cho Sunakkhatta]. Sunakkhatta đã đặt vấn đề có những Tỳ kheo đã tuyên bố trí-biết cuối cùng (thánh quả A-la-hán) của mình nhưng thực ra người đó chưa chứng thánh quả đó. Từ vấn đề này, Đức Phật đã nói ra những lý do người tu chưa chứng đắc sự giải-thoát hoàn toàn. Đức Phật lần lượt nói ra những hạng người tu: (i) còn chủ tâm tới những thứ vật chất thế tục (dục lạc), (ii) những tầng thiền định sắc giới, (iii) những tầng chứng đắc vô-sắc giới, và (iv) chủ tâm tới Niết-bàn. Và cuối cùng Đức Phật đã tuyên thuyết một định nghĩa khác của sự giải-thoát là = sự chấm dứt mọi sự thu-nạp (sanh y); khi đã tiêu diệt mọi sự thu-nạp (diệt sanh y), người tu không còn bị gông cùm, không còn dính líu gì, và không còn khởi tâm quay lại những trạng thái thấp hơn.

106. Ānenjasappāya Sutta: [Đường Dẫn Tới Sự Bất-Động]. Đức Phật đã giảng giải những cách tiếp-cận tới những cấp độ khác nhau của những trạng thái thiền định bậc cao (làm cơ sở) để dẫn tới đỉnh cao là Niết-bàn. “Sự bất- động” là thuật ngữ Phật đã dùng để chỉ những trạng thái thiền định từ Tam thiền cho tới Thức vô biên xứ. Theo thứ tự bài kinh, Phật đã lần lượt giảng giải về những đường hướng dẫn tới sự bất-động, dẫn tới vô sở hữu xứ, dẫn tới phi tưởng phi phi tưởng xứ, và dẫn tới Niết-bàn.

107. Gaṇakamoggallāna Sutta: [Kinh Nói Cho Bà-la-môn Gaṇaka Mog- gallāna]. (Gaṇaka Moggallāna có nghĩa là: Kế toán Mục-kiền-liên). Đức Phật đã trình bày về "sự tu-tập tiến dần" dành cho những tu sĩ Phật giáo. Và Phật đã tự mô tả mình chỉ là "người chỉ ra con đường", còn những người tu phải tự mình bước đi trên con đường đó, phải tự mình nỗ-lực (tinh tấn) và chuyên- cần tu (tinh cần) theo phát đồ đó để tự mình giác-ngộ và giải-thoát. Bài kinh cũng khẳng định một sự thật là: "Phật chỉ là người chỉ đường", còn mỗi người phải tự bước đi trên con-đường đó, như trong kinh Pháp Cú 276 cũng đã nói.

108. Gopakamoggallāna Sutta: [Kinh Nói Cho Bà-la-môn Gopaka Mog- gallāna]. Thầy Ānanda đã giải thích về cách mà Tăng Đoàn duy trì sự đoàn- kết và những nguyên-tắc thực hiện của những Tỳ kheo sau khi Phật mất. Đây

là kinh nói về một số điều quan trọng xảy ra sau khi Phật mất. Bài kinh cũng khẳng định một sự thật là: "Không có Tỳ kheo nào là người theo từng cách và mọi cách có-được tất cả những phẩm-chất có-được bởi Phật", bởi vì Phật là người phát khởi và tạo ra con-đường, còn những Tỳ kheo chỉ là những người tu theo và an trú trong đó sau đó.

109. Mahāpuṇṇama Sutta: [Đại Kinh Đêm Trăng Rằm]. Đây là một kinh hay trọng. Một Tỳ kheo đã hỏi Đức Phật về năm-uẩn, sự dính-chấp (thủ), quan- điểm có danh-tánh (thân kiến), và sự chứng ngộ về sự vô-ngã. Và 60 vị Tỳ kheo đó đã chứng ngộ A-la-hán ngay tại chỗ.

110. Cūḷapuṇṇama Sutta: [Tiểu Kinh Đêm Trăng Rằm]. Đức Phật đã giảng giải sự khác nhau giữa một người xấu [bất chân, bất chính] và một người tốt [chân thật, chân chính], trong đó người xấu có 08 phẩm-chất xấu và người tốt có 08 phẩm chất tốt.

Chương 2: [Chương "Xảy Ra Từng Cái Một"]

111. Anupada Sutta: [Kinh Xảy Ra Từng Cái Một]. Đức Phật đã mô tả cho những Tỳ kheo về sự tu tập sự minh-sát (thiền quán) của thầy Xá-lợi-phất trong thời gian "nửa-tháng" từ lúc thầy ấy thụ giới Tỳ kheo cho đến lúc thầy ấy chứng ngộ thánh quả A-la-hán. "Xảy ra từng cái một" nghĩa là lần lượt xảy ra từng sự chứng đắc mà thầy Xá-lợi-phất đã chứng đắc: từ tầng thiền định sắc-giới thứ nhất … thứ tư, rồi tầng chứng đắc vô-sắc thứ nhất … thứ tư. Và mỗi tầng chứng đắc thiền định là một sự thoát-khỏi, và sau khi chứng đắc từng mỗi tầng đó, thầy Xá-lợi-phất đã minh sát biết được vẫn còn "sự thoát- khỏi cao hơn nữa". Cho đến khi thầy ấy chứng đắc trạng thái thiền định thứ chín là "sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác" (diệt thọ tưởng định) và quán sát lẽ sinh-diệt và vô-thường của mọi yếu-tố của những trạng thái đã qua, thầy ấy đã chứng ngộ thánh quả A-la-hán, là trạng thái không còn sự thoát- khỏi nào cao hơn nữa; đây là sự giải-thoát cao nhất, là mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh.

112. Chabbisodhana Sutta: [Kinh Sự Thanh Lọc Sáu Phần]. Đức Phật đã chỉ dạy cách để đặt những câu hỏi đối với những người tu tuyên bố trí-biết cuối cùng (tức thánh quả

A-la-hán). Và để biết người đó có thực sự chứng đắc như

vậy hay không, Phật đã nói ra cách trả lời tự nhiên mà một Tỳ kheo nếu đã giác-ngộ sẽ trả lời như vậy. Người đó sẽ trả lời về cách người đó đã thấy và biết (1) về 'bốn loại sự diễn đạt' mà Đức Phật đã nói, (2) về 'năm uẩn', (3) về 'sáu yếu-tố' (sáu giới), (4) về 'sáu cơ-sở cảm nhận bên trong và bên ngoài' (sáu nội xứ và ngoại xứ), và (5) đặc biệt người đó sẽ trả lời bằng cách kể lại một quá trình tu-tập từ lúc xuất gia cho đến lúc giác-ngộ để chứng minh về cách mà sự nghiệp tu hành đã làm cho cái 'sự tạo nên cái 'ta' (= sự tự-ta, ngã mạn), sự tạo nên cái 'của-ta' (= dục-vọng, ái), và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sự tự-ta (tùy miên ngã mạn)' được bứng sạch bên trong một người tu là người đã giác-ngộ bằng trí-biết cuối cùng đó'. Đó là cách một người giác-ngộ sẽ trả lời những câu hỏi về những phần tu nói trên.

113. Sappurisa Sutta: [Người Tốt]. Đức Phật đã đưa ra những phẩm-chất của một Tỳ kheo xấu [không chân thật] và phân biệt với những phẩm-chất của một Tỳ kheo tốt [chân thật]. Lại nữa, "những phẩm-chất của một Tỳ kheo tốt" ở đây là chỉ những phẩm-chất của một người chân tu, một người giác-ngộ, hay một A-la-hán. Cho dù là tiêu đề chung là vậy, nhưng những phẩm-chất của một người xấu (chưa phải chân tu) là của một người có cách-nhìn sai lạc, sự nhìn-nhận sai lạc, và sự tu-hành sai lạc khỏi mục-tiêu; còn những phẩm- chất của một người tốt (chân tu) là của một người có cách-nhìn đúng đắn, sự nhìn-nhận đúng đắn, và sự thực-tu đúng đắn hướng tới mục-tiêu rốt ráo.

114. Sevitabbāsevitabba Sutta: [Kinh Tu-Dưỡng và Không Tu-Dưỡng]. Đức Phật đã đưa ra 03 sự tóm-lược (đề cương, đại cương, mẫu đề) về 'những điều nên tu dưỡng' và 'những điều không nên tu dưỡng', và sau đó thầy Xá-lợi- phất đã phân-giải một cách chi tiết, và sau đó sự phân-giải của thầy ấy đã được Phật chấp thuận.

115. Bahudhātuka Sutta: [Kinh Nhiều Loại Yếu-Tố]. Đây là bài kinh quan trọng. Đức Phật đã thuyết giảng một cách chi tiết về những yếu-tố (giới), những cơ-sở cảm nhận (xứ), sự khởi-sinh tùy thuộc (lý duyên khởi), và những loại tình huống về những điều có thể có và những điều không thể có trong thế gian.

116. Isigili Sutta: [Kinh Ở Isigili]. Tên núi Isigili có nghĩa là: Cổ Họng Nuốt Những Bậc Tri Kiến. Đây là một bài kinh Phật đã liệt kê ra những tên và

những đặc điểm của những vị Phật Duyên Giác (paccekabuddha) trong quá khứ đã từng trú ở trên núi Isigili đó.

117. Mahācattārīsaka Sutta: [Đại Kinh Bốn Mươi]. Phật đã lần lượt định nghĩa những chi phần của Bát Thánh Đạo và giảng giải những mỗi liên hệ tương quan giữa chúng.

118. Ānāpānasati Sutta: [Kinh Chánh-Niệm Hơi-Thở]. Đây là một bài kinh quan trọng và nổi tiếng! Đây là một bài thuyết giảng về 16 bước trong 'sự chánh-niệm hơi-thở' và

cũng nói về sự liên hệ của sự thiền tập này với sự thiền tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ (tứ niệm xứ) và 08 chi phần của Bát Thánh Đạo.

119. Kāyagatāsati Sutta: [Kinh Chánh-Niệm về Thân]. Đây là một bài kinh quan trọng và nổi tiếng! Đức Phật đã trình bày về cách mà ‘sự chánh-niệm về thân’ nên được tu tập và tu dưỡng, và về những ích-lợi mà nó sẽ dẫn tới.

120. Sankhārupapatti Sutta: [Kinh Tái Sinh Theo Ý-Nguyện]. Đức Phật đã chỉ dạy cách một người có thể được tái sinh theo ý-nguyện của mình trong cõi người, những cõi trời sắc giới, những cõi trời vô sắc giới, và cuối cùng là một người có ý-nguyện đạt tới sự giải-thoát khỏi mọi sự hiện-hữu. Đây là một kinh nói đầy đủ về những cõi tái sinh từ người trở lên như người ta thường ước nguyện.

Chương 3: [Chương “Tánh Không”]

121. Cūḷasunnata Sutta: [Tiểu Kinh về Sự Trống-Không]. Phật đã hướng dẫn thầy Ānanda về sự “đột-phá nguyên chất, không bị lệch lạc, và tinh khiết vào sự trống-không (tánh không). Đây là một bài kinh có những thuật ngữ trừu tượng và khó hiểu cho những người mới đọc nó. (X)

122. Mahāsunnata Sutta: [Đại Kinh về Sự Trống-Không]. Sau khi nhìn thấy các Tỳ kheo càng lúc càng thích thúc sự giao lưu tụ tập, Phật đã giảng bài kinh để nhán mạnh sự cần-thiết của sự sống tách-ly (ẩn dật) để có thể an trú trong sự trống-không (tánh không). Đây cũng là một kinh hay về sự tu-tập của người xuất gia.

123. Acchariya-abbhūta Sutta: [Kinh Kỳ Diệu và Tuyệt Vời]. Trong một hội chúng lớn gồm những Tỳ kheo, thầy Ānanda đã đếm lại những (19) sự-kiện (và phẩm-chất) kỳ diệu và tuyệt vời nhất đã đã xảy ra trước và sau sự ra đời của của Đức Phật.

124. Bakkula Sutta: [Kinh Nói Bởi Bakkula]. Vị Tỳ kheo trưởng lão Bakkula đã liệt kê những sự thực-hành khổ hạnh (hạnh đầu-đà) trong suốt 80 năm thầy ấy ở trong Tăng Đoàn [đó là những phẩm-hạnh kỳ diệu của thầy ấy], và cuối kinh vị trưởng lão cho thấy một cái chết (bát Niết-bàn) lỗi lạc và kỳ diệu của mình. Đây là một trong những tấm gương tu tập tốt đẹp nhất, với sự chứng ngộ thuộc loại nhanh nhất, và sự bát Niết-bàn lỗi lạc nhất.

125. Dantabhūmi Sutta: [Những Cấp Độ Được Thuần Phục]. Bằng ví dụ về sự thuần phục một con voi, Đức Phật đã giảng giải về cách Phật đã thuần phục chuyển hóa những đệ tử của mình. Đây là một bài kinh hay và dài, vì có nhiều phần tu-tập đầy đủ như chúng cũng đã được ghi trong các kinh khác trong bộ kinh MN này.

126. Bhūmija Sutta: [Kinh Nói Bởi Bhūmija]. Đức Phật đã đưa ra một loạt 08 (4x2) ví-dụ đối nhau để mô tả sự thất-bại và kết-quả tự nhiên của Bát Thánh Đạo. Ý nghĩa của kinh này là: (i) cho dù người tu có ước nguyện hay không ước nguyện gì, nếu người đó tu tập theo đường sai (tà đạo) thì sẽ không có quả gì, vì đó là đường sai; (ii) cho dù người tu có ước nguyện hay không ước nguyện gì, nếu người đó tu tập theo đường đúng (chánh

đạo) thì sẽ có đạo quả tốt, vì đó là đường đúng. Việc thệ nguyện hay ước nguyện không thực sự là nhân hay duyên tạo ra sự tu-tiến, sự thanh-lọc và sự chứng-ngộ.

127. Anuruddha Sutta: [Kinh Nói Bởi A-nậu-lâu-đà]. Thầy A-nậu-lâu-đà đã làm rõ sự khác-nhau giữa sự giải-thoát vô lượng của tâm (sự giải-thoát của tâm vô lượng, vô lượng tâm giải-thoát) và sự giải-thoát bao la của tâm (sự giải-thoát của tâm được khuếch đại; khuếch đại tâm giải-thoát).

128. Upakkilesa Sutta: [Kinh Những Sự Không Hoàn-Hảo]. Sự không hoàn- hảo của cái tâm (cittassa upakkileso), chữ này cũng đã được dùng trong kinh MN 7, mục 3, nhưng ở đây trong kinh này nó chỉ có nghĩa là "những sự không hoàn-hảo (không hoàn-thiện) trong sự tu tập sự định-tâm". Đức Phật

đã thảo luận về những sự cản-trở khác nhau đối với sự tu tiến (tiến bộ) trong thiền tập mà chính Phật đã gặp phải trong thời Phật còn thiền tập để tìm cầu sự giác-ngộ (trước khi giác-ngộ), đặc biệt có nói nhiều về năng lực mắt thiên- thánh (thiên nhãn). Đây là một bài kinh quan trọng đối với những người đang tu tập thiền-định và đang gặp những trở-ngại như Phật đã nói ra, và cũng chỉ luôn những cách xử-lý cho những tình huống đó.

129. Bālapaṇḍita Sutta: [Kinh Người Ngu và Người Trí]. Kinh này giảng về những người ngu, do không hiểu biết Giáo Pháp và nghiệp báo nên làm đủ điều xấu ác, sau khi chết sẽ bị tái sinh trong địa-ngục hay trong cảnh súc- sinh, là quả báo của những nghiệp ác họ đã làm. Còn những người trí thì ngược lại, do có hiểu biết Giáo Pháp và nghiệp báo, giới-hạnh, và sự tu tập nên họ có thể được tái sinh trong những cõi trời hạnh phúc, là quả báo của những nghiệp thiện họ đã làm.

130. Devadūta Sutta: [Kinh Những Vị Thiên Sứ]. Đây là một bài kinh hay nói về quả báo thống khổ trong địa ngục đang chờ đợi những người làm những điều xấu ác sau khi chết ắt sẽ bị tái sinh xuống đó. Sự mô tả về sự khủng khiếp của những loại địa ngục sẽ được đọc thấy trong kinh này.

Chương 4: [Chương "Sự Phân Giải"]

131. Bhaddekaratta Sutta: [Kinh Một Đêm Xuất Sắc].

132. Ānandabhaddekaratta Sutta: [Kinh Ānanda & Một Đêm Xuất Sắc].

133. Mahākaccānabhaddekaratta Sutta: [Kinh Đại Ca-chiên-diên & Một Đêm Xuất Sắc].

134. Lomasakangiyabhaddekaratta Sutta: [Kinh Lomasakangiya & Một Đêm Xuất Sắc]. Tất cả 04 bài kinh đầu tiên này đều xoay quanh phần sự tóm-lược (đề cương, sự tóm tắt, đại cương, mẫu đề, matika) là bài Thi Kệ đã được nói ra bởi Phật để nhấn mạnh sự tu tập sự minh-sát (thiền quán) để có thể nhìn thấu mọi sự đúng như chúng thực là, và trở thành người giác-ngộ, bình-an, và giải-thoát. Và trong đó cũng đưa ra sự phân-giải về những thuật ngữ và những câu quan trọng đã được nói tóm-lược trong bài Thi Kệ.

135. Cūḷakammavibhanga Sutta: [Tiểu Kinh Phân Giải về Nghiệp]. Đây là bài kinh quan trọng về nghiệp và nghiệp quả. Đức Phật đã giảng giải về nghiệp (kamma) chịu trách nhiệm dẫn tới sự tái sinh của những chúng sinh hạnh phúc tốt lành và những chúng sinh bất hạnh đày đọa.

136. Mahākammavibhanga Sutta: [Đại Kinh Phân Giải về Nghiệp]. Đây là bài kinh quan trọng về nghiệp và nghiệp quả. Đức Phật đã giảng bày chỉ ra những sự phức hợp đa phương trong những sự vận hành của nghiệp (kamma), khác với những giáo điều đơn giản và nông cạn mà những giáo phái khác đã nói, như trong phần (Phân-giải 1) và Phật đã tổng kết quy luật nghiệp theo Phật giáo, như trong phần (Phân-giải 2). Đây được gọi là 'Bài thuyết giảng lớn về nghiệp' (Đại kinh nghiệp phân biệt) theo trí-biết của Như Lai.

137. Saḷāyatanavibhanga Sutta: [Kinh Phân Giải về Sáu Cơ-Sở]. Đức Phật đã thuyết giảng và phân giải chi tiết về 06 cơ-sở bên trong (nội xứ) và 06 cơ- sở bên ngoài (06 ngoại xứ), và những chủ-đề liên quan khác.

138. Uddesavibhanga Sutta: [Kinh Phân Giải về Một Sự Tóm-Lược]. Đức Phật đã nói tóm-lược về sự tu tập thức và sự vượt qua sự khích-động. Giống như trong kinh MN 133, các Tỳ kheo đã đến nhờ thầy Đại Ca-chiên-diên phân-giải ý nghĩ chi tiết của những điều mà Phật đã nói ra một cách tóm- lược.

139. Araṇavibhanga Sutta: [Kinh Phân Giải về Sự Không Xung-Khắc]. Đức Phật đã tóm-lược và giảng-giải về 07 điều gây nên sự xung-khắc (không hợp, không hòa hợp, không thuận lý) và những điều dẫn dắt những người tu tránh xa những điều gây ra sự xung-khắc đó.

140. Dhātuvibhanga Sutta: [Kinh Phân Giải về Những Yếu-Tố]. Đây là một bài kinh nổi tiếng với người nghe là tu sĩ Pukkusāti, trước khi xuất gia là một vị vua. Đức Phật đã đi đến Rājagaha (Vương Xá) và ghé tới xưởng gốm để trú qua đêm, và đã có Pukkusāti ở đó. Đức Phật đã thuyết giảng cho Puk- kusāti một bài kinh sâu sắc về những yếu-tố (giới), cuối cùng dẫn đến bốn nền tảng tạo nên thánh quả A-la-hán là nền tảng trí-tuệ, sự-thật, sự từ-bỏ, và sự bình-an. Cuối kinh là sự chia tay mãi mãi của vị thánh tu sĩ với trần gian.

530 • Tóm Tắt Các Kinh

Chương 5: [Chương "Sáu Xứ"]

141. Saccavibhanga Sutta: [Kinh Phân Giải về Những Sự-Thật]. Những sự- thật ở đây chính Bốn Diệu Đế. Thầy Xá-lợi-phất phân giải (phân tích, phân biệt và giảng giải) một cách chi tiết về Bốn Diệu Đế.

142. Dakkhiṇāvibhanga Sutta: [Kinh Phân Giải về Sự Cúng-Dường]. Đức Phật đã liệt kê và giảng giải về 14 loại sự cúng dường cho cá-nhân và 07 loại sự cúng dường cho Tăng Đoàn.

143. Anāthapiṇḍikovāda Sutta: [Kinh Lời Khuyên Dạy Cấp Cô Độc]. Thầy Xá-lợi-phất, và thầy Ānanda, đã được gia chủ Cấp Cô Độc thỉnh cầu đến gặp ông trên giường bệnh, và thầy đã thuyết giảng cho gia chủ Cấp Cô Độc bài thuyết giảng khởi xướng về sự không dính-chấp (vô thủ) với tất cả mọi thứ. Mọi thứ bao gồm tất cả: 6 giác-quan (sáu căn), 6 đối-tượng giác quan (sáu trần), 6 thức giác quan (sáu căn thức), 6 tiếp-xúc giác quan (sáu căn xúc), 6 cảm-giác khởi sinh từ 6 tiếp-xúc giác quan (sáu thọ), 6 yếu-tố lớn (sáu giới: đất, nước, gió, lửa, không gian, thức), 5 uẩn, 4 tầng chứng đắc vô-sắc, những thế giới (cõi, cảnh giới), và cuối cùng là "thứ được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận biết, được bắt gặp, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm". (Đây cũng là bài kinh cuối cùng về gia chủ Cấp Cô Độc, vị đại thí chủ của Phật, vì sau khi nghe kinh này vị ấy đã qua đời và tái sinh trong cõi trời Đâu-suất.)

144. Channovāda Sutta: [Kinh Lời Khuyên Dạy Channa]. Ngài Channa bị bệnh nặng, đau đớn gần chết đến nỗi thầy ấy muốn dùng dao tự vẫn. Hai vị sư huynh là Xá-lợi-phất và Đại Cunda đã đến thăm và nói những lời khuyên dạy cho thầy Channa. Sau khi họ ra về, thầy Channa đã dùng dao để kết thúc sự đau đớn thống khổ do thân bệnh. Thầy ấy nghĩ mình đã là A-la-hán, trong khi hai vị sư khuynh thì cho là không. Và Phật đã xác nhận thầy ấy là một A- la-hán. (Kinh SN 22:90 là giống hệt kinh MN 144 này. Kinh này có chi tiết dùng dao làm xúc động và gợi nhớ tới kinh SN 22:87 trong đó Tỳ kheo A-la- hán Vakkali cũng đã dùng dao để kết liễu sự đau đớn không thể chịu nỗi vì thân bệnh).

145. Puṇṇovāda Sutta: [Kinh Lời Khuyên Dạy Phú-lâu-na]. Đây là một bài

kinh hay về hạnh nhẫn-nhục của người tu. Thầy Phú-lâu-na sau khi nhận được bài giảng ngắn gọn từ Đức Thế Tôn, đã quyết định trở lại cố hương Sunāparanta để trú ở, tu hành, và truyền bá Giáo Pháp. Phật đã hỏi thầy ấy cách nào để vượt qua bản tính hung bạo của dân Sunāparanta, và sau khi thầy Phú-lâu-na đã trả lời, Phật đã khen ngợi và tác thành cho thầy ấy đi. Phần chú giải sẽ cho thấy thêm về sự thành tựu, sự chứng ngộ cũng như sự qua đời sớm của thầy Phú-lâu-na, là một tấm gương đáng kính phục và noi theo.

146. Nandakovāda Sutta: [Kinh Lời Khuyên Dạy từ Nandaka]. Ngài Nandaka đã nói cho 500 Tỳ kheo ni bài thuyết giảng về sự vô-thường và tất cả các ni sau khi nghe đều giác-ngộ. (Thầy được Phật tuyên bố đệ tử đệ nhất về thuyết pháp cho các Tỳ kheo ni.)

147. Cūḷarāhulovāda Sutta: [Tiểu Kinh Lời Khuyên Dạy Rāhula]. Đây là một bài thuyết giảng để dẫn dắt thầy Rāhula đến sự chứng ngộ thánh quả A-la- hán. Chủ đề là nói về sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) để hoàn-toàn hiểu chúng là vô thường, khổ, và vô ngã.

148. Chachakka Sutta: [Kinh Sáu Bộ Sáu]. Đây là một bài kinh đặc biệt sâu sắc và thâm nhập về sự thiền-quán về tất cả những thành phần của sự trải- nghiệm giác quan để thấy chúng đều là vô-ngã. 06 thành phần đó gồm: sáu cơ-sở bên trong (sáu nội xứ); sáu cơ-sở bên ngoài (sáu ngoại xứ); sáu loại thức (sáu thức); sáu loại tiếp-xúc (sáu xúc); sáu loại cảm-giác (sáu thọ); sáu loại dục-vọng (sáu ái); tất cả đều nên được hiểu (liễu ngộ)

để thấy tất cả đều là vô-ngã. Và đây là một trong những đường đi dẫn tới sự giác-ngộ, sự giải- thoát.

149. Mahāsaḷāyatanika Sutta: [Đại Kinh về Sáu Xứ]. Đây là một bài kinh rất hay. Đức Phật nói về ý nghĩa: (I) Cách mà cách-nhìn sai lạc về sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) dẫn tới sự trói-buộc trong tương lai, và (II) cách mà cách-nhìn đúng đắn sẽ dẫn họ đến sự giải-thoát. Với ý nghĩa đó, trong phần (II) Phật đã giảng giải sự thành tựu cách-nhìn đúng đắn về sáu xứ sẽ dẫn đến 07 phần đúng đắn khác của Bát Thánh Đạo, và khi người tu tu tập các chi phần của Bát Thánh Đạo thì người đó sẽ hoàn thiện 37 phần trợ giúp giác-ngộ (từ Tứ Niệm Xứ … Thất Giác Chi), và đạt đến đỉnh cao của sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (tuệ) để chứng đắc sự giải-thoát, sự giác-ngộ, Niết-bàn.

150. Nagaravindeyya Sutta: [Kinh Nói Cho Dân Làng Nagaravinda]. Đức Phật đã giảng giải cho những bà-la-môn ở làng đó: (i) loại tu sĩ (sa-môn) và bà-la-môn không nên được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính; và (ii) loại tu sĩ và bà-la-môn nào một người không nên được tôn vinh … tôn kính; và (iii) những lý do và bằng chứng để biết được những loại tu sĩ và bà-la-môn đã nói trên.

151. Piṇḍapātapārisuddhi Sutta: [Kinh Sự Thanh Lọc Thức Ăn Khất Thực]. Đức Phật dạy thầy Xá-lợi-phất cách một Tỳ kheo nên quán xét lại bản thân mình để tu tập và làm cho mình được xứng đáng với thức ăn khất thực. Với ý nghĩa này, trong bài kinh, Phật đã lần lượt nói lại 13 nhóm sự tu-tập của đạo Phật (gồm tất cả 37 phần tu trợ giúp giác-ngộ, Bát Thánh Đạo, Định và Tuệ …). Thức ăn khất thực của một người tu được thanh lọc bằng chính sự tu tập và thành tựu của người đó! (Nếu không tu thành hay không có được thành tựu chứng ngộ gì, thì người tu được coi là người mang nợ xứ xở và những thí chủ vì những thức ăn (và những thứ khác) mà họ đã cúng dường cho mình).

152. Indriyabhāvanā Sutta: [Kinh Tu Tập Các Căn]. Đức Phật đã giảng giải (i) về 'sự tu-tập cao nhất (vô thượng) về sự kiểm soát các căn cảm-nhận' (các giác quan), (ii) theo cách nào là 'một đệ tử đang trong sự tu-học bậc cao, là những người đã chứng nhập trong thánh đạo' (bậc học-nhân), và (iii) theo cách nào là 'một bậc thánh với các căn đã được tu tập' (bậc vô học nhân, A-la-hán) làm chủ những nhận-thức (tưởng) của họ.

+++++

(a) Về bản dịch, quý độc giả có sự thắc mắc, góp ý, tra cứu, hoặc xin nhận bản in giấy ấn tống, liên hệ người dịch: email: lekimkha@gmail.com, hoặc nhắn tin/điện thoại: 0909503993, hoặc liện hệ Thư Viện Chùa Bửu Quang, Bình Triệu, Thủ Đức, điện thoại: 0908475521 (chú Bính) hoặc 0918735176 (sư cô Quang Kiến);

(b) Hoặc liên hệ anh Huỳnh Văn Thịnh, email: huynhvanthinh@gmail.com, hoặc điện thoại: 0363316764.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.